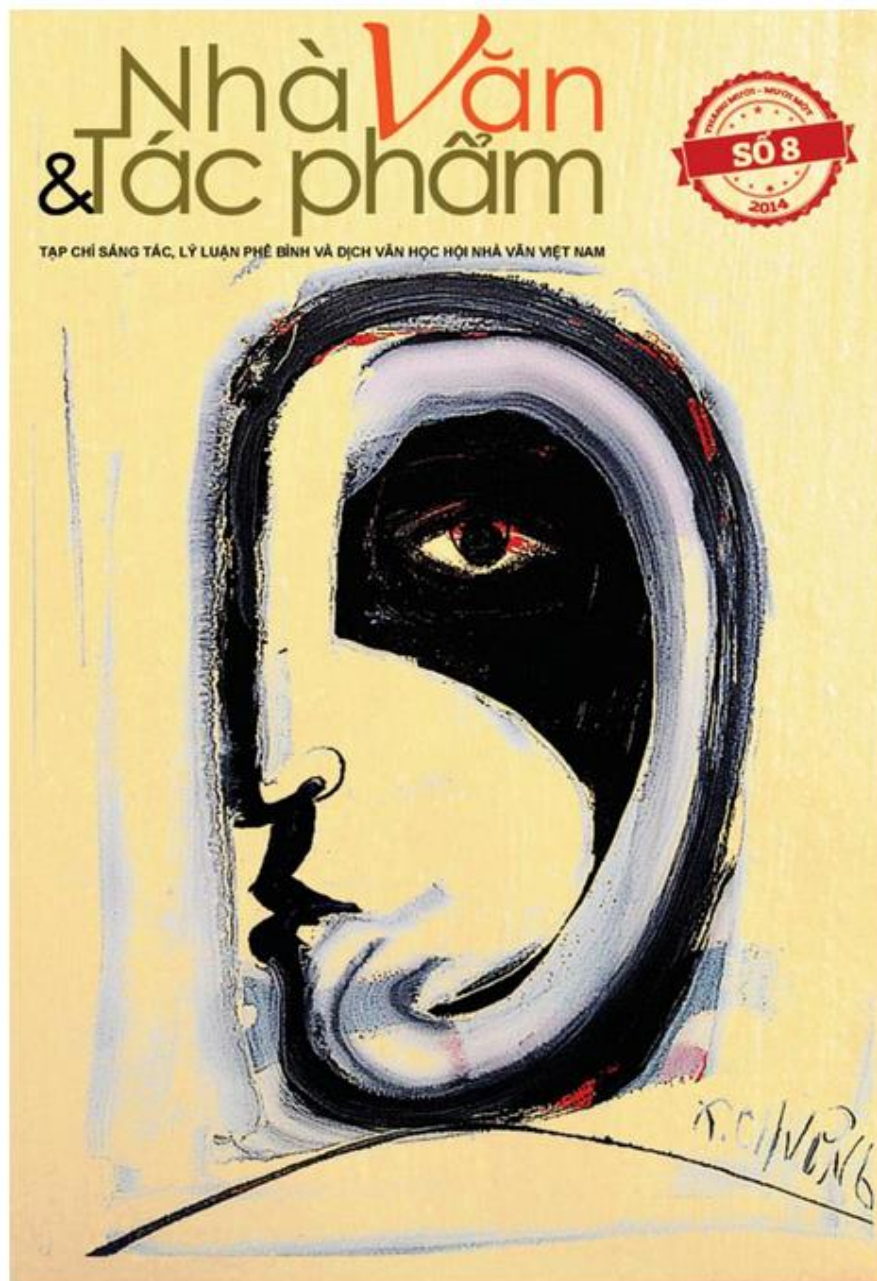




Mục lục

Nhà văn với Thời cuộc: Tôi đã nghĩ gì ở Bàn Môn Điểm?

Bàn tròn Văn học: Dấu ấn Nguyễn Đình Thi

Bút ký phóng sự: Ngày nhân chín sen tàn

Tác phẩm mới: Chùm mỗi tác giả trẻ một truyện

Truyện ngắn: Đi qua đồng cỏ

Truyện ngắn: Khúc dạ cổ

Truyện ngắn: Thác Bà Diên

Truyện ngắn: Mùa hoa cải

Truyện ngắn: Rằm tháng bảy

Truyện ngắn: Giấc mơ cánh cò

Chùm hai truyện ngắn của Hoàng Bình Trọng

Thơ Triều Vân

Thơ Nguyễn Đình Ánh

Thơ Thái Hải

Thơ Đỗ Minh Dương

Thơ Đoàn Văn Thanh

Thơ Đoàn Văn Thanh

Thơ Lan Hoàng Miên

Thơ Trần Hưng

Thơ Trần Lan Vinh

Thơ Nguyễn Thế Vinh

Thơ Nguyệt Vũ

Nhà văn Nghề văn: Chuyện ít biết về gia đình tác giả
"Cửa mở" gây chấn động một thời

Tiểu luận phê bình: Văn học trong hai cuộc chiến tranh
và một đội ngũ nhà văn cầm súng

Số phận con người trong thảm họa chiến tranh Việt Nam
qua một số tác phẩm văn học thời kỳ hậu chiến

Cảm quan thẩm mỹ của Mai Văn Phấn trong "Bầu trời
không mái che"

"Chiếu nghỉ" giữa khoảng thơ

Nhà văn đọc sách: Phía sau trận chiến - Tập sách đậm
mùi chiến trận

Khởi từ truyền thống đến hiện đại

Chùm ba tác giả văn xuôi mới

Văn học nước ngoài: Văn học hiện đại Ấn Độ

Việt Nam nhìn từ bên trong

Tư liệu

NHÀ VĂN VỚI THỜI CUỘC: TÔI ĐÃ NGHĨ GÌ Ở BÀN MÔN ĐIỂM?

Y Ban

1. Paju Bookcity thuộc tỉnh Gyeonggi-do tập trung hơn nửa các nhà xuất bản của Hàn Quốc, vì vậy nó mới có tên gọi là thành phố sách. Từ năm 2001 đến nay cứ vào mùa thu ở đây lại diễn ra festival sách với các chủ đề khác nhau. Năm nay festival được diễn ra từ ngày 3-12/10/2014 với rất nhiều hoạt động. Trong đó có một cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề Thần thoại châu Á, các nhà thơ, nhà văn Việt Nam, Thái Lan, Hàn Quốc và Ấn Độ đã được mời tham dự. Để thu hút trẻ em đến festival sách, ban tổ chức còn mời các diễn viên múa của Ấn Độ, Indonesia, Malaysia đến biểu diễn và dạy cho các em bé đến xem những động tác múa dân gian. Người kể chuyện đến từ Mông Cổ, Nhật Bản đến để kể các câu chuyện cổ tích. Từ các thành phố khác những người yêu sách Hàn Quốc đã đến đây, không chỉ là những người trẻ mà cả những người già và các em bé. Họ vui vẻ và hạnh phúc trong không gian ngập tràn sách và nắng.

Tôi đã đi bộ để tham quan thành phố Paju, tôi bỗng nhận ra ở đây có nhiều trại lính. Ngày cuối tuần những chú lính được trở về nhà trên các xe quân sự. Tôi còn nhìn thấy nhiều người

mẹ trẻ đến tận cửa doanh trại để đón con. Vậy là sự ngẫu nhiên hay là cố ý sắp đặt? Sách và người lính? Chiến tranh và Hòa bình? Rất đơn giản tỉnh Gyeonggi-do là tỉnh biên giới và có một ngôi làng rất nổi tiếng là Bàn Môn Điểm.

Tại Paju Bookcity tôi đã gặp dịch giả Ha Jae Hong, người đã dịch *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh...ra tiếng Hàn Quốc. Sự đặc biệt là con trai nhỏ trong lòng anh, cháu bé mới chưa đầy 4 tuổi mà đã biết đọc thông thạo. Cháu bé ăn chơi, phát triển như những cháu bé cùng tuổi, chỉ có điều khác biệt là thú vui nhất của bé là tự đọc sách. Bé ngủ ngon lành trong nôi mặc cho mọi người nói chuyện. Chờ mãi cháu mới tỉnh. Bố bảo bé: Chào cô (tiếng Việt Nam). Bé nói lại không ngọng chút nào: Chào cô. Bố chỉ dòng chữ trên bảng rôn cho bé, vừa ngái ngủ bé vừa đọc: Paju book so ri. Tôi mê đắm nhìn bé và mơ ước, giá như tất cả trẻ em đều như em bé này thì các nhà văn đều thành tỉ phú. Chưa mơ xong giấc mơ tôi đã bỗng toát mồ hôi. Một nỗi sợ vô hình xâm chiếm. Xã hội chúng ta, phàm ai viết gì cũng là nhà văn? Thôi các em bé ơi, các em hãy cứ là những đứa trẻ ham chơi nhé. Cuộc đời tươi đẹp lắm. Thiên nhiên tươi đẹp lắm. Phía ngoài các bức tường sách kia nắng rờ rờ. Nắng lung linh trên các tán lá và trên mũi chú người gỗ Pinocchio*, trước bảo tàng Pinocchio. Và Pinocchio là ai? Là chú người gỗ mà cha đẻ là nhà văn Ý Carlo Collodi đã sáng tạo nên. Sao suy nghĩ của tôi lại lộn xộn thế này? Thì ra tôi đang tự lượng giá cái mác nhà văn mà tôi đang khoác lên mình.

Rất nhiều du khách đến đây đã ngưỡng mộ sự trang trí sách trong các khách sạn, trong quán cà phê..với các ô vuông đầy ấn tượng. Nhà văn Kim Namil, Phó Chủ tịch Hội nhà văn Hàn Quốc thì lại hài hước nói: Đây là nấm mộ chôn sách khổng lồ, mặc dù trong một ô tò vò kia có các cuốn sách của anh.

Tôi đã cười ngất về cách anh ví von. Rồi tôi ra ngắm lại bức tường sách. Ô thì ra rất đúng. Các ô vuông kia rất giống với các ô đựng tro cốt. Với các nhà thiết kế một ô vuông phải giống như một tế bào để nó có thể xây cất lên đền đài và cả hầm mộ. Cũng giống như nhà văn, khi anh ta viết ra một cuốn sách thì nó chỉ của riêng anh ta mà thôi. Và khi nó được xuất bản thì hoặc nó sẽ thành tri thức của nhân loại. Hoặc nó chui tọt vào nấm mồ. Ở ta cũng có một nấm mồ khổng lồ: Lưu chiêu.

2. Năm 2004, lần đầu tiên đến đất nước Hàn Quốc, đoàn nhà văn Việt Nam đã đến thăm Bàn Môn Điểm, một ngôi làng ở tỉnh Gyeonggi, là giới tuyến phân cách Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên. Tại đây, vào năm 1953, Hiệp định ngừng Chiến tranh Triều Tiên được ký kết. Tòa nhà nơi Hiệp định được ký kết vẫn còn tồn tại đến ngày nay, mặc dù nó nằm ở phía bắc giới tuyến, nằm giữa Khu phi quân sự Triều Tiên (DMZ). Khi đó chúng tôi đã đứng trên cây cầu nhỏ được được ngăn đôi bằng hàng rào kẽm gai. Trên hàng rào kẽm gai phơi những tấm áo của ai đó mang đến để như gửi hơi ấm cho người phía bên kia hàng rào. Tôi đã đeo kính đen để cho người bên cạnh không nhìn thấy giọt nước mắt của tôi. Giọt nước mắt chạnh lòng. Khi ấy gần 30 năm đã trôi qua nhưng cây cầu Hiền Lương vẫn sống động trong tôi là vì cha tôi. Năm 1972, là y sỹ ông đã đi B qua cây cầu đó để vào chảo lửa Quảng Trị. Thực ra chính tôi cũng không nhớ ông có qua cầu Hiền Lương để vào Nam hay qua đoạn nào đó mãi trên thượng nguồn sông Bến Hải - Sebanghieng, nhưng năm 1975 ông trở về, trong câu chuyện với các con là những kỷ niệm sống động của ông với cây cầu khi ông không chỉ qua cây cầu lượt đi và lượt về như bao đồng đội khác của ông. Tôi khi ấy 11 tuổi nhưng tôi đã trải qua 2 lần đi sơ tán. Tôi đã chứng kiến đám tang chung của cả làng khi mười người đàn ông của làng chết chung một hầm khi được thuê về thành phố chuyển đồ đạc. Tôi đã chứng kiến

những giọt nước của người đàn bà bụng mang dạ chứa tiền chồng vào chiến trường chính là mẹ tôi. Tôi đã an ủi mẹ bằng một giọng điệu của bà cụ non, mẹ lo lắng làm gì, bà nội xem bói cho bố bảo hơn 60 tuổi bố mới chết cơ.

Tôi đã vục mặt vào một tấm áo phơi trên dây kẽm gai để thử xem nó có còn hơi người không? Chỉ còn mùi sương gió. Tôi đã nhìn thật xa về phía bên kia hàng rào kẽm gai xem đất có khác gì đất không? Núi có khác gì núi không? Và mây có khác gì mây không? Vẫn là mây đầy đất đầy và chung một dải núi đầy. Và trong lòng tôi có một sự hạnh phúc trọn vẹn. Tôi được sống ở một dải đất không bị chia cắt. Tôi hãnh diện và biết ơn bố tôi, các đồng đội của ông và cả chính tôi nữa, một cô bé còm nhom đã cùng với mẹ vượt qua những ngày khó khăn nhất chờ bố trở về.

Mười năm sau tôi quay lại nơi đây, không chỉ ở Bàn Môn Điểm, chúng tôi được đi tham quan thêm 3 địa điểm khác nữa trong Khu phi quân sự Triều Tiên (DMZ) là Nhà ga cuối cùng, Đường hầm và Thôn Thống Nhất. Mưa tầm tã. Vì là nơi nhạy cảm nên khách nước ngoài phải đưa hộ chiếu mới được mua vé tham quan và khi vào khu vực quân sự kiểm soát lại phải trình hộ chiếu lần nữa. Trong khi chờ đến lượt của mình tôi ngồi nhấm nháp trà nóng ở quán cà phê trên sân thượng. Ở đó khá gần với hàng rào kẽm gai. Hai thửa ruộng đều đang chín vàng, sắp đến vụ gặt. Người nông dân nào sẽ gặt ở hai thửa ruộng này? Trước khi đi một người bạn vong niên dặn tôi, chị chớ có lơ đãng đến gần hàng rào kẽm gai nhé, mìn gài đầy đấy, tan xác. Tôi đã có kinh nghiệm của một người dân trải qua hết cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác. Tôi chỉ đứng từ xa và quan sát.

Hơn 60 năm chia cắt, một đứa trẻ bây giờ cũng đã thành một

người già, hơi ẩm đã bay hết, tấm áo cũng đã tiêu hủy xong. Còn lại cái gì? Trong đoàn khách tham quan hôm ấy có rất đông trẻ em. Chúng ở một trường THCS. Không biết thầy cô giáo đã dạy cho chúng những gì, chúng hăm hở bước dưới trời mưa tầm tã. Chúng chen nhau bên những ống nhôm. Mưa mịt mù, tầm nhìn xa chỉ vài mét, có qua ống nhôm cũng chỉ mịt mù mưa giăng. Tôi không biết bên kia giới tuyến có đặt các đài quan sát như bên này? Và những người có chung huyết thống ở hai phía kẽm gai có đến đây để hướng về nhau không? Hay chỉ toàn là những người khách phương xa như tôi, tò mò là chính và các em bé đến đây học để không quên quá khứ?

3. Ở tỉnh Deagu, quê hương của Tổng thống Hàn Quốc Park Chung Hye đang diễn ra cuộc triển lãm ảnh *Xin lỗi Việt Nam*. Rất may mắn tôi đã được xem triển lãm này. Căn phòng để triển lãm ảnh khá nhỏ và những bức ảnh cũng không lớn. Triển lãm chỉ gồm gần 100 bức ảnh cỡ 20x30 cm của hai tay máy không chuyên. Song Phil Kyung là bác sỹ nha khoa và Park Jin kwan là nhà báo. Khách đến xem khá đông. Trong những người khách đến xem có hai nhà nhiếp ảnh gia. Khi xem những bức ảnh họ đã òa khóc. Họ khóc vì những ánh mắt của mẹ già cụt chân và nụ cười của người mù đang cầm đàn ghi ta hát. Họ nói họ chưa đến Việt Nam. Cuộc triển lãm này đã kể chuyện một câu chuyện sống động về đất nước con người Việt nam, cả quá khứ và hiện tại. Đó là mẹ Phạm Thị Hoa, người đã mất cả đôi bàn chân trong vụ thảm sát của Lữ đoàn Rừng Xanh gây ra ở Hà Mi, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam. Đó là Đoàn Nghĩa, nạn nhân sống sót ở Bình Hòa, Quảng Ngãi, khi đó mới 6 tháng tuổi nhưng đã bị mất cả hai mắt. Đó là nụ cười của các thiếu nữ ngồi ăn quà vặt trên phố. Đó là khoảng trời trong xanh bình yên đến ngây lòng...

Và sao lại Xin lỗi Việt Nam? Giáo sư Lee Jung Woo người đã có mặt trong triển lãm đã phát biểu suy nghĩ: Không thể nào có một lời biện minh cho việc giết hại người vô tội, giết hại dân tộc khác để lấy tiền xây dựng hay phát triển đất nước. Hơn 80% người dân Hàn Quốc không biết về điều này. Không thể để cho ai đó thay mặt người dân Hàn Quốc khép lại quá khứ. Nếu không bản khoản về quá khứ thì sao mở ra tương lai tốt đẹp?

Chúng tôi đã và sẽ làm mọi việc để người dân Hàn Quốc hiểu ra vấn đề, là cách họ sẽ lựa chọn người lãnh đạo biết nhìn nhận đúng lại vấn đề.

Bác sỹ nha khoa Song Phil Kyung, Chủ tịch Hội y tế Hàn Quốc vì hòa bình Việt Nam, là một trong hai chủ nhân của cuộc triển lãm đã chia sẻ: Tôi đã đến Việt Nam từ năm 2001. Tôi đã đi qua các tỉnh Hà Nội, Phú Yên, Huế, Điện Biên Phủ, Ninh Bình, Quy Nhơn, Bình Định, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Cao Bằng, Nghệ An... Khi đến đó chúng tôi đã khám chữa bệnh và phát thuốc cho những người dân ở đây. Chúng tôi góp tiền để xây dựng quỹ học bổng cho trẻ em ở xã Bình Hòa, Quảng Ngãi...Ngoài thời gian khám chữa bệnh tôi đã chụp ảnh con người và đất nước Việt Nam. Đất nước Việt Nam rất đẹp. Con người Việt Nam thân thiện, chỉ cần tôi đưa máy ảnh nên đã nhận được một nụ cười. Chúng tôi sẽ còn làm nhiều việc khác nữa để nhiều người dân Hàn Quốc biết, trong quá khứ Hàn Quốc đã giết hại nhiều người dân vô tội của Việt Nam. Chúng tôi phải xin lỗi Việt Nam. Đành rằng quá khứ phải khép lại nhưng không thể khép lại mà không có lời xin lỗi. Đó chính là cội rễ của vấn đề. Nếu chưa đưa được ra lời xin lỗi chính thức Việt Nam thì cũng chưa thể mở ra một tương lai tốt đẹp. Vì vậy theo tôi hãy phải đưa ra lời xin lỗi Việt Nam trước khi khép lại quá khứ. Chính vì điều này mà chúng tôi

mở triển lãm *Xin lỗi Việt Nam*.

Tôi ám ảnh bởi lời của GS Lee Jung Woo khi ông cho rằng, không cho phép ai đó thay mặt người dân Hàn Quốc để khép lại quá khứ, khi chưa đưa ra một lời xin lỗi chính thức. Điều này đồng nghĩa với việc hãy để cho người dân Việt Nam được biết đến một lời xin lỗi, chứ không thể vội vàng khép lại quá khứ.

* Bạn đọc lớn tuổi biết đến nhân vật này qua *Chiếc chìa khóa vàng hay truyện ly kỳ của Buratinô* của nhà văn Nga A.Tôn-xtôi phóng tác từ nhân vật Pinocchio(BT)

BÀN TRÒN VĂN HỌC: DẤU ẤN NGUYỄN ĐÌNH THI

*(NV&TP) Nhà văn Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003) là một trong những thành viên của Hội Văn hóa Cứu quốc từ năm 1943 (phụ trách báo **Độc lập** và tham gia biên tập **Tạp chí Tiền phong**; năm 1945 là Tổng thư ký của Hội) là tổ chức tiền thân của Hội Văn nghệ Việt Nam và chính là thời kỳ ông làm Tổng thư ký Hội, (1956 – 58) từ tổ chức này đã sinh thành ra Hội Nhà văn Việt Nam năm 1957. Từ năm 1958 ông làm Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam các khóa I, II và III. Nguyễn Đình Thi là đại diện của Hội Văn nghệ Việt Nam dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào, trở thành Ủy viên Ủy ban Giải phóng dân tộc của Cách mạng Tháng 8; là Đại biểu, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa I, thành viên Ban soạn thảo Hiến pháp 1946. Ông mất khi đương chức Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, năm 2003.*

Nhà văn Nguyễn Đình Thi là nhà quản lý văn nghệ lâu năm, cùng văn nghệ trải qua những bước thăng trầm vào đúng giai đoạn hào hùng, gian lao đau đớn nhưng kiêu hãnh của lịch sử dân tộc; là người sáng tạo, ông lại là một nghệ sĩ đa tài, thành công ở rất nhiều thể loại và loại hình nghệ thuật: làm nhạc, thơ; viết truyện ngắn, tiểu thuyết; soạn kịch bản sân khấu; nghiên cứu triết học và phê bình tiểu luận... Do đó, một vài bài viết sẽ rất khó nói đủ, nói hết được về ông – dù chỉ là sơ lược; để

kỷ niệm 90 năm sinh nhà văn Nguyễn Đình Thi, chúng tôi mời tại Bàn tròn văn học lần này, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, nhà thơ – nhạc sỹ Nguyễn Trọng Tạo, nhà lý luận – nhà văn Trịnh Đình Khôi, nhà nghiên cứu Nhật Hoa Khanh và nhà văn Nguyễn Đình Chính. Nhưng ngay cả như thế, chúng tôi cũng chỉ dám mong ghi nhận tại đây những ý kiến ban đầu, những kỷ niệm, những cảm nhận trước di sản đồ sộ ông đã để lại cho chúng ta. Nếu những nghĩ ngợi về nghệ, những dấu ấn nghệ thuật của ông được khơi mở; nếu ý thức dành cả đời tìm kiếm, bước đi nào cũng là bước đầu tiên trên con đường sáng tạo đầy phiêu lưu mạo hiểm của ông được nhắc nhở thì tức là tinh thần dân thân toàn triệt của ông cho văn học nghệ thuật vẫn còn đang đồng hành cùng chúng ta.

NGUYỄN TRÍ HUÂN: Hôm nay *Tạp chí Nhà văn & Tác phẩm* tổ chức cuộc gặp để chúng ta cùng nhau nhớ nghĩ đến một người đã để lại dấu ấn rất sâu đậm đối với nền văn học và Hội Nhà văn Việt Nam nhân 90 năm ngày sinh của ông. Chúng tôi không tham vọng nhiều về tính toàn diện của khoa học; chỉ xin coi là cuộc hội thảo nhỏ về một nhà văn lớn, ở nơi mà 44 năm trước ông làm Tổng biên tập tờ tạp chí sang trọng vào bậc nhất, tạp chí *Tác Phẩm Mới*: Nhà văn Nguyễn Đình Thi. Ông là người rất đặc biệt, đặc biệt trong sáng tạo, đặc biệt trong đời sống một con người. Mối tình của ông với bà Madeleine Riffaud rất đặc biệt. Và đẹp, có thể nói qua mối tình cụ thể này mà bà M. Riffaud thêm yêu Việt Nam, yêu đến mức lặn lội qua bom đạn vào tận vùng Giải phóng miền Nam trước 1975. Về sáng tác, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã để lại một di sản đồ sộ, với những sáng tác viết bằng cả gan ruột, đổ hết tâm huyết vào thì thật hay thật lớn; thì đã và chắc sẽ còn sống mãi với thời gian. Cũng có những sáng tác ông phải viết do yêu cầu cách mạng của một giai đoạn nhất định thì nó cũng rất có ích trong giai đoạn ấy. Vâng, quả thật ông lớn và phong

phủ đến mức chúng tôi cũng không biết nên bắt đầu từ đâu. Vậy nên xin mời các anh tự nhiên, nhớ, nghĩ, hiểu về ông như thế nào thì xin cứ nói như thế; cũng không nhất thiết phải lớp lang thứ tự.

NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH: Hôm qua, khi tôi gọi điện cho ông anh cả là Nguyễn Đình Lễ thông báo có buổi tọa đàm này, khi kể tên những người tham dự thì anh Lễ rất yên tâm. Thích lắm, còn dặn chú ghi âm rồi gửi vào cho anh nghe với. Anh ấy đã ủy cho tôi chuyển lời cảm ơn Tạp chí. Riêng tôi, là một người con thì cũng hết sức cảm động về tấm lòng của Tạp chí và của các anh. Về nhà văn Nguyễn Đình Thi thì có nhiều người đã viết, như ông Hà Minh Đức; đã có nhiều nhận định đánh giá. Nhưng hình như Tạp chí có những mong muốn đi sâu hơn nữa, đưa ông “trở lại” văn đàn, để các suy nghĩ, các dự định sinh thời tham dự vào đời sống sáng tác của chúng ta? Tôi nhớ khi ông còn làm Tổng thư ký Hội kiêu hay về sau là chuyên làm Tổng biên tập ông hay tổ chức những cái buổi như thế này, tôi có chứng kiến. Hồi thì ông nói, Tạp chí không chỉ là nơi in những tác phẩm ưu tú, có chiều sâu của nền văn học; nó còn là mái nhà của mọi nhà văn, là nơi phát hiện và định giá các tài năng khi nó xuất hiện, nơi thích hợp nhất để tụ hội, bàn bạc, thẩm định các sắc thái chính của dòng văn học – đấy là chỗ nó khác với báo và gần với chức năng của nhà xuất bản. Những Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo... đã được vinh danh, có cảm giác như cả Hội giang tay đón nhận những tài năng mới – mà lại chỉ thông qua cách giới thiệu, bình phẩm của Tạp chí. Ưu ái lắm, mừng lắm. Đấy các cụ ngày xưa làm thế và vừa rồi Tạp chí các anh cũng có làm được một số việc tương tự.

Tôi thấy nhiều người khen kịch của ông Thi. Hồi tôi làm ở Cục Sân khấu thì ông có hay nói chuyện với tôi về kịch, chiều

chiều bố con ngồi với nhau và ông dạy tôi được nhiều điều, qua việc nhận xét về các vở kịch đang diễn. Ông nói trong kịch của các tác giả trẻ rất nhiều hành động kịch, mâu thuẫn, nhưng đó là các cái mâu thuẫn, cái hành động kịch bên ngoài; chứ cái đòi hỏi, cái quyền rũ của kịch là mâu thuẫn là hành động bên trong nhân vật. Từ đó mình mới nhìn sang kịch của ông Thi thì quả nhiên hầu hết các mâu thuẫn, dẫn vật là đều diễn ra trong đầu nhân vật, và nó rất hấp dẫn. Đạo diễn Nguyễn Đình Nghi khi nhận vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* kêu gọi lên vì có đoạn 5 nhân vật cứ ngồi im phăng phắc mấy chục phút thì dựng thế nào. Thế rồi khi thấu đạt nó thì ông Nghi đã khiến cho sân khấu náo loạn chỉ qua mấy lời thoại của nhân vật ngồi im. Ông Nghi nói chính là ông Thi đã cho mình một bài học về đạo diễn. Nhiều người đánh giá cao tư tưởng trong các vở kịch của ông, tôi nghĩ khác. Những vấn đề trí thức với quyền lực, con người và quyền lực cái đó thế giới nó đã làm chán ra rồi. Có lần tôi nói bố chỉ bắt chước Shakespeare. Nhưng cái hay ở kịch Nguyễn Đình Thi là ông phát hiện cái đau đớn, quằn quại cái thân phận bi thảm dằng xé bên trong con người trí thức. Chứ ông Thi không cách tân trong kịch, kịch cũ, trừ *Giấc mơ*, còn thì cổ điển.

NGUYỄN TRỌNG TẠO: Nói về Nguyễn Đình Thi rất khó vì ông lớn quá. Ông là nhà văn hóa lớn, nhà văn hóa lớn bằng các sáng tác của ông, trong quá trình lãnh đạo văn nghệ, và trong những hoạt động chính trị, xã hội của ông. Đặc biệt là ông quan tâm đến văn hóa thơ. Ông đọc nhiều các nền thơ đương thời của thế giới, và ông cũng rất thích *Đèo Cỏ* của Hữu Loan, *Nhớ máu* của Trần Mai Ninh, và ông cho rằng, chính ở nước mình thơ không vẫn hiện đại đã có mầm có mống. Chính vì thế mà ông rất chú trọng, và ông tâm đắc điều đó. Cụ thể là trong kháng chiến chống Pháp, ông đã mở một lối mới cho văn hóa thơ, thoát khỏi cái văn hóa vẫn vèo ở một tầm bình

dân đại chúng. Thơ không vẫn khởi từ ông, với thời gian nó đã thành văn hóa, ông đã đưa thơ bình dân lên tầm văn hóa bác học. Do có mạch nhạc cảm ngầm, thơ không vẫn không bị vắng ra...

Mỗi lần tôi gặp ông, nói nhiều chuyện, nhưng chuyện gì thì chuyện, cuối cùng ông lại kéo về văn hóa. Và mỗi lần gặp là một lần mới, không cũ; có cảm giác Nguyễn Đình Thi là người không cũ. Ví dụ, khi ông nói về văn hóa Pháp, khi khác nói về văn hóa Mỹ, rồi lúc lại nói ở Ấn Độ cái gì đang diễn ra, đang thời cuộc. Vấn đề thẩm mỹ nó đang thế nào, điều gì khiến nó đang vận động đang thay đổi như thế? Chỉ với một nhân vật phi công trong tiểu thuyết *Mặt trận trên cao* thôi, ông cũng cho nó nghĩ ngợi về Nga, về Ấn Độ; trong nhân vật ấy thẩm dâm văn hóa nhân loại. Nó để lại dư vị văn hóa, tri thức.

PV: Ông Nhật Hoa Khanh vừa nói nhỏ vào tai tôi, rằng La Marseillaise (Bài ca Marseille) của Rouget de Lisle ra đời y như hoàn cảnh của Người Hà Nội; nó được sáng tác tại Strasbourg vào đêm 25 rạng ngày 26 tháng 4 năm 1792 sau khi Hoàng đế Áo tuyên chiến với Pháp. Chỉ khác, một đảng đã thành Quốc ca Cộng hòa Pháp, một thì trở thành bài ca truyền thống rất khó thay thế của Hà Nội. Nhân thế tôi cũng xin để thêm: Người Hà Nội thiêng hơn, lửa cháy, thương đau nhưng là cái lửa cháy thương đau do người sang trọng nhìn thấy. Đó là điều cắt nghĩa vì sao các nhà văn hát Người Hà Nội hay hơn các ca sỹ chuyên nghiệp. Tôi đọc được ở đâu đó câu thơ viết về Trịnh Thanh Sơn: "Người Hà Nội/ Chỉ đến Sơn mới cổ kính Nguyễn Đình Thi mới lộng lẫy Nguyễn Đình Thi." Xin mời nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo tiếp tục. Như chúng tôi được biết thì nhà văn Nguyễn Đình Thi rất quý trọng ông?

NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH: Ông Thi khen ông Tạo lắm. Hồi tôi ti

toe làm thơ, ông Thi đưa thơ Nguyễn Trọng Tạo ra rồi bảo tôi, thôi cậu viết tiểu thuyết đi xem nó có ra thế nào.

NGUYỄN TRỌNG TẠO: Ông Thi rất quan tâm đến tài năng trẻ. Một lần trò chuyện với những người viết trẻ, ông đọc câu thơ của tôi: *Tuổi ba mươi đổ bóng xuống chân mình*, ông nói đó là tuổi trẻ, trẻ nhưng là trẻ có nghĩ ngợi, chiêm nghiệm mới viết được như thế. Và ông nhắc tới hình ảnh "chiếc bóng" trong thơ Paul Éluard, một tài thơ xuất hiện từ rất trẻ với thơ đầy nhạc ngữ của nước Pháp. Nói chung, tiếp xúc với ông là gặp văn hóa. Gặp ông thấy ông là người hiền lành, nhũn nhặn nhưng cứ hay bị ngờ những cái viết ra. Này anh Khôi, sao các vở kịch của ông Thi cứ hay bị cấm diễn là sao? Những *Con nai đen*, *Rừng trúc*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* là cú tập xong, tổng duyệt xong lại bảo thôi? Hồi tổng duyệt vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* tôi có đi xem, đạo diễn Nguyễn Đình Nghi xử lý vở rất tài, đặc biệt cảnh cô gái cầm với những ẩn ức bị mái vòm như cái bát khổng lồ úp xuống, khiến người xem có cảm giác ngọt ngạt như chính mình bị cấm nói; thân phận con người nó lớn hơn những vấn đề hiện thực xã hội; nó lớn hơn cái mà có người e ngại rằng ông Thi ám chỉ về tự do. Nhưng nói rằng vấn đề tư tưởng trong kịch ông Thi không lớn như Chính thì tôi lại không tán thành. Kịch của ông nói những vấn đề lớn của dân tộc, của lịch sử thông qua một góc nhìn rất nhỏ, và đều thông qua thân phận con người. Mà ông ấy cẩn thận lắm. Một lần tôi đến ông lấy bài thơ cho báo *Lao động* in số Tết, ông đưa bài *Lưỡi hái của thần chết*; sau rồi lại đổi bài khác để in hơn, tôi không thích. Tôi nói hay anh cứ đưa cả hai bài, ông chần chừ bảo bài này không in được đâu. Nhưng đến khi ra về thì ông lại bảo, thôi cứ đưa cả hai bài rồi tùy Tạo. Đến khi mang báo đến, ông mừng lắm, bảo báo dám in kia à? Nói chung, nếu tầm văn hóa của công chúng tiếp nhận được cao hơn thì các tác phẩm của ông Thi vào được nhiều hơn, người

ta sẽ thấy tầm vóc ông lớn hơn rất nhiều. Hồi ông ốm, tôi với Trương Đức Thành làm tuyển tập cho ông. Có làm tuyển tập mới thấy các tác phẩm của ông Thi phần lớn đều bị sửa chữa khi xuất hiện lần đầu, cho mềm hơn, cho có văn hơn, nhiều chỗ bị lược bỏ. Đó là khi đã ốm lắm, ông vẫn gắng gượng tìm cách để là mình nhất khi có thể; những gì gửi gắm bị rơi rụng đều lấy lại, lấy lại gần hết những câu những ý trong bản thảo ban đầu.

Đã có mùa xuân đời tôi không nhỉ

Và đã có không cả một mùa hè

Tôi chỉ nhớ đã đi nhiều mê mải

Năm tháng đêm ngày theo một ánh xa

Tôi còn muốn trở lại nói về sự quan tâm của ông Thi đến lực lượng trẻ. Đúng là ông có con mắt xanh, tầm nhìn lớn đối với cả nền văn học. Còn vào thời ông Thi lãnh đạo văn nghệ có nhiều vấn đề nhưng mọi việc đâu có đến cấp Hội? Đảng lãnh đạo sâu sát lắm. Phải có tầm văn hóa ứng xử như ông Thi, mới có thể đỡ cho văn nghệ nhiều phần, tôi muốn nói để cấp trên hiểu đúng bản chất của sáng tạo, hiểu văn nghệ mới đỡ cho văn nghệ được. Đó là thời kỳ văn nghệ nhiều khốn khó.

Một điều nữa cũng cần nói, là ông Thi là người rất chăm sóc cho gia đình. Con cái là ai ông cũng lo cho chu đáo, như Chính đây thì ông cũng lo cho việc làm chứ không thì còn lêu têu chán. Chính là nghệ sỹ, thích tự do. Hay chuyện cưới Như. Ông Thi đã gửi giấy mời rồi mà anh chị còn khùng khắng. Ông cho gọi cả hai và mời tôi là bạn của Đào Thắng. Ông nói, anh Tạo tôi coi như người nhà, lại là bạn của Thắng, cũng coi như là đại diện của cả hai họ, xin ý kiến của anh thế nào. Tôi nói

anh chị khùng khắng chuyện nhỏ thôi, Như thì nóng mà Thắng thì cục nên cãi nhau làm duyên thế thôi. Ông Thi nói nếu thế thì cũng không có gì lớn. Còn Như thì bố nói với con rằng giấy mời cưới các con bố gửi đi rồi, con làm thế nào chứ chả nhẽ bắt bố đi cúi xuống từng người mà rút lại à? Như cười nói không phải thế đâu ạ... Đó là cách ông xử sự chuyện gia đình, êm thấm, thấu đáo. Ngay cả việc Thắng về Hội Nhà văn cũng có ông gửi gắm, chuyện nhà cửa của Thắng Như cũng có công sức ông lo liệu. Một nghệ sỹ lớn mà tư tư tít tít với gia đình như vậy cũng là điều đáng trân trọng. Còn chuyện tình tang ở đâu không biết, nhưng tôi nghĩ cũng giống bọn mình, có khi còn không bằng (cười) nhưng vì ông làm lãnh đạo thì mới ra to chuyện.

PV: Một lần anh Đào Thắng có kể, với bà kế thất đau ốm kinh niên, nghe ở đâu có bài thuốc hay ông đều xin đơn rồi mua bằng được; như đơn thuốc của ông thầy mãi trên Mẹt, Bắc Ninh hay con rắn đến ngâm rượu chữa nhức xương cho bà ông mua mãi dưới Nam Định. Trời rét căm căm, ông lội xuống ven hồ Tây ngắt rễ si trắng mọc vào mùa đông nghe nói chữa nhức xương tốt, mang về làm thuốc cho bà. Nhưng xin tiếp tục về các tác phẩm của nhà văn Nguyễn Đình Thi, mời nhà thơ Nguyễn Quang Thiều?

NGUYỄN QUANG THIỀU: Thật thú vị có một buổi sáng như buổi sáng mùa thu đầy ấn tượng, được ngồi với nhau ở một nơi có bề dày lịch sử văn học, để nói về con người góp phần làm nên lịch sử của nền văn học ấy; Nguyễn Đình Thi là hiệp sĩ lớn của cách mạng và văn học. Đó là hai con đường và Nguyễn Đình Thi đã dẫn thân trên cả hai con đường ấy, nhiều khi là song song, có lúc là nhập lại thành một. Ông là một nhà cách mạng, hẳn rồi, nhưng cảm giác được khắc đậm bởi ông đã làm rất nhiều cái mới, mang đến cho con đường văn nghệ

nhiều cái mới cho thơ, cho nhạc, cho văn và cho kịch. Thơ ca là tiền tố cho các loại hình nghệ thuật khác, tiền tố và gợi mở; chính là ông đã khiến tôi nghĩ như vậy và nó cắt nghĩa sự thành công của tiểu thuyết, kịch, và có thể còn cả với dự cảm triết học trong sự nghiệp sáng tạo của nhà thơ – nhạc sỹ Nguyễn Đình Thi. Các anh ngồi đây từng sống cùng, từng gặp gỡ ông nhiều; có thể được nghe ông nói về các dự định, những điều bí mật hoặc trần trụi chưa hoặc không nói ra được trên các văn bản nên câu chuyện của các anh thật thú vị và mong được nghe nhiều hơn nữa về con người cực kỳ hấp dẫn này. Còn tôi gặp ông để trò chuyện theo đúng nghĩa chuyện trò thì chỉ duy nhất một lần, đó là dịp báo *Văn nghệ* in bài dịch về các nhà thơ Mỹ đương đại của nhà thơ Mỹ Charle Smic giải Pulitzer, ông nói rất thích bài viết và sau khi đọc xong, ông đã đến tìm tôi và muốn xin tôi cả bài (vì khi in bị cắt bớt cho vừa khuôn khổ trang báo.) Ông làm tôi ngỡ ngàng, không thể tin người như ông lại có thể đặt chân vào căn phòng có thể nói là xập xệ, ngồi xuống và nói chuyện với tôi mới chỉ là một cậu bé về nhiều mặt về bài viết đó và về thơ ca; nói thật ưu ái và trọng thị. Ông đã ngỏ ý mời tôi về làm tờ Diễn đàn văn nghệ, mời và có chức vụ hẳn hoi, ông bảo sẽ để Thiếu làm Phó tổng biên tập về mặt nội dung, nhưng tôi không dám, tôi không nghĩ tôi có thể làm nổi cái gì ra hồn trước một tài năng lớn như Nguyễn Đình Thi. Dầu vậy, cuộc trò chuyện mà ông dành cho nó doping tôi rất ghê, nó khiến tôi tự tin hơn trong dịch thuật và làm thơ sau này.

Dừng chân trong mưa bay

Liếp nhà ai ánh lửa

Yên lặng đứng trước nhau

Em em nhìn đi đâu

Em sao em không nói

Mưa rơi ướt mái đầu

Mỗi đứa một khăn gói

Ngày nào lần gặp sau

Ngập ngừng không dám hỏi

Chuyến này chắc lại lâu

Đoàn thể gọi

Chiều mờ gió hút

Nào đồng chí bắt tay

Em

Bóng nhỏ

Đường lấy

Không nói

Tôi chủ yếu hiểu ông qua văn bản, nhưng có lẽ chỉ văn bản thôi là đủ. Thơ là nơi có *n* ô cửa, căn phòng bí ẩn, suy ngẫm thì sẽ phát hiện các bí ẩn giữa các góc khuất; ở đó cất giữ chìa khóa mở vào những câu thơ. Qua thơ Nguyễn Đình Thi, (và thơ nói chung) tôi thấy sự kỳ diệu của ngôn ngữ, thấy cái bí ẩn giữa hai chữ của một câu thơ là nhịp điệu tâm hồn ông. Thơ ca hiện rất đáng lo ngại vì các nhà phê bình chưa cất công mở kho chứa ẩn dưới ngôn ngữ, họ mới chỉ đi lướt qua hành lang

mà chưa vào được các lầu đài để bật sáng lên cái lộng lẫy thiêng quý. Chúng ta chưa đánh giá hết, chưa có cuộc hội thảo xứng tầm về Nguyễn Đình Thi. Một cuộc hội thảo xứng tầm không phải vì ông mà vì chúng ta; thơ ông giúp chiếu rọi thời ông sống và trong đó chứa đựng cả một thời đại. Lâu nay chúng ta mắc căn bệnh sợ nói về ai đó là khiến mình bé đi, nỗi sợ do ích kỷ, bé mọn. Mà không biết rằng, ví dụ như khi nói về thơ nhạc Nguyễn Trọng Tạo là chúng ta đưa ông như một ví dụ về cái lớn lao hơn là Con đường thi ca. Tôi đặc biệt kính trọng ông ở thơ và kịch. Ông là người dân trung thực, tất nhiên có cảm giác thảng thối ông hơi lùi lại một chút, co lại một chút hoặc che bớt nén mình mà phụng sự cái chung. Đó là khi người chạy marathon lấy hơi, lấy đà cho cái bước tiếp sau mãnh liệt hơn. Tất nhiên ông có đọc thơ nước ngoài, nhưng là để soi chiếu, để hoàn thiện cái cách riêng của mình. Vậy nên sau những chút lùi lại ấy, thơ ông xuất hiện tuy không vẫn nhưng nhuần nhuyễn vô cùng, thuần thực vô cùng; ông làm mới cấu trúc ngôn ngữ và nhịp điệu của nó, ông khiến con người lộng lẫy cao sang hơn qua ngôn ngữ bình dân. Ngôn ngữ chứa trong nó cái nhịp mà Nguyễn Đình Thi nắm bắt, làm biến đổi nó, bên trong lòng mình. Bằng cách ấy ông mang đến cho thơ một con đường mới, năng lực mới cho thi ca.

Nước chúng ta

Nước những người chưa bao giờ khuất

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về!

Ôi những cánh đồng quê chảy máu

Dây thép gai đâm nát trời chiều

Người ta cứ bảo tôi học thơ Tây nhưng trên thực tế tôi học tất cả các nhà thơ chống Mỹ, xin nói là người thuộc nhiều thơ chống Mỹ vào loại nhất; thuộc cả thơ Xuân Thiều. Tôi chép kỹ khu những bài thơ rất dài, trong đó có thơ Nguyễn Trọng Tạo; tôi định bao giờ mang bán đấu giá sổ tay chép thơ sẽ kiếm khá nhiều tiền của các bác chứ không đùa. Nhưng đọc kỹ, học nhiều là thơ Nguyễn Đình Thi. Bây giờ đọc lại những bài ông viết từ thời ấy, nó cho thấy con người rất rõ, tâm thế; nó làm cho hình ảnh nhà thơ trở nên lộng lẫy và thật Người. Tính tụng ca trong thơ Nguyễn Đình Thi rất ít, hãn hữu. Đó là chủng thơ có nguy cơ nhòe mờ, quên lãng khi bị thời gian vượt qua. Ngược lại, tính tráng ca, bi ca ở Nguyễn Đình Thi lại rất rõ, nó mang tâm thế vừa thời đại vừa có hơi hướng từ những trường ca sử thi cổ đại. Không bao giờ đánh mất cái riêng, kể cả những riêng tư tình yêu cụ thể vào thơ ông đều chung số phận dân tộc; đó là lớn. Nếu dân tộc đó chìm trong bóng tối thì đôi tình nhân đó cũng chìm vào bóng tối. Nếu dân tộc đó đáng kiêu hãnh thì họ cũng được yêu nhau trong kiêu hãnh. Ở chỗ này thơ tình Nguyễn Đình Thi khác thơ tình Xuân Diệu. Và nó quyến rũ tôi. Pablo Neruda mô tả cháy bỏng cặp đùi, cặp vú phụ nữ mà ta thấy dân tộc ấm lạnh qua làn da của cặp đùi cặp vú cụ thể ấy, ta thấy số phận dân tộc họ; dường như lịch sử dân tộc ông trôi qua cái giường của đôi tình nhân và Pablo Neruda lớn ở chỗ đó. Vâng, tất cả chúng ta đều nằm trong cái bể dung dịch của đời sống dân tộc, ở đó chúng ta cùng hy vọng, tuyệt vọng hay thụ hưởng những vẻ đẹp, cái vinh quang; khí quyển thơ Nguyễn Đình Thi cho tôi cảm nhận và hình dung này. Tôi hay nói với các bạn bè thân thiết như trao một bí quyết là cần đọc những ai để học nghề; một trong số các nhà thơ đó là Nguyễn Đình Thi. Nói thế không phải để tôn vinh ông thêm một nấc, mà vì chúng ta, vì cái khung lớn lao hiển hách mà chúng ta, hôm nay, có nghĩa vụ đi vào trong

tin thần cuộc chạy tiếp sức của văn hóa, của thi ca.

Thêm một lời phóng đi như mũi dao găm tẩm độc

Thêm một hòn đá từ trong bụi rậm ném vào gáy người

Chiều nhập nhoạng dơi bay

Hắn rẽ vào ngõ tối cười gằn

Nhìn những ngón tay hắn mọc vuốt dài.

NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH: Nhiều người đã nói về thơ không vần của Nguyễn Đình Thi. Theo tôi cách tân không phải ở vần hay không vần. Vừa rồi anh Thiều có nói về nó, nói hay và hùng biện nhưng chưa nói về nhạc điệu của thơ, nó là bí ẩn của ngôn ngữ tiếng Việt mà ông Thi làm bật lên. Cái tiếng Việt của chúng ta lợi hại ở chỗ nó có nguyên âm, phụ âm và sáu thanh. Cứ đọc một câu: *Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội/ Những phố dài xao xác heo may* ta sẽ thấy điệu ấy rất rõ. Tổ chức sắp xếp chúng đứng ngồi cạnh nhau sao cho nhạc điệu của chữ vang lên giai điệu; ông Thi làm được điều đó, đã khai thác được gia tài văn hóa mà ông cha để lại là tiếng Việt và nhờ vậy, như anh Thiều nói “không vần mà nhuần nhuyễn”. Anh Thiều cũng có nói về cái nâng chiều kích con người của thơ và rất hay. Chữ thơ cứ cảm xúc mãi, vui, buồn, căm thù hờn giận mãi thì nâng vào đâu? Tôi có đọc thơ Thiều và thấy thơ Thiều gần được như vậy, gần ông Thi hơn. Thơ Tạo nhiều cảm xúc quá. Cái cần cho con người không phải là cảm xúc mà là nhận thức, giác ngộ; là đưa con người hoàn thiện ở một tầm cao hơn chính nó, Neruda là thế. Nhiều người thích thơ Nguyễn Trọng Tạo vì nó thỏa mãn cảm xúc, chứ tôi không thích. Đó không phải là chức năng của nghệ thuật (*thực ra là phải, nhưng là chức năng giải trí thuần túy, vì vậy mới nhiều người thích. PV*)

Nếu làm được thì như anh Thiều nói, chúng ta nói về ông Thi là vì chính chúng ta. Chữ cứ tin vào công chúng thì chết mất xác có ngày. Đừng cứ tưởng nhiều người ủng hộ là hay. Ông Thi hồi làm ra có mấy ai ủng hộ đâu, người ta còn đánh cho nhừ tử đấy chứ. May ông Thi cứ lặng lẽ mà làm, bây giờ còn có cái mà nói.

PV: Trước khi làm cuộc cách tân thơ Việt, Nguyễn Đình Thi không dò dẫm tìm tòi mà có một lý thuyết riêng, luận điểm của ông tôi chỉ nhớ đại ý: Khi phá bỏ vần luật quen cũ, nhà nghệ sỹ phải biết dựa vào vần luật bên trong, riêng biệt của chính mình. Luật bên trong phải đủ mạnh mới phá bỏ được luật bên ngoài. Xin hỏi các nhà thơ, đặc biệt là với người tiếp cận văn học nước ngoài bằng tiếng Anh, tiếng Pháp rằng, trước ông Thi đã có ai trên thế giới nói như vậy chưa?

NGUYỄN QUANG THIỀU: Tôi chưa đọc ở đâu những điều tương tự. Nhưng như thế thì cũng chưa đủ để khẳng định luận điểm đó là phát kiến của Nguyễn Đình Thi. Chỉ có điều là, luận điểm ấy của ông Thi hay ông tham khảo từ một văn bản nào đó và phát biểu ở Việt Nam trong tư cách nhà truyền giáo thì điều đó cũng không quan trọng. Quan trọng là ông đã bảo lãnh luận điểm ấy bằng sáng tác của chính ông, nơi tiếng Việt trở nên lộng lẫy và giàu có. Trên cơ sở kết hợp nhiều yếu tố, cái nhịp điệu của ngôn ngữ nó kết tinh trong điệu tâm hồn Nguyễn Đình Thi như thế, thơ ông là dương bản điệu tâm hồn ông. Nhưng nếu chỉ bằng vào nhịp điệu ngôn ngữ thì hóa ra dễ quá. Chúng ta chỉ cần học một tuần là thấu hiểu nhịp điệu của tiếng Việt. Vấn đề nằm ở chỗ dòng hải lưu ngôn ngữ chảy giữa biển khơi và khi chảy, nó tạo những biến đổi, tạo môi sinh cho các giống tôm cá nhất định, tạo những tiểu vùng khí hậu mới. Phải dẫn thân, phải có vốn sống vốn tri thức như thế nào mới chuyển hóa nổi, mới tạo ra được hải lưu của riêng

mình còn tiếng Việt là biển Đông, ví dụ thế.

NHẬT HOA KHANH: Không ai nói thế. Hoàn toàn mới lạ. Ông Thi rất chú trọng đến lớp người kế cận của văn đàn; đánh giá rất cao những Đỗ Chu, Hữu Thỉnh, Nguyễn Trọng Tạo, Bằng Việt, Trần Đăng Khoa, Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo, Chim Trắng, Lê Văn Thảo, Lê Anh Xuân, Hoàng Hưng, Bùi Minh Quốc, Diệp Minh Tuyền, Nguyễn Quang Thiều...và bảy tám người nữa. Ông dặn tôi: “Đừng viết rằng tôi, Nguyễn Đình Thi quan tâm đến lớp trẻ, tôi nói về họ là vì tác phẩm của họ có đóng góp cho văn học. Những tác phẩm của họ ít hoặc nhiều đã gây cho tôi những xúc cảm và những suy nghĩ.” Nguyễn Đình Thi còn dành thời gian nói với tôi về các văn nghệ sỹ miền Nam như Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Nhã Ca, Phạm Duy (ông đặc biệt trân trọng Phạm Duy) Phạm Đình Chương, Hoàng Thi Thơ, Trịnh Công Sơn, Chu Tử...về những đóng góp của họ cho nền văn học dân tộc.

TRỊNH ĐÌNH KHÔI: Tôi có may mắn được làm việc với ông Thi nhiều năm. Ở trên Ban (*Tư tưởng Văn hóa TW. PV*), tôi chỉ có việc mang những ý kiến của các anh trên xuống truyền đạt nhưng tôi có cảm giác ông Thi cứ để tôi tự nhiên mà chẳng mấy quan tâm. Ông Thi có hai con người, con người tổ chức quản lý và con người nghệ sỹ. Về con người của tổ chức quản lý, ông là người quan niệm rất đúng về vai trò vị trí của tổ chức mà mình phụ trách. Nên ông luôn luôn rất quan tâm đến tác giả tác phẩm và chỉ quan tâm đến tác giả và tác phẩm mà thôi. Chứ không phải sinh ra tổ chức này rồi nhà nước hóa nó đi. Cho đến gần lúc ra đi, anh Thỉnh và tôi vào thăm, ông còn dặn đi dặn lại là lo cho anh em viết. Thứ hai là ông không có phe cánh, không thiên vị ai, cứ ai tài thì quý và hết lòng chăm sóc. Đó là phẩm chất rất quý. Thứ ba nữa là ông nắm được các tài năng trong tổ chức của mình, những người như anh Nhật

Hoa Khanh vừa kể tên, rất quý nhưng cũng rất nghiêm khắc. Người có tài thường có tật, nhưng nếu đã có tài thì ông Thi rất quý. Vì nó hiếm, người hiếm ở cái vùng quý hiếm là văn hóa nên ông hết sức nâng niu. Ông còn nhiều phẩm chất khác nữa và đều quan trọng cả, nhưng đó là ba phẩm chất quan trọng nhất đối với người lãnh đạo Hội Nhà văn. Trên cú muốn nhà nước hóa các tổ chức đoàn thể và cũng là để cho dễ lãnh đạo nhưng Hội Nhà văn thì không thể. Hội không phải tổ chức của quần chúng mà là của các tài năng, ở đây có hai nhà lãnh đạo Hội tôi xin thưa như vậy. Tôi nhớ ngay tại đây, một cuộc họp nhà thơ Xuân Diệu có nói “Hội chỉ nên có 100 nhà văn.” Nói xong còn day lại, “một trăm cũng khó đấy.”

Ông Thi rất hay nói về kịch, gửi gắm thế sự. Tôi tâm đắc lời ông Thi hay nói *Cái đẹp cứu rỗi chúng ta*. Đó là triết lý sống, đẹp ăn đẹp ở đẹp xử sự...đó là tất cả rường cột của đạo đức. Về ông Thi tôi có một kỷ niệm riêng. Hôm quan tài ông đi trên phố, gặp rất nhiều đèn đỏ, nhưng theo tập quán dân tộc, đèn đỏ nhưng xe quan tài ông vẫn vượt hết. Tôi có làm được bài thơ *Đèn đỏ cứ đi*.

Nguyễn Đình Thi đổi mới nghệ thuật rất ghê. Khi đổi mới nhiều người tưởng ông Thi bảo thủ, nhưng tôi thấy chính ông mới thật sự đổi mới. Vì thực ra, đối với người nghệ sỹ, với nhà văn việc quan trọng bậc nhất là đổi mới nghệ thuật.

PV: Quả là ông Thi có mang tiếng bảo thủ dưới mắt nhiều người, nhưng anh Khôi nói đúng. Trên thực tế việc Đổi mới nóng mới chỉ là về mặt chính trị, nhiều nhà văn cứ đinh ninh thế là đổi mới rồi. Và thật lạ, việc quan trọng nhất với nhà văn là đổi mới thi pháp nghệ thuật, làm mới ngôn ngữ thì ngay cả sau đổi mới vẫn còn bị rề rúng, ngăn trở - ít nhất là dè dặt. Thật lạ!

NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH: Những người toan tính đánh quả qua phong trào, đều thất bại; anh ta biến mất khi phong trào thoái lui và đau đớn hơn là thất bại trong sáng tác của chính anh ta. Cái đẹp không cứu rỗi chúng ta, mà là nhận thức, thức tỉnh; bị trảng, tìm ra lẽ sống cho con người.

NGUYỄN QUANG THIẾU: Nhịp tâm hồn: thi ca, giai điệu, vẫn nhịp phối thành tâm hồn; nay vẫn mới và vẫn khiến bàng hoàng. Có thơ hay nhịp điệu khu vực, Nguyễn Đình Thi đi qua biên giới đầu là rất Việt.

Sáng mát trong như sáng năm xưa

Gió thổi mùa thu hương cốm mới

Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy.

Đất nước

NGUYỄN TRỌNG TẠO: Có một hiện tượng thế này: Ngồi với các nhà thơ thì họ bảo ông là nhà viết tiểu thuyết, soạn kịch. Ngồi với các nhà văn thì họ nói ông là nhà thơ, nhà nhạc. Không ngành nào không đẩy ông Thi sang phía khác, tôi nghĩ, trong sâu thẳm có lòng đố kỵ, có nỗi sợ, và mặc cảm này càng làm rõ độ lớn của ông. Nói như anh Huân, chỉ một bài hát hay cũng đã có thể làm bất tử tác giả. Một bài hát như *Người Hà Nội* đã thành một trường ca bất hủ về Hà Nội; nó hơn hẳn cả

chục trường ca làng nhàng. Những mạch ngầm trong phát triển giai điệu, tiết tấu xuất hiện những hòa thanh lạ và đẩy tới cao trào đầy kịch tính đã khiến cho bài hát cuốn hút lòng người không cưỡng được. Có người bảo nó ảnh hưởng giao hưởng châu Âu, không, ông gõ thử cái cảm xúc của mình lên chiếc đàn Piano ai vút lại dọc đường tản cư, và bài hát đã ra đời như vậy, ngay trong đêm Hà Nội chiến đấu, “cả kinh thành nghi ngút cháy sau lưng”. Nhiều nhà văn mê say hát *Người Hà Nội* như Trịnh Thanh Sơn, Hòa Vang. Có lần chính tôi chứng kiến Hòa Vang hát qua điện thoại cho ông Thi nghe. Bài hát *Diệt phát xít*, trở thành nhạc hiệu của Đài TNVN. Hồi ấy ông còn trẻ quá, chính tuổi trẻ làm bất tử cảm giác, cảm xúc sáng tạo của ông. Ông Thi viết nhiều thể loại, không phải mặt nào cũng lớn nhưng tổng thể là lớn. Đó là người cũng hiếm có.

NHẬT HOA KHANH: Còn phải phát hiện thêm. Tôi thấy Nguyễn Đình Thi thành công ở tất cả các thể loại, thật đặc biệt. Tôi cũng thấy ông không hề vận dụng phương pháp sáng tác hiện thực XHCN, về như ông bác bỏ nó trên thực tế. Chúng ta đều biết phương pháp hiện thực XHCN luôn được đa số các tác giả, giới nghiên cứu lý luận và phê bình trước thời kỳ Đổi mới hết lời ca tụng. Do đó, việc Nguyễn Đình Thi không thực hành phương pháp sáng tác hiện thực XHCN là một trong các việc làm có tính cách mạng. Ông cũng khác phần lớn các tác giả ở chỗ ông ít xây dựng nhân vật lãnh đạo, nếu có, thì họ không xuất hiện như một người dẫn dắt quần chúng, họ cùng với quần chúng đấu tranh cách mạng. Như nhân vật Khắc trong *Vỡ bờ* thì chết trước khi Cách mạng tháng Tám thành công. Còn Kha và Sản trong *Xung kích* thì tuy tinh thần cách mạng rất cao nhưng đều không phải là người trực tiếp dẫn dắt quần chúng. Hầu hết các tác phẩm của Nguyễn Đình Thi đều tập trung khẳng định sự kiên định, sự sáng suốt, sự vững vàng, sự dũng cảm của tầng lớp trí thức, của tầng lớp tiểu tư

sản. Điều này nữa cũng có ý nghĩa Nguyễn Đình Thi cách mạng đối với nền văn nghệ cách mạng. Nói một cách khác, nhân vật trung tâm trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Thi nổi bật *tính toàn dân*, không phải con người của tính giai cấp, cũng không “tả khuynh” để cao riêng một giai cấp nào. Với *tính toàn dân* trong hầu hết các tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Thi đã góp phần rất quan trọng vào việc cách mạng nền văn nghệ cách mạng ngay từ những năm đầu của cuộc cách mạng. Vì vậy, tôi gọi ông là *văn hào của phe xã hội chủ nghĩa*. Đến nay, thế kỷ XXI, tác phẩm của Nguyễn Đình Thi vẫn còn tỏa sáng.

TRỊNH ĐÌNH KHÔI: Tôi tán thành với anh Khanh ở điểm Nguyễn Đình Thi lặng lẽ từ bỏ phương pháp sáng tác hiện thực XHCN mà không báo cho ai biết.

NHẬT HOA KHANH: Vì tất cả những điều như đã nói, tôi nghĩ Nguyễn Đình Thi là văn hào không chỉ của Việt Nam. Các giáo sư dạy âm nhạc cho chúng tôi là Hùng Lô và Thẩm Oánh đều có chung nhận định, *Diệt phát xít* và *Người Hà Nội* là các ca khúc tiêu biểu của dòng nhạc yêu nước của nhân loại thế kỷ XX. Tôi trân trọng đề nghị Nhà nước tặng nhà văn Nguyễn Đình Thi Huân chương Sao Vàng.

NGUYỄN TRÍ HUÂN: Tôi đồng ý với anh Tạo, ông Thi không phải không có những tác phẩm dở, nhưng đó là cái dở của tài năng lớn, đọc kỹ vẫn có một cái gì đó. Từ sáng tôi cứ nghĩ sao không có ảnh ông Thi ở đây. Cái người khởi nguyên ra cái nhà này, cái căn phòng này này, nơi ông Thi và các bậc tiền bối Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Kim Lân... vẫn ngày ngày làm việc với nhau, nói và bàn những câu chuyện liên quan đến nền văn học đương đại Việt Nam.

NGUYỄN QUANG THIỀU: Chúng ta cũng nên bắt đầu cách sống cho mình. Đừng tưởng treo những bức ảnh của người xưa là vì họ. Là vì chúng ta, hằng ngày ta nhìn ngắm họ, học họ, hỏi họ xem ta còn khiếm khuyết điều gì, vì sao ta chưa bằng họ và những gì, cùng thời gian ta đã vượt qua họ; họ trở thành điểm tựa, điểm bắt đầu của chúng ta.

NGUYỄN TRÍ HUÂN: Thưa các anh, xin được bày tỏ niềm vui của anh em chúng tôi về cuộc hội thảo mi ni thành công ngoài mong ước. Tôi nghĩ mười năm sau Hội Nhà văn Việt Nam sẽ tổ chức hội thảo lớn và toàn diện hơn về Nguyễn Đình Thi nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông. Tôi tin rằng, càng lùi xa, ta sẽ thấy cả thơ nhạc kịch của ông Thi lớn hơn. Còn Hà Nội thì còn bài ca *Người Hà Nội*, bài hát mỗi khi vang lên là một lần lịch sử được đánh thức. Tôi là người ngoại đạo với thơ, nhưng bao giờ đọc thơ ông cũng bàng hoàng. Những *Sáng mát trong như sáng năm xưa / Gió thổi mùa thu hương cốm mới / Tôi nhớ những ngày thu đã xa / Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội*. Hay câu: *Máu lên thắm như môi cười*. Lời lẽ giản dị như không, như không cố ý làm thơ nhưng nó làm cho mình chuyển động cả tâm can mà không biết ra thế nào. Hình như có một điều gì đó đẹp đẽ, lớn lao đang chuyển động đằng sau các con chữ.

Anh Chính nói đúng, ông không nệ vào văn xác, mà là văn hồn. Ý kiến của anh Tạo là ông Thi không phải không văn từ Tây, mà là từ các nhà thơ Việt Nam đi trước như Hữu Loan, Trần Mai Ninh... là một ý kiến rất đáng chú ý. Hôm nay, như lúc đầu tôi nói, đây là bàn tròn nhỏ, để tưởng nhớ nhà văn lớn Nguyễn Đình Thi nhưng hóa ra chúng ta nói được nhiều điểm mới và nói rất hay và bổ ích.

NGUYỄN QUANG THIỀU: Anh Huân nói rất đúng cảm giác về các bài thơ của Nguyễn Đình Thi là mơ hồ, nhưng độ vang

vọng của nó là vô cùng về mặt biên độ. Nhà văn thành công ở điểm tạo nhiều văn bản, lay động người, động ở mỗi người một văn bản khác nhau. Tôi cũng đồng ý rằng, càng ngày đọc văn bản của người xưa càng chính xác. Chúng ta có ký ức về Nguyễn Đình Thi, đôi khi tình cảm ở mỗi người làm nhòe mờ bớt ý nghĩa thật khi đọc. Tôi tin rằng con cháu chúng ta khi đọc thơ Nguyễn Đình Thi thuần về văn bản thì văn bản trở thành bản lý lịch tinh thần của Nguyễn Đình Thi, của thời đại ông sống.

NGUYỄN TRÍ HUÂN: Vâng, xin cảm ơn tất cả các anh. Hy vọng Tạp chí sẽ còn mở Bàn tròn về các nhà văn khác, về cụ Tô Hoài chẳng hạn và khi đó xin mời các anh, mời các nhà văn tham dự.

Đôi nét về các nhân vật tham gia Bàn tròn:

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Sinh năm 1947 tại Nghệ An, từng là bộ đội; từng là Trưởng ban BT phụ san *Thơ báo Văn nghệ*, Ủy viên Hội đồng thơ Hội Nhà văn VN, Nghỉ hưu khi là Thư ký tòa soạn *Tạp chí Âm nhạc*, Hội Nhạc sỹ VN.

Tác phẩm chính: *Gửi người không quen* (thơ, 1989) *Đồng dao cho người lớn* (thơ, 1994) *Con đường của những vì sao* (trường ca, 1981), *Thế giới không còn trăng* (thơ, 2006), *Ký ức mất đen* (thơ song ngữ Việt – Anh, 2009), *Nến trắng* (thơ tam ngữ Việt – Anh – Ba Lan, 2014), *Văn chương Cảm và luận* (phê bình, tiểu luận, 1998) *Làng quan họ quê tôi*, *Khúc hát sông quê* (ca khúc) và thiết kế khoảng 500 bìa sách.

TRỊNH ĐÌNH KHÔI

Sinh năm 1946 tại Bắc Ninh, từng là bộ đội, thương binh; trước khi nghỉ hưu 2008, công tác ở Ban Tư tưởng Văn hóa TW.

Tác phẩm chính: *Văn chương đổi mới* (tiểu luận, 2001) *Cán cờ tre* (tiểu thuyết, 2002) *Vết thương chưa lành* (truyện ngắn, 1996)

NHẬT HOA KHANH

Sinh năm 1937 tại Hà Nội; dạy học và nghiên cứu văn học, trước khi nghỉ hưu công tác ở báo Sài Gòn Giải phóng; tác giả của nhiều bài ghi chép, viết chuyên luận về Nguyễn Đình Thi.

TRỊNH ĐÌNH KHÔI

Sinh năm 1946 tại Bắc Ninh, từng là bộ đội, thương binh; trước khi nghỉ hưu 2008 công tác ở Ban Tư tưởng Văn hóa TW.

Tác phẩm chính: *Văn chương đổi mới* (tiểu luận, 2001) *Cán cờ tre* (tiểu thuyết, 2002) *Vết thương chưa lành* (truyện ngắn, 1996)

NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH

Sinh năm 1946, tại Hà Nội; từng làm nhiều việc, trước khi nghỉ hưu là Phó tổng biên tập *Tạp chí Diễn đàn Văn hóa Văn nghệ Việt Nam*. Hiện là Ủy viên Hội đồng Văn xuôi, Hội Nhà văn Việt Nam.

Tác phẩm chính: *Con phù du* (1981) *Vụ áp phe Đông Dương* (1986 – 93) *Đêm thánh nhân* (1999)

BÚT KÝ PHÓNG SỰ: NGÀY NHÃN CHÍN SEN TÀN

Tặng Chị

Nguyễn Tham Thiện Kế

Những Thu, hương đêm dùng dăng hơn nơi ngõ cổ sớm mai. Lưu hương các loài hoa thành phố tỏa trong bóng tối ẩm hơi sương quện khói trầm, chìm lất phát hương trà sen quanh mái ngói nâu.

Mình chị lên xuống căn nhà gác gỗ vẫn giữ nếp quạt lửa đun nước mưa pha trà mỗi sáng. Khi có dịp, hai chị em tôi ngồi bên bộ đôn trống nhìn ra khoảng đáy giếng trời trống ngâu, mộc lan đặt bể cá cảnh, tưởng lại những tốt xấu của người xa khuất.

Chén sứ nâu, trà sen tỏa khói. Lá ngâu, lá mộc xanh thắm, loang hơi sương.

- Nhãn chín, sen tàn...

Gương mặt chị bừng ánh sáng đủ rạng nếp nhăn mờ và mái tóc điểm bạc tuổi sáu mươi.

- Nếu anh còn sống hẳn đã chèm chẹp nhớ chè hạt sen nhãn lồng...Không ngờ anh mê thứ đó đến thế!

Trai xứ Đoài, giảng viên nhạc viện, anh bỏ ngang ở nhà dạy kèm, sáng tác tự do. Anh tài hoa bao nhiêu thì đào hoa bấy nhiêu.

Chị họ tôi, gái phố cổ tốt nghiệp đại học Ngoại thương, vì anh mà thôi trợ lý tham tán thương mại, về nuôi dạy con, trông coi cửa hàng tơ lụa thừa hưởng của mẹ. Chị hứng đụng cho yên ấm nếp nhà...

Cái đặn chè hạt sen nhãn lồng, anh tạo nữa là *thay chàng đối thiếp* nếu chị không kịp giữ chữ nhẵn trước tình địch phố Hiến đàn ngọt như nhãn lồng chín, giọng trong như giếng mắt rồng lại còn dư tài nghệ thuật ẩm thực. Được học trò rình đi lưu diễn dưới tỉnh Đông, anh gặp thiếu phụ mang nửa dòng máu Thái, Thạc sỹ văn chương dạy Cao đẳng sư phạm liền riu theo.

Chị gọi xe về tận nơi đúng buổi *chàng* đến thăm vườn nhãn nhà *nàng*.

Chúng kiến trai tài gái sắc đang đọc thơ và tương kính nhau món chè hạt sen nhãn lồng, chị đứng lặng. Thì ra, trong kho lẫm kinh nghiệm bà cô Nghi- Lễ-Bún-Chả của chị em tôi truyền lại cho chị vô tình hay hữu ý quên bằng món tử vốn sinh ra từ chốn kinh kỳ.

Từng hãnh diện giỏi cả trăm món mặn ngọt Hà Thành, lần này chị đành câm nín. Chị xin chủ nhân vườn nhãn được làm vai em để học hỏi cội rễ làm món chè hạt sen nhãn lồng mà ông chồng nhạc sỹ mê đắm.

- Món chè sen nhân lồng thì người đoảng vị nhất phố Hiến cũng biết công thức nấu. Nhưng để ra được đúng chất chè hạt sen nhân lồng thì phải biết làm bằng cả tấm lòng thương yêu với người thân. Phải chăng chị có biết điều này không ạ?

Thiếu phụ phố Hiến nhướn ánh mắt lá răm dò xét người mới đến học nghề. Nuốt nghẹn, chị nhoẻn cười:

- Lòng yêu thương đôi khi chưa đủ mà còn cần cả sự bao dung nữa chị ạ. Nhưng tôi tin mình sẽ chẳng phụ thầy, phụ người thương yêu...

- Vậy thì chị cần gì xuống tận phố Hiến. Chè hạt sen nhân lồng vốn do người kinh kỳ làm nên...

Thiếu phụ kia vốn đa sự, mơ mộng giảng giải cho chị nghe bắt đầu từ cái tên nhân lồng: Bối hoa nhân nhú quả, người ta đã đan rọ tre che chắn xung quanh tránh chim chuột vấy, hoặc vì cùi nhân phố Hiến trong như hổ phách, lồng nép vào nhau phía đáy quả, bọc lấy phần hạt nhỏ đen láy như cườm... Và nữa, cũng là từ chính món chè sen nhân lồng: hình ảnh nhân sen lồng trong lòng cùi nhân...

Chè hạt sen nhân lồng do một cung nữ của vua Lê nhưng lại tơ vương chúa Trịnh, nàng đã tương tư ra chè hạt sen nhân lồng gửi vào phủ chúa cho người tình.

Nhân lồng để tiến vua chúa nên chỉ được trồng quanh vùng phố Hiến. Cây nhân dâng chủ vườn từ lá, cành, hoa, quả. Gỗ nhân hồng màu thiếp cưới, đánh mặt, cứng lì tựa sắt nguội, đóng giường chủ rể nghênh đón vợ mới, dựng tủ cô dâu mang đến nhà chồng, vật chứng cho hạnh phúc lứa đôi bền gần trăm năm. Chưa kể đến những gia cụ: Chày giã gạo cối đá, chày giã cối gỗ làm bếp, thớt thái thức chín, thớt băm chặt

miếng sống, dung dưỡng cho lửa ấm gia đình cũng không thiếu gỗ nhân. Khi cây già không thể cho quả thì bứng cội lên cùng rễ, qua bàn tay tinh luyện nghệ nhân phố Hiến trở thành kỳ khu vệt trở nên đồ mỹ nghệ cung đình bàn rỗng ghế phượng. Lá tươi mẹ già ủ tương, rấm chuối. Vỏ cha dùng trị đau nhức răng lợi. Than nhân thơm đượm, thảo như lòng dâu con đêm đông sắc thuốc bắc hầu mẹ chồng, không những bồi thêm chất dẫn mà còn thấm hương thơm vị nhân. Nhân bung hoa vào xuân, kết thành chùm trắng ngà chấm miên man trên vòng lá xoe vòm gọi ong kết mật đợi mùa sau.

Hạt sen nấu chè nhân thì chẳng đâu hơn sen Hồ Tây, mạn đầm Đồng Trị, trước cửa phủ Tây Hồ. Các chủng sen ở Hồ Tây khởi thủy từ đầm này mà sinh phát. Không thể dùng sen bách điệp ngắt hoa bóc nhụy thu hương mà là sen quý, thưa dăm cánh mỏng bao gương lỗi cộm bên trong dưỡng mầm hạt.

Tạo hóa sinh ra sen, đã hiến hương thì không thể biếu quả, cũng là thuận lẽ công bằng. Sen quý Hồ Tây, hạt thuần tròn như hạt dẻ ta, vỏ sừng cứng ánh nâu đen chứ không hắc nâu hoặc hắc đen. Chỉ cần đặt cỡ bánh tẻ là có thể làm sữa sen...già hơn chút thì đã đánh chắc, ngậy thơm.

Mùa sen ngủ, đài sen già sót gù xuống, hạt rơi nổi nhenh là lúc sâm cầm tụ đàn về nhả nhân sen bổ sức. Giống chim tiến vua chọn Hồ Tây ngủ đỗ ngoài tập tính sinh học hẳn là còn vì vị nhân sen đặc biệt, trong khi các đầm sen quanh vùng thì chẳng thấy bóng cánh chúng đâu.

Từ ngó sen, củ sen, hoa sen, gương sen, tua sen, lá sen, tâm sen, hạt sen đều có thể nâng niu chăm bẵm cho thế giới tinh thần và thể chất con người.

Hai giống cây lành: Thứ đứng đất bằng quần anh xứ Đông, thứ

mọc hồ thiêng xứ Đoài ngự giữa kinh kỳ đã nên duyên phận hoa trái bước vào điện ngọc thêm rỗng nhưng vẫn lưu luyến trở lại với nhân gian.

Chuyên thêm nước sôi vào ấm, người đàn bà đã nắm được thần thái vị chè hạt sen nhãn lồng nơi phố cổ từ thời chúa Trịnh chiêm ngắm:

- Sen, nhãn ở riêng thì bình dân, nhưng khi sen kết duyên nhãn thì hóa danh gia. Không phải ai cũng biết thưởng thức chè hạt sen nhãn lồng. Không phải người đàn bà nào cũng đủ tự tin tạo tác món tiến vua...Chè sen nhãn lồng biến thể vài chục kiểu nấu. Long nhãn khô kết với sen tươi sen khô. Hạt sen tươi xào đường phèn phớt qua, chỉ cần chất không cần hình. Nhưng thăng hoa nhất đỉnh vẫn là sen tươi và nhãn tươi...*kiểu thay chàng đối thiếp*....và thức nền phụ họa cũng phải la thú roi rói tươi.

Ngày sản vật còn chưa bị lai tạp, ô nhiễm, tẩm đủ nguyên liệu thực thi món chè sen nhãn lồng cũng trầy trật bởi giao thương cách bức, kiểu như bây giờ phải soi đèn pha giữa ban ngày kiểm nguồn thực phẩm sạch. Vậy mà chị buôn bán mấy ngày khắp các chợ đầu mối từ mạn cầu Diên tới chợ Mơ, chợ Bưởi, vòng chéo vào Hà Đông, đập ngang sang Gia Lâm mới đủ thức.

Chỉ có tình yêu và lòng kiêu hãnh ở một người đàn bà tần tảo, hiền thực, tinh diệu mới đủ năng lượng làm được điều đó.

Trưa tròn bóng phố cũng vắng im như quê làng. Chị mút mát, đỏ hường, xõa tóc ngồi quạt máy, anh pha cốc nước chanh bưng tận nơi:

- Mơ ạ, thôi thì năm nay tôi nhịn chè sen nhãn lồng cũng được. Chứ...nhìn mợ lao lực thế này...ngậm miếng chè nhãn

làm sao mà nuốt nổi...

- Chỉ được dẻo mồm...chẳng biết có xót người ta thế thật không. Mùa chay nào mà cậu chẳng có nước mắt. Cậu là thế mà...Chỉ mong có cơ là tốt xuống phố Hiến *thứ nhì*....

Bị đụng lỗi cũ, anh lúng búng gãi băng quơ. Biết mình đã choàng yên tấm lưới vô hình quanh người chồng đào hoa, nhưng thi thoảng chị cũng đành ngơ qua một mắt lưới rách, anh sống ra ngoài rong chơi đôi bữa...

- Ngày mai thưởng chè, cậu có định mời ai không....để em còn liệu. Chứ để cận tới giờ mới phát sinh mời người này, nhớ người kia thì bị động cho em lắm... Mình không thể bưng bát không ra đãi khách được.

Thưởng chè sen nhãn lồng người ta thường chọn con số lẻ ba, năm, bảy. Với lên thêm con số lẻ nữa thì những người tinh tế được mời sẽ chọn cách khước từ và cũng chẳng đầu bếp nào hào hứng trở nghề...

Chè hạt sen nhãn lồng là thức không kén thời gian trong ngày. Ăn để giữ hương, giữ vị, giữ cái cảm giác của ta về trời, đất, về những thương khuất, xa biệt của kiếp người. Ăn chè hạt sen nhãn lồng, để người Việt nhớ trời đất Việt sao có những món ngon siêu thực đến vậy. Nhưng muốn hưởng trọn hương vị của món thì phải là những lúc tâm thế thư thái bên người thân hay bạn quý lâu năm. Chè nóng vừa rời bếp, ướp lạnh hay để nguội tự nhiên sẽ phô diễn hương trội vị trội theo từng cung bậc.

Cửa hàng lụa treo biển xin lỗi quý khách nghỉ một ngày.

Gian bếp và diện tích phòng đệm kê sập gụ khảm được trưng

dụng làm không gian sắp nấp nấu món chè.

Cầm lên chùm nhãn lông lánh lá hoàn nguyên bao chùm quả rắn chắc, cuống xanh, lúc lỉu, tròn to như trái dâu da, trơn bóng, vương hương nhãn thanh dịu, chị cười:

- Bây giờ người phố Hiến còn không phân biệt hết các loại nhãn. Người sành ăn vẫn phải nếm mới biết Hưng Yên thật Hưng Yên giả, em không làm thế vì tin ở mình...

Ngắt đôi trái căng nâu, chấm chấm gai lì, chị lặn qua lặn lại trên lòng tay trắng hồng màu cánh sen, như là đang cảm nhận độ trơn láng của lớp vỏ để ước định độ dày mỏng lớp cùi, độ tròn méo hạt quả. Nâng trái nhãn kẹp trên ba đầu ngón, bên phải, dùng móng tay ngón cái bên trái khứa nhẹ xuống chấm trắng cuống nướm, gãy ngang. Mảnh vỏ cong cong mỏng tơ hơ ngửa ra: Một màu trắng ngọc thạch vân vi những dấu ngón sinh trưởng của dẻ cùi dày chồng khít lên nhau. Hương nhãn nường theo không khí luồn vào đường thở khi ta chẹp miệng thì đã thấy vị ngọt rung rinh.

- Phiến cùi dày, sần sật giòn, nước vừa đủ thấm niêm mạc, ngọt mà thanh vị đường phèn, hạt nhỏ...không phố Hiến cũng là Hưng Yên, không lặn vào đâu được. Đúng là nhãn *nước ba*, hạt róc dùng xoáy long nấu chè thì không còn gì để nói...

Chị uốn cổ tay chấm đôi môi hồng đào sau khi thử một hai trái nhãn. Nức tiếng chiều chồng, chị cũng có thói hay hờn mát nếu không được ý. Dù thèm ứ nước miếng, nhưng tôi và anh vẫn nguyên vị không dám xí xốn nếm nhãn trước đầu bếp.

- Đàn ông nhà này ngoan nhỉ...Thèm lắm hả, nếm đi, chị đâu có cấm..

Quay lưng lại với tôi, dú dú trái nhãn bóc nõn, chị làm hiệu cho anh hé miệng. Ngần ngừ, anh đỡ lấy tay vợ, nhưng chị giãy lên.

- Tay lấm lem thế kia, phí công của người ta...

Anh dẩu miệng đón miếng từ chị...rồi bất ngờ, chụp lấy bàn tay ngà chấm phien lười lên từng ngón thon. Anh thấm mật nhãn phèn. Chị xuýt xoa, cánh tay như tê cứng không rút về được.

- Kìa cậu, xin mình ...người ta cười...

Tôi vờ vừa cặm cùi bóc nhãn vừa lục gương sen trong chiếc túi cói buộc túi miệng bằng cọng cỏ lác. Đường như đợi có thể, chị sai:.

-Ừ, cậu tẽ hạt sen cho chị nhé.

Những gương sen màu lá mạ già chấm chấm vệt trắng nhựa đen bị lấy hết hạt lỗ chỗ như tổ ong tàn. Mỗi gương sen quý cũng chỉ cho mười hạt chắc danh tựa bi chì. Nhưng tôi không thể để tâm vào công việc tẻ nhạt ấy, bởi đã bị thao tác lạ mắt của chị cuốn hút.

Chiếc lá đề điêu khắc từ gỗ hoàng đàn khoét hai lỗ tròn một to, một nhỏ. Anh ngắt những trái nhãn ướm lọt qua lỗ cũ to mới đặt ngay ngắn trong khay sơn mài. Muôn trái như một. Đưa dao cau, chị cắt lẹm một vẩy ốc vặn phía nướm quả, rồi dùng chiếc móng bạc gắn trên đầu cán thuôn hình quẩn bút chuốt từ sừng hươu, luồn vào phần tiếp giáp giữa cùi và hạt, xoáy nhẹ như một động tác máy ngón tay, lấy cho chiếc hạt đen ướt long rời. Mảnh vỏ còn lại được gỡ ra nhẹ nhàng, ba đầu ngón chụm phần thịt quả vẹn nguyên hình cầu trong lông lánh xếp

lên vải lụa trắng trải trong khay pha lê như ngọc trai mới tách khỏi vỏ điệp.

Lựa hạt sen càng nhiều khô dềnh dàng. Lướt đầu tiên là loại bỏ hạt to cộm, lướt tiếp theo hạt vẹo, hạt lép. Còn lại những hạt cảm quan thấy đều nhau thì lại được lá để gỗ hoàng đàn kiểm định. Hạt sen nào lọt qua lỗ cỡ nhỏ liền được anh ném bồm vào nồi đất đựng nước muối loãng.

Nước muối xấm xấp hạt sen, chị khẽ khàng đặt nồi đất lên bếp cồn vụn nhỏ như đang lược trứng mỏng, tay dừa luôn khuấy nhẹ. Anh hút gần tàn điếu thuốc, chị lấy thăm một hạt thì vỏ cứng đã lăm nhăm co lại.

Thau nước lạnh bỏ thêm đá đón đợi những hạt sen trút ào xuống. Khi vớt ra, lớp sừng dai cứng đã mềm như giấy thấm.

Chiếc tấm tre nhỏ khổ vót gấp đôi tấm thường được cất trong hộp đựng đồ kim chỉ góc tủ chè, giờ được chị mang ra thoa dầu dừa, dùng để thông tâm sen. Nháy mắt, tấm xuyên gần suốt hạt thì phần phôi sen xanh xanh điểm vệt trắng ngà đã trồi lên phía trên đầu hạt... Rút tấm ra hạt sen đã rộng mình, mầm lá chứa tinh bột và dưỡng chất vẫn nguyên thế.

Chị thông tâm sen thì tôi và anh nhận lệnh già củ hoàng tinh và củ mài theo công thức đã sẵn có từ mọi năm. Củ mài Bắc Cạn và hoàng tinh Phú Thọ.

Hạt sen ấy, chần nước sôi già bỏ nhúm muối hạt, vớt nhanh để ráo nước rồi xếp vào chỗ đổ. Mỗi lượt hạt sen lại chống một lớp lá sen tươi. Ngâm nga nhỏ lửa bếp cồn. Hạt sen càng chín chậm thì càng bỏ ngâm và giữ phom.

Sen chín thì hãy để im trong chỗ gấm. Chờ đã.

Nhấp nhứ, anh khư khư chống bát thủy tinh Ý chịu nhiệt hình hoa cúc vành miệng ánh tím vừa được đánh bóng bằng trái me chín, tráng một lượt dầu dừa. Chị dùng chiếc kẹp bạc nhỏ vốn dùng gấp đá viên uống rượu mạnh, gắp như nín thở lồng từng hạt sen đỏ chín vào vòm cầu cùi nhãn. Cùi nhãn âu yếm ôm khít hạt sen... Màu vàng thế màu đen. Cứng bóng nhường mềm phụng. Sắc ngọc trắng của nhãn đã ngậm sắc hoa hiên hạt sen. Ấy là sự *thay chàng đổi thiếp* làm nên tên gọi món danh bất hư truyền từ chốn thêm vàng điện ngọc...

- Đúng là như cậu với mợ ấy nhỉ?

Lỡ lời, anh rúm vai lè lưỡi. Chị nhíu mày, hứ một tiếng.

Đến công đoạn này tôi vỡ lẽ tại sao chị lại bày vẽ dùng củ tuyến nhãn tuyến sen. Phải là hạt sen cùng cỡ mới vừa lòng một cùi nhãn cùng cỡ. Mỗi cùi nhãn chỉ dành cho một hạt sen, cũng như mỗi người đàn bà hương sắc chỉ dành cho một người đàn ông xứng với hương sắc ấy.

Củ mài, củ hoàng tinh già nhuyển cối đá đã được lọc qua hai lần vải thô, sạch xơ, hết nhớt lại lọc thêm một lần vải lụa. Đánh lắng, dùng thìa bạc hớt phần váng tinh trên mặt bột vào chiếc âu thủy tinh hình lục lăng. Pha tỷ lệ nửa tinh bột củ mài, nửa tinh bột hoàng tinh vào nước mưa lọc, quấy đều tan mượt mà. Chờ đã.

Như một nhà giả kim thuật, chị mang ra mấy chai mật ong. Có thể là mật ong hoa nhãn phố Hiến, mật bạc hà Hà Giang, mật hoa anh túc Lai Châu rót chừng một cốc vang nhỏ vào nồi thủy tinh đã sẵn váng tinh bột hoàng tinh, tinh bột củ mài hòa loãng. Hoặc nếu ai không hợp hương vị mật ong vì dị ứng phấn hoa thì phổ thông đã sẵn đường phèn xứ Quảng, nặng phien như thạch anh và ngọt sắc như nắng lửa Trung phần.

Nếu không có mấy thức trên thì đường kính trắng, nước mía tươi ép cũng thể tất nấu cho chè hạt sen nhãn lồng, nhưng cũng chỉ là một thứ phải đạo.

Và còn độc chiêu dùng cam thảo tươi của các thầy thuốc Nam xứ Đoài thế cho vị ngọt thông thường khác, nhưng chị nói công thức nhiều khô và mệt mỏi lắm.

Chiếc bếp cồn đồng thau được tiếp thêm nhiên liệu trước khi đánh lửa. Đều đều chị quay đĩa thông thả như người Tạng làm phép chuyển bánh xe kinh luân, ánh mắt thôi miên vào từng tấm bột lăn tăn chấm li ti dưới đáy. Khi bóng mặt ong căng phồng, thơm ngán ngất, chị nhanh tay vặn tắt lửa để thứ nước sánh vàng, có xu hướng sắp bị cô đặc, có cảm giác nặng hơn mỗi vòng xoay đĩa ấy thoát khỏi cơn sôi trào bỗng vượt miệng nổi. Chờ thứ nước trong màu hổ phách hạ nhiệt có thể chạm tay vào nổi mà không bị bỏng, *sữa* chè co mặt váng, bên dưới có vẻ lỏng ra, chị lại đặt lên bếp đun tiếp. Lửa qua lửa lại, ba lượt nóng lạnh, đặc vào loãng ra như kiểu quấy bột trẻ em thì váng tinh bột hoàng tinh và củ mài mới chín hết tấm trong mặt ong...

Chiếc lồng mây đan úp mâm đồng trên mặt sập gụ khế khàng mở ra: bát thủy tinh đã sắp vòng, dưới bát lót một bông sen kết từ cánh sen quý mỏng mảnh, phớt màu trắng. Dùng muôi bạc chuôi đứng, chị múc *sữa* chè rót sao cho ngập vừa kín mấy viên nhãn - sen để cho chúng không hằn nhô lên khỏi bề mặt nhưng cũng không chạm chìm đáy bát...Trắng ngọc cùi nhãn viền quanh nhụy vàng hạt sen bày nhóm năm nhóm ba trong mỗi bát nhỏ bát nhỏ, sánh ngán *sữa* chè trong khúc xạ ánh sáng của thủy tinh của hơi nóng tỏa lay phay...rạng quang như thức chay nhà Phật.

Đây là cách thức giữ cho sen nhãn nguyên vị đẳng lập với nhau.

Với tay lên gờ bức tường hoa, chị mở cuộn lá chuối tươi: Dề hoa cau ba nhánh mím mím đầu nụ khai nhụy, hé một tia sắc vàng nhưng hương cau đã rứt rề loang đầu dây the the.

Gác nhánh hoa cau ngang miệng những bát chè, chị thả chiếc lồng mây đan niêm kín lại thứ hương thơm dịu mát cùng phổ tần cung bậc với hương sen hương nhãn.

- Sao mợ không dùng hoa bưởi hoa nhài như hàng phố?

- Chồng em ơi, bưởi với nhài là hương nửa quê nửa tỉnh. Nhãn và sen thì chỉ tươi tốt chốn chân quê. Chân quê hợp với chân quê thì không hương nào hơn hương cau chồng ạ...

Dùng hoa cau hợp hương với chè sen long nhãn chẳng rõ là sáng tạo riêng của chị hay là bí mật được chân truyền, cho đến giờ tôi chưa tỏ.

Cối giã, vải lọc, vỏ củ quả dọn quang, nền gạch men ô trắng ô đen láng mịn thì trên sập gụ món chè sen phai nhiệt các phân tử hương cau cũng vừa kịp đan lóng một lóng hai với hương sen hương nhãn. Nắng chiều đã chạy vạch tới sống lưng mái nhà. Một thoáng trầm ngâm bóng râm trong thềm.

Để thưởng thức chè sen nhãn lồng theo nếp nhà chị thì hãy còn dư ba bốn tiếng. Bữa tối đậu phụ rán, cá bóng sông Hồng kho ớt gạo xanh, kết trong hồi hộp chờ đợi của chị và anh...và tôi. Chờ đã.

Tắt đèn, thắp nến. Nến cây tỏa sáng xa, nến đĩa hắt bóng gần. Chiếc máy hát Thorenze mười hai đĩa tự động đời 1950 rề rề

tấu lên những khúc tình dân ca Kinh Bắc. Gió khua lá khô mắc trên mái ngói rêu. Một thoáng rừng mình như ngấm lạnh.

Quần đùi sáng màu, áo cộc đen cổ bẻ chấm bi trắng, tóc lảng, anh khoan tay ngồi đợi bên chiếc bàn vuông, trải khăn lạnh trắng. Hoa huệ.

Lụa Vạn Phúc sóng sánh đen theo mỗi bước chân, hai bông hoa cúc trắng thêu lệch trên ngực áo hình tim, mái tóc vén cao sau gáy, chút nước hoa Hermès dành cho buổi tối cuối tuần, chị tôi bỗng xa vời.

Bộ quần áo lính bùng bùng Tôi mang như là nốt nhấn đối trọng với trăm mặc, cổ kính và cả giao duyên tân thời. Cầm chiếc thìa bạc, tôi ngấm chiếc bát thủy tinh bày năm chiếc long nhãn hạt sen lơ lửng đóng băng giữa sữa chè trong suốt, như mộng hơn dưới tác động của ánh nền pha sắc ánh vàng của mật ong hoa nhãn, của tinh bột phụ gia, đặt trên khay lót bát sơn mài đỏ sậm.

Tôi không biết bắt đầu từ đâu. Nên thọc lưỡi thìa bạc vào khoảng thạch sữa vô thường kia hay là chiếm lấy một chiếc long nhãn hạt sen nghiêng ngấu tức thì.. . Nhưng cái liếc mắt của người chị họ đã ngăn tôi lại. Tôi hiểu rằng, để ăn chè sen nhãn lồng đúng cách thì mình cần phải học ngay từ lúc này. Tôi ngạc nhiên, bao vị hương đã tích hợp giờ bát chè chẳng một chút còn vương vấn nhận ra. Hương cảm rồi hay sao?

Trở chiếc thìa bạc hướng đến tôi, chị nói:

- Có bao nhiêu kiểu người thì cũng có bấy nhiêu cách thưởng chè sen nhãn lồng...Dùng *sữa* hay dùng *nhãn* trước thì phong vị vẫn khiến người ăn lĩnh hội đủ đầy....

Chị ngửa ngửa bàn tay nâng bát chè, dùng thìa vén, tủa từng vẩy *sữa* chè ở góc bát đối diện, đưa lên âu yếm ...ngấm rồi mới hé miệng, khuôn môi mở đủ rộng đưa lọt chiếc thìa qua hàm răng trắng tấp thì môi trên bập xuống, mím mím lại. Chị nhắm mắt như định vị lại mình giữa cơn phiêu diêu, đôi môi đầm thắm hồng lên như vừa tắm thứ sương ảo huyền.

Lóng ngóng Tôi bắt chước chị. Không khó, nhưng để khoan thai, chậm mềm mỗi cử chỉ thì quả là thách thức. Căng thẳng, cảm thấy mình ngổ nhưng theo sữa chè trong quánh run run vừa ngự trên lưỡi thì loang ra như sóng điện tê lạnh, Tôi phấp phồng như lo sợ bị thất vọng. Chẳng lẽ chè sen nhãn lồng mà vô vị thế này? Không, sau khoảng rừng mình là bàng hoàng của vị giác bị ngợp giữa bùng nức của hương vị lần lượt trôi theo nhau níu chặt mọi ý nghĩ vào miếng đang hiện hữu trong miệng. Vị ngọt lúc nhả, lúc gắt của mật ong nhãn, dẻo dịu củ mài ngai ngái vị rừng già đá núi và chút uốn lượn mềm mại hoàng tinh xứ đối thúc hối tôi mau cầm thìa vào bát chè mau cướp lấy chiếc nhãn sen đang ôm ấp nhau ngậm một nụ cười kia mà tận hưởng.

Tôi đắn đo, không biết thức trông như ngọc như ngà kia ngon có làm mình thất vọng không nhỉ? Nếu nó cũng tầm thường như muôn nhãn muôn sen khác thì sao? Khoang miệng tôi bỗng mát dịu một đàn nhưng không yên tĩnh với dự báo mơ hồ, chiếc thìa bạc đã *automatic* mang về cho chủ nhân nó một chiếc nhãn sen. Lưỡi đụng đây chờ phản xạ, răng nhấm nhấm thăm dò, vị giác thả lỏng thụ động...hoang mang.

Bỗng sáng bừng như vừa xé toạc tấm màn nhung đen che nguồn sáng; thì ra trên đời lại có thức ngon trần thế nhường vậy và cũng mang cảm giác thanh cao tự nhường kia. Thấu qua cùi nhãn giòn ngậm những âm trầm đến ngần ngại chưa

xong, thì đã chạm đến tơ mịn, hoang đại rộng dài ngậy mượt hạt sen nổi nổi những hợp âm mang màu sắc của vị của hương trên nền hương cau thân thuộc. Hình như ta đang ngồi trước thềm nhà trắng sáng hoa cau, dưới bóng hoa nhãn đón gió đầm sen...

Răng, môi, lưỡi và cả cái miệng tham lam của ta bỗng dưng biến mất trong mê choáng. Suýt nữa ta kêu trời! Tiếc rằng ta đã không đủ tài khả tả sự ngon cuồng thống này với người thân. Ước gì, ta gửi được chiếc chè sen nhãn lồng qua đường thư dậm ngàn...

Có lẽ, chỉ rượu nếp cái hoa vàng trữ nghìn ngày lạnh chum sành mới sánh được chè sen nhãn lồng trong việc chi phối xúc cảm con người khi thụ hưởng. Đã hiện hữu bao cách tới chè hạt sen long nhãn, một mai nhãn phen vẫn xanh phố Hiến, sen quỳ lậm lụi kết hạt Hồ Tây hẳn còn thêm cách cho thức món kết hai xứ Đông- Đoài...

Nấu chè hạt sen long nhãn có thể viện cùi nhãn, hạt sen tươi, sen khô nướng từng mùa. Ngày nhãn chín và buổi sen tàn là thì để các thiếu phụ ở miền văn hóa ẩm thực sen nhãn bộc lộ đậm thắm với người đàn ông của mình.

Thiếu phụ Huế có thể làm món chè hạt sen long nhãn không kể tháng ngày miễn là chàng ao ước. Gái phố Hiến chẳng may lấy phải chồng xa thì trong tay nải hồi môn không bao giờ thiếu long nhãn theo bước chân hành trình làm vợ.

Tháng năm tôi thưởng thêm chè hạt sen nhãn lồng phố Hiến, chè hạt sen nhãn tươi Huế, không nở so bì mỹ vị từng nơi, nhưng để bắt đầu cho món chè huyền hoặc thì không thể đâu khác ngoài một tọa độ Thăng Long khởi hứng.

Vào Huế, xuống phố Hiến bất kỳ lúc nào cũng thế có chè hạt sen nhãn lồng, nhưng ở Hà Nội nếu không gặp đúng người, đúng chốn nơi phố cổ thì sẽ chẳng bao giờ...Bởi Hà Nội bộn bề những tinh hoa tụ hội. Khi tinh hoa ở bên tinh hoa đến chật chội thì tinh hoa cũng trở nên phai mờ...

Để giằng níu lại anh đang trong tay người tình phố Hiến, chị đã lậm lụi phục lại công thức nấu chè hạt sen nhãn lồng đang phôi phai xô bồ.

Và tôi tin, chè hạt sen nhãn lồng mà người chị họ đã nấu mới thực sự e ấp hạt sen trong cùi nhãn, bện hương lồng thân như là tan lẫn...

Hơn một sớm mai, chị bật thốt bí mật tưởng gửi theo chồng.

- Anh và người đàn bà ấy, đúng là một cặp trời sinh. Hình ảnh họ trò chuyện nói cười bên nhau mỗi khi hiện về, chính chị cũng không nở làm ồn quấy phá trong tâm tưởng....Giá như chị có hai thân phận và anh cũng vậy...thì chắc chị đã để cho anh hát ca cùng người đàn bà ấy với những là nhãn lồng với những là quỳ sen...

Một mùa nhãn chín sen tàn, trong lần lưu diễn dưới tỉnh, anh uống rượu dưới trăng nhả hứng lội xuống đầm ven cửa sông hái sen và không về với chị nữa. Từ đó chị cũng chẳng tha thiết gì nấu chè hạt sen nhãn lồng ngày thường.

Nhưng kỉ niệm ngày cưới, cũng là ngày nhãn chín sen tàn, chị lại nấu món ấy bày trước bàn làm việc, bên cây đàn piano của anh. Nhãn lồng từ phố Hiến gửi lên qua xe khách tốc hành. Còn sen, đương nhiên là sen quỳ Hồ Tây, có một vài người trồng sen lẻ vẫn hay bán rong gần cửa Phủ ...

TÁC PHẨM MỚI: CHÙM MỖI TÁC GIẢ TRẺ MỘT TRUYỆN

(NV&TP) Thời gian làm nên cái mực thước, nên chiều sâu triết học cho văn chương; nhưng cái nhung tuyết của nó thì phải là tuổi trẻ (xin hiểu trẻ còn ở mặt mới viết, như trai gái muộn làm chồng vợ.) Nếu bạn chưa tin, xin hãy đọc thử...

TRẦN CHIẾN KHÁC THƯỜNG

Truyện ngắn của Hạnh Trần

Sáng sớm tinh mơ đã nghe thấy tiếng ông oang oang trong điện thoại. Ông bảo nhà có khách quý, sắp xếp mà về. Tính ông thế, nói to và ngắn gọn đôi khi như khẩu lệnh, người ngoài đôi lúc cứ tưởng ông đang ra lệnh cho con cháu. Nghe điện thoại của ông ai cũng phải để máy cách xa tai cho khỏi rung màng nhĩ. Tuân lệnh, tôi sắp xếp công việc cố về kịp giờ cơm trưa.

- Khách quý đấy, con ạ. Bạn chiến đấu cũ của ông suốt mấy chục năm nay giờ mới liên lạc được, đêm qua ông chẳng ngủ được cứ thao thức làm bố mất ngủ lây. Chưa sáng đã gọi bố dậy sẵn sàng xe cộ ra đón khách tận bến đấy.

Bố dắt tôi dúm vào mâm rượu trong nhà đang bắt đầu nâng chén. Tôi rụt rè, kính cẩn chào khách. Ông tôi bảo tôi cạn chén chào... Lý do đại loại là may sao các ông đều còn sống đến ngày nay để gặp nhau và mừng cho ông có cháu đích tôn là tôi khôi ngô, khỏe mạnh. Tôi ngần ngừ nâng chén rượu chưa biết tính sao thì ông ra hiệu rót đồ sang chén ông một nửa. Tôi xin phép nâng chén. Chà! cổ tôi rất rạt như phải bỏng.

- Thằng cu cháu mà chả giống gien bác nhỉ. - Ông cụ bình người bé nhỏ được giới thiệu trước kia là cần vụ của ông võ vai tôi khe khẽ. - Này cháu! Ông cháu ngày xưa uống vô địch thiên hạ đấy.

Tôi khá ngạc nhiên khi nghe nói về tửu lượng của ông. Thường thì có cổ bàn, ông chỉ nhấp không quá một chén, mà là chén hạt mít thôi, không hơn.

- Tôi nhớ mãi vụ ấy. Ngắm lại thấy mình cũng chả ra gì. Vì tôi mà anh rụng sao, hạ chúc. - Ông khách to cao, tóc bạc trắng là cấp phó của ông tôi có vẻ trầm tư.

- Cũng vì cái vụ ấy mà bố thằng cu này giận tôi mãi. Do cái bận nó đem hồ sơ của tôi ra xem để kê khai lý lịch, thấy có ghi cái án kỷ luật hạ cấp, ông ạ. Nhưng mà thôi, chuyện cũ rồi.

Ông tôi vừa nói vừa nhìn bố tôi cười cười độ lượng. Bố bắt giắc đưa tay lên gãi phía sau mái tóc đã có sợi bạc với vẻ bối rối.

- Sao anh không kể cho mọi người biết? Ngần ấy năm trời rồi còn gì! Mà anh cai rượu thật đấy à? - Bàn tay ông khách ngày trước là cấp phó của ông tôi đẩy những đốm đồi mồi cằm chén run run, làm rượu cứ sóng sánh, sóng sánh.

- Ừ. Đời người ai cũng có những điều khó nói. Sau đận ấy tôi bỏ

luôn rượu tới giờ. - Ông dốc cạn chén như muốn uống trôi điếu gì vương trong cổ. Ánh mắt chột xa xăm.

Câu chuyện sôi nổi của người già khiến tôi bất ngờ và tò mò. Tôi có cảm giác như ông tôi và các bạn chiến đấu đang sống lại thời trận mạc, và tôi bị cuốn vào bộ phim chiến tranh, như một người lính trong cuộc.

Năm ấy, ông tôi đang là đại úy giữ chức tiểu đoàn trưởng. Cấp trên tín nhiệm là người chỉ huy khá rắn rỏi, quyết đoán; ẩn sau cái vẻ hiền lành, to cao và điển trai của một người đàn ông vùng núi phía Bắc. Sau khi hiệp định bốn bên được kí kết, mặt trận có vẻ thưa tiếng súng. Quân ta chủ yếu lo chiếm lại các địa bàn quân Cộng hòa đồn trú. Đôi khi, lẫn ranh giới phân chia giữa ta và quân Cộng hòa chỉ cách nhau một con kênh hoặc một trảng đất trống. Thực ra ta và địch ở thế càn rãng lược, trong ấp cứ mười nhà thì có tới năm nhà có người thân bị xung lính, còn lại cũng thì thục chăm nuôi quân Cách mạng. Ngày địch đồn trú, đêm ta hoạt động. Thi thoảng tắc bọp vài tiếng súng còn hiếm khi có bom oanh tạc vì cũng toàn bà con mình cả. Đôi lúc hiếm hoi, loa oang oang lệnh ngừng bắn thì binh lính hai bên đều sung sướng, mãn nguyện nhất là lính Cộng hòa được về nhà nghỉ ngơi ăn nhậu và sát phạt chiếu bạc đỏ đen, hay ngả ngớn tán cuội với mấy em út. Cả cái ấp lại rộn ràng như tết.

Khi ấy, ông tôi chỉ huy hơn 400 quân, chủ yếu là lính Bắc vào, khí hậu, thổ nhưỡng khác biệt, nơi ăn chốn ở đều phụ thuộc vào dân trong xã ấp. Dù đã có vợ con, nhưng ông tôi còn trẻ trung, to cao, nam tính, đi đến đâu cũng được dân quý, nhất là cánh đàn bà con gái nên công tác dân vận rất thuận lợi. Lúc

đầu đơn vị ông làm địch vận, tuyên truyền kêu gọi những người lính Cộng hòa quay súng về với cách mạng, sau đó thì xây dựng cơ sở sẵn sàng chiếm đồn, giành ấp ở vị trí chiến lược này. Dù là cấp chỉ huy, nhưng ông tôi cũng ngủ ngày đi đêm như cú, đang sức trẻ mà. Ở hầm ăn cơm nắm với lương khô cùng anh em chiến sĩ, cùng san sẻ vất vả hy sinh mong ngày thắng lợi. Hẳn chỉ huy phía bên kia còn kém ông tôi một cấp bậc. Tuy nhiên, cấp trung úy bên Cộng hòa thì được hưởng lợi hơn bên ta nhiều, có xe hơi, nhà riêng, có cận vệ và đương nhiên lương bổng tiêu xài thoải mái...

- Ăn đi cháu. Nghe chuyện ông nội kể hay quá, ngăn cả người ra hả? - Ông cần vụ giục già tôi, rồi quay sang nói với ông tôi: Em nhớ. Tay ấy nổi tiếng hào hoa, tiền vung tay nuôi hàng đàn em út, bác nhỉ!

Ông tôi đặt đũa, bảo:

- Phải. Thằng cha ấy ăn tiêu mút mùa và rất tài uống rượu. Hầu hết những ngày ngừng bắn êm ả, hẳn thường đầu rượu với các tay có máu mặt trong vùng và chưa ai qua mặt được hẳn. Rượu với hẳn, chỉ như nước lã, mà nước lã uống cũng còn no còn chán, rượu càng uống càng vào. Đây là nghe người dân trong ấp đồn vậy chứ tôi có nhìn thấy hẳn bao giờ. Địa điểm tụ tập ăn nhậu thường ở quán cô Hoa - cô "Hoa vọng cổ" bán quán đầu cầu ấy.

- Cô Hoa đó, người đẹp như hoa, ca vọng cổ ngọt ngào như rót mật. Chỉ tiếc mỗi tội hay qua lại với hẳn chứ không thì...! - Ông cần vụ dựa lưng vào tường, mắt liu diu về muốn ngủ, nhưng vẫn cố chăm chú với câu chuyện.

- Cái cô Hoa cũng chả ưa gì thằng cha ấy đâu, chả qua cũng phải lựa chiều để hấn bảo lãnh cho độc quyền bán hàng mà không bị ai bắt nạt. Cái vụ tử thí rượu cũng do cô Hoa trêu hấn thôi. Chả hiểu sao máu sĩ nổi lên thế là hấn tự bản tiếng thách đấu với tôi. Thời điểm cấp trên giao cho ta phải chiếm lại bằng được cái đồn và áp chiến lược, hấn đang nắm quyền kiểm soát khá quan trọng. Suốt bao ngày đêm vắt óc suy nghĩ các phương án đánh sao cho hiệu quả nhất mà vẫn chưa thấy ưng ý. Tôi cũng muốn nhân cơ hội ấy, để hiểu và biết thêm tình hình phía Cộng hòa.

Một tuần rượu nữa lại qua.

Tôi chủ động hầu rượu các ông. Cơ hội ngàn năm có một để tôi hiểu ông tôi và các bạn chiến đấu của ông. Tôi lại bị cuốn vào cuộc đấu có một không hai ở mặt trận giữa hai phía mà sử sách chưa từng ghi chép.

... Tình cờ trong trận rượu nổ trời ở quán cô Hoa, viên chỉ huy lính Cộng hòa hứng lên chém tay tuyên bố hùng hồn:

- Trên đời này chưa ai qua được mặt tui ba cái vụ uống!

Cô Hoa vừa rót rượu vừa đưa chuyện làm quà:

- Nếu tìm được người uống giỏi hơn thì anh tính sao?

Thằng chả hung lên vỗ bàn quát:

- Đứa nào hơn tui vụ đó, tui coi nó làm cha luôn.

Đúng là, đổ moi đâu ở cái ấp này được người uống rượu như hấn. Cô Hoa bí nước, nói đại là có người, nhưng ổng là người

phía kia. Nói vậy để hấn thôi bắt bẻ, ai dè thằng chả ấy đang hăng quyết luôn:

- Bên nào cũng chấp tuốt. Gọi hấn đến đây đấu một trận xem sao?

- Bộ gọi hấn đến đây, hai bên uýnh nhau sập tiệm em, chả đại.
- Cô Hoa nũng nịu, đưa đẩy.

- Đã đấu rượu thì bỏ đấu súng. Yêng hùng đâu tính chuyện lèm nhèm.

Cô Hoa biết hấn nói thật. Mang tiếng tánh như hổ lửa, nhưng coi bộ hấn cũng khảng khái, không tổn mồn, thù vật.

Chuyện cũng đến tai ông tôi. Ông tôi trêu cô Hoa rằng, cứ bảo với hấn: phía bên này có người chỉ huy uống giỏi lắm, mút tầm đại bác luôn, có giỏi thì chơi. Với một điều kiện bên thua sẽ rút toàn bộ quân khỏi vị trí chiến lược nhường lại cho bên thắng mà không giao tranh, không đổ máu...

Ông tôi nghĩ chỉ nói chơi thôi, chắc chắn chả ai rõ đại đi nhận lời cái điều kiện sanh tử ấy. Không ngờ thằng cha làm thật. Hấn tuyên bố chấp nhận điều kiện, và nếu bên thua là hấn, hấn sẽ trả tiền toàn bộ số bánh kẹo bia rượu trong quán cho bên thắng khao quân, và ngược lại phía Cách mạng cũng phải... lui quân. Hấn tự tin, bảo cô Hoa: "Mấy ổng Việt cộng ốm nhách đu một cọng đu đủ không bẻ sức chi mà uống".

Suy nghĩ hết một đêm hai ngày tìm hiểu, cộng thêm cơ sở tình hình thu thập từ những cuộc dân vận, ông tôi nhận lời cái rụp. Chả hiểu có ma lực nào xui khiến mà lúc ấy ông lại liễu lĩnh đến thế.

- Ngày ấy, anh bí mật chửi bèn với ai, cũng không nói cho ai biết. Tự dưng giao cho tôi phương án đánh trận cận kề như thể anh sắp đi xa đến nơi. Tôi cứ thấy nóng ruột, linh tính có điều gì sắp xảy ra rất nghiêm trọng. - Người khách vốn là tiểu đoàn phó này giờ ngồi tư lự, chậm rãi bắt lời.

Ông tôi nhấp một ngụm rượu nhỏ, khà một cái rồi bảo:

- Thế mới nên chuyện, ông ạ. Rồi bây giờ, mới lại có chuyện mà nói.

Tò mò quá, tôi lại giục già ông kể tiếp. Ông tôi bảo:

- Ủ. Hôm nay, ông đã kể thì kể hết, cho cả bố cháu nghe nữa.

Bố tôi có vẻ bẽn lẽn, với tay gấp một miếng giò bỏ vào bát của ông, rồi cũng đồng tai nghe. Thì ra câu chuyện ly kỳ, dù có tưởng tượng siêu phàm cũng chẳng hình dung nổi.

Cuộc đấu rượu diễn ra ngay trong quán cô Hoa.

Mỗi bên chỉ cử một người cần vụ đến chứng kiến, tuyệt đối không đem theo quân cán gì. Không súng ống, đạn dược. Ông tôi bước vào quán ra vẻ hùng dũng lắm, nhưng thực tình cũng...thấy gai gai khi nhìn thấy hấn chỉ huy phía Cộng hòa ngồi bên thẳng lính cận vệ to cao quân phục rằn ri, tay đặt lên bao súng lục bên hông. Hấn ta ngó thấy ông tôi mặc đồ dân thường lảng trớn tuột lượt, không vũ khí, mới hất hàm ra hiệu thẳng lính rằn ri tháo súng bỏ ra ngoài. Thằng cha cũng nhát đòn, ông tôi nghĩ vậy. Bình tĩnh ngồi xuống ghế phía đối diện với hấn, không có cái bắt tay, chửi ai đi bắt tay với kẻ thù

dù là trong cuộc rượu. Chào nhau bằng ánh mắt lạnh lạnh xong, hấn gọi cô Hoa ra tuyên bố cuộc đấu.

Thứ nhất: Không súng ống, không đổ máu kể cả sau cuộc đấu rượu.

Thứ hai: Bên thua sẽ phải rút quân vô điều kiện.

Thứ ba: Quan trọng nhất, bên nào gục trước, bên ấy thua.

Hấn dẫn chén cái cốc xuống mặt bàn như quan toà tuyên bố kết thúc phiên xử.

Ông tôi đã cười trên lưng hổ. Chẳng có cách nào khác là phải theo đến cùng. Cốc to được đặt trong lòng bát, rót sao cho rượu phải tràn qua cốc xuống mới được cho là đầy. Cần vụ phía này rót cho chỉ huy bên kia để đảm bảo không gian lận. Sau một tiếng “mời zô” của chủ quán lần lượt hai cốc rượu sẽ được uống, nhanh chậm không quan trọng, nhưng hết lượt hai cốc đều tốc ngược đáy mới rót lượt khác. Được. Không có gì là ghê gớm lắm, người miền núi ta thường uống rượu bằng bát cơ mà. Ông tôi tự trấn an vậy.

Tới lượt thứ ba, ông tôi thấy trong bụng nóng lắm rồi. Cố nín thở cho hơi cay khỏi xộc lên mũi, uống một mạch cho xong trước đối thủ. Trong lúc đợi hấn cạn, ông tôi vờ thản nhiên nói: “Cô Hoa à, rượu này nhẹ lắm. Ngoài bắc, nhà tôi nấu rượu ngô trong vại vắt, uống vào muối đốt cũng say lăn kênh.” Cô Hoa nghe vậy cười tủm tỉm. Hấn trợn mắt dốc nốt cốc rượu định nói điều gì, chắc sức nhớ trong điều khoản không quy định về việc giữ im lặng nên lại thôi.

Cần vụ rót cốc thứ tư. Ông tôi bảo đối thủ:

- Nếu còn sống trở về, nhất định tôi sẽ gửi mấy can vào biếu mọi người trong này nếm thử. Chả đâu bằng rượu quê tôi, sáng sớm uống đi làm không cần ăn mà vẫn no. Trẻ nít đàn bà con gái uống cho má hồng, người già uống ấm bụng, trai gái uống để say nhau. Trời rét căm căm, nổi rượu lên hơi trên bếp lửa hồng, làng bản quây quần truyền tay bát rượu ấm nóng thơm men lá rừng thật không gì sánh bằng.

Thằng cha ngựa mồm tự dưng chêm vào:

- Quê tui rượu dừa mới đích thị là tiên tử. Chưa uống rượu dừa coi như chưa biết uống rượu. Chỉ có những hàng dừa quê tui mới cho những trái to nhút, mọng nước dày cơm. Mẹ tui lựa trái ngon, rút nước cốt ra bơm rượu vào nguyên trái, xếp ở góc chòi tới khi vỏ héo vàng thì uống thơm ngọt tới bến luôn. Trời nóng, bỏ vô chén rượu mẩu đá lạnh thì càng tuyệt, uống vào tới đâu biết tới đó. Không tin hả? Vậy khi nào tui cho uống thử coi...

Ông tôi nghe kể thế cũng thấy thèm, ước chi một lần được nếm thử xem ra sao.

Cốc rượu thứ năm vào chậm hơn cốc trước. Mang tai ông tôi cũng buồn nhồn nhột rồi, nước miếng bắt đầu ứa ra chỉ muốn có chỗ dựa lưng. Hại quá, cái ghế đầu trượt lỏi, ông tôi đành tì tay lên bàn, nhấc mí mắt cho mở to để đầu mắt. Thằng cha bên đó cũng đã phồng mồm gượng nuốt, nhưng vẫn cố gồng người thẳng đuồn trên ghế ra bộ vững chãi, mắt hần đã nhạt vẻ hung hăng thay vào đó là một ánh nhìn pha nét buồn xa xăm nào đó. Ông tôi bảo cô Hoa cho xin một câu vọng cổ, mai mốt lỡ có chết cũng một lần được biết mùi lai rai thú thiệt, vừa uống vừa nghe ca xem ra làm sao. Cô ấy nhìn thẳng chằm chằm dò. Hần hất hàm đồng ý ra lỏi ban ơn cho đối thủ là

mình, ra chùng uống rượu nghe hát như thế mới là đỉnh cao của các cuộc nhậu chỉ quê hần mới có. Cô Hoa mặc bộ bà ba đen cổ khoét hình tim, tóc bới cao lộ cái cổ cao trắng nõn ngực phập phồng hơi thở, tay cầm chén rượu ngồi ghé sang phía ghế của hần và cất giọng hát.

Từ là tư phụ tướng,

Báu kiếm sắc phán lên đàng.

Vào ra luống trông tin chàng.

Năm canh mơ màng...

Tiếng hát và người con gái đẹp như làn gió mát thổi dịu dần cái không khí nóng bỏng và căng thẳng giữa cuộc đấu. Cả hai phe đối nghịch thoáng quên đi hận thù trong chốc lát, lòng thấy chùng lại khi ngoài kia con mương nước đang thao thiết chảy, tiếng mái chèo khua êm êm của vỏ lãi về khuya. Trăng thượng tuần chênh chếch sáng đến nao lòng. CƠN GIÓ KHUYA mang hơi đất bùn nồng nồng của đồng bãi thân thuộc tràn ngập không gian yên ả. Cảnh vật thanh bình quá đổi. Cô ấy hát có hay không mà ông tôi chẳng cảm nhận được nữa, chỉ thấy hình ảnh núi đồi quê hương đang trôi bồng bềnh trước mặt. Thấy thằng cu tí cưỡi truồng theo mẹ đi cồng ngô, cụ tôi đang gói bánh chưng tết. Hình ảnh cô Hoa lúc mờ lúc tỏ, có tiếng khóa nước đầu dây, ai như người vợ ở quê đang tắm bên khe nước vắng...

Chao ôi buồn ngủ quá...

- Lúc ấy, thấy mắt bác lơ đãng, thú thật em phát hoảng. Em nghĩ

bác thua sớm rồi. Thật ra được bác dặn không mang súng ống theo, nhưng em cũng giấu bác thủ sẵn “quả na” ở túi quần trong, sát bên ấy. Lúc ấy em thoáng nghĩ cục diện xấu nhất thì “bùm”, ta nó cùng chết. Về sau em kể lại cho thằng bạn thân nó cười bảo em là “hèn” hơn cả địch. Em cãi cố rằng hèn chứ không nhát, với giặc mình có dùng tiểu xảo cũng là mưu lược... - Ông cần vụ tũm tĩm cười rót thêm tuần rượu mới cho mọi người, không quên nâng chén mời ông tôi trước.

- Chính lúc mơ màng ấy thấp thoáng hình ảnh quân mình ăn tết dưới hầm, mặt mũi lấm lem chia nhau từng hơi thuốc lá cuộn. Rồi thằng Hòa ở tổ hậu cần trúng đạn khi nấu bếp, máu thấm đỏ cả cơm đã khiến tôi bừng tỉnh...

Ông tôi mở mắt, ngó sang thấy thằng cha bên kia chừng đã ngấm rượu, gật gù theo câu vọng cổ với nét mặt trở nên hiền lạ, như một anh nông dân nghỉ ngơi sau buổi cày bừa, sum vầy bên gia đình trong bữa cơm chiều đầm ấm.

....Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.

Bao thuở đó đây sum vầy,

Duyên sắc cầm lợ phai.(í a)

Là nguyện cho chàng

Hai chữ an bình an.

Trở lại gia đình,

Cho én nhận hiệp đôi.(í a)

Lời ca cứ như lời mời gọi thiết tha những người chinh phu bình an về với gia đình để sum vầy hạnh phúc. Phải chi không có chiến tranh chắc hẳn ta cũng là một anh nông dân khỏe mạnh chăm chỉ, ngày đi làm, tối về lai rai chén rượu suông, ca đôi câu vọng cổ với những ông bạn láng giềng chân chất mộc mạc. Ôi, chưa bao giờ ông tôi lại thấy cuộc chiến nổi da xáo thịt như lúc ấy...

Tuần rượu mới lại rót đầy tràn cốc. Thằng cha bên kia uống tiếp được nửa cốc, hần buông tay cầm rồi nằm gục xuống bàn. Ông tôi đứng lên và quả nhiên khi đứng lên, rượu trong bụng dồn xuống nhường chỗ cho cốc rượu cuối cùng không trào ra ngoài. Úp cốc. Ông tôi tuyên bố thắng cuộc rồi bước ra ngoài.

Sau đó thì làm thế nào về được nhà, ông tôi không biết nữa.

- Bác cũng gục. Chỉ là gục sau đó dăm mười phút thôi. Khi đi ra khỏi cổng nhà cô Hoa, em phải công đại úy, tiểu đoàn trưởng của em về. Chao ơi là nặng. Từ thừa cha sinh mẹ đẻ chưa thấy mấy ai uống rượu như nước lã vậy. Đứng rót mà nhún cả tay chân. - Ông cần vụ xót xa như câu chuyện ấy vừa mới xảy ra.

- Sáng mở mắt ra thấy nằm ở trong hầm. Nghĩ lại, tôi cứ tưởng mơ. Chiều đến, như lời thách đấu, thằng cha chỉ huy phía bên kia đã cho rút toàn bộ quân. Cô Hoa còn cho người mang đến toàn bộ thuốc lá, bánh kẹo của quán và nói bên kia đã thanh toán tiền như lời hẹn. Anh em chiến sĩ mừng như bắt được của vì không phải đổ máu mà vẫn chiếm được ấp, lại được “chiến lợi phẩm” nên hò reo khênh tôi lên mà tung...

Ông khách cấp phó, ngại ngần bảo:

- Chỉ có tôi không nói năng gì, lẳng lặng đi báo cáo cấp trên về vụ việc vừa xảy ra. Thế rồi, anh bị rụng một sao, cách chức tiểu đoàn trưởng... Đạo ấy, anh có giận tôi lắm không?

- Giận chứ! Nhưng rồi tôi nghĩ: ông không báo cáo thì trung đoàn cũng biết, và ông sẽ bị kỷ luật lây.

- Nhưng ông cháu đã thắng trận cơ mà? Tôi chen vào.

- Con ạ. Nguyên tắc là nguyên tắc. Kỷ luật quân đội rất nghiêm. - Cha tôi đỡ lời cho hai ông khách.

Không khí cuộc rượu có vẻ trầm lắng cho đến khi ông khách tiểu đoàn phó hỏi ông tôi rằng, ngày đó ông tôi có chắc thắng không mà đấu rượu, chả may nếu thua thì sao. Ông tôi nghĩ ngợi một lát rồi trả lời rất tự tin.

Thứ nhất là bấy giờ Mỹ đã rút về nước. Tình hình cuộc chiến không còn quá gay go, ác liệt như trước. Tinh thần của binh lính bên kia cũng mệt mỏi. Họ cũng là dân Việt ta, cũng có anh em cha mẹ và vợ con là người quanh vùng và cả trong ấp nữa. Ngày thì là địa bàn của họ, đêm thì là vùng hoạt động bí mật của ta. Thứ hai là ông tôi cũng đã thủ trước vào bụng vài cái nồn lá dong dân trồng ngoài nương để gói bánh tét, thứ ấy giải rượu rất tốt. Thêm nữa cô Hoa nói rằng, tên chỉ huy nom hung hăng vậy mà cứ nghe vọng cổ là mềm người ra. Nghe đâu cha mẹ hắn cũng biết đờn ca tài tử, vì chiến tranh mà ly tán, tha hương. Lòng người ai chả có chỗ dành cho quê hương bản quán, tình máu mủ ruột rà, tình làng nghĩa xóm. Nghe đâu binh lính bên kia cũng đồng tình với cuộc thách đấu vì chả ai muốn đổ máu, thắng cũng được mà thua cũng chả chết ai.

Và thứ nữa, ông tôi biết chắc thắng chỉ huy ấy không nuốt lời.

Ông tôi cũng bỏ luôn rượu từ ngày ấy, cứ nghĩ đến rượu lại thấy nao nao. Chiến tranh có những điều kỳ lạ như thế, tất cả đều có thể xảy ra. Bên mình dù thắng nhưng ông tôi cũng buồn. Không phải buồn riêng vì bị kỷ luật mà còn vì phải dùng mưu mẹo để đối phó, tạm đánh mất danh dự sáng ngời của người chỉ huy cách mạng khi tử thí tay đôi với đối thủ rất đoàn hoàng, quân tử, dù là phe đối nghịch. Ôi chiến tranh! Dù thắng hay thua cũng đều mất mát hi sinh, chỉ là nhiều hay ít mà thôi.

Tôi - đứa cháu đích tôn của người thắng trận bị kỷ luật năm xưa. Tôi kể câu chuyện này, sau khi in báo tôi sẽ đưa lên mạng trên internet, biết đâu vô tình người chỉ huy phía bên kia - "đối thủ" của ông tôi trong cuộc tử thí bất thường ngày ấy... đọc được; rất có thể họ sẽ tìm đến với nhau. Cuộc đối ẩm bây giờ trong cảnh thanh bình, tay bắt tay rất chặt, họ dốc cạn những cay đắng, ngọt ngào được chụng cất trong men rượu thơm hương lúa quê tôi. Họ cùng lắng nghe câu vọng cổ êm như mật rót vào tai. Hai người lính già mắt lim dim mơ về những miệt vườn đầy hoa trái một thời chỉ còn trong dĩ vãng.

Hòa Bình, tháng 7.2014

H.T

TRUYỆN NGẮN: ĐI QUA ĐỒNG CỎI

Vũ Thanh Lịch



Tôi không xếp hàng bon chen xin xỏ. Không phải vì tôi có điểm tựa nào ghê gớm, mà vì tôi sinh ra và lớn lên ở đồng cỏi Sơn Tú, một xã nghèo xa xôi nhất huyện, nhất tỉnh, giáo viên thiếu nhiều. Và nữa, vì tôi là con của cha

tôi.

Cha tôi là nông dân. Không trồng lúa, trồng ngô mà trồng cỏi. Đồng cỏi nhà tôi thẳng cánh cò bay. Xanh niềng xanh niềng.

Nhà tôi ở ven biển. Biển quê tôi không có cát. Miền man bãi bồi và sinh lầy. Gió biển lồng lộng. Nắng biển vàng giòn, the mặ. Mỗi năm phù sa theo con nước tụ về, đầm bãi rộng càng thêm rộng.

Cha kể, hồi tôi hai tuổi, đồng cỏi đầu tiên của cha mẹ ngút tầm mắt. Mẹ xuống đồng, cỏi cao lút đầu. Cha mẹ cắt cỏi từ tảng sáng, đến lúc nắng trong veo thì lên bờ ăn cơm nắm chấm mắm chắt. Ăn xong thì chẻ cỏi. Mẹ cầm từng cây cỏi xanh óng luồn vào máy, cha một tay guồng máy, một tay đỡ cây cỏi chẻ ba. Cha mẹ làm theo sóng. Tiếng sóng là nhạc nền, hai diễn viên múa chỉ cần múa đúng nhạc là đều nhau. Tay mẹ thoăn thoắt. Tay cha chắc nịch. Cỏi tãi từng hàng đều tăm tắp. Năm nào cỏi nhà tôi cũng bán được giá nhất, sợi dài, sẵn tròn, óng nuột.

Năm tôi ba tuổi, bão biển ập đến khi mẹ thỏ gù cỏi mới về nhà. Gù cỏi cao ngất nghe. Gió gào giạt dữ dội. Mẹ chệnh chao bên chiếc xe đạp đã tháo hết chắn bùn chắn xích, tay phanh... Đường chốc lở, lộc cộc ổ gà. Triển đề phờ phạc gió. Sinh lầy trống trơn. Xe thỏ của mẹ cách cha vài bước. Gió cuốn mẹ vào biển như cuốn tàu bay giấy. Cha lao theo, túm lấy mẹ như chàng cuội bầu vào gốc cây thần khi bật gốc bay về trời. Nhưng gió bão nhanh hơn cha. Gió hất cha lẫn lóc xuống triển đề với cái quần chun của mẹ rồi cuốn mẹ bay vút lên không, vùi vào bọt sóng bạc phếch.

Cha thoát khỏi gió bão nhờ một bụi cây vẹt.

Tôi vật vã khóc đòi mẹ. Nhão nhượi như miếng giẻ vắt trên vai cha hằng đêm.

Tôi không nhớ mặt mẹ. Chỉ nhớ tóc mẹ dài như cỏi. Óng như cánh niềng niềng. Tôi đòi ra biển với mẹ. Đòi bất cứ lúc nào tôi không ngủ. Cha vớt một tảng bọt biển vào thau, bưng về thí đồ tôi: Mẹ đây, con nhìn xem. Cha chỉ vào những hạt bong bóng trong mớ bọt bảo: đó là mắt, mẹ là thần tiên nên nhiều mắt, mẹ đang nhìn con gái ăn ngoan, nhanh lớn.

Tôi quen dần bàn tay khô khốc vừa dứt cơm cho tôi vừa nói chuyện với bọt biển.

Tôi cũng quen cái giọng hát ru ờ ờ ờ ờ ờ hết đêm này sang đêm khác, hết giấc ngủ này đến giấc ngủ khác. Bọt mẹ lung linh trong giấc tôi.

Tôi quên dần mùi mồ hôi lẫn mùi sữa tướt trên áo mẹ.

Cha dựng căn chòi gỗ ngoài chân đê. Chiều chiều hai cha con ra đó nói chuyện với mẹ. Bọt sóng tấp vào chân cột từng tầng xếp vàng. Tôi lội nước đến ngang bắp chân, hớt bọt sóng đầy lòng bàn tay rồi nói chuyện với mẹ. Nói chưa xong chuyện cha nấu cơm quên không đổ nước thì mẹ biến mất. Tôi kiên nhẫn vớt thêm một tảng bọt thật to nữa, kể chuyện bố ngồi khâu cái áo bị rách rách, nhưng khâu xong thì rách áo dính chặt lại, không xỏ tay vào được nữa, tôi còn định kể thêm thì bọt biển lại biến mất... Tôi bắt cha đi vớt thật nhiều, tôi muốn kể cho mẹ một chuyện dài hơn. Cha kiếm cây vẹt về trồng. Cây vẹt có chùm rễ to như cái nơm, gom được nhiều bọt biển, mẹ về đó ở, ngủ trong cái nơm dưới chân cây vẹt, tôi tỉ mỉ kể cho mẹ nghe chuyện cha tôi lớn rồi mà còn vừa ăn vừa uống, giống thằng cu Tí nhà cô Xoan, cứ ăn một thìa bọt cô lại cho một thìa nước, còn cha và một đứa cơm vào miệng, lại uống một thìa canh

cho khỏi nghẹn...

Cô Xoan đang ở nhờ căn nhà của cô Thúy, em cha tôi. Cô Thúy đẹp nhất làng, mười tám tuổi chửa hoang. Bà nội tôi giận, cắt một khoảnh vườn, làm căn nhà vách đất lợp mái bồ, cho cô ra ở riêng. Cô sinh, đầy cũ thì ôm con bỏ đi khỏi làng, năm năm sau cô viết thư về nói đang sống bên Đài Loan, đã có chồng và để thêm một đứa con gái. Từ hồi cô bỏ đi, bà gần gũi với tôi hơn, thi thoảng mua cho tôi cái dây buộc tóc, có lần ngồi chải tóc cho tôi ngoài gốc cây gạo, bà bảo tóc tôi đen như tóc cô Thúy, mềm như tóc bà. Tôi hít thấy cái mùi thơm thơm nồng nồng nơi ngực áo bà, khẽ nghiêng người cọ má vào bầu vú chảy xệ của bà, mong bà câu chặt lấy tôi, xiết chặt tôi trong tay bà, cho tôi chà môi lên vú bà qua lớp áo phin nồn cẩu mồ hôi. Nhưng buộc tóc cho tôi xong, bà đẩy tôi ra, bảo: "Mày theo cha mày ra bãi vạy nước cho lắm vào, tanh quá thể!" Sau này mỗi lần cha gửi tôi sang bà, tôi thường ngồi ngoài bậc hè, ngóng từng bước chân của bà vào nhà, ra sân, ngóng từng cái vẫy tay và câu nói "đến bà bảo..." phát ra từ đôi môi khô khốc.

Cha tôi phải năn nỉ, bà mới cho cô Xoan ở nhờ nhà cô Thúy. Cô Xoan dong dỏng cao, tóc phi dê, da trắng, môi hồng, gò má cao, mắt xếch một mí có đuôi, mũi cao hơi khoằm, bà bảo tướng điều hâu, ở đâu hại đó. Cha bảo, "Người ta cơ nhỡ, cuc mang làm phúc một lần còn bằng cả vạn lần bu đi lễ chùa" bà mắng cha báng bồ, cha bảo, "Bu không cho nó ở nhờ nhà con Thúy thì tôi cho ở nhà tôi". Bà sợ cô như búng than, đốt trụi đồng rơm khô là cha tôi, vậy là bà đồng ý, nhưng ra điều kiện, cha tôi không được bén mảng đến gần. Cha nghe lời bà răm rắp. Từ hôm đón cô ở bệnh viện về là cha không bước chân sang đó thêm một lần nào nữa.

Cô xuất hiện ở đồng cối nhà tôi vào ngày mưa bão. Hồi ấy, tôi

học lớp ba. Sáng cha chở tôi đến trường, trưa tôi về nhà trên ăn cơm với bà, tối cha đón tôi về nhà dưới đồng cối với cha.

Hôm đó mưa bão mịt mù, hơi nước lạnh toát đổ về, tôi tan học không thấy cha, đi bộ đến ngang nhà thờ thì mưa sập đến, tôi vào nhà thờ trú mưa. Khuya, bà đến đón.

Nhà bà nhiều bát hương, tôi sợ dựng tóc gáy mỗi khi chớp lóe lên. Tôi khóc gọi cha, bà cúi, "Cha mày chưa về thì kệ cha mày, có làm sao mà khóc với lóc, tao đang rất hết ruột đây". Tôi nín bật, thỉnh thoảng nấc ngược lên, bà ôm chặt lấy tôi, tôi thấy giọt nước âm ẩm ngấm vào tóc rồi ngủ thiếp đi. Sáng ra, thấy cha phờ phạc ngoài đầu hè, tôi ngồi thụp vào lòng. Cha ôm chặt lấy tôi, miết miết cái cằm lồm chồm râu vào má tôi, không nói không rằng.

Thì ra lúc mưa bão, cha lên chòi thu nhặt những con búp bê bằng cối của tôi gói vào túi nylon cho khỏi ướt. Gió thổi ràn rạt, sóng chồm lên lút cột chòi, hất vào lần đề đang đập dờ từng đám bọt trắng xóa. Lúc quay vào bờ lấy xe đi đón tôi, cha nghe tiếng kêu cứu phía đồng cối nên lao xuống. Gió xoáy như mù phù thủy già xoay tròn giữa cánh đồng, trong chớp mắt, hơn nửa cánh đồng chưa thu hoạch đổ rạp xuống, gió vờ rồi cối rồi cuộn lại như tổ cò dưới bùn nước. Giữa xoáy gió, cha thấy người đàn bà nằm sóng xoài, đôi tay chới với giơ lên vẫy. Cha lao xuống vớt lên. Người đàn bà đang chửa, môi thâm tím, mặt tái nhợt. Cha vừa cõng vừa chạy, bầu trời buông tay thả xuống cơ man nào là nước, cha bấm chân cõng người ta về đến trạm xá thì mệt lả, trạm xá còn một anh y tá trực, sơ cứu qua loa rồi cùng cha tôi đưa cô Xoan lên bệnh viện huyện, gần sáng cô ấy sinh thằng cu Tí.

Nghe cha kể, tôi buột miệng: "Không biết ngày xưa bão có

cuốn mẹ đến đồng cối nhà ai đó ở bờ biển bên kia không nhỉ". Cha xiết chặt lấy tôi hơn, tôi nghe tiếng thở của cha nặng như trâu kéo đá.

Tôi nhận bằng tốt nghiệp, hai cha con làm cơm cúng mẹ. Ban thờ mẹ đặt ngay gian giữa, chếch về bên phải. Ngồi trên ban thờ, mẹ có thể nhìn thấy hàng dây bằng khen, giấy khen của cha tôi vì đủ thứ thành tích, nào là làm kinh tế giỏi, có công mang cây vệt về trồng rừng ngăn mặn, chắn sóng, tạo được giống cối mới có năng suất cao, tham gia dân quân tự vệ tốt... vân vân và vân vân. Hai bên phải trái của bức tường là các loại giấy khen và giấy chứng nhận của tôi từ khi học lớp một đến giờ. Cái nào cũng được treo trang trọng, đỏ rực bức tường. Tôi vén tấm rèm hạt nhựa màu vàng nhũ buộc lên hai bên. Cha thắp nhang. Tôi chấp tay đứng bên cạnh. Cha lầm rầm nói gì đó với mẹ. Hương trầm thơm ngát, khói lượn từng vòng mỏng như sợi tơ rồi quấn quýt quanh cha con tôi. Tôi nhắm nghiền mắt, nghe thấy hơi thở nhẹ, vừa ấm vừa lạnh, vừa thơm vừa hoi. Tôi như trôi theo hơi thở. Một vệt gió mỏng lướt qua má rất nhanh khiến toàn thân tôi lạnh toát. Tôi mở choàng mắt nhìn cha cầu cứu. Cha vẫn đứng bên cạnh tôi, da đen sạm và mái tóc xám trắng lốm đốm, trong thoáng chốc, tôi thấy mái tóc cha phát sáng như ánh lân tinh ngoài biển những đêm không trăng. Lạ nhất là đôi mắt cha, chụp vào mắt tôi ánh nhìn nâu xám. Tôi nhìn thấu đôi tròng mắt run rẩy đang bầu bím vào tôi cầu khẩn. Làn khói trắng đục từ từ bứt khỏi cây nhang thoát lên, đốm lửa đỏ âm ỉ ngùn xuống, cuộn tàn nhang thành móc câu.

Tôi không biết cha nói với mẹ hay nói với tôi, giọng run rẩy sợ sệt không cùng:

- Tôi thương con gái mình cô cút, thương mình phận mỏng

duyên manh, tôi... tôi thương mẹ con cái Xoan... tôi tưởng tôi chôn sâu giấu kín vậy thì không ai biết.

Gáy tôi lạnh và chân tóc bắt đầu dựng đứng. Những ngọn khói tõe dần ra thành từng sợi, nhỏ như sợi chỉ, sắc như đầu kim, lao đến cha con tôi. Mắt tôi hoa lên với vô số những con nòng nọc đỏ lòm đang găng sức bay.

- Hai... ừ ... ba ... ừ ... ừ... ừ... ừ... tôi biết rồi, là năm, năm, năm, năm... tôi biết tôi sai rồi... cha xin con, con theo mẹ lớn, mẹ lớn sẽ chăm chút các con... mình tha cho tôi... em tha cho anh đi mà... Linh ... Linh ... Linh...

Lần đầu tiên tôi thấy cha gọi tên mẹ kể từ khi tôi lớn lên và biết nhớ. Đầu óc tôi bất chợt nhẹ thênh. Tôi kịp đỡ cha trước khi chân cha khụy xuống. Hơi rượu chua khét, tanh tuổi phả vào mặt khiến tôi chun mũi lại.

Tôi ngồi đối diện cha, vô cảm nghe cha vừa nói vừa thả ra từng nỗi niềm:

- Con lớn rồi, đừng trách giận cha. Cha thương cô Xoan con ạ. Nhưng không hiểu sao, lần nào cô ấy chữa, cha cũng bắt cô ấy tẩy thai...

Tôi gai rét dọc sống lưng, những âm thanh từ miệng cha phả vào tai tôi gai lạnh:

- Cha sợ bà biết lại buồn. Cha sợ thiên hạ biết, người ta cười chê cha... Cha sợ có thêm một ai đó trong nhà, cha không thể dành trọn vẹn yêu thương cho con... Cha sợ... Lần này thì không được nữa rồi, đứa bé đã bốn tháng. Con đã lớn... chắc con đủ lớn để hiểu cho cha...

Cha nói một tiếng lại nghẹn một hơi như cố làm ra đau khổ lắm, tôi cười khẩy trong bụng, nước mắt xót mắt, tôi thấy những con nòng nọc đỏ lòm ngo ngoáy, những đôi mắt cố ngoi lên khỏi cục máu bầy nhầy đỏ ối... chúng vây quanh cha con tôi, chòng chọc nhìn vào cha tôi, tôi rùng mình. Trân trân nhìn cha, thân xác cha đang ngồi bên tôi, nhưng cha đã chia năm xẻ bảy con người cha để ném cho quỷ dữ... mỗi lời nói của cha đều khiến đầu óc tôi nhảy nhót những câu cãi cay độc, nhưng tôi không cho nó nhảy ra miệng, tôi vẫn mím môi thật chặt, tôi vẫn nghe:

- Cha định đưa cô ấy về đây ở với cha con mình. Mấy tháng nay, cứ nghĩ đến chuyện đưa cô ấy đi tẩy thai là toàn thân cha kể rét, muốn nói với cô ấy cũng không nói được, cái lưỡi như bị ma ám, cứng đờ ra... Đêm nào cha cũng gặp ác mộng. Đêm nào mẹ con cũng dất bộn trẻ về gọi cha, từng đứa từng đứa một... Ngoảnh đi ngoảnh lại, cha đã mất mẹ con hai mươi năm rồi... cái quần này, vẫn còn mới này, hôm cha đi nhập cỏi trên huyện, mua mảnh vải lụa hết hai phần số tiền bán cỏi, bà giận lắm, mẹ con cũng giận, cha nịnh không được thì quát, "Không mặc thì để tôi mang cho đứa khác, đàn bà trong làng này thiếu gì...". Vậy mà đến hơn tháng sau, mẹ con mới lòi ra tự cắt tự khâu, mẹ khéo tay lắm ... bao nhiêu cái quần buộc dải rút, sao cái này lại luồn chun, tại cái chun này mà cha không níu được mẹ lúc gió cuốn đi... mẹ con cố tình trả lại cho cha đây mà... Bằng ấy năm, cứ nhìn cái quần này cha lại nhớ đến cái câu cha quát mẹ, cha có dám đến gần đàn bà con gái làng này nữa đâu, nhưng cô Xoan thì...

Tôi đứng bật dậy vì sắc ngum nước chè. Tôi đã uống gần hết ấm chè pha cho cha uống. Chén chè của cha còn đầy nguyên, nguội lạnh. Còn chén của tôi cạn hết lần này đến lần khác. Chưa khi nào tôi uống nhiều chè đặc như vậy, nó vừa chát,

vừa đắng, vừa mặn, vừa khé cổ. Cha không nhìn tôi mà nhìn ra đồng cối trước mặt. Mùa này cối đang trở hoa, vàng bột, phật phờ trước gió.

Tôi ngồi bệt xuống hè. Nước mắt chảy thành dòng. Chảy đến môi tôi. Vừa mặn. Vừa đắng. Trong lòng có cái gì vừa vỡ vụn, những mảnh vỡ găm hết lồng ngực, hết ruột gan khiến tim tôi đau thắt. Toàn thân như có ngàn vạn mũi kim châm. Tôi thấy cái chòi gỗ cha dựng ngoài chân sóng hôm nào giờ chao đảo trên rừng vẹt rồi đổ sụp xuống, tan biến. Tôi ghét cha. Tôi hận người đàn ông đang ngồi như ụ đất trên cái ghế ba đai bạc phếch kia, kẻ đã giết chết người cha đẹp đẽ của tôi. Giết chết tình yêu và sự tôn thờ của tôi. Giết chết niềm tự hào của tôi. Cái cảm giác ghê sợ tôi đã cố ghìm nó xuống nhưng nó cứ ngoi lên, ngoi đến tận cổ họng, đến đỉnh đầu, nó xoáy xiết trong ruột gan tôi. Chuẩn choáng... Tôi hình dung ra ngay sau lưng mình kia, một gã đàn ông, kẻ mà tôi tôn thờ như một vị thánh, đã độc ác và bạc tình đến mức ăn hiếp một người đàn bà không chồng, còn đang tâm giết cả những đứa trẻ, cốt nhục đang hoài thai của mình... trước mắt tôi, những con nòng nọc đỏ lôm lôm lại lùnh nhùng ngo nguẩy, chìa ra những đốm mắt đục ngầu. Tôi lao ra đồng cối. Chui xuống những chùm hoa treo kín quả cầu gai. Hoa cửa vào mặt vào má vào môi tôi rất rạt. Tôi muốn cào cấu mình, muốn cắn xé, muốn gào thét cho vụn nát những bông hoa cối xám ngắt này.

Tôi rúc vào cối, luồn vào cối. Như con chuột đồng. Nhưng đồng cối không đủ rộng để tôi rúc hết trưa sang chiều, hết chiều sang đêm... Tôi ra biển. Tôi muốn chặt phăng những cành vẹt ngẫu nhiên trên cái nơm góm ghiech kia để sóng thả sức tấp vào tôi, cuốn đi cùng mẹ... Tôi gào lên với biển. Thét lên với biển:

- Con ghét cha. Con căm thù chaaaaaaaaaaaaa... Tại sao ông giết cha của con... con căm thù cha... tại sao ông cướp cha của con...

Sóng như nhớn tấp vào bờ những tiếng cười mỉa mai cay độc. Gió rũ bung mái tóc dài của tôi, vo lại thành một cục dây thép nặng trĩu khiến tôi không đủ sức ngẩng đầu lên nữa.

- Chẳng có ai cướp cha của em cả...

Tiếng Minh bất chợt vọng lại từ phía sau khiến tôi òa khóc. Tiếng khóc bực trong bong bóng căng phồng giữa ngực giờ bị Minh châm thủng, bực toang.

Minh để tôi khóc rất lâu, đến khi mắt tôi khô hạn và tiếng nức nở thưa dần.

- Khéo em phải học lại bài học vỡ lòng về tình yêu cha...

Câu nói của Minh lùa vào tai tôi cả vốc cát. Bàn tay Minh như gọng thiếc, kẹp chặt cơn nức nở của tôi. Nước mắt tôi đổ tràn lên vai Minh.

Chúng tôi ngồi trên rệ cỏ. Minh vẫn để đầu tôi tựa lên vai anh. Nắng ngắc ngứ đổ lên rừng vẹt từng mảng sáng loang lổ.

Minh hơn tôi mười tuổi. Cao lênh khênh. Da đen. Tóc hoe vàng. Giọng nói sang sảng, át cả tiếng sóng. Minh là kỹ sư, làm việc trong ngôi nhà nhỏ như chuồng chim bồ câu sát mép nước. Thỉnh thoảng Minh chèo thuyền vào nhà tôi, mang xâu mực mới câu về uống rượu. Thấy cha tôi cặm cụi trồng vẹt, Minh phụ giúp. Vẹt phủ kín dần từng đám sinh lầy, trải dài theo triền đê. Không con sóng lớn nào đủ sức tràn qua. Không trận bão nào cuốn được đồng cối.

Ngày cha mới trồng, vệt lên lơ thơ. Trồng một trăm cây thì hà ăn hết chín chục cây, những cây sống sót trở những sợi rễ nhỏ cọc hơn cỏi. Cha vừa trồng dặm, vừa trồng mới. Tôi học lên một lớp thì rừng vệt của cha dày thêm một hàng, cao thêm một thước. Rễ vệt bện dần thành bụi, đủ sức vỗ về những con sóng dữ, chắt lấy bọt sóng, ghim chúng ngoài chân đê. Nhờ vệt, mỗi ngày biển nhích dần ra một ít, đất đẩy lên một ít...

Tôi mười tám tuổi thì vệt thành rừng. Xanh ngằn ngặt. Đến mùa hoa, ong về lấy mật nhiều vô kể. Căn chòi lọt thỏm giữa rừng vệt, giống như ngôi nhà trên cái chân gà của mụ phù thủy Baba Yaga, ong kéo vào làm tổ chui chít khắp chòi.

Tôi hợp với gió biển. Càng lớn, càng hồng hào. Cha bảo tôi đẹp như mẹ. Mắt đen láy, thăm thẳm như bầu trời dưới đáy biển. Tóc tôi dài ngang bắp chân, thẳng và óng như cỏi. Đó là do biển hát ru tôi hằng đêm. Gọi thức tôi mỗi bình minh. Vỗ về tôi mỗi hoàng hôn.

Minh có một kho sách. Mỗi tuần cho tôi mượn một quyển rồi đến đổi vào chiều thứ bảy, như một cỗ máy, nếu tôi chưa đọc xong, Minh ngồi đợi, có khi đợi đến mười hai giờ đêm. Mỗi cuốn sách mở ra cho tôi một chân trời lạ. Tôi thích. Rồi quen. Rồi ngóng. Có chiều thứ bảy, Minh đến chậm vài phút, tôi đã như ngồi trên đồng ngùn. Thỉnh thoảng tôi sang bà, mang theo sách đọc, cô Xoan cũng mượn, cô chỉ đọc một đêm là xong.

Cô Xoan gầy xơ xác nhưng khỏe mạnh, dẻo dai. Cô xấu người nhưng nét ăn nét ở đều tốt, vì vậy mà bà để yên cho cô ở nhà cô Thúy, thỉnh thoảng có rau cỏ gì trong vườn còn gọi cô sang hái. Nhiều khi, tôi thấy bà ngồi ở bậc hè, nhìn cô Xoan đan hộp cỏi, than vãn:

- Không biết mẹ con cái Thúy giờ thế nào... mẹ giận thì đánh thì mắng, con cái có tức thì đi đâu một tí rồi về, phép đâu lại đi biến biệt thế kia. Nhà này xưa nay có tội tình gì mà sao ông trời cay nghiệt...

Họ nhà tôi độc đinh từ thời cụ tổ, bao nhiêu đời chỉ có một người con trai nối dõi, con gái thì nhiều. Con gái cũng được chia đất đai vườn tược như con trai. Từ đời này sang đời khác, các cụ chia đất cho con trai ở ngoài cùng. Đàn bà con gái chân yếu tay mềm ở phía bên trong, đàn ông con trai sức dài vai rộng phải đứng nơi đầu sóng. Năm nào biển cũng bồi tụ thêm, đàn ông phải biết bám vào biển, biết lựa theo sóng mà giữ đất, giữ phù sa, có thế, đất mới dài rộng thêm ra được.

Nhà tôi chia đất hình răng lược. Miếng đất đời nào cũng hình vuông, con cái dựng vợ gả chồng sẽ chia. Kể một đường song song với sông Ân, chia khoảnh đất thành hai nửa, nửa bên trong lại xẻ nhỏ ra cho các cô con gái, bao nhiêu con gái thì xẻ bấy nhiêu miếng, nửa bên ngoài, giáp biển thì chia cho con trai. Con trai tìm cách mở đất để khi nằm xuống, có đất chia cho con cái mình. Khi các con dựng vợ gả chồng đàn ông thì bố mẹ về ở ngôi nhà của tổ tiên, chăm nom thờ tự. Ngôi nhà dựng bằng gạch thẻ, kèo cột bằng gỗ lim, có riêng một gian nhà thờ bề thế lợp ngói vẩy rồng quay mặt về biển Đông.

Ông bà của tôi chỉ có cha tôi và cô Thúy. Đến lượt cha tôi, mới có một đứa con gái là tôi thì mẹ tôi bị sóng cuốn đi. Bà bà tôi bảo, may mà sóng không cuốn bố, cuốn bố đi thì bà thành bất hiếu với tổ tiên.

Bà là người đàn bà chỉ biết cúc cung tận tụy phục vụ chồng con, thờ cúng tổ tiên, cuộc sống của bà là sự di chuyển hàng ngày từ nhà đến đồng cỏi rồi từ đồng cỏi về nhà. Hoa trái hái

trong vườn, rau cỏ hái trong vườn, tôm cá xúc dưới ao dưới ngòi... bà không phải bước chân ra chợ bao giờ, có lúc, tôi tự hỏi, mỗi lần bán cói, bà sặm tiền dặt vào túi vải cất đi, không biết để làm gì? Không biết, mẹ chồng của bà, rồi mẹ chồng của mẹ chồng bà, rồi mẹ chồng của mẹ chồng mẹ chồng bà... có giữ tiền như bà không?... Những lúc ngồi bên bờ, nhìn bà lội xuống ao mò ốc lên nấu, tôi vẫn hay nghĩ lung tung như vậy. Tôi hình dung trong đầu về các cụ, kị của tôi, về mẹ tôi nếu người còn sống...

Thấy tôi lảm lì, bà thở dài sườn sượt, có khi nói bằng quơ, "con cái nhà, sao cứ như cái bóng..." Có lần bà dụ tôi về ở hẳn với bà, còn nựng tôi, "ở với bà mà không thích thì bà cho sang ở với bà ngoại, để bố mày còn kiếm thàng cu nối dõi cho bà chứ"... tôi nghe nhiều thành quen, nghe từ bé, nên cứ nghĩ bà nói đùa. Tôi biết, cha không khi nào rời xa tôi, mỗi ngày, không rúc vào nách cha, tôi không ngủ được. Thường đêm cha ôm tôi rất chặt. Từ hồi tôi lên lớp bảy, cha không ôm tôi ngủ nữa. Đúng ra là từ hôm tôi thấy đũng quần ướt máu, tôi bỏ học chạy về nhà khóc từ ngoài ngõ, khóc vòng quanh sân, khóc ra đồng cói, khóc đến khi gặp cha đang đếm công cói chất lên xe mới thôi. Cha quăng cuốn sổ ghi chép ra mép đường, ôm lấy tôi, nghe tôi vừa nấc vừa nói. Khuôn mặt cha biến sắc dần. Tôi nghe tiếng cha lẫn với tiếng bàn tay thô ráp vỗ vỗ vào lưng tôi ru nựng: "Con gái lớn, ai lại khóc...". Cha dặt tôi sang nhà cô Xoan, nhờ cô ấy dạy tôi đóng khố mỗi khi hành kinh. Cha đóng chõng tre, ngủ bên giường tôi. Đêm đêm, tiếng ngáy đều đều của cha ru tôi yên giấc.

Tôi lớn lên với niềm hạnh diện là con của cha, là đứa con gái đầu tiên sinh ra, lớn lên ở Sơn Tú, cái xã xa xôi hẻo lánh nhất huyện, thường xuyên bị bão gió, nhưng không ai nghèo. Người trồng cói, người đan hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu,

người dệt chiếu, bện quạt... cói lớn nhỏ, xấu tốt, sợi nào cũng làm ra tiền nên không ai đói ăn, đói ở.

Cha tôi có năm héc ta cói, thuê hàng chục người làm. Cha có cả một cánh rừng vẹt xanh miên man ngoài chân sông, đến mùa hoa, đàn ong chắt được hàng tấn mật... vì thế, nhà tôi giàu có nhất làng.

Hồi tôi chuẩn bị thi vào cấp ba, cha mua xe máy simson mới tinh, chở tôi lên thị trấn ôn thi. Ngày hai chiều đi, hai chiều về. Tôi đỗ điểm cao, cha chạy đi khoe khắp xóm, rồi nhảy tùm xuống biển, ngụp lặn, vùng vẫy. Cha khoe với mẹ rằng tôi đã được lên huyện học, rồi cha sẽ còn lo cho tôi học nhiều hơn nữa, lên tỉnh, rồi ra thủ đô, học đầy một bụng chữ rồi lại về đây với cha, trồng vẹt, trồng cói cho xanh, nuôi ong, chiết mật cho ngọt... Cha ngụp lặn trong sông đến lúc mệt nhoài mới lên bờ, gọi Minh sang chòi uống rượu.

Minh mang sang một túi tôm sú, to bằng ngón chân cái của cha, nướng thơm nức. Minh tặng tôi một bộ truyện của Gorki, ba cuốn tất cả, không còn mới, bìa cứng, giấy trắng nuột. Lần đầu tiên tôi được tặng một bộ sách quý. Tôi mừng, tay cầm sách run run. Minh bảo:

- Gắng lên cô bé, chim đại bàng phải bay qua đồng cói, bay qua rừng vẹt, bay qua những con sông dữ kia kìa...

Minh chỉ tay về biển, nơi chân trời cuộn từng quãng mây căng phồng rồi thả xuống biển, biển yên lặng trong giây lát. Đó là lần đầu tiên tôi và Minh đứng gần sát nhau. Tay chạm tay. Các ngón tay như có cây kim châm chiu một cái, truyền một luồng điện nóng bỏng khiến tôi choáng váng, tê dại. Cái tích tắc ấy tôi chưa khi nào quên, cũng chưa khi nào thấy nó trở lại, dù sau này tôi đã nắm tay bao nhiêu đứa con trai cùng lớp, cùng

trường. Năm ấy tôi mười sáu tuổi. Năm ấy tôi thật sự thành cô học trò cấp ba trường huyện, mặc áo dài trắng, tết bím tóc đuôi sam thả hai bên vai, kiêu hãnh ngồi sau xe máy của cha mỗi ngày đi học. Đến năm lớp mười hai, cha mượn cho tôi một gian nhà cũ ở gần trường để tôi trọ học. Giữa tuần cha đun tôm rang, cá kho, ruốc thịt... lên cho tôi. Tôi miệt mài học rồi thi... Chiều thứ bảy cha lên đón tôi về, Minh vẫn mang sách cho tôi mượn đều mỗi tuần.

Tôi cuốn vào học để thi tốt nghiệp và thi đại học. Hôm tôi nhận giấy báo đỗ hai trường đại học, một ở thủ đô, một ở tỉnh, cha tôi quỳ ngay chân đê, giơ tay lên trời mà hét như trẻ con:

- Minh ơi, con gái vào đại học rồi, là đại học sư phạm cơ đấy, sắp thành cô giáo rồi, mình có nghe tôi nói không đấy, có nghe không đấy...

Tôi chỉ nghĩ thầm, nói thầm với mẹ, tiếng nói từ trong tâm thức, cả tôi và cả mẹ.

- Mẹ ơi, con đỗ vào trường sư phạm rồi. Con sẽ làm cô giáo đấy. Mẹ có vui không. Mẹ ơi. Mẹ có nghe con nói không... Mẹ... tiếng gọi bật thoát lên khỏi vòm miệng thành tiếng nói rành rọt, thoải mái, rõ ràng như tiếng sóng, tiếng gió, tiếng vỗ cánh của chim đại bàng... Đó là lần đầu tiên tôi gọi mẹ một cách rành rọt, thoải mái, tự nhiên như tiếng sóng, tiếng gió... Tôi cất tiếng gọi mẹ thêm một lần nhưng đôi môi tê cứng và lưỡi không thể cử động được nữa.

Đáp lại cha con tôi là sóng biển. Sóng cồn cào tung lên từng tảng bọt lấp lánh. Tôi trào nước mắt, nước mắt mặn, như vắt từ ngực ra mà chảy. Tôi vẫn tin mẹ đang cười trên sóng, đang cười sung sướng khi nghe cha con tôi gọi.

Những ngày sau đó, cha con tôi như mở hội trong lòng.

Vui bao nhiêu cũng lo bấy nhiêu. Lo nghĩ xem tôi sẽ đi học ở đâu, thủ đô hay trung tâm tỉnh. Minh bảo:

- Em ra thủ đô, bạn bè bốn phương nhiều, và nhiều thứ để học hay hơn trong sách nữa.

Cha tôi bảo:

- Học ở thủ đô, rồi học xong người ta điều đi miền núi, đi tỉnh khác xa lắc xa lơ thì làm sao, lúc nhớ con thì đi thăm làm sao... cũng là đại học thì ở tỉnh hay thủ đô có khác gì nhau.

Tôi không biết phải thế nào, vì xưa nay, cha luôn lo toan mọi thứ cho tôi, và bất cứ cái gì cha lo, đều tốt nhất.

Bà tôi chỉ thở dài:

- Đàn bà con gái lớn thì lấy chồng, học nhiều chữ vào mà cãi giả chồng, rồi nó đánh cho bạc mặt, không thì cũng ế chồng ế chơ ra.

Tôi cãi:

- Kệ, bạn cháu đầy đũa đi học đại học, chẳng lẽ ế chồng hết. Cháu ế chồng thì cũng có đàn ông ế vợ...

Bà tru tréo ngay lập tức:

- Đấy đấy đấy, mới đỗ thôi mà nó đã cãi giả bà già này rồi đấy, tao còn để ra cái thằng bố mày nhá, cá không ăn muối cá ươn... rồi đến lúc trắng mắt ra mới nghĩ đến bà...

Cha tôi bảo bà:

- Bu cứ yên tâm, bây giờ các cháu nó học được thì cho nó học, chứ chúng con ngày xưa thất học cũng khổ lắm rồi

Bà gắm lên, dí ngón tay vào mặt cha tôi:

- Á à... lại còn mày nữa, cha nào con nấy, mày bảo cha mẹ mày không cho mày học đến nơi đến chốn à...

- Bu đừng nóng quá, cái thời chúng con, đánh nhau từ nam chí bắc, đánh nhau xong thì nghèo đói, lo cái ăn còn chả được nói gì đến cái chữ, cả xã, cả tỉnh, cả nước không được học đến nơi đến chốn chứ riêng gì con, bây giờ cả nước người ta đi học, thì cho cháu nó đi, nó làm rạng rỡ cho cả nhà mình ấy chứ... bu nghĩ thoáng đi tí chứ...

Bà tôi ngồi bệt xuống đất, thở dốc như vừa thở ra vừa nuốt cái bực tức vào bụng:

- Tôi nuôi anh lớn bằng ấy để anh dạy khôn tôi à. Tôi mặc xác cha con nhà anh. Đàn bà lấy chồng thì theo chồng, anh không lo được đứa nối dõi cho tôi thì dờ hờn...

Cha tôi không nói thêm câu nào, dắt tôi về. Đêm ấy, tôi thấy cha gở mình suốt đêm. Gần sáng, tôi thức dậy, không thấy cha ở nhà. Căn nhà trống vắng không làm tôi sợ hãi như ngày bé mà khiến tôi cô độc tận cùng. Tôi ra sân, nhìn xuống cau đang tách bẹ, thả xuống vài giọt nước trong vắt, tưởng mẹ về, tôi đi theo tiếng sóng, như đi theo tiếng bước chân của mẹ đang dồn đẩy phù sa dưới chân cây vẹt. Chuông nhà thờ thông thả cất lên, ngân vang đến tận cùng trái tim tôi, khiến nó rung lên từng nhịp.

Tôi rẽ vào nhà thờ, vườn huệ tây trước sân nở hoa trắng muốt, tôi muốn xin cha xứ một bó về cho mẹ. Cha xứ đứng trông tôi

hái huệ trắng, nhắc:

- Con chọn những bông cao ấy, các búp nụ bên dưới căng tròn và trắng tinh ấy, đừng cắt bông non...

Tôi bối rối ngược lên, vị cha xứ nhiều tuổi có khuôn mặt hiền lành, gầy guộc đọc thấu suy tư của tôi, thông thả bảo:

- Cha nghe nói, con thi đỗ đại học rồi phải không. Cố gắng lên con ạ, học ở đâu không quan trọng, chỉ cần con biết cách học thôi, sách vở, trường lớp, thầy cô và cả cuộc đời nữa, cũng không viết hết được những thôi thúc của trái tim con người... nên con cứ học để sống nhưng đừng sống bằng những cái con học trong sách, mà hãy sống bằng trái tim của mình ấy...

Tôi im lặng, lần đầu tiên tôi trực tiếp nghe một cha xứ nói nhiều như vậy, tôi đã nhớ rất nhanh mà mãi sau này tôi vẫn chưa thể nào hiểu hết.

Tôi lên tỉnh học, là lứa sinh viên đầu tiên của trường đại học ở tỉnh.

Bây giờ tôi đã trở về. Có trong tay một tấm bằng đại học đỏ chói, và niềm tự hào, trở thành cô giáo của những đứa trẻ ven biển, thành cô giáo của thằng Tí con cô Xoan.

Mà không, rồi Tí sẽ trở thành em của tôi, đứa em ở chung nhà không chung cha chung mẹ. Cha tôi sẽ có thêm một đứa con không cùng máu mủ ruột rà. Nó sẽ gọi cha tôi là cha như tôi sẽ gọi cô Xoan là mẹ... Không, tôi sẽ không gọi mẹ, tôi gọi là dì... dì Xoan... mẹ Xoan... từ bé đến lớn, tôi mới chỉ gọi được mẹ một lần từ năm tôi mười sáu tuổi. Cái tiếng "mẹ" với tôi nó lạ lắm và thần diệu vô cùng, tôi thường chỉ nói trong giấc mơ từ những ngày thơ ấu, và sau này khi lớn lên, mỗi lần mơ gọi mẹ,

tôi đều chuẩn bị bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời. Bây giờ, tôi không thể gọi mẹ Xoan, mà cũng không ai bắt tôi gọi được, tôi đã thực sự lớn, đã là cô giáo rồi, cô giáo của cả con cô Xoan, và cô ấy sẽ là phụ huynh của tôi, chúng tôi ngang nhau khi đến trường nói về bọn trẻ... nhưng trước cha tôi, và cô Xoan sau ngày cha đón về, tôi vẫn chỉ là một đứa con, như thằng Tí, như đứa em tôi đang lớn lên trong bụng cô ấy, nó sẽ là con trai, sẽ thay cha ra chắn sóng chắn gió. Sẽ thay cha đón giữ phù sa, kéo dài đồng cỏi ra biển Đông. Và cô Xoan, người đàn bà có khuôn mặt phù thủy, sẽ thay mẹ tôi, giúp bà tôi ngày ngày hương khói, chiều chiều sạm những đồng tiền cha tôi kiếm được thành từng xấp từng xấp cất vào tủ...

*

Hai tai tôi ù đi. Nước mắt đã cạn khô. Lốp da quanh mi căng mồi và đôi môi tôi khô quánh lại.

Minh vẫn để yên mái tóc tôi trên vai anh. Vòng tay anh không gồng lên kìm giữ tôi nữa nhưng vẫn còn nguyên làn hơi ấm, tỏa vây quanh tôi. Luồng điện hôm nào tôi mười sáu tuổi chột thức dậy, trong tích tắc, nó khiến tôi run báy. Tôi thả lỏng mình trong vòng tay Minh và lịm đi khi anh đặt lên môi tôi nụ hôn mềm như lửa.

Những ngày sau đó, tôi để quên tâm hồn mình ngoài đê biển. Trong lòng như có ngọn lửa ngấu, khi nóng sục lên, khi âm ỉ loang tan vào từng thớ thịt. Tôi trở nên lười biếng và mệt mỏi rã rời. Tôi vừa làm tất cả mọi việc vừa ngóng tiếng ca nô của Minh dập dềnh ngoài rừng vẹt. Tôi khóc rầm rút khi bóng chiều loang trên đê, loang trên rừng vẹt. Tôi cúi đầu mỗi lần giáp mặt cha, tôi sợ cha nhìn thấy đôi mắt hoang dại và khuôn mặt lúc nào cũng nóng sục của tôi. Đêm đêm, tôi cuộn mình

trong tấm chăn mỏng, miết ngón tay lên môi, di di xóa xóa cái vết râm ran, căng mọng, ướt mềm. Sau lưng tôi, nơi bàn tay Minh luồn qua áo mỏng, kéo ép ngực tôi vào ngực anh hôm nào, giờ có một mảng than đỏ rực, thì thoảng lại đỏ bừng lên, đốt nướng tôi nóng ran từng cơn. Tôi kéo tóc mình phủ lên mặt, hít hà mùi tóc của Minh còn quanh quất đâu đây.

Cha làm đám mâm cơm mời họ hàng làng xóm và cúng lễ tổ tiên để đón cô Xoan về. Không có lễ đón dâu nhưng hôm tiếp khách, cô Xoan mặc cái áo tân thời màu vàng mơ có in hình bông sen trên vai và dưới vạt áo. Đó là cái áo tôi dắt cô đi chọn ngoài phố huyện. Tôi kết tóc cho cô vành quanh đầu và dắt lên đó một bông hoa tím. Tôi lấy bộ son phấn của mình ra để trang điểm cho cô, cô bảo để cô tự làm, tôi hơi ngạc nhiên vì từ khi tôi quen biết cô đến giờ, chưa khi nào tôi thấy cô trang điểm. Trong thâm tâm, tôi nghĩ, khi tôi mang mấy thứ này ra, cô sẽ rất ngạc nhiên, những món đồ xa xỉ thế này, chỉ có tôi lên tỉnh mới có mang về, còn các cô, từ nhỏ đến lớn chưa bước chân ra khỏi gốc cỏi, ra khỏi lũy tre làng thì làm sao biết được. Tôi muốn mang tất cả những gì tốt nhất mà tôi có ra để làm đẹp cho cô, để cô biết tôi là một nàng tiểu thư được cha nuông chiều và chăm chút từ tấm bé nên dù sau đây, cha tôi có phải chia sẻ cuộc sống với cô thì đó là việc của cha, còn tôi, tôi vẫn phải được nuông chiều và chăm chút hơn tất cả những đứa con của cô.

Tôi đổ bộ phấn son của mình ra góc giường, ngay bên cạnh cô. Cô lặng nhìn trong giây lát rồi cầm lọ kem, chấm từng chấm tròn như hạt đỗ lên mặt, đúng như cách mà mấy cô bạn phố dạy cho tôi. Tôi ngạc nhiên nhìn các ngón tay của cô, thoăn thoắt chấm, khéo léo thoa đều từng vết kem, từng mảng phấn, từng nét chì, từng vết son, nhanh và điệu. Nhưng điều khiến tôi lạ nhất lại là câu nói của cô khi đã hóa trang thành cô dâu:

- Hôm nào thư thư, dì đưa con đi mua mỹ phẩm, mấy thứ này con mua chưa có kinh nghiệm nên không phải hàng tốt đâu, dùng thường xuyên, hại da lắm.

Tôi cảm thấy như mình vừa bị đánh bại một hiệp đầu tiên, trong cuộc tranh đấu ngấm ngấm giữa con chồng và mẹ kế. "Mấy đời bánh đúc có xương"... tôi nhắc nhở mình cảnh giác với lời hứa hẹn cay độc kia...

Sau đám cưới của cha là mùa thu hoạch cói. Cô Xoan nhanh chóng thể hiện vai trò bà chủ khi giúp cha cất đặt mọi việc trong nhà, ngoài đồng. Cha đứng trên bờ chỉ tay năm ngón. Tôi bó gối ở nhà đọc bộ tiểu thuyết Minh mới cho mượn và chờ ngày làm cô giáo. Khi nào chồn chân, tôi đạp xe lên phố huyện chơi với đám bạn học và thăm dò tin tức về chuyện phân công đi dạy học...

Hậu là đứa có nhiều thông tin nhất. Hậu học khác lớp cấp ba, vào đại học lại học khoa toán, tôi khoa văn, nhưng chúng tôi ở chung phòng trong ký túc xá. Chúng tôi thường ngồi hàng giờ trong quán chè trước cổng nhà thờ Phú Diễm. Tôi ngồi xoay thìa canh trong cốc, còn Hậu thao thao bất tuyệt những thông tin nóng sốt đã nói đi nói lại bao nhiêu lần:

- Đợt này, tưởng con T, cháu ông sếp nhờ ở huyện được về trường năng khiếu, nhưng nghe đâu lại có con cháu một ông trên tỉnh thư tay xuống nên chắc chỉ được về trường thường trong thị trấn thôi. Con X là con ông hiệu trưởng trường B thì chắc cũng về đó, mấy trường ngon vừa rồi luân chuyển giáo viên, đưa các mẹ côi cỗi lui ra khu hai, các mẹ khu hai lui ra khu ba, cứ thế, thì khu một mới có chỗ cho các cô nàng chứ. Mà này, bố cậu, tớ thấy cuộc nào cũng được khen, rồi quan to quan bé về thăm liên tục, lại còn được phóng viên viết bài lên

báo nữa, sao không bảo ông ấy xin về thị trấn này này, không ở trung tâm thì cũng trong khu một, chứ về tận khu bốn nhà cậu làm gì, đã ngóc lên tỉnh mấy năm rồi, về lại quê chán bỏ mẹ.

- Oài, tớ thích về nhà

- Ai chả biết về nhà là thích, nhưng cũng phải nghĩ đến tương lai chứ, rồi con cái cậu lại ngoi ngóp ở ruộng cói mãi à, thành cua thành ốc cả à, mình đã ngoi lên được một tí thì phải làm cho con cái nó ngoi tiếp chứ, ai lại bắt nó ngoi từ đầu như mình...

- Tao thích gần biển...

- Đúng là cái đồ mơ mộng viễn vông, bố mày ở đó, cuối tuần vợ chồng con cái mày về, cũng vẫn có biển chứ sao...

- Xã tao thiếu nhiều giáo viên, người ta cần thì mình đến, chen chúc trên này rồi lại đẩy đứa khác đi để nó ghét à...

- Mày đúng là ... ôi trời... chán... nói với mày chán bỏ mẹ, đọc đây tiểu thuyết vào rồi mơ... mà tao nói thật chứ, đợt này thành phố thị xã không tuyển nên bọn nó đổ hết về các huyện, toàn đứa cơ to, khéo tao cũng bị đẩy xuống gần nhà mày chưa biết chừng, này, tao có về đấy, thì ở nhờ nhà mày nhá

- Thì về chứ sao, nhà tao rộng mênh mông.

- Nhưng bà Xoan thế nào, hợp nhau không?

- Ôi trời, chả biết, ngày xưa thì quý, giờ chưa thấy gì cả, mẹ kế con chồng, biết đâu... kệ, mày là bạn tao, ai dám không cho ở.

Chúng tôi lan man hết chuyện này đến chuyện khác, những câu chuyện nối với nhau mà chẳng liên quan gì đến nhau, cứ thế, cho tàn chiếu.

Ngày nhận quyết định cũng đến. Không có hội trường để ngồi tập trung nghe lãnh đạo phòng giáo dục chào đón các thầy cô giáo mới về nhận nhiệm vụ công tác tại huyện vùng sâu vùng xa của tỉnh như các thầy cô ở trường sư phạm về ra cho chúng tôi. Hơn năm chục giáo viên trẻ lố nhố chen chúc nhau trước cổng phòng giáo dục, như xếp hàng mua tem phiếu thời kỳ bao cấp. Những khuôn mặt ngơ ngác, hồi hộp, lo lắng... những ánh mắt cảm chừng, những tiếng cười dè dặt... Hậu như con chim chích nháy hết nhóm bạn nọ đến nhóm bạn kia, chỗ nào cũng oang oang chuyện. Tôi ngồi trên gac-ba-ga xe đạp, chạng chân đứng dưới tán bàng đang độ thắm lá, thi thoảng vài quả chín rụng lộp bộp xuống nền đường đất khô rang nhắc tôi đừng ngủ thiếp đi.

Tôi đạp xe ra khỏi nhà từ khi trời chưa sáng để lên huyện trước khi cha thức dậy. Cách đây vài ngày, cha bảo để cha chở tôi đi, nhưng tối hôm qua, cả nhà ngồi ăn cơm, cha không hỏi gì, không nhắc gì đến chuyện hôm nay tôi đi nhận quyết định, cũng không hỏi mấy giờ tập trung để cha chở đi như hồi chuẩn bị đi học cấp ba hay vào đại học. Tôi đã ám ức suốt đêm, nhất là mỗi khi nghe tiếng cọt kẹt phía giường ngủ của cha. Tôi mở cửa sổ để nghe tiếng sóng, nhưng sóng ở xa mà tiếng cọt kẹt lại gần. Rồi tiếng ngáy đều đều của cha, hồi trước, tiếng ngáy ngay gần bên tôi, vừa gần vừa ấm, giờ nó vọng lại cách hai bức vách, vừa xa vừa lạnh. Tôi không ngủ được. Cái túi đựng nước trong mắt tôi bị rò, nước cứ rỉ rỉ chảy ra mà tôi không thể ngăn nó lại.

Bây giờ, đứng dưới gốc bàng hiu hiu gió, mí mắt tôi sụp xuống

nặng trĩu. Tôi không muốn nói chuyện với ai, không muốn biết các bạn của tôi ai đi đâu về đâu. Tôi kệ. Đẳng nào người ta chả phát hết trong buổi sáng, trước sau gì chẳng đến tay tôi, đẳng nào tôi chẳng về gần nhà... gần nhà... hai chữ ấy khiến mắt tôi căng phồng trở lại. Tôi về gần nhà để ngày ngày nhìn thấy cha tôi chăm chút người đàn bà có khuôn mặt điều hâu, để đêm đêm nghe tiếng giường chiếu kéo kẹt lẫn với tiếng thở hổn hển át cả tiếng sóng tiếng gió trong lành của tôi... Không, tôi về gần nhà... để được gần mẹ, được lao vào vòng tay mẹ khóc mỗi khi buồn vui, để mẹ nghe thấy tiếng tôi giảng bài từ ngôi trường xinh xắn nằm giữa đồng cỏ Sơn Tú. Mẹ sẽ nhìn thấy những đứa trẻ Sơn Tú ríu rít quanh tôi mỗi ngày hai chiều đi học... Bây giờ, tôi không còn ai thân thiết ngoài mẹ nhưng ngày mai tôi sẽ có những đứa trẻ Sơn Tú, tôi sẽ kể cho chúng những câu chuyện của bọt biển, của rừng vẹt, của đàn ong cần mẫn bên bờ đại dương...

Ruột gan tôi cồn cào sau một đêm thức trắng và một sáng nhịn ăn khiến chân tay rời rạc, và nỗi buồn mỗi lúc lại trĩu xuống.

Hậu choe chõe gọi tôi từ giữa đám đông ngổn ngang các khuôn mặt:

- Này, không vào mà lấy quyết định đi còn đứng đấy à. Còn có mình cô thôi đấy nhá.

Tôi đạp chân chống xe xuống đất rồi chậm chạp bước đi, giấu kĩ những chao đảo trong từng cái nhấc chân.

Cầm tờ quyết định từ tay anh cán bộ phòng giáo dục, tôi liếc qua dòng tên mình xem có đúng hay không. Giọng nói choe chõe của Hậu lần này khiến tôi hoảng hốt

- Ôi giờ, đợi đấy mà về nhà với chả về nhieć... Ninh Ân nhé!

Tai tôi ù đi. Ninh Ân ở phía trên trung tâm huyện, Sơn Tú nhà tôi ở phía dưới. Nghĩa là tôi sẽ đi cách xa nhà gấp đôi đường từ nhà lên huyện. Sẽ đến cái xã nằm ở cuối huyện cũng là cuối tỉnh, cái xã không có ruộng đồng để cày cấy, chỉ trồng ngô và người dân trong xã nếu không xuôi sông xúc hến thì vạt núi nung vôi. Tôi thấy đầu óc choáng váng. Chân không còn đứng vững nữa. Hai mắt tối sầm lại. Tiếng ồn ã xung quanh hỗn loạn rồi chìm lịm dần.

Tôi tỉnh dậy vào lúc ba giờ chiều trong căn phòng lạnh lẽo. Đó là một gian nhà cũ xây từ thời Pháp, được ngăn ra làm phòng nghỉ trưa cho cán bộ phòng giáo dục. Vài tia nắng hắt vào tấm chiếu mỏng khiến mùi ẩm mốc bốc lên, xộc vào mũi làm tôi buồn nôn. Tôi đưa mắt nhìn quanh, không có cha, không có Minh, không có dì Xoan, không có bà bà, không có cô Thúy... bên cạnh tôi chỉ có Hậu, khuôn mặt u ám như căn phòng.

Tôi theo Hậu về. Bố mẹ Hậu đang in chiếu, mùi phẩm sơn hăng khét lẩn với mùi cói khiến tôi thêm một lần nôn nao choáng váng. Hậu bảo tôi vào giường nằm rồi đi nấu cháo. Tôi giáng ịch người xuống giường, thả buông toàn thân. Thả buông cả cặp mi dày cộm khiến nước mắt chảy thành dòng.

Tôi đã không về nhà vào đêm hôm đó. Nhưng không ai đi tìm tôi. Đêm ấy trời mưa. Tôi nghe tiếng mưa dội trên mái nhà Hậu như đang dội vào tim tôi từng vạt nước lạnh toát. Tôi nhớ những đêm mưa dội trên mái nhà, cha ôm tôi thật chặt cho tôi khỏi lạnh, tôi co tròn người, rúc đầu thật sâu vào nách cha để trốn ánh chớp, trốn tiếng sấm rền rĩ bên ngoài. Bây giờ, vòng tay ấy đang ôm cô Xoan, người đàn bà tướng diều hâu, cái bụng kình cang như bụng khủng long và đôi chân to bè...

Không có cô ta, cha đã đưa tôi đi lấy quyết định, đã dành thời gian đi xin cho tôi về xã nhà, đã đến gặp người này người kia để đổi quyết định cho tôi như bố Hậu. Chỉ một lúc buổi trưa, bố Hậu đã xin đổi cho Hậu từ chỗ cách nhà hai mươi cây số đến chỗ chỉ cách bốn cây số... ước gì tôi có mẹ, mẹ sẽ xin cho tôi về gần nhà. Mẹ ở đâu mà không phù hộ cho tôi, không cứu đỡ tôi lúc này... Còn Minh nữa, anh đang ở đâu, đang làm gì... ước gì Minh đang ôm tôi, cho tôi khóc thỏa thuê như hôm nào. Cái choàng tay cứng như thép, cái bờ vai vững như núi... bây giờ đang ở đâu...

Tôi đã lớn lên cùng Minh, anh có mặt ở bên tôi bất cứ lúc nào, làm cho tôi bất cứ cái gì tôi muốn. Hình như tôi chưa khi nào thấy cần anh, mong anh như lúc này... sự xuất hiện thường xuyên và liên tục của anh trước đây khiến tôi không cần nhớ, không cần mong, không cần đợi, bây giờ thì tôi biết đợi anh, biết mong anh, biết tôi cần anh như thế nào rồi... mà không, anh là người quen của cha tôi, là người bạn nhỏ của cha tôi, giúp cha tôi trồng vẹt, cùng cha tôi uống rượu... và trung thành đến nỗi làm mọi việc để giữ gìn hình ảnh đẹp đẽ của cha trong tôi... Chưa khi nào tôi hình dung trọn vẹn về nỗi cô đơn như lúc này. Tôi cố hình dung khuôn mặt mẹ, cố hình dung giọng nói của mẹ, vòng tay của mẹ... nhưng trước mắt tôi chỉ một màu xám tro lạnh ngắt... Chỉ thấy tiếng gió gào và tiếng mưa càng lúc càng ném vào tai tôi từng vốc âm thanh chát chúa. Nước mắt ướt thẫm gối. Hậu vẫn thiêm thiếp ngủ, tiếng thở đều đều nhẹ nhẹ. Tôi không khóc nữa, tôi muốn đắm mưa, vùi mình trong mưa, gào thét trong mưa như cái năm tôi mười bảy tuổi.

Đó là ngày giỗ mẹ, trời mưa như trút nước, không có sóng to, không có gió lớn, chỉ có nước từ đỉnh trời hắt xuống. Cha đi Cồn Nénh bắt ốc hương về cúng mẹ. Cha kể hồi chữa tôi, mẹ

ăn dở ốc, bà bà sợ mẹ ăn ốc sau này đẻ tôi nhiều nhớt dãi nên không cho ăn, mẹ cũng lo cho tôi nên kiêng khem. Khổ nỗi, thèm ăn dở mà nhịn thì nó thèm điên thèm dại, thèm đến u mê mụ mị đầu óc, thậm chí trong đầu chỉ thường trực một ý nghĩ làm sao có ốc để ăn, làm sao ăn được ốc, bằng bất cứ giá nào... Một bữa, cô Thúy đi chơi ngoài Cồn Nền mang về dằm con ốc hương, lại để quên trong túi áo. Sáng ra mẹ đi giặt, mùi ốc hương dẫn dụ mẹ, mê hoặc mẹ, vậy là mẹ lấy ra, kêu ăn sống ngay ngoài sân giếng... Không may cho mẹ là bà nhìn thấy, bà không tiếc lời mắng nhiếc mẹ phạm ăn tục uống. Mẹ nuốt nghẹn nửa chừng. Con ốc vào đến cổ rồi không trượt được xuống bụng nên nôn ọe mặt mày xanh xám...

Vậy là năm nào giỗ mẹ cha cũng đi bắt ốc hương. Ốc hương chỉ có ngoài Cồn Nền. Lúc cha đi trời yên biển lặng, cha chưa về mưa gió đã ngập trời. Tôi sợ những cơn mưa bất chợt, sợ cha lại trốn vào mưa giống như mẹ trốn vào gió. Tôi lao vào mưa để tìm cha. Lao qua những bờ ruộng oằn oại nước, tôi đứng trên đê, ra sức gọi cha, tiếng gọi xuyên qua mưa, xuyên qua rừng vẹt, xuyên qua sóng nước. Nhưng không âm thanh nào vọng lại với tôi. Tôi càng chạy, mưa càng quất vào mặt. Tôi càng gọi, tiếng mưa càng gào thét. Giữa cơn mưa mù mịt, tôi thấy hai bóng người đang dìu nhau ngoi ngóp trong rừng vẹt. Tôi nhận ra Minh đang gắng sức dìu cha vào bờ. Tôi lao xuống mép nước, đỡ một bên vai cha, chúng tôi dìu nhau, dìu cha.

Trời xám đặc vì nước. Trong nhà phải thắp đèn mới nhìn tỏ mặt người. Tôi gảy thêm rơm vào bếp cho nhanh ấm. Tro rơm bay đầy lên má lên tóc. Minh vừa sưởi vừa phủi tro trên má tôi. Thấy tôi vẫn còn run, anh quàng tay qua vai, kéo tôi sát vào lòng anh, trong khoảnh khắc bất chợt, tôi vùng dậy, lao ra ngoài. Anh đuổi theo. Ghì giữ tôi lại giữa sân đầy mưa và nước. Bộ quần áo vừa thay xong lại ướt. Mái tóc vừa ráo nước

lại sũng sươi. Đôi môi chưa kịp hồng đã run lên tím tái. Tôi rùng mình vì lạnh. Rùng mình vì làn da ấm nóng của anh đã đốt cháy hai lượt áo ướt rồi truyền đến tôi, nung tôi nóng rực trong mưa. Toàn thân tôi ấm mềm, tôi muốn anh áp chặt lấy tôi hơn nữa, tôi muốn anh di miết môi anh lên môi tôi, tôi muốn...

Anh đến thật. Không phải giấc mơ, anh lao vào tôi trong cơn mưa nhầu nhĩ trên sân nhà Hậu, vỗ chụp lấy tôi như sợ tôi chạy mất khỏi vòng tay anh. Toàn thân tôi mềm nhũn, buông lỏng.

Tôi biết mình đã lắm khi luồng hơi khét đặc khói thuốc lao phả vào mặt tôi và bàn tay khô ráp thô bạo luồn vào chun quần tôi. Choáng váng. Tôi vùng dậy, đập ngã cái bóng đen thô ráp trong tích tắc. Ánh chớp lóe lên, tôi nhìn rõ khuôn mặt thú. Lăn trong tiếng thở hổn hển đứt quãng, tôi nghe những âm thanh rời rạc "...Nhóc ngoan, cho ta ôm một cái thôi, nhóc đẹp quá, cho ta ôm, ta sẽ giúp nhóc về gần nhà, cái gì ta cũng làm được... ngoan nào... nhóc..." tôi chờ đợi nhìn gã đàn ông đang vừa hổn hển nói vừa đứng lên tiếp tục tiến lại. Ta sẽ giúp nhóc đấy, dễ thôi mà... những âm thanh khàn đục xói vào tai tôi, âm âm trong đầu óc tôi... Nếu điều đó là thật... một cái ôm thôi... tôi còn chỗ nào để bầu víu ngoài chính mình. Đầu óc tôi mê mị... cha tôi đã bỏ rơi tôi vì người đàn bà xấu xa, Minh bỏ rơi tôi khi tôi cần anh nhất... mẹ bỏ tôi mà đi từ khi tôi chưa biết nhớ mẹ... tôi còn ai, tôi cần gì nữa... tôi cần về với đồng cội của tôi... nơi chôn nhau cắt rốn của tôi... nơi nuôi tôi khôn lớn, nơi dạy tôi biết vị mặn của muối không thể thiếu trong cuộc đời này, nơi tôi nghe được tiếng hát ru êm đềm sau mỗi cơn gầm gào của sóng... Tôi đứng im trên sân nhờn nhựa nước, gió vẫn ném từng vốc nước xuống hết đợt này đến đợt khác, con thú già đã bò dậy, đứng lên, tiếng thở

dồn dập đã ghé sát tôi. Chớp lóe lên xé toang cơn mưa thành hai nửa, mặt mảnh thú đập vào mắt tôi, ngồn ngựa... Tôi lợm giọng. Kinh sợ. Lạnh toát. Rồi nóng bùng. Tôi phải về đồng cối của tôi... phải về... nhưng không phải bằng mọi cách... Con hổ già đang cơn động dục vươn tay bầu lấy vai tôi, chụp lấy ngực tôi, chồm lên... tôi hét lên, co chân đạp thêm một lần khiến hân thét lên, ngã chổng kỉnh giữa sân rồi, vùng chạy.

Đường đất trơn nhẫy và tối sẫm.

Tôi đến cổng nhà bà khi trời còn tối đen như mực, chỉ cơn mưa uể oải thưa nhạt hơn. Ánh đèn dầu trong nhà bà leo lét. Bà kê chõ rơm ngồi giữa cửa, già trầu trong cái cối gỗ nhỏ hơn quả trứng vịt. Nhìn thấy tôi bà thở dài, bảo:

- Cái túi quần áo của cô Thúy để ở buồng ấy, lấy mà thay. Đàn bà con gái chúng mày bây giờ sao mà rắc rối...

Tôi sững lại nhìn bà. Ước gì đó là mẹ, tôi có thể sà vào lòng mẹ để khóc, tôi có thể rúc vào áo mẹ để sưởi, tôi có thể nằm xoài ra bậc hiên này để mẹ chăm chút, xoa cho tôi chút dầu nóng, hỏi tôi vì sao ra cơ sự này... nhưng đó là bà, người đàn bà lạnh lùng nhất mà tôi biết. Tôi rút đại một cái váy của cô Thúy ra mặc, mùi nước hoa khiến tôi hắt hơi liên tục.

Cô Thúy về từ năm tôi học lớp mười. Cô xây nhà mái bằng ở giữa vườn, ngôi nhà nhỏ nhưng đẹp, có công trình phụ khép kín và cầu thang lên mái nhà nhìn ra khắp làng. Cô mở cửa hàng buôn bán thủy sản rồi bắt mối bán cất đi các nơi trong cả nước. Cô nhanh nhẹn tháo vát, lại khéo ăn nói nên cửa hàng ăn nên làm ra.

Cô bàn với cha tôi phá cối đi làm đầm nuôi tôm. Cô bảo, "Hết đời này sang đời khác chỉ trồng cối thì đời anh em mình chỉ

như cối thôi, chỉ làm sợi đan dệt ra những thứ lau chân lót giường thôi, muốn đổi đời phải phá cối đi mà nuôi tôm hùm tôm sú, có như thế mới đi được vào gan ruột người ta mà gấp tiền gấp bạc về...". Cha mới nghe đến phá cối đã giầy nảy lên, đồng cối của cha đang xanh niềng niềng thế kia, cả làng có duy nhất ruộng cối chúa của cha, trên hai chục tuổi chưa phải trồng lại. Cha được đi đó đi đây dự hội nghị này, biểu dương kia, được lên truyền hình, được giấy khen treo đỏ tường nhà cũng nhờ cối... nhưng hơn cả, đồng cối là nơi nuôi dưỡng, nâng niu những vui buồn sung sướng nhất của cha và mẹ trong những ngày ít ỏi ở bên nhau.

Mặc kệ cô nói thế này thế khác, rồi ông xã, ông huyện đến vận động, cha vẫn không chịu phá cối. Cối không như lúa, lúa thu hoạch xong rồi lật tung gốc rễ lên gieo mới. Cối cắt xong lớp này, lại nảy chồi đâm nhánh lên lớp khác, không khi nào ngừng nghỉ. Sau tôi, đồng cối là nguồn sống của cha, là kiêu hãnh của cha. Có lần cha bảo với Minh, "Cối trông vậy nhưng bền lắm, cái gốc nó bền, sợi nó cũng bền, biết cách chăm thì không bao giờ gốc lụi, biết cách phơi nắng phơi sương thì sợi dệt thành chiếu rồi cũng khó mà đứt được..." cha chỉ xuống cái chiếu cha với Minh đang ngồi uống rượu, nói như lên đồng "cái này tôi đặt người ta dệt từ khi mẹ nó đẻ nó đấy, nó bao nhiêu tuổi thì chiếu bấy nhiêu tuổi, thi thoảng một vài sợi dây đứt tôi thay sợi khác, còn cối thì chưa đứt sợi nào, cái mép có xơ sùi lên tí nhưng chẳng sao cả... mẹ con nhà nó nằm cái này, giờ còn nguyên cả mùi sữa của mẹ nó, cả mùi đất đầm của nó...".

Nhiều đêm, nhất là đêm trở gió, tôi thấy cha gỡ mình liên tục, rồi lấy chiếu cuộn tròn quanh người, tôi tỉnh dậy khóc, "Con sợ lắm, cha bó chiếu như người chết". Cha thò đầu ra bảo, "Cha chỉ chết giả vờ thôi, ngủ đi rồi mai cha lại sống bình thường..."

sau này tôi mới hiểu những lúc ấy là lúc cha nhớ mẹ, khao khát mẹ đến quay quắt... vậy mà bây giờ, cha bỏ rơi tôi, bỏ rơi hơi ấm của mẹ, gói cái chiếu có mùi sữa của mẹ, gác lên đình màn trong buồng của tôi, bỏ tôi một mình lang thang suốt đêm dài trên phố huyện... tôi khóc, không thành tiếng nữa, chỉ có nước mặn chát chảy nhơm nhớp lên môi. Tôi tự uống nước mắt của mình, nhấm nháp từng tí một, đắng đến tận cùng...

Đưa cho tôi cái khăn vừa ngâm qua nước ấm, bà lều bàu:

- Giống ai vậy không biết. Mới khó khăn tí đã rũ rượi ra rồi. Chả bù cho cô Thúy nhà mày... ôi giờ ôi... cô cháu nhà mày...

Tôi thấy giọng bà nghèn nghẹn, chan chát, nhưng bà vẫn ngồi cách tôi cái khoảng cửa. Hai tay xoay cối giã trấu, miệng vẫn trệu trạo nhai...

Cô Thúy bảo cha phá cối không được nhưng bảo được một vài người trong làng phá cối đi làm đầm nuôi tôm nuôi cua. Vài người giàu nhanh trông thấy. Người nọ mách người kia, xã cổ vũ, huyện tham quan, biểu dương, khích lệ... người phá cối ngày càng nhiều. Làng tôi không còn xanh miết một màu cối nữa. Nhiều ngôi nhà giống nhà cô Thúy mọc lên, rồi nhà hai tầng, ba tầng vươn cao, xuyên qua ngọn tre ngọn chuối. Đường làng bắt đầu lịch xịch xe máy, công nông, ô tô bé, ô tô to, mang đến vô số âm thanh át tiếng sóng tiếng gió.

Xã xây trường mới. Cha tôi tự nguyện xẻ nửa héc ta cối gần đường cái cho xã mở rộng trường học. Một vài người giàu có trong xã thấy thế cũng góp thêm tiền, thêm công để xây trường. Năm tôi học hết lớp chín, trường có bốn gian nhà lợp giấy dầu trong khoảnh sân vài trăm mét vuông, bây giờ là hai dãy nhà hai tầng lừng lững, sân trường rộng thênh thang, cây

cối bắt đầu tỏa tán. Cha tôi lại thêm cái giấy khen đỏ chói...

Tôi không tin nữa héc ta cối của cha không đủ để tôi được về ngôi trường này dạy học, cũng không ngờ tôi lại phải đi xa đến tận cùng xa xôi trong huyện như vậy.

Tất cả là tại cô Xoan, không, là do mẹ ghẻ của tôi, bà không muốn tôi về gần nhà, tôi sẽ hạn chế mọi sự tự do của bà và hai đứa con bà, một đứa là em tôi, một đứa chẳng máu mủ gì với tôi...

Có sao đâu, cha lấy cô về rồi bỏ rơi tôi, tôi sẽ đi cho cha và cô vui lòng. Nhưng không phải đi đến nơi tôi đang được cử đến, mà tự đi về đồng cối của tôi, với sóng biển của tôi, với rừng vẹt đang ủ giữ vô vàn bọt biển mẹ.

Tôi nén tiếng thở dài, xua đi mọi ý nghĩ khiến mình mềm yếu.

Bà lược ba quả trứng gà lòng đào bảo tôi ăn cho đỡ mệt. Tôi nhắm mắt nuốt. Bà nhìn tôi ăn, giơ cái quạt nan đập phành phạch vào ống quần, tiếng đập nhanh và mạnh làm bụi quần lên trong ánh nắng vừa rạng. Tôi đắn đo mãi rồi cũng mở miệng nói lí nhí, vừa nói, vừa nhìn sâu vào mắt bà nịnh nọt:

- Bà cho con mượn ít tiền của bà đi, con có việc cần lắm, rồi con đi làm có lương, con gửi lại bà cả...

- Tiên sư cha nhà chị, ai thèm lấy tiền của chị, tôi để dành cũng là để dành cho chị, nhà này xưa nay có đứa nào mỗ côi như chị đâu...

Câu nói của bà khiến nước mắt tôi lại trào lên. Bà vừa chống tay đứng lên, vừa nhấm nhẳng:

- Cả cái con Thúy nữa, cô cháu nhà mày ... đúng là lũ đàn bà

rách việc, không đâu để cho hai đứa rồi vác mặt về ở không để thiên hạ người ta đàm tiếu cho, gái không chồng như gỗ long đình, chúng mày đi nhiều biết nhiều rồi chẳng cái gì ra cái gì nữa...

Bà rút chùm chìa khóa giắt trong cặp quần, loay hoay mở cánh tủ buýp-phê dưới ban thờ, lôi ra một xấp tiền cũ, các đồng tiền được vuốt phẳng phiu, xếp lần lượt từng loại, từ tờ bé đến tờ to, buộc dây nịt. Cầm xấp tiền trên tay, bà hỏi tôi

- Mày lấy bằng nào hả con? Cô mày lấy mấy đẹp rồi, còn một đẹp bà để phần mày...

Tôi ngập ngừng:

- Con sợ không đủ
- Làm gì mà không đủ
- Thì tiền lẻ nhiều hơn tiền chẵn thế này, được mấy đâu bà...

Nghe tôi nói, bà hơi sững người lại, nhìn tôi nhăm nhắng:

- Chẵn lẻ gì cũng mồ hôi nước mắt cả đời của bà... không có cái bé thế này thì lấy đâu ra cái to cho chúng mày dùng...

Vừa nói, bà vừa luồn tay vào sâu trong tủ lôi ra hộp cói đan hai lớp, bên ngoài cải hình hoa cói màu nâu. Trong hộp có một cái túi vải. Bà mở ra cho tôi xem, đó là hai xâu vàng, một xâu do mẹ chồng giao cho bà hôm cưới, một xâu bà tự tay gom nhặt. Đặt hai xâu vàng lên bàn tay, bà chậm rãi bảo:

- Khi nào con đi lấy chồng bà cho vài cái, còn bây giờ, cho mày mượn thôi, làm gì thì làm, đừng có hoang phí, để dành đến lúc thất cơ lỡ vận mà dùng nữa con ạ, đời người ai nắm tay được

từ sáng đến tối, các cụ dạy rồi, quân tử phòng thân, tiểu nhân phòng bị gây, bà chỉ chuẩn bị được từng này bị gây thôi, khi nào thật cần thì hẵng dùng con ạ...

Tôi định nói câu gì đó nữa nhưng cổ họng nghẹn lại. Cố gắng nuốt tất cả vào đáy ngực, tôi nhìn bà, nhìn lên ban thờ, thầm nghĩ: "Con cố gắng để chỉ phải làm phiền bà một lần này thôi".

Trời sáng rõ, tôi nhặt mấy cái nhẫn lớn nhất trong xâu nhẫn của bà, đeo vào tay rồi vào nhà trong, đến bên cái tủ ba buồng của bà mà lâu nay đã thành cái kho chứa đồ cũ của cô Thúy, chọn một bộ quần áo còn khá đẹp, soi ngắm mình trong gương, sửa sang lại đầu tóc rồi lấy xe của cô Thúy ra lau bớt bụi để đi.

Hậu đến cổng gọi toáng lên. Tôi không muốn gặp nó, dù chỉ vài tiếng trước đây, nó đã chăm chút tôi như một đứa em yếu ớt. Cảm giác ghê sợ và khinh miệt dâng lên... Nếu nó biết chuyện đêm qua, nó có hận cha nó như tôi từng hận cha không... Đã khi nào nó biết bộ mặt thật của cha nó chưa nhỉ... tôi thầm nghĩ rồi ngồi im trong nhà nhìn nó đi, khuất dần sau hàng rào chè mạn. Ngàn mũi tên xâm xé ruột gan tôi.

Nhưng tôi còn nhiều việc phải làm ...

Tôi đạp xe đến phòng giáo dục trước giờ làm việc khoảng ba mươi phút, may mắn cho tôi là anh Hưng, người phát quyết định hôm qua đến sớm, tôi vận dụng hết khả năng ăn nói của mình để bắt đầu câu chuyện một cách êm đẹp. Loanh quanh một hồi, anh hỏi tôi về trường nào. "Giáo viên mới đông quá nên anh nhớ chưa hết". Tôi có cơ hội để bộc bạch hoàn cảnh. Anh nghe đến cha tôi thì cất tiếng cười rất lạ:

- Sao không bảo cha em nói trước với mấy anh bên huyện một

tiếng, bây giờ, quyết định vừa ký chưa ráo mực, đổi ngay thì khó cho bọn anh quá!

Tôi cười trong bụng, nhưng khuôn mặt vẫn ủ ê nhìn anh với đôi mắt khẩn cầu tha thiết:

- Em biết có người làm được việc khó mà, anh gắng giúp em đi, em thật không còn biết bầu víu vào đâu nữa cả...

Đôi mắt căng mọng của tôi qua vài đêm mất ngủ, giờ lại có ích khi nó đỏ hoe.

Anh cán bộ đặt tay lên tay tôi, bàn tay thô và ấm như tay Minh, chụp gọn lấy tay tôi, tôi trở nên nhỏ bé và bầy bót. Tôi mở to mắt nhìn, kệ hai hàng nước mắt lăn dài. Khuôn mặt anh rạng rỡ, đạo mạo nhưng không giấu được nét phong trần.

- Hình như cha em mới lấy vợ nhỉ? Em không muốn nói với cha chuyện này à?

Anh chạm đúng đến nỗi đau tôi đang cố giấu khiến tôi thả trôi hai giọt nước mắt trên má.

- Để anh nghĩ cách giúp em, nhưng quả thực, quyết định vừa ký chưa ráo mực, không dễ đổi đâu em à...

Tôi đưa tay thấm mắt, im lặng chờ Hưng nói tiếp, trong lòng bật từng từng những câu chữ không thể cất thành lời. Tôi đan ngón tay, khẽ vắn cho nó kêu lục cục rồi nhanh nhẹn tháo chiếc nhẫn ở ngón giữa ra, nắm trong lòng bàn tay. Giọng Hưng thông thả:

- Em chịu khó vài tháng, thậm chí cố đến lúc thi hết tập sự rồi anh lo dần dần, đừng nản em ạ, có công mài sắt có ngày nên kim mà...

- Vâng, em sẽ đợi, anh gắng giúp em nhé...

Im lặng bao trùm. Căng thẳng xâm chiếm. Người đến cơ quan ngày càng đông, tôi đứng lên chào:

- Có lẽ, em xin phép anh, em qua chỗ mấy đứa bạn cùng về Ninh Ân đợt này...

Anh đứng lên bắt tay tôi, tôi cầm tay anh trong giây lát rồi lồng vào ngón tay anh chiếc nhẫn, khẽ nói:

- Anh đừng quên em, nhé!

Tiếng nói gượng vui. Tôi buông tay anh và quay lưng đi, nhưng anh níu tôi lại, ghé vào tai tôi những lời rất nhẹ nhàng:

- Kể nào gặp em mà quên thì thần kinh... Em ra đâu đó uống nước, đợi anh, tiếng rưởi nữa anh dắt em sang huyện.

Gần một tiếng rưởi ngồi dưới gốc bàng buôn chuyện với bà bán bánh rán và nước vối bên lề đường khiến tôi quên thời gian. Hưng nhìn thấy tôi từ xa, áp xe vào sát chỗ tôi ngồi, bảo tôi lên xe để anh đưa đi.

Anh cán bộ huyện tên Quỳ, đón chúng tôi với vẻ lạnh lùng pha chút kiêu bạc. Hưng giới thiệu tôi là em họ, rồi trình bày việc. Quỳ tỏ ra dăm chiêu, xoay xoay cái chén trong tay, nói chậm rãi:

- Chả nói trước. Gửi thông báo về các trường rồi... còn làm gì được...

Hưng xoa xoa hai tay vào nhau, thẽ thọt:

- Anh cố gắng giúp em tí. Sớm tí nào hay tí ấy nhé. À, tháng

sau tuyển giáo viên ngoại ngữ, đã có kế hoạch chi tiết chưa anh? Anh quan tâm đến Sơn Tú tí, trường mới xây đẹp, diện vùng sâu xa, mà giáo viên vẫn đang thiếu lắm.

- Biết vậy đã...

Quý đứng lên xé tờ lịch trên tường, hỏi tôi

- Cô tên gì?

Tôi chưa kịp trả lời thì Hưng cầm chén nước trên bàn húp cái sứt, vừa đứng lên vừa nói:

- Em đọc tên, ngày tháng năm sinh cho anh ấy ghi vào sổ nhé, anh qua cơ quan đã chả có người ta lại đợi...

Quay sang Quý, Hưng dặn thêm.

- Anh cố gắng giúp em, cán bộ nguồn đấy, à, mà khéo lúc nào em mời anh ấy về thăm đồng cội chúa nhà em đi, cả huyện có một đồng cội chúa, giá trị lắm đấy.

Quý khẽ gật đầu trong khi Hưng đã bước nhanh ra cửa. Còn lại mình tôi với anh ta, tôi lúng túng. Quý nhẹ giọng hỏi tên, ngày tháng năm sinh của tôi rồi xé tờ lịch đặt xuống dưới cái thước kẻ trên bàn, tôi nhìn thấy có đến chục tờ lịch đang nằm xộc xệch dưới thước như cái tờ ghi tên tôi vừa xong.

Một người đàn ông nhỏ thó, gầy guộc, da àng ạch, tóc lốm đốm trắng bước vào phòng, nói như ra lệnh:

- Mười giờ giao ban đột xuất, lại có chuyện rồi, tháng này đen đéo chịu được, hôm qua cường chế rừng, một con đàn bà bị gãy chân, lại đang chữa, mẹ kiếp... Mà này, mày kiếm đâu con bé xinh vậy, xinh quá đấy nhé, tốt lắm...

Ông ta hỏi lửng lơ rồi quay đi, vừa đi vừa chửi thề. Quý biết tôi nghe rất rõ nên nhẹ giọng:

- Đạo này nhiều việc quá nên đôi lúc cũng ức chế em ạ, em thông cảm vậy, anh ấy sắp nghỉ rồi, cơ quan cũng không ai chấp cả. Em cứ yên tâm, giúp được anh sẽ giúp, an cư mới lạc nghiệp, giá em nói trước thì đơn giản quá, Sơn Tú thiếu nhiều giáo viên mà, mấy người được cử về đó cũng đang muốn xin đi chỗ khác, để rồi anh cân đối xem, nhé...

Tôi nói vài lời cảm ơn anh ta. Bắt tay ra về không quên chuyển nhanh vào bàn tay anh chiếc nhẫn.

Tôi lao ra đường, nắng hắt đầy sông những vệt màu chói chang. Mắt tôi hoa lên, tôi đạp xe đi trong vô định, không biết đi đâu về đâu, chưa xong việc, tôi chưa thể về nhà...

Đạp xe chừng hơn cây số, tôi nghe tiếng xe máy vè vè bên cạnh, ép tôi vào sát lề đường. Tôi nhận ra Quý, anh nói hấp tấp, vội vàng:

- Em quay lại tí, anh nhờ em chút việc.

Tôi vòng xe trở lại. Trời đã sang trưa, nắng càng lúc càng gắt gỏng. Vừa bước vào phòng, Quý đã kéo tôi ngồi xuống ghế, cái chạm tay của anh vào tay tôi khiến cảm giác ghê sợ như đêm hôm trước ủa đến. Tôi rùng mình. Cố gắng kìm chế cảm xúc, giữ cho mình sự bình thản, an toàn. Quý vừa rót nước vừa bảo tôi:

- Sếp lớn vừa về, anh xem hồ sơ của em và trình sếp rồi, anh đánh máy cả quyết định mới cho em rồi đây, em mang sang ông ấy ký nhé.

Quý đứng lên lấy tờ giấy đã đánh máy sẵn đưa cho tôi. Cố tình ngồi sát vào tôi, mùi hôi nách khiến tôi phát ọe. Tôi nhích ra một chút rồi đứng lên, cố gắng kìm giữ những câu chửi tục đang nhảy nhót hỗn loạn trong đầu.

Anh ta dắt tay tôi ra cửa. Ngập ngừng giây lát, quay lại bàn làm việc, kéo ngăn kéo ra rồi lại đóng vào ngay. Đến sát tôi, anh cầm tay, ngập ngừng lật ngửa bàn tay tôi lên, đặt chiếc nhẫn của tôi vào và nắm các ngón tay tôi lại, khẽ nói:

- Cảm ơn em, nhưng em cầm lại giúp anh!

Tôi nóng bừng mặt, cảm giác lo sợ và bối rối như kẻ phạm tội. Quý kéo tay tôi đến phòng sếp lớn, gõ cửa, cho tôi vào còn anh quay đi. Tôi ngoái lại cảm ơn Quý nhưng anh đã quay lưng bước đi thật nhanh.

Căn phòng kín mít xộc vào mũi tôi mùi nước xịt phòng nồng nặc. Trước mặt tôi là người đàn ông đeo kính trễ đến mũi, khuôn mặt bóng nhẫy, đôi môi thâm to bè bè khẽ động đậy.

- Gì đấy!

- Dạ, thưa... tôi ấp úng chưa nói hết câu thì ông ta ngẩng đầu lên nhìn. Đôi mắt dẹt lét chìa lên trên gọng kính khiến tôi run bắn. Ông lên giọng:

- Các cô lắm chuyện quá, muốn đổi trường à, thanh niên thanh nẽo gì mà chưa khổ đã kêu oai oái vậy...

- Dạ, quê nhà cháu cũng vùng... Tôi chưa nói hết câu, ông đã cắt xoẹt:

- Họ hàng gì mà cháu với chặt. Ngồi uống nước để đấy tôi xem.

Tôi đặt tờ giấy lên bàn làm việc, rón rén ngồi xuống ghế sofa. Căn phòng càng lúc càng ngột ngạt. Im lặng đến ngẹt thở. Gió đẩy cành cây quệt vào cửa sổ khiến tôi run bắn. Ông ta bỏ bút kêu choeng trên bàn, đứng dậy, tiến về phía tôi:

- Con gái Sơn Tú có khác, đẹp quá, mà lại về quê thì uống nhĩ...

Tôi nhìn lên, đôi mắt nhỏ xíu lút thụt trong hai lớp mí dày cụp giãn ra nhìn tôi, cặp môi giãn căng thành nụ cười

- Em uống nước đi, đợi chút để anh bảo chúng nó đóng dấu.

- Dạ...

Tôi gật đầu và nói thật nhẹ. Ông ta tiến sát đến, mùi mồ hôi tởn nong nặc phả vào khiến tôi lợm giọng. Tôi né người sang một bên. Co rúm. Cánh tay đen đúa ghì tôi trong hai gọng kìm cứng như thép. Tiếng thét chưa kịp bật ra khỏi miệng thì đôi môi thâm tím của gã đã ghì miết môi tôi. Tôi ngộp thở, ra sức giãy giụa. Tôi cố cử động tay khi bị kẹp bẹp giữa người hắn, xoay móng tay cấu vào da thịt hắn. Đôi chân ra sức đạp lấy đà rút ra khỏi gọng tay hắn. Hắn nhắc bổng chân tôi lên ghế. Tôi càng cong người lên giẫy đạp thì cánh tay hắn càng xoắn xiết, đôi môi càng lúc càng mút chặt. Hơi thở nín cứng trong ngực. Tôi lả dần khi bị vật ngửa trên ghế sofa. Từng thứ đồ trên người lần lượt bị rút tung. Tôi cắn chặt môi, nhắm nghiền mắt. Một thảm màu đỏ ối lốm đốm ánh tím ánh vàng xoay tròn cuộn cuộn. Tôi cố gắng giãn căng tròn mắt nhìn sâu vào vụng xoáy, từng tia màu đỏ thẫm, đen kịt, trắng tinh, tím ngắt, xanh lét, chói lóa thay nhau tản ra chụm vào... không phải những mảng màu... là những em học sinh áo trắng muốt, tóc đen dài, nháy chân sáo trên con đường phủ đầy cỏi óng nuốt... là rừng vẹt xanh miên man đến chân trời... là biển xanh biếc một màu... là những tia nắng vàng chanh lóe lên từ

góc biển xa tít tắp... là mái tóc mẹ đen kịt rối bù... là những cơn gió xoáy vo cỏi thành những tổ kén... những tổ kén lúc nhúc bầy nòng nọc đỏ ối có đôi mắt bọt bọt lồi lên tìm ánh sáng... con rắn độc xé toạc tôi thành hai mảnh. Tước tấp. Nước mắt bật khỏi mi. Chát xót.

Con thú hoang học lên từng cơn, tôi được buông nơi dần. Nhão nhượi. Ê chề. Hấn xốc tôi dậy. Tôi lủ lủ nhặt từng mảnh vải tung tóe xung quanh quần lên người. Nước mắt vón thành cục. Tôi dụi mắt vào cánh tay, loáng thoáng thấy xước lên một vết đỏ. Con thú hoang vo nắm giấy chùi vết hoan lạc nhóp nháp trên sô-pha. Nắm giấy nhàu nhĩ. Khuôn mặt hấn sáng lên, hấn nâng cục giấy nhàu nhĩ, đờnhay trên cả hai bàn tay, khẽ kéo vào hít hà mẫn nguyện:

- Quá tuyệt, quá tuyệt, em là cứu tinh của tôi, cảm ơn em, cảm ơn em... Người đẹp thế này, trinh trắng thế kia... em là quà tặng của cuộc đời này dành cho anh em biết không...

Môi hấn chun lại như con đĩa phải vôi, hôn chụt lên má tôi. Đưa cho tôi cái lược nhỏ bằng hai ngón tay, bảo tôi chải tóc trong khi hấn bấm điện thoại gọi thư ký. Vài phút trôi qua, cô thư ký mang lên cho hấn một tập giấy. Vừa bước trở ra, cô ta vừa ném cho tôi cái nhìn khinh bạc, mỉa mai.

Hấn đặt lên tay tôi ba tờ giấy đóng dấu đỏ chót, dòng tên hấn cũng đỏ, nghiêm ngặt và đỉnh đạc. Tôi hồ hững đón những mảnh giấy trắng như khăn đội đầu ngày mất mẹ.

Tôi lê từng bước chân ra khỏi căn phòng sặc sụa nước hoa lẫn mùi tanh khét lờm lợm. Nắng trưa gắt gỏng làm mắt tôi hoa lên.

Ra khỏi cổng tòa nhà đường bộ. Không còn nước mắt để khóc,

tôi ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào bức tường rào đầy rêu lạnh. Hít từng hơi thở sâu lấp đầy vòm ngực rỗng... chưa hết hai mươi tư giờ... không biết bao nhiêu chuyện đã xảy ra. Tôi như con cá diếc ngửa bụng trôi trên sông.

Tôi về nhà. Đầu óc lơ lửng. Khi nhói nhức trong cảm giác ê chề nhục nhã. Khi rỗng rang trong tờ giấy lốm đốm đen đỏ. Khi hả hê vì đã trả thù cha. Tôi đã giết chết đứa con gái trong trắng của cha giống như cha đã giết chết người cha đẹp đẽ của tôi... Tôi đã rời xa Minh như Minh đã bỏ rơi tôi...

Ngôi nhà nhỏ không bóng người, không khóa cửa, tôi giáng ịch người xuống giường, như ném xuống cả một quả núi đầy đau thương, gai góc cho nó chìm lịm xuống biển.

Tôi bật khóc thành tiếng. Tiếng khóc đập vào tường nhà, quay lại xối vào tai tôi. Ngực tôi phồng giật từng cơn. Nước mắt chan chứa trên gối, ướt sũng mái tóc xòa rũ rượi trên giường. Tôi khóc ... khóc cháy ruột... khóc cho đến khi thằng Tí chạy về nhà lục tung tủ quần áo của cha, tôi chồm dậy hét lên:

- Đồ ăn cắp!

Nó sững người, trân trân nhìn tôi như nhìn người từ hành tinh khác đến:

- Chị đi đâu từ qua đến giờ, mẹ em bị gãy chân, đang nằm ngoài trạm xá...người ta phá hết rừng vẹt rồi...

Đôi chân tôi muốn gãy gập. Hai tai ù đặc. Tiếng thằng Tí u u u trong tai tôi. Rừng vẹt là nơi mẹ tôi sống, là nơi mẹ tôi về với tôi. Là máu và nước mắt của cha con tôi. Là nơi che bão chắn giông cho đồng cối, cho Sơn Tú. Là nơi dụ ong về chắt mật... Tôi lao ra ngoài đề, chạy băng băng qua đồng cối mới cắt, trơ

đáy gốc nhọn. Bao nhiêu người dân Sơn Tú đang vây kín trên đê. Cổ máy đỏ choét vươn gọng câu lên bằm xuống những bụi vẹt cuối cùng. Không ít người Sơn Tú đã gào thét đến lạc giọng, át tiếng máy, át tiếng sóng. Không ít người mắt đỏ hoe nhìn những con sóng bạc đầu từ xa chồm tới mỗi lúc một gần. Vẹt đỏ ngổn ngang, phơi lên những trắng đất đầy ắp phù sa, hai mươi năm, rừng vẹt đã gom giữ bao nhiêu bọt biển. Bao nhiêu con sóng dữ đã phải quay đi khi chạm vào rừng vẹt, bao nhiêu đêm ngày mẹ đã về nấu dưới gốc vẹt để trò chuyện với cha con tôi.

Tôi lao xuống cổ máy để đập hất cho nó chìm xuống biển. Nhưng tôi ngập lún vào sinh lầy, càn vẹt đỏ ngổn ngang giữ tôi không chìm sâu xuống, tôi thấy bàn tay mẹ áp vào lưng, vào má tôi mát lạnh rồi lịm đi.

Bà con Sơn Tú đưa tôi vào trạm xá. Khi tôi tỉnh lại, người đầu tiên tôi thấy là cô Xoan, nằm ngay giường bên cạnh, bụng to vượt mặt, và cái chân vừa bó bột chưa khô. Cô Thúy ngồi bên tôi. Nước hoa sực nức khiến tôi sợ hãi. Tôi né sang một bên khi cô ngồi sát đến để đút cho tôi thìa nước đường, cô bảo:

- Cả nhà toàn người cứng đầu,

Tôi vung tay hất thìa nước văng xuống đất. Gào lên:

- Tất cả là tại cô... tại cô đấy...

Giọng tôi đã lạc đi. Cô không giận, không lườm mắng gì tôi, từ từ cúi xuống nhặt cái thìa bỏ vào cốc rồi đặt lên bệ cửa sổ:

- Chuyện đâu còn đó, quá khích thế này thì chẳng làm được việc gì lớn đâu con ạ!

Cô Xoan trở mình thở dài, tiếng nói cũng đã khàn đặc lại:

- Bao nhiêu tâm huyết của anh ấy, mà vẹt nó chần sóng cho mình nhà ta đấy chắc?!... vậy là thả biển trôi sông...

Tôi chăm chú nghe từng lời của cô Xoan, nhưng cô không nói nữa, chỉ thấy nước mắt chảy dài trên má. Lần đầu tiên trong lòng tôi cảm thấy gần gũi với cô. Cô Thúy vẫn lạnh lùng nhìn ra ngoài xa thở dài ngao ngán. Tôi hỏi:

- Cha cháu đâu?

- Trong ủy ban xã.

- Ai ở đó cùng cha.

- Thành Minh, đi tỉnh, vừa về...

Cô Thúy gượng đáp. Tiếng máy lồng phá vẹt vẫn rú lên từng cơn lẫn với tiếng nói om sòm của người Sơn Tú, át tiếng sóng.

*

Rừng vẹt phá xong. Đất đai được chia thành từng ô để làm đầm nuôi tôm hùm tôm sú. Cha tôi ủ rũ trong ngôi nhà với bốn bức tường chỉ chút giấy khen, thỉnh thoảng một mình lang thang ra đồng coi chúa nhật con ốc con cua mang về. Chiều chiều ngồi bên bờ biển, nhìn chong chong về ngọn sóng bạc đầu. Vài cánh vẹt chưa bị vùi sâu dưới nước vẫn ngoi lên sóng, chấp chới vẫy gọi cha.

Ngày đầu tiên tôi đến trường dạy học, cha ngồi ngoài bậc hè, tựa lưng vào cột, cất từng tiếng nói rời rạc như vừa nói vừa nghẹn:

- Con gắng dạy dỗ tốt nhé... Mẹ con... chắc là vui lắm đấy!

Tôi nhìn cha, mái tóc bạc trắng dựng đứng quanh khuôn mặt xanh xám. Cha gầy rộc đi. Tôi muốn sà vào lòng cha như ngày bé xiu, để được cha cọ quệt cái cằm ram ráp vào má... nhưng chân tay tôi lỏng ngóng, miệng lưỡi tôi riu lại, mãi mới cất lên một tiếng nghèn nghẹn "Vâng".

Tôi đến trường trong tiếng reo vui riu rít của các em học sinh. Các em đón tôi bằng những ánh mắt trong trẻo, tiếng nói cười riu ran, và bước chân nô nghịch ồn ã. Tôi đứng hồi lâu bên hiên văn phòng, nghe bước chân mình ngày nào lúu riu trên rệ cỏ và tiếng cha dỗ dành: "Con gái ngoan, học giỏi, rồi đêm nào mẹ cũng về với cha con mình"... tôi "Vâng ạ!" rất rõ ràng, và chào cha rất to rồi nhảy chân sáo vào lớp học.

- Em chào cô ạ!

Tiếng chào khiến tôi giật mình. Tôi chưa kịp nhìn rõ mặt thì cậu bé đã lao vút đi, một vài em khác lao tới, cũng chào rất nhanh rồi lao đi. Các em đang chơi đuổi bắt trong sân trường. Tôi nhìn theo ba cậu bé, bước chân băng băng trên sân trường, như một cơn gió, cuốn tôi theo tiếng cười giòn tan, ngân vọng.

Trống trường vang lên. Vui. Run rẩy. Hồi hộp. Tôi nghe rõ trái tim bập bùng trong ngực. Hơi thở gấp gáp dần. Tiếng mẹ rì rào bên tai, mằn mằn, êm êm. Hôm nay mẹ sẽ nghe lời đầu tiên của con gái trên bục giảng. Để mẹ yên tâm rằng con đã lớn thật rồi. Từ lúc này trở đi, mỗi lời con nói, mỗi việc con làm sẽ giống như sóng mẹ, bồi đắp thêm lớp phù sa cho tâm hồn con trẻ. Và chúng sẽ lớn lên, đi qua đồng cỏ Sơn Tú, rải cánh khắp đại dương...

Tôi bước đến lớp học, dừng lại giây lát ngoài cửa. Hít một hơi

thở thật sâu, bước vào lớp học. Các em đồng loạt đứng lên chào. Trong khoảnh khắc ấy, cô bé ba tuổi như miếng giẻ vắt trên vai cha lớn vụt lên khiến tôi ngộp thở. Cố gắng giấu kín những xúc động đang nghẹn cứng, tôi cất tiếng thật dịu dàng:

- Cô chào các em! Cô mời các...

- Chị ơi, chị ... chị... chị... Cha... cha... cha...

Tôi giật bản mình. Quay ra cửa. Thằng Tí mặt mày xanh lét, tiếng nói gấp gáp lẫn tiếng thở căng chật ngực. Tôi chết sững.

Lao theo nó ra biển.

Biển lổ nhổ người. Tiếng gào khóc khản lạc... Tiếng kể lể rồi rầm... Tiếng kêu ca ầm ĩ... hai tai tôi ù đi. Cha đã lội ra biển, nơi xác vệt vùi sâu trong sóng, vài lá xanh còn lại chới với rung vẫy. Cha không sải tay bơi, mà lặn lẽ ngụp dần.

Đêm. Cầm tờ giấy cha để lại trên bàn, khuôn mặt cha đầm nước mắt. Nước mắt màu đỏ, vun thành chùm rể vệt, như cái nơm.

Chớm đông 2013

Vũ Thanh Lịch

TRUYỆN NGẮN: KHÚC DẠ CỔ

*Truyện ngắn của **Hồ Kiên Giang***

"Từ là từ phu tướng

Báu kiếm sắc phong lên đàn

Vào ra luống trông tin nhận

Năm canh mơ màng

Trông luống trông tin chàng

Ôi gan vàng quặn đau ừ ừ..."

Khi chiếc phà rở máy đập nước ùng ục rời bến Bình Minh qua bến Cần Thơ thì hai người hát rong bán vé số lại bắt đầu công việc. Ông lão mù già xạm đen đũa, tóc bạc loe hoe ôm cây đàn ghi-ta phím lõm trầy trụa được quàng qua vai bằng cọng dây dù nhỏ xíu xám xịt, bước chậm chạp theo đũa con gái chừng mười ba tuổi, đeo lưng lửng cái giỏ đệm đựng "dàn" dụng cụ hành nghề, vừa ca vừa mời khách mua vé số. Cả hai người ốm nhách, xanh xao, yếu ớt như không thể chở nổi bộ quần áo duy nhất cũ xì, đắp vá chằng chịt những miếng vải đủ màu, đủ cỡ.

Từ lúc bước lên phà anh đã chú ý đến họ. Không phải họ nghèo khổ hoặc dị hợm khác người. Không phải con bé ca hay, ông lão đàn giỏi. Cũng không phải sự hòa quyện một cách tài tình, không lạc điệu đó đã nhận chìm cái ồn ào, náo nhiệt giữa tiếng máy, tiếng xe, tiếng rao hàng của người bán rong và cả tiếng sóng ì oạp đập vô thân phà... Mà anh ngạc nhiên bởi lời dạ cổ được cất lên bằng giọng non nớt, nức nở của con bé có đôi mắt buồn thăm thẳm kia đã cùng tiếng đàn réo rắt rất quen làm kỷ niệm đau đáu, quắt quay hơn mười lăm năm chưa ngủ trong anh sống dậy hừng hực. Chuyện xưa bỗng quay về hiện hữu trước mặt...

Vinh tỉnh dậy thì trời tối như mực. Nằm im lặng anh cố moi óc hình dung lại cuộc chạm trán với bọn biệt kích cắm ở "vùng trắng". Đang lúc làm nhiệm vụ yểm trợ cho đồng đội rút lui, thì một viên đạn xuyên vào đùi, Vinh ngã quỵ. Thằng Hưng quay lại đòi công nhưng Vinh không chịu, đẩy nó về phía sau: "Hãy tổ chức cho anh em rút lui an toàn". Hưng lao đi, Vinh chạy tạt qua ruộng cỏ lác. Một viên đạn xé gió o o găm vô vai phải, Vinh nẩy lên rồi gục xuống... Bây giờ thì khát nước chưa từng thấy, cổ họng rất nạt, nóng hổi như bị chà xuống cát dưới nắng trưa nóng bức. Hai con mắt mờ dần cố mở bực hết cỡ như muốn lộn ngược, như muốn đứng trông cũng không xuyên thủng đêm đen đặc sệt để định hướng rằng đang ở đâu trên bãi cỏ lác nhàu nát ẩm ướt này. Trên trời là khoảng mù mù u u không có một ngôi sao, cũng có thể tại trời cao quá nên Vinh không thấy! Xung quanh vô vàn tiếng của bao nhiêu loại côn trùng hòa nhau tấu lên khúc trường ca trong đêm vắng. Lúc thì ồn ào dữ dội như xé mây, nổ đất. Lúc râm ran tí tẻ như đưa hồn người về cõi tiên; Bất chợt Vinh giật mình, động tai tập trung nghe ngóng. Trong đêm hè khuya lác, giọng ca hòa theo

tiếng đồn của ai đó vọng tới. Vinh nghiêng người định ngồi dậy, cảm thấy mình mảy rã rời, ê ẩm. Vết thương bị động đau điếng, khủng khiếp. Cái nhúc buốt chạy khắp cơ thể như xé Vinh ra thành trăm miếng. Vinh nằm xuống, rờ nhẹ lên đùi. Một lỗ tấy huỷ lỗ lộ ra khỏi lỗ quần rách dính chặt vô da. Thở thật bực bằng ngón giò cái sắp rớt xuống. Vinh nhét vô, nó lại lòi ra, nhúc nhích. Trời ơi! Con đũa!

Lâu lắm Vinh mới ngóc đầu lên khỏi đám lác trước mặt. Đằng kia, vài giọt sáng chơi vơi, đỏ lòm, nhỏ xíu như con đom đóm đứng yên. Một cơn gió ủa qua giúp Vinh xác định rõ hơn giọng ca nữ qua bài dạ cổ. Vinh đoán, có lẽ đó là xóm nhà dân. Lòng mừng thầm, cố dồn hết sức lực cạn kiệt còn lại lết thiệt nhanh mà sao chậm như rùa về phía ấy, xa hay gần Vinh cũng không thể đoán được khoảng cách là bao nhiêu. Máu bắt đầu chảy ra trên vùng thịt bị thương bầy nhầy, hôi hám. Cái đói bắt đầu cào ruột. Cái khát đang kéo giãn cổ họng tưởng như nó sắp bị bằng cái ống bơm. Mồ hôi tuôn ra như tắm. Trời vẫn tối. Muỗi mòng vẫn bám theo chầm chích. Tiếng côn trùng như cười cợt, chọc ghẹo khi thấy Vinh dừng lại thở dốc rồi tiếp tục kéo tấm thân gầy như bất toại đi để thỏa mãn sự điều khiển của chút hy vọng mong manh, biết có gặp may hay vô tìm nọp mạng cho giặc? Dẫu vậy, Vinh vẫn tin rằng tiếng đồn ai oán và giọng ca thánh thót kia không phải của kẻ cầm dao cầm súng. Vinh như bị giọng ca thôi miên, tiếng đồn dẫn bước, quên đói khát, mệt mỏi, đau đớn, bỏ lạch phạch xích lại gần nó.

"Từ là từ phu tướng

Báu kiếm sắc phong lên hàng

Vào ra luống trông tin nhận

Năm canh mơ màng

Trông luống trông tin chàng

Ôi gan vàng quặn đau ừ ừ..."

Vinh đã nghe bài dạ cổ rõ hơn, phân biệt được tiếng đồn và nhịp gõ song lang. Vinh đã dòm thấy ánh sáng nghiêng ngửa từ cây đèn mù u leo lét cháy trong ngôi nhà lá lụp sụp. Vinh đếm được ba người đang ngồi trên bộ ngựa thấp xiệp để giữa nhà. Và, tay Vinh đụng vô ngạch cửa sau. Rồi, Vinh không còn nghe giọng ca nữa, chỉ loáng thoáng tiếng đồn đệm lời kê hoảng hốt: "Má ơi!" Tất cả bỗng chìm dần, mất tăm...

- Anh bộ đội ơi, tới bờ rồi.

Anh giật mình dụi dụi mắt, dáo dác dòm quanh. Phà vắng hoe, không còn một người khách nào ngoài anh. Trên cầu phà, luồng xe nối đuôi nhau chạy xuống.

- Anh Hoàng nè! (Anh thấy tên anh bảo vệ trật tự trên phù hiệu đeo trước ngực). Anh có biết hai người hát rong, bán vé số lúc này ở đâu không?

- Ông Tư Cò hả? Về rồi. Nghe nói ông ở đâu dưới bến Ninh Kiều ớ.

Tư Cò? Trời ơi! Anh choáng váng, xây xẩm mặt mày, cổ trắn tỉnh vịn lan can phà, run run hỏi:

- Anh biết quê ông hông?

- Hình như... là xóm Bưng. Anh quen ông hả? Ngày nào hai ông cháu cũng ra đây bám theo phà, hay mai anh lại hỏi ông thử coi.

Đúng rồi. Tư Cò. Cháu. Tiếng đồn và bài dạ cổ. Ôi! Cám ơn! Cám ơn chuyến công tác. Cám ơn chiếc phà. Cám ơn anh Hoàng. Cám ơn...

Suốt nửa tháng trời Vinh nằm dưới hầm cạnh cây trâm bầu già khoảng cách nhà bác Tư Cò không đầy mười thước. Đây là cái hầm bác đào riêng cho Vinh vừa trị vết thương, vừa tránh tai mắt bọn thám báo. Hầm rộng, có thể nằm được. Ban ngày Vinh chui xuống hầm, tới giờ cơm thì Ên lén lút bưng ra cho Vinh cũng có khi bác gái. Ban đêm thì đợi khi tiếng đồn bác Tư gáy lên là báo hiệu an toàn. Vinh mới được ra khỏi hầm, thoát khỏi cái ngột ngạt, hít lấy khí trời ngọt ngào thoang thoang đồng quê.

Vinh chưa gặp được bác trai lần nào cả, hình như bác không cho Vinh gặp thì phải. Những gì Vinh biết đều qua Ên kể. Cả nhà bác sinh ra và lớn lên tại đây, là một gia đình "ở giữa" trong "vùng trắng" này. Hai bác chỉ có Ên là con độc nhất. Cô gái tuổi mười tám mang nét đẹp miệt vườn: tóc dài, da bánh mật, dáng vóc cân đối, mạnh mẽ, đặc biệt là ca rất hay. Vì vậy mà xã trưởng Nghị lé mắt viện cớ qua học đồn, vì bác Tư đồn rất hay, nổi tiếng trong vùng. Có lần hấn bẹo má Ên bị bác Tư cho một bạt tai nổ lửa. "Đồ chó chết! Mà mà đụng tới con gái tao là tao báo Việt cộng làm thịt mày". Hấn tiu ngủ, lĩnh lĩnh như heo ăn gà, nhưng lòng hấn ấm ức lắm.

Nhà Ên nghèo, được vài công ruộng nên làm không đủ ăn. Đã vậy, khi thì vừa xả giống xong bị pháo bắn, hất tung lên, lúc lúa mới trổ đồng bị máy bay thả bom xăng cháy trụi. Nước mắt người nông dân trào ra trộn lẫn vụn phù sa của đất.

Vinh nhớ lần tỉnh lại thấy mình nằm cạnh Ên trong căn hầm

nhỏ, tối thui. Vinh giật nảy lên khi lần đầu tiên trong đời thằng con trai hai mươi tuổi chạm phải thịt da nóng hổi của con gái. Dòm lại bộ bà ba đen luộm thuộm thay bộ quân phục, Vinh mắc cỡ cứng người. "Ba mẹ ơi! Vậy là... tiêu rồi". Đến lúc Ên thay băng, rửa cồn vết thương cho Vinh, Vinh không dám cựa cựa cũng không dám nhìn thẳng Ên, sợ vánh môi đỏ thắm kia hé nụ cười đầy ngụ ý thì chắc Vinh chết mất! Rồi cũng quen dần. Rồi mền Ên hỏi nào không biết. Vinh thương đôi mắt buồn thắm thắm của Ên. Vinh yêu giọng ca của Ên qua bài dạ cổ. Và Vinh tạc dạ ghi lòng sự chăm sóc, cứu chữa của Ên, của gia đình. Mặc dù, vết thương chỉ ở phần mềm nhưng Vinh coi như gia đình Ên đã sinh Vinh ra một lần nữa. Vinh biết Ên cũng có tình, có ý với mình, tuy Ên không nói nhưng cử chỉ, hành động và cái nhìn kia đã minh chứng. Một lần Vinh giả bộ hỏi: "Ên ra đây buổi tối không sợ bác rầy sao?". "Ba kêu em đi mà. Ba sợ anh Vinh buồn". "Nếu bác không kêu thì Ên đâu có đi hả?". "Vô duyên! Vậy em về ca cải lương cho lão Nghị nghe hen?". "Không! Anh xin lỗi. Anh chỉ giỡn thôi mà!".

Hôm kia, Ên ngập ngừng hỏi Vinh: "Quê anh Vinh ở đâu vậy!". "Chợ Gạo". "Ở đó chắc hổng sợ đói hả?". Vinh chạnh lòng nghĩ đến gia cảnh của Ên: Vậy mà phần cơm của Vinh ngày nào cũng đầy thịt cá. "Sao anh Vinh không trả lời?". "Ờ... ờ... Chợ Gạo là tên huyện của tỉnh Định Tường". "Xa dữ! Mà... hồi... trước khi đi bộ đội anh Vinh... có người yêu chưa?". "Chưa. Nhưng vô bộ đội mới có". Dưới ánh trăng đầu tháng, Ên cụp mi xuống, tay mân mê vạt áo. "Chắc... chị ấy đẹp lắm hả?". "Ừa, đẹp lắm! Lại ca cải lương rất hay, nhất là bài dạ cổ: *"Từ là từ phu tướng, bấu kiếm sắc phong lên đàn..."*. Mắt Ên long lanh: "Xạo!".

Đêm nay chia tay gia đình Ên. Trăng mười bốn lên tới ngọn trâm bầu mà Ên vẫn ngồi bên Vinh cúi mặt im lặng, để tiếng

côn trùng hòa tấu bài đưa tiễn nghe buồn da diết. Vinh lặng chìm trong hương đất phát lên đậu trên mùi sả từ mái tóc của Ёn.

- Sao Ёn không nói gì hết trơn vậy?

Ёn ngược lên, hai dòng nước mắt lăn trên má.

- Anh Vinh bắt được liên lạc với đơn vị có gần đây hông?

- Xa lắm. Mà, sao Ёn khóc?

- Em sợ dọc đường vết thương anh Vinh lại đau.

Tay Ёn run run trong tay Vinh. Bờ vai Ёn giật từng cơn theo tiếng nấc.

- Hết chiến tranh, anh Vinh có vô đây hông?

- Có chứ. Anh sẽ dẫn Ёn về Chợ Gạo. Ở đó không sợ đói!

Ёn ngả vô lòng Vinh. Không gian bỗng dưng thu hẹp lại cho đôi môi mấp máy tìm nhau. Vầng trăng tròn vành vạnh then thùng giấu mặt vô đám mây để hai trái tim cùng nhịp đập...

Mặt trời khuất sau tòa nhà cao tầng của thành phố, nhanh nhẩu chạy trốn mảnh trăng đầu tháng đang nhô dần lên khỏi đọt cây phía bên kia cù lao. Ánh sáng huyền ảo phủ xuống những đê lục bình tím rịm bông hồ hững trôi theo dòng nước êm. Lâu lâu, sông lại gợn lên từng đọt sóng bởi những mái chèo về muộn, vội vã. Hàng loạt ghe buôn bự nhỏ, dò dọc dò ngang đủ kiểu đậu san sát cặp mé sông. Vừa dòm xuống từng chiếc ghe, chiếc xuồng kiếm người lạ mà quen, xa xôi mà ruột

thịt, bên tai Vinh dội về tiếng của bà con "vùng trắng", những thông tin khác nhau về gia đình Ёn thì biết đâu là giả là thiệt.

Đi mỗi. Ngồi xuống. Lại đứng dậy đi tiếp, bao nhiêu lần anh cũng không nhớ. Miệng cứ lẩm rẩm: "Bác Tư ơi! Ёn ơi. Mười lăm năm thằng Vinh rong ruổi đi tìm khắp hang cùng ngõ hẻm để rồi thất vọng gặm nhấm nỗi chờ mong khắc khoải nhưng không thể ngủ yên qua một đêm ngắn ngủi để đợi tới sáng mai. Nó vẫn trần trọng tấm lòng cao cả của bác, vẫn chung thủy với lời hẹn cùng Ёn và trách nhiệm với những gì nó làm. Một chút hy vọng nhỏ nhoi cũng hóa tường thành để nó tựa lưng..."

Từ giữa sông, một chiếc xuồng tam bản bơi nhẹ vô bờ. Dưới tấm rèm đóng bằng lá dừa dựng hai bên be, cái đèn bão yếu ớt không soi rõ mặt người. Xuồng dừng lại cột dây vô chiếc đò. Và một lời ca quen thuộc cất lên day dứt:

"Từ là từ phu tướng

Báo kiếm sắc phong lên dăng..."

Vinh thẳng thốt, quỳnh quáng phóng lên mũi đò, chạy nhanh lại phía chiếc xuồng như sợ nó biến mất.

- Bác Tư!

- Ai vậy? - Một giọng nói lạnh lùng.

Anh ngồi sững trước mũi xuồng đang lắc lư, khảm mệt, nắm chặt tay bác Tư:

- Bác Tư, con là thằng Vinh bị thương hồi mùa hè năm 1972 được bác cứu sống đây.

Bác Tư quơ quơ tay trong khoảng không rồi bác để lên vai anh. Từng ngón tay xương xẩu lần mò cặp quân hàm, miệng lầm bầm:

- Bị thương? Một. Hai. Ba. Bốn. Đại úy!

Bỗng bác Tư sợ hãi lùi vô khoảng xuống chấp tay hì hục lạy:

- Bộ đội ơi! Đừng bắt tội tui, đừng bắt tội thằng Nghị khốn khổ này.

- Hả? Ông là xã... xã trưởng Nghị?

- Đối với những cô gái khác thì một khi tui muốn là tui chiếm đoạt được liền, nhưng với Ên thì tui không thể làm như vậy. Tui yêu Ên. Tui chỉ muốn cưới Ên. Mặc dù ông bà Tư không chấp nhận tui với lý do là Ên đã có chồng! Tui không tin nên vẫn nuôi hy vọng là ông sẽ thay đổi. Lúc đó, bụng Ên ngày càng bự lên. Tui điên tiết. Mẹ kiếp! Con gái trong vùng quản lý của tui lại có bầu với thằng khác. Tui chờ khi Ên đẻ xong, giao con cho ông bà Tư, tui bắt Ên về làm vợ. Nhưng Ên chưa kịp sinh thì trong một lần tui dẫn lính quận đi càn, Việt cộng bắn tui bị thương nên phải về nằm nhà. Tôi buồn thúi ruột hết biết. Ông Tư thì vui vẻ. Thời gian này tui thuộc thêm nhiều ngón đòn của ông.

- ...

- Sinh con được đâu mười ngày thì bà Tư cùng Ên bơi xuống ra chợ huyện. Khi qua trạm ngã ba ông Sông Hữu, bọn lính kêu ghé xuống lại cho xét, hai người không chịu lại bơi đi nhanh hơn. Bọn lính nghĩ chắc hai người tiếp tế cho Việt cộng nên

giơ súng bắn. Bà Tư với Ên chết ngay trên xuống.

- ...

- Bọn lính kéo xuống vô bờ. Thì ra trong mớ tã lót của con, Ên giấu một xấp giấy tờ dày cộm của Việt cộng. Trước giải phóng một tuần, ông Tư bị bệnh rồi chết. Nghe lời ông Tư, sau khi lành vết thương, tui không làm xã trưởng nữa mà chỉ học ca, học đờn.

- ...

- Trước khi nhắm mắt, ông nói với tui: "Có rất nhiều người đồn hay, nhưng ngón đòn của bác không giống họ. Bác đã dạy cho mày - Chỉ một mình mày thôi - Nghĩa là bác đã nhận mày làm đệ tử. Nghe tiếng đờn, bác biết mày không phải là đứa thiệt xấu. Mày hãy cố gắng nuôi con Lượm dùm bác. Sau này kiếm bộ đội Vinh trả nó về với ba nó". Và, tui đã hứa. Sau giải phóng tui sợ người ta bắt đi cải tạo, nên bỏ xóm trốn lên đây. Lúc nào tui cũng ám ảnh sợ họ kiếm tui, họ giết tui để trả thù, vì vậy nên tui đã đại dốt tự hủy mắt để mọi người không nhìn ra xã trưởng Nghị. Từ đó, tui lang thang đi ăn xin bằng tên và tiếng đờn của ông Tư. Khi con Lượm được năm tuổi tui dạy nó ca bài dạ cổ. Hàng ngày, nó dẫn tui xuống phà hát rong bán vé số. Ban đêm nó đi bán một mình. Nó không biết tui là ai. Tui sống với hy vọng rằng sẽ có một ngày cậu và Lượm gặp nhau để tui hoàn thành lời hứa với thầy Tư Cò. Ai ngờ hôm nay nhờ có bài dạ cổ mà cha con cậu gặp được nhau thiệt! Ôi, thầy Tư Cò quả thiệt là linh...

Không biết anh đã khóc từ bao giờ! Mười lăm năm qua đi. Mười lăm năm chiến đấu, cầm súng giữ nước mình rồi nước bạn, anh chưa một lần gục ngã cũng chưa thấy mình hoàn toàn suy sụp như lúc này.

Gió từ cù lao thổi qua mang theo một điều rất lạ, mơ hồ mà như thiệt: Có phải gia đình bác Tư đã xui khiến cho anh gặp Lượm không?

- Ông Nghị nè! Tui khuyên ông nên về xóm Bưng một lần để tạ tội những việc ông làm trước đây. Tui tin là bà con sẽ tha thứ cho ông.

- Cậu không giận với tui chứ?

Từ trong hai hố mắt sâu hoắm của lão Nghị, nước ứa ra, đọng thành giọt chảy dài xuống đôi gò má nhăn nheo đang cố nhô cao lên như để chứa đựng tất cả sự sung sướng, niềm hạnh phúc to lớn tột cùng. Giọng lão run run:

- Cám ơn... cậu Vinh! Cám ơn...! Nhưng tui xin cậu cho tui một ân huệ nhỏ.

- Ông cứ nói thử coi.

- Rằng... cậu đừng nói cho con Lượm biết tui là ai. Nếu có thể thì chỉ là một đệ tử của ông Tư Cò. Người đã bắt đắc dĩ truyền lại cho tui ngón đòn độc huyền và bài dạ cổ. Thỉnh thoảng, cậu cho tôi tới thăm con Lượm...

Phà Cần Thơ vẫn ngày đêm lặng lẽ đưa khách qua đôi bờ sông Hậu.

Trên một chiếc phà có ông già mù ngồi nép mình vô thành phà như muốn giấu đi thân hình ốm tong teo sau cái thau nhỏ xíu, móp méo đựng mấy tờ bạc lẻ. Ông gảy lên tiếng đàn réo rất đậm giọng ca khàn khàn, ồ ồ, đứt quãng.

"Từ là từ... phu tướng

Báu kiếm sắc... phong lên đàng

Vào ra luống... trông tin nhận!"...

H.K.G

TRUYỆN NGẮN: THÁC BÀ ĐIÊN

Truyện ngắn của Vũ Tuấn Hoàng

Tên địa danh bất thường này gợi nên bao thắc mắc và suy tư của du khách khi ngỡ ngàng đứng trước khung cảnh hùng vĩ và nên thơ của dòng thác nước tung bọt trắng xóa, réo ầm ầm đổ từ trên sườn núi xuống. Âm vang của nó dội vào vách đá lởm chởm, lan tỏa ra khắp các vùng lân cận như một bản giao hưởng bất tử của rừng đại ngàn trùng điệp.

Chính quyền địa phương muốn đổi cái tên nghe rất quái gở này, nhưng tên mới chỉ tồn tại được trên văn bản giấy tờ, còn trong lòng người dân, thác “Bà điên” vẫn đeo bám dai dẳng như một nỗi ám ảnh định mệnh khôn nguôi, như đã thấm vào đất quặng vào khí trời, cỏ cây của vùng bán sơn địa vốn dĩ cũng chứa đựng trong lòng nhiều huyền thoại đau thương và bi hùng.

Trận mưa lũ quét bất chợt trên thượng nguồn khiến chúng tôi mất đường quay trở ra quốc lộ chính. Buổi sáng tới, con suối hiền lành róc rách chảy không hề báo trước điều gì bất thường, nay bỗng chốc biến thành một dòng sông dữ tợn, chảy xiết, cuộn cuộn ôm theo củi rác, mái nhà, xác súc vật, cả những cây gỗ lớn mà trên đó đám thú rừng may mắn sống sót ướt lướt thướt bám theo. Con nào con nấy ánh mắt tràn đầy

nỗi khiếp đảm sợ hãi. Chúng nép sát vào nhau, kể cả những con thú dữ như hổ báo, trong lúc bình thường làm sao có thể cùng ôm chung một cây gỗ với đám lợn rừng hay cây, chồn, chó mèo, gà, cóc nhái... Tai họa thiên nhiên giáng xuống khiến cho các loài vật xích lại gần nhau để tìm chỗ nương tựa. Điều này giúp lý giải tại sao chúng tôi lại nhanh chóng tìm được nơi trú để tránh cơn mưa nguồn đang lù lù kéo tới, hứa hẹn cả đêm sẽ phải ngủ dưới tiếng mưa rơi sối sả, trong một chiếc nhà gỗ vững chắc và ấm cúng của người kiểm lâm, cách thác không xa. Thoạt tiên, ngỡ tưởng đây là lán của người gác rừng, nhưng sau gần một tiếng trò chuyện thân tình, ăn các đồ ăn chúng tôi mang theo bên đồng lửa được đốt lên ở chính giữa ngôi nhà, mới vỡ lẽ ra: ông chủ là một người mà từ khi còn trẻ đã rời bỏ gia đình ở dưới xuôi để lên đây theo đuổi một mục đích duy nhất của đời mình : Đi tìm vàng ! Song, cứ đoán theo hình thức bên ngoài của gia chủ và mọi đồ vật dụng trong ngôi nhà này thì chắc hẳn cái mục đích mà ông đặt ra cho cuộc đời vẫn còn ở đâu đó rất xa. Nhưng có một điều mà cả ba chúng tôi đều cảm nhận thấy là ý chí tìm kiếm không hề cạn kiệt toát ra qua ánh mắt sáng quắc, tinh anh và giọng nói sang sảng của ông.

- Sống một thân một mình đơn độc giữa rừng sâu mà ông không sợ hay sao? Tôi đỡ chén trà nóng từ tay ông già và bạo dạn cất tiếng hỏi

- Hồi trước, có rất nhiều người tới đây tìm vàng, lều lán mọc lên như nấm sau cơn mưa, nhưng rồi tất cả dần dần nản lòng bỏ cuộc hoặc bỏ mạng vì bệnh tật hay đâm chém nhau...mà cứ ngẫm kỹ ra, con người ta vừa mới sinh ra ở đời đã bị tuyên án tử hình rồi, vấn đề là khi nào thi hành án thôi – Ông vừa nói vừa bỏ thêm khúc củi vào lửa - Bởi vậy, dù sống trong rừng có thú dữ, rắn rết độc hay sống giữa thành phố đầy đủ

tiên nghi thì nguy cơ đối mặt với cái chết là như nhau. Tôi đã từng tham gia chiến đấu bảo vệ thành Quảng Trị 1972, xung quanh đồng đội trúng đạn chết và bị thương la liệt, nhưng tôi không hề bị xây xước dù một vết nhỏ ... - Nói đến đây, giọng ông bỗng trở nên trùng hằn xuống và mãi một lúc lâu mới thốt ra được tiếp mấy lời mà không hiểu là nói với chúng tôi hay nói với chính bản thân mình

- Nhưng... lại bị trúng thương ở hậu phương... à mà thôi, chuyện cũ đã qua rồi, tất cả đã là dĩ vãng... Nào, bây giờ xin mời các bạn trẻ thử món rượu tôi tự cất lấy từ ngô nương nhé!

Cả ba chúng tôi đều trở nên háo hức và cảm thấy chuyến đi Weekend của mình tưởng bị cơn mưa nguồn bất chợt làm hỏng nhưng lại được đền bù bởi cuộc gặp gỡ thú vị với ông già bí ẩn mà sau này, mỗi khi nhớ lại, chúng tôi đều không khỏi nén một tiếng thở dài và tự hỏi : Lẽ nào, trên đời lại có những con người mang trong mình một số phận éo le đến như vậy? Thế ra, hàng ngày chúng ta gặp bao con người trên đường phố, trên ô tô buýt, trong cửa hàng, quán café... mà số phận của họ chúng ta đâu có hay biết gì. Chúng ta đi ngang qua nhau vô tình như đi qua gốc cây hay chiếc ghế đá. Và, chỉ nhờ một sự tình cờ ngẫu nhiên nào đó, cánh cửa đời tư của con người tồn tại bên cạnh chúng ta mới bất chợt hé mở, để lộ ra những góc ngách sâu thẳm khôn lường. Phần vì mệt do đi đường phần vì rượu thơm ngon nên hơi quá chén, cả ba chúng tôi lẫn ra ngủ ngay trên chiếc chiếu đan bằng loại cỏ thô đã ngả sang màu nâu xỉn ở góc nhà. Lúc quá nửa đêm, tôi chợt thức giấc vì mấy giọt nước mưa lạnh thấm qua mái lợp rơi xuống trúng mặt. Tôi khẽ mở mắt ra và lặng người đi, trong bụng nhủ thầm “Mình mà có tài điều khiển thì chắc chắn đây sẽ là một bức tượng không tồi”. Ngọn lửa nhún nhảy bập bùng hắt ánh sáng lên ông già cỡi trần, người đỏ rực như một pho

tượng đồng thau ngồi xếp bằng chữ ngũ. Cơ bắp trên bắp vai và hai cánh tay đã săn lại chằng chịt các đường mạch máu nhưng vẫn gân guốc và tiềm ẩn sức mạnh. Các nếp nhăn trên mặt, nhất là trên trán như những vết dao chém, hằn sâu và khắc khổ. Hai má hóp lại khiến đôi lông mày quăn nhô ra. Ánh mắt ông chăm chú nhìn ngọn lửa. Thỉnh thoảng, ông lại quay sang âu yếm vuốt ve con chó săn đen tuyền, lưỡi có đốm, giống chó Lài Bắc Hà, người bạn trung thành duy nhất đang nằm phủ phục, ghé chiếc mõm dầy, to và ướt lên đùi ông. Đôi mắt mang màu sắc hoang dã của loài cầm thú cũng trở nên mơ màng ưu tư trước ánh lửa bập bùng . Hai tai dài và nhọn của nó dựng đứng lên cứ xoay đi xoay lại rất cảnh giác, hướng theo những âm thanh khác nhau từ ngoài rừng vọng vào. Tôi nhớ lại câu chuyện hồi chiều của ông kể về con chó lai giữa chó nhà và chó sói này với vẻ tự hào chẳng khác gì nói về một người bạn chí cốt rất mực thủy chung, vị cứu tinh của đời mình : “ Con chó thông minh lắm. Chỉ cần nhìn là nó hiểu mình muốn gì. Đây là giống chó săn cực quý, khôn ngoan và dữ dằn. Nó là người lính gác vô cùng tin cẩn, sẵn sàng xả thân để bảo vệ chủ. Theo như người Nùng ở đây vẫn nói, nếu ai sở hữu một chú chó Lài, thì coi như quanh năm suốt tháng no đủ, không sợ đói. Xách súng vào rừng, nếu có chó Lài dẫn đường, thì kiểu gì cũng thu được chiến lợi phẩm. Nó sẽ tìm dấu vết thú, lùa thú vào trước họng súng cho chủ bắn. Giống chó này là sát thủ của rắn độc, sự dũng mãnh của nó khiến rắn độc sợ hãi co mình nằm im – Kể đến đây ông già chỉ vào bộ da rắn khổng lồ treo dọc chiếc cột trụ to duy nhất của căn nhà – Đây là con rắn đã thành tinh, là “quái thú” của rừng già. Vùng đất này núi cao rừng thẳm thú dữ khá nhiều. Tuy nhiên, cánh rừng giáp với thác nước này chẳng có bóng dáng loài thú dữ nào, ngoài con quái thú khổng lồ mà chưa ai được mục kích tận mắt. Dân đào vàng mỗi năm chỉ tình cờ bắt gặp một

bộ da rắn lột dài bằng mấy lần đòn gánh, to bằng thân cây chuối rừng. Thế rồi một hôm, trời đã nhá nhem tối, tôi từ bãi đào vàng trở về lều. Gần đến nơi thì bỗng con chó Lài phóng vụt lên trước và sủa loạn xạ. Trong tiếng sủa của nó có điều gì đó kinh hoàng, khẩn cấp. Tôi vội cảnh giác, hạ khẩu súng sẵn xuống khỏi vai và lên đạn. Hướng theo tiếng sủa của chó, ánh đèn pin chưa kịp bật lên, tôi đã phát hiện ra hai đốm lửa đỏ lự ngay ở cửa lều. Chúng đang đưa đánh võng trong bóng tối. Tôi bỗng lạnh hết sống lưng khi nghe thấy tiếng gió rít rất lạ và mùi tanh nồng phả vào mũi. Tôi hiểu mình đang đối mặt với ai ? Hai chân rú lại, không bước nổi nữa chứ đừng nói đến chuyện bỏ chạy. Nó chỉ mồm một nhát thì coi như cầm chắc cái chết. Chính lúc đó, con chó Lài xông lên, gầm gừ hung dữ đe dọa đối thủ khiến cho hai đốm lửa đỏ lự đó đứng im bất động. Và, viên đạn may mắn từ nòng súng của tôi khạc ra đã trúng giữa hai đốm sáng như hai con mắt của tử thần. Cái lỗ thủng do đạn phá to bằng bàn tay trên cánh cửa kia, tôi vẫn giữ nguyên không sửa lại để làm kỷ niệm về một khoảnh khắc không thể quên trong đời ”.

Tẩu thuốc lá làm từ gốc cây ốt , vỏ xì sì, cứ lập lòe đỏ trong lòng bàn tay to thô và dị dạng của ông vì bao năm cầm xẻng đào bới đất cát. Những sợi khói trắng lớn vờn, thông thả vẽ lên trong không trung những hình thù kỳ dị đầy biến ảo.

Tôi đặt tên cho bức tượng tạc vội trong đầu đó là: Cô Đơn .

Có cảm giác rằng, nỗi cô đơn của ông già đã lan truyền sang cả con chó bên cạnh, thậm chí thấm cả vào các đồ vật xung quanh : một chiếc ba lô lính bạc phếch treo trên bức vách sau lưng, một chiếc bị đông quân dụng bị móp, một cái xẻng công binh, một cây súng săn bóng gỗ kiểu Nga và cuối cùng là một cây đàn ghi ta đứt dây cũ kỹ, chóc hết lớp vecni...Đến tận bây

giờ, tôi mới chợt nhận ra phía trên cao của vách nhà có treo bức ký họa chân dung của một người phụ nữ, lồng trong khung bằng bốn ống trúc mà từ chỗ tôi nằm chỉ nhìn thấy lơ mờ. Ở góc bên phải có gắn một dải băng đen nho nhỏ.

- Ông vẫn chưa ngủ ạ? Tôi ngồi xuống bên cạnh đống lửa, khẽ cất giọng hỏi. – Mưa đã tạnh, tiếng thác nước nghe rõ quá ông nhỉ, và hình như bên ngoài còn có trăng sáng thì phải?

- Cháu có ngửi thấy mùi hương lạ không? Ông già nhồi thêm thuốc vào tẩu, cất tiếng hỏi khẽ. Đến lúc đó, khướu giác chậm hiểu của tôi mới cảm nhận thấy một mùi hương thơm thoang thoảng, tinh khiết lang vắng đâu đó trong không gian, xen kẽ với các mùi khác như mùi gỗ cháy, mùi ẩm ướt của thảo mộc sau cơn mưa, hòa quyện với bản nhạc của muôn vàn tiếng tí tê của thế giới côn trùng.

- Đám cây hương đi kiếm ăn đêm trên đỉnh thác. Chúng rất thích ăn một loại rễ cây hoa Dĩ Vãng mọc ở các khe đá dọc hai bên thác nước.

- Tên hoa nghe lạ quá, lần đầu tiên cháu được nghe. À, mà ông ở đây đã lâu chắc phải biết tại sao thác nước này gọi là thác “ Bà điên” chứ ạ?

Thật không ngờ, câu hỏi vô tình của tôi khiến thái độ ông già đột ngột thay đổi hẳn. Một tiếng thở dài bật ra khỏi lồng ngực xương xẩu nhưng rắn chắc của ông.

Ông ngược nhìn lên bức ký họa treo trên vách và im lặng không nói gì.

Một người bạn của tôi ú ớ nói lảm nhảm trong giấc mơ.

- Bác cháu mình ra ngoài thác ngắm trăng đi! Ông bất ngờ đề nghị - Ở thành phố làm sao được mục sở thị một khung cảnh huyền ảo như lúc này!

Tôi định bước lại đánh thức hai người bạn, song ông già đã đặt bàn tay nặng trĩu lên vai tôi, nói:

- Cứ để cho hai cậu ấy ngủ ngon, ba chúng ta đi là đủ rồi!

Chú chó Lài cao lớn là người đầu tiên nhanh nhẹn dùng mõm đẩy chốt cửa bước ra ngoài.

Tôi đã không ít lần trải qua những cảm giác lặng đi đến sững sờ vì xúc động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, nước mắt trào ra trên bờ mi vì cảm giác hạnh phúc được sống, được cảm nhận qua tất cả các giác quan Cái Đẹp tuyệt đối của tạo hóa. Đó là bình minh đang lên trên mặt hồ Baican ở Xibiri, những khu rừng phong mùa thu đổ sắc vàng rực rỡ của miền Trung nước Nga, ánh hoàng hôn lai láng trên mặt sông Seine ở Paris hay những thảm cỏ xanh mượt hút tầm mắt trải song song với bầu trời trong vắt cũng xanh ngấn ngấn ở Hà Lan. Đó là những đêm trăng khắc khoải trên bờ biển Crưm vang động tiếng sóng ầm ì vỗ vào kè đá hay chứng kiến hàng ngàn cánh chim hải âu trắng muốt bay rợp trời trong công viên Thúi Hồ ở Côn Minh...

Cảm giác sững sờ đó đột ngột quay trở lại xâm chiếm tâm hồn khi chúng tôi dừng bước đứng trên một phiến đá lớn ở đỉnh thác nước. Từ đây mở ra một bức tranh huyền ảo, hư hư thực thực với hai gam màu chủ đạo : trắng và đen. Các vòm lá cây sau cơn mưa phản chiếu ánh trăng lấp loáng màu bạc trải dài xa tít tắp, cứ như thể vầng trăng kia đã vỡ vụn ra thành hàng

ngàn vụn mảnh nhỏ rải xuống cánh rừng vậy. Nếu bịt tai lại, cảm giác phía dưới chân mình là một dòng sương mù dày đặc đang bồng bênh uốn lượn trôi mãi về dưới xuôi...

- Cháu có nghe thấy tiếng hát không? Ông già đột ngột hỏi, đầu ngẩng cao, hai mắt lim dim nhìn xa xăm về phía trước mặt

- Dạ...dạ.. cháu không nghe thấy gì cả. Hay vì tiếng thác nước át đi?

- Không, tiếng hát rất rõ, bao năm rồi mà giọng bà ấy vẫn không thay đổi, đúng là chất giọng của người con gái đất quan họ...

Trong một khoảnh khắc, tôi chợt cảm thấy hình như ông già có cái gì đó khác thường. Hoặc giả, sống trong rừng núi lâu ông đã luyện được thính giác nhạy bén hơn người? Tôi thử tĩnh tâm lại một lần nữa và căng tai lên nghe...nhưng tuyệt nhiên không phát hiện ra bất kỳ một âm thanh lạ nào khác, ngoài tiếng nước xối xả. Thỉnh thoảng, có tiếng chim ăn đêm vỗ cánh trong không trung. Và, nếu chú ý lắng nghe kỹ hơn nữa, có tiếng gió vi vu trong bụi trúc ở đâu đó gần đây mà thôi.

- Cũng trong một đêm sáng trăng như thế này, bà ấy đã nhảy xuống trầm mình trong dòng nước tinh khiết kia! Ông già quay sang nói với tôi bằng một giọng run run xúc động

- Bà nào ạ? Tôi ngơ người ra hỏi lại, nhưng ngay lập tức chợt hiểu ra ý ông già muốn nhắc tới ai

- Chính vì thế người ta mới gọi đây là thác bà điên phải không ông? Chỉ có người không bình thường mới hành động như

vậy.

Tôi vừa nói, nhưng trong đầu đã phỏng đoán người phụ nữ điên này chắc phải có liên quan gì đấy với ông già. Bức ký họa trên vách và cuộc sống đơn độc ở gần thác nước này của ông bao năm trời đã khiến tôi lơ mơ cảm nhận được số phận của người đàn ông bí ẩn đang ngồi cách tôi nửa tầm tay với. Phải chăng là hệ lụy của mối tình lâm ly bi sầu như trong tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn ?

- Giá mà không có chiến tranh thì thác nước này cũng không mang cái tên oan nghiệt đó... Cháu ngồi xuống đi, ngồi sát vào mé này này, không bụi nước bay lên chỉ một lúc nữa là cháu ướt hết và lạnh cóng... Có vùng nào trên đất nước chúng ta mà không mang dấu ấn đau thương của chiến tranh đâu cháu?

Ông già trầm ngâm một lúc, rồi cất giọng bắt đầu câu chuyện.

Tôi có cảm giác rằng, ông không phải kể cho tôi nghe mà kể cho chính dòng thác đầu nguồn này, để câu chuyện của ông, lời nói của ông nương theo dòng nước chảy xiết trôi về dưới xuôi, hòa nhập vào trăm ngàn các dòng sông lớn nhỏ, tan vào phù sa bồi đắp nên nhưng cánh đồng lúa xanh mơn mớn, rồi cuối cùng trôi ra biển cả mệnh mang vô định...

Chiếc xe tải quân sự lấm bụi đường trường đỏ quạch phanh khựng lại bên cạnh chiếc giếng đào ngay sát con đường đất sống trâu dẫn về phía Làng. Một anh bộ đội trẻ măng, tóc cắt cua, da ngăm ngăm đen, nhảy từ cabin xuống, đỡ theo tay chiếc ba lô vẫn còn mới. Cửa xe đóng sập lại và tiếng động cơ rú lên át đi những lời cảm ơn và chào từ biệt. Anh đứng lặng

đi một lúc nhìn theo đám bụi bốc mù lên phía sau chiếc xe tải đang xa dần, rồi khuất hẳn sau rặng cây nhãn chạy dài theo bờ sông. Tiếng động cơ lịm hẳn, khiến cho không gian xung quanh trở nên im ắng lạ thường. Giường như chiến tranh đã lùi vào dĩ vãng lâu lắm rồi. Bầu trời trên cao lác đác mấy gợn mây trắng lất phất, gió từ phía cánh đồng thổi tới thoang thoang mùi bùn, mùi thơm thơm của hương lúa non khiến chàng thanh niên lặng người đi và sống mũi cay cay. Một cảm giác sung sướng khôn tả, chỉ có được khi con người ta vừa từ một nơi kẻ cận cái chết trở về, vỡ òa trong anh và bất ngờ thoát ra thành một tiếng kêu hân hoan vang động :

- Mẹ... ơ... ơ , con đã về rồi đây!

Thật chẳng khác gì một con trâu tơ lông lên trên những luống cày đầu tiên, không tìm được lòng mình, anh co cẳng chạy trên con đường tắt trên mặt đê, con đường mà cả tuổi thơ đói nghèo và côi cút của anh đã gắn bó. Dù có bị mất cũng có thể tìm được lối về nhà qua mùi vị của cây cỏ, nương rãnh hai bên đường. Mấy chú chim sẻ đậu ở trên ngọn cây gần đó giật mình bay vù lên. Chạy gần đến một đồng rơm to, anh dừng lại, ngoái nhìn xung quanh như sợ ai trong thấy, rồi rút từ trong túi áo ngực ra tấm huy chương màu đỏ còn mới toanh đeo ngay ngắn vào ngực áo. Anh muốn giành cho mẹ một điều bất ngờ, muốn mẹ thật sự hạnh phúc, sung sướng và tự hào vì anh. Mẹ xứng đáng được như vậy vì cuộc đời mẹ đã quá nhiều đau khổ, mất mát. Nạn đói năm 1945 đã cướp đi tất cả những người thân thích. Mẹ sống sót được chỉ nhờ vào bản năng sinh tồn cứu giúp. Cô bé mười tuổi chỉ còn da bọc xương là mẹ lúc đó, ngày nào cũng chạy theo mấy con ngựa của đám lính Nhật đóng trong làng để hốt phân về đãi lấy những hạt ngô chưa bị tiêu hóa để ăn. Rồi nạn đói qua đi, cô đi làm thuê làm mướn khắp nơi và nhờ có một giọng hát quan họ truyền cảm, một vẻ

ngoại hình nết na chăm chỉ nên được một gia đình địa chủ nhận làm con nuôi để lấy may. Nhưng rồi, cải cách ruộng đất ập tới, cả gia đình ông chủ bị đầu tố và bị giết. Mẹ anh đã cùng người con trai út của gia đình, bỏ trốn vào Hà Tĩnh, dạt đến cái làng này, cải tên đổi họ bắt đầu một cuộc sống mới. Anh sinh ra không biết mặt bố. Mẹ kể rằng ông hy sinh trong chiến dịch Điện Biên Phủ, tham gia vào đội vận tải lương thực chi viện chiến trường và trong một đêm mưa bão, đường trơn, đã bị trượt chân ngã xuống vực cùng với chiếc xe đạp thổ chỗ đầy gạo. Mẹ con anh sống cô cút nuôi nhau. Anh lớn lên là nhờ con tôm con cá của dòng sông quê, nhờ con cua con ốc dưới mương rạch trong làng. Mẹ anh mang ra chợ bán để mua gạo, quần áo, dầu đèn....Nhiều đêm, hai mẹ con ngồi im lặng bên cạnh chiếc đèn hoa kỳ vàng vọt, người cặm cùi khâu vá lại những chiếc áo cũ bạc phếch vì nắng gió, người cố gắng mở to mắt chống lại cơn buồn ngủ để đánh vần những bài tập đọc về lòng yêu tổ quốc. Từ nhà bên hàng xóm, vọng sang tiếng cãi chửi nhau của vợ chồng anh thương binh cụt chân vì mìn trong trận đánh cuối cùng bắt sống tướng Đơcat trên cú điểm đồi A1 và tiếng khóc lu loa đòi ăn của bầy con nhỏ. Nhưng cũng có những đêm vui, mẹ anh khe khẽ cất tiếng hát, những giai điệu quan họ của một thời con gái. Rồi một hôm, hai mẹ con đang rửa lại mớ cá anh vừa bắt về ở cầu ao cạnh nhà, thì một đơn vị bộ đội chủ lực hành quân qua. Nhìn những bộ quân phục mới toanh, những gương mặt trẻ trung cười rạng rỡ, những câu đùa tếu vọng đến tai, trong đầu anh bỗng nảy một ý nghĩ : “ tình nguyện đi bộ đội, đây là con đường duy nhất thoát khỏi cảnh đói ăn, chạy bữa từng ngày ” . Khi đoàn chiến binh đã đi khuất hẳn, anh ném cái nơm tre xuống mặt nước ao bèo và buông ra một câu chắc nịch :

- Con cũng sẽ đi bộ đội !

- Sao? Mẹ anh hoảng hốt hỏi lại – Mẹ chỉ có mình con trên đời này thôi đấy, mà con đã đến tuổi nhập ngũ đâu?...

Bóng hai mẹ con rung rinh in trên mặt nước ao gợn sóng. Đó là bức ảnh duy nhất hai người “ chụp” chung nhau trên cõi đời.

Càng chạy gần về tới nhà, anh càng guồng chân nhanh hơn trên con đường đất vương đầy rơm rạ và phân trâu bò, lòng thấy nóng ruột, không biết mẹ đang làm gì, có ốm đau không? Anh hình dung ra niềm vui sướng trên khuôn mặt vẫn còn nhan sắc của mẹ, những giọt nước mắt tủi thân vì phải vò vố mong đợi. Chắc mẹ đang khâu vá hoặc băm bèo nấu cá mơn... Mấy gói lương khô, đồ hộp, thuốc đánh răng, xà phòng và cả một chiếc khăn bông hoa to làm quà cho mẹ kêu lục cục theo nhịp bước chân chạy trong balo đằng sau lưng. Anh bỗng nhớ đến cái mùi thơm riêng biệt của mẹ mà từ khi còn bé anh đã bị “nghiện”. Chính trong những giờ khắc im tiếng súng giữa các trận đánh, điều mà anh ao ước nhất là được sà vào lòng mẹ như hồi còn nhỏ để được hít thật sâu vào lồng ngực mùi thơm của mẹ. Có lẽ, đó là mùi hương thơm nhất trong tất cả các mùi hương trên trái đất, kết tinh từ các loài hoa và trái cây trong vườn nhà...Kia rồi, mái nhà tranh vách đất đã thấp thoáng sau tán lá. Hồi hộp quá khiến trái tim cứ chỉ trực đập lồng ngực chui ra. Anh dừng lại để thở và lấy bình tĩnh. Muốn làm mẹ bất ngờ, anh nảy ra ý định không đi vào cổng chính mà đi vòng ra phía sau nhà. Anh nhẹ nhàng nhảy qua hàng rào rào rào bật thấp lè tè, rồi rón rén bước vào cửa hậu. Từ đây có thể nhìn thẳng vào trong sân và thấy mấy đống khoai sắn thái khô đang được đánh đồng, một cái cào bằng tre và chiếc nón của mẹ vắt ở bên cạnh. Chắc bà đang ở đâu đó quanh đây. Không gian yên ắng, chỉ có tiếng đàn gà con đang lao xao chỉ chóc đảo bới giun ở trong vườn. Anh khẽ khàng mở cánh cửa

thông vào gian nhà chính, nhưng cũng không thấy bóng mẹ đâu. Đặt khẽ khàng chiếc balo xuống phản gỗ kê ngay phía trước bàn thờ của bố, anh đưa tay lên vái lạy mấy cái như mẹ anh vẫn dạy từ khi còn nhỏ.

- Thấy ơi, con đã về đây !

Bỗng, anh giật thót mình vì nghe có tiếng động mạnh ở gian dưới bếp, rồi tiếng mẹ cười khúc khích, cùng với một giọng đàn ông mà anh nhận ngay ra đó là của ông hàng xóm thương binh cụt chân. Đầu óc anh chao đảo choáng váng xây xẩm mặt mày. Nhưng trạng thái đó trôi qua rất nhanh nhường chỗ cho một cơn giận dữ, ghen tỵ nổ bùng ra trong lồng ngực khiến mắt mờ đi. Anh loạng choạng chạy thẳng xuống bếp và đứng khựng lại ở ngưỡng cửa vì ánh mắt đập phải cảnh hai người đang ôm nhau trên đồng rơm ở trong góc. Nồi khoai luộc sôi trào cả ra bếp cháy sèo sèo. Anh quờ tay nắm lấy chiếc nạng của ông hàng xóm để tựa vào cạnh cửa và dơ lên dáng thật mạnh xuống chiếc gáy đen xạm vì nắng và cẩu bẩn... Một tiếng thét kinh hoàng của người đàn bà góa đang ở tuổi hồi xuân vang xa giữa buổi trưa hè oi ả khiến mấy bà già túm tụm ngồi đan rổ rá ở dưới gốc cây mít giật mình ngơ ngác nhìn nhau chưa hiểu chuyện gì xảy ra...

Tòa án xử quân nhân phạm tội giết người diễn ra ngay tại sân vận động của huyện, dưới những ánh đuốc của hàng trăm người dân từ khắp các làng xã lân cận kéo tới nghe. Một đêm đầy trăng và cũng đầy nước mắt của những người chứng kiến. Ông chánh án đầu hói khó khăn lắm mới thốt ra được hai chữ : Tử hình! Cả đám đông rùng rùng chuyển động. Tiếng la ó phản đối lan rộng ra. Người mẹ gầy tọp, quần áo lôi thôi đầu tóc rối bù, hai mắt đỏ đẫm đứng ở ngay hàng đầu, rú lên một tiếng khiến mọi người sồn gai ốc, rồi ngã vật xuống đất bất

tĩnh. Không khí của phiên tòa chỉ tạm lắng xuống khi giọng bào chữa của ông luật sư mặc áo trấn thủ và đeo chiếc xà cọt ở bên hông vang lên giữa những tiếng nức nở, tiếng sục sục của bà con dân làng.

- Thưa bà con, thưa quý tòa – Ông tháo chiếc kính trắng đang đeo xuống và cầm ở tay – Chúng ta nên xem xét kỹ tâm lý của tội phạm : Yêu mẹ, kính mẹ từ tấm bé, anh đi chiến đấu vì những lý tưởng cao đẹp, vì tổ quốc. Được nghỉ phép trở về trong niềm vui báo công, nhưng một sự việc xảy ra đã làm anh không giữ được tự chủ, không còn là mình nữa. Người có lỗi trong vụ việc này không phải ai khác mà chính là ông hàng xóm!

Cả đám đông ồ lên, vỗ tay rào rào tán thưởng.

Những bó đuốc rừng rực cháy được nâng lên hạ xuống như trong một buổi lễ lên đồng tập thể. Ba tháng sau, tòa phúc thẩm của tỉnh xét lại và bản án được giảm xuống còn 20 năm tù. Sau hơn mười năm chịu án cải tạo lao động, Anh được ân xá sớm trong một dịp Quốc khánh. Sau trấn động bất ngờ đó, người mẹ đã mắc chứng tâm thần, lúc tỉnh lúc điên, bỏ nhà đi lang thang không rõ tông tích. Anh không dám trở về làng vì mặc cảm tù tội, lý lịch hoen ố, vì sợ mấy thằng con trai lộc ngọc của ông hàng xóm trả thù. Vào một đêm mát phất mưa, anh lên về làng. Căn nhà lâu không có hơi người bốc mùi ẩm mốc và chuột bọ chạy sột soạt trên các thanh kèo gỗ, trên mái tranh. Ngọn lửa nhỏ bằng hạt đậu của chiếc bật lửa leo lét cháy trong lòng bàn tay. Anh giật mình khi nhìn thấy trên bàn thờ của bố có cả bức ảnh ông hàng xóm. Cảm giác căm thù phần nộ của mười năm trước đã không còn chỗ trú chân trong lòng của một người đàn ông đã nếm trải bao đắng cay, hiểu và cảm thông được nỗi lòng của mẹ, của người phụ nữ. Anh

châm ngọn đèn hoa kỳ sắp cạn dầu trên bàn thờ và giật mình
bủn rủn chân tay khi nhìn thấy một mảnh giấy đã úa vàng với
những dòng chữ to, siêu vẹo và đầy lỗi chính tả của mẹ để
chặn dưới chân đèn

“Con trai yêu dấu của mẹ!...”

Đầu rũ gục xuống, anh cứ ngồi im như vậy, bất động, tê tái
như thể chính căn nhà tranh siêu vẹo đang chìm dần vào
bóng tối này bỗng biến thành tảng đá của địa ngục.

Mẹ cầu xin anh tha lỗi và thú nhận: Ông hàng xóm chính là
cha đẻ của anh.

Đêm hôm đó, anh phóng hỏa ngôi nhà và cất bước lên đường
lang thang phiêu bạt, vừa kiếm sống vừa tìm tung tích mẹ.

TRUYỆN NGẮN: MÙA HOA CẢI

Truyện ngắn của Lê Thanh Kỳ



C hình chịch... cần cật... chình chịch... cần cật...

Con tàu Thống nhất lao nhanh trên đường ray. Khoang giường nằm toa số bảy ngoài hai ông bà ngoại, hai vợ chồng tôi còn có thêm một ông khách nữa. Đây là chuyến về quê ngập niềm vui và tràn đầy hạnh phúc. Sau bấy năm xa nhà, kể từ ngày bố con tôi có mâu thuẫn và tôi bỏ nhà đi. Vào Sài Gòn hai năm thì tôi lấy vợ. Một năm sau bé Diệu Linh ra đời. Kể từ đó bố con tôi dần tha thứ cho nhau. Gọi là vết thương cũng được. Nó đã lên da non. Gần như không ai muốn nhắc lại chuyện cũ. Trước lúc ra Bắc tôi điện thoại về làm cho cả nhà nhộn nhạo cả lên. Tôi hỏi ý kiến bố là mời ba, má vợ tôi ra thăm sui gia và ra chơi Miền Bắc. Bố tôi hấp hởi bảo: “Con thay mặt gia đình, nói là bố mời ba, má con trong ấy ra chơi. Nhớ

nói là bố mời”. Bố tôi cứ dặn đi dặn lại mãi câu: “Nhớ nói là bố mời đấy nhá”! Lúc ấy tôi vừa vui, vừa thương bố biết chừng nào. Mấy năm nay sức khỏe của bố tôi kém lắm, tự nhiên đổ bệnh rồi cứ đổ tội cho sốt rét Trường Sơn. Một tình cảm yêu thương, ấm áp, ấm áp nhớ thương đầy cả khoang tàu. Biết là mọi người ngoài đó đang ngóng nhưng chuẩn bị cho một chuyến đi xa thật không đơn giản một tẹo nào nhất là đi cả gia đình. Hai vợ chồng tôi đều làm trong một khu Công nghiệp nhưng khác nhà máy, việc xin nghỉ cùng một dịp thật khó. Ba, má trong này vui lắm. Mặc dù không nói ra nhưng tôi biết ba má đang mong chờ chuyến đi này từng ngày. Sắm sanh quà bánh đủ thứ. Mua cái gì cũng phải đắn đo xem ngoài Bắc có thứ này không? Có thích không? Nhiều thứ ba mua tưởng đặc nam Bộ, liền đem khoe với tôi. Tôi xem rồi bảo: “Ba ơi, những thứ này ngoài Bắc đấy”. Ba tôi cứ lặn tẩn rồi lại đi chọn thứ khác. Sắp đến ngày lên đường ba tôi bỗng trở nên tư lự. Ông bảo tôi: “Hay để mình má con ra “ngoại”, ba ở lại trông nhà”. Ờ hay! Chắc lại có lý do chi đây nhưng hỏi thế nào ba tôi cũng không nói. Má tôi bảo: “Tính ba con vậy đó. Ông có chuyện day dứt mấy chục năm rồi mà mãi không bỏ qua đi được”. Tôi hỏi chuyện gì thì má tôi không nói. Không biết làm thế nào bây giờ? Tôi nói: “Bố con ngoài đó cứ hỏi con hoài. Biết ba không ra chắc bố con buồn lắm”. Lý - vợ tôi tính tình xộn xạo thấy thế hỏi dồn một hồi: “Sao ba kỳ vậy?”. Ba tôi bỏ ra ngoài vườn, tôi liền đi theo. Ba không nhìn tôi mà bảo: “Để từ từ cho ba tính”. Bé Diệu Linh chạy theo ông, vừa chạy vừa hét toáng lên: “Ngoại. Ngoại ơi, ngoại không ra chơi với nội, con cũng không đi nữa, con ở nhà với ngoại”. Ba bế xốc bé lên, ôm riết vào người, hai mắt ngân ngấn - “Được. Được rồi! Ngoại sẽ đi cùng với con”. Ba linh hoạt và vui vẻ hẳn. Bé Diệu Linh tụt xuống, lắc lắc cánh tay ông ngoại: “Nhưng ngoại nhớ mua quà cho con ghen”. Ba tôi hứa: “Bao giờ tới nhà nội con, ngoại sẽ

mua". Tôi "hừm" con gái mà lòng thấy thoải mái vô cùng.

Tàu chạy một đêm. Sáng hôm sau tỉnh dậy thấy ba và ông khách cùng khoang đang ngồi uống cà phê. Má tôi chắc chạy đầu đó. Lý đã thức nhưng còn nằm làm biếng. Bên cạnh Diệu Linh còn ngủ. Con tàu vẫn chình chịch...cần cạy đều đều. Tôi nằm sấp trên giường và nhìn ra cửa sổ. Nắng nhúc nhối trên những vạt rừng của cao nguyên Trung bộ. Lâu lắm mới gặp được một làng quê... tôi xem một lúc rồi chán. Tiếng ông khách ngồi cùng toa đang nói chuyện với ba ở giường tầng một:

- Trước 75, tôi đã từng chiến đấu ở vùng này. Ba năm.

- Tôi cũng đã từng nhảy dù... À, mà đi qua thôi. Vùng này vẫn còn nghèo quá. Có đi mới thấy đất nước mình còn rộng dài lắm!

Lặng yên một lúc rồi ông khách hỏi:

- Anh chị đã ra Bắc lần nào chưa?

- Dạ, chưa. Đây là lần đầu đó anh!

Ông khách càng nói càng sôi nổi. Ông tỏ ra tử mỷ, cặn kẽ, tường tận những phong tục tập quán vùng miền. Ông chắc đi nhiều nơi, tỏ ra am hiểu cuộc sống. Ba tôi ít nói, chỉ ngồi nghe và "dạ"

- Con rể anh chị quê ở đâu vậy?

- Dạ, cháu người Hà Nội

- Chà. Ông khách reo thắm - Người Hà Nội khôn lắm! Vừa lịch thiệp lại vừa lọc lõi. Rồi như sợ mình tự nhiên quá sẽ làm cho

ba tôi không vui, ông nói tiếp: "Đây là tôi nói thể thôi chứ người Hà Nội hào hoa, âm tiết phát ra không lẫn vào đâu được vừa mềm, vừa đẹp, vừa chuẩn, nhẹ nhàng và điệu dàng lắm"

Tôi không tự ái vì mình là người Hà Nội. Cảm giác như ông ta đang nói tới người Hà Nội của Campuchia chứ con người tôi đây chẳng hào hoa chứ đừng nói đến lọc lõi. Tiếng nói của tôi còn sai lỗi chính tả bẻ bẹt đâu có điệu dàng gì. Cho nên tôi xuýt phì cười cái ông khách này lẻo mép quá! Má tôi cũng đã về phòng rồi cùng ngồi tiếp chuyện người khách dễ mến. Nằm ở giường đối diện, tôi nhìn ông ấy trạc tuổi ba tôi tuy khuôn mặt hơi khắc khổ, chỉ có cặp mắt sắc và linh hoạt. Tôi đoán người này chắc lúc nhỏ cũng nghịch như giặc. Mọi người nói với nhau đủ chuyện làm ba má tôi vui lắm. Ông khách châm điếu thuốc rồi cất giọng đầm đăm:

- Sau giải phóng. Tôi công tác ở thành phố gần chục năm rồi chuyển ra Bắc. Đến tận bây giờ tôi vẫn thích tính thiết tha của người Nam bộ.

Ông khách cũng người Bắc như tôi, thật khéo nịnh nhưng tôi thấy ông ta cũng có lý đấy chứ vì nếu nói rộng lượng tôi cũng thấy người Nam bộ có phần nhỉnh hơn. Người Bắc thường chặt chẽ, lắm nguy biện, nhiều lo toan nên hay mắc chứng kiết lý. Tàu chạy suốt hai đêm, một ngày. Người khách cùng khoang và ba tôi càng tỏ ra thân mật với nhau hơn. Cách Hà Nội chừng sáu chục cây số ông khách bảo: "Còn ít cây số nữa là đến quê tôi". Ba tôi nhìn ra cửa sổ có vẻ náo nức lắm. Những thửa ruộng bát ngát, làng xóm xanh xanh trải dài, liên tục. Ba tôi không khỏi ngỡ ngàng và cứ khen đẹp mãi, miền Bắc đẹp quá! Rồi ông khách xuống toa. Hai người bịn rịn chia tay, ba tôi xách hộ hành lý ra tận cửa, còn đứng hẹn hò, mời mọc nhau đến thăm quê cho đến khi tàu chạy.

Quê tôi thuộc ngoại thành Hà Nội. Mặc dù đã đổi tên phường tên phố nhưng người phố tôi vẫn chăn trâu bò, vẫn cấy hái, trồng rau bán cho người trong nội thành. Cút gia súc vẫn còn nhoe nhoét đầy lối đi. Tôi không thích tên phường, tôi vẫn thích gọi là làng hơn. Nói như ông khách trên tàu thì người Hà Nội khôn lắm! Vừa lịch lãm, vừa lộc lõi. Tôi cũng coi như đây là một phát hiện mới mẻ, chứ quê tôi chất nông thôn còn đặc sần sệt. Cái thứ chất lượng ấy thật khó mà đánh giá. Nó vừa đẹp đẽ vừa xấu xí, vừa tử tế vừa đê tiện, vừa thông tuệ vừa mê muội, vừa đạo đức vừa đồi, vừa kiêu hãnh vừa hèn hạ, vừa sáng tạo vừa phá hoại...Cái ngày cách đây bảy năm tôi không còn nhớ bắt đầu từ đâu nhưng vì chuyện học hành chênh mảng, bố tôi nện cho tôi một trận. Mẹ tôi bệnh. Bố tôi hùng hổ: “Để yên cho tôi dạy nó bài học. Cứ già đòn non lý”. Không hiểu sao lúc ấy tôi ngang thế: “Ông đánh tôi cũng không sợ”. Bố tôi nện tới tấp: “À, thằng này láo! Mỹ chúng tao cũng đánh cho sợ sắp mặt nữa là loại ăn bám như chúng mày”. Đang học phổ thông, lúc ấy tôi 17 tuổi. Nói đến ăn bám tự nhiên tôi giận run người. Thế mới biết con người ta đòn roi không sợ bằng bị xỉ nhục. Tôi liền bảo với mẹ: “Con sẽ đi làm để khỏi mang tiếng ăn bám”. Bố tôi nhổ xuống đất: “Cái ngữ mày rồi đừng quần mẹ đến cút cũng chả có mà ăn”. Tôi lặng lẽ vào nhà thu dọn quần áo, mượn chiếc ba lô của bố tôi rồi tống các thứ vào. Bố tôi cười khinh bỉ: “Ba lô của tao để đựng huân chương. Đừng bỏ những thứ giẻ rách vào đấy cho xấu hổ”. Tôi nhìn quanh thấy cái bao tải xác rắn liền rũ tuột hết mọi thứ vào trong ấy, xoắn xoắn miệng bao túm lại rồi cất lên vai. Mẹ tôi hốt hoảng: “Con ơi, đừng đi. Con còn đang đi học, nào đã biết làm gì” rồi quay sang bố, lúc ấy nước mắt mẹ cũng hốt hoảng văng ra: “Tôi xin ông. Con nó còn dại. Sao ông nỡ nói con như thế”. Lúc đầu bị đánh tôi cũng không đau bằng câu ăn bám. Tôi đến bên chào mẹ, mẹ tôi níu lấy chiếc bao: “Con cứ ở nhà

mẹ nuôi cho đi học, bao giờ học xong thì đi làm”. Hình như tất cả các bà mẹ đều kiên cường như thế, bất khuất như thế để bảo vệ con mình. Càng về sau này tôi càng thấy đúng. Lúc ấy tôi đã quyết, chỉ muốn đi ngay lập tức nên nói: “Ai cũng muốn làm thầy thiên hạ thì lấy ai làm thợ nuôi thầy”. Bố tôi đỏ mặt: “Bà cứ để cho nó đi. Nó đi từ ngõ vào nhà thì có”.

Không ngờ tôi đi thật. Bật vô âm tín. Hành lý chỉ mang theo một gương mặt đỏ phừng phừng, ngạo nghễ, khinh bạc và một khuôn mặt đau thương tràn trụa nước mắt. Suốt một năm trời tôi không tin tức, lẫn xả vào công việc mưu sinh. Rồi gia đình tôi mới 17 tuổi mà không hề nuôi tiếc. Tôi ra đi cho xã hội nó “nện” còn hơn ở nhà để bố nện chắc tôi thành lưu manh nhất! Chỉ có một năm, tôi học được nhiều điều từ cái trường cuộc sống đầy danh tiếng. Tôi đã bình tĩnh và già dặn lên rất nhiều. Tôi tha thứ nhưng cũng cần mọi người tha thứ. Tôi đau xót, mọi người cùng đau xót. Tôi có lầm lỡ không? Mọi người có lầm lỡ không? Trong gia phả gia đình tôi có hai anh em. Liệu không cần có tên tôi không? Trong cơn tức giận sách vở của tôi bố tôi đem đốt sạch. Bố tôi muốn xóa sạch dấu vết của tôi. Tôi muốn là tôi sau một năm xa nhà. Tôi yêu Lý. Một năm sau tôi cưới nàng, không có ai đại diện cho tôi. Bố tôi là đại Bắc Hà. Bố tôi là đại sỹ diện. Bố tôi sợ bị mất mặt. Còn cái mặt tôi thì sao? Bố tôi muốn tôi đi từ ngõ vào nhà, ông sẽ tha thứ cho tôi nhưng tôi đã cao chạy xa bay làm ông tức điên lên, tôi không xin xỏ, tôi sống tốt lên, ông lại càng tức. Ngày cưới, tôi nhờ người về báo tin. Mẹ tôi bảo đi. Bố tôi không cho, bắt tôi phải về xin phép. Mẹ tôi cương quyết, bố tôi giả ốm lên bệnh viện Quân đội nằm để mẹ tôi không thể đi. Lúc này tôi cần có một gia đình xiết bao. Ôi gia đình! Gia đình! Một việc nhỏ như thế mà 7 năm sau mới đủ thời gian hàn gắn. Chỉ lúc vết thương tái phát, bố tôi yếu đi trông thấy ông mới chịu nghĩ lại nhưng vẫn quyết không nói chuyện với tôi. Tôi cứ

phải thăm dò mãi, biết ông thèm con lắm rồi nhưng vẫn giả bộ coi như lập trường kiên định. Tôi không thông tin gì nữa. Mẹ tôi nhắn: “Mày giận bố mày chứ giận hết cả nhà này sao? Mày biết không, ông ấy thương con mồm cả ra rồi đấy”. Nghĩ lại, tôi bắt đầu thấy thương bố. Nhớ lần đầu tiên gọi điện về nhà gặp ngay bố tôi. Ông mừng lắm nhưng vờ nói dối: “Sao không đi nữa đi” rồi giả vờ không thèm nghe máy: “Này, mẹ mày nói chuyện với thằng Lâm này”. Mẹ như vồ lấy điện thoại rồi chỉ nói được mỗi một tiếng a lô rồi khóc nức lên, tôi ở đầu này cũng khóc. Mẹ tôi khóc mãi cũng chỉ gọi thêm được tiếng Lâm ơi rồi tôi nghe thấy tiếng bố chen vào: “Bà để cho tôi nói chuyện với con”. Tôi hiểu bố tôi. Lúc này tôi không còn bé bỏng nhưng rất muốn ở bên ông. Tuổi 17 của bố tôi đẹp lắm! Tôi sinh ra trong thời bình. Bố tôi sinh trong thời loạn. Tuổi 17 rờ rờ bố làm đơn tình nguyện đi đánh giặc hùng hực khí thế. Tự hào lắm chứ! Tuổi 17 của bố thật hào hùng, đẹp lóng lánh không một vết cá nhân, hiến dâng tất cả. Hình ảnh của bố đẹp toàn vẹn, tự hào lắm, hể hể lắm! Niềm tự hào đã nhuốm sang tôi bao năm cứ như phù sa bồi đắp và lũ anh em tôi như những cái cây cứ chén dần cái thứ phù sa ấy. Đất nước thống nhất, cha tôi trở về nhà đem theo ánh hào quang chiến thắng. Tôi thật tự hào vì có một người cha như thế. Sau này, năm nào các bác, các chú trong đơn vị cũng tụ họp ở nhà tôi, năm nào cũng kể lại cho nhau nghe những chiến công, bù ngùi nhớ người đồng đội đã hy sinh. Năm nào cũng thế, mọi người góp tiền đánh chén một bữa, hào khí trận mạc như vẫn còn chưa tan khói súng. Năm tôi vừa sang tuổi 17, lần đầu tiên tôi được ngồi chung mâm như một người lớn. Lần đầu tiên chạm cốc. Lần đầu tiên tôi đưa cái thứ cay cay vào họng rồi ho sặc sụa. Các bác cựu chiến binh được một trận cười như phản pháo. Vô tư. Vô hại. Vui là chính.

Xuống ga, tôi thuê chiếc tắc xi về nhà. Xe chạy từ nội thành ra

ngoại thành. Ba tôi ngắm nhìn thành phố khen Hà Nội nhiều cây xanh hơn ở Sài Gòn, Hà Nội đúng là điệu dàng hơn Sài Gòn, Hà Nội đông đúc nhưng thoáng mát, đi làm mà cứ như đi chơi! Không như Sài Gòn cuộn cuộn và cật lực. Xe chạy dần ra ngoại thành và bắt đầu lên đê sông Hồng. Ba thật sự bị choáng ngợp hết ngoảnh bên này lại ngoảnh bên kia cửa xe. Thấy vậy tôi bảo lái xe dừng lại cho ba tôi xuống ngắm nhìn con sông Hồng đang vào mùa nặng gánh phù sa. Những cây cầu hiện đại bắc ngang qua dòng sông ven bờ bát ngát ngô xanh. Ba tôi thật sự xúc động: “Miền Bắc đẹp quá con ơi. Đất nước mình đẹp lắm! Chắc không đâu đẹp bằng”. Gió se lạnh thổi dọc triền sông, đem theo ánh nắng vàng ấm áp. Vợ tôi mặc dù sức cảm thụ không mạnh như ba tôi nhưng cũng kêu lên: “Đẹp dữ”. Bé Diệu Linh hỏi: “Nhà mình ở đâu ba?” Tôi chỉ cái vệt xanh đằng trước: “Đó. Đó. Nhà mình ở chỗ kia kìa”. Nó cứ tíu tít: “Ở đâu ba? Sao con không nhìn thấy?”. Điện thoại trong túi tôi réo lên sùng sục, hết người nọ gọi lại đến người kia gọi xem đã về đến đâu rồi. Má tôi giục: “Anh ơi, mình đi thôi kẻo anh chị sui mong”.

Đi dọc sông Hồng chừng bốn cây số rồi rẽ xuống đường bê tông chạy qua cánh đồng là đến làng tôi. Một biển vàng đột ngột hiện ra. Ba tôi hỏi: “Gì thế này?” - “Hoa cải đó ba” - “Trời đất”! Ba tôi kêu lên rồi vùng chạy cho tới gần hơn: “Đẹp quá! Sao lại đẹp đến cỡ này mà ba không hay”. Má tôi cười: “Động phải cái túi thơ của ông rồi”. Tôi thấy vui vui. Ba tôi vui là tôi thích. Đã là người Việt Nam, ai mà chả có túi thơ! Bố tôi cũng làm thơ, cái “túi thơ” của bố tôi cũng có vài bài toàn sùng sục ớ ợ rất hiền ngang. Thơ của tôi ít hơn nhưng sắc mùi tiền. Mấy năm nay làng tôi bỗng trở nên phát tài nhờ vào dịch vụ trồng hoa cải. Hoa của một loài rau ăn. Giản dị chỉ là hoa rau. Không sang trọng. Không đài các. Mộc mạc thế thôi mà sao có sức quyến rũ đến thế. Có lẽ cái chất đồng quê làm cho

mê hôn. Đứng ở đây người sang không sợ chê là hèn, người hèn không sợ bị đánh giá là học làm dáng. Cũng mộc mạc như nhau, quấn vào với nhau, chiêm ngưỡng nhau, tự nhận thấy nó đẹp chứ không khen leo như một số những loài hoa khác. Cả một cánh đồng chia ô chia thửa, nắng rực rỡ trên cánh đồng cải hoa vàng, mỏng manh, bầy bầy trong gió bắc. Ba tôi dừng bước, gần như đang nói với chính mình: “Hiểu rồi. Tại sao bài thơ ấy lại hay đến thế!”. Rồi ông đọc mấy câu nói về loài hoa cải. Ba tôi đã từng là sinh viên Văn khoa Sài Gòn, ba tôi yêu thơ và mê thơ lắm. Thơ của ba chìm và lắng sâu là thơ âm, thơ của bố tôi ồn ào, quấy đảo là thơ dương. Tất nhiên thơ của ba tôi trầm buồn hay hơn thứ thơ hợp tác xã của bố tôi. Hai dòng thơ này đọc lên tôi cứ thấy nó lạc loài thế nào ấy. Nghe ba phân tích thơ tôi cũng thấy lòng mình như mở ra. Nhưng nhìn những người nông dân quê tôi đang quanh quẩn chăm sóc bên luống cải, vuốt ve những thân cây gầy dấp trước những bàn chân của nam thanh nữ tú quần thảo trên luống cải để hót lấy cái đẹp tôi bỗng ước cho giá dịch vụ cho thuê chụp ảnh năm nay được nâng lên 30.000 đồng/ lượt người. Thế mới đẹp!

Ba tôi cầm một cây cải hoa vàng bị nhổ vút bên vệ đường, ông ngắt nó một lúc lâu rồi thở dài: “Rốt cuộc, cải chỉ đẹp ở trong cánh đồng cải mà thôi”.

Chúng tôi về đến nhà. Một quang cảnh nhộn nhịp khiến tôi cũng phải bất ngờ. Má tôi khẽ hỏi hơi run: “Nhà có đám hờ con?”. Tôi phải vào tít trong nhà, nhận ra rất nhiều người trong gia đình, rất nhiều các bác trong hội đồng ngũ với bố tôi. Một cái phong màu đỏ, một dòng chữ bằng xấp trắng “Lễ gặp mặt những người đồng ngũ”, bên dưới là ngày, tháng, năm nhập ngũ - ngày, tháng, năm tổ chức. Tôi hãnh diện giới thiệu: “Thưa ba, thưa má. Hôm nay ở nhà con diễn ra buổi gặp mặt

của những người đồng ngũ. Mỗi năm một lần. Để mừng ba má ra chơi nên bố con tổ chức đúng ngày hôm nay để chào mừng đấy ạ”. Bố tôi, mẹ tôi, em tôi, chú tôi, bà ngoại tôi, các đồng chí của bố tôi ào ra tíu tít, ồn ã. Tôi giới thiệu: “Đây là ba má của con, Đây là Lý vợ con, còn đây là Diệu Linh con gái của con” và giới thiệu ngược lại cho ba má tôi hay. Bố tôi ôm lấy ba tôi. Cảm động lắm. Buông nhau ra vẫn còn bắt tay rất chặt. Ba tôi hỏi: “Anh sui khỏe không? Nhìn thấy anh chị khỏe mạnh tôi mừng lắm?”

- Cảm ơn anh sui, tôi khỏe re! rồi dang hai tay ra để biểu diễn sức mạnh. Ba tôi bắt tay những người xung quanh. Rộn ầm tiếng cười. Hạnh phúc tuyệt vời!

Trong điện thoại bố tôi không nói với tôi chuyện này. Suốt 7 năm qua tôi cũng không được dự không khí hào hùng của những buổi gặp mặt những người đồng ngũ với bố tôi. Tôi đoán ông sẽ dành sự bất ngờ, sự long trọng để đón gia đình sui gia. Tôi vui lắm và lại càng tự hào hơn vì có một người cựu chiến binh Việt Nam. Bấy năm xa nhà giờ tôi lại như một đứa trẻ lúc 17 tuổi tự nhiên và hồn nhiên. 24 tuổi đầu tôi đã có một gia đình, trẻ quá phải không? Tôi đã bước vào đời một cách sớm sủa. Ý thức về một gia đình đã bén rễ bắt vào cuộc sống. Tôi đã trở nên vững vàng ở tuổi 24. Tuổi 24 của bố tôi ngày đó vẫn còn đang vẫy vùng nơi sa trường, đi qua biết bao chiến thắng. Tuổi 24 của mẹ vẫn còn đang đợi chờ bố tôi bên những luống cải và còn phải chờ thêm bốn năm nữa. Mẹ tôi trông không biết bao nhiêu là cải. Cải đã không biết bao nhiêu lần ra hoa? Tôi biết tuổi 24 của tôi không bằng được với bố tôi. Tuổi của bố tôi hào hùng thế cơ mà. Có lẽ suốt đời này tôi không trả được nợ phù sa. Tôi muốn, tôi muốn! Tôi muốn làm một cái gì đó thật phi thường để thoát ra khỏi cái bóng của bố. Bố tôi bao giờ cũng đúng, cả cái làng tôi cũng thế, cũng đúng!

Cho dù tôi có đúng vẫn trở thành sai. Cả làng tôi sai là thành đúng. Khổ lắm!

Đã bắt đầu đến mục đánh chén. Ba má tôi. Bố mẹ tôi. Vợ chồng tôi ngồi cùng một mâm. Ấm áp và hạnh phúc. Ba má tôi thật sự cảm kích trước tấm lòng của mọi người, sướng đến mụ mị cả người, ông cứ ngượng nghịu không biết nói gì, cứ “cảm ơn” người này xong thì người kia lại đến chúc mừng, lại đứng dậy “cảm ơn”, cứ đứng lên ngồi xuống mãi không dứt. Cũng may là mọi người không để ý đến chén rượu của ba tôi hãy còn đầy nguyên. Hơn một chục mâm cỗ bắt đầu rầm rộ khai hoả, tiếng đũa bát, tiếng chạm cốc canh cách như lên quy lát. Rượu ê hề. Rượu tràn trề. Ai đến chúc mừng cũng nghĩ người Nam bộ rượu uống thay nước, ước tính mỗi một lượt như thế ba tôi phải xài hết cả can. Tôi biết ở nhà ba không bao giờ uống rượu, chỉ nghiêng cà phê. Thấy vậy tôi nói đỡ: “Ba con không biết uống rượu”. Một bác ở xã bên tên là Lung chơi rất thân với bố tôi, biết tẩu lượng của bác không phải vừa, cứ ngăn nài hết ngăn ấy! Bác bảo: “Không biết uống là tội nhỏ, cản trở người khác là tội lớn đấy con. Phạt mày một chén!” Tôi uống rượu phạt. Cứ tưởng thế là xong nhưng bác vẫn giảng giải: “Mày cứ phải để cho bố vợ mày vui chung với các bác chứ. Nam Bắc vui chung một nhà. Không mấy khi có cuộc hội ngộ đặc biệt thế này. Uống rượu đã là cái gì”. Ba tôi lúng túng không biết chối từ làm sao, càng không thể thanh minh cuối cùng cũng phải gượng uống một chén. Uống chén này tất phải uống chén khác, uống với người này mà không uống với người kia là bất kính, sẽ bị giận, sẽ mất vui. Rượu là thế! Nghe người ta bảo phát minh vĩ đại nhất của loài người là tìm ra tiền với rượu. Cả hai thứ đó tôi thấy văn minh nhất song cũng dễ tiện nhất. Chỉ khổ cho ba tôi mặt thì đỏ, mắt mũi bị rượu xông cho chảy cả nước. Cuối cùng ai đến chúc, tôi xin được phép uống thay ba. Tôi uống bữa, nói bữa: “Ở Sài Gòn, lượng rượu cháu uống đủ

chết đuối cả cái làng này”. Thế là mọi “hoả lực” cáu tiết tập trung vào tôi, bắn như “vãi đạn”. Ấy thế mà nhiều bác chỉ ăn vài “viên đạn” đã “hy sinh ngay tại trận địa”. Nhìn các bác “trở” ra như bươm nước, tôi nghĩ thế mới là con người. Tôi càng uống càng hăng, ai chúc tôi chấp hết. Bố tôi há hốc mồm ngạc nhiên. Ba tôi đã được giải vây. 17 tuổi tôi đã làm quen với rượu, ở đây, chỗ này, với các bác đây. Một trong cái cống vào của sự sống là cái mồm. Cái cống này tốn kém, xa xỉ, vô lối và hung dữ. Mọi thứ năng lượng được đưa qua thực quản chỉ có rượu là hấp thụ nhanh nhất và cũng nhanh tụt nhục nhất. Rượu là thứ dẫn tốt, từ lịch lãm đến be bét, từ vui đến buồn, từ rộng lượng biến thành ti tiện, từ hiền lành biến thành quỷ sứ.... Rượu cũng là thứ ma túy hạ đẳng. Khi bị phê rượu thật chẳng còn gì để mà nói. Tôi đang phê. Trong cơn phê tôi còn nhận ra mọi người to tiếng với nhau, bới móc nhau từ cả những việc bỉ ổi, mất nét. Bác Lung cười: “Vui quá nhỉ” rồi đứng dậy sang bàn bên cạnh vỗ vai chú Luân: “Chú còn nhớ cái trận đánh ở Đồng Xoài không?” - “Dạ. Em còn nhớ chứ. Quên cái gì thì quên, nhưng cái đó quên làm sao được” Rồi chú ấy khật khừ nói với người bên cạnh: “Tôi được thưởng cái huân chương ở trận đánh ấy đấy. Chà! Trận ấy choảng nhau với tiểu đoàn dù số 3 của Ngụy. Bọn ấy đánh cũng ra trò”. Bác Lung tiếp: “Ông phải chia cái tiền huân chương cho ông Lắm với đấy”. Chú Luân cười khà khà rồi rót đầy chén rượu, lảng tránh đến đứng bên cạnh bố tôi: “Anh Lắm à, suốt đời này em phải biết ơn anh. Hôm ấy không có anh, em bị hai thằng nguy nó thịt rồi”. Bố tôi nói chuyện cho ba tôi nghe: “Cái trận ấy ác liệt quá anh sui ạ. Đánh giáp lá cà. Tôi đang vận động thì nhìn thấy hai thằng lính dù đánh ngã chú Luân xuống đồng gạch vụn. Đúng là hôm ấy không có tôi đến kịp thì chú ấy đi tong rồi. Cứu được chú ấy, tôi cũng bị xới một nhát dao vào bụng đây” Rồi bố tôi vén áo, chỉ vào một vết sẹo dài ở sườn phía trái:

“Đây này”. Ba tôi bỗng nhiên thất sắc, xỉu xuống như người tụt huyết áp. Mọi người bảo bố tôi khoe làm gì cái vết thương xấu xí. Tôi không còn đủ sức để ngồi nghe bố tôi và các bác nói chuyện chiến tranh. Tôi đổ gục xuống bàn trong lòng vẫn còn rạo rức niềm tự hào. Vui lắm!

- Dậy. Dậy. Lâm ơi. Dậy đi con! Tôi nghe tiếng mẹ lay gọi khẩn thiết. Tôi mở mắt ra nhưng vẫn chưa tỉnh hẳn.

- Dậy nhanh lên con. Dậy đi tìm ba má con. Mau. Không biết họ đi đâu nữa?

Nghe đến thế là tôi tỉnh hẳn như không hề uống rượu. Ngoài sân mọi người đã về hết. Bữa tiệc đã tan, cuộc vui đã tàn. Tôi hốt hoảng hỏi:

- Ba má con thì đi đâu được chứ? Có khi chỉ chạy quanh đây thôi.

- Không có. Mẹ đã sang nhà bà ngoại, nhà chú con, sang các nhà hàng xóm xung quanh mà không thấy đâu. Tôi hỏi Lý: “Ba má đi đâu có nói với em không?” - “Đâu có. Ba má làm chuyện gì kỳ vậy”. Bố tôi đang đứng ở góc sân điện thoại hỏi xem có bác nào mời ba má thằng Lâm lại nhà chơi không. Họ còn đùa lại: “Thông gia để lạc mất sui gia rồi à?”

Bé Diệu Linh bỗng nói: “Ba ơi. Ngoại đi mua quà cho con đấy!” Tôi như sực nhớ ra điều gì. Hốt hoảng giục: “Ra ga ngay”. Tôi nhớ có lần về thăm ba má dưới quê, hình như hôm ấy 27/7 thì phải. Ngó ba buồn thiu. Má tôi bảo năm nào ổng chả vậy. Má thì thăm với tôi chuyện ngày xưa, đã lâu lắm rồi ba lẽ dĩ nhiên phải một người. Hàng năm cứ đến ngày này ba con lại buồn, cả ngày không nói một câu”. Tôi cười thật lớn: “Tưởng gì. Bây giờ người ta đâm mười nhát còn chẳng thấy buồn nữa là. Thôi

quên đi ba”. Nhưng ba lại không quên. Tôi biết người như ba nhạy cảm, yếu mềm và rất dễ tổn thương.

Chúng tôi đến ga vừa lúc có một chuyến tàu Thống nhất rời bến. Tôi lao đến phòng bán vé hỏi thăm. Họ nói thấy có hai vợ chồng người miền Nam vừa mới mua vé trước khi tàu chạy. Trông họ vội lắm!

Bố tôi cứ vò đầu bứt tai: “Không biết tôi có làm điều gì phật ý anh sui không?”. Mẹ tôi thì càng sốt ruột hơn: “Hai người lần đầu ra Bắc đâu có thông tỏ đường đất”. Lý tỏ ra rất giận dữ, cứ luôn mồm cầu nhau: “Ba má làm cái gì kỳ vậy?” Chỉ có tôi là hiểu. Đã bao nhiêu năm nay cũng có biết gì đâu. Tôi buồn. Tôi biết vì sao ba má tôi bỏ về mà không một lời từ biệt. Vết thương đã lên da mà không quên. Tôi biết rồi nhưng nói chẳng ai tin đâu. Nếu nói cũng chẳng biết nói sao, đau đớn vô cùng và ai cũng muốn giấu biệt vào lòng. Tôi sẽ cố quên đi. Quên đi như cái chuyện của bố con tôi. Coi như nó đã từng không xảy ra. Nhắc lại làm gì. Chỉ là sự vô tình thôi, Con hiểu ba thật nhiều nhưng xót ba lắm, ba ơi! Tôi biết sau chuyến đi này trở về Lý sẽ giận ba má đến kỳ cùng. Chẳng ai nói cho cô ấy biết đâu. Ba ơi, Hà Nội điệu đà lắm phải không ba? Ba ra Bắc đương trong mùa hoa cải. Hoa cải đẹp lắm phải không ba? Con tàu lao nhanh rồi mất hút để lại những âm thanh từng tiếng chình chịch...cần cật...chình chịch.

Chúng tôi uể oải ra về. Mọi người im lìm. Ai cũng mải theo những suy nghĩ của mình. Chỉ có bé Diệu Linh là hồn nhiên cứ khăng khăng bảo ngoại đi mua quà cho con. Lý ngồi tựa vào cửa xe, đôi mày nhíu lại. Nếu có nói, chắc chỉ vẫn một câu “sao kỳ vậy?” Bố mẹ tôi liệu đoán ra sự tình? Tôi nghe bố nói nhỏ vào tai mẹ: “Là lính, ai chả nhớ thương đồng đội của mình”. Xe bắt đầu chạy về làng. Bỗng nhiên bé Diệu Linh hét

lên:

- Nội ơi! Ngoại con kìa!

Trong biển vàng hoa cải. Ba tôi đuổi theo những cánh hoa. Má đang ôm một bó hoa cải. Lý nhìn ba má rặng ngời sung sướng. Bố mẹ tôi cuống quýt mở cửa xe vừa kêu: “Ồi, anh sui nhà tôi”. Bé Diệu Linh tung tăng hết cỡ:

- Đấy! Con đã bảo mà. Chả ai tin con cả!

Tôi nhìn con gái tung tăng chạy trên đồng hoa cải. Trong trường hợp này, chỉ có trẻ con là đúng. Tôi muốn cười, muốn khóc. Những người lớn còn chứa chất biết bao hoài niệm. Tôi như mê đi, người rung lên khi nhìn bố mẹ cùng nhau hái hoa cải. Ba ơi, khi khơi nguồn cho thi ca chảy vào cuộc đời này, thì người ta sẽ thấy cái chỉ đẹp trong cánh đồng cải. Phải thế không ba?

TRUYỆN NGẮN: RẼM THÁNG BẢY

Truyện ngắn của Trần Đức Túc



Chen được ra khỏi chợ Nghèn, lưng áo Hảo đã dính bết mồ hôi. Mới đầu buổi sáng mà cái nóng đã phùng phùng réo rắt. Lá cây hai bên đường bắt sáng, trắng xanh loá mắt. Hảo nương tay xách chiếc túi ni lông mỏng

đựng chục trứng gà và hộp sữa, chân xấp xoả bước. Chị vội về thăm lão Vận.

Không biết lão đã chết chưa, hay mới chỉ là ốm nặng, “khó qua khỏi đận nắng tháng bảy” như lời người làng thổ chuối, buổi vào bán ở chợ tỉnh đã kể với Hảo. Làng Đồng, nơi Hảo về làm dâu, coi trọng việc thăm người ốm. Một ngày dương gian là vạn ngày âm phủ. Chết là hết, là nắm đất. Thực tình, già lão Vận có chết thì cũng như bao người già ở làng Đồng chết. Lạ trời, với Hảo cũng chỉ vương vấn một chút buồn. Điều hối thúc chị vội về thăm người ốm lại là ở bà Mai, vợ lão. Chính người đàn bà lạ lẫm này đã ám ảnh suốt mười năm Hảo về làm dâu làng Đồng. Hình như số phận đã gắn kết, bắt chị phải luôn nghĩ tới bà và được định đoạt ngay từ bữa đầu tiên gặp nhau.

Chiều đó, khi hai họ đã ra về, trai làng đang dỡ rạ, bà Nhân nói với Hảo:

- “Con sang nhà ông Vận mượn cho mẹ cái chảo rán. Bên ấy có chiếc to lắm”. Đây..., đây..., mẹ chồng chị chỉ tay sang lối nhà ông Vận.

Hảo ngại quá. Vừa chân ướt chân ráo về làm dâu, ngày đầu tiên đã phải đi mượn đồ dùng. Hảo cứ dứng dăng nhưng khi thấy Thông cởi áo ngoài để lộ chiếc *may-ô* rách lỗ chỗ, chị mới lấy hết can đảm để đi. Vừa đi Hảo vừa thăm hứa, phiên chợ Nghèn ngày mai, việc đầu tiên phải nhớ mua ngay chiếc chảo.

Tới ngõ nhà ông Vận, Hảo càng ngại. Chị đánh tiếng mãi mà không có ai trả lời. Ba gian nhà ngói, thấp, cửa gỗ mốc rêu trắng, đóng kín. Chị đưa mắt nhìn quanh, lạ một nỗi, vườn nhà ông chỉ trồng toàn riềng trắng, thứ riềng ăn cay xé mũi, lá to như loài dong gói bánh; cả lối ngõ cũng giậm toàn riềng.

Một lúc sau, khi Hảo đã toan quay về, thì từ phía nhà ngang mới có một người đàn bà đi ra. Người đó bước chậm, mở to đôi mắt, nhìn Hảo ra ý hỏi. Hảo sững sờ, thấy bà quá đẹp. Chị lúng túng hỏi mượn chiếc chảo. Mắt Hảo cứ như bị dán vào búi tóc to trên đầu người đàn bà. Một kiểu búi tóc mà Hảo chỉ thấy trên phim. Làng Đồng không ai búi kiểu ấy. Người đàn bà không trả lời, chỉ lặng lẽ ngấm Hảo từ đầu đến chân, rồi cũng lặng lẽ thế chậm chậm quay vào nhà. Nhìn búi tóc to tròn trên đầu bà cứ lắc lư theo nhịp bước, Hảo không tài nào hình dung được bà bao nhiêu tuổi, quê ở đâu, hay từ một câu chuyện xa xưa nào lạc về giữa làng này?

Mãi không thấy người đàn bà trở ra, Hảo thở dài, quay về. Rồi chẳng biết ma quỷ xui khiến hay sao, mà khi mẹ chồng hỏi, Hảo lại nói dối rằng, bên ấy không có ai ở nhà. Nói xong, Hảo bước như chạy xuống bếp, thổi cơm. Bỗng Hảo giật thót người, qua màn khói rơm, chị nhận ra người đàn bà có búi tóc to đang từ ngoài ngõ đi vào. Một tay cầm chiếc chảo to bự, một tay bà xách nải chuối, quả dài, cong như sừng bò. Gặp bà Nhân, người đàn bà làm một loạt động tác ra hiệu. Ngồi trong bếp, Hảo nghe mẹ chồng rõ mồn một:

- Bà cho mượn.... hả? Lại cho chuối nữa...? Hả? Sao không để ở nhà cho ông ấy ăn? Ôi dào, chúng nó còn trẻ, còn ghẹ lúc ăn. Bà ở chơi đã? Hả? Ông đi vắng... Dạ.? Thế bà về, dạ, không dám ạ...!

Mặt Hảo nóng ran lên. Chị xấu hổ với mẹ chồng quá thế. Cơm cạn lâu rồi mà Hảo còn ngồi nấn ná trong bếp, mãi cho tới khi mẹ chồng vào. Bà Nhân cười độ lượng:

- Chắc là con có gặp bà Mai mà không nghe bà ấy nói chứ gì? Bà ấy cầm lâu rồi, để đến mấy chục năm, tội nghiệp!

Hảo được giải thoát, nhẹ người. Chị lí nhí:

- Bà ấy cầm từ bé hả mẹ?

- Lấy chồng rồi mới cầm! Hồi trẻ, đẹp nhất tổng Đoàn đấy. Con cụ Trợ Đàm học giỏi, nói được cả tiếng Tây. Này, tóc bà ấy mà không búi lại a, cứ là đứng trên ghế mà chải. Bà Nhân làm điệu bộ, hào hứng cứ như là tóc của mình cũng dài như vậy.

- Thế sao giờ lại cầm ạ?

- Ấy, thế mới nên chuyện. Ông chồng bắt phải cầm. Lão cứ đánh vợ rồi rửa xả, một điều bắt cầm hai điều bắt cầm. Thế là bà ấy cầm thật.

Bà Nhân ngừng lời, cúi húi tằm trâu. Đoạn thủng thẳng:

- Lấy thì lập mưu lấy bằng được. Đáng như người ta thấy vợ đẹp, vợ giỏi thì yêu chiều, đằng này lấy được rồi lại ra sức đày đoạ, chà đạp. Cầu được ước thấy, muốn vợ cầm được cầm, ông trời có mắt có tai, nào xa xôi gì!

- Nhưng tại sao hai người lại lấy nhau hả mẹ? Hảo ngây ngô. Bà Nhân cười:

- Chuyện đó thì về hỏi ông bên nhà... Bà hát đầu ra phía ngõ, rồi lại cười bí hiểm. Hảo ngạc nhiên, không hiểu mẹ chồng nói thế, là có nghĩa gì...

Nhiều đêm nằm một mình, hình bóng bà Mai cứ lớn vồn trong đầu Hảo. Hễ có dịp là Hảo tìm cách bắt chuyện với bà. Nhưng cứ như pho tượng biết đi, bà lặng lẽ ra vào trong ngôi nhà lão Vận.

Có một lần, suýt nữa Hảo đã được nghe bà nói. Đó là bạn Hảo

sinh bé Chuyên. Một tháng nghỉ phép của lính đảo đã hết, Thông đi buổi sáng, buổi chiều Hảo trở dạ. Mẹ chồng về bên ngoại ăn giỗ được một lúc thì Hảo đau bụng quặn quéo. Chị thật sự hoảng hồn khi nghĩ đến cảnh vượt cạn một mình. Chị vừa rên vừa lập cập chuẩn bị. Cơn đau xé thịt nổi lên làm Hảo mù mị cả người. Giữa lúc ấy bà Mai xuất hiện. Bà lặng lẽ vào nhà, ôm vào lòng rồi dấm khế vào lưng chị. Cơn đau tưởng như tan cùng nỗi sợ. Chị tin cậy nằm yên, đầu ngả hẳn vào vai bà. Hảo thiêm thiếp được một lúc rồi một chuỗi cơn đau lại đột ngột bùng lên. Chị thét to một tiếng, và bé Chuyên ra đời. Trái với điệu bộ thường ngày, giờ bà nhanh nhẹn cắt rốn, buộc chỉ, lau cho con bé. Bà làm thành thực tựa một hộ sinh.

Khi mọi việc đã xong xuôi, bà nhẹ nhàng đặt bé Chuyên nằm một bên với Hảo. Chị nhìn bà ràn rụa nước mắt:

- Bà ơi, mẹ con con biết ơn bà lắm lắm. Nếu bà không sang, chắc là con chẳng biết xoay xở ra sao.

Hảo ngừng lời, rồi nhìn thẳng vào cặp mắt bà Mai. Chị đã toan hỏi vì sao bà không nói được nữa, nhưng rồi lại sợ. Hảo chỉ nhìn bà nài nỉ như đứa trẻ. Bà cũng nhìn chị với cặp mắt ầng ậng nước. Bà đã định nói, ít nhất là Hảo nhận thấy như thế, song chỉ một thoáng thôi, rồi bà lặng lẽ nuốt nước bọt khan. Tưởng như bà đang nuốt những câu chữ vào lòng. Từ trong cặp mắt to tròn của bà, hai giọt nước nóng sục nhỏ xuống má Hảo. Chị oà khóc tức tưởi. Bà Mai lặng lẽ lau mặt cho Hảo rồi xuống bếp đặt cháo. Từ lúc đó trở đi, bà lại giống hết ngày thường, chậm chạp và lặng lẽ.

Sau này còn nhiều lần Hảo bỏ công tâm sự tỉ tê hàng giờ song người đàn bà có búi tóc to tròn cứ lặng lẽ như chiếc bóng. Khuôn mặt bà buồn bã luôn nhìn xuống, tránh cái nhìn của

chị.

Ở chợ về, Hảo thật sự mừng khi nghe mẹ chồng cho hay, rằng lão Vận chưa chết.

Chị hỏi mà như chất vấn mẹ chồng: Sao bảo ốm nặng lắm, chờ chết hả mẹ? “Ừ, cũng có thể thật” – Bà Nhân xác nhận. “Gần chục ngày không ăn uống rồi, còn gì”.

Bà Nhân thở dài, chép miệng: Lão dọa chết, mà cơ chừng đận này chết thật. Ôi chao là thói đời! Đầy dọa vợ, đánh vợ như đánh chó, bắt người ta câm thì người ta phải câm. Giờ lại bắt phải nói, không nói với thì dọa chết. Chết thì chết quách đi, người đâu lại có hạng...

- Nhưng sao bây giờ lão lại bắt vợ phải nói?

- Thế mới có chuyện. Bà Nhân thủng thẳng: Chắc giờ con cái đi xa, vợ chồng ra đụng vào chạm lại không một lời với nhau có quá là cực hình? Tao nghe có lần lão van vỉ, nếu bà Mai mà cứ *làm câm* mãi thì lão sẽ tự tử. mấy lần tao sang thấy lão không chịu thuốc thang gì nữa. Rõ thật là...

Rồi dằng chừng không muốn kéo dài câu chuyện, bà rũ áo xuống bếp nấu cháo cúng rằm. Năm nào rằm tháng bảy, mẹ con bà Nhân cũng có mâm cháo ngoài trời. Nhìn những đóm hương đỏ rực trên tay mẹ chồng đưa lên đưa xuống, lại nghe bà lầm rầm khấn nguyện, Hảo rùng mình. Đêm vẫn sì sầm mây, trăng đang nấu trong ánh sáng tốt tát. Có oan hồn nào lạc qua đây không nhỉ? Khóm tre trước nhà chốc lại khẽ vẫy mình như người thở dài. Mùi hương cứ rợn rợn khắp làng, quần chân Hảo. Lão Vận mà chết vào đêm rằm thì độc lắm. Lão tinh khôn thế, sao chọn đêm nay mà đi? Chết vào rằm lại hoá ra mất giỗ.

Nhà lão Vận đêm nay chống toang rèm cửa. Mấy cột tre tươi được trồng đứng lên, trên bắc nứa như giàn bầu. Chiếu hoa và ni lông phủ kín trần. Bốn năm bộ bàn ghế mượn quanh hàng xóm đã kê chặt sên. Trong ánh sáng điện vàng khè, khói bếp, khói thuốc lá, thuốc Lào mờ mịt, sân nhà lão giờ giống hang động. Người làng đã ngồi kín mấy dãy bàn. Trước hiên, bộ phản gỗ được kê ra, trên đó mấy người đàn bà đang ngồi bồ cau, tằm trâu. Những đĩa trâu xếp hàng trên phản đợi người bưng, hết nhà có cỗ. Giường nằm của lão Vận đã được kê ra gian giữa, làng Đống gọi là gian bảy. Ra *gian bảy* tức là *sắp đi*. Lão nằm trên chiếc giường một, có buồng màn. Chiếc màn sợi bông đã ngả màu cháo lòng, vá một vài mụn vải. Hai người con trai lớn của lão ngồi trên tràng kỉ, kê song song với giường của bố. Không thấy thằng út Ngoạn học trường chuyên trong tỉnh và bà Mai ở đâu.

Hảo nhấp nhồm mấy lần, toan đưa gói quà đặt vào đầu giường lão. Nghĩ, Hảo sợ. Người nằm đó còn ăn uống nổi gì. Nhìn quanh, Hảo thấy ai cũng mang một bộ mặt trang nghiêm, chỉ càng ngại. Mãi tới lúc thấy trên chiếc bàn nhỏ kê một bên giường người ốm có ai đó đặt đường sữa, lại thêm một đĩa bánh cuốn với mấy lát giò, Hảo mới can đảm đem gói quà của mình đặt vào đó. Xong, tiện tay, chị sẽ sàng vén màn lên. Chị giặt mình. Không còn chút sinh khí trên khuôn mặt lão Vận. Mũi lão thường ngày đỏ lự, giờ bợt tái. Mấy sợi tóc lơ thơ dínhбет vào thái dương.

Nghe động, người ốm mở mắt nhìn. Lão hơi nhui nhú trán rồi dường như đã nhận ra ai, lão nhắm nghiền mắt lại. Hảo đang toan nói với lão một câu gì đó thì bất đồ một tràng cười to sát tai làm Hảo suýt đổ sấp xuống giường. Run bắn người, quay lại, Hảo phải định thần mới nhận ra lão Viễn thịch chó.

Lão cứ đứng trước giường của người ốm mà cười to, khuôn mặt lúc đỏ bừng, lúc tái nhợt. Tóc tai dínhбет từng lọn, dựng ngược như sâu róm, trán lấm tấm mồ hôi. Đám đông không ai bảo ai tất cả đều chú mục vào lão.

Người này, làng Đống không lạ.

Thời trẻ, người có học trong làng đã gọi bộ đôi gá nghĩa này là Vê oong (V1) Vê đơ (V2) Vận với Viễn. Vận thì mê ả Mai con cụ Trợ Đàm, Viễn thì mê mỗi món thịt chó. Vận thích *tóc dài ngài đẹp* còn Viễn thì mơ đến một *núi chó* một *suối rượu* một *trời bánh đa* và một *đồng rau thơm*. Đêm đêm hai gã thường hay đón đường rình rập. Tay Viễn cầm cái bao tải to bự, cũng không biết là rình chộp chó hay người. Viễn có sức khoẻ, còn Vận thì ranh ma. Làng Đống trai tráng cũng nhiều nhưng không ai dám bén ngõ nhà Mai, bởi tối nào hai gã cũng đứng ngoài chặn lối. Anh nhiều Cẩn, cha Hảo bây giờ, hồi đó yêu Mai tha thiết. Hai bên đã có ý tứ, thư từ cho nhau. Nhưng không đêm nào Cẩn vào được ngõ nhà Mai, nếu không vì một nắm bùn bồng đầu bay vào mặt, thì cũng mắc một cú ngáng chân tro tráo dínhбет phân trâu. Biết phận học trò không làm gì được bọn mất dạy, Cẩn quyết chí rèn luyện bằng cách cạo đầu đi *Lục quân*. Ở nhà Vận cũng theo đuôi du kích ra cửa đổ cầu Ngàn để *tiêu thổ kháng chiến*. Anh chắt Bẩy hi sinh đêm 30 tết khi cầu sập, cả làng ra làm lễ truy điệu, thấy Vận không biết bị thương lúc nào mà hai chân cũng quăn dày băng. Giảm tô đợt đầu nhà Trợ Đàm bị quy thành phần, Cẩn về làng có ý tránh. Vả lại hàng đêm Vận với Viễn còn kiên trì đi tuần. Ngoài cái bao tải to lại có thêm đoạn dây thừng cuộn thành hình súng lục đeo hông, gã *thương binh làng* lại càng hăng hái. Đêm đêm Mai thơ thẩn bờ sông. Chẳng biết vướng dây thừng hay bao tải mà một sáng người làng vô tình thấy Mai gieo mình xuống sông Ngàn tự vẫn. Vận nhảy theo vớt lên. Ông

Trợ Đàm gật đầu để Vận lấy Mai, mắt không dám nhìn thẳng mặt con rể. Ngày cưới mà hết đám ma nhà khó, lèo tèo vài người, không có người già đi đầu họ thì đã có chú rể. Mai bước cuối cùng, mặt cúi gằm, tay xách dây quần áo, tay úp nón trước bụng.

Nhiều Cẩn nghe đâu có vẻ, chỉ đứng dõi sau cây rơm. Đêm đêm trong túp lều của cặp vợ chồng Vận Mai, tiếng khóc nhiều hơn tiếng cười. Những bữa thịt chó không phải mất tiền mua, vợ lại phải chịu trả giá những cú đấm, cú đạp. Rồi không biết tự lúc nào, phía sau lùm riềng trắng, túp lều con được thay bằng ngôi nhà ngói của đóng quanh năm. Cũng không ai hay từ anh *thương binh làng* thành ông chủ tịch xã, đã có bao nhiêu cuộc rượu mà xương chó đổ thành đồng sau vườn. Người làng cứ ra trận, cứ đánh Tây, đánh Mỹ, nhà Vận cứ âm thầm mà giàu. Ai dỡ nhà để lát đường thông xe, còn nhà Vận cứ phải thu gom cái đã. Đình chùa cứ hợp tự đi, Vận còn cần đưa về nhiều thứ nữa. Chỉ cần ít đi những lần cần vận, những lời chì chiết của vợ, thứ giọng điệu của con cái *lũ thành phần*, lũ đạo đức giả. Không được hở ra, không được bày dạy, Vận không thích nghe và không muốn để ai nghe. Mỗi lần rượu say, Vận lại cứ đem chuyện nhiều Cẩn hèn, chuyện ông Trợ Đàm ngày xưa hay nói chữ. Vận thích nói bằng tay bằng chân. Không thích nghe ai bày dạy. Nhất là con cái *bọn thành phần*. Biết điều thì câm đi.

Cứ thế mọi chuyện cũng êm, cũng xuôi, cho đến hôm nay tuổi già gở chúng. Không cứ gì lão Vận, cả lão Viễn cũng đến là hay.

Lão Viễn đi vòng quanh giường người ốm, giọng cợt nhả: - Ông Vận ơi! Định chết hả? Chết làm quái gì, xuống âm phủ lấy đầu ra thịt chó mà ăn? Mà này ông chết đểch ai đào riêng

trắng cho tôi, rồi ai mời ông ăn miếng dồi chó? Sống ở dương gian ăn miếng dồi chó, chết về âm phủ biết có hay không?

Lão ngân nga, rồi đột nhiên ngừng lời đưa tay nhón một lát giò cho vào mồm nhai ngon lành. Hai anh con trai lão Vận ở người, không dám can. Lão là bạn chí thân của bố mà. – “Ngon thế này mà không ăn, thật đại, ơ mà ông có đại bao giờ đâu! Ông là khôn nhất”. Giọng lão không ra say cũng không ra tỉnh: “Ông khôn, khôn lắm. Ông ít chữ mà lắm mưu. Không có mưu thì làm sao lấy được bà Mai tóc dài người đẹp. Không khôn mà hai thằng ta bán được hai cái chuông nhà chùa, lại lấy được cơ man nào là xi măng cái thời còn hợp tác. Ấy sợ gì tôi không nói, hợp tác thì giải tán mẹ nó rồi, còn chùa dỡ làm kho từ thời tám hoánh... mà ông với tôi thì cũng đã bỏ nghề...”

Lão ngừng lời. Những tiếng xì xầm của đám đông cũng ngừng theo tựa hồ lão Viễn đã hút hồn tất cả. Lão ngồi im như trước mặt không hề có ai, không có cả chiếc giường của ông bạn chí thân đang được kê ra nơi chỉ dành cho người sắp xuống lỗ.

Đột nhiên, có tiếng ai bạo dạn cất lên từ xó tối:

- Kể tiếp đi chứ ông Viễn! ông không kể là bọn tôi về đời...ơi...!

Tất cả như bừng tỉnh, quay về với người nói. Lão thịt chó vẫn không nhúc nhích, cứ như người đang ngủ. Mãi một lúc sau, lão mới chậm chạp đứng lên:

- Tôi sợ gì mà không nói. Gần kể miệng lỗ rồi, dấu diêm chi xóm mạc. Bọn tôi lúc trẻ thời cũng đại dột, cũng ăn trộm, phá phách đình chùa. Nhưng bỏ lâu rồi. Cái thân tôi sướng khổ đã có ông trời, riêng bạn tôi đây đang còn chịu tội. Tội chi? ông bạn tôi có lẽ cũng ngấm rồi, phải một nỗi bà đây cũng là người tai ác...

Lão đang định nói tiếp, thì từ phía sau giường bố, thằng út Ngoạn nhảy ra. Học lớp 12 trường chuyên mà nhỏ như cái kẹo. Thằng bé mặt đỏ gay, xông vào lão Viên:

- Ông về, về đi. Đây không phải là nhà ông mà muốn nói chi thì nói. Vừa nói, nó vừa lấy hết đà xô lão Viên. Lão thật chó hơi sững người một chút, cúi nhìn thằng bé rồi bắt đầu lùi từng bước. Thằng Ngoạn hăng máu không kể gì nguy hiểm, cứ đưa hết gân cốt mà đẩy lão già. Nó giống như chú nghé con đang gồng hết sức mình húc con trâu mộng. Hảo rùng mình, sợ lão già đâm bẹp dí thằng bé con. Thằng bé chết với lão thôi.

Nhưng, lạ chưa, lão cứ chịu cho thằng bé đâm đập rồi đấy. Lão cứ lùi mãi, quá bờ sân, tới phía ngoài rập thì lão đứng lại. Lúc này thằng Ngoạn vẫn còn hăng, nhưng lão đã như pho tượng đá. Lão ôn tồn:

- Thôi, nào con! Lão nhẹ nhàng. Để ông nói cho nghe. Ông không say đâu mà con sợ. Lúc nãy ông có uống vài chén rượu rằm ở nhà. Làng xá tội ở những mô mô, cũng xá tội cho bọn ông với! Mặc cho lão Viên mềm mỏng nài nỉ, thằng bé cứ xông vào đâm đá như điên. Lão không chống đỡ gì, cứ trơ như cột.

- Thôi! Một tiếng cất lên sẽ sàng mà dứt khoát. Vòng người quanh lão Viên giãn ra, nhất loạt quay về phía vừa phát ra tiếng nói. Từ phía buồng sau, bà Mai bước ra. Hảo sững sờ không còn nhận ra bà Mai của những năm chị đã từng quen nhìn. Tóc bà không búi, được buông xoã, trùm vai. Trời, tóc mây! Chưa bao giờ và ở đâu Hảo thấy được một mái tóc dày và đẹp đến dường ấy. Khuôn mặt bà cứ như lấp ló sau suối tóc bóng bẩy trên mỗi bước đi – “Thôi!” Lần này đích thị là tiếng nói của bà Mai, đám đông đã nghe rõ. Không biết bà nói với thằng Ngoạn hay với lão Viên, mà khi bà nhẹ nhàng cầm tay

kéo thằng bé đi vào thì lão già bất đồ sụp xuống vái lấy vái để.

Bà đi thẳng lại phía giường chồng, vén màn ghé sát tai lão Vận nói một thôi dài. Không ai nghe rõ bà nói những gì, chỉ loáng thoáng một chuỗi âm thanh đan kết với nhau. Chỉ khi bà thả màn đi vào, thì từ trong chỗ nằm, một cánh tay lão Vận thò ra, với với. Ba anh em thằng Ngoạn vội chạy lại, đỡ cha ngồi lên. Ngọn đèn phía sau màn dọi vào, in bóng mấy cha con như khóm tượng.

Ngoài sân, một mình lão Viên vẫn ngồi ở tư thế quỳ cúng, hai tay chống đất, mặt cúi gằm. Gió phấp phật trên những tấm chiếu, tấm vải làm trần; một vài tấm buộc không kỹ, theo gió bung ra. Đêm tháng bảy đang rõ ràng, vành vạnh một vắng trắng.

Đồng Cò, những ngày chuyển nhà.

TRUYỆN NGẮN: GIẤC MƠ CÁNH CÒ

Truyện ngắn của Trần Quỳnh Nga



hị thức dậy đột ngột vì một giấc mơ lạ, một nhòai. Mồ hôi vã ra như tắm. Chị nhìn quanh. Mất điện, điều hòa đã tắt từ bao

C giờ. Trong phòng đột nhiên nóng rẫy và bức bối đến khó thở. Khát. Miệng khô khốc và chất đắng, những tưởng như chị đang ngậm một cục cồn khô trong cổ họng đau rát đến nghẹt thở. Thảo nào trong giấc mơ lúc này chị thấy mình chạy miết một đoạn dài từ trên lưng núi xuống, búi tóc xo tung, mồ hôi không kịp chảy ra khô cục, vón lại thành muối mằn mặn trên mặt chị.

Không hiểu sao chị lại ngủ mơ như thế. Tự nhiên chị thấy mình lạc giữa rừng già vào một buổi chiều chênh vênh nắng. Hai bên đường thơm nức mùi hoa dẻ nhưng tuyệt nhiên chẳng thấy một bông hoa nào, chỉ một màu tím rịm của trắng chạc chiu nằm vắt vẻo giữa lưng chừng đèo như một đám mây nhẹ bỗng màu tím đang chực bay lên vậy.

Lạc rừng. Chị lo lắng. Bởi chị đã bao giờ đi rừng đâu. Chị không hiểu sao mình lại có mặt ở khu rừng xa lạ không biết tên là gì. Hoảng hốt, chị nhìn quanh, chỉ thấy chập chùng là núi và xa xa bên con suối róc rách chảy, từng đám lau già buồn phơ phất.

Chị men theo con suối. Lí trí mách cho chị con đường xuống núi bằng cách duy nhất đó. Mái tóc chị đỏ rực màu lửa trong ráng chiều, dầu thật ra, một tóc năm nay là màu vàng rêu và chị chẳng bao giờ lỗi một cả.

Nhưng trong nỗi sợ hãi và đơn độc tột cùng này, màu tóc bây giờ nào quan trọng nữa. Chị chấp nhận nó có thể biến ra bất cứ màu gì, chỉ mong sao thoát khỏi nơi thâm u này càng nhanh càng tốt. Buổi chiều, mặt trời thấp xuống, không còn đủ hình hài nữa bị bóng núi che khuất gần hết chỉ le lói những mảng mây vàng rừng rực góc trời phía tây rộ nắng. Tiếng suối rừng rục chảy lẫn vào hốc đá phát ra những tiếng kêu kì quái,

khi oạp oạp khi hục hục lúc réo ầm lên lúc như một con thú bị thương thoi thóp thở, lúc lại giống như một gã trong cơn say chênh choáng mơ về người đàn bà không phải của mình một cách tuyệt vọng lẫn đau đớn.

Đang tự mình trấn an mình rồi rũ rượi bước, đột nhiên chị nghe tiếng chim bìm bịp kêu lên náo nức. Tiếng kêu làm bao nhiêu sức lực, bao nhiêu hi vọng vụt biến mất. Chị mất hết cả thần sắc và hoảng loạn như một con thú bị rượt đuổi, chị nhắm mắt và chạy, tưởng như cái chết đang u u tiến đến bên tai mỗi lúc một gần.

Trong lúc tuyệt vọng nhất, chị bình tĩnh. Không dám mở mắt, chị hươ hươ tay ra hai bên như một con cá đang bơi. Khi bàn tay chạm vào tấm drap trải giường mịn màng chị mới nghĩ là mình vừa mơ thật. Thở phào lao lại phía cửa sổ và giật tung cửa, chị muốn chứng tỏ mình đang sống và đang tồn tại giữa một rừng người trong thành phố biển nhộn nhịp này. Từ tầng bốn, gió biển thổi vào, thổi tung cả mái tóc màu vàng rêu hợp thời của chị.

Chị rời phòng. Cảm giác muốn đi ra ngoài hít thở không khí trong lành của biển. Chị thay chiếc váy Maxi dress liền dài lưng trần màu hoa diên vĩ, chiếc túi hộp màu xanh tonsoton của Hecmes rồi đi ra cửa. Mọi người quay lại nhìn chị mỉm cười. Tự nhiên chị cũng mỉm cười lại với họ. Khi vừa trải qua một chuỗi đơn độc, cảm giác thân thiết giữa con người với con người sao mà gần gũi và cần thiết đến thế.

Biển rộng rãi và bao dung. Chị đi gần sát mép nước. Sóng hất cả nước vào chân váy chị ướt rượt. Chị mặc nhiên để nước xấp xỏa dưới gấu váy. Được một lúc, chị ngồi thụp xuống. Hình như chân chị đau. Đôi chân mệt rã rượi trong giấc mơ hồi nãy

hiện về rõ ràng trong từng bước đi của chị.

Chị nghĩ mãi về giấc mơ đó. Không đúng, thực ra giấc mơ đó ám ảnh chị nhiều hơn. Chị còn nhớ lần ngày bé theo Thế đi câu chuồn chuồn. Thế đứng dạng chân giữa hai mô đất cao, vót một nhánh xương dừa, một đoạn chỉ ngắn và cột con chuồn chuồn đục vào đó, vừa chạy vừa xoay tròn xoay tròn con mồi cho đến khi đám chuồn chuồn cái si tình lao theo, say moòng, quẩn lầy con chuồn chuồn đục không rời. Lúc ấy, chị tập tễnh chạy theo Thế khắp dọc triền đê. Bờ đê xấp xỏa những đám cỏ lồng vực cao ngồng ngồng.

Kí ức chị đã gắn với Thế trong suốt những năm thơ bé. Rồi cú thể tình cảm lớn Ấy vậy mà bố chị đã chia lìa được họ. Thế có giấy gọi lên đường nhập ngũ. Ngày anh đi, chị khóc. Tự nhiên thôi, nước mắt trào ra nức nở. Thế không kịp nói điều gì, chỉ kịp cầm đôi bàn tay mềm mại của chị áp vào ngực mình trước khi bố chị rẽ đám đông kéo chị xềnh xệch chạy về chiếc ô tô đang đậu sẵn.

Thế là hết, giấc mơ rồi cũng dần biến mất. Không còn Thế, cũng từ đó, mỗi khi chị buồn, chị khóc, chẳng còn ai bất ngờ xuất hiện trước mặt làm chị vui như Thế nữa. Những lá thư của Thế cũng vơi dần sau những năm sau đó. Bố lên chức, cả nhà chị chuyển hẳn vào thành phố. Hôm chị đi, hoa lác bẹ tím một đĩa hoang hoải .

Chuyện chị lấy Hạo trở thành chủ đề nóng bỏng suốt một thời gian dài trước khi chị biết. Người ta từng kháo nhau về một liên minh chính trị, phe cánh của bố chị và ông chủ tịch tỉnh nhằm tạo một chỗ đứng vững chắc. Chị không nghĩ đến điều đó, hay nói đúng hơn, chị không nghĩ đến việc mình sẽ trở

thành một nút thắt an toàn nào đó trong chiều bài chiến lược của bố chị.

Một tháng trước, chị nhận được điện thoại của mẹ chị bảo về gấp. Hôm ấy, khi từ Sài Gòn trở về, chị đã linh cảm một điều không hay với chị. Xuống sân bay, nắng miền trung đổ rất như lửa. Đã rất lâu rồi chị không trở lại, cái nắng vì thế mà bỗng nhiên trở nên khay khát.

Xe chạy vun vút trên đường cao tốc, vượt qua những bãi ngô đang rộ mùa. Nhìn kĩ, phần ngô bay từng đám sà sà như váng mây màu mỡ gà trên thân cây xanh bóng. Dòng sông nơi đây qua bao mùa lũ, đất phù sa tươi xốp đến mỡ màng. Những cái cây cứ thế vụt lên tự do, sung sức.

Ngôi nhà chị ở trong một vườn cây rất đẹp. Đang là mùa chớm hè, tigon phủ một giàn hồng rực và lan tiêu đã lốm đốm cho hoa. Chị đứng trước sân nhà, hít hà một hơi dài cái mùi đất tươi xốp âm ẩm và mùi lan tiêu thoảng bay trong gió. Không để chị kịp nhìn quanh ngôi nhà mới cất khi chị ở xa, bố mẹ chị đã ngồi sẵn. Bộ ghế xofa màu tàn thuốc trang nhã được kết hợp với những họa tiết ren màu kem có hình những bông hoa đại đoá lớn.

Thấy chị, bố cười một điệu cười dịu dàng rồi hất cằm chỉ chị ngồi vào chiếc ghế trống bên cạnh ông. Mẹ bưng ra một cốc bơ xay trao cho chị rồi ngồi xuống bên cạnh vuốt vuốt lên tóc chị cứng nụng. Trông mẹ trẻ ra nhiều trong chiếc váy liền màu trứng sáo. Bà vừa nói vừa cười:

- Con về đây là tốt lắm rồi, bố con đang cần con.

- Cần con - chị quay lại mở to mắt - con thì làm được gì?

- Mọi thứ cho bố lúc này, con gái ạ - mẹ nói thủ thỉ- con là cầu nối duy nhất để bố con có thể chiến thắng trong cuộc bầu cử sắp tới.

- Nghĩ là - chị không hiểu.

- Con còn nhớ Hạo con ông chủ tịch tỉnh không?

- À - chị cười - gã Dongioan ấy, ai mà chẳng nhớ.

- Con sẽ cưới Hạo.

- Mẹ - đến đây, chị ghen không nói được, mất một lúc- con làm sao phải cưới gã, con biết gì về gã.

- Không biết, rồi sẽ biết, ngày trước lấy bố cô, nào tôi đã biết gì về ông ấy. Thế mà cũng đầu vào đấy cả.

Mẹ nói rồi quay lại nháy mắt với bố để tìm sự đồng thuận trong đó. Bố không nói gì nhiều, nằm ngửa ra ghế xofa rít xì gà. Chị nhìn hộp xì gà bằng vỏ nhôm đặt giữa bàn, loại xì gà Cohiba của Cuba, rồi nhìn bố. Ông không nhìn chị, chị lắc lắc tay ông rồi cầm điếu xì gà lên mớm môi hút thật nhẹ. Một hơi, rồi thêm một hơi nữa, chị lim dim mắt. Lần đầu hút thấy có mùi thơm thơm của cỏ khô nhưng sau đó có vị hơi hăng và đượm hơi re re đầu lưỡi. Chị giả vờ chệnh choáng say khời nằm ngửa trên đi văng rồi nhồm người lên nói chuyện với mẹ:

- Nhưng con đâu biết gã, mà gã cũng thế, làm sao chúng con lấy được nhau?- chị nói rồi lại đổ người xuống, hít thêm một hơi xì gà nữa.

- Chuyện đó không phải đến lượt cô lo- mẹ chị bắt đầu dần giọng- ai dạy cho cô cách chơi bởi trác táng này hả - rồi bà túm lấy tay lôi chị dậy - sau này cô lấy người ta mà cô thế này

người ta cười vào mặt bố mẹ mà họ không biết giáo dục con.

Chị không nói, cười một cách nhiều nhại.

- Thằng đó, nó cũng có được giáo dục đâu. Nó ngủ với hàng trăm đứa con gái rồi mẹ ạ.

- Thì cô cũng kém cạnh gì nó. Nhìn cảnh này, tôi biết, sống một mình trong đó, cô cũng chẳng ra gì.

Nghe đến đây tự nhiên chị thấy đau nhói lồng ngực. Từ ngày xa Thế đến giờ chị chưa bao giờ nhớ anh như lúc này. Tất cả là tại Thế, tại cái sự hèn nhát mặc cảm của anh để đến bây giờ, đến cả bố mẹ chị vẫn không tin nổi chị vẫn còn là con gái.

Chị thôi không nói nữa, đứng dậy đi vào phòng. Đóng cửa phòng lại, nước mắt chị mới bắt đầu rịn ra. Chị dấm thùm thụp vào mình, cào cấu thân thể mình đến đau rát. Chị giận mình đã bỏ chạy khỏi vòng tay Thế hôm trước khi anh ra đi. Hôm đó, trăng vàng vạc sáng. Hai đứa ngồi bên thành cầu, Thế loay xoay mãi hai tay vào nhau không nói được lời nào. Chị chờ đợi mãi, nước mắt giận dữ đã bắt đầu lăn dài trên má.

- Tôi, tôi ngày mai tôi sẽ đi.

Chị không nói, rút rút đám lục bình khô dưới chân nổ lép bép. Thế dịch sát vào người rồi dụi mặt vào trong tóc chị hít hà cái hương bồ kết thơm nồng. Chị không hề nhúc nhích, chị nhắm mắt chờ đợi nhưng Thế vẫn ngồi yên vậy mãi. Chị nửa muốn đổ nhào lên người Thế, nửa ngại ngùng nhìn vào đêm tối sâu tun hút trước mặt rồi chậm rãi đứng dậy bước.

Giờ chị nằm khóc nhưng nước mắt cũng chẳng giải quyết được gì khi bố mẹ chị vẫn khăng khăng ép chị lấy Hạo. Từ

trước tới giờ ý ông chẳng một ai ngăn cản được. Mẹ suy tính đủ lắm. Trong mỗi đường đi nước bước trên nấc thang thăng tiến của ông bao giờ cũng có bà. Một người đàn bà đứng sau, quyền lực và mưu mẹo đã trải thảm cho con đường thăng tiến của chồng bằng cả sự khôn ngoan tráo trở, đôi lúc rất đàn bà nữa. Bố ban đầu biết chuyện cũng làm mình làm mẩy nhưng riết rồi cũng quen. Đã lao lên lưng hổ rồi làm sao mà xuống được. Mà cần gì phải xuống, khi tiền bạc cứ thế đổ vào nhà chảy ra khắp các ngân hàng. Nghĩ đến đó, tự nhiên chị chán ghét tất cả, muốn buông xuôi tất cả. Bố mẹ chị đã đặt cược chị vào một ván cờ, mà sắc đẹp, sự thông minh của chị đã khiến cho ông bà cầm chắc thế thắng.

Đêm hôm trước khi cưới, chị sốt. Miên man và mê sảng. Trong cơn mê chị thấy Thế. Thế đưa chị đi về quê cũ, chỗ địa nước menh mông. Chị ngồi trên bờ nhìn anh lặn dưới nước như một con rai cá. Thân hình vạm vỡ rám nắng của anh ngụp lặn trong đám lác bẹ màu tím mềm mại. Anh bỗng chị lên cao, rồi khẽ khàng đặt chị nằm xuống đám hoa màu tím anh vừa soạn sẵn. Chị mở mắt, bầu trời cao lồng lộng gió và khuôn mặt anh gần kề. Anh cúi xuống mặt chị. Nước từ mái tóc ướt đầm của anh rỏ xuống khuôn mặt chị nhòe nước. Chị ngáp đầu vào ngực anh rồi nhắm nghiền mắt. Từ đám nước đó, những ánh sáng le lói bay lên rực rỡ như cầu vồng làm chị bừng tỉnh. Nước mắt ướt đầm cả gối. Chị không tin nhưng đến giờ chị mới mang máng nhận ra, trong cuộc đời chị, mọi thứ đã được sắp sẵn không thể nào khác được.

Chị đã chọn đi nghỉ tuần trăng mật ở một thành phố biển. Trong suốt chặng đường dài, Hạo chẳng nói với chị một lần nào. Hay đúng hơn chị đã không nói một lời nào từ khi hai người cầm tay nhau một cách dè dặt cùng cắt chiếc bánh cưới trước sự chứng kiến của hàng nghìn khách mời xa lạ và từng

tràng pháo tay hoan hỉ.

Phòng khách sạn được trang trí lãng mạn bằng nến và hoa hồng. Ngay giữa giường ngủ là một đám hoa hồng đỏ rực rỡ. Hạo quăng mình ngồi lên ghế mỗi một rồi quay sang nói với chị:

- Tôi và cô bây giờ đã là vợ chồng nhưng không thể là vợ chồng
- Sao lại thế - chị cau mặt lại - nếu anh không muốn lấy tôi, sao anh không nói ra với bố mẹ anh trước.
- Cô đùa à, với một kẻ phụ thuộc vào họ như tôi. Không có tiền của họ, tôi lấy gì để sống. Một kẻ có học thức như cô mà cũng bị cuốn theo những áp phe chính trị này nữa là tôi. Với tôi, lấy cô cũng giống như lấy một ai đó khác thôi, không quan trọng. Cái quan trọng là tôi được tự do theo cách của tôi

Chị im lặng, thắm sâu trong lòng chị dào lên một nỗi uất ức khó tả. Hạo đã nói đúng. Tại sao chị có thể thỏa hiệp với mình nhanh được như thế, chị chấp nhận Hạo nhanh được như thế trong khi Hạo thì không thể. Chị không còn suy nghĩ được nữa, nằm vật xuống giường. Nằm trên đám hoa hồng thơm ngọt mà cứ ngỡ như nằm trên một đồng gai nhọn, những cái gai chọc thẳng vào lưng chị đến tứa máu.

Hạo hết nhìn đồng hồ rồi nhìn chị. Có lẽ anh không nghĩ những lời nói cay đắng thành thật đó đã làm chị gục ngã. Nhưng không thể khác, trong con người Hạo vốn dĩ đã có quá nhiều hận thù rồi, làm người khác khổ đau đâu còn quan trọng với anh nữa. Anh đứng lại kéo tay chị rồi đẩy chị đi lại nhà tắm một cách hờ hững:

- Cô đừng nghĩ ngợi nhiều, tắm đi cho sáng khoái. Tỉnh táo sẽ

giúp cô nhận ra tôi và cô là những con bài của cha mẹ chúng ta. Giữa tôi với cô thật ra sẽ không là gì cả. Bây giờ cô đi nghỉ cho đỡ mệt, tôi ngủ phòng bên cạnh. À quên, tôi chưa nói với cô, tôi đưa người yêu tôi đi cùng nên xin cô đừng làm phiền tôi nhé.

Hạo nói rồi đi thẳng. Chỉ mình chị trong căn phòng trống trải với nỗi xấu hổ bẽ bàng. Nếu không là một sự sắp đặt, giá như không phải là một sự sắp đặt, chị vẫn tin rằng vẻ đẹp của chị sẽ khuất phục được gã đàn ông đa tình là Hạo. Thế nhưng chị đã lầm. Trong lúc chị đang loay hoay với nỗi cô đơn tột cùng của mình thì bên kia phòng, Hạo đang ôm người tình của mình ngủ ngon như một đứa trẻ.

Nhưng rồi chị cũng không nghĩ ngợi nhiều về cách hành xử của Hạo hay nói đúng hơn, chị mừng. Đã bao nhiêu năm nay, chị tôn thờ chủ nghĩa độc thân. Sự lạnh lùng của Hạo khiến chị vẫn giữ được ý định của mình rằng thể xác mình sẽ trao cho người mình nghĩ suy nhiều nhất. Một mình, chị tự nhiên trút bỏ quần áo rồi ngâm mình trong bồn tắm. Nước ấm dịu dịu làm chị ngủ quên mất một lúc. Trong phút giây ngắn ngủi đó, chị thấy mình như cánh chim bay vút lên giữa nền trời bàng bạc.

Rất nhiều năm sau khi cưới, chị và Hạo vẫn sống như thế. Bố chồng chị được chuyển ra bộ và đương nhiên bố chị lên làm chủ tịch tỉnh như đã được sắp xếp sẵn. Chị không mấy may quan tâm. Tuy nhiên, không biết vô tình hay cố ý, mọi sự đồn thổi đều đến tai chị, nhất là chuyện bố chồng chị đột nhiên có thêm một đứa con ngoài giá thú với một cô gái ít tuổi hơn chị. Rồi họ cười cợt sự kém cỏi của Hạo. Họ cho rằng, cái phúc đức

dòng họ đến đời Hạo thế là hết, là tuyệt tự mất rồi. Bao nhiêu hạt giống tốt, hạt giống có thể nảy mầm đã bị Hạo đổ sông đổ biển trong những cuộc ăn chơi thời tuổi trẻ. Những lần nghe đến điều đó, chị thấy Hạo bồn thần hơn. Có lần chị đánh bạo nói với Hạo chị muốn có một đứa con. Nhưng ánh mắt của anh làm chị hoảng sợ. Đó là một buổi sáng mùa đông u buồn, Hạo ở nhà. Hai người, đầu kiếm lời với nhau vẫn có chung một điểm uống café mỗi sáng. Chị pha café cho anh. Chiếc váy ngủ màu bor do ôm sát cơ thể nõn trắng của chị. Anh cũng sờ nhìn chị rồi quay mặt đi hướng khác, chỗ cửa sổ, đám cây giun mùa này ít nắng, hoa nhạt màu buồn tẻ rồi thở dài. Đã bao nhiêu năm sống với Hạo, chị thuộc tính anh từng ngày. Anh trông lạnh lùng thế nhưng trong thâm sâu vẫn có những u hoài không thể nào tả nổi. Anh rút một điếu thuốc ba số rồi nhả khói, khói bay lại quấn sát trên tóc chị thành một đám mờ mỏng mảnh. Mái tóc anh bây giờ cũng đã lốm đốm đôi sợi nhạt màu rồi. Chẳng nói ra, anh cũng đã gần bốn mươi tuổi, chơi bởi mãi cũng chán rồi, giờ chẳng còn hứng thú ăn chơi sa đà các hộp đêm, vũ trường mãi nữa.

Cũng có thể một lúc nào đó, trong một khoảng khắc trống vắng của cuộc đời, Hạo chợt nhận ra con người thật, ước mơ thật của mình không phải ở chỗ những cuộc nhậu tàn đêm và những khách sạn sang trọng với ba mối tình vô vị tẻ nhạt. Đôi lúc nhìn Hạo vụng về cầm chiếc ô roa tưới cây, chị lại thấy bồn thần. Hình như con người anh đã có chút gì đó thay đổi mà Hạo thay đổi thật. Như con hổ trong sở thú, sau những thú vui ảo thuật, chồn vờn mua vui lại mơ về khu rừng nhẽ nhại ánh trăng mà muốn phi mình lên đó. Đứng trên mỏm đá trắng mà gầm lên một tiếng long trời lở đất cho vơi đi cái nỗi cô đơn tột cùng của những ngày tháng vô vị tẻ nhạt. Con thú đó muốn trở lại là chính nó, trong giấc mơ hoang dại giữa đại ngàn hùng vĩ nhưng tuyệt vọng. Ánh trăng đã không còn mọc

lên ở những khu rừng đầu nguồn con suối hay giữa lòng hồ mênh mông trên chót vót núi cao nữa. Nó mọc lên từ những dãy nhà cao tầng lô nhô và bị những chấn song lồng sắt đen trũi gò bó nuốt chửng.

Chị chần chừ nhấp một ngụm café rồi nhìn anh. Anh tránh không nhìn chị, nhưng giọng nói của anh chưa bao giờ dịu dàng đến thế:

- Anh - chị chần chừ.

- Gì - Hạo quay lại, giọng tựa như khói- có chuyện gì không?

- Hay mình có một đứa con- chị nói nhanh rồi tránh không nhìn anh, nhưng chị thấy khuôn mặt anh tự nhiên thất sắc. Khuôn mặt anh đanh lại.

- Cô điên à, tôi không muốn có con. Cô không nhìn thấy cuộc sống của chúng ta đây ư, những đứa con tội lỗi và bất hạnh. Tôi không muốn chúng phải chịu đựng như tôi đây.- anh nói rồi đâm vào ngực mình thùm thụp.

Chị thôi không nói gì nữa lặng lẽ như đã từ rất lâu rồi chị chấp nhận như thế. Chị cũng không nhìn Hạo, chị tránh chạm vào ánh mắt và khuôn mặt đang đột nhiên méo mó và dị dạng của anh qua chiếc li thủy tinh trước mặt. Một khuôn mặt xa lạ. Bất giác chị giật mình nhìn anh, nhưng không thể là anh. Hạo đang khóc, khóc tu tu như một đứa trẻ bị đòn oan đang giận dữ:

- Cô muốn có con với tôi đến thế?

- Vâng.

Chị nói nhỏ dường như nín lặng. Anh chỉ thấy câu trả lời của

chị qua cái gập đầu. Bất giác, anh chồm lại ôm chầm lấy chị mà khóc. Chị ôm chầm lấy anh. Lần đầu tiên trong suốt những năm tháng cưới nhau đến giờ chị mới có phút giây gần gũi với anh đến thế. Linh cảm một điều khó nói đang bóp chẹt tim anh đến nghẹt thở. Anh nâng mặt chị lên ngang mặt mình, khuôn mặt anh đỏ ửng:

- Anh không thể có con em ạ, không thể.

Rồi anh khóc. Khóc mãi. Chị cứ thế ôm lấy anh. Ôm mãi cho đến khi anh ngủ ngon lành trong vòng tay chị.

Chị cứ ngồi như thế. Ly café nguội tênh từ bao giờ. Tự nhiên chị không còn thấy buồn được nữa, bao nỗi cô đơn tự nhiên tan loãng ra như đám tuyết trắng xóa đang tan trong ánh nắng tháng ba rực rỡ trong bức tranh của Levitan treo trên tường cạnh cửa sổ. Chị nhìn anh ngủ ngon. Một cảm giác yêu thương cuộn trào. Rồi chị giận mình, tại sao chị lại có những ý định muốn bỏ anh trước đó. Hơn lúc nào khác, chị hiểu anh cần chị đến mức nào. Không có con đã làm sao nhưng chị không thể nào bỏ anh, chị không thể.

Giá như cuộc sống của chị cứ thế trôi đi chị sẽ chẳng thấy phiền lòng. Giá như chị dừng đến buổi tiệc sinh nhật đứa bạn thân của mình khi không có Hạo. Giá như chị đừng biết Khởi. Cuộc đời chị sẽ khác.

Gặp Khởi, đó là một sự tình cờ hay sắp đặt, chị cũng không biết nữa. Thú thật, chị đã rất thích thú với nghệ thuật nhiếp ảnh và đã từng ngưỡng mộ bộ ảnh đoạt giải FIAP của anh trước đó. Chị đã nghe nhiều đến danh tiếng của anh. Đã có lần chị bỏ việc, đánh xe chừng sáu mươi cây số đến để xem triển

lãm của anh được mở. Và chị thích, kiểu chụp ảnh của một phóng viên báo trước khi trở thành một nghệ sĩ nhiếp ảnh. Những khoảnh khắc bất ngờ đầy nghệ thuật đã được anh ghi lại gần gũi, thân thuộc nhưng cũng đầy sáng tạo.

Đang mải mê nói chuyện, Khởi đứng bên cạnh chị từ lúc nào chị không biết, chỉ đến khi anh đưa máy ảnh cho chị xem anh đã chụp chị khi chị đứng trước biển. Những bức ảnh chụp theo phương pháp Silhouettes tạo điểm nhấn chủ thể vào phong cảnh phía sau. Trong phút giây bất ngờ ấy, chị tìm thấy chính mình trong những bức ảnh của anh. Một người đàn bà đứng trên bãi biển trong một buổi chiều hoàng hôn vàng rực và đám cò trắng bay vút lên sau lưng chị. Dẫu chỉ là một khối màu đen thẫm nhưng lại khắc họa được bóng dáng của nhân vật với vẻ đẹp tổng thể toát lên trên bức ảnh. Ở đó, người ta không chỉ thấy hình ảnh một người đàn bà mà còn gợi lên một nỗi cô đơn sâu thẳm của một con người nho nhỏ và bơ vơ trước vũ trụ.

Chị đã tìm thấy chị ở đó, trong ánh mắt đầy nồng ấm của anh. Đã bao nhiêu năm qua, chị đã không còn là chị nữa. Chính Khởi đã vực chị dậy, khơi lại trong chị cái bắc đèn đã khô dầu trong thẳm sâu hồn chị. Khởi như một cơn mưa hoang dại và cuồng nhiệt ồ ả tưới tắm cho tâm hồn tưởng đã chai sạn của chị. Chị như cái cây háo nước được hồi sinh. Từ những cành cây gầy không phút chốc nảy mầm lùn phún những đám lá non mướt mát rồi bùng lên dưới ánh nắng mặt trời rạng rỡ. Chị biết, dẫu đã muộn màng, nhưng Khởi đã cho chị được hồi sinh một cuộc đời tưởng đã chết đi từ ngày xa Thế. Sáng sáng thức dậy chị thấy lòng mình nhẹ bỗng, đón nhận từ anh những tin nhắn yêu thương nồng ấm mà bao lâu nay chị không hề nghĩ đến. Cái tên Khánh Thùy mà cha mẹ đặt cho đến khi gặp anh mới được gọi lên đây yêu thương như thế.

Chiều thật chiều. Biển thâm lại tối thẫm. Chị thả bộ bước đi, đôi xăng đan cắm trên tay nhỏ nước xuống mặt cát ẩm ướt. Mấy ngày nay, Hạo đi du lịch cùng cơ quan đến Côn Minh. Trước khi đi, anh muốn chị đi cùng nhưng chị từ chối. Hạo cũng không ép chị, hình như trước lúc đi, anh có ngờ vực một điều gì đó nhưng không tiện nói rõ.

Chỉ còn lại một mình. Chưa bao giờ chị có cảm giác mình tự do như thế. Khởi không biết chị đến đây bởi anh ở rất xa chị, những lần gặp chị, đến thành phố của chị chỉ là những khi anh đi công tác. Chị cũng không gọi điện cho anh, đôi lúc nhớ anh, chị định nhắn tin nhưng rồi nín lại. Chị không muốn vì chị làm đảo lộn cuộc sống mà anh hằng nâng giữ. Chị đến với anh bằng tất cả sự dịu dàng của một người đàn bà và thậm sâu chị cũng muốn có một đứa con để anh có thể có một chốn đi về mỗi khi anh chùn bước.

Người ta nói rằng: nếu định mệnh là có thật, thì những người yêu nhau sẽ lại được ở bên nhau. Chị không tin như thế nhưng rõ ràng là thế. Khi chị đang một mình thơ thẩn nhìn mặt biển đang mỗi lúc một tối sẫm lại, khi những ngọn đèn của thuyền câu mực nhấp nháy sáng và khi bàn chân mỗi một rã rời khiến chị ngồi bệt xuống đất là lúc anh xuất hiện. Khởi xuất hiện đột ngột trước mặt chị làm chị bất ngờ. Như không phải là chị nữa, chị nhào đến bên anh trong nỗi nhớ nhung cuộn trào.

Và đêm ấy, chị nằm mơ, trong cơn mưa đầu mùa ở một khu rừng xa xôi nào đó. Đất trời như bùng nổ, vạn vật như được tắm đẫm muốt mát bởi những cơn mưa đêm mát mẻ để khi ánh nắng đầu tiên vừa ló, không biết cò ở đâu bay về đậu trắng cả một vạt rừng. Chúng bay, chúng lượn, chúng ghép cặp, ghép đôi thành những vũ điệu nguyên thủy vui không

biết chán. Rồi chị nhận ra mình, trên phiến đá trắng trước cửa rừng, chị nằm ở đó một mình. Trong cơn gió thoảng qua, chị thấy Khởi đang ngồi với một đứa trẻ. Đứa bé giống chị, đẹp như một thiên thần đang liú lo:

- Cha ơi, con nhớ cha lắm, cha nhớ con không?

- Cha nhớ con rất nhiều, con yêu ạ

- Rúa cha đến thăm con đi

- Không thể con ạ,

- ...

Chị tỉnh dậy, trời đã non trưa từ lúc nào. Chị vội vàng đi ra biển tìm Khởi, đầu chị biết anh đã theo đoàn đi từ hồi đêm. Trước khi chia tay, chị đã nói thật nhiều về ước mơ của chị cho anh hiểu. Chị muốn chia sẻ cho anh nghe giấc mơ về đứa trẻ của mình. Chị sẽ có con, chắc chắn là thế. Đó là một đứa trẻ tài năng như anh và đẹp đẽ như chị mà anh đã ước. Nghĩ đến đó, bất giác chị mỉm cười. Chưa bao giờ nụ cười của chị đẹp và rạng rỡ đến thế. Trong mắt chị có ánh sáng lấp lánh của mặt trời đỏ rực vừa nhô lên trên biển. Tròn lụng và cháy bỏng.

Đang miên man theo dòng suy nghĩ của mình, chị chợt sững lại. Điện thoại, tiếng chuông mặc định sẵn cuộc gọi của Hạo kéo chị trở lại với sự thật trần trụi. Tự nhiên trong bốn năm bên nhau, lần đầu tiên Hạo nói Hạo nhớ chị. Rồi Hạo nói rất nhiều về việc sẽ đi làm thụ tinh ống nghiệm để được có con với chị. Hạo nói trong chuyến đi vừa rồi, khi xa chị, Hạo mới hiểu, Hạo không thể sống thiếu chị.

Chị sưng sờ rồi tắt máy. Tự nhiên thấy bụng quặn đau và buồn nôn kinh khủng. Bất giác như ảo ảnh, chị thấy Hạo đứng trước mặt chị. Đôi mắt Hạo đỏ đẫm đau khổ nhìn chị trách móc như mũi kim xoáy nát trái tim chị. Chị thấy Hạo đâm vào ngực mình như một kẻ mất trí, điên loạn. Chị chạy đến, bổ rập trước mặt Hạo, hai tay chị ôm chặt lấy anh. Rồi chị thấy bố mẹ mình, cả hai đang dìu nhau trôi qua những gập đá nhấp nhô. Ngay dưới chân họ, nước quẩn lại thành vũng tròn xoáy sâu hun hút. Nhanh như cắt, chị chạy lại phía họ nhưng đã muộn, cả hai đã trượt chân ngã vào xoáy nước mất hút.

Chị gào khóc, nước mắt giúp chị tỉnh lại. Như chợt nhớ ra, chị đi nhanh đến hiệu thuốc và mua một liều tránh thai khẩn cấp. Khuôn mặt tái nhợt. Chị cầm viên thuốc chần chừ rồi bỏ vào miệng. Đắng. Mặn. Nước mắt. Hi vọng phút chốc tiêu tan. Trong đau đớn tột cùng chị thấy đứa trẻ đang ngồi bên hiên nhà. Nắng mới hắt ngược sáng, cả khuôn mặt bé ửng đỏ, bé đang cười khúc khích nói chuyện với lũ cò trong nắng:

...

- Nếu con là thật, cha về với mẹ không cha?

...

Đứa bé nói, rồi khóc. Chị hoảng hốt giang tay định bế con nhưng vô vọng. Có cái gì đó đang cản chị xích đến gần nó. Càng lại gần, đứa bé càng xa chị. Chị chơi vơi chạy theo, mặt cát khô khốc dưới chân dần âm ỉm ướt rồi chìm ngập trong nước. Bất giác chị ngồi thụp xuống móc tay vào họng và nôn thốc nôn tháo. Viên thuốc tròn nhỏ trắng trắng như cánh cò chuôi ra rồi lẫn vào trong nước biển. Chị không còn thấy được biển nữa, trước mặt chị là cánh rừng. Hai bên đường thơm nức mùi hoa dã nhưng tuyệt nhiên chẳng thấy một bông hoa

nào, chỉ một màu tím rím của trắng chạch chịu nằm vắt vẻo giữa lưng chừng đèo như một đám mây nhẹ bỗng màu tím đang chực bay lên vậy.

CHÙM HAI TRUYỆN NGẮN CỦA HOÀNG BÌNH TRỌNG

(NV&TP) Nhà văn chả mấy ai có cuộc sống sung sướng, nhưng khó khăn đến như Hoàng Bình Trọng thì đến người ngoài nhân gian cũng không có nhiều. Là kỹ sư địa chất xuất thân, từng nhập ngũ vào chiến trường khi đã đứng tuổi; chuyển ngành qua Hội Văn nghệ Vĩnh Phú rồi không biết sao đó mà lại về “một cục” và quy cố hương Quảng Bình. Giờ đây, ở tuổi bảy mươi ngoài, sống bằng nhuận bút còm của các bài báo, dịch tiếng Nga, tiếng Pháp... Có cảm giác như Hoàng Bình Trọng cứ tha thần cảm cúi nhìn xuống thân phận kẻ dưới đáy rồi nhặt lên từ đó những vẩy vàng lẫn đất cát sỏi đá, qua lò luyện ý chí người Quảng Bình rồi lại được tôi trong mỹ cảm thực và đẹp để trở thành các hình tượng nghệ thuật có sức ám ảnh lay động. NV&TP xin giới thiệu chùm truyện mới nhất của ông.

Sang sông

C hẳng biết trời xui đất khiến sao đó mà trong con đò khách đông nghìn nghịt này, thằng Cu Lé lại chiếm được một chỗ ngồi thoải mái trên tấm ván bắc ngang đầu khoang mũi. Bên phải nó là một cụ già hom hem, đầu râu tóc bạc. Bên trái nó là một người đàn bà tóc phi dê, mặt tròn xoe, đeo kính gọng vàng, đeo dây chuyền vàng, hoa tai vàng, và bế trên tay một bé gái chừng đầy tuổi tôi bụ bẫm, xinh xẻo hết ý. Cứ nhìn ánh mắt thiếu thiện cảm, đầy cảnh giác của

người đàn bà này mỗi bận chị ta liếc xéo qua bờ vai bên phải, đủ biết chị ta không thích ngồi gần Cu Lé tẹo nào. Về phần mình thì hoặc vì không tinh ý để nhận ra điều đó, hoặc vì lý do nào khác, mà Cu Lé cứ dịch sát dần vào chị ta. Nhưng hễ nó dịch gần được tí nào, thì chị ta lại dịch xa ra ngần ấy... Cuối cùng không còn chỗ để dịch ra được nữa, chị ta nguyệt Cu Lé một cái đến rách mắt:

- Này nhóc! Mày định làm tao chết ngạt bằng cái mùi cóc chết của mày, đấy hả?

Cu Lé bất giác mặt đỏ rần lên từng đám. Nó cầu rầu vài câu gì đó để chữa thẹn, rồi dịch nhanh về phía cụ già, và được cụ già vỗ vỗ lên vai về an ủi.

- Nhà cháu ở đâu? - Cụ hỏi

- Cháu không có nhà: - Cu Lé vẫn đáp.

- Thế bố mẹ?

- Cháu không có bố mẹ.

- Ai nuôi cháu? - Cụ già lại hỏi.

- Cháu tự nuôi cháu - Cu Lé vẫn đáp.

- Bằng cách nào?

- Ăn xin.

- Cháu không có anh em gì ư?

- Cháu chỉ có một đứa em gái. Nhưng nó chết rồi!

- Tội nhỉ? Chắc nó chết lúc còn rất bé?

- Bằng em nhỏ kia kia.

Cu Lé chỉ tay về phía đứa con gái của người đàn bà đeo kính gọng vàng, đúng lúc đó thì em bé nhoẻn miệng có hai chiếc răng sữa ra cười. Lập tức, Cu Lé bỏ rơi cụ già, tìm cách “chuyện trò” với em bé. Trước hết, Lé ta vừa bập ngón tay tách tách vừa đánh trống mõm trống trống làm cho em bé chú ý. Tiếp theo, Lé ta lật mí đôi mắt “nửa nheo nửa bấn” lên rồi thì nhau hấp háy và cái miệng có hai hàm răng “chín sáu ba không” chốc chành ra, chốc chúm lại. Cứ thế, Cu Lé làm cho em bé đầu thì vừa thích vừa sợ, rồi thích nhiều hơn sợ, cuối cùng thì thích thôi chứ không sợ nữa, và cười ré lên, Cu Lé cũng cười khoái trá. Thế rồi chẳng hiểu vô tình hay hữu ý, Cu Lé lại dịch dần về phía người đàn bà đeo kính gọng vàng. Thậm chí Lé lại còn xoa đầu, xoa cổ em bé, còn dám hôn lên cặp má phúng phính hồng hào của em bé mấy cái rõ dài.

- Trời ơi! Cái thằng khỉ đột này lại áp vào đây bao giờ thế hả? Xê ra! Xê ra! Xê ra ngay!

Lại một lần nữa, Lé ta bị tiếng kêu khét lẹt như tiếng cửa máy cắt vào thanh kim loại của người đàn bà đeo kính gọng vàng đánh bật về phía cụ già. Lần này tuy mặt vẫn đỏ rần lên từng đám, nhưng chú ta không cầu rầu để chữa thẹn như lần trước nữa.

Con đồ đã cắt qua sông Cái, và bắt đầu hếch cái mũi cong cong có cặp mắt tròn vôi trắng đã về phía một con lạch chạy giữa hai vạt rừng ngập mặn cây lá xanh um, dài ngút mắt. Đó đây, những đàn vịt đông đến trăm con len lách giữa những cây bần, cây sù lẩn bắt những con tôm, con rạm, chốc chốc chẳng rõ vì duyên cớ gì, chúng lại thì nhau đập cánh chạy nháo

nhác, kêu thất thanh.

- Trời ơi! Sợi dây chuyền vàng của con tôi mới đây, đã biến đi đâu mất thế này!

Lại tiếng kêu khét lẹt của người đàn bà đeo kính gọng vàng. Và trong lúc mọi người chưa kịp phản ứng gì, thì chị ta đã nhào mình về phía thằng Cu Lé với vẻ mặt đằng đằng sát khí:

- Mày, chính mày giả vờ đùa giỡn với con tao để dễ bề lột sợi dây chuyền! Muốn sống thì nôn ra, nôn ra ngay! - Chị ta tiếp tục tru tréo trong khi một tay bế con, một tay nắm chặt cái gáy gầy nhẳng của thằng Cu Lé làm nó đau đến méo mặt - Thế nào, mày định thi gan với tao đấy à? Muốn sống thì nôn sợi dây chuyền ra ngay đi. Bằng không, chỉ cần tao ới lên một tiếng là ông xã tao ngồi đầu khoang lái sẽ đến đây làm việc với mày. Nôn ra! Nôn ra ngay đi!

Nhìn vào Cu Lé lúc này người ta dễ liên tưởng đến một hòn đá phủ rêu xanh, vì nó ngồi bất động, mặt như chàm đỏ, miệng há hốc, mắt nhìn vô hồn. Những dáng vẻ rất không bình thường đó của Cu Lé dường như đã tố cáo nó với mọi người: đây là một tên trộm cắp bị bắt quả tang; khiến bà con xung quanh bắt đầu nhìn nó với ánh mắt hoặc khinh rẻ ghét bỏ, hoặc ngậm ngùi thương hại. Để tránh tình trạng “chuyện bé xé ra to”, một người góp một đôi câu khuyên Cu Lé trả lại sợi dây chuyền vàng cho chị kia. Khốn nỗi, mặc ai nói gì thì nói, Lé ta vẫn một mực lắc đầu từ chối dây đây: “Cháu không lấy... cháu không thấy sợi dây chuyền vàng nào trên cổ em bé cả”

- Bà con thấy chưa? Chỉ mới độ 14, 15 tuổi, nhưng chẳng phải là một thứ “nai vàng ngơ ngác” mà là loại cáo già chính hiệu đó - Người đàn bà đeo kính gọng vàng lại nói - Vô quýt dày có móng tay nhọn, xin bà con cho phép tôi gọi ông xã nhà tôi đến

đây làm việc với tên lưu manh này nhé. Anh Minh Quang ơi! Anh Minh Quang!

- Khoan! - Cụ già râu tóc bạc ngồi cạnh Cu Lé, đứng dậy xua tay
- Chật chội thế này mà chú Minh Quang nhà cô đến thì đứng vào đâu? Chi bằng bà con trong khoang ta tìm cách “thu xếp nội bộ” xem sao cái đã.

- Liệu cái cách “thu xếp nội bộ” ấy có bắt được thằng lỏi con kia nôn sợi dây chuyền ra cho tôi không? - Người đàn bà đeo kính gọng vàng quay ngoắt sang cụ già.

- Nếu nó lấy sợi dây chuyền của cô, thì dứt khoát chúng tôi bắt nó trả lại cho cô bằng được.

- Nó không lấy thì ai lấy! Cứ khám kỹ trong người nó khắc tìm ra!

Nghe nói đến “khám kỹ trong người”, Cu Lé bật dậy như cái lò xo, và lập tức nó bị anh thanh niên mặc áo chim cò, to như hộ pháp ngồi ngay phía sau lưng, ấn vai bắt ngồi xuống.

- Này nhóc! - Anh ta hài hước một cách nghiêm trang - Tao cho mày chọn một trong hai cách. Thứ nhất, mày tự nguyện trả lại sợi dây chuyền cho chị kia, và như thế bà con ở đây sẽ lượng cả bao dung và tha tội cho mày. Nhược bằng, mày ngoan cố không theo cách ấy, thì bắt buộc tao phải thay mặt bà con làm theo cách thứ hai. Nghĩa là tao sẽ khám xét, và nếu tìm thấy sợi dây chuyền trong người mày, thì liệu cái thần hồn, rõ chưa? Nào, thích cách nào thì chọn đi. Bây giờ tao đếm từ một đến ba, mà nếu mày chưa chọn thì tao chọn hộ mày đó.

Nhưng giả sử anh thanh niên này có đếm từ một đến nghìn, thì Cu Lé vẫn đứng trơ như đá, chứ nói gì đến ba.

- Cà cuống tới lúc chết dít vẫn còn cay! Vậy là tôi ra tay được rồi đó, bà con nhỉ? - Anh thanh niên bắt đầu công việc khám xét, bằng những động tác lộn ngược tất cả những cái túi áo, túi quần của Cu Lé ra trước mặt mọi người. Nhưng ngoài mấy viên bi ve, mấy lát khoai khô, mấy tờ giấy bạc loại năm trăm, một nghìn đồng nhàu nát, chẳng ai thấy thêm gì nữa cả. Tiếp đó, anh ta bảo Cu Lé cởi áo ra. Vì áo của Cu Lé không có một chiếc cúc nào, nên loáng một cái, Lé ta đã phô ra trước mặt mọi người một hình hài lép kẹp, nom như hình vẽ bộ khung xương trong sách khoa học thường thức.

- Giơ tay lên! Ngẩng cao đầu! Há to miệng! - Anh ta tiếp tục ra lệnh. Và nhất cử nhất động đều được Cu Lé tiến hành nghiêm chỉnh, nhưng anh ta chẳng tìm thêm được thứ gì. Cuối cùng anh ta quay sang người đàn bà đeo kính gọng vàng, cười thâm thúy:

- Theo tôi sợi dây chuyền vàng ấy chỉ là sản phẩm trong trí tưởng tượng của chị, chứ không có ngoài thực tế đâu ạ.

- Anh nói thế có ý bảo tôi đặt điều vu oan giá họa cho thằng nhóc này, phải không? - Người đàn bà nhìn anh thanh niên, lắc đầu ngao ngán - Lẽ ra các người không làm được thì đừng can thiệp vào để tôi gọi ông xã tôi đến làm việc với nó có hơn không? Anh Minh Quang ơi! Anh Minh Quang!

- Khoan - anh thanh niên cúi kính nói to như quát - thế chị còn nghĩ thằng bé giấu sợi dây chuyền vào đâu nữa hả?

- Nó có thể kẹp dưới háng, mà cũng có thể nhét vào lỗ dít, vì sợi dây chuyền có gì to tát đâu.

- Chị tin chắc thế ư? Nếu lại khám không thấy, thì chị tính sao?

- Thì cứ bắc kiềng lên lưng tôi mà nấu. Vì không có lí do gì mà trong vòng chưa đầy một tiếng đồng hồ kể từ khi chúng ta ngồi đợi đò phía bên kia đến giờ, mà sợi dây chuyển ba chỉ vàng trên cổ con gái tôi lại không có cánh mà bay biến đi đâu mất tăm mất tích vậy cả.

- Được! Tôi lại xin tiếp tục. Này nhóc.

“Không”! Bất thình lình, thằng Cu Lé hét to, vùng ra khỏi tay anh thanh niên, vọt lên mạn thuyền, định chạy về phía khoang lái.

- “Thằng ăn cắp”... “Bắt lấy nó”... “Không khéo nó ném sợi dây chuyển xuống nước để phi tang đó”... “Minh Quang ơi”...

Chẳng phải một mình người đàn bà đeo kính gọng vàng, mà hầu hết mọi người trong khoang mũi đều la hét đến vỡ ngực, vài người còn chen lấn cố đuổi bắt thằng Cu Lé. Rồi ở đầu khoang lái, Minh Quang, người chồng đáng kính của chị ta, một gã đàn ông râu quai nón, tóc xõa ngang vai, nhận ra tiếng kêu chưa loét quen thuộc của vợ, đứng phắt dậy, nhào người trên mũi thuyền.

- Cái gì? Mất sợi dây chuyển hả? - Anh ta quát như vỡ lệnh, và lập tức giơ hai quả đấm như hai trái vỏ đập đất về phía một đứa bé tóc bù xù màu lông bò, miệng dở khóc dở cười - Thằng lỏi này đây ư? Đồ vô hậu! Mà mà ném món đồ trang sức vô giá đó xuống nước thì tao rút xương!

Đáp lại lời nói đó của Minh Quang, thằng Cu Lé cuống quýt như con thú cùng đường. Nó kêu van, xin xỏ. Nó quay quắt nhìn trước ngó sau. Nó chấp chân chớ nhảy đánh ùm xuống sông, rồi nín hơi lặn xuống sâu, và khi nó nổi lên, thì con thuyền theo quán tính đã trườn đi một quãng chừng trăm

mét. Như đã lường trước được tình huống ấy, Minh Quang trút bỏ hết áo quần dài, rồi cũng ùm xuống nước, sải tay bơi đuổi theo.

Chẳng mấy chốc, anh ta đã nắm được gáy thằng Cu Lé.

- “Mới chừng này tuổi mà đã chán sống rồi hả?... Chán sống rồi hả?... Chán sống rồi hả?”

Sau mỗi chu kỳ “chán sống rồi hả”, Minh Quang lại giúi đầu thằng Cu Lé ngập chìm xuống nước, và dùng cùi trỏ hích cho nó một cú vẹo sườn. Kiểu tra khảo vô tiền khoáng hậu ấy được lặp đi lặp lại không dưới mười lần, và đến khi Minh Quang áp giải được Lé ta vào bờ, thì nó chỉ còn là một cái xác không hồn.

- Mà định giả vờ chết để ăn vạ tao phải không?

Cố nói cứng để trấn an tinh thần vậy thôi, chứ trong bụng, Minh Quang cũng đã lơ mờ nghĩ đến một vụ án mạng mà mình là thủ phạm. Giả sử vợ con không có ở dưới đò, chắc hẳn Minh Quang đã nghĩ đến chuyện cao chạy xa bay. Nhưng ở hoàn cảnh này thì Minh Quang tự biết, mình chỉ còn một cách là cố cứu chữa cho thằng bé để may ra được tai qua nạn khỏi. Anh bế ngửa Cu Lé lên vai cho chân cao hẳn hơn đầu, và chạy vòng quanh cái bãi cát nhỏ ven bờ hết vòng nọ tiếp vòng kia cho đến lúc nước trong mồm thằng bé ồng ọc tuôn ra bằng hết, mới dừng lại. Tiếp đó, Minh Quang đặt thằng bé nằm ngay ngắn trên cát rồi dùng cả tay, chân, miệng cùng thao tác một lúc để làm “hô hấp nhân tạo” cho nó. Vừa thao tác, Minh Quang vừa lầm rầm khấn khứa. Chẳng bù lúc này, anh ta vừa hành hạ thằng bé không tiếc tay, vừa xỉ vả nó không tiếc lời. Phức lớn cho cả nhà Minh Quang, là chỉ vài phút sau, thằng Cu Lé đã cử động chân tay, đã kêu ú ớ, rồi mở choàng đôi mắt. Minh Quang reo lên một tiếng rõ to, rồi ôm chầm lấy thằng bé,

khóc tức tuổi.

Con đò chở khách sang sông đã vào bến đợi. Không ai bảo ai, mọi người trên đò sau khi lên bờ, đều men theo những góc bần, gốc sù đi lùi về phía bãi cát có Cu Lé và Minh Quang đang nằm bên nhau.

- Thế nào? Hẳn thằng lưu manh này đã chịu nộp sợi dây chuyền ra trả lại cho chúng ta rồi chứ?

Cái chất giọng chua ngoa của người đàn bà đeo kính gọng vàng vừa phát ra quả là hoàn toàn không đúng lúc. Nó chẳng những chỉ làm cho người khác cảm thấy khó chịu không thôi, mà ngay cả chồng chị cũng ghét cay ghét đắng.

- Tốt nhất là cô câm mồm đi! - Anh ta càu rầu, ngẩng đầu nhìn lên, và bất giác trợn trừng - Này, đồ đĩ ngựa! Sợi dây chuyền vẫn còn trên cổ thế kia, sao lại bảo mất hả?

- Anh là đồ đĩ đực thì có! Tôi bảo là mất sợi dây chuyền của bé Thu Loan kia!

- Trời đất ơi! Hồn vía cô để đâu rồi thế?

- Sao cơ?

- Sao với trắng gì nữa! Chẳng phải lúc còn ngồi chờ đò ở bên bến kia, thấy trên cổ bé Thu Loan nổi mẩn đỏ rần rần từng đám, cô chẳng bảo tôi lột sợi dây chuyền ra rồi còn gì? - Anh chồng bất giác thở hổn hển, thọc tay vào túi áo ngực, lôi ra một sợi dây chuyền vàng chóa, gần như dí sát vào mũi vợ - Nó đây này! Mở to mắt ra mà nhìn!

“Chao ôi! Vậy mà thằng bé bị hành hạ đến thế”... “Quân điều toa!”... “Quân trời đánh thánh vật”... Cả đám đông phần nộ

thét la. Cả đám đông nhìn như muốn thiêu cháy người đàn bà đeo kính gọng vàng bằng mắt. Anh thanh niên mặc áo chim cò hăng hái khám xét thằng Cu Lé lúc này, rẽ đám đông sấn tới trước mặt chị ta.

- Tôi rất ân hận vì đã hùa theo một kẻ vô loài như chị để hành hạ một đứa trẻ vô tội. - Anh ta nói với giọng ào ào và vẻ môi vẻ khinh bỉ - Thế nào? Bây giờ thì tôi có thể bắc kiềng lên lưng chị mà nấu được rồi chứ?

- Xin lỗi, vì tôi nhầm! - Chị ta thản nhiên đáp - Vua chúa còn có khi nhầm, nữa là tôi!

- Ngộ nhỡ lúc này chồng chị dìm chết thằng bé dưới sông, thì bây giờ chị cũng chỉ nói “vì tôi nhầm” là xong chuyện thôi sao? - Anh thanh niên tiếp.

- Ôi chà! Bây giờ thì anh cao giọng buộc tội cho tôi vậy, chứ lúc này chính anh cũng đã nhầm đó thôi. Vì nếu không nhầm, sao anh hăng hái khám xét nó đến thế? Và tất cả bà con cũng vậy tất. Vì nếu không nhầm thì sao lúc này chẳng thấy ai phản đối việc khám xét thằng bé ấy tất cả. Phải không bác? Phải không chị? Phải không dì?...

Hỏi đến người nào chị ta đánh bộp lên vai người ấy một cái, và rất lấy làm lạ là ai nấy đều tán thành ý kiến chị ta. Thậm chí, mọi người còn nhất trí với lời đề nghị của chị ta: yêu cầu thằng Cu Lé đứng ra giải thích vì sao nó không có tật mà lại giật mình. Cụ thể, nó không ăn trộm sợi dây chuyền, thì sao lại quá run sợ khi bị người ta tình nghi. Đặc biệt, khi biết người ta sắp lột quần mình ra để khám xét, thì thằng bé đã liều mạng nhảy ùm xuống sông, mặc dù trình độ bơi lội của nó xem ra chẳng lấy gì “cao thủ” cho lắm. Nhưng thằng Cu Lé không còn nằm nguyên tại chỗ trên bãi cát như lúc này nữa.

Như mọi người đã biết, sau một trận chết giấc mất độ mười phút, Cu Lé lại được cứu sống. Đang ngơ ngác ngác chưa kịp định thần, thì cái sự kiện hàng mấy chục con người đi cùng thuyền lúc nãy, sau khi lên bờ, lại xấn quần lội đến bãi cát như đã nói trên, làm cho Cu Lé nghĩ đến chuyện họ quyết tâm bắt mình cởi quần để khám xét cho bằng được. Lợi dụng lúc ai nấy đều chú mục vào người đàn bà đeo kính gọng vàng, Lé ta rón rén rời khỏi bãi. Sau ba cú phi thân cật lực, Lé ta đã tiếp cận với cánh rừng ngập mặn... Từ đấy, chú bé tha hồ mà chui nhủi từ gốc cây này qua gốc cây khác, tha hồ mà lội ì oạp trong bùn trước khi đặt chân đến con kè ven làng La Hà để có thể nghỉ ngơi tí chút cho lại sức. Đang giữa ngày hè nóng như đổ lửa mà dừng chân lại sau một lũy tre lộng gió, bóng trùm mát rượi, thì Cu Lé đã để gù chủ động thời gian, Trong khi đó thì anh thanh niên mặc áo chim cò đã lần theo dấu chân chú để lại trong bùn mà ráo riết truy đuổi. Cuối cùng, sau một cú “hổ vồ mồi”, anh ta bế thốc Cu Lé lên vai, chạy băng băng về bãi cát ven sông, giao cho cụ già làng nhàngh đầu râu tóc bạc.

- Quái, sao cháu tôi cứ run cầm cập, mặt mày tái xanh tái xám thế này? - Cụ già nhìn anh thanh niên vẻ trách móc. - Chú chưa nói cho Cu Lé biết cái sợi dây chuyền ấy đã tìm ra rồi chứ gì?

Bất thành linh Cu Lé vùng ra khỏi vòng tay ôm của cụ già. Và như có phép lạ, sắc mặt nó chuyển từ tái xanh tái xám qua đỏ phùng phùng chỉ trong chốc lát:

- Sợi dây chuyền đã tìm ra rồi, sao các người còn bảo tôi ăn cắp?

- Không! - Cụ già luống cuống, tự dưng lại nói lấp - Giờ thì chẳng... chẳng ai bảo cháu... cháu là ăn cắp nữa đâu?

- Vậy sao các người không để tôi đi mà còn bắt lại? Các người ăn hiếp trẻ con đến thế mà không biết xấu hổ à?

Ai đã móc miệng cho Cu Lé mà nó nói được một câu khôn ngoan đến mức làm cho mọi người chung quanh đều cúi gằm mặt xuống đất thế không biết? Mãi hàng phút sau, cụ già mới ngẩng được đầu lên nhìn lại nó.

- Này cháu ơi! - Nhưng cụ vẫn tiếp tục lấp bắp - Thế có phải lúc... lúc nãy cháu... cháu kiên quyết không cho... cho mọi người... tuột quần ra để khám... khám xét là vì xấu... xấu hổ không đó?

- Thế mà còn hỏi!

- Sao cơ?

- Chẳng lẽ mọi người không còn biết tuột quần ra trước mặt đám đông là một việc đáng xấu hổ nữa hay sao?

Một lần nữa thằng bé gầy gò, đen đúa, ăn mặc lôi thôi lếch thếch ấy lại làm cho mọi người phải cúi gằm mặt xuống đất. Nhân khi chẳng ai để ý, Lé ta lại rón rén chuồn khỏi bãi cát, lại làm ba cú phi thân cật lực qua khỏi quãng trống để tha hồ chui nhủi trong cánh rừng ngập mặn. Rồi từ nơi xa ngoái đầu nhìn lại, Lé ta lấy làm ngạc nhiên vì chẳng thấy ai đuổi theo mình nữa cả.

Con ranh

Sau một giấc ngủ trưa kéo dài hai tiếng đồng hồ. Hoàng Anh thức dậy. Mụ rửa ráy. Mụ thay áo quần. Mụ soi gương, chải tóc, thoa phấn, bôi son. Mụ xịt nước hoa lên đầu, lên mặt, lên cả quần áo, cả bàn chân bàn tay. Thấy thế, ai cũng nghĩ mụ đi hát

karaoke, hoặc đi dự cuộc bình thơ ở câu lạc bộ nào đó. Nhưng mẹ lại theo lối sau ra vườn, đi thẳng đến một cái miếu thờ be bé, rất lộng lẫy, rất uy nghiêm, nằm phía sau khu vườn nhà mẹ. Đến nơi, mẹ thắp nến, đốt hương, vái lạy. Mẹ nói lầm rầm, nói đến đâu xuyết xoa đến đó. Đoạn, mẹ nhoài về phía pho tượng cẩm thạch to tướng đặt trên bệ thờ. Mẹ sửa lại áo, lại mũ, lại tất cho pho tượng. Mẹ đặt vô vàn chiếc hôn lên mặt, lên cổ, lên ngực, lên bụng pho tượng, và khóc nức nở.

- Tội nghiệp con tôi! Khổ thân con tôi! Có cách chi cho mẹ lại được nhìn thấy mặt con nữa không, Hồng Ngọc ơi là Hồng Ngọc ơi!

Tiếng khóc tỉ tỉ của mẹ hòa với tiếng lá khô rụng xào xạc trên các cây cam, cây bưởi, hòa với tiếng ve kêu rè rè trên các cây me, cây phượng làm cho bầu không khí buổi chiều tà trong khu vườn vốn dĩ quanh vắng, càng làm thêm thê lương ảm đạm. Nhưng dùng một cái, mẹ bật dậy như cái lò xo, nghiêng răng trèo trẹo:

- Trời ơi! Cút chuột! Cút chuột trên bệ thờ! – Và mẹ gào lên the thé – Con ranh đâu? Con ra...anh!

Một đứa bé gái rất khó đoán tuổi, có thể mới lên bảy lên tám, cũng có thể đã mười hai mười ba, tay chân khẳng khiu, mặt mày nhợt nhạt, đầu bù tóc rối như từ trên trời sa xuống đến trước mặt mẹ, nói năng lập bập: “Thưa mẹ, con biết tội rồi ạ... Biết tội rồi”. Và giữa những tiếng tru tréo, quát tháo của mẹ Hoàng Anh, “con ranh” cởi ngay chiếc áo cà tàng đang mặc dùng làm chổi, xua vội xua vàng những viên cứt chuột be bé, đen đen vương vãi bốn chung quanh pho tượng cẩm thạch.

- Thưa mẹ, xong rồi ạ.

- Xong thật chưa? – Mẹ Hoàng Anh nghiêng ngó rồi tiếp với giọng nanh nọc – Tao truyền đời cho mà biết nhé. Từ rày về sau, hễ còn nhìn thấy quanh chỗ ngồi của Hồng Ngọc Tiên Cô có viên cứt chuột nào, là tao bắt mày ăn ngay viên ấy, rõ chưa, con ranh? Rõ rồi ư? Được, lần này tao tha cho, nhưng mày phải tạ tội với Tiên Cô đi.

“Con ranh” mặc lại áo, cài cúc, vuốt tà cẩn thận. Nó tiến tới bệ thờ với vẻ mặt thành kính, chắp tay vái liền mấy vái.

- Trăm lạy Tiên Cô Hồng Ngọc, nghìn lạy Tiên Cô Hồng Ngọc! – Nó đọc liến thoắng cái bài khấn mà Mẹ Hoàng Anh mất khá nhiều công sức mới dạy được cho nó – Cháu là Lê Thị Lượm, hôm nay do chênh mảng đã để lũ chuột làm uestap nơi ngự của Tiên Cô. Đó là một trọng tội, xin Tiên Cô rộng lòng tha thứ, cháu hứa sẽ không bao giờ tái phạm. Trăm lạy Tiên Cô Hồng Ngọc, nghìn lạy Tiên Cô Hồng Ngọc!

Con bé vái lạy rồi đứng dịch ra một bên, lăm lét nhìn bà chủ như muốn hỏi: “Mẹ còn sai bảo gì cháu nữa không?”. Chờ mãi chẳng thấy bà ta sai bảo gì, con bé rón rén lên ra phía sau miếu, bứt ra gốc mít chơi đồ hàng một mình. Chợt có con mèo đen từ trên cây lộc vùng cạnh miếu nhảy xuống, đến cạ vào sau lưng bé Lượm.

- Miu Đen của chị đấy à? – Cô bé bỏ chơi đồ hàng, vồ lấy con mèo - Đói bụng lắm rồi phải không? Vậy thì về với chị lấy cơm với chả giò cho mà ăn.

Bé Lượm có một miếng chả giò thật, được cất dành từ chiều hôm qua, khi nó rửa mâm bát, do khách ăn thừa Nhưng Lượm chỉ ăn một nửa, nửa còn lại em cất cho Miu Đen ăn dần. Ở trong cái nhà rộng thênh thang này, bé Lượm chỉ có một mình Miu Đen để đánh bạn nên hai đứa lúc nào cũng quấn quýt

nhau như hình với bóng.

Nhớ lại đêm Trung thu vừa rồi, trong khi bọn trẻ ngoài phố đeo mặt nạ, vác đèn ông sao xếp hàng rồng rắn tỏa đi các ngã, thì cái Lượm bị mẹ chủ bắt phải ở nhà một mình. Đang buồn đến nẫu ruột, nó chợt nghe có tiếng kêu meo meo yếu ớt đâu đó phía ngoài kia, quăng kẻ cái ao rau muống rộng rinh của nhà hàng xóm. “Một con mèo con lạc mẹ”, Lượm ta tự nhủ, và cái tiếng kêu ngân ngật thiếu não như tiếng trẻ con khát sữa ấy tự dưng làm cô bé đứng ngồi không yên. Do vậy, mặc dầu lòng đã tự nhủ lòng không được đi ra ngoài kẻ mẹ chủ về bắt gặp thì no đòn, nhưng Lượm ta vẫn khuan hai chiếc ghế chồng lên nhau, trèo vượt tường như thường.

Đặt chân xuống đất, cô bé nhìn thấy một chú mèo ốm nhách, rụng gần hết lông, ngọ nguậy trong một hố rác kề mép nước. “Miu bị người ta vút xuống đây ư? Ôi, thương! Miu về với chị nhé”. Vừa nói, Lượm ta vừa nhặt chú mèo lên, luồn ngay vào nách áo, lại vượt tường vào nhà. Dĩ nhiên, việc đầu tiên của Lượm là nhen lửa sưởi ấm cho mèo, và làm cho mèo một cái ổ kín trong nhà bếp. Tiếp nữa, Lượm cho mèo ăn và không ngờ đó là một việc khó khăn cực kỳ. Đầu tiên em nhai cơm búng mớm cho mèo. Nhưng mỗi lần em đặt cái miệng căng phồng của mình kề bên miệng mèo, là con mèo lại lúc lắc cái đầu bé tí và cất lên những tiếng kêu gừ gừ để phản đối. Bí quá hóa liều, cái Lượm lén vào phòng bếp, mở tủ lạnh lấy ra bịch sữa tươi đem bón cho mèo, thì thấy nó liếm láp ngon lành. Thế rồi, từ chỗ mới tập liếm láp tí sữa nước, mèo ta tập ăn cơm búng, rồi ăn cơm thường. Được cái, mẹ Hoàng Anh bắt bé Lượm ăn riêng theo kiểu đầy tớ, nên em dễ dàng nhường phần cá, phần thịt ít ỏi của mình cho nó mà không sợ bị rầy la. Sau hai tuần tính từ khi được bé Lượm nhặt từ cái hố rác bên bờ ao mang về, con mèo từ chỗ nom chẳng khác chi một nùm giẻ rách

nhúng ướt, thế mà nay đã có một bộ lông đen mượt, một cặp mắt xanh như hai viên bi ve, và đặc biệt là có đôi tai lá mít biết động ngược lên mỗi bận nghe tiếng chuột kêu chít chít đầu đó...

- Con ranh! – Trong lúc bé Lượm đang tỉ mẩn cắt từng miếng chả bé tí đút cho Miu đen ở cái góc tối dưới chân cầu thang, thì mẹ Hoàng Anh lần đến, và lại quát tháo the thé – Mày điếc hay sao mà tao gọi mày không thưa hả?

- Dạ... dạ - Con Lượm là cà lập cập – Con... con không nghe ạ...

- Không nghe! Được tao sẽ có cách làm cho mày nghe. Ô kìa, mày giấu cái gì sau lưng vậy? Trời ơi! Một con mèo đen. Mèo đến thì khó, chó đến thì giàu. Mày báo hại nhà này như thế chưa đủ độ hay sao mà còn rước thú thổ tả ấy về nữa hả?

- Thưa mẹ... con con...

- Mày cho nó ăn cái gì đấy? Đưa đây coi! Chết tôi rồi! Con ranh dám cắt trộm chả giò cho cố nội nó ăn đây này. Báo hại! Bốp! Báo hại! Bốp!...

Mặc dầu bị đánh đến vêu cả môi, sưng cả mắt, cái Lượm chẳng hé răng kêu xin tiếng nào. Ấy thế nhưng đến lúc bị Hoàng Anh định giăng con mèo ra khỏi tay để “quạt vào tường một cái cho nó chết tươi đi”, thì cái Lượm gào lên như bị chọc tiết. Rồi nó lao vào mẹ với một sức mạnh không ngờ làm mẹ ngã sõng soài. Cú húc đó dĩ nhiên cũng làm cái Lượm bị đau. Đau một chút chẳng sao, chỉ cần Miu Đen thoát chết là được. Kể từ hôm đó, cái Lượm luôn canh chừng Hoàng Anh để mẹ khỏi nhìn thấy Miu Đen bất cứ lúc nào. Đồng thời Lượm cũng dành thức ăn cho mèo nhiều hơn, tắm rửa cho nó thường xuyên hơn, và chẳng mấy nó đã thành một “thanh niên mèo” ngực nở, bụng

thon, có bước đi, bước nhảy dẻo mềm rất ra dáng con nhà võ. Từ bấy đối với lũ chuột, Miu Đen là một thứ thần chết. Trong ngôi nhà ba tầng rộng rinh chuột nhiều như châu chấu luôn quấy rầy giấc ngủ của chủ nhà, chẳng mấy mà lập lại được trật tự. Nay cả khu vườn bốn sào đất với các thứ hoa thơm quả ngọt luôn bị chuột cắn phá; ngay cả miếng Hồng Ngọc Tiên Cô luôn bị chuột vào ăn vụng đồ thờ cúng, cũng được Miu Đen ngày đêm canh giữ, khiến cho lũ gặm nhấm lén lút kia không còn chỗ dung thân. Bằng công lao đóng góp to lớn đó, dần dần Miu Đen đã chiếm được cảm tình của Hoàng Anh. Đến nay, chẳng những chủ đã quên hẳn cái câu “mèo đến thì khó, chó đến thì giàu” mà chủ đã nhiều lần cho Miu Đen ăn thịt cá; hơn thế gặp ai, hẳn có dịp là chủ đem cái tài “bắt chuột như thần” của Miu Đen ra khoe một cách say sưa hiếm thấy.

Một bận, có bà vợ của “xếp cốp” nọ đến chơi nhà, dĩ nhiên Hoàng Anh không bỏ lỡ dịp may để tán tụng con mèo tinh khôn “nhất Trung kỳ, nhì cả nước” của mình.

- Nó là loại mèo đen tuyển hả chị? – Bà vợ “xếp cốp” cắt ngang lời gia chủ – Có đúng là đen tuyển không? Trời! Vậy chị bán cho em nhé?

- Nhà chị cũng nhiều chuột lắm à?

- Không phải để bắt chuột, mà để làm thuốc – Bà vợ “xếp cốp” hỏi tiếp – Chẳng là... ông xã nhà tôi mắc chứng hen suyễn, đã đi hết bệnh viện này qua bệnh viện khác vẫn không khỏi. Gần đây, báo Khoa học và đời sống đã đăng tin: Nhà bác học gì đó ở bên Nhật nghiên cứu thấy bệnh hen suyễn có thể chữa lành bằng thịt mèo đen. Và phải là đen chính hãng cơ. Từ bấy đến giờ, em cất công lùng mua, nhưng hóa ra mèo đen hiếm vô cùng. chị bán con mèo này cho em nhé? Tiền bạc

không thành vấn đề.

- Ấy chết! Tính mạng anh ấy là tài sản quốc gia, lẽ nào em lại...
- Mụ Hoàng Anh cười xun xoe - Được, nếu thế em sẽ bảo con sen nhà em bắt ngay con mèo ấy cho chị mang về luôn thể. Lượm đâu? Lượm đâu rồi nhỉ?

Cái Lượm đã đứng sau lưng bà chủ từ bao giờ, và mặt đang méo xệch đi vì đã nghe thủng câu chuyện.

- Này Lượm! - Đã lâu lắm chủ mới gọi con bé bằng tên thật
- Mày bắt con Miu Đen đem cho bác đây ngay, rồi mợ cho tiền ăn kẹo.

- Con không ăn kẹo – Cái Lượm nuốt nước bọt ừng ực – Mợ... mợ này... nếu mợ bán Miu Đen đi, thì lấy chi để bắt chuột quanh miếng... Tiên Cô?

- Cháu yên trí – Bà khách chen ngang – Ngày mai bác sẽ đến lại cho cháu một con mèo tam thể bắt chuột chẳng kém tài Miu Đen nhà cháu đâu.

- Nhưng cháu không đổi Miu Đen để lấy con nào khác cả. Vì Miu Đen ăn với cháu, ngủ với cháu, trò chuyện với cháu. Miu Đen đi rồi thì lấy ai làm bạn với cháu trong nhà này, bác ơi!

- À, bác còn cho cháu thêm một bộ áo quần mới nữa – Bà khách tiếp.

- Không! Cháu mặc thế này cũng được.

- À, con ranh con này hỗn láo gớm nhỉ! – Mụ Hoàng Anh lập tức nổi đóa – Mày có chịu đi gọi Miu Đen về không thì bảo. A, con mèo về kia rồi. Meo... meo...

Con Mĩu Đen đã khờ khạo đi đâu về một cách không đúng lúc. Đường như linh tính đã mách bảo cho nó biết có cái gì không ổn đến với mình, nên nó không vào hẳn trong phòng cà râu lên chân cái Lượm để xin ăn như mọi bận, mà dừng lại ngoài cửa, đảo mắt hết nhìn mẹ chủ đến bà khách lạ.

- Gọi nó vào mà tóm cổ ngay đi, con ranh! – Kìa, nhanh lên! Nhanh lên kẻo nó nhảy ra ngoài vườn bây giờ!

Trước những lời hối thúc khẩn khoản đó của mẹ chủ, cái Lượm gạt nước mắt đứng dậy, tiến về phía con mèo, giơ tay làm động tác “bông rua”. Nhưng khi nó cất cao bàn chân trước lên, thì cái Lượm không bắt tay thân thiện, mà cho nó một cú cốc lên đầu, quát:

- Cút ngay! Muốn sống thì đừng có bén mảng đến cái nhà này nữa, rõ chưa?

- A, đồ phản phúc! – Mẹ chủ nắm ngay đầu tóc vàng lông bò của cái Lượm giật giật – Mày có gọi con mèo trở lại không thì bảo?

Cái Lượm chẳng những không gọi, mà còn cầm chiếc cốc uống nước ném vào đầu con mèo cho nó nhảy lên cửa sổ, chuồn ra sau vườn.

- A, con bé này láo! Thuận tay mẹ chủ cho cái Lượm một cái tát lạng cả người, rồi nhảy bổ về phía con mèo. Nhanh như chớp, cái Lượm nhào vào ôm lấy chân mẹ. Tức khi, mẹ tương cho con bé vô số cú đập vào ngực, vào bụng, rồi vào mặt làm cho nó chết giấc...

*

Mới bảnh mắt, mẹ Hoàng Anh đã đập cửa nhà bếp thành thịch, và giẫm chân tru tréo. Hồi lâu, chẳng thấy động tĩnh, mẹ xô cửa nhào vào. Mẹ đảo mắt nhìn từ cái giường xếp đặt bên vách cho đến mọi xó xỉnh tối mò mò trong bếp mà chẳng thấy lái Lượm đâu. Tức khi, mẹ vừa đi vừa đá lũ soong nổi, chậu, rổ rá... nằm chổng chơ từ cửa sau ra vườn, và ngạc nhiên khi thấy mấy cây hương cháy dở trong miếu Hồng Ngọc Tiên Cô. Mẹ càng ngạc nhiên hơn nữa khi hai chiếc ghế chổng lên nhau cạnh mé tường đập vào mặt mẹ. “Chắc chắn con ranh đã ôm mèo trốn khỏi nhà mất rồi”. Mẹ phán đoán. Mẹ thét lác lảo đầy tớ già trong nhà phải đi bắt con Lượm với con Mĩu Đen về bằng được, không thì mẹ đuổi việc. Lão đầy tớ già vâng dạ rối rít, nhưng phải đến xế chiều lão mới quay về báo cho mẹ chủ biết là cái Lượm với đầu trần chân đất đã bế con mèo đi ra bờ sông từ sáng sớm, rồi lên một chiếc Com-măng-ca đi đâu ra miệt Thượng Đà.

- Vậy là cái con ranh còn nhớ đường về với con mẹ nhà quê của nó trên La Phù cơ đấy. Trời! Nó mà làm sống mất con mèo dọc đường thì chết tôi! Nay ông Mọ – Mẹ quay ngoắt về phía người đầy tớ già - Ông vào gọi điện đến hang tắc xi, bảo họ đúng sáu giờ sáng mai đưa đến cho tôi một chiếc tắc xi nhé.

Cái “con mẹ nhà quê” mà mẹ Hoàng Anh nói đây chính là cô giáo trưởng làng đã nghỉ mất sức Ninh Thị Hoàng Yến, và mĩa mai thay, cũng chính là người chị ruột của mẹ.

Mồ côi cả cha lẫn mẹ từ khi còn ẵm ngửa, Hoàng Anh còn may là có một người chị đủ khôn lớn, biết quên mình cho em út. Nhờ thế, Hoàng Anh mới khỏi chết non, chết yếu, mới khỏi lang thang đầu đường xó chợ, hoặc phải làm con nuôi, con nhặt nhà này, nhà nọ. Chẳng những thế, Hoàng Anh còn được học hành khỏi phải thua em kém chị.

Phải công nhận rằng, Hoàng Anh là một cô gái có nhan sắc. Từ độ tuổi trắng tròn, cô đã làm cho bao nhiêu chàng trai mất ăn mất ngủ. Và suốt thời gian học ở Cao đẳng sư phạm, Hoàng Anh thay người yêu như người ta thay áo khoác. Đàn đúm với lũ trai tân lắm đâm chán, sau ngày tốt nghiệp ra trường, Hoàng Anh chuyên trị làm bồ nhí của mấy lão “xếp cốp”, tuổi tác không những chỉ bằng cha, mà còn bằng ông cô ta. Nhờ thế, dầu chẳng kinh doanh, tham những gì, Hoàng Anh cũng có nhà lầu xe hơi, dầu chẳng quyền cao chức trọng gì, cô ta cũng có thể thàng trước Hồng Kông, thàng sau Băng Cốc. Một lời nói của cô ta cũng có trọng lượng gấp trăm lần lời nói của các giáo sư tiến sĩ già đời nhưng nghèo rớt mồng tơi.

Cứ tưởng “mãi trắng hoa chẳng đoái hoài xuân thu”, nhưng chớm đến tuổi ba lăm, Hoàng Anh lại khát khao có một mái ấm gia đình. Khốn thay, với hạng phụ nữ như mụ, thì cánh đàn ông dù là trai lơ đến mấy, người ta cũng chỉ cần dùng để giải trí, chứ ai chịu rước về làm vợ! Tức khí, mụ lại quay về với việc ăn chơi xả láng. Mụ lại chữa hoang. Từ làng quê xa xôi nhận được tin đó, bà chị ruột nhào ngay ra thành phố chỉ với mục đích là khuyên cô em gái đừng phá thai. (Theo lời một bác sĩ sản khoa vốn là bạn thân của bà Hoàng Yến, thì trong vòng mười lăm năm trở lại đây, Hoàng Anh đã vào bệnh viện phá thai đến chục lần, kể cả những cái thai đã sáu, bảy tháng). Lần này, Hoàng Anh đã nghe theo lời bà Hoàng Yến. Được bà chị ruột ở rốn lại một thời gian để an ủi, động viên, chăm sóc, mụ Hoàng Anh đã sinh nở được mẹ tròn con vuông. Mụ đặt tên cho đứa con gái mới sinh là Hồng Ngọc. Mụ lấy việc bế ẵm, hôn hít, cho con bú, thêu thùa, may vá cho con làm niềm vui, và những câu chuyện buồn cười liên quan với đứa bé mới lọt lòng đã là đề tài bất tận để mụ đem ra kể với người khác. Thấy vậy, bà Hoàng Yến rất hài lòng, đã có lần buột miệng la lên: “Hóa ra dì cũng biết làm mẹ đấy chứ”, “Có vàng vàng nở hay

phô, có con con nói trăm trổ mẹ nghe”. Hoàng Anh đáp lại câu nói trên của chị bằng cách ngê nga ngâm ngợi, rồi cười tít mắt.

Giá không có việc gì đặc biệt xảy ra, chắc Hoàng Anh đã hoàn toàn thỏa mãn với hạnh phúc nhỏ bé đó của mình. Nhưng chẳng biết số kiếp thế nào mà đường đời của mụ lại gặp một lối rẽ.

Đầu đuôi thế này. Đúng mười hôm sau ngày ăn mừng chẵn tháng của cháu bé Hồng Ngọc, Hoài Việt, một trong những người “tình cũ lý tưởng” thời sinh viên của Hoàng Anh bấy lâu đi xuất khẩu lao động sang Đức, về quê. Ông này có dáng cao lớn đường bệ, và nghe đâu đang làm chủ một doanh nghiệp kéch sù ở thành phố Tơ-re-vơ nào đó. Hoài Việt tìm đến Hoàng Anh đúng vào lúc mụ đang là gái một con trông mòn con mắt. Bạn cũ không rủ cũng lại. Hoài Việt đặt thẳng vấn đề muốn cưới Hoàng Anh làm vợ để đưa sang Đức quản lý cơ nghiệp cho ông, nhưng phải với một điều kiện: “Hoàng Anh chỉ sang Đức một mình”. Hoàn cảnh éo le đã bắt người đàn bà này phải chọn một trong hai con đường: Đi với ông Hoài Việt thì không có bé Hồng Ngọc, nếu giữ bằng được bé Hồng Ngọc thì vĩnh viễn chia tay với ông Hoài Việt. Hoàng Anh đã chọn con đường thứ nhất. Trong một đêm mưa dầm gió bắc, Hoàng Anh bọc đứa bé vào cái vỏ chăn hoa, rồi một tay bế con, một tay xách chiếc túi du lịch phồng căng, mụ đi một mạch đến cái lều cỏ giữa cánh đồng phía bắc thành phố. Mụ cho con bú thật no, áp con ngủ thật say, rồi đặt nó và cái túi vào giữa đồng cỏ trong lều. Trước lúc chia tay với đứa con dứt ruột đẻ ra, Hoàng Anh đã nhỏ khá nhiều nước mắt. Nhưng cũng chỉ đến thế, sau đó mụ đã le te chạy theo “người tình lý tưởng” của mình một cách hoan hỷ. Sau đó nữa, mụ theo Hoài Việt sang Đức và nghiễm nhiên trở thành chủ nhân của một sản nghiệp lớn.

Nhưng sự đời vốn có luật bù trừ. Ở nơi đất khách quê người ngôn ngữ bất đồng chẳng biết chuyện trò bầu bạn cùng ai, Hoàng Anh lại khao khát có một đứa con để bế ẵm, nâng niu. Khốn nỗi trong khi sắp qua tuổi sinh nở mà hết năm này đến năm khác mẹ vẫn chẳng thai nghén gì. Thất vọng về đường con cái, mẹ bắt đầu tin chuyện nhảm nhí. Mẹ thường chiêm bao thấy bé Hồng Ngọc hiện về đòi mẹ trả lại mạng sống cho nó. Đến đây thì sự giàu sang xa hoa đài các đối với mẹ đã trở thành vô nghĩa. Mẹ dùng dùng đòi hồi hương, và tuyên bố thẳng thừng, nếu ông Hoài Việt không nghe thì mẹ sẵn sàng ly dị...

Về nước tuần trước thì tuần sau Hoàng Anh cất công săn lùng tung tích bé Hồng Ngọc. Mẹ lấy làm lạ là khắp vùng quanh ngoại ô chẳng một ai biết gì về câu chuyện có liên quan đến đứa bé gái mới hơn tháng tuổi bị bỏ rơi trong cái lều cỏ cách đây sáu năm vào một đêm mưa dầm gió bắc ấy cả. Hoàng Anh bèn đi xem bói, thấy bói phán: Đứa bé ấy đã mất, và nếu mẹ không làm hình nhân thế mạng cho nó, chia của cải cho nó, thì mẹ sẽ bị nó báo oán suốt đời. Tin vào lời thầy bói, mẹ tậu đất, lập vườn. Song song với việc xây cất một tòa lầu nguy nga lộng lẫy, mẹ cho xây một điện thờ xinh xắn đặt tên là: "Hồng Ngọc Tiên Cô chi miếu". Mẹ thân hành vào Đà Nẵng, thuê một người thợ đá dưới chân núi Non Nước, căn cứ vào tấm ảnh của bé Hồng Ngọc chụp ngày chẵn tháng mà làm một pho tượng cẩm thạch bằng một đứa trẻ sơ sinh. Hoàng Anh không ngờ pho tượng kia lại giống với đứa con tội nghiệp của mình đến thế. Giống đến nỗi, lúc nhìn thấy nó lần đầu tiên, Hoàng Anh òa khóc. Mẹ liền mở hầu bao trả cho nhà điêu khắc tài hoa nọ một số tiền tương đương với hai cây vàng. Rước pho tượng về nhà, trước khi đặt lên bệ thờ, Hoàng Anh tự tay đan thêu cho nó nào mũ, nào áo, nào tất, nào giày giống hệt những thứ cách đây sáu năm mẹ từng sắm sửa cho bé Hồng Ngọc. Từ bấy, loại

trừ trường hợp đặc biệt, còn thì ngày nào Hoàng Anh cũng ra miếu Hồng Ngọc Tiên Cô vài lần để thắp hương khấn khứa, để khóc lóc van xin, để hôn hít cái pho tượng cẩm thạch kia.

Đúng vào thời kỳ này thì người chị ruột của Hoàng Anh đến thành phố chơi với em gái. Bà thấy ngay Hoàng Anh có cuộc sống vật chất quá sung mãn, nhưng cuộc sống tinh thần thì quá thiếu thốn đến rợn người. Bà khuyên em nên nuôi một đứa con nuôi. Bà còn gợi ý, con gái út của bà năm nay lên sáu, nếu Hoàng Anh thấy vừa ý thì bà cho luôn mà nuôi. Đứa bé gái ấy chính là bé Lượm. Tuy con nhà nghèo nhưng da dẻ em lại trắng như trứng gà bóc, cặp má bánh đúc đỏ au như hai quả đào chín. Đặc biệt, em có cặp mắt to tròn, sáng long lanh, lúc nào cũng như đang ẩn giấu một nụ cười tinh nghịch làm ai nấy đều thấy thích thú khi được trò chuyện với em. Đón được cái Lượm đến ở với mình, Hoàng Anh cảm thấy ngôi nhà ba tầng với khu vườn rộng rinh hoang vắng lạnh lẽo này chợt trở nên có sinh khí. Có nó, cuộc sống của mẹ thanh thản hơn. Mẹ ăn ngon miệng hơn. Mẹ ngủ đầy giấc hơn. Mẹ nhanh chóng lấy lại vẻ vui tươi trẻ trung thuở nào. Rõ ràng cái Lượm đã có đầy đủ lý do để mẹ Hoàng Anh yêu như con đẻ. Mẹ mua sắm cho nó đủ quần áo, giày mũ tất tiền. Mẹ nói với nó toàn những lời dịu dàng, nhỏ nhẹ. Có điều hơi lạ là mẹ không cho cái Lượm đi học, và hầu như không cho nó ra khỏi khuôn viên bốn bức tường quanh khu vườn. Ngày lại ngày, cái Lượm chỉ biết đánh bạn với pho tượng Hồng Ngọc Tiên Cô, với những chậu hoa cây cảnh, cả với những con cóc cụ quanh nhà tắm. Dĩ nhiên là nó nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ các anh, các chị, nhớ bạn bè cùng trang lứa đánh chắt đánh chuyền, cùng ra đồng bắt con tép con cua. Nhớ quá nó khóc đứng khóc ngồi. Nó đòi mẹ Hoàng Anh trả nó về cho mẹ đẻ. Không được, nó cố tỏ ra bướng bỉnh để mẹ chán nó, đuổi nó ra khỏi nhà.

Rất dễ nhận biết là mẹ Hoàng Anh không thuộc hạng người có thiên chức làm mẹ. Mẹ nuôi cái Lượm là để cho vui của vui nhà. Trước đây một thời gian nó có làm cho vui của vui nhà lên thật, nên mẹ thương yêu chiều chuộng nó. Dần dần nó tự biến mình thành cái gai trước mắt mẹ, thì mẹ cũng có cách làm cho nó biết thế nào là lễ độ chứ! Mẹ thu tất cả những thứ áo quần, giày dép đắt tiền trước đây mẹ mua sắm cho nó, bỏ cả vào tủ. Mẹ bắt nó ngủ riêng một mình trong nhà bếp. Mẹ bắt nó ăn riêng toàn những thứ cơm thừa canh cặn. Mẹ lại bắt nó phải làm hầu hết những công việc vặt vãnh như quét nhà, giặt giũ, vun xới, tưới tắm cây cối trong vườn, và trông nom miếng Hồng Ngọc Tiên Cô lúc nào cũng được ngăn nắp sạch sẽ. Với ngần ấy công việc thì rõ ràng suốt ngày cái Lượm phải luôn chân luôn tay. Đã thế, hề thấy nó làm điều gì trái ý một chút là mẹ tru tréo chửi bới, mẹ thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Vậy là mới từ quan hệ mẹ con, mẹ Hoàng Anh đã chuyển qua quan hệ chủ tớ với cái Lượm lúc nào không biết.

*

Khó mà diễn tả hết niềm vui của bà Hoàng Yến khi bà nhìn thấy em gái mình ăn mặc sang trọng, từ trên một chiếc tắc xi bóng lộn bước xuống đất.

- Ở dì Lượm đã về... Đi một mình thôi à, sao không cho cái Lượm về chơi một thể? À, mà nó còn bận học...

Bà nói líu ríu. Bà xắc xở đi múc nước đổ vào cái chậu thau cho em gái rửa mặt. Bà le te ra sau vườn vặt dăm quả quýt, mười quả ổi cho em gái "lót dạ". Bà oang oang mách với mấy người hàng xóm đang lấp ló sau rặng chè mạn hảo rằng, em gái mình ở thành phố mới về chơi.

Bà đang vui như mở cờ trong bụng, thì mẹ Hoàng Anh mặt lại

khó khăn. "Con ranh lạc mất rồi! Và nó ngủ cách đêm ở một nơi nào đó, thì con mèo đen tuyền vô giá kia sẽ không lọt qua mắt của bọn trộm đầu!" Mẹ nghĩ vậy và thấy đau nhói liên tục hai bên mạng sườn.

- May thật cơ! – Bà Hoàng Yến lại nói – Tôi đang định ra thành phố gặp dì để trao đổi việc quan trọng thì dì đã về.

- Việc gì thế chị? – Hoàng Anh uể oải hỏi.

- Việc về mối liên hệ giữa dì với cháu Lượm ấy mà... Này, dì ở lại đây chơi với chị vài hôm đã chứ?

- Ồ, không, không. Nhân có việc đi qua, em ghé thăm chị một lúc, rồi phải về. Còn cái việc quan trọng của chị ấy mà, nếu tiện thì nói quách đi, nếu chưa tiện thì hôm khác vậy.

- Phải nói ngay, vì tháng sau thằng cháu cả đã đón chị qua Đức ở hẳn bên ấy, thì biết bao giờ về mà nói. Vậy dì ngồi đây mà ăn các thứ đi, để chị vào lấy cái này, rồi ta bắt đầu vào câu chuyện nhé.

Bà Hoàng Yến bước vào buồng. Vài phút sau bà trở ra với một chiếc hòm gỗ khệ nệ trước bụng. Bà mở khóa hòm. Bà lật nắp. Bà tay trở miệng nói, nom bà lúc này thật nghiêm trang đồng dạc, khác xa với cái vẻ dè dặt, hơi mặc cảm với thân phận nghèo khó của mình như thường ngày.

- Dì nhận ra những nét chữ, nét vẽ này chứ?

- Ờ... ờ – Hoàng Anh thoáng thấy những chữ "Hồng Ngọc", những con bướm, đóa hoa do chính tay mình thêu trên những chiếc tã lót cách đây ngần ấy năm, mà nghe như có một luồng điện chạy dọc sống lưng.

- Với những chiếc gối tai bèo, những chiếc tất, chiếc mũ này cũng có dấu tích thù thù của dì, dì nhận ra chứ?

- Ờ... ờ có có – Khó nhọc lắm Hoàng Anh mới mở được miệng – Máy thứ ấy... chính tay em đã gói ghém nhét vào túi du lịch để mang theo... trong cái đêm em... em...

- Trong cái đêm dì đem bé Hồng Ngọc bỏ vào lều cỏ phải không? Bà Hoàng Yến cắt ngang lời em gái, và móc túi áo giơ ra trước mặt Hoàng Anh một mảnh giấy đã ố vàng – Chắc dì nhớ lá thư dì viết để gửi cho người nào mang bé Hồng Ngọc về nuôi làm phúc này chứ? Nó được bỏ cùng chiếc phong bì với năm trăm nghìn đồng bạc buộc ngang bụng bé Hồng Ngọc ấy mà. Ồ, sao mặt dì lại tái xanh tái xám đi thế kia.

Mụ Hoàng Anh thở hổn hển:

- Em nhớ... Em nhớ tất cả, không... có gì quên... hết đâu. Nhưng tại sao những thứ ấy bây giờ còn có cả ở đây? Thế còn bé Hồng Ngọc? Con em chết rồi hay còn sống?

- Nó chưa chết đâu.

- Nghĩa là nó còn sống? Lạy trời lạy phật! Có đúng thế không chị? Đúng thế không? Đúng thế không? – Mụ Hoàng Anh nói mấy tiếng ấy theo nguyên tắc “to dần đều”, và ôm lấy bờ vai bà chị ruột mà lắc lắc - Đúng thế ạ? Trời ơi! Thế hôm đó ai đã nhặt cháu về mà cứu mang đùm bọc vậy? Nhưng cái hôm em mang cháu ra bỏ ngoài đồng thì chị về quê kia mà?

- Đúng, hồi dì ở cũ cháu Hồng Ngọc, tôi chỉ đến giúp dì đúng một tháng. Nhưng mới trở về quê được dăm hôm thì bụng tôi nóng như lửa đốt, rồi trời xui đất khiến thế nào tôi lại nhào lên thành phố đúng vào lúc dì bế con xách túi đi ra ngoại ô

đó...

- Thế sao lúc đó chị không can em ạ? à, hiểu rồi, hiểu rồi. Hẳn chị nghĩ, nó đã không có thiên chức làm mẹ, thì can lần này nó lại mang con đi vứt lần khác, chi bằng... Ôi, thế là con của em còn sống! Bây giờ cháu ở đâu chị? – Mụ Hoàng Anh lại nắm vai bà chị, lắc lắc – Cháu đâu? Sao chị không cho cháu về lại với em?

- Thì tôi đã cho nó về lại với dì cách đây bốn năm đó thôi.

- Thế nào? – Mụ Hoàng Anh giật nảy mình – Vậy nó ở đâu? Chẳng lẽ... nó lại... là... cái Lượm?

- Hồng Ngọc với cái Lượm là một chứ sao nữa! Ô kìa, hình như dì chưa tin lắm, đúng không? Đây, dì có thể xem tập ảnh tôi chụp cho nó từ hồi lên một đến năm lên sáu đây này. Thấy chưa? Có phải cùng một khuôn mặt con bé Hồng Ngọc cả đó không nào?

- Đúng rồi! Đúng là bé Hồng Ngọc thật rồi. Hèn chi... hồi nào... ai cũng bảo... cái Lượm với em giống nhau như lột! Hồng Ngọc ơi! Hóa ra bấy lâu nay con vẫn ở bên mẹ bằng xương bằng thịt để thờ phụng cho pho tượng của chính con.

- Thế cũng được. Còn bây giờ thì về mà phá bỏ cái miếu thờ bậy bạ ấy đi!

- Còn bây giờ?... Còn bây giờ thì... Ôi! Hồng Ngọc ơi! Lượm ơi!

Đang như người bị hụt hơi, mụ Hoàng Anh bất giác gào lên, vùng ra khỏi vòng tay ôm của bà chị ruột, mà vừa chạy vừa gọi tên con như một người hóa dại.

THƠ TRIỀU VÂN

MÙA HOA CẢI

Sang bên kia sông Đuống
Tìm lại lá Diêu bông
Chợt cánh đồng hoa cải
Vàng rộm cả triền sông
Vấn vương câu hát cũ
Hoa cải đi một thời
Cuối thu về trải thảm
Ngút ngát lưng lửng trời
Phác thảo màu hạnh phúc
Lời yêu chỉ khép hờ
Đừng về trời hoa cải
Rau răm buồn bơ vơ
Thời gian trọ trên tóc
Nụ hôn ngân ngấn môi

Chớm đông mùa hoa cải
Mở lời yêu lúa đôi
Sương giăng màn ngang sông
Chân ngập ngừng lối cũ
Dùng dằng miễn quan họ
Giữa mong manh sắc vàn

NHÀNH LỤC BÁT

Tặng anh lục bát một nhành
Cây nhà trồng được mong anh nhận dùm
Quê nghèo tâm gửi rạ rơm
Đốt đồng hủ hủ khoai thơm nghĩa tình
Đêm mơ tu hủ gọi mình
Ngục trong mưa lũ mưu sinh tháng ngày
Trâu nằm bồm bẻm nhớ cày
Gốc đa già nhớ khuyết gày trăng treo
Xóm làng nay đã bớt nghèo
Rặng tre, bến nước bay theo mây trời
Ngậm dòng nồn lúa đâu rồi?
Sân gôn cấm khẩu những lời ca dao

*Em tôi bước thấp bước cao
Bấm hờ khuy áo lạc vào phố trưa
Mẹ già hôm sớm ngẩn ngơ
Cái ngày xưa ấy bây giờ nơi đâu?
Một nhành lục bát tặng nhau
Mong anh vun xới mai sau... may còn.*

MÙA TRÚT LÁ

*Giao mùa
Chầm chậm lá bay
Lang thang lạc quán cóc
Lặng im – Hà Nội thu về
Mùa trút lá dịu dàng hơn
Sương giăng, hồ lìm dìm ngủ
Bằng lăng trụi trần của số
Mặc trăm tim tím ngái xa
Sầu rụng
Lá thảm hè
Heo may lạnh vai thiếu phụ
Hàng rong phố cũ*

*Dọc đêm se thắt lá rơi
Có mùa thu còn mãi trong tôi
Nắng vương từng ô cỏ
Se se chiều trở gió
Đỏ lá bàng Hà Nội đổ vào thu...*

THƠ NGUYỄN ĐÌNH ÁNH

CHỢ QUÊ

Chợ quê

ồn ã góc làng

Quán không bưng vách,

gánh hàng đơn sơ

Bà bán hàng-

tóc bạc phơ

Bán như không có ý chờ

người mua

Người che nón

ăn riêu cua

Người túm tụm

chuyện xóm chùa, xóm trong

Chuyện ruộng đất,

chuyện tiền nong

Chuyện chờ giải tỏa,

lo không chỗ cày

Chuyện mùa mướp đặng,

ớt cay

Chuyện rau ra chợ

mớ gầy, mớ non

Chợ quê nghèo

bé cỡn con

Tháng năm dầu dãi

mỏi mòn truân chuyên

Xế trưa

chợ cũng hết phiên

Làng quê

lẳng tiếng bạc tiền xôn xao.

06/4/2012

ĐÊM TÂY NGUYÊN

Đêm Tây nguyên

rừng bạt ngàn xa thẳm
tiếng mang tác
vất ngang sườn núi vắng
Những đàn voi cống đêm
lìm dim chờ ngày mới.
Những con suối
cần cù gửi nước về xuôi
Những chàng trai Ê đê lưng trần
cuồn cuộn tuổi đôi mươi
vỗ tiếng công âm vang cổ tích
Những cô gái má nhuộm mặt trời
thổi ngọn lửa bập bùng huyền thoại
Hừng hực vũ điệu hoang sơ.
Uông Bí, 28/4/2011

GIỌT XƯA

Ánh mắt nào quen quen
Đen thẳm thời xưa cũ
Sâu thẳm trời lam lũ

Rơi vào thu nhật thừa.
Có phải gió cản mưa
Mây che bớt ngọn nắng
Hay giọt xưa hết đắng
Cho trời thu nao nao.
Thu đầy với hạnh hao
Hoàng hôn mờ sương muối
Mộng bờ mi tiếc nuối
Giọt xưa chìm hoang sơ.
13/3/2012

THƠ THÁI HẢI



NHẬT BÓNG AI RƠI VẢI DƯỚI LÒNG SÔNG

Gió lạc mùa

mùi ngâu xa ngái

loang lổ bóng trưa

Không nhận ra ai chẳng ai nhận ra mình

rặng tre bờ đê xác xơ trắng lạnh

*cái màu trắng phủ dày dòng sông phủ lên mái
lá*

trắng như ngày ra đi mỗi người một ngã

Nụ hôn thay lời nguyện

thiếu phụ xanh nổi nhớ

đàn ông - đàn ông - đàn ông

không về - không về - không về

Làng không chống khung cửa méo

bao ý nghĩ đục ngầu vào ra tự do

ảnh người yêu tổ tò vò che kín

bốn mươi năm thẳng lính bạn tôi nhìn

Những đứa con không cha

những người đàn ông thèm khát đàn bà

tắm gội nước mắt

Nhật bóng ai rơi vải dưới lòng sông

nấp ba lô gom nỗi đau dĩ vãng...

SAO GƯƠM

Biển thức

mây chạm trở Thăng Long tút mút trùng khơi

*chòng chành những ngôi nhà LỚN - NHỎ -
CHÌM - NỔI- SINH TỒN- SƠN CA...*

*CỘT MỐC THIÊNG LIÊNG ngôi sao sáng rực
lưỡi gươm*

chạm lý qua cầu xanh non dải yếm
cầu quan họ
dùng dăng
khúc nam bằng núi Ngự
chạm hò dô sông Mã - Nhật Lệ - Cửu Long
chạm gấm vóc đất trời biển đảo núi sông
hồng tươi Tổ Quốc
Gió nâng cánh mận mòi long lanh ruộng
đồng mắt đảo
cây Bàng Vương vương vít trời cao
ngực trần phong ba nghiêm ngắc đứng chào
gió luồn hầm pháo mỗi tác đất chiến hào
thắm máu ông cha
gió qua nòng súng đậu vai người lính xa nhà
dõi nhìn tám hướng trùng dương
đảo chẳng còn hoang vu
ấm áp hơi người
gió lặn vào đá thâm nâu
lặn vào cát thâm nâu
lặn vào da thâm nâu

hào phóng vỗ về nhịp điệu trái tim yêu
Nắng cười ngọn sóng nhấp nhô
Nắng leo lên đảo cát phỏ hạt tròn
Bên người cát trắng sắt son
Người trong cát nước non còn nghìn năm
Ở đây cát vĩnh ta nằm
Ở đây nắng tựa ánh rằm ngày đêm
Ở đây cát chín lưng thêm
Ở đây nắng nướng dịu mềm mực thơm
Cát cười trắng cả mâm cơm
Nắng cong đũa trúc người đơm không đành
Cát không ngôi thứ em anh
Nắng vô tư rót chẳng dành riêng ai
Đảo xa mây trắng nắng vàng
Cánh chim mất hút sau làn sóng xô
Mưa rơi e ấp gõ cửa lại đi hết như con gái
Mưa sa động đánh không ướt hàng mi
Bão dữ sóng thần rừng rừng đảo nhỏ
Đá tung cát lấp nhà nghiêng đêm lật

Bản nhạc sông nước ghi ta một dây
Bên nhau cùng hát lời ca dâng đầy
Thư nhà chung đọc rúc rích lính cười
Thơ khắc vách đá phập phồng sóng yêu
Hoàng Sa Trường Sa - Biển trời lồng gió
Đảo con thuyền nhỏ - Lính là mỏ neo
Biển Đông - Biển Đông - Biển Đông
San hô nhuộm máu
Những linh hồn bất tử không màu thắm
thắm khúc tráng ca
Chắc nịch chủ quyền
"Nam quốc sơn hà ..."
Lời cổ xưa linh thiêng ngàn đời ru biển đảo
Như ngôi sao
Cột mốc
Sáng rực gương thể...
XÓM CHÀI
Dấu chân còng đôn sóng
vỏ hến vỏ ngao lẫn lóc cát vàng

cong vênh thuyền câu úp xác bãi ngang
bạn vác chèo vượt động xương rồng trăm tuổi
Mất mùa thừa đói thiếu no
mùi tanh tôm hùm bỏ làng lên phố
chó mèo khóc
khổ chủ vô mộng chủi tục
Mất cá được tổ tôm
đàn bà trải chiếu quên chợ
đàn ông rượu lậu số đề
con nít dán cánh diều mơ ước
Một chân cắm sâu trong cát
đồng đội ôm đàn tình tang.

THƠ ĐỖ MINH DƯƠNG



Giọt buồn

Có nỗi buồn

như dao cứa ruột.

ngủ mất

trời mây trắng buổi

cúi đầu

mặt đất lặng im

âm thầm chảy

vào tim

từng giọt

từng giọt

đắng cay

tủi hờn

chua xót

Người chia,

buồn không vơi bớt

người thương,

buồn càng buồn thêm

giọt buồn

lã chã

đong đầy

cốc đêm!

Đưa Mẹ về quê

Kính viếng hương hồn Mẹ

...Có ai như thể Mẹ ta

Nhớ thương con đã liều ra chiến trường (*)

Theo con suốt mọi nẻo đường

Cửa nhà một gánh tha hương nhọc nhằn

Người ta chồng vợ áo khăn
Mẹ thì lam lũ tiện tần vì con
Người ta của lạ vật ngon
Mẹ thì cơm dẻo, cà dòn là vui
Xa quê mấy chục năm rồi
Khôn nguôi thửa ruộng cát bồi vồng khoai
Nhớ trưa cát bỏng làng chài
Đôi chân phồng rộp, đôi vai tím bầm
Nhớ mùa gió bắc mưa thâm
Ao tơi, nón lá, chân dầm ruộng sâu
Buồn vui trộn cối giã trầu
Nỗi niềm vẩn chút khăn đầu nhà quê...
Bàng hoàng nghe Mẹ tử tế :
“Mẹ đi, đưa Mẹ về quê quán nhà...!”
Bây giờ vượt chặng đường xa
Đưa Mẹ về với ông bà, quê hương
Đắng cay nghìn nỗi – Dặm trường
Khóc sao với được tình thương Mẹ già !
Đồng Nai – Thanh Hoá-12-2005

(*): Năm 1972, bắt chấp đạn bom ác liệt mẹ một mình lặn lội vào chiến trường Quảng Trị để tìm thăm con trai là Đỗ Minh Thu đang chiến đấu tại đây.

Bỗng đứng lại buồn
Bỗng đứng lại héo, lại buồn
Làm sao biết rõ ngọn nguồn từ đâu?
Giữa lòng một dải sông sâu
Không dò, không bến, không cầu bắc qua
Em giờ đã mãi cách xa
Cớ chi còn bắc sang ta nỗi buồn ?
Trời không chớp bể mưa nguồn
Lối nào giá lạnh chảy luồn vào tim
Mưa buồn ướt sũng trời đêm
Nghĩ tình duyên ấy càng thêm náo lòng!
Con thuyền ở ngã ba sông
Không tình, không nhớ, không trông đợi gì
Dừng đứng nhìn gió cuốn đi
Hoa tàn, lá rụng...Can chi đến mình?
Em chìm vào cõi lặng thinh

Không vương vấn một chút tình phiêu
diêu

Thì quên anh nhé, em yêu

Như quên rắng đỏ trong chiều hoàng hôn...

THƠ ĐOÀN VĂN THANH



VỚI BÙN

Đội bùn, lọc nước

Sen nở một mùa hương tinh khiết

Tôi mới hiểu vì sao

Cây lúa sinh ra gạo dẻo, gạo thơm

Tôi mới hiểu vì sao

Mẹ tôi lại nuôi tôi khôn lớn nhường này

Sen, lúa, mẹ tôi

Suốt đời tắm trong bùn !

Tôi mới hiểu vì sao

Phật ngồi tòa sen lại vững

NHỮNG DẤU CHÂN

Tự xóa

Những dấu chân

Sau mỗi bước đi...

Yêu ghét, buồn vui, sướng khổ

Đắng cay, chua chát, ngọt bùi

Niềm kiêu hãnh

Và cả sự hèn kém...

Không còn dấu vết

Cơ thể pha lê

Một ngày

Lòng sáng như nắng

Soi vào gương trong

Bỗng nhận ra

Mặt mình

Chẳng dễ gì tự xóa !

VỮNG NƯỚC

Không chọn được con đường

Con đường chọn tôi làm vũng nước

Mỗi lần xe tràn qua

Tôi thót bụng

Hắn thêm số phận

Biết làm sao

Bởi những bánh xe kia

Cũng lặn đận suốt cuộc đời !

Một hôm

Có người đàn bà

Chân trần lội vào tôi

Bỗng lung linh

Lưu giữ!

Ngày đẹp trời

Tôi ngửa mặt

Đỉnh núi cười vào tôi

Đám mây cười vào tôi

Trời cứ cao vọi vọi!

Một ngày cạn

Tôi hóa thành đám mây

Mang theo hình người đàn bà

Bay lên đỉnh núi!

THƠ ĐOÀN VĂN THANH



VỚI BÙN

Đội bùn, lọc nước

Sen nở một mùa hương tinh khiết

Tôi mới hiểu vì sao

Cây lúa sinh ra gạo dẻo, gạo thơm

Tôi mới hiểu vì sao

Mẹ tôi lại nuôi tôi khôn lớn nhường này

Sen, lúa, mẹ tôi

Suốt đời tắm trong bùn !

Tôi mới hiểu vì sao

Phật ngồi tòa sen lại vững

NHỮNG DẤU CHÂN

Tự xóa

Những dấu chân

Sau mỗi bước đi...

Yêu ghét, buồn vui, sướng khổ

Đắng cay, chua chát, ngọt bùi

Niềm kiêu hãnh

Và cả sự hèn kém...

Không còn dấu vết

Cơ thể pha lê

Một ngày

Lòng sáng như nắng

Soi vào gương trong

Bỗng nhận ra

Mặt mình

Chẳng dễ gì tự xóa !

VỮNG NƯỚC

Không chọn được con đường

Con đường chọn tôi làm vũng nước

Mỗi lần xe trần qua

Tôi thót bụng

Hắn thêm số phận

Biết làm sao

Bởi những bánh xe kia

Cũng lận đận suốt cuộc đời !

Một hôm

Có người đàn bà

Chân trần lội vào tôi

Bồng lưng linh

Lưu giữ!

Ngày đẹp trời

Tôi ngửa mặt

Đỉnh núi cười vào tôi

Đám mây cười vào tôi

Trời cứ cao vời vọi!

Một ngày cạn

Tôi hóa thành đám mây

Mang theo hình người đàn bà

Bay lên đỉnh núi!

THƠ LAN HOÀNG MIÊN



NGƯỜI THOÁNG HIỆN

Mệt mỏi, đau ốm, thất vọng
Tôi đóng kín ngôi nhà của mình
Như con ốc
náu trong lớp vỏ
Tránh xa mọi sự ô nhiễm.
Bỗng có tiếng chim gù vọng đến

Gọi thức một miền đất bình yên.
Bầu trời cao rộng màu thanh thiên
Vòm cây muốt xanh
Ủ ngọn khói thơm mùi thảo quả
Ánh dương nồng ấm
Vàng trắng vàng ươm trước sân nhà.
Mọi dòng sông vẫn đổ về biển cả.
Hoa vẫn nở đẹp xinh mọi nẻo.
Và người
thoáng hiện
Mở toang cánh cửa ngôi nhà lặng im.

ĐỪNG BƯỚC VÀO THẾ GIỚI CỦA EM

Đừng bước vào thế giới của em
Nếu không cảm nhận được niềm hoan lạc
trào dâng
của dòng nhựa chảy
dưới lớp vỏ xù xì nứt nẻ
mỗi độ xuân về

Đừng bước vào thế giới của em
Khi chưa nhận ra hương vị nồng say
của những loài thảo mộc
trong từng centimet không khí
Đừng bước vào thế giới của em
Nếu không nghe được lời thì thầm yêu
thương
và nỗi đau
không thể diễn tả của nhịp đập con tim.
Đừng bước vào thế giới của em
Nếu không cảm nhận được
khát vọng mãnh liệt của sự dâng tặng.

HÃY CHỈ CHO EM MỘT DẤU HIỆU

Em chẳng biết đi đâu, làm gì
Chán nản mệt mỏi
khi không có anh.
Xin hãy chỉ cho em một dấu hiệu.
Kìa đại dương xanh thẳm

Nơi mọi người tụ tập reo hò bơi lội và lướt
sóng

Thích thú đắm mình trong nước hay phơi
nắng trên bãi cát

Rồi xây cất những lâu đài trong chốc lát

Lẽ nào anh ở trong số họ?

Kia là vùng núi cao

Rừng bị tàn phá như tấm áo choàng rách
nát

Những hang động không còn vẻ linh
thiêng huyền bí

Bởi vô số những tấm bảng chỉ đường và
đèn điện giăng mắc

Làm thế nào em nhận ra anh?

Thành phố ồn ào

Mùi các món nhậu và những lời nói dối

Bốc lên tận mây xanh

Sao em biết được anh đang ở nơi nào?

THƠ TRẦN HƯNG

NGỰA ĐÁ SANG SÔNG

Bao giờ ngựa đá sang sông

Để anh bán hết ruộng đồng sang theo

Vợ con xe máy một đèo

Quần bò cú choãi chân chèo phố đông

Bao giờ ngựa đá sang sông

Lênh đênh bia đá tượng đồng ra xa

Ta mò nước đục tìm ta

Bãi bồi tuổi Ngọ đến là long đong

Nỗn nà sang với rêu phong

Cỏ hoa đã sọ bên hông ngựa thồ./.

XE ÔM CA

Nhá nhem cho chí sớm mai

Cuốc cày nửa gánh, gia tài một xe

Sông ngang núi dọc bộn bề

Tuổi trâu tuổi ngựa đi về là ai

Ta đang thở ngắn than dài

Mình còn bớt một thêm hai làm gì

Phong phanh xuân tím môi chì

Có về Gia Lộc, Tú Kỳ không em

Về đâu má lúm đồng tiền

Xe ôm vừa rể vừa hiền vừa nhanh

Thôi thôi mắt chó tròng trành

Kéo chìm cả vợ con anh ở nhà

Mình ngồi một chuyến cùng ta

Sao đường càng chạy càng xa thế này

Năm trơn tháng xóc ngày lầy

Đời như đất cát bắn đầy áo mưa

Phải cơm phải áo thì đưa

Biết đâu gian dối mà chừa cả tin

Lùi ra dịch lại đi mình

Để ta chất nốt nhân tình lên xe

ĐIỀU CÂY QUÂN NET

Điều xinh hử rồn cả ngày

Tim phân khối lớn, máu đầy on-line

Phiêu phiêu nóng nóng dài dài

Vĩa hè miễn phí một vài gót cao,

Đời ơi, cho một thuốc Lào

Bạn Liêu trai chat rì rào ngón tay

À quên, ta nợ điều cà

Một đường lông ngỗng một cây tre ngà.

THƠ TRẦN LAN VINH

LẠT GIÓ

Cha ngồi

Đong nắng

Mẹ ngồi

Đong mưa

Bà ngồi

Bó dưa

Bằng cây

Lạt gió

Ông đang

Lọ mọ

Đó đăng

Trên trời

Sông ngân

Trở người

Được con

Cá rói

Tiếng cười

Tiếng nói

Tận ngoài

Đồng mây

Khéo chân

Khéo tay

Chẳng bằng

Khéo miệng

RU MÙA BẬP BÊNH

Chiều ru gió ngủ

Gió ngủ lưu không

Ru mây lỏng tổng

Ru ngồng cải bẹ

Ru nắng lá hẹ

Cho mẹ hái bông
Ru vung nổi đồng
Đá chân con sáo
Ru giông ru bão
Đừng lật đổ thuyền
Ru chuyện hảo huyền
Ru thuyền mát mái
Ru chèo ru lái
Ru cái nét na
Ru gió la đà
Theo chân con sít
Ru nổi hạt mít
Lục bực suốt đêm
Ru cái quan tiền
Nó liền cạp váy
Ru cơn gió cái
Dắt con quay về
Ru ba bốn bề
Chấn che cho chắc

Ru đêm lục lạc
Ru đường cái quan
Ru vó ngựa hoang
Đóng hàm gió đại
Ru củ khoai ráy
Ru chiều chênh vênh
Ru con ghẹ lột
Ru đêm gập ghềnh
Ru thuận ru hòa
Ru hoa đu đủ
Bi bô giọng trẻ
Ru mùa bập bênh
CHI CHI CHÀNH CHÀNH
Chi chi chành chành
Nhanh tay nhanh mắt
Củ khoai nảy lộc
Đặt nằm trong nôi
Tay ai dính vôi
Đội nổi làm ốc

Đứng ngồi đóng cọc
Nhìn nhau mà cười
Chỉ có thể thôi
Mà vui đáo để
Ngả chiều nắng lẻ
Rủ nhau về nhà
Chi chi chành chành
Mở tay cho khéo
Đóng tay cho dẻo
Ngón hồng thênh thênh
Bạn nào nhanh chân
Kéo tai làm thỏ
Bạn nào chậm chạp
Úp lưng làm rùa
Được được thua thua
Tiếng cười rộn rã
Nào ai thắng cả
Được bông móng rồng

THƠ NGUYỄN THẾ VINH

CÂY BUỘC NGỰA

Đôi vầng soi tầng cổ thụ ()*

Cỏ hoa chen buổi vườn Kiều

Gió xanh còn reo lục lạc

Lối cây chẳng vắng dập dìu...

Học phong sáng trời Nghệ Tĩnh

Bút đầm mực - mực, châu - son

Tể tướng, quận công đâu hết

Câu Kiều ngàn vọng nước non

Tháo cởi thói đời danh lợi

Bóng nào buộc được văn nhân

Bụi trần quần theo vó ngựa

Đài thơ phát đỉnh mây vùn...

Miền Trung cuối năm 2013

() Cụ Nguyễn Quỳnh (ông nội nhà thơ Nguyễn Du) trồng ba cây trong vườn, mong con cháu đỗ đạt về quê có chỗ buộc ngựa gần 300 năm cây vẫn sống...*

VĂN TRÌNH

Tưởng niệm 60 năm ngày nhà văn, liệt sỹ
Nam Cao hy sinh (1951- 2011)

Nhớ linh xưa

Thuở ấu thơ đi học trường làng

Bài khai tâm - thương tình cha nghĩa mẹ

Làng xóm tiêu điều

Con chim bóng lẻ

Nguồn nước sông Châu

Khỏa hương vườn mẹ

Vạt chuối, giàn trâu xanh những ước mơ

Chuông chiều vọng đâu yên bình xứ sở

Dệt vải lành vẫn rách đói quanh năm

Hoa trái đầy vườn đâu thơm ngày giỗ tết

Hỡi ơi !

Vật lạ, miếng ngon cung phụng chốn đình
chung

Nào lý cùng cai, nào gã trưởng tuần

Cướp ruộng, đoạn vườn kỳ kỳ sưu thuế

Phu mỏ, đồn điền thương đau xiết kể

Làng nước ơi ! Xơ xác miền quê

Giáo cùng Lương quân bách trảm bề

Kiếp lắm than của người dân mất nước

Kìa !

Lò gạch hoang, nơi sinh một Chí Phèo

Lão Hạc hồi ! cùng "Cậu Vàng" nhỏ lệ

Đôi lúa kia sao chẳng xứng đôi

Bát cháo nương nhau mong đời lương thiện

Trang sách trình làng nức nở đau thương

Tan tác, lìa đàn kiếp sống tha hương

Vợ đại, con thơ một đàn nheo nhóc

Làm báo, viết văn, kiếm nghề dạy học

Vẫn Sống mòn lắm lũ mưu sinh

Nhật ký ở rừng sông suối thôn xao

Nhớ vợ, thương con nơi làng kháng chiến

Khu Bốn, khu Ba quê nào ông đến

Mãi nhớ nhà văn vóc hạc, kiệm lời

Than ôi !

Đêm ấy sương giăng, sông lạnh tháng Mười

Lịch đứng lại trùng đêm nguyệt tận !

Ông nằm xuống giữa trang đời kháng chiến

Cùng bao liệt sỹ vô danh, nghĩa trang Gia
Viễn

Khép lại thanh xuân 36 tuổi đời...

Còn canh cánh đứa con chưa tường mặt

Còn dở dang bao trang đời nước mắt

Còn lỗi hẹn cố hương ngày gặp mặt

Để tiếc để thương bao đồng chí, bạn bè

Thương ôi !

Người khuất đời trang sách còn kia

Làng văn nghệ vắng người huynh trưởng

Con dại mất cha, vợ trẻ biệt chồng

*Uống nước nhớ nguồn đạo lý cha ông
Rước đón linh về quê hương bản quán
Tưởng niệm - nhà xây, mộ phần chu đáo
Thắp nén nhang trầm thơm thảo tình thâm
Cõi vĩnh hằng người hân an lòng
Khi thấy quê nhà ngày thêm hưng thịnh
Khi biết đàn con giờ đã nên người
Trước tác nhà văn để lại cho đời
Con đường mang tên, mái trường trẻ học
Người dẫn dắt danh tài không mất
Một đời văn trường cứu với sơn hà ...*

Hà Nam ngày 30 - 11 - 2011

Nguyễn Thế Vinh

Phụng soạn

Bù nhìn

Canh ruộng vườn

luôn phe phẩy tay rơm

không sợ kẻ đêm ngày rình rập

Khi lúa quay ngang
khi vùng giẫm đất
khi...
Tứ thời hỗn nhiên vậy
tay không chấp tuốt
không mưu danh tráo trở lẽ đời
không thay tên đổi họ
Dù vẫn thế
cũng không thành kẻ khác

THƠ NGUYỆT VŨ

Lời hoa cỏ...

Chiều sông em đứng ngắm gió trải trên
cánh đồng
Và nhớ thế, biết không?
rầm rì lời hoa cỏ...

Này, gửi vào trong gió chút nồng nàn men
môi
Này, gửi vào mây trời hương thơm xuân ...
mềm ấm

Này, gửi vào tiếng sấm rằng em, em yêu
anh
Ơi ngọn gió mát lành
Gửi anh cho em nhé!

Đừng ...

Đừng ...
ném sỏi
xuống mặt hồ tĩnh lặng
Trái tim tôi chưa yên ổn bao giờ

Đừng thổi sáo một mình trên đồng vắng
Tôi

đứa trẻ mục đồng ...vốn đã rất ngần ngại

Đừng xáo trộn ...
hoàng hôn bằng bếp lửa
Cuối ngày day dứt cháy khôn nguôi

Đừng...
nói với Em
bằng giọng nói bồi hồi.
Em chẳng chịu được đâu lao đến bên anh
mà nức nở...

Chiều muộn

Em rải bước đơn côi
Ngơ ngác trước chiều đã muộn
Xào xạc lá vàng,
đêm rơi xuống
ngày bình yên.

Ký ức xa rồi, ngoan nhé ...trái tim
Mong manh quá như chưa hề đổ vỡ
Ở nơi nào khung trời bên cửa sổ
Ngày bỗng bình yên

Bài hát bình yên
Trái tim bình yên
Con đường bình yên

Em giấu anh vào tóc đêm
Lơ đãng đếm bước chân mình trên phố
Chẳng nhớ nổi bao nhiêu bước nữa
Anh

bồng bênh ...
trong em !

NHÀ VĂN NGHỀ VĂN: CHUYỆN ÍT BIẾT VỀ GIA ĐÌNH TÁC GIẢ “CỬA MỞ” GÂY CHẤN ĐỘNG MỘT THỜI

Dương Kỳ Anh

Hôm kỷ niệm 50 năm thành lập Hội Nhà văn Việt Nam tại cung văn hóa Hữu Nghị, tan buổi, tôi đứng chờ xe tắc xi để về nhà thì gặp nhà thơ Việt Phương, ông bảo “Dương Kỳ Anh ơi, lên đây cùng về với mình”.

Buổi đầu, tôi cứ tưởng xe cơ quan đón ông, nhưng khi tôi lên xe ô tô mới biết đó là xe riêng của con trai ông. Thấy phong thái con trai ông lễ phép, thân tình và cởi mở, tự nhiên tôi muốn đến thăm gia đình ông, gia đình của một nhà thơ từng gây chấn động dư luận với tập thơ “Cửa mở”.

Nhà thơ Việt Phương họ Trần, Trần Việt Phương, tên thực của ông là Trần Quang Huy. Năm ông 17 tuổi, tham gia hoạt động bí mật chống thực dân Pháp, bị bắt, bị giam với một người bạn tù cũng xấp xỉ tuổi ông. Hai người ở hai xà lim nhưng cũng

thường trao đổi với nhau. Lúc đó ông có bí danh là Việt Phương và người bạn tù lại lấy tên ông là Trần Quang Huy làm bí danh. Sau này người bạn tù đó trở thành bộ trưởng Trần Quang Huy (Tên thực là Vũ Đắc Huê).

Ông có hai người con trai là Trần Trung Thực sinh năm 1956 và Trần Quang Huy sinh năm 1960. Là ông lấy tên khai sinh của mình đặt tên cho con. Ông kể rằng, trong hộ khẩu của ông có hai tên Trần Quang Huy nên dạo còn bao cấp mỗi lần đi mua gạo mua dầu ...người ta vặn hỏi ông, ông nói vui rằng nhà tôi có Trần Quang Huy 3 lít dầu và Trần Quang Huy 1/5 lít dầu (người lớn được mua 3 lít, trẻ con 1/5 lít).

Nhà thơ Việt Phương sinh năm 1928, đậu tú tài thời Pháp thuộc. Ông là trợ lý của Thủ tướng Phạm Văn Đồng mấy chục năm. Đã ở tuổi 86 mà trông ông như mới ngoài 70. Ông kể nhiều chuyện vui và hài hước. Chuyện ông dạy con thật khác người mà tôi sẽ kể ở phần sau.

Vợ ông, bà Trần Tú Lan năm nay 80 tuổi, từng là cô giáo với nhiều học trò nổi tiếng như Dương Trung Quốc, Chu Hảo ...Bà kể chuyện con trai đầu của ông bà là Trần Trung Thực nhiều lần được ăn cơm cùng Bác Hồ “Có lần, Bác gấp cho cháu Thực một miếng táo, nó cứ nhìn miếng táo để trong bát...chắc thấy lạ vì Bác Hồ thường ăn táo sau khi đã hấp chín ...Bác cũng hay cho cháu Thực sách để đọc. Một lần cháu Thực cầm cuốn sách lên thưa với Bác là cuốn này cháu đã đọc rồi ạ. Bác bảo: Cháu thật thà thế là tốt. Rồi Bác đi tìm cuốn sách khác đưa cho Thực...”. Về sau Thực học chuyên toán, được giải nhì Kỳ thi học sinh giỏi Thành phố Hà Nội. Bây giờ Trần Trung Thực là vụ trưởng làm việc ở bộ Công Thương sau nhiều năm làm tham tán công sứ ở cộng đồng châu Âu.

Nhà thơ Việt Phương đã có ba cháu nội, cháu đích tôn của ông mang tên ông là Trần Việt Phương năm nay 30 tuổi, tốt nghiệp thạc sỹ tại Anh quốc.

“ Mở đài dịch như mở toang cánh cửa” “ Ta nhất quyết đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thủy Sỹ / hình như đây là niềm tin, ý chí và tự hào / Mượng tượng rằng trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ / sự ngây thơ đẹp tuyệt vời và ngờ nghệch làm sao” “Ta đã thấy những chỗ lõm lồi trên mặt trăng sao / Những vết bunn trên tận đỉnh chín tầng cao” ... Những câu thơ từng gây chấn động dư luận một thời mà bây giờ tôi mới biết nó được trích từ bài thơ “ Cuộc đời yêu như vợ của ta ơi”, một trong những bài trong tập thơ “ Cửa mở” của nhà thơ Việt Phương do nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1970. Vào những năm 70 mà viết những câu thơ như thế, tôi thực sự khâm phục ông vô cùng.

Thời đó tôi còn là sinh viên khoa văn, chúng tôi chỉ đọc thầm cho nhau nghe, người này truyền qua người khác chứ thực tình tôi chưa nhìn thấy tập thơ “Cửa mở” bao giờ.

Tôi hỏi ông rằng, dạo đó người ta đồn thổi nhiều chuyện như ông bị cách chức, các con ông cũng bị “ vạ lây” ...có đúng không ? Ông cười, lắc đầu “ Không có chuyện đó đâu”. Ông nói, tập “Cửa mở” năm đó in 5200 bản, chỉ trong vài tuần là hết “Anh Huy Cận bảo tôi chỉ còn vài chục cuốn người ta giữ lại thôi”. Rất nhiều người khen, cũng nhiều người phê phán, có một nhà thơ là cán bộ cao cấp nói trong một cuộc họp “Phủ thủ tướng có một kẻ điên làm thơ”.

Vợ ông, bà Trần Tú Lan khẳng định “ Các con chúng tôi không làm sao cả”. Rồi bà kể : Tôi có đến gặp thủ tướng Phạm Văn Đồng, thủ tướng tưởng tôi đến có chuyện gì đó liên quan tới

các con vì ông biết tôi rất chăm con. Tôi nói: Thưa chú, cháu đến vì tập thơ “Cửa mở”. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói “Phương có đem cho mình xem đâu”. Tôi bảo: Tập thơ “ Cửa mở” hay đấy chứ ạ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng bảo tôi “Thơ Phương thì Tú Lan khen hay là phải rồi”.

Nhà thơ Việt Phương đưa cho tôi bản thảo một bài thơ của ông, có chữ viết tay của nhà thơ Tố Hữu chữa hai câu thơ của ông, “Nhưng tôi không chịu” - ông nói. Nhiều lần, ông đưa một số bài thơ mới làm cho các đồng chí Trường Chinh, Tố Hữu đọc “Các anh ấy góp ý rất chân tình. Có lần Bác Hồ còn sửa thơ cho tôi” – ông kể.

Trong lúc vợ ông đang lục tìm những tấm ảnh của các con lúc còn bé, nhà thơ Việt Phương đến giá sách lấy 3 tập thơ tặng tôi trong đó có tập “Cửa mở” cũng do nhà xuất bản Văn học in lại năm 2009.

Tập thơ “Nắng” và tập “Lan” (Lấy tên vợ ông làm tên tập thơ) đều in năm 2013, một sức làm việc đáng kính nể.

“Đời đang đón đợi để đong đầy”, tôi đang đọc câu thơ của ông in ngoài bìa tập thơ “Nắng” thì có tiếng chuông điện thoại, cậu con trai thứ hai Trần Quang Huy hiện đang là phó tổng giám đốc ngân hàng (MHB), người đã lái xe đón ông hôm tôi đi nhờ, gọi điện về nói sẽ đưa xe ô tô đến đón bố mẹ đi viếng đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Tôi tạm biệt nhà thơ Việt Phương. Ông hẹn tôi hôm sau ...

Phòng khách ở tầng một căn biệt thự bốn tầng trên đường Trần Quang Diệu bày nhiều thứ có vẻ như là đồ cổ mà theo nhà thơ Việt Phương là do cậu con trai thứ hai Trần Quang Huy mang về. Ông không dùng điện thoại di động, nên vừa

tiếp khách, ông vừa xin lỗi để đi nghe điện thoại, chiếc điện thoại cố định đặt ở góc phòng.

Vợ ông, bà Trần Tú Lan kể rằng, chính bà đã bắt thăm và thật may mắn chọn được vị trí này, một vị trí có thể nói là đặc địa vì có hai mặt đường lớn: “Hôm ấy, cơ quan tổ chức bắt thăm, có mấy chục người, mấy chục mẫu giấy gấp làm tư, tôi nhìn thấy một mẫu giấy như đang vẫy vẫy tôi, có lẽ do luồng gió từ quạt trần làm mẫu giấy lật phất như vậy, tôi thấy lạ và hay hay nên nhặt lên, ai ngờ lại chọn được vị trí đẹp nhất”. Nhà thơ Việt Phương gật đầu xác nhận: “Đúng thế đấy ...xây ngôi nhà này do một tay nhà tôi lo liệu”.

Ông cầm một tệp đĩa nhạc đưa cho tôi và nói: Lúc cháu Thực chưa đầy năm, ông thường để cháu nằm trên giường, bên cạnh là chiếc máy hát (máy quay đĩa) do thủ tướng Phạm Văn Đồng tặng. Ông bật máy quay, cho con nằm nghe nhạc. Những bản nhạc du dương, em dịu của Beethoven. Ông nói, ông rất thích nhạc sỹ thiên tài này “Mỗi lần tôi bật máy nghe nhạc là cháu Thực và sau này là cháu Huy nằm yên trên giường nghe rất chăm chú. Có lẽ vì thế mà sau này, khi các con tôi trưởng thành chúng cũng yêu thích âm nhạc như tôi. Tôi nghĩ, nghệ thuật giúp cho con người sống nhân văn hơn” - Ông bảo vậy.

Cách thức nhà thơ Việt Phương dạy con cũng rất thơ. Lúc con ông bắt đầu tập nói, những buổi chiều tối, ông để con ngồi trên chiếc ghế mây buộc sau xe, lợc cọc đạp xe lên bờ đê sông Hồng. Để xe xuống vệ cỏ bờ đê, ông bế con trên tay nhìn sông Hồng cuộn chảy rồi bắt đầu tập nói cho con. Ông chỉ đám mây bay là là trên mặt sông và nói “ mây”, con ông cũng bập bẹ “mây”; “Nước” thẳng bé nhìn xuống mặt nước sông Hồng, cũng bập bẹ “Nước”. Cứ như vậy, ông chỉ lên bầu trời, chỉ dãy

núi phía xa xa chỉ đàn chim đang bay, chỉ con sóng đang đang lượn, bông hoa đang nở, cây lúa đang ngậm đồng ... “ Vợ chồng tôi muốn các con sau này lớn lên hiểu được mọi thứ trên đời cụ thể nhất, chân thật nhất” – Ông nói.

Khi các con ông lớn lên, đã bắt đầu hiểu được cái hay, cái dở vợ chồng ông cứ mỗi tháng, mỗi quý đều cho các con biết công việc mà bố mẹ đã làm trong tháng, trong quý đó. Ông còn đưa cho các con xem bản kiểm điểm hàng năm của vợ chồng ông trong đó có những nhận xét, góp ý của nhiều người trong cơ quan, chi bộ nơi vợ chồng ông làm việc.

“Vợ chồng tôi đều cho rằng, sống trung thực là điều quan trọng nhất của con người. Chúng tôi không giấu các con mình điều gì cả. Tiền lương của hai vợ chồng chúng tôi đều để một nơi và chỉ cho các con biết nơi để đó, lúc cần tiêu gì các con cứ đến lấy. Nhưng, bao nhiêu năm mà chúng không bao giờ đụng đến cả. Có lần nhà tôi đưa tiền cho cháu Thực bảo dẫn em đi ăn phở. Chúng đi một lúc rồi lại cầm tiền về. Cả hai anh em cứ đùn đẩy nhau, không đứa nào dám bước vào hàng phở. Nhà tôi lại phải dẫn chúng đi ăn ...” – Ông tâm sự.

Làm trợ lý cho thủ tướng Phạm Văn Đồng mấy chục năm, nhà thơ Việt Phương đã đi nhiều nơi trên thế giới. Ấy vậy mà vợ ông bà Trần Tú Lan lại chưa bao giờ đi nước ngoài

Tôi ngạc nhiên thực sự, mới hỏi bà vì sao? có phải vì bà sợ đi máy bay? hay có lý do nào khác?

Bà nói đã từng được cử đi học ở Nga, bà cũng rất thích đi nhưng lúc đó các con bà còn nhỏ, nên bà đã nhường suất đi học nước ngoài cho người khác.

“Tôi biết nhà tôi rất thương các con, tuy bận nhưng nếu tôi đi

học ở Nga, nhà tôi cũng sẵn sàng chăm sóc các cháu để tôi yên tâm đi học. Với lại bạn bè tôi, anh chị em nơi vợ chồng tôi công tác cũng sẽ giúp đỡ ...Nhưng, tôi nghĩ dù sao mình chăm sóc các con vẫn tốt hơn. Ở đời, được cái này phải biết hy sinh cái khác ...Ngay cả sau này, khi cháu Thực làm tham tán công sứ ở nhiều nước châu Âu, cháu cũng rất muốn mẹ đi một vài chuyến du lịch nước ngoài ...Mình nuôi con, rồi nuôi cháu, phải hiểu được quy luật bù trừ. Nếu mình cái gì cũng được hưởng thì sau này phần đâu cho con cháu ?! Người bố, người mẹ nếu biết cách dạy con, biết hy sinh vì con cháu thì con cháu mình sau này thành người, biết cách báo hiếu bố mẹ... Bây giờ, các con tôi, rồi các cháu được đi học nước ngoài, công tác ở nhiều nước, được đi đây đi đó là tôi mãn nguyện, là như tôi đã được đi nước ngoài rồi". Tôi thấy bà rất vui khi nói những điều này.

Tôi bỗng nhớ hai câu thơ của nhà thơ Việt Phương mà tôi vừa đọc trong tập "Lan": "Một thời cửa mở cho tất cả / Từ trong đại họa hóa bình yên". Thế đấy!

Tâm sự của vợ nhà thơ Việt Phương đã làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi nghĩ tới bức ảnh bà chụp cách đây mấy chục năm, tay cầm quả táo Bác Hồ cho nhưng bà không ăn để dành mang về cho các con. Tôi nghĩ tới chuyện bà kể về lần bắt thằm may mắn ! Tôi nghĩ tới những thành đạt của các con, các cháu trong gia đình nhà thơ Việt Phương. Nghĩ tới lần được đi nhờ xe của con trai ông. Cậu con trai Trần Quang Huy bạn bậu với chức vị Phó tổng giám đốc ngân hàng MHB (MeKong Hossing Bank) vẫn vui vẻ ngồi đợi mấy tiếng đồng hồ để đưa bố về ...

Cuộc đời là vậy. Cuộc đời luôn có quy luật bù trừ. Nếu ai không hiểu được điều này, không hiểu được rằng nếu đời bố mẹ tham sống cho mình thì còn gì phúc đức cho con cháu đời sau.

Nhà vườn Sóc Sơn năm con Ngựa.

TIỂU LUẬN PHÊ BÌNH: VĂN HỌC TRONG HAI CUỘC CHIẾN TRANH VÀ MỘT ĐỘI NGŨ NHÀ VĂN CẦM SÚNG

Nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-2014)

Phong Lê

• Thời chống Pháp: nhà văn và người lính

Cách mạng tháng Tám thành công, sau hơn 1 tháng, thì tiếng súng kháng chiến nổ ra ở Nam Bộ. Hơn 1 năm sau - 19-12-1946, toàn dân tộc đứng lên, theo Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, bước vào một cuộc chiến khốc liệt, với súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy tầm vông, bom ba càng...

Văn học sau một cuộc chuyển mình trong Cách mạng tháng Tám cũng bước vào một giai đoạn mới, với nhân vật trung tâm là người lính - anh Vệ quốc quân, anh bộ đội cụ Hồ.

Nhưng để có được một chân dung rõ nét và đa diện về người lính, những người viết còn phải trải một hành trình qua nhiều dò tìm vất vả, trong đó, những đóng góp sớm được khẳng định ở khu vực này lại chưa phải là của các cây bút chuyên nghiệp đã nổi tiếng trước 1945 mà là ở những người sớm tham gia vào đội ngũ cầm súng, hoặc trưởng thành trong phong trào viết văn bộ đội.

Có lẽ Trần Đăng là cây bút đầu tiên cho ta làm quen với anh bộ đội. Là người thủ đô, Trần Đăng viết về anh bộ đội chưa từng biết thủ đô, hoặc có biết thủ đô, nhưng trở về trong tư thế xa lạ và phủ nhận hết thảy mọi ánh sáng phù hoa của đời sống thành thị (Một lần tới thủ đô; 1946).

Cũng Trần Đăng là người, trong quãng đời văn ngắn ngủi của mình, sớm ghi nhận được những nét đáng khác nhau của anh bộ đội đến từ nhiều nguồn. Sự tìm kiếm một chân dung thực về anh bộ đội ở Trần Đăng có lúc ráo riết như một sự săn đuổi. Đại đội trưởng P.N lăm lăm chuôi kiếm, vẻ mặt nghiêm lạnh, lẳng lặng mà nôn nóng, luôn tay nhìn đồng hồ, trong Trận Phố Ràng (1949) là hình ảnh có “nguyên mẫu” trong cuộc đời. Có thể tìm sự tương ứng của anh bộ đội đó trong truyện và ký của Trần Đăng với đồng đội của họ trong thơ, qua hình ảnh “đoàn quân Tây Tiến” “mắt trừng gửi mộng qua biên giới” của Quang Dũng, hoặc “những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng”, với “giày vạn dặm”, “bụi trường chinh” trong Ngày về của Chính Hữu. Thế nhưng bên cạnh đại đội trưởng P.N, những binh nhất binh nhì trước trận đánh diễn ra còn cãi nhau châu chấu - cào cào con nào bằng đầu, con nào nhọn đầu, lại là hình ảnh hồn nhiên của một lớp thanh niên vào cách mạng ở tuổi đời còn non trẻ. Cũng những giờ khắc đó, ở cái bút ký có tên Một cuộc chuẩn bị (1949) khó quên câu chuyện ồn ào giữa đám lính, nơi một trạm nghỉ, vào đêm trước ngày ra trận: “Sàn dưới ồn ào chia nhau mấy tấm gỗ

không biết vắc ở đâu về, hai người ba tấm, ba người hai tấm, làm cho một anh liên lạc đại đội bộ ở trên, ngày trước làm nghề đóng áo ở Phòng ngựa mồm chỗ xuống gọi: - Này! Một người thì phải sáu tấm, bốn dài hai ngắn nhớ, ngủ đi nhớ!”.

Có thể nghĩ những chi tiết này có mang màu sắc bi quan. Nhưng không thể nói là bi quan chủ nghĩa. Chàng sinh viên trường Luật Trần Đăng (tức Đặng Trần Thi) sớm mặc áo lính, hăng hái tham gia nhiều chiến dịch, bám sát các đơn vị chiến đấu, hăm hở sống, ghi chép, và ngã xuống quá sớm ở mảnh đất Đông Bắc ngang dọc vết giày đinh của thực dân Pháp và tàn quân Tưởng, đó là một tấm gương sống và viết rất đẹp. Trần Đăng không phải là người bi quan chủ nghĩa. Chỉ có thể cất nghĩa hiện tượng trên ở một khuynh hướng tìm tòi. Vào những năm 1948-1949 của cuộc kháng chiến đang đi vào giai đoạn cầm cự, có lẽ Trần Đăng thuộc số người viết khao khát một chân dung thực về người lính, một bức tranh thực nói được cái đẹp bình thường, tự nhiên của đời sống chiến đấu. Và để cho đạt được cái lối thật ấy, anh cần một bảng vẽ có nhiều màu. Anh không ngại đi tìm những hoà sắc lạ, những đường nét thô nhám, đôi khi đến mức gay gắt, cực đoan.

Dừng lại ở những năm 1948-1949 của văn học kháng chiến chống Pháp, cùng với ký của Trần Đăng, còn có Voi đi của Siêu Hải, Lưỡi mác xung kích, Thư nhà của Hồ Phương, và những trang ghi chép ngắn của không ít cây bút viết văn bộ đội. Đó là lực lượng viết hình thành cùng với kháng chiến, để bổ sung cho đội ngũ chuyên nghiệp còn khá mỏng, và khá đông trong họ còn đang băng khuâng trong những bước nhận đường.

Sự xuất hiện của lớp người trẻ tuổi này hoàn toàn không ngẫu nhiên. Nó có cơ sở trong sự phát triển của phong trào văn nghệ bộ đội. Ở sự đua nở của báo tay, báo tường, thơ ca báng

súng. Ở những trang nhật ký, sổ tay của các cây bút đội viên và cán bộ. Điều đáng kể là những giá trị mới mà nó mang lại. Một hơi văn mạnh. Sự chân thật, khoẻ. Một vẻ đẹp hồn nhiên, lắm lúc tự nhiên. Các chi tiết sống lắm khi chưa kịp gọt giũa... Chính từ trong phong trào bộ đội viết, và viết về bộ đội này mà làm nảy nở những cây bút sau này sẽ là đội quân chủ lực của văn học mới chúng ta, mà số lớn rồi sẽ hội về địa chỉ số 4 Lý Nam Đế, và làm nên “phố nhà binh” ở trung tâm Hà Nội. Nhưng trước khi nói đến đội ngũ này, không được phép quên những người mang niềm khao khát viết mà chưa một lần xuất hiện. Họ đã ngã xuống quá sớm, khi những ước mơ còn chưa kịp hình thành.

Đây là những trang nhật ký ghi ngày 29-12-1948 của Phan Phú, Chính trị viên đại đội một đơn vị chủ lực, hy sinh trong trận Bản Trại, được lưu lại trong sổ tay của Tô Hoài:

... “Chúng tôi cùng một tiểu đội trở vào bản (làng) đi sục sạo từng nhà một. Mỗi khi bước vào một nhà, lại hơi rộn rộn, không biết địch để lại cái gì trong nhà: một tên bị thương liểu lĩnh, một vài quả lựu đạn nổ chậm... Trong mấy gian nhà vắng tanh, đồ đạc của chúng tôi vẫn còn bừa bãi: chăn chiếu, ba lô, quần áo, tỏ ra địch chưa kịp lấy một thứ gì cả đã vội phải rút lui. Ánh sáng vẫn chiếu từng bùng qua kẽ lá, qua mái nhà. Con gà vừa đẻ xuống vẫn cục tác vang lừng. Tôi không lấy làm ngạc nhiên vì cảnh vật có vẻ thanh bình giữa trận ác liệt đang xảy ra... Tôi lại quay trở lại chỗ đại đội I vẫn đương đánh nhau với Pháp ở sườn đồi trước mặt.

(...)

Chiều hôm qua rồi A.T lúc 5 giờ, đoàn quân lại kéo qua P.R theo bờ sông máng. Hai bên đường, trên những ruộng lúa

chín vàng, mấy người thợ gặt gái trai đứng nhìn chúng mình. Chiều đẹp quá, êm ả như bất cứ chiều thu nào khác ở thôn quê. Xa xa, bên kia sông, một cú điểm của Pháp hiện thành một khối vuông trắng xoá giữa các đỉnh đồi trọc. Người dân, những ruộng lúa vàng, cú điểm địch, và người vệ quốc quân, những hình ảnh ấy hiện ra cùng một lúc, bao hàm bao ý nghĩa” (Sổ tay viết văn; Nxb. Tác phẩm mới; 1977).

Và đây là ghi chép của Lê Nguyên - Đại đội trưởng Đại đội 156, Sư đoàn 308, hy sinh ngày 20-3-1949 - được giữ gìn cẩn thận trong ba lô của Trần Đăng.

“Kinh nghiệm trường đời cho biết rằng không nên giải bày tâm sự mình lên trang giấy, nhưng từ khi vào bộ đội, mình có những xúc động ghê gớm thấy cần phải ghi lại... Trần B.T. mình dẫn bộ đội đánh thốc ngang vào... Tụi địch không biết gì cả. Đây là lần đầu mình giữ một vai trò quan trọng trong một trận ác liệt... Đến sát đồn, mình thấy ba thằng lính Đức tóc lật ngược trước gió, đứng trên miệng hầm, bên đống lửa rừng rực, lia súng ra phía suối...”.

Một mẫu ghi khác có tên Đôi mắt: “Tiểu đội phó N.Đ. Thản có đôi mắt một mí như Nhật vậy. Trời, sao mình yêu đôi mắt hiền từ và đẹp như thế!

Trần B.T. lúc ấy mình chưa cho lệnh bắn. Hắn sướng quá bắn luôn một tràng thompson, thế là lũ giặc bắn như mưa... Thản bị bắn xuyên óc, chết ngồi dựa lưng vào vách đá. Hôm sau địch chạy hết, mình vào chôn cất cho Thản.

Đã có bao nhiêu đôi mắt như đôi mắt của N.Đ. Thản đã nhắm ở chiến trường mà không người vượt xuống” (Dân quân Việt Bắc, số 18; 15-5-1949).

Cả Phan Phú và Lê Nguyên đều hy sinh ở Bản Trại, Lạng Sơn. Cả hai cùng viết về những cảm xúc từ đời lính, về những tình huống căng thẳng, và cả những mất mát, hy sinh trong chiến tranh. Điều đáng nói ở đây là một chất văn theo khuynh hướng mới, chứ không phải văn chương theo khuôn sáo cũ, thường thấy có ở những người mới học viết. Cái chất văn là kết quả của một năng khiếu quan sát tinh tế, tỉ mỉ, kết hợp với một mạch ngầm cảm xúc chân thành.

Từ những trang ghi và nhật ký trên, có thể giải thích sự hào hứng đón nhận, đến mức vỡ vụn của giới chuyên nghiệp như Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, đối với lực lượng văn nghệ bộ đội. Cũng có thể giải thích cả cái động tác muốn “quăng bút đi không viết nữa” ở Trần Đăng, như được nói đến trong một bài viết của Nguyễn Huy Tưởng (Văn nghệ; số Xuân 1950). “Quăng bút” để biểu thị sự bức dọc và bất mãn đối với bản thân mình. Cái khao khát hướng tới một cách thể hiện mới, sao cho văn xuôi áp sát được vào hiện thực, Trần Đăng đã bắt gặp được ở văn thơ bộ đội như Voi đi của Siêu Hải, Thư nhà của Hồ Phương, nhật ký của Phan Phú, Lê Nguyên một kiểu mẫu mà mình đang khao khát săn tìm.

Thực ra nói Phan Phú hoặc Lê Nguyên, chỉ là nói một trong số rất nhiều tên riêng, chưa kịp trở thành bút danh. Các sáng tác trong phong trào bộ đội viết này có lúc đã được tuyển chọn trong một tập văn có tên Vệ quốc quân viết, như một bó hoa tươi. Một tập văn từng gây nhiều hứng thú và xúc động cho bạn đọc, và sớm nhận được sự chào đón nồng nhiệt của Nam Cao: “Những người viết cũng như những nhân vật họ tả đều là những con người hành động. Họ hy sinh và đoàn kết, chiến đấu và kỷ luật. Tâm lý họ không phiền phức, rắc rối. Họ giản dị và thiết thực, không viễn vông, mơ ước...”. Để từ nhận xét đó, Nam Cao đi tới sự khẳng định về bản chất cuộc sống mới: “Người anh hùng đã thành thường thấy trong thời kháng

chiến này, chính người bạc nhược mới là người hiếm thấy” (Đọc cuốn “Vệ quốc quân viết”; Tạp chí Cứu quốc; số 19; tháng 4-1949).

Đó là một tập văn đã được chọn tuyển, được in. Còn vô số trang văn khác, trên khắp các báo tay, báo tường. Đến với các đơn vị bộ đội, chăm chú quan sát, đọc, ghi chép, không ít nhà văn đã phải ngạc nhiên vì cái chất mới của người lính mà nó mang lại, để góp vào việc nhận diện gương mặt mới của dân tộc. Tân Sắc “đọc bích báo Tết bộ đội”: “Trong tất cả những bích báo Tết năm ngoái của các đơn vị bộ đội mà tôi được đọc, tịnh không có cái “buồn nhớ nhà” của người lính. Những người Binh Nhì, Binh Bét, Vệ Hiếm, Vệ Còm chúng ta tuy có nhắc tới nhà của ở xa, nhưng là nhắc với một giọng vui nghịch ngợm, hay là với một sự so sánh ngộ nghĩnh, so sánh cái Tết “mẹ đẻ” với cái Tết “làng Vệ”. Để đi đến một nhận định rõ ràng rằng cái Tết “làng Vệ” bao giờ cũng vui hơn, ý vị hơn cái Tết “mẹ đẻ”. Phải chăng người lính của chúng ta một khi quen sống cuộc đời bộ đội rồi, cảm thấy rõ ràng gia đình bộ đội là nguồn an ủi dịu dàng, là sự nâng đỡ lành mạnh, là nơi phát huy những tình thương đậm thắm, chân thật, tình yêu đời, yêu nước, yêu bạn, đẹp đẽ, cao hơn trong gia đình thực của mình nhiều” (Vệ quốc quân; số 35; Xuân Kỷ Sửu; 1949).

Ở buổi đầu một nền văn học đang trên những bước dò tìm, sự phát triển của phong trào bộ đội viết, hay nói rộng hơn, của phong trào quần chúng viết để hưởng ứng khẩu hiệu “Kháng chiến hoá văn hoá và Văn hoá hoá kháng chiến”, quả có một tác động tích cực rõ rệt. Nó giúp cho sự nhận diện gương mặt con người thời đại, như thu hoạch của Tân Sắc, Nam Cao đã kể trên. Nó còn giúp cho sự xác định “con đường đi” chung của “văn nghệ thời đại”, như nhận xét của Nguyễn Đình Thi: “Sức hấp dẫn... đối với tôi thật đặc biệt, tuy đó mới là những lời bập

bẹ chưa thành hình... Một nghệ thuật còn rờn rờn sự sống, một nghệ thuật chân đứng vững trên mặt đất tươi đầm mồ hôi và khét tiếng súng, một cái đẹp khoẻ, không khéo léo phẩn son, mà mộc mạc, tươi như vừa mới nảy lên từ một bàn tay hoá công nào, một nghệ thuật vui sống, vui chiến đấu, vui làm lụng, đó là con đường của văn thơ anh binh nhì đã bước lên. Đó cũng là con đường đi của tất cả văn nghệ thời đại” (Vài ý nghĩ về văn nghệ mới trong bộ đội; Tạp chí Văn nghệ; số 11-12; tháng 4 và 5-1949).

x

x x

Sau 1950, khi cuộc kháng chiến từ giai đoạn cầm cự, đang chuyển sang giai đoạn chuẩn bị tổng phản công, bức tranh kháng chiến, với nhân vật trung tâm là người lính, sẽ dần dần đậm nét hơn theo sự trưởng thành của lực lượng viết, từ trong phong trào viết của bộ đội, với các tên tuổi dần dần trở nên quen thuộc, và thoả được niềm mong đợi của các cây bút đàn anh, như Minh Lộc, Nguyễn Khắc Thứ, Hữu Mai, Hồ Phương, Vũ Cao, Tú Nam, Hoàng Văn Bốn, Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc... Cùng với sự mở rộng diện phản ánh: các vùng nông thôn tự do và địch hậu; các vùng giáp ranh, xen cài ta và địch; miền núi Việt Bắc, Tây Bắc và Tây Nguyên; vùng mỏ và vùng ven đô thị... thế giới nhân vật văn xuôi dần dần trở nên đông đúc. Từ nhân vật trung tâm là người lính, sẽ mở rộng ra nhiều tầng lớp khác trong quan hệ với người lính, để đem lại cho công chúng hình ảnh một cuộc kháng chiến toàn dân, một cuộc chiến tranh nhân dân. Đưa nhân vật vào các tình huống căng thẳng, đối mặt với kẻ thù, trước và sau các trận đánh, ngay trong các trận càn; hoặc cho nhân vật bộc lộ mình trong những hoàn cảnh bình thường của sinh hoạt làm ăn, của đời sống tản cư, của quan hệ vợ chồng, bè bạn... hướng

khai thác của người viết, nhìn chung là nhằm nêu cho được lòng yêu nước và sự gắn bó giữa dân và nước; là chí căm thù và quyết tâm kháng chiến, là tình đồng bào, đồng chí, quan hệ quần dân... Phương hướng khám phá các phẩm chất mới nảy nở từ cách mạng, và được hun đúc trong kháng chiến, trở thành một sự theo đuổi tự nhiên và vững chắc khi người viết thật sự sống với sự sống của nhân dân, của công-nông-binh, của người lính; nói cách khác từ kết quả của “cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt”. Và những mùa màng đầu tiên của văn học kháng chiến sẽ đến với chúng ta trong hai Giải thưởng của Hội văn nghệ Việt Nam gộp liền nhau - Giải thưởng 1951-1952 và Giải thưởng 1954-1955, với những tác phẩm có giá trị tạo nền móng cho một giai đoạn văn học mới được mở ra sau 1945, nối dài cho đến 1975 - kết thúc 30 năm chiến tranh giữ nước vĩ đại, kể từ Chuyện biên giới của Nam Cao, Ký sự Cao Lạng của Nguyễn Huy Tưởng, Xung kích của Nguyễn Đình Thi, Bên đường 12 của Tú Nam, Vùng mỏ của Võ Huy Tâm, Con trâu của Nguyễn Văn Bổng, Truyện Tây Bắc của Tô Hoài, Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc, Người người lớp lớp của Trần Dần, Vượt Côn Đảo của Phùng Quán... cho đến Trước giờ nổ súng của Lê Khâm, Một truyện chép ở bệnh viện của Bùi Đức Ái, Hoa hướng dương của Đoàn Giỏi. Và, ở chặng cuối, đó là Sống mãi với thủ đô, tập I của Nguyễn Huy Tưởng và Cao điểm cuối cùng của Hữu Mai – hai cuốn tiểu thuyết làm gắn nổi tiếng súng trong ba ngày mở đầu Toàn quốc kháng chiến của những người con quyết “Sống mãi với Thủ đô” đến khối bộc phá làm nổ tung đồi A1 - “cao điểm cuối cùng” của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ.

• Thời chống Mỹ: Viết ở chiến trường

Đối với dân tộc Việt Nam, sau Cách mạng tháng Tám - 1945, mục tiêu độc lập - tự do và thống nhất Tổ quốc luôn luôn là

mục tiêu cao cả và thiêng liêng. Nó được biểu trưng trong câu nói của Hồ Chủ tịch: “Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn; nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi”. Tất cả mọi âm mưu nhằm chia cắt đất nước là động vào nơi sâu thẳm nhất của tình cảm dân tộc. Khi chủ nghĩa đế quốc vẫn tiếp tục mưu đồ áp đặt ách thống trị và chia cắt lâu dài đất nước, khi nhân dân buộc phải cầm súng thì mọi người viết văn chân chính đều tự nguyện tìm đến súng và đến với các tuyến đầu. Thời điểm 1960, sau cuộc đồng khởi vĩ đại của nhân dân miền Nam và sự ra đời Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam là một thời điểm thiêng liêng như thế; thời điểm hình thành rất nhanh chóng một đội ngũ người viết ưu tú, gồm những người con miền Nam tập kết ra Bắc theo Hiệp định Genève về Đông Dương năm 1954, hoặc những người ở lại miền Nam trong tư cách những người yêu nước - kháng chiến. Tất cả đều sẵn sàng trở về chiến trường, trở lại với đội ngũ để trước hết làm một người lính “cùng xương thịt với nhân dân”; và sau đó, hoặc cùng lúc, làm một người viết - chiến sĩ, để ghi lại cuộc chiến đấu của nhân dân.

Đây là hiện tượng nằm trong truyền thống một dân tộc từ lịch sử xa xưa đã có câu: “Giặc đến nhà đàn bà phải đánh”. Với đội ngũ người viết trong giai đoạn chống Mỹ, điều đáng lưu ý là tất cả họ đều đã có trải nghiệm trong 9 năm chống Pháp, và đã có hơn 5 năm góp sức xây dựng nền văn nghệ mới trên miền Bắc trong bối cảnh hòa bình. Từ trung tâm Việt Bắc và các vùng tự do Khu Bốn, Khu Ba, Khu Năm, Nam Bộ - hoạt động văn nghệ đã được đúc kết ở các Giải thưởng như Giải thưởng văn nghệ 1950-1951, và 1954-1955 của Hội Văn nghệ Việt Nam; Giải thưởng Phạm Văn Đồng ở Liên khu Năm; Giải thưởng Cửu Long Giang ở Nam Bộ. Từ các giải thưởng trong kháng chiến chống Pháp và từ hoạt động sáng tác liên tục sau

1954, một đội ngũ tác giả - là sản phẩm của Cách mạng tháng Tám và chế độ mới đã hình thành và nhanh chóng trưởng thành, trong đó có các tên tuổi rồi sẽ góp mặt làm nên đội quân chủ lực của văn học Giải phóng miền Nam, như Nguyễn Văn Bổng (Trần Hiếu Minh), Lê Khâm (Phan Tú), Nguyễn Ngọc (Nguyễn Trung Thành), Nguyễn Ngọc Tấn (Nguyễn Thi), Bùi Đức Ái (Anh Đức), Nguyễn Quang Sáng (Nguyễn Sáng), Trúc Hà (Nam Hà), Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tô Nhuận Vỹ, Xuân Thiều (Nguyễn Thiều Nam), Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Hồ Phương, Hữu Mai (Trần Mai Nam)... trong văn xuôi; và Viễn Phương, Giang Nam, Thanh Hải, Thu Bồn, Ca Lê Hiến (Lê Anh Xuân), Chim Trắng, Hoài Vũ, Nguyễn Khoa Điềm, Bùi Minh Quốc (Dương Hương Ly), Nguyễn Trọng Oánh (Nguyễn Thành Vân), Phạm Ngọc Cảnh (Vũ Ngàn Chi), Anh Ngọc, Vương Trọng, Hữu Thịnh, Thanh Thảo, Nguyễn Duy... trong thơ.

Trở lại chiến trường, tất cả mọi người viết đều đã sẵn sàng chuẩn bị cho mình tư cách người lính, người công dân, người cán bộ - để cùng sống, cùng chiến đấu, cùng đồng cam cộng khổ với nhân dân. Tất nhiên mục tiêu chính của họ là để viết; nhưng họ chỉ có thể viết, khi có hoàn cảnh; và phải tranh thủ triệt để mọi cơ hội để có hoàn cảnh viết.

Bao người đã hy sinh khi chưa kịp viết; hoặc chỉ mới viết được ít như Nguyễn Mỹ, Nguyễn Trọng Định, Dương Thị Xuân Quý, Chu Cẩm Phong...

Thế nhưng, điều thật đáng được xem là kỳ diệu, đó là: dẫu cuộc chiến đấu rất khốc liệt, và dẫu với thời gian không dài lắm, số lớn các nhà văn vào chiến trường đều viết được ngay và viết nhanh, viết hay trên hiện thực nóng bỏng và in rất đậm các dấu ấn thời sự. Điều này được cắt nghĩa bởi chính hiện thực lớn lao của đời sống dân tộc. Và bởi cái ý thức

thường trực có trong tất cả mọi người viết là phải ghi cho được sự thật đó, với tư cách là người trong cuộc.

Đó là Người mẹ cầm súng (1965) và Ở xã Trung Nghĩa (1965)... của Nguyễn Thi. Là Về làng (1965), Gia đình má Bảy (1968), Mẫn và tôi (1972) của Phan Tú. Là Sống như Anh (1965) của Trần Đình Vân. Là Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc, Rừng xà nu (1969), Đất Quảng (1971) của Nguyễn Trung Thành. Là Bức thư làng Mực (1968) của Nguyễn Chí Trung. Là Gió vịnh Cam Ranh (1969) của Nam Hà. Là Cửu Long cuộn sóng (1965), Rừng U Minh (1970) của Trần Hiếu Minh. Là Bức thư Cà Mau (1965), Hòn Đất (1966), Đứa con của đất (1976) của Anh Đức. Là Chiếc lược ngà (1968), Bông cẩm thạch (1969), Chiếc áo trắng hình rơm (1975) của Nguyễn Sáng.

Là Đêm tháp Mười (1972), Chuyện xã tôi (1976) của Lê Văn Thảo. Là Người tị nạn (1973) của Lê Vĩnh Hòa. Là Mùa năm trăm (1970) của Đinh Quang Nhã. Là Mầm sống (1970), Rừng lá đỏ (1972) của Triệu Bồn. Là Người sông Hương (1970), Dòng sông phẳng lặng (1974-1977) của Tô Nhuận Vỹ.

Là Tháng Tám ngày mai (1962), Quê hương (1965) của Giang Nam. Là Những đồng chí trung kiên (1962) của Thanh Hải. Là Bài ca chim Chơ rao (1962), Tre xanh (1969), Mặt đất không quên (1970), Quê hương mặt trời vàng (1975) của Thu Bồn.

Là Nguyễn Văn Trỗi (1968), Hoa dừa (1971) của Lê Anh Xuân. Là Mắt sáng học trò (1970), Nhớ lời di chúc (1972) của Viễn Phương. Là Mảnh đất nuôi ta thành dũng sĩ (1971) của Dương Hương Ly. Là Đất ngoại ô (1973), Mặt đường khát vọng (1974) của Nguyễn Khoa Điềm. Là Đêm Quảng Trị (1972) của Vũ Ngàn Chi. Là Mùa nước nổi (1972), Đêm châu thổ (1976) của Diệp Minh Tuyền. Là Khẩu súng hành quân (1970) của Liên

Nam. Là *Mảnh đất yêu thương* (1978) của Văn Công.

Có được thành tựu như trên bởi tất cả đội ngũ viết đều đã được chuẩn bị một cách chu đáo cho hành trình nghề nghiệp của mình. Trước hết, đó là lòng yêu nước - một lòng yêu nước có truyền thống sâu xa trong lịch sử, và được kết tinh trong Cách mạng tháng Tám và đưa lên một tầm cao mới trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7-1966: “Không có gì quý hơn Độc lập - Tự do”. Một lòng yêu nước gắn với ý chí quyết tâm không trở lại thân phận nô lệ, dẫu dưới bất cứ hình thức nào. Một lòng yêu nước gắn với những thành quả cụ thể của Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp đang có nguy cơ bị kẻ thù xóa sổ trên nửa nước phía Nam. Một lòng yêu nước gắn với viễn cảnh là chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng bước đầu với biết bao khát khao và ước vọng trên miền Bắc từ 1960...

*

**

Từ 1975 mà nhìn ngược trở lại thì thấy không có vùng đất nào của miền Nam - tiền tuyến lớn, nơi đâu cũng chịu những thử thách cao nhất trong đối mặt với kẻ thù, mà không có mặt trên trang viết của một hoặc mấy thế hệ người viết đã bắt đầu cuộc hành quân trở lại vị trí chiến đấu, hoặc trở về chiến trường của mình ngay từ sau 1954.

Với Thanh Hải, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tô Nhuận Vỹ, Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Minh Châu, Phạm Ngọc Cảnh, Xuân Thiều, Hồ Phương, Nguyễn Khải, Hữu Mai, Nguyễn Quang Hà, Trần Phương Trà... ở chiến trường Trị Thiên, Đường 9 - Nam Lào.

Với Phan Tú, Nguyên Ngọc, Thu Bồn, Dương Hương Ly, Dương

Thị Xuân Quý, Chu Cẩm Phong... ở chiến trường Liên khu Năm và Tây Nguyên.

Với Giang Nam, Nam Hà, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Trọng Oánh, Triệu Bôn... ở Khu Sáu và Đông Nam Bộ.

Với Lý Văn Sâm, Trần Hiếu Minh, Nguyễn Thi, Anh Đức, Nguyễn Sáng, Lê Văn Thảo, Trang Thế Hy, Thủy Thủ, Lê Vĩnh Hòa, Lê Anh Xuân, Chim Trắng, Hoài Vũ, Đinh Quang Nhã, Võ Trần Nhã... ở chiến trường vùng ven Sài Gòn và Nam Bộ...

Tất cả những tên tuổi trên đều đã viết trên một nhận thức mới, một nhận thức sâu sắc về bộ mặt mới của kẻ thù, và với một niềm căm thù lớn.

Cùng với nhận thức mới về kẻ thù là một tình yêu nước, gắn với tình yêu quê hương cụ thể - là nơi cất rốn chôn rau; nhưng không phải chỉ nơi cất rốn chôn rau mới được hiểu là quê hương, nói như Dương Hương Ly:

Tôi trở về đất mẹ Quảng Nam tôi

Dẫu chẳng nơi đây cất tiếng chào đời.

hoặc Thu Bồn:

Tôi không khóc nhưng vẫn trào nước mắt

Con đã về đây với mẹ Quê hương.

Hai trường hợp làm xúc động đến nao lòng tất cả chúng ta, đó là Dương Thị Xuân Quý - người phụ nữ mảnh mai đã gửi lại con gái hai tuổi ở lại miền Bắc, để theo chồng là Dương Hương Ly vào chiến trường Khu Năm. Người phụ nữ chưa đầy tuổi 30 không chỉ đã vượt được tất cả mọi thử thách đặt ra cho mọi người lính vào chiến trường: làm rẫy, gùi gạo, chống càn, vượt

mọi hiểm nguy, chống chọi với biết bao cơn sốt rét rừng... mà còn vượt được cả cái thử thách lớn nhất đặt ra cho người phụ nữ là phải xa con - đứa con chỉ mới hai tuổi.

Và người thứ hai là Nguyễn Ngọc Tấn, quê ở miền Bắc, nhưng cuộc đi này với ông lại như một cuộc trở về quê hương; bởi suốt 9 năm chống Pháp, ông hoạt động ở chiến trường Nam Bộ, và đã để lại một đứa con gái mới sinh vào năm tập kết ra Bắc mà ông chưa từng biết mặt.

Trở lên tôi chỉ nêu hai trường hợp trong số rất nhiều gương mặt tiêu biểu của văn học Giải phóng miền Nam - mà bất cứ một tên tuổi nào, là Giang Nam hoặc Thanh Hải, là Nguyễn Ngọc hoặc Phan Tứ, là Lê Anh Xuân hoặc Dương Hương Ly, là Nguyễn Khoa Điềm hoặc Tô Nhuận Vỹ, là Anh Đức hoặc Nguyễn Sáng, là Viễn Phương hoặc Lê Văn Thảo... ai ai cũng có cả một kho kỷ niệm quý báu của riêng mình để góp vào pho sử chung của nhân dân, của đất nước.

Có dịp đi sâu vào từng trường hợp cụ thể mới hiểu được tận cùng chân lý “Không có gì quý hơn Độc lập - Tự do” mà Hồ Chủ tịch đã khái quát cho cuộc chiến đấu lần thứ hai này của dân tộc trong nửa sau thế kỷ XX. Một khái quát khắc họa thật tuyệt vời chân dung tinh thần chung của dân tộc, và cũng đúng với chân dung riêng của mỗi người, vào những tháng năm cả “đất nước có một tâm hồn, có chung khuôn mặt” (Chế Lan Viên).

*

**

Văn học Giải phóng miền Nam 1960 - 1975 đã để lại những tên sách xứng đáng trong 15 năm tồn tại của nó. Nhưng không phải chỉ có những tên sách - đó còn là một đội ngũ. Và

với đội ngũ, đó còn là một kiểu người viết. Một kiểu người viết biết cách sống và viết trên chiến trường; biết cách ứng xử sao cho xứng đáng với nhân dân và Tổ quốc trong những thử thách cao nhất của lịch sử.

Với văn học Giải phóng, ta có một minh chứng thuyết phục nhất cho mối quan hệ giữa người viết và nhân dân, nhà văn và cuộc sống; cho sự gắn bó tuyệt đối giữa ý thức công dân và trách nhiệm nghề nghiệp. Nếu thiếu một kiểu người viết như thế, thiếu một lớp nhà văn như thế (gồm nhiều thế hệ) thì hẳn chắc sẽ không bao giờ có bức tranh hùng vĩ một thời ta đã sống, nó đã góp phần cổ vũ dân tộc, và còn tiếp tục cổ vũ cho những ai còn phải đấu tranh cho quyền sống của dân tộc.

Cố nhiên không phải là khó khăn trong việc chỉ ra những đặc trưng cũng như những mặt mạnh và yếu của một nền văn học sinh ra trên các dấu vết nóng bỏng của thời sự và trước các áp lực khủng khiếp của hoàn cảnh. Nếu cái động tác cơ bản của người viết trong 15 năm trên chiến trường (và rộng ra trong suốt 30 năm chiến tranh chống hai đế quốc) là vừa cầm súng vừa cầm bút, thì cái hoàn cảnh cơ bản để họ hành nghề là diễn ra trên đường hành quân, bên bếp lửa rừng hoặc ngọn đèn dầu, giữa hai loạt bom, giữa hai tầm đại bác, phút im lặng giữa hai trận đánh, hai cuộc chống càn, giữa hai trận sốt rét và những cơn đói triền miên. Tôi muốn nói sự ra đời của số lớn tác phẩm là ở các tình huống đó, không ai không trải qua trong từng phần hoặc trong suốt cả 15 năm sống và viết ở chiến trường.

Và bên người viết còn là người đọc. Nếu hiểu văn thơ phải là vũ khí, là nguồn sức mạnh, là điểm tựa cho con người trong mọi khó khăn, hiểm nguy thì không ai là người viết lại không ý thức được rõ điều người đọc mong muốn ở họ là gì, và rộng

ra, người đọc là ai? Phải chăng đó là những người mẹ đã tiễn nốt đứa con trai cuối cùng lên đường; là người vợ đã xa chồng trong 9 năm lại tiếp tục một cuộc chia ly mới không hẹn được ngày đoàn tụ. Trong hàng vạn, hàng chục vạn người hy sinh, lời nhắn gửi về phía sau cho hậu phương phải là lời của người sống, và niềm khao khát của họ là trở về, trong một chữ đợi - như trong Đợi anh về của nhà thơ Nga C. Ximônốp. Tôn trọng sự thật, người viết không được tô vẽ, không được tuyên truyền một chủ nghĩa lạc quan rẻ giá, nhưng người viết nào cũng phải có trách nhiệm không được làm nản chí tất cả những ai đang trên đường ra trận, đang giáp mặt với quân thù, và tất cả những ai đang chờ đợi.

Đánh giá cao, rất cao giá trị phục vụ của văn học Giải phóng trong 15 năm tồn tại của nó, cố nhiên chúng ta không dễ dãi trong cách nghĩ cho rằng tất cả những gì đã được viết ra đều có thể còn lại trong tầm đón nhận của người đọc. Thời gian đã và vẫn còn tiếp tục một cuộc sàng lọc lớn để chỉ giữ lại những gì thật sự giá trị - giá trị nhân văn và giá trị nghệ thuật. Nhưng thời gian cũng đòi hỏi ta có một cái nhìn lịch sử, nhằm giúp ta hiểu, trong những hoàn cảnh cụ thể như hoàn cảnh chiến tranh, một đòi hỏi cao hơn những gì thực tiễn không cho phép, là không phải lẽ. Và như vậy xét trên những gì ta đã có, văn học Giải phóng miền Nam đã làm xong nhiệm vụ lịch sử của nó, trước các yêu cầu vừa nghiêm khắc, vừa độ lượng của công chúng, không chỉ của một thời mà còn là lâu dài, trong toàn cảnh văn học Việt Nam thời đại chống Mỹ./.

Tháng 11 – 2014

SỐ PHẬN CON NGƯỜI TRONG THẢM HỌA CHIẾN TRANH VIỆT NAM QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC THỜI KỲ HẬU CHIẾN

Minh Chuyên

(NV&TP) Tháng 6 năm 2014, Nhà văn Minh Chuyên là thành viên của Đoàn Hội Nhà văn Việt Nam thăm Viện William Joiner thuộc Đại học Massachusetts, Hoa Kỳ. Trong Chương trình làm việc giữa Đoàn và Viện, ông đã đọc bài tiểu luận đầy cảm xúc sau đây; đó cũng là động lực mãnh liệt đã khiến ông cầm bút sau khi giải ngũ và làm nên đề tài độc đáo ở văn nghiệp Minh Chuyên. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Văn chương thời đại nào và ở bất kỳ quốc gia nào cũng đều kỳ vọng mang đến cái đẹp chân thiện mỹ cho con người, cho cuộc sống. Cái đẹp văn chương là cái đẹp tâm hồn thuần khiết, tỏa ra ở mỗi ngòi bút, bằng sự cảm nhận từ chính trái tim được rung động.

“Mãi mãi tuổi hai mươi” nhật ký của liệt sỹ Nguyễn Văn Thạc

đã làm rung động hàng triệu con tim của bạn đọc bằng vẻ đẹp khâm phục hình tượng con người qua sự cảm nhận dung dị của chính tác giả, một người lính viết trên đường hành quân ra trận và đã dâng hiến cả quãng đời thanh xuân của mình cho đất nước.

Ngược lại một vẻ đẹp khác về nghị lực con người bị chiến tranh hủy hoại, lừa dối. Hình ảnh em bé Lại Thị Hà một bi kịch của thời hậu chiến, hiện hữu trong tác phẩm “Chiếc cũi người” đã vượt lên giành lại sự sống. Chiến tranh đã cướp đi tất cả, đã làm biến dạng hình thể con người của em. Cái còn lại duy nhất là cái bóng vẫn lấp lánh mang hình người cùng sự man rợ do hậu quả chiến tranh tàng ẩn trong con người em. Xin nêu hình tượng hai con người trong số hàng ngàn thân phận qua các tác phẩm văn học, phần nào thấy được hậu họa khốc liệt của cuộc chiến tranh Việt Nam qua tác phẩm văn chương. Cuộc chiến đã xô đẩy con người vào các hoàn cảnh sống nghiệt ngã khác nhau, nhưng họ cùng chung một nỗi đau quằn quại trong cuộc sống thời bình. Từ hiện thực cuộc sống dần dần đã hình thành nên dòng văn học mang đậm dấu ấn thời hậu chiến tranh ở Việt Nam.

Bất kể cuộc chiến tranh nào cũng đem đến cho con người nỗi bất hạnh. Chết chóc tang thương, li tán, hận thù luôn luôn song hành cùng con người. Cuộc chiến tranh Việt Nam là một cuộc chiến tranh đẫm máu tàn khốc nhất, dai dẳng nhất trong lịch sử của người Việt. Cuộc chiến đã khép lại gần 40 năm từ tháng 5 năm 1975, nhưng rất nhiều người người Việt Nam vẫn cất lên tiếng nói thảng thốt: “Chưa một ngày nào, không một đêm nào gia đình tôi không có chiến tranh”.

Chiến tranh đã xâm nhập vào thể xác, tâm thần con người, khiến họ và con, cháu của họ ngày ngày vẫn đau đớn quằn

quai, chết dần, chết mòn suốt gần 40 năm qua. Tiếng súng đã im, nhưng tiếng lòng vẫn khắc khoải không nguôi.

Trong chiến tranh Việt Nam, một số tài liệu cho biết Việt Nam là nơi bị đánh bom nhiều nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới. Với 7,85 triệu tấn bom dội xuống mảnh đất hơn 30 triệu dân thời đó, gấp 3 lần số bom sử dụng trong thế chiến thứ 2.

Theo giáo sư người Mỹ J.M.Stellman và tài liệu của Bộ quốc phòng Mỹ, trong chiến tranh Việt Nam từ 1961 đến 1971 quân đội Mỹ đã tiến hành 19.000 phi vụ rải trên 80 triệu lít chất độc hóa học có chứa 366 kg Dioxin cực kỳ độc hại xuống 26.000 làng, bản Việt Nam, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường sinh thái và sức khỏe con người.

Hậu quả từ cuộc chiến tranh đã làm gần 8 triệu người Việt Nam bị chết và bị thương tích tàn tật. Trên 4,8 triệu người bị di chứng chất độc da cam – Dioxin, hơn 1 triệu người đã không còn, trên 150.000 trẻ em thế hệ thứ 2, thứ 3 bị di chứng chất độc đang từng ngày chết chóc và đau đớn. Phía người Mỹ 58.000 binh lính Mỹ bị thiệt mạng, 300.000 người Mỹ bị tàn phế. Hàng vạn người Mỹ và quân lính các nước chực chờ chịu hậu quả chất độc hóa học và di chứng chiến tranh tại Việt Nam...

Từ những đau thương mất mát quá lớn đối với con người, với môi trường sống đã hình thành một chủ thể văn học, hình thành đề tài về văn học hậu chiến tranh Việt Nam sau năm 1975.

Rất nhiều nhà văn và các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ cùng tác giả một số nước đã dùng ngòi bút mô tả hình bóng con người cùng nỗi đau của họ sau cuộc chiến với góc nhìn khác nhau. Thân phận con người bị xô đẩy, chà đạp, thể xác,

tâm hồn cùng nỗi cô đơn, trống vắng, chết chóc tang thương. Tất cả cùng toát lên tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Mỗi tác phẩm một bức thông điệp gửi cho nhân loại, gửi tới mai sau về một thời con người bị hủy diệt bằng những thứ vũ khí tối tân nhất, cùng những hành động man rợ nhất của chính con người đối với con người. Phần nhiều tác phẩm chống lại cái ác, tố cáo tội ác của những người âm mưu chủ trương cuộc chiến tranh. Chia sẻ với những số phận bất hạnh, cứu giúp, nâng đỡ họ đứng dậy, giành lại sự sống đang bị cái ác chiến tranh bao vây dồn đuổi trên con đường cùng kiệt.

Đề tài hậu chiến, mỗi câu chuyện, mỗi tình tiết như một dấu ấn, không có bất kỳ một sự hư cấu nghệ thuật nào, một sự tưởng tượng ý thức vượt được sự thật khủng khiếp của hiện thực đã có. Một hiện thực không bị mờ khuất mà nó luôn hiện hữu trên mỗi con người, mỗi vùng đất nơi chiến tranh đã đi qua. Đó chính là đối tượng miêu tả của văn học hậu chiến, của những ngòi bút khám phá nỗi đau và sự bất hạnh của con người trong thế giới thời bình.

Các nhà văn Hoa Kỳ cùng các cựu binh Mỹ từng có mặt trong cuộc chiến tranh Việt Nam đã viết hơn 500 cuốn sách bằng các thể loại tiểu thuyết, truyện ký, hồi ức về cuộc chiến tranh Việt Nam và hệ lụy của hậu quả chiến tranh trút lên con người, đè nặng tâm hồn thể xác con người của hai đất nước. Một số tác phẩm từ cái nhìn số phận một con người cùng nỗi bất hạnh thời hậu chiến để nhìn lại cuộc chiến tranh trước đó. Dù viết dưới hình dạng nào ngôn ngữ độc thoại hay tả trực diện, tự thuật hay sáng tác văn học đều mang dấu ấn hiện đại của thời hậu chiến.

Tác phẩm “Đếm xác” tiểu thuyết của W.Hughet miêu tả nỗi kinh hoàng của lính Mỹ tham chiến ở Khe Sanh. Nhìn rõ sự

thật, hoài nghi tốt cùng, đã đẩy người lính vào những ám ảnh bởi cái chết đau đớn thảm hại. Hậu Khe Sanh là gì? Lại những cuộc đụng độ và “Đếm xác”. Một sự thật quá sức mừng tượng của hư cấu nghệ thuật. Phần lớn các sáng tác dù là tiểu thuyết hay hồi ức, con người cùng số phận của họ luôn là Trung tâm của tác phẩm.

Tiểu thuyết “Ngày sinh mừng 4 tháng 7” của John Cowike nói về một thế hệ thanh niên có tri thức, có văn hóa của nước Mỹ bị lừa vào cuộc chiến tranh Việt Nam để rồi nhiều người phải gánh nỗi hận vì bị tàn phế suốt cả cuộc đời. Nhân vật Robert Muler đã phải thốt lên: “Tôi đã mất ¾ thân thể ở Việt Nam. Cuộc đời còn có nghĩa gì đâu. Tất cả những gì đối với tôi đều là vô nghĩa”. Sống ở một đất nước giàu mạnh như nước Mỹ mà cuộc sống vô nghĩa. Thế mới biết hậu họa cuộc chiến tranh khủng khiếp biết nhường nào. Nó không chỉ biến con người thành một cơ thể vô hồn mà thực tại con người phải khắc khoải trong nỗi đau tuyệt vọng. Từ góc nhìn cá thể số phận của một nhân vật để nhìn lại cuộc chiến tranh tàn khốc và vô nghĩa. Đó cũng là một thông điệp mới về cách nhìn chiến tranh của Larry Heneman. Chiến tranh theo ông, đã dẫn con người tới sự sống vô nghĩa.

Tác giả John Nicholair với tiểu thuyết “Máu Mỹ” không chỉ lên án sự tàn bạo của cuộc chiến tranh, coi người chủ trương cuộc chiến tranh Việt Nam là kẻ sát nhân và ông đã ví chiến trường như một cái chợ bán thịt người. Điều sâu sắc trong tiểu thuyết “Máu Mỹ” chiến tranh mới chỉ kết thúc ở chiến trường, nhưng chiến tranh vẫn đeo đẳng người lính Mỹ về tận nước Mỹ tàn phá cuộc đời của họ. Chỉ có dòng văn học hậu chiến tranh Việt Nam mới có hình ảnh kết cục với người Mỹ như thế. Nhưng suy cho cùng đó là số phận con người mà bất kỳ cuộc chiến tranh nào, người lính cũng phải gánh chịu.

Trong cuốn hồi ký “Cha con tôi” NXB Chính trị quốc gia Hà Nội dịch in 1998, tác giả Đô đốc E.Junwalt đã thú nhận nỗi bi thảm của gia đình mình. Ông viết: “Do những mệnh lệnh mà tôi đã đưa ra để tăng cường rải chất độc da cam ở miền Nam Việt Nam. Lúc đó, trong ý thức tôi không hề nghi ngờ rằng, cuối cùng bằng cách gián tiếp, tôi đã phải chịu trách nhiệm trước việc Elmo con trai tôi khi đó đang đi tuần tiểu ở Việt Nam, những vùng mà chính tôi đã ra lệnh rải thảm chất độc. Elmo và cả đứa cháu nội của tôi sau này cũng bị nhiễm nặng chất da cam. Điều đó đã biến tôi thành một công cụ trong tấn thảm kịch của gia đình mình. Những gì đã xảy ra đối với con trai tôi và Russell cháu tôi đã hằn sâu thêm cảm xúc về sự phù phiếm của cuộc chiến tranh Việt Nam. Nó là bài học đau đớn nhất của cuộc đời tôi”.

Nhận ra sự thật, viết lại sự thật bằng cảm và nhận từ chính nỗi đau của người cầm bút, nên hầu như các tiểu thuyết, hồi ký về hậu quả chiến tranh Việt Nam đều được mô phỏng chủ thể rất rõ ràng. Hình tượng về con người và thảm họa con người sau cuộc chiến tranh được chuyển tải bằng thứ ngôn ngữ của trái tim bị rung động thực sự. Bị cuốn hút bởi một thực tế, một hiện thực không thể tưởng tượng, không thể hư cấu hơn, tự nó đã làm nên giá trị tư tưởng của tác phẩm. Một cuộc chiến tranh phi nghĩa đã hủy diệt tận cùng đối với con người, cần phải ngăn chặn những cuộc chiến tranh như thế.

Tại Việt Nam, để tài hậu quả cuộc chiến tranh gần như đã trở thành tiếng nói của lương tri, được chuyển tải qua nhiều phương tiện xuất bản và truyền thông. Hàng trăm tác phẩm dưới hình thức truyện ký, tiểu thuyết, truyện ngắn, hồi ký.v.v. Về để tài hậu chiến tranh đã ra đời. Cùng các để tài khác đã tạo nên một tiếng nói nhân đạo, bênh vực và chia sẻ với những số phận đang từng ngày phải đối mặt trước thân chết và khổ

đau. Tuy còn có mặt hạn chế của phương pháp biểu cảm nghệ thuật, nhưng qua những tác phẩm, bạn đọc biết được sự thật khủng khiếp của cuộc chiến tranh dội xuống xứ sở Việt Nam, làm biến dạng hủy hoại bao sinh mạng, đẩy hàng triệu con người vào hoàn cảnh nửa sống, nửa chết, quằn quại, đau đớn suốt gần 40 năm hòa bình.

Trong phạm vi bài viết và cuộc trao đổi đối thoại cùng các nhà văn tại Boston hôm nay cùng gợi ý của ban tổ chức, chúng tôi chỉ xin được trình bày vài nét về hình ảnh cuộc sống mong manh của những phận người trong tập truyện ký “Di họa chiến tranh” của tôi (Nhà văn Minh Chuyên) tác giả cũng đang “mang họa” của chất độc hóa học trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Tập truyện đã được dịch và xuất bản tại nước Mỹ mà tôi đã chuyển đến, một số nhà văn trong cuộc hội thảo này.

“Di họa chiến tranh” gồm 17 câu chuyện cùng cất lên tiếng nói về sự sống bất hạnh và nỗi đau khôn cùng của những kiếp người đang phải gánh chịu hậu quả của thứ vũ khí mà người Mỹ và quân đội các nước chực chờ sử dụng ở Việt Nam. Chuyện “Người không cô đơn” trong tập kể lại cuộc hành trình của nhân vật Nguyễn Đình Thúc, một người lính còn sống sót từ chiến trường trở về, nhưng không nhớ được con đường về với gia đình. Vết thương đã làm biến dạng thân hình anh, cướp mất cái trí khôn làm người, biến anh thành một kẻ tâm thần, điên dại, ngày ngày sống lang thang nơi đầu đường xó chợ. Giữa lúc hấp hối, anh được một gia đình nghèo ở Hà Nội thương tâm đón về nhà chữa trị, nuôi dưỡng suốt hơn 10 năm trời. Chính lòng nhân đạo của con người đã cứu anh, đưa anh về sống cùng cha mẹ đẻ sau 15 năm lang thang lưu lạc.

“Vào chùa gặp lại” một câu chuyện cảm động kể về người con gái có tên Lương Thị Thân, một thanh niên xung phong ở

Trường Sơn những năm chiến tranh. Khi hòa bình trở về tuổi xuân đã phai tàn, lại mang trên người hai vết thương, một vết cột sống, một vết thương chất độc. Chính cái vết thương không có mảnh đạn này, đã triệt hại người con gái trong cuộc đời của Thân. Thấy cảnh người bạn lấy chồng sinh ra những đứa con nửa là người, nửa không phải là người, Thân không muốn mình cũng sinh ra những đứa con như thế, chỉ thêm gánh nặng cho xã hội. Thân đã từ biệt người yêu để vào chùa tu hành. Vào nơi cửa Phật có thời kỳ Thân còn nuôi 9 đứa trẻ tật nguyền là con các nạn nhân da cam. Nghị lực, bi kịch và lòng nhân ái của nhà sư đã trở thành một hình tượng đẹp, làm rung động hàng triệu trái tim khi tác phẩm ra đời.

“Câu chuyện sau chiến tranh” một câu chuyện ân nghĩa tình người và lòng nhân đạo của con người được tác giả kể lại có nhiều tình tiết hấp dẫn. Trong một trận quyết chiến giữa quân giải phóng và quân đội Mỹ trên một vùng rừng của tỉnh Kon Tum. Trong lúc Paud Reed người lính Mỹ bị trúng đạn, cái chết đang sát lại, thì được một chiến sỹ quân giải phóng tên là Nguyễn Văn Nghĩa lao vào băng bó, cứu sống. Ngay sau đó lính Mỹ lướt tới, cướp thương binh, bắn uy hiếp, ông Nghĩa nhanh chóng rút về phía sau bỏ lại chiếc ba lô bên cạnh Paud Reed. Trở về nước Mỹ Paud Reed kể lại câu chuyện cho người mẹ của mình. Mẹ Paud Reed bảo khi nào chiến tranh kết thúc con phải sang Việt Nam đến tận gia đình người lính ấy mà trả ơn cứu mạng. Năm 1993 theo lời mẹ, Paud Reed đã sang Việt Nam, nhờ quyển sổ có ghi địa chỉ, tên tuổi trong chiếc ba lô mang về Mỹ, Paud Reed đã tới được gia đình ông Nghĩa ở xã Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình. Được biết Nguyễn Văn Nghĩa bị di chứng chất độc Dioxin, Paud Reed đã đưa ông Nghĩa sang Mỹ chữa bệnh rồi đề nghị ông ở lại sống chung với gia đình mình. Ông Nghĩa đã từ chối. Giữ ông không được, Paud Reed xin nhận đỡ đầu người con trai của ông là Nguyễn Văn Diễn

sang sinh sống tại thành phố Dallas quê hương của Paud Reed, đến nay đã gần 20 năm... Thật kỳ diệu, câu chuyện về hai con người từng là kẻ thù của nhau rồi lại ân nghĩa vì nhau.

Cuộc chiến tranh Việt Nam đã khép lại gần 40 năm, nhưng hậu quả của nó vẫn còn đang tiếp diễn và ngày càng thảm hại. Chúng tôi các nhà văn Việt Nam lên tiếng kêu gọi các nhà văn Mỹ với lương tâm và thiên chức của người cầm bút hãy tiếp tục viết về đề tài hậu quả chiến tranh nhằm thức tỉnh lương tri nhân loại cùng chính phủ Mỹ, chính phủ các nước có liên quan để họ có hành động vì sự sống và số phận những con người đang gánh chịu hậu quả từ cuộc chiến tranh Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn các nhà văn.

Boston 6.2014

CẢM QUAN THẨM MỸ CỦA MAI VĂN PHẤN TRONG "BẦU TRỜI KHÔNG MÁI CHE"(1)

Nguyễn Thị Bích Phụng

LỜI MỞ

Như nhiều tác giả cùng thời, thơ Mai Văn Phấn xuất phát từ truyền thống, kết hợp có chọn lọc các khuynh hướng, trường phái trên thế giới. Từ đó, ông cho ra đời nhiều tập thơ có giá trị. Đến đầu năm 2014, Mai Văn Phấn đã cho xuất bản 11 tập thơ Việt ngữ, bổ sung và tái bản 10 tập thơ song ngữ. Riêng tập *Bầu trời không mái che – Firmament without Roof Cover* – tập thơ đoạt giải thưởng của Hội Nhà văn VN năm 2010, được tái bản lần thứ 4, phát hành tại Hoa Kỳ, Canada, Anh, Úc và các nước châu Âu, là tập thơ mà chúng tôi muốn nói đến trong bài viết này. Ở đây, thơ Mai Văn Phấn được hiển lộ vẻ đẹp ẩn mật từ những tập thơ ở giai đoạn trước và những giá trị cách tân cho đến những tập sau này, đều ẩn chứa một cảm quan thẩm mỹ riêng biệt từ nội dung đến hình thức trong thơ. Bài viết này đề cập đến một số dạng thức thẩm mỹ đặc sắc trong thơ Mai Văn Phấn.

1. Cái Đẹp: cội nguồn sự sống

Điểm xuyên suốt lộ trình sáng tác của Mai Văn Phấn, nếu *Vừa sinh ra ở đó* (thơ, Nxb. Hội Nhà văn, 2013) là “điểm đến” của ông thời hiện tại, thì *Bầu trời không mái che* là cánh cửa, điểm xuất phát trong quá khứ để đưa ông đến với ngôn ngữ thơ như nhiên, trẻ trung, đa tầng đa nghĩa trong thế giới *không mái che* này.

Mai Văn Phấn xem việc sáng tác là luôn làm mới mình, không lặp lại chính mình, nhất là cái đẹp nghệ thuật. Đó là quy luật, sức sống của sáng tạo. Con đường sáng tạo nghệ thuật không bao giờ có điểm dừng và luôn là một cái Khác của cái khác đã cũ. Thơ Mai Văn Phấn thường lấy con người làm đối tượng, qua đó ông bộc lộ quan niệm nghệ thuật về nhân thế, nhân sinh, lẽ sống,... Các bài thơ *Đá trong lòng suối*, *Giai điệu xuân*, *Cốm hương*, *Vườn em*, *Đỉnh gió*,... luôn dẫn dụ người đọc đến mở cánh cửa sớm mai thấy được những vẻ đẹp tiềm ẩn của cuộc sống. Đó là một thế giới phồn sinh, hóa sinh giàu màu sắc và luôn bất định. Trong thơ ông, ta nhận ra một thế giới động cựa sinh sôi, đa tầng. Ở đó, con người là nhân tố quan trọng để gieo trồng, di dưỡng thế giới này bằng vẻ đẹp của cái khác nó. Nó như một “cơ duyên” mà tâm hồn thi sĩ vừa chạm phải, nắm bắt được. Cái đẹp là khởi nguồn từ sự sống, vòng xoay của cuộc đời, là cái ngưỡng của âm dương, là nguyên lý bản nguyên của vũ trụ. Phải chăng văn chương là “hành trình đơn độc đi tìm cái đẹp. Tác phẩm văn học, trước hết quay lại hoàn thiện nhân cách, quan niệm thẩm mỹ và định hướng cho chính nhà văn ấy”[5,tr.448]. Từ quan niệm thẩm mỹ này, ta thấy, *Bầu trời không mái che* là một thế giới của cái đẹp được sinh tụ với nhiều sắc diện, là một cảm quan mở không hồi kết.

Ví như ở *nhịp III, Mùa trắng*, là nhịp quay của thời gian, kết thúc một ngày và mở ra một ngày mới: *Con bỏ câu đã về/ Mang cả buổi chiều/ Kẹp trong đôi cánh/ Một buổi chiều khoác bộ lông màu lam* (Mùa Trắng).

Không chỉ dừng lại ở cái đẹp của trạng thái kết thúc và mở ra vòng quay của thời gian tươi mới, thơ Mai Văn Phấn còn mở rộng vào trạng thái sinh nở, mang thai, ái ân,... một trong những biểu hiện đẹp đẽ nhất của sự sống: *Đây là thời khắc ái ân/ Thấp sáng lãnh địa bóng tối/ Mùa phồn sinh thụ phấn, kết hạt/ Mặn nồng thêm thiếp trắng khuya* (Mùa trắng).

2. Cái Đẹp: sinh quyền không mái che

Bầu trời không mái che là một hình ảnh ẩn dụ, là một “Bầu trời”, một thế giới thơ không có một “mái che”, “vòm trời” nào nữa. Đó là một thế giới khoáng đạt và bất tận bởi ánh sáng của sự sống, vũ trụ. Trước tiên, chúng ta gặp không gian sinh quyền của mùa màng. Mùa hè *có chiếc váy cuối hạ*, mùa thu *có hoa vòng vàng*, mùa đông có gió lạnh với tiếng mèo gào ân ái, mùa xuân chộn rộn với cây ải, gieo trồng, của *giao hoan nhanh như cắt của đôi sẻ nâu*. Không gian riêng tư của từng sự vật là những mắt xích phi logic trong bầu sinh quyền của ông: *Tiếng chim Bách Thanh tung lưới/ Thít chặt anh cùng bông bướm, rẽ si/ Hoa cấm quỳ, oải hương, phong lữ.../ Dịu dàng thêm khăn áo mùa thu* (Vườn em). *Chớp sáng nứt vỏ/ Mùa xuân trào miêng hạt/ Chờ nảy lá mầm/ Gió mang mặt đất đi* (Đỉnh gió). Trong tập thơ, Mai Văn Phấn hay nhắc tới đất đai, sông nước (*màu rạng đông chìm vào đất*, Nhịp III - Hình đám cỏ), chuyển động dòng sông (*sông cuộn xiết con cá động đục lóe sáng mặt nước*, Nhịp I - Hình đám cỏ). Nếu phân chia tập thơ thành ba tầng của tâm thức: trời - đất - cõi tâm linh, *Bầu trời không mái che* lại lộ rõ cái cao vợi của tầng trời, của *Cửa Mầu*, thấy sự phi

nhiều sinh sôi nảy nở của cuộc sống hiện tại (Hình đám cỏ), và cả cái tâm không của cõi ta bà quá khứ vị lai trong tưởng tượng (*Mùa trắng*). Nếu theo nhãn quan của thuyết vô thức, mặc cảm tình dục bị dồn nén của Freud thì chúng ta lại được chiêm ngắm khoảng không để tình nhân tình tự của *Vườn em, Đỉnh gió, Hình đám cỏ*. Khoảng không ấy là một sinh quyền tổng hợp của các mối quan hệ thiên nhiên vũ trụ và con người. Nó được gắn kết hài hòa dung đầy đưa nhau tìm về cái Đẹp Khác khi thăng hoa: *Mở mắt quả chuông đen/ Khép lại vòng vây ánh sáng/ Em đang xa quả chuông/ Boong.../ Boong.../ Giữa trời một bông hoa cúc* (Nhịp I - Hình đám cỏ). Âm thanh *Boong...* với ba dấu chấm lửng và việc ngắt dòng, tách âm thanh tiếng chuông càng vang xa, càng có khoảng lặng trắng để người đọc tự lạc lối tìm về cái Đẹp của cái Khác. Câu thơ *Giữa trời một bông hoa cúc* lại mở ra một chân trời mới khác, đẹp đẽ và dịu dàng quyến dụ say mê lòng người. Là cái Đẹp Khác mà người đọc đồng hành tìm thấy. Sắc màu của sự thăng hoa trong tình yêu được vẽ ra trước mắt khi mọi cái đều ra đi từ tự thân và trở về trong sự mãn nguyện. Hay đó cũng là công đoạn hoàn thiện nhất, tối ưu nhất của một quá trình đi tìm cái Đẹp.

3. Cái Đẹp: không – thời gian “lập thể”

Ngoài cái Đẹp Khác được sinh tự, *Bầu trời không mái che* còn có cái Đẹp được thiết lập từ những mảng không gian lập thể. Nó giống như một bức tranh lập thể của ký ức và tưởng tượng. Không gian lập thể nằm ngay trong từng bài/ nhịp/ phân đoạn thơ. Ngay Nhịp I của bài thơ *Cửa Mầu*, những mảng không - thời gian đồng hiện gắn kết nhau, mười câu thơ ngắn mở ra tám mặt không gian: Không gian trời mưa sương; không gian cao vợi vợi của ngọn tháp... Thao tác đưa xa rồi lại kéo lại gần, mở ra nhiều ngã rẽ, cung đường trên lộ trình tìm

đến đích của cái Đẹp.

Ngoài việc mở ra nhiều mảng không gian đời sống thường nhật bằng những quan sát cảm nhận tinh tế, Mai Văn Phấn còn là người có đôi mắt biết nhìn và đôi tai biết nghe đầy nghệ thuật, để có thể ghi lại những khoảng khắc giao thoa của vạn vật, vạch chạm ngưỡng thời gian hoán đổi của ngày và đêm, của thời khắc giao mùa: *Hừng đông sinh muông thú, cây trái, tiếng động/ Hoa lồng đèn, mai dạ thảo tươi ròn/ Màu rạng đông chìm vào đất* (Nhịp III - Hình đám cỏ), (Thu đến, Mùa trắng). ***Bầu trời không mái che*** hiển hiện sức sống mạnh mẽ, tràn đầy năng lượng: *Một chiếc lá nảy mầm, mặt đất ấm nồng, chim non vươn lên thành tổ, gợn sóng lấp lánh trên dòng sông chảy xiết, mùa phồn sinh mặn nồng, giao mùa vòm lá chật căng cho thấy, cái Đẹp phồn sinh và hoá sinh vô thường và bất định.*

Có lẽ vì thế, mà ***Bầu trời không mái che*** chứa đầy biểu tượng mang tính Mẫu như mặt đất, ánh sáng, sông nước, biển cả đại dương, là Em. Mẫu là mẹ của sự sống, sự sinh trưởng nảy nở. Vì trong tâm thức, ông đã là người quý trọng cuộc sống này, là người “may mắn nhìn thấy một thế giới khác, mang hình hài nó, nhưng không phải nó... Vẻ đẹp này không phải lúc nào cũng hiển hiện trước mắt nhà thơ, mà xuất hiện như một cơ duyên, hoặc đột khởi trong những biến động tinh thần con người.”[1,tr.448].

Mảng không gian dành cho đôi tình nhân thăng hoa cũng là một lát cắt làm nên mặt lập thể của bức tranh đa chiều ***Bầu trời không mái che***. Đó là khúc du ca tình yêu trong thơ Mai Văn Phấn vang lên bất tận vừa tinh khôi, vừa mang âm hưởng thiên nhiên đại: *Tiếng chim Bách Thanh tung lưới.../ Hoa cầm quỳ, oải hương, phong lữ.../ Anh bước lên vạt nắng, /Một con thuyền ban mai.* Bài thơ hoà quyện giữa cảnh vật và con người

(*tiếng chim Bách Thanh, hoa, con thuyền ban mai*). Cảnh vật làm phong nền cho em và anh. Nó quyến dụ từ tiếng chim Bách Thanh, hoa cầm quỳ, oải hương, phong lữ và chất thiển ngự trong câu thơ *anh bước lên vạt nắng, một con thuyền ban mai*, con thuyền của đôi lứa.

Đôi lúc lại phơi lộ những điên cuồng mãnh liệt bằng nhiều động từ (*cuốn, vò nát, xé, cuồng nộ, níu, giật...*), những âm bậc cảm xúc được lắp ráp từ nhiều mảnh và khoảng trống, tác giả trao cho người đọc một vũ khúc giao hoan (Đỉnh gió). Mỗi câu thơ là một tâm trạng, một cảnh phong tình hào hứng lãng mạn và quyến rũ tình yêu chạy tung tăng về đến đích (*nắng chảy, mùa nước về, gió lên, chim ra ràng, lũ nắm mở mắt*), khi được khai mở bằng nhiều góc nhìn khác nhau. Đứng ở góc nhìn phân tâm học của Freud, những bài thơ *Đỉnh gió, Vườn em, Hình đám cỏ* hay nhiều bài thơ trong những tập khác, là những bài thơ bày tỏ ẩn tình, mức độ giao hoan và đầy nhục cảm của vô thức tính dục (libido).

Cảm quan thẩm mỹ về cái Đẹp của Mai Văn Phấn là một ***Bầu trời không có mái che***. Nó thụ hưởng cả không gian thoáng đãng, cao sâu của cả bầu trời, miền linh giác, ẩn ức... Nó được cắt cúp những mảng không gian của hiện tại, tương lai và quá khứ đan cài, làm nên khối không gian lập thể nhiều góc nhìn của quá trình phồn sinh/ hoá sinh; chúng luôn chuyển động, bật thức để tìm cách gieo trồng, duy trì sự sống. Trước và sau những đỉnh điểm, là những thanh âm trong suốt, vẻ đẹp diệu vợi, tĩnh lặng đến khôn cùng của sự sống. Phải chăng “sự khác nhau giữa nguyên mẫu và tác phẩm bao giờ cũng được giải thích bằng *thiên tài*”[8]

4. Cái Đẹp: sự đa dạng trong cấu trúc diễn ngôn thơ

Cửa Mẫu, bài thơ dài với 9 phân đoạn, được hiện qua đức hiếu sinh, qua khát vọng, sự thành tâm được mặc định như một lời khẩn niệm của tình yêu, sinh nở, gieo trồng trên thế gian. Nếu *Cửa Mẫu* phần 1, khởi đầu của tình yêu mang tính mẫu di dưỡng chúc năng tạo hình hài, thì ở phần hai tập thơ là *Mùa trăng* với các bài làm chủ lực như *Vườn em*, *Đỉnh gió* là khoảng không gian nhiều sắc độ của cảnh phong tình. Phần thứ ba, ở *Hình đám cỏ*, Mai Văn Phấn đẩy cảm xúc phong tình lên đến đỉnh điểm tốt cùng với cách dùng nhiều động từ mạnh liên tiếp, nhiều hình ảnh, nhiều góc nhìn đa dạng lúc gần lúc xa, người đọc chủ động vươn về phía cảm xúc thăng hoa. *Hình đám cỏ* có cấu trúc một trường ca hiện đại giàu sắc màu tự sự, với 13 phân đoạn. Có sự xuất hiện giữa thơ tự do và thơ văn xuôi, biểu thị cho cảm xúc căng tràn và mãnh liệt ở trường ca này. Chất nền rộng cho bản trường ca mang tính thơ trường thiên, trữ tình này rộng mở, đó là tình yêu thăng hoa, khoảnh khắc tái tạo nên cái Đẹp ở cuộc đời. Ở Nhịp I, mở đầu bằng bước chân gõ lên mặt đất của sơn dương, bằng buổi sớm thanh tân, và giờ ban lễ thánh đường. Thắt nút được mở, *Em đang xa quả chuông.../ giữa một trời hoa cúc*. Kết thúc là lời sám hối rửa tội cho anh, là cảm giác mát mát, buồn lẽ khi vắng em. Nhịp II, là nỗi nhớ ức chế đến đỉnh điểm làm phong nền cho tưởng tượng bước ra tung tẩy với những cao trào của cảm xúc. *Lặng lẽ một mình đan ngón tay/ Anh thành hạt đậu, mũi kim/ Chiếc đũa lẻ loi*. Nhịp III, tác giả dành cho nỗi nhớ về những khoảng không - thời gian người ấy đã đến, qua, rồi đi. Trong đó có rất nhiều những vật dụng, những vụn vặt đời thường sinh hoạt. Nhịp IV, tác giả mở ra đưa đôi tình nhân về không gian của đồng đất, núi cao, vườn trái cây chín mọng...

Cứ như vậy, Mai Văn Phấn dẫn người đọc đi hết chiều dài mỗi Nhịp trường ca, như mỗi nhịp thở sinh học trong chu trình thăng hoa và biến tấu của cảm xúc về vũ khúc giao hoan có

mở đầu, đỉnh điểm và kết thúc.

Một trong những cấu trúc khác nữa xuất hiện trong tập *Bầu trời không mái che* là dạng có cấu trúc theo vòng đời: Sinh ra - lớn lên (trải nghiệm, tổn thương...) - già cỗi (suy ngẫm và hối lỗi thành tâm như một lời khẩn nguyện...). *Cửa Mẫu* là một dạng như thế.

Dạng cấu trúc thời gian đồng hiện, hay rời rạc, phân mảnh cũng tìm thấy trong tập thơ. Sự rời rạc, phân mảnh này được thể hiện qua đơn vị thời gian, ngôn từ và hệ thống hình ảnh xuất hiện. (*Người đã khuất bỗng về trong hoa nở/... Chợt nhớ mùa nước lớn ngập tràn hang động*). Nhịp V- *Hình đám cỏ* (*Bờ vai em bức tượng ngày xưa/ Anh giấu kín ngăn sách/ Cây cầu bắc qua tháng ngày/ Nơi lũ trẻ giữ bao bí ẩn*). Bài *Cốm hương* (*Cốm non lãng đãng sương giăng cho đến đêm ái ân lãng phắc ngọn đèn*), Nhịp I, VI (*Động rộn sương đêm/ tổ chim hơi thở ban mai, Bông hồng sớm nay anh thấy*)

Bầu trời không mái che, lộ thiên nhiều đỉnh nhọn chỉ nơi cao nhất, hay nhiều dạng sự vật có thể làm nên “đỉnh”, hay chẳng đó cũng chính là “đỉnh” của cảm xúc. *Cửa Mẫu* có đỉnh ngọn hải đăng, *Mùa trăng* có *Đỉnh gió*, *Hình đám cỏ* có đỉnh vách núi dựng đứng, đỉnh ngọn sóng sắc nhọn, đỉnh cánh bướm, đỉnh đền đài cao vút, núi non sừng sững, đỉnh của giờ tái thế... Mỗi người đọc khi tiếp nhận văn bản đã hoá văn bản thành một tác phẩm văn học khác nhau. Có thể, họ sẽ lấy cách lý giải về “đỉnh” bằng yếu tố môi trường, cuộc đời, miền đất, nơi nhà thơ sinh sống; hoặc giả giải thích bằng biểu tượng: đỉnh mà cuộc cách tân thơ của nhà thơ phải vượt qua; hay đơn giản hơn chỉ là đỉnh của những sự vật hiện tượng mà tác giả nhìn thấy rồi phản ánh lại với sự cố gắng chính xác nhất. Riêng trong bài viết này, “đỉnh” ở đây được hiểu như “đỉnh” của cung

bạc thăng hoa cảm xúc.

LỜI KẾT

Tập thơ *Bầu trời không mái che* được sáng tạo từ tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, vốn sống phong phú đầy trải nghiệm và chỉ hướng cách tân táo bạo của nhà thơ. Mai Văn Phấn đã ghi dấu ấn quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của mình, góp phần vào quá trình cách tân thơ Việt đương đại. Thơ ông đã tạo nên một từ trường về cái Đẹp của cuộc sống, thiên nhiên, con người. Đó là những khoảng khắc độc sáng và tinh anh, mỏng manh vừa tinh khiết nhất trong sự chuyển động của diễn trình phồn sinh và hoá sinh và hoá giải không ngừng làm nên cái Đẹp trong *Bầu trời không mái che*. Bầu sinh quyển rộng lớn và thoáng đãng luôn sinh tụ nghĩa mới, làm nên cái Khác với cái khác đã cũ.

Tuy nhiên, việc tìm thấy cái Đẹp tiềm ẩn trong thơ ông cũng không phải là chuyện dễ dàng. Đó, suy cho cùng vẫn là chỗ chưa đến của hành trình tìm; tuy cũng có thể do tầm đón đợi chưa chạy về kịp với thời gian. *Bầu trời không mái che* hay những tác phẩm của ông, vẫn còn đó những quặng tầng cần người khai mở để cùng với thời gian, cái Đẹp, cái Khác lại xuất hiện./.

TP. Hồ Chí Minh, 20/8/2014

N.T.B.P

[1] Tập thơ, Nxb. Hội Nhà văn, 2010.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Hà, 2012, Một số cách tân nghệ thuật trong thơ Mai Văn Phấn, <http://maivanphan.vn>.
2. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), 2002, Lịch sử văn học Việt Nam tập 3, Nxb ĐHSP.
3. Mai Văn Phấn, 2013, Bầu trời không mái che, Nxb Hội Nhà văn.
4. Mai Văn Phấn, 2013, Những hạt giống của đêm và ngày, Nxb Hội Nhà văn.
5. Mai Văn Phấn, 2011, Thơ tuyển Mai Văn Phấn, Nxb Hội Nhà văn.
6. Mai Văn Phấn, Về đẹp và quyền năng thơ ca, (Báo Văn Nghệ 2/2012).
7. Mai Văn Phấn, <http://maivanphan.vn>
8. Lộc Phương Thuỷ (chủ biên), 2007, Phê bình Lý luận văn học Thế giới, (tập 1,2), Nxb Giáo dục
9. Đỗ Lai Thúy, 2012, Thơ như là mỹ học của cái khác, Nxb Hội Nhà văn

"CHIẾU NGHỈ" GIỮA KHOẢNG THƠ

Lê Thị Bích Hồng

Đội ngũ nhà văn các dân tộc thiểu số như: Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Triều Ân, Vi Hồng, Nông Minh Châu, Y Phương, Lò Ngân Sủn, Cao Duy Sơn, Lâm Tiến... với những đóng góp của mình đã làm nên diện mạo mới, độc đáo, giàu bản sắc văn hóa dân tộc cho nền văn học nước nhà. Trong số đó, Hứa Vĩnh Sước – Y Phương - người trai Tày sinh ra và lớn lên ở làng Hiếu Lễ, dưới chân núi Bo Păn (Trùng Khánh, Cao Bằng) nổi lên như một gương mặt thơ tiêu biểu, xuất sắc, một phong cách riêng, độc đáo cho vùng văn hóa dân tộc miền núi vừa đậm đà bản sắc “người đồng mình”, vừa rộng mở giao hòa với vùng văn hóa rộng lớn để hợp lưu thành con sông văn chương Việt Nam.

Thơ và tình yêu là sự sống của “Người đàn ông làng Hiếu Lễ”

Với quan niệm, “*Văn chương là một việc làm trả ơn những người sinh thành và nuôi dưỡng mình*”, hơn 30 năm qua, Y phương lặng lẽ sáng tác, lặng lẽ thử nghiệm và không ngừng sáng tạo để có thể công bố khối lượng tác phẩm không nhỏ với một tập kịch “*Người núi Hoa*” (1982); tám tập thơ, trường ca: “*Tiếng hát tháng Giêng*” (1986), “*Lời chúc*” (1987), “*Đàn then*” (1996), “*Chín tháng*” (trường ca, 1998), “*Thơ Y Phương*” (2000), *Thất*

tàng lốm (Ngược gió, song ngữ Tày-Việt, 2006), “*Đò trắng*” (2009), “*Bài hát cho Sa*” (2011); hai tập tản văn “*Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm*” (2009) và “*Kungfu người Co Xâu*” (2010). Hiện anh đã hoàn thành bản thảo cuốn tản văn thứ ba: “*Fừn Nền – Củi Tết*”; hai tập thơ song ngữ “*Vũ khúc Tày – Tủng Tày*” (108 bài thơ tình), “*Hoa quả chuông- Bjooc ăn lỉnh*” và “*Thơ ở mẫu giáo Y Phương*” (tranh tác giả).

Như “*con tằm rút ruột nhả tơ*”, tác phẩm của Y Phương đã thoi vào làng văn Việt một ngọn gió riêng, để tên tuổi anh *bội thu* những “*Mùa hoa*” giải thưởng: Giải A cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội 1984; Giải thưởng loại A của Hội Nhà văn Việt Nam (1987) với tập thơ “*Tiếng hát tháng Giêng*”; Giải A của Hội đồng Văn học dân tộc – Hội Nhà văn Việt Nam với tập thơ “*Lời chúc*”; Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, Nghệ thuật Việt Nam, Giải B của Bộ Quốc phòng với trường ca “*Chín tháng*” (2001); Giải thưởng Hội văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2011 cho tản văn “*Kungfu người Co Xâu*”; Bằng khen của Hội Nhà văn Việt Nam cho “*Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm*” (năm 2010). Nhà thơ dân tộc Tày vinh dự được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật năm 2007.

Nhưng có một Giải thưởng khác tinh diệu hơn lại nằm trong trái tim yêu mến của độc giả bởi sức lan tỏa tự thân từ tác phẩm. Nhất là từ khi bài thơ “*Nói với con*” đưa vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông (lớp 9), thì tên tuổi Y Phương đến gần hơn công chúng, với người yêu thơ, với giáo viên và học sinh bởi thông điệp nhân văn từ một Tuyên ngôn về cái Đẹp, về Bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục*

Để làm nên phong cách riêng, Y Phương luôn ý thức đi tìm cái mới, cái đẹp. Anh cho rằng, sáng tác văn chương không tìm thấy cái mới, sự độc đáo thì rất khó lưu lại trong trái tim độc giả. Với Y Phương, văn chương là *“một thứ chơi. Chơi cho mình thích và cho người ta thích”*. Lao động sáng tạo phải mang dấu ấn cá nhân và đậm vùng văn hóa khi nhà thơ tâm niệm *“Khi con tim không rung, đôi tay không buồn, cầm cây bút sao nổi. Cầm bút không nổi lấy đâu ra thơ ca. Cảm xúc sáng tạo không phải là thứ đặt hàng...”*.

Một điều dễ nhận thấy *“mẫu số chung”* trong những sáng tác của Y Phương là sự vịn bám vào cuộc sống muôn màu của người vùng cao, nhưng anh đã tìm được lối đi riêng, làm nên một phong cách nhà thơ Tày không nhòe lẫn. Sự gắn kết sâu sắc với cội nguồn xứ sở quê hương đã giúp anh thành công *“Sự tha thiết với xứ sở dân tộc mình chính là nhịp tim thầm kín, bền vững nhất trong từng bài thơ Y Phương, là cốt lõi của giọng hát Y Phương”*^[1]. Làm nên âm điệu riêng của Y Phương chính là sự đan cài những mảng màu để dệt nên *“bức tranh thổ cẩm nhiều màu sắc”* trên cái phong nền miền núi, người vùng cao. Nhưng có điều, nếu bức tranh thơ ấy không đủ sức gợi, nếu thiếu đi chút *“là lạ”*, *“ngổ ngỗ”*, *“tung tủy”*, *“biêng biêng”*, *“hoang hoải”*...thì không thể ra được *“cái chất Y Phương”*. Nhà văn Chu Văn Mười cho rằng *“Y Phương hóm hỉnh. Đọc thơ Y Phương thấy say, thấy mê bởi chất thơ rất riêng, rất lạ của người miền núi. Nhưng giọng điệu ấy chỉ thuộc sở hữu “độc quyền” của Y Phương. Nếu người khác nhảy vào lãnh địa ấy sẽ tự thấy ngớ ngẩn, vô duyên và thật khó chấp nhận. Mượn giọng Y Phương thì khác nào kẻ nói ngọng tập nói. Nó sẽ bật ra, trượt ra”*. Thơ Y Phương được ví như bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc, mà mỗi *“mối nối”* được ẩn vào trong rất nghệ thuật, để cuối cùng chỉ còn *“chất Y Phương”* với tông màu chủ đạo là bản sắc dân tộc. Người đọc luôn ấn tượng với cách làm mới tác

phẩm khá đa dạng của anh. Khi Y Phương chọn lối diễn đạt vừa mộc mạc, giản dị như lá cây, như rừng đá; khi lại tìm cách thể hiện ví von bay bổng lên chín tầng mây; có khi lại là cách bộc lộ thẳng mực Tàu có chút xù xì, gân guốc, không ưa lối vòng vo tam quốc...và nhất là cách *“thiết kế”*, xử lý ngôn từ đầy bản lĩnh, rất gợi, rất lạ, rất mới và ít khi lặp lại. Dưới sự chỉ huy của một *“nhạc trưởng”*, của một *“kiến trúc sư”* tài ba, ngôn từ trong tác phẩm của anh luôn *“quẩy cựa”*, *“quẩy đạp”*, *“tung tủy”*, *“phập phồng”*, *“sinh nở”*, ...đầy nhạc tính và nhất là cách sáng tạo từ láy *“kiểu Y Phương”* đã tạo nên một *“thương hiệu Y Phương”*. Nói như Trần Mạnh Hảo *“Ngôn ngữ Y Phương tinh diệu lắm, hồn vía lắm”*.

Sinh ra ở vùng sơn cước, Y Phương luôn đau đáu, cháy bỏng niềm khát mong đem đến cho bạn đọc cái nhìn chân xác nhất về cảnh sắc thiên nhiên miền núi cùng cuộc sống, con người ở đó và đặc biệt hơn tác phẩm của anh đã mở rộng biên độ, vượt khỏi lãnh địa quê hương để nhập *“ngôi nhà Việt”*. Thơ anh như làn gió mát, như dòng nước sông Bắc Vọng, Quây Sơnngọt lành, như hạt dẻ vắn vương thơm bùi...của quê hương và vùng miền núi phía Bắc. Anh trân quý *“bầu khí quyến”* quê hương với niềm tự hào cháy bỏng. Tình quê ấy như thấm vào từng mạch máu, đường gân, thớ thịt hòa vào hơi thở của *“Người đàn ông của làng Hiếu Lễ”* khi bắt đầu chạm tới cái *“lần đầu tiên”*:

Lần đầu tiên ôm tiếng khóc lên ba

Lần đầu tiên sông núi gọi ông bà

Lần đầu tiên nhóm lửa trên mặt nước

Lần đầu tiên sứ sành rạn nứt

Lần đầu tiên ý nghĩ khôn lên

(Tên làng – Y Phương)

Nói như nhà văn Nguyễn Hữu Tiến, *“Thơ Y Phương vừa hiện đại vừa dân tộc là bởi vì anh đã kết hợp truyền thống văn hóa của quê hương mình với mọi miền quê của đất nước”[2]*.

“Chiều nghĩ” giữa khoảng thơ

Thành công trong sự nghiệp thi ca, nhưng người nghệ sĩ vẫn không ngừng khắc khoải tìm kiếm một cách viết mới, ngoài thơ. Vượt qua cảm giác lóng loáng, rỗng ruột, anh vịn câu nói của cổ nhân người Tày: *“Chỗ nào còn nước thì làm ruộng, hết nước thì làm rẫy”*. Thế là người trai Tày vịn văn hóa, miết mài làm *“phu chữ, gieo chữ trên cánh đồng ngôn từ”* để tìm cách thể hiện mới. Từ thơ, đến trường ca, anh thử sức lần sang một địa hạt mới và để lại dấu ấn khá đặc biệt - đó là tản văn - loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, dài ngắn tùy ý, lối thể hiện đời sống mang tính chất chấm phá, tái hiện nét chính của các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội, bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ mang đậm bản sắc cá tính tác giả. Chọn thể loại có nét gần thơ - gần với thể mạnh bản năng trời cho vốn tiềm ẩn trong từng mạch máu của nhà thơ dân tộc Tày sống và thở trong ngút ngàn đá Trùng Khánh. Thơ gần tản văn vì không nhất thiết phải có cốt chuyện phức tạp, nhân vật hoàn chỉnh, nhưng lại đòi hỏi nghiêm ngặt là cấu tứ độc đáo, có giọng điệu, có cách thể hiện đa dạng để có thể miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật, bộc lộ cảm xúc trữ tình, tính tự sự, đặc biệt là thể hiện nổi bật chính kiến và cá tính tác giả...

Là người thân thiện, dễ gần, nhưng anh lại cực khó tính với nghề *“Tôi yêu từng con chữ nhưng quyết khai tử những” xác chết của chữ nghĩa”, những non bấy nhọt nhòa không thương tiếc.*

Thậm chí tôi đã phải bỏ đi cả trăm con chữ long lanh chỉ để có được một dấu phẩy sinh động tươi rói...”. Trách nhiệm với văn chương cùng sáng tạo thử nghiệm đã mang đến thành công. Ngoài ghi nhận của hội nghề nghiệp, hai tập tản văn *“Kungfu người Co Xàu”* và *“Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm”* đã được bạn đọc đón nhận.

Thừa kế và sở hữu một kho tàng văn hóa Tày truyền thống vững chắc, hai tập tản văn *“Kungfu người Co Xàu”* và *“Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm”* đã bám sát những vấn đề thiết yếu của đời sống. Đó là những lát cắt muôn màu về đời sống, sinh hoạt, phong tục tập quán, ngôn ngữ... của con người vùng cao đậm bản sắc dân tộc. Chất Tày được bộc lộ độc đáo trong trải nghiệm cuộc đời, ở một tầng vĩa làm lộ dần tầm cao và chiều sâu văn hóa. Anh hiểu hơn ai hết văn hóa là sức mạnh nội sinh, là cội nguồn giá trị của làng Tày *“Vách nhà ken câu hát”* với niềm tin vững chắc *“Còn quê hương thì làm phong tục”*. Nhưng điều đáng trân trọng là tản văn của nhà thơ Tày ấy không “đóng đinh” bó hẹp trong cuộc sống sinh hoạt của người Tày mà vượt lên, vươn xa như một dấu nối với thơ ca các dân tộc khác. Tản văn của anh mở rộng biên độ, phong phú đề tài về cuộc sống, con người miền núi – thành thị, tình yêu đất nước – quê hương, tình cảm gia đình – bạn bè - tình yêu lứa đôi...thấm đẫm bản sắc văn hóa *“người đồng mình”*. Tình yêu ấy đã cho anh nguồn xúc cảm cùng bản sắc văn hóa Tày khó lẫn. Nhà thơ Trúc Thông thật có lý khi viết: *“Y Phương không yêu dân tộc mình ở đầu lưỡi, lạm dụng chất dân tộc. Qua tất cả những cảnh huống sinh hoạt vật chất và tinh thần hiện thực, những đam mê và đau khổ trần trụi, những chìm lặn không sao nói hết và những sự thật cuộc đời... Y Phương tiếp tục phát hiện về dân tộc mình”...*

Sinh ra và lớn lên gần bó với đá, với núi rừng, tâm hồn anh

được dung dưỡng trong bầu khí quyến văn hóa dân tộc. Cảnh sắc thiên nhiên, cuộc sống con người vùng cao với những phong tục tập quán đã được nhà văn dựng lên như một tấm gương phản chiếu chân thực sinh động, phong phú mang đậm bản sắc dân tộc. Đó là quê hương Trùng Khánh, đó là non nước Cao Bằng – nơi thế kỷ XV là kinh thành của nhà Mạc, nơi các ngọn núi từ thấp đến cao đều lao vút lên trời nhọn hoắt. Tình yêu máu thịt ấy được Y Phương nhìn “bằng đôi mắt thơ ngây của hoa lá dân tộc mình, rung động bằng trái tim suối nguồn và tư duy bằng sừng đá”**[3]**. Vì thế, anh đưa vào tản văn tất cả những chất liệu dung dị của quê hương như: dòng sông, dáng núi, cây tre, cây trúc, quả trám, hạt dẻ... Dưới lăng kính của “nhà thiết kế” tài ba, thiên nhiên hiện lên có tâm hồn khoáng đạt, có sức quyến rũ, sinh nở. Thế nên, mới chỉ nằm áp lưng trên chiếu trúc, trường liên tưởng đã ập đến “Đi hết cuộc đời người cha, sang cuộc đời con đến cuộc đời cháu, chết, chết, chết... vẫn quần quanh núi trúc... Chỉ cần nghe lá trúc reo, là hồ báo với lợn rừng tự mình mềm oặt...” (**Chiếu trúc nhìn ta**).

Cảm xúc về con sông quê hương thấm mát tâm hồn. Tác giả phiêu diêu cùng con sông Bắc Vọng, Quây sơn “Nước sông, nước suối quê tôi quanh năm trong xanh ngăn ngắt. Ngay cả đến những ngày bão lũ, nước chỉ ùng đục có vài ba giờ. Sau đó trở lại màu xanh rêu vốn có. Cái màu xanh rêu như trời dưới đáy sông, đã làm cho tôi sợ từ hồi còn nhỏ, đến bây giờ. Bà nội tôi bảo dưới đáy là Thủy cung”; nghe sông lai láng chảy về phía Thủ đô cùng thỏ, cùng bơi “Bơi từ chân núi Phà Làng tới Thung hoa... Thông Huế là gì nếu không có con sông Bắc Vọng chảy qua. Nước sông Bắc Vọng xanh như trời. Trời dầm trong nước sông cùng với da con gái...”. (**Sông bơi**)...

Người Tày sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước. Dân tộc Tày đã khai phá và làm chủ được những vùng thung lũng

phẳng. Và lúa đi vào tản văn Y Phương mang vẻ đẹp duyên dáng của thiếu nữ, của tình yêu: “Lúa như những đứa trẻ sơ sinh hãy còn loe hoe lông măng. Tã óm lổm lổm hỏ cả rốn ra ngoài...Lúc nào lá cũng đập nọc nạch, tung tình rối rít...Sao có người bảo đây chính là tiếng éch ộp gọi bạn tình. Chắc phải như thế rồi. Thảo nào gió cứ lay nhay sung sướng. Nó mang theo mùi bùn non. Bùn non sánh như sữa đặc. Ngày cũng như đêm, khi đi ngang qua cánh đồng, tôi đều nghe tiếng lúa non chóp chép. Lúa non bú ruộng” (**Còn có một cái Tết Vía trâu**).

Anh chăm chút những sinh hoạt thường ngày ở ngôi làng Tày với những phong tục tập quán truyền thống của ma chay, cưới xin...Đó là cảnh rước dâu độc đáo của người Tày “Cảnh rước dâu bằng đôi chân păm pạp của đoàn người đi bộ. Cảnh gồng gồng gánh gánh, bánh dày tròn, bánh chưng vuông với chú lợn cưới. Chú lợn cưới cười không nhìn thấy mắt. Nó cứ ti hí lờn lợt... Cả đám quà cưới công kênh xanh đỏ theo cô dâu về nhà chồng” (**Áo tân thời bước vào vồng cửa**).

Từ đám tang người cha - người thầy đã nâng bước, đã trao truyền cho con trai lòng bao dung, nhân ái, cách xử thế nhân văn, Y Phương khái quát tục tang ma của người Tày quê mình “Ngày cha tôi mất, khắp cánh đồng Bo Păn trước nhà, rợp một màu khăn tang trắng xóa. Người gánh gạo. Người gánh rượu. Người vác củi... nườm nượp mang đến giúp cho nhà tôi làm lễ tang cha... Có ba ông thầy tào. Sáu bà bụt luông. Họ đều là những học trò xuất sắc và tin cẩn của cha tôi. Ba ngày bốn đêm, từng bừng nhảy múa và ca hát. Trống chiêng nào bập âm vang. Tiếng sáo nhạc. Tiếng pí lè. Tiếng con ốc cạp. Tiếng sừng trâu út út vọng vào vách núi, không lúc nào ngưng nghỉ. Làm át đi tiếng khóc thương cha, thống thiết nào nùng”. Thăm đăm vùng văn hóa miền cao, Y Phương thổi cảm xúc yêu thương đắm say vào các mùa lễ hội từ mùa Xuân tới mùa Thu, vắt qua mùa

Đông và kéo sang mùa Hạ. Mùa lễ tết của người Tày trong tản văn với những “Tết cả”, “Tết thanh minh”, “Tết Slip Sli thịt vịt”, “Tết Hạ chí”, “Tết trâu”, “Tết cốm”... Tết vùng Tày không khác biệt với những vùng văn hóa khác, bởi tết là vui, vui như tết. Tết là dịp nghỉ ngơi sau cả năm làm lụng vất vả. Tết là lúc gia đình quây quần, sum họp. Tết là tri ân, tôn vinh người già, quan tâm đến trẻ... Ngày Tết của vùng Tày cũng không có gì khác biệt “Ngày mồng hai, bầu đàn vợ chồng, con cái sang chúc Tết ông bà nội ngoại... Ông bà vui như trẻ lại vài chục tuổi. Móc túi mừng cho mỗi đứa một bao lì xì... Ngày mồng ba Tết, mọi người ra khỏi làng...” (**Tết anh cả**).

Tản văn của anh như “mảnh hồn làng” mang bao nỗi hào hức, bận rộn của “Tết tháng Giêng hẹn từ tháng Bảy”. Thế nên “từ sau rằm tháng Bảy, lá gói bánh gai chưa kịp héo, họ đã lên kế hoạch cho từng tháng... Tháng Chín, tháng Mười vào rừng kiếm củi, đun nồi bánh chưng, cất lò rượu gạo. Tháng Một bện rơm lót giường, làm ghế cho khách ngồi. Tháng Chạp ủ muối cổ khô, rơm khô dành cho trâu bò ăn...” (**Tết cả**), trong đó có lễ “pây tá” (đi lễ bố mẹ vợ) rất độc đáo vùng văn hóa Tày “Các chàng rể phải sắm đôi vịt béo để mang đến nhà, biếu ông bà ngoại” (**Tết Slip Sli thịt vịt**).

Khác với một số dân tộc có tục kiêng cử đàn bà “xông đất” trong ngày Tết, thì trái lại Y Phương khẳng định văn hóa Tày không những không kiêng cử đàn bà mà trái lại họ - đàn bà đã mang đến vận may: “Nhà ai có khách là đàn bà con gái đến chúc tết đầu tiên, năm ấy sẽ ăn nên làm ra, mua một bán mười. Bởi đàn bà con gái là giống má. Là mùa màng. Là no ấm. Mùa màng đến xông đất thì còn gì may mắn bằng...” (**Tết anh cả**).

Sống cùng đá, thổ cùng cây, xênh xang cùng non nước Cao Bằng, anh khéo giới thiệu văn hóa ẩm thực vùng cao như một

“vị đại sứ” có kỹ năng quảng bá văn hóa Tày. Với tình yêu máu thịt với quê, anh có chùm bài về văn hóa ẩm thực khá ấn tượng với “Nghe hạt dẻ rơi”, “Trám mang thai”, “Tết cốm”, “Bánh xi chen chạy lung tung”, “Về Trùng Khánh mà nghe hạt dẻ”... Nhờ tản văn, chúng ta biết những dịp lễ tết, người Tày rất khéo chế biến nhiều loại ẩm thực: xôi ngũ vị, bánh trứng kiến cho ngày mừng 3 tháng 3; pềng tải, bánh gai, bánh dợm, thịt vịt quay cho rằm tháng Bảy... Trong mâm cúng rằm tháng Bảy của người Tày, thịt vịt là món không thể thiếu. Bởi thế mới có câu cửa miệng về ẩm thực Tày: “Bươn Chiềng kin nửa Cáy, bươn Chết kin nửa pết” “Bươn chết kin nửa pết” (tết tháng Giêng ăn thịt gà, tết tháng Bảy ăn thịt vịt). Anh nương theo truyền thuyết, con vịt được coi là con vật thiêng trong tâm linh của người Tày, là sứ giả của Mường trần gian với Mường Trời, có công cõng gà trống vượt biển (**Khảm hải**) đi cống sứ Mường Trời vào rằm tháng Bảy để viết “Tết Slip Sli thịt vịt”: “Bươn chết kin nửa pết”, chọn những con vịt béo nhất đàn. Một con dành để cúng tổ tiên. Một con cúng hồn ruộng lúa. Một con cúng vía trâu bò. Một con dành hẳn cho trẻ chăn trâu, mang theo ra đồng cỏ. Đứa nào cũng phải ăn bằng hết. Nếu để thịt vịt thừa, hồn sẽ bắt trâu bị lở mồm long móng. Phần vịt để tiếp khách, thì cứ mỗi mâm ba chú. Một chú luộc. Một chú xào măng. Một chú quay. Tiết canh hãm bằng rượu ngâm mật gấu”. Với “Bánh xi chen chạy lung tung”, anh huy động tối đa các giác quan của cơ thể để “thăng hoa” một cách tự hào ẩm thực Tày hấp dẫn “Mồm miệng luôn xuýt xoa vì cảm giác nóng bỏng trên răng dưới lưỡi. Nào bánh cuốn ăn với giò lụa. Nào cốm phù chan nước gừng mật mía. Nào bánh áp chao nhân đùi vịt. Nào phở lạp xưởng xá xíu tổng hợp. Nào bánh bao nhân trứng chim. Nào xôi trám đen, xôi trứng kiến, xôi ngũ sắc... Cái ăn đã vào tới bụng. Cái ăn còn òng ọc sôi thêm một lần nữa ở trong người, được như thế càng sướng. Ăn như vậy nó mới khác người”. Ẩm thực đã vượt ra

ngoài chuyện ăn uống “*Nhưng tôi chưa hề thấy lạp xưởng ở dưới xuôi nó như thế nào. Lạp xưởng quê tôi ngon nức tiếng xưa nay. Ai đã từng một lần thưởng thức, sẽ phải nhớ phúng xàng đến ngày bạc đầu...Cần một miếng phúng xàng nghĩa là bạn đang ngâm sông núi ở trong bụng*” (**Phúng xàng lũng lảng**); “*Gắp miếng thịt dầm xuống, cong cả đôi đũa. Nước thịt cô thành giọt, làm xuyết xoa cái nhìn. Mùi nước thịt xực thẳng lên sống mũi*”...(**Lận dận tình đuôi con**). Anh tự hào khoe bánh cuốn Cao Bằng chỗ tình người Cao Bằng “*đúng ra phải gọi bánh cuốn là hồn cốt Cao Bằng thì mới hẳn... Hình như có tiếng ban mai róc rách trong miệng nó... Lát nữa, bánh sẽ tưới tắm trong bát nước canh. Rắc lên trên một chút mùi tàu thái chỉ...Cả lũ bánh đang bị bỡm sượng*” (**Ăn cái tình**)... Y Phương viết về rừng trám với những liên tưởng độc đáo thú vị: “*Trám quý và ngon là bởi nó được chưng cất từ hồn vía đất đá núi non quê nhà...Đến mùa cây ra hoa làm quả, toàn thân nó phát ra mùi đục cái. Khiến cho muôn loài côn trùng xa mấy cũng tìm đến. Chúng bầu đẩy lên lá lên hoa. Cứ mãi mê rử rỉ rừ rì hút hương, vô tình chúng đã thụ tinh cho trám. Thế rồi trám mang thai. Trám râm rần sượng như người. Nhìn dáng cây bờ phờ mệt mỏi, bởi chúng dồn hết niềm vui xuống gốc. Gốc cây to như cột đình. Cành lá lắc lè, đung đưa niềm kiêu hãnh của người sắp được làm mẹ*”(Trám cũng mang thai). Và nhất là hạt dẻ - “thương hiệu” Trùng Khánh: “*Bạn hãy đến Trùng Khánh vào những ngày trời trong mây cao. Khói đốt đồng dầm thẳng lên trời. Không gian tứ bề yên ắng tĩnh mịch. Bạn sẽ được nghe hạt dẻ nói. Cả một cánh rừng dẻ râm rần đang vào vụ. Ban ngày thì dẻ lao xao, rì rào, tí tách rơi. Rơi như mưa màu nâu...*” (**Về Trùng Khánh mà nghe hạt dẻ**).

Tản văn của anh coi trọng các lễ thói ứng xử quan hệ trong họ ngoài làng, với trời đất, cỏ cây, con vật...Y Phương dành sự quan tâm đặc biệt ca ngợi những con người mộc mạc, ân tình. Hình ảnh con người và tình cảm trong sáng, đôn hậu, trọng

nghĩa tình, thường trực ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Đó là chú Phìn “*Bài thơ mà chú viết dán lên cây, là lời người biết ơn loài thảo mộc*” (**Dân tộc: Người**), thầy Slay Khuy, các võ sĩ Phja Fủ anh dũng chống lại bọn giặc cờ đen cờ vàng (**Kung fu người Co Xà**), ông Thòong làm nghề vá chảo hàn nồi, lão Mòn từng tham gia đánh Pháp (**Lão Mòn đi đâu rồi**), dượng Tý (**Ông dzang tăng hương đèn**)... Nhất là với người phụ nữ Tày, tản văn Y Phương luôn thể hiện xúc cảm và trân trọng họ như những viên ngọc sáng. Người phụ nữ qua cảm xúc của tác giả ngoài vẻ đẹp hình thức “*Đẹp từ dép đẹp lên. Đẹp từ tóc chải lệch ngôi đẹp xuống...*” (**Tết anh cả**)... là vẻ đẹp tâm hồn đôn hậu, phẩm chất ngời sáng, mang cốt cách người phụ nữ vùng cao. Đó là các chị em đeo vòng bạc, dây xà tích, túi đựng trâu bằng thổ cẩm (**Kung fu người Co Xà**); “*người đàn bà Tàu mặc áo nhung đi hái thêu*” (**Bà Phò**); và nhất là thái độ trân trọng vẻ đẹp của người nữ công nhân qua lăng kính tâm hồn “*Chị công nhân đeo kính đen, bịt khẩu trang vàng. Kính với khẩu trang che kín cả khuôn mặt. Không biết chị ấy còn tươi hay đã nhàu rách chân chim. Nhưng tôi cam đoan rằng chị công nhân kia có một tâm hồn khá nhạy cảm*”. Với những người thân trong gia đình, những trang tản văn ăm ắp tình yêu thương: Là bà nội “*hay ngồi trên chiếc ghế rơm, lưng tựa cửa, mắt nhìn ra cánh đồng làng hàng giờ. Tôi trông bà như bức tượng bằng đá đen nguyên khối. Bà ngồi ngóng đợi lúa mùa. Còn lúa mùa thì quạt mát, quạt xanh rười rượi lên mái tóc trắng xóa cho bà*”; người cha “*không chữa bệnh bằng thuốc mà bằng trái tim. Trái tim yêu thương con người*” (**Bí mật về chai nước trong**); là người mẹ của làng Hiếu Lễ “*Bà đã dành cả một năm trời chăm bẵm đàn gà vịt ngan ngỗng và lũ lợn...Bà bảo rằng tôi nuôi những cái này là để đón cháu. Bất kể trai hay gái. Nhưng cháu gái thì càng mừng hơn. Người Kinh có câu “ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng” là gì*”. Nghe đâu người Tày mình cũng có câu “lục slao cóc

gjộc khẩu tâm” con gái đầu cối gạo đầy đó sao”, là chị gái “Chị ngồi ngay trước mặt, nhìn tôi như nuốt lấy từng lời. Tay phải chị cầm quạt, tay trái cầm khăn lau từng giọt mồ hôi trên người cho tôi” (Chị tôi); là cô con gái “Đôi chân nhỏ xíu bước hệt bước hều. Nhưng cái mặt nó luôn cười tươi làm như nhà ta chẳng hề đói rách” (Tiếng ve cay đắng), là những đứa cháu “Lim dim đôi mắt lay láy đen, Kiu đang lơ mơ cười...Sa hăng hái thò ngón tay nhỏ xíu tắt đèn” trước ngày được về quê để được nói tiếng Tày trong (Núi non chất ngất)...

Cũng như người Kinh, người Tày yêu quý con trâu, xem trâu là bạn, coi nó là “đầu cơ nghiệp” và luôn thể hiện lòng biết ơn đối với con vật gần gũi thiết thân với nhà nông: “Tháng sáu người ta có tết khoăn woài, nghĩa là tết vía trâu... Người Tày Nùng chúng tôi vốn coi trọng nghĩa tình. Ăn lộc của ai phải biết ơn người ấy. Ăn lộc từ thiên nhiên người phải biết ơn cây cỏ. Nên bà con dành hẳn cho trâu một cái tết”. (Còn một cái tết vía trâu).

Trong thơ cũng như tản văn, anh hồn nhiên, tự bạch mình như cái bánh bóc bóc đến tận cùng không cần đập diêm, giấu giũ. Tản văn là bức chân dung tự họa, là chân dung tâm hồn người trai Tày và những con người xung quanh: “Giống như cái thùng tôn nhẵn gạo, tôi cứ bóc lột, ba loa. Có gì ngứa ngứa trong ruột gan, tôi xả ra bằng hết...” và “Tôi coi cái làng Tày như da bọc lấy người tôi. Nó nghi ngút khói lửa cay đắng trong hồn tôi. Ngôi làng ấy biến nước lã thành máu, chảy thấm qua và nuôi hàng trăm nghìn vạn tế bào quanh thân xác tôi”.

Trả ơn nơi đã sinh ra – Trùng Khánh là vùng đất đầy tinh thần thượng võ và giàu truyền thống văn hóa, là nơi bảo tồn những làn điệu dân ca dung dưỡng tâm hồn, anh viết như phơi gan ruột về những “Chợ Co Xàu”, “Dân Co Xàu hát”, “Từ Phủ Trùng xa xôi tôi đến”... Cuộc “hành hương” đầy thiêng liêng, Y

Phương say sưa với cảnh hoàng hôn quê hương: “Chiều quê tôi sánh vàng như mật. Đây là thời khắc ve ran như sôi. Lá rừng thêm thiết” (Về Trùng Khánh mà nghe hạt dẻ)...

Văn hóa tâm linh cũng là một khía cạnh của tản văn được anh đề cập với những bài “Tết thanh minh”, “Dạ mã”, “Con ma gà”...

Dù là với văn hóa ẩm thực, văn hóa tâm linh hơn hết là khát vọng bảo tồn những giá trị tốt đẹp của văn hóa Tày trong thời kỳ hội nhập và giao lưu quốc tế. Anh tự hào với một bầu khí quyển văn hóa Tày độc đáo vùng núi Cao Bằng để thỏa sức sáng tạo. Nhưng dẫu viết gì đi nữa thì cảm hứng chủ đạo trong tản văn của Y Phương vẫn đắm chìm sự tiếc nuối - tiếc nuối những ngày đã xa, sắp rời xa, hoặc sẽ vĩnh viễn mất trong xã hội người Tày. Những cảnh sinh hoạt văn hóa làng xã của bà con Tày Nùng, đang dần dần mai một. Lời ăn tiếng nói đậm đà mặn ngọt, tiếng Tày cứ rơi rụng đến rơi nước mắt. Chữ viết “Sư Nam” (Nôm Tày) do cha ông sáng tạo trên cơ sở kết cấu lục thư của chữ Hán, nay đang bị đào thải một cách tự nguyện. Trang phục phụ nữ Tày từ lâu đã trở thành biểu tượng văn hóa cũng như nét đẹp bình dị và độc đáo của dân tộc Tày ở khắp các miền đất nước đã có xu hướng “Kinh hóa”. Nỗi buồn lan trong tản văn khi làng Tày đã vắng dần tiếng ru “Cháu tôi chỉ đói tiếng ru của người Tày thôi... Tự nhiên tôi buồn... Đâu rồi tiếng ru con một thửa” (Cuối xin vắng bóng áo chàm)...

Và còn một điều cứ dẫn dắt không yên là nỗi lo trước tâm lý tự ti dân tộc của một bộ phận “người đồng mình”. Hơn nỗi lo là nỗi đau tiềm ẩn trong trái tim nghệ sĩ nhạy cảm và rất mực khắc khoải “Vợ tôi buồn một câu xám ngoét. Khai khat dzá! Tôi rất không muốn dịch câu này ra tiếng Việt” (Cơm nhàn). Quả là “Hai tập tản văn đều đầy ắp nỗi đau, nó luôn quay về, luôn

đau đầu trong cuộc hành hương tinh thần mang tính định mệnh”. Lòng tự tôn quê hương trong anh như một liều thuốc giúp trợ giúp cho lòng tự tin được tôn cao “*Ngôi làng ấy biến nước lã thành máu, chảy thấm qua và nuôi hàng trăm nghìn vạn tế bào quanh thân xác tôi*” (Nguyễn Hiệp)...

Trong tản văn, Y Phương sử dụng ngôn ngữ hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Anh chọn trong văn học dân gian những tinh chất cần có để tạo nên ngôn ngữ nghệ thuật riêng của văn xuôi dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. So với nhiều nhà văn dân tộc thiểu số, Y Phương sử dụng tiếng Tày tần suất lớn và nhuần nhuyễn nhất. Anh chú trọng đưa tiếng Tày vào tản văn và linh hoạt trong việc Tày hóa tiếng Việt trên cơ sở thông thạo cả hai thứ tiếng Tày và Việt. Tuy viết bằng tiếng Việt, nhưng sắc thái Tày vẫn thể hiện rõ. Trước hết là ở ngôn ngữ ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu: “*Người nhiều tiền mua đất để chơi. Họ chơi nhà lầu. Họ chơi xe hơi. Họ chơi quan chức. Chơi bồ bịch. Chơi chán, đến tuổi nghỉ hưu, bây giờ họ chơi gôn*” (**Thư gửi bạn chăn trâu**). Điều đó rất gần gũi với cách nói của người Tày, thể hiện một khẩu khí, một thái độ rõ ràng, dứt khoát.

Y Phương có biệt tài và rất có ý thức dùng những từ ngữ sòng đôi vừa Kinh, vừa Tày làm cho ý nghĩa của Tiếng Việt khái quát, mở rộng hơn, vượt qua ý nghĩa ban đầu bởi đã pha thêm nghĩa của tiếng Tày, tâm hồn Tày, văn hóa Tày: “*Phúng xàng lũng lảng*”, “*Dân Co Xàul hát Wàng Dờ*”, “*Tết slip sli ăn thịt vịt*”, “*Ngồi ghé rơm uống trà khỉ nộc*”, “*Biêng biêng lay cỡ*”, “*Ông Zđang tăng hương đèn*”, “*Cơm nhan*”, “*Người trông coi ngọn lửa Đá hai*”, “*Lượn ơi em ở đâu*”, “*Nhào nào con ma xay thóc*”... Trong 11 tản văn tiếng Kinh pha tiếng Tày, chỉ có 2 bài là thuần Tày 100%: “*Fùn nèn*” (Củ Tết) và “*Dzương eng*” (thăm trẻ sơ sinh, hay thăm gái đẻ).

Qua tản văn, Y Phương rất có ý thức cho cho người đọc hiểu thêm văn hóa Tày qua câu tục ngữ dân gian “*Người Tày cổ xưa có câu khuyến dụ slip ám nửa cây ton bầu tắng đưa nòn rập rủng. Nghĩa là mười miếng thịt gà thiếu không bằng giấc ngủ về sáng. Cách thứ hai là đặt cược vào sự nhàn. Người Tày chúng tôi có câu slip lạo hết quan bầu tắng lạo lỏn pàn. Mười ông làm quan to, không bằng một ông vét đĩa mà được nhàn hạ*” (**Biêng biêng lay cỡ bạn mình ơi**). Trong một số trường hợp, tản văn còn sử dụng văn hóa dân gian Kinh và Tày “*Mật ít ruồi nhiều. Nói theo người Tày: ma lai quá khỉ. Chó nhiều hơn c...*” (Bắt khách)...

Tản văn của Y Phương không chỉ có sự kiện, hiện tượng thân quen gần gũi mà còn có cả hình dạng, âm thanh màu sắc của sự vật, hiện tượng: “*tôi thấy trên bàn thờ nhà mình phọt phọt nở những bông hoa tám cánh*” (**Dọa ma**), “*Lung đặt lên tiếng nhệu nhạo kít kít*” (**Núi non chất ngất**); “*Cơ bắp không còn nhọc nhạch rắn chắc như cột đá thể nữa rồi*” (**Thư gửi bạn chăn trâu**). Kể và dựng đan xen, xem như một thủ pháp mà tác giả muốn thể nghiệm. Cách tả như có chút ngoa ngôn khi tung tẩy ý tứ theo bút pháp thơ. Nhà thơ miêu tả hoa, hoa như có linh hồn, hoa biết thở, biết đập nhịp đập của trái tim “*Hoa tầm xuân có mùi thơm tức thở. Thơm một cách khủng bố. Đứng cách hoa một trăm bước, mùi thơm xộc thẳng vào hai cánh mũi. Cách một tầm tay, hoa đã tưới đẫm mùi hương lên khắp người. Đứng gần hoa mười nhịp thở, đã thấy ngứa ngáy rần rật toàn thân. Mùi hoa khiến cho chân tay thò thụt muốn tìm kiếm người khác giới...*” (**Hoa có chân**). Anh viết như dứt ruột về “*Phong slư*” với vợi niềm tự hào giá trị văn hóa Tày: “*Nhớ người yêu là ngâm phong slư. Nếu lòng này không nói ra được thì tóc óm tám tháng và mắt đau một năm. Nỗi nhớ người yêu chảy ra từ mười đầu ngón tay, xuống đến gót chân. Nỗi nhớ không còn đường đi. Nỗi nhớ buộc phải nhả ra đàng miệng. Ôi! Giá mà các bạn được nghe người ta ngâm phong slư trong khoảng trời chiều. Người của bạn*”

sẽ chảy ra như sáp ong như chì nướng. Bởi một nỗi buồn tím tái từ hoàng hôn loang ra, gặp phải lòng người đang buồn rầu. Nỗi lòng bất an bị nắng vàng nhuộm sang bãi cỏ, chuyển tiếp ngược lên đến đỉnh núi. Đá núi cũng thần thờ, hướng chỉ trái tim các chàng các nàng đang yêu”...

Bằng tài quan sát và trí tưởng tượng phong phú, Y Phương có biệt tài dùng ngôn ngữ, nhất là từ láy: *nọc nạch, tung tình, pằm pặp, lờn lợt, nhọc nhạch, lóc léc...* “Cánh đồng lúa đã bắt đầu bén rễ. Lúa như những đứa trẻ sơ sinh hãy còn loe hoe lông măng. Tã óm lông lẻo hở cả rốn ra ngoài. Chúng giơ tay giơ chân quều quào khua lên trời. Lúc nào lá cũng đập nọc nạch, tung tình rồi rít...”.

Sẽ gặp trong hầu hết hai cuốn tản văn về cường điệu, có phần cực đoan, nhưng bạn đọc sẽ dễ chấp nhận cái tình ẩn giấu trong tầng vĩa óng ánh là vẻ đẹp chân chất, hồn nhiên, kín đáo và càng trân quý hơn tình người, tình yêu quê hương nồng đượm, yêu dân tộc mình da diết của kẻ tha hương tự nhận mình là một “que thủ”, dù “*búng ra khỏi đất Tày, nhúng xuống thành phố vẫn cứ xanh một màu rừng*”. Tình yêu và lòng tự hào về dân tộc mình, quê hương mình đậm đà, đắm đuối, tha thiết là thế.

Y Phương coi tản văn “*Tháng giêng, tháng giêng một vòng dao quắm*” và “*Kungfu người Co Xàu*” mới chỉ là thể nghiệm bước đầu, là “khoảng lặng” hay “chiếu nghỉ” sau thời gian dốc sức cho trường ca “Đò trắng” đến mức khiến nhà thơ rơi vào trạng thái “lõng lõng, rỗng ruột”. Nhưng thực tế câu trả lời đã thuộc về bạn đọc – người thẩm định khách quan và công tâm nhất ngay sau khi hai tập tản văn ấy đến với công chúng. Tản văn đã mang đến thành công cho nhà thơ dân tộc Tày với nỗ lực luôn luôn làm mới bởi tinh thần và lao động sáng tạo. Bạn đọc trân trọng và yêu quý hai cuốn tản văn ấy bởi tác giả Y

Phương đã phát huy thế mạnh của nguồn thơ để làm mới thể loại mới – tản văn; đã khai thác chiều sâu tâm hồn, tầm cao truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc; đã thể hiện sâu sắc nỗi xa xót trước sự mai một và nguy cơ mất đi bản sắc văn hóa dân tộc và nhất là đã gióng lên hồi chuông khẩn cấp với Thông điệp SOS – HÃY BẢO VỆ BẢN SẮC VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC.

Hai tập tản văn đã góp phần hoàn chỉnh sự nghiệp văn chương của Y Phương, cho thấy một tài năng đa dạng, sáng tạo một cách bền bỉ, không chịu bó tay, hay tụt hậu với thời cuộc. Sau thành công ấy, như “người hành hương về xứ sở”, người đàn ông làng Hiếu Lễ tiếp tục trình làng tản văn “*Fùn nèn - Cúi Tết*”, sẽ mang đến cho bạn đọc một vẻ đẹp mới từ những góc nhìn mới về văn hóa dân tộc và nhà thơ TàyHứa Vĩnh Sước - Y Phương đã và sẽ tiếp tục chinh phục những người yêu tản văn, yêu nền văn hóa Tày rực rỡ, độc đáo, tràn đầy sức sống một cách tự nhiên.

[1] *Chu Văn Sơn: Giọng hát Y Phương trong Tiếng hát tháng Giêng*

[2] *Nguyễn Hữu Tiến: Y Phương – Một cây bút chung thủy với quê hương.*

[3] *Trần Mạnh Hảo, “Y Phương – Nhấn nha sống, nhấn nha thơ”*

NHÀ VĂN ĐỌC SÁCH: PHÍA SAU TRẬN CHIẾN - TẬP SÁCH ĐẬM MÙI CHIẾN TRẬN

(Đọc "Phía sau trận chiến" tiểu thuyết của Vũ Quốc Khánh - NXB Hội Nhà Văn 2014)

Phạm Hoa

Gần đây trong sê ri sách viết về chống Mỹ có tập *Phía sau trận chiến* của Vũ Quốc Khánh". Vừa ra đời chưa lâu, tập sách đã có dư luận. Sở dĩ được đọc sớm vì tập sách này tham gia cuộc thi sáng tác về đề tài Chiến tranh Cách mạng. Đã vào cuộc chơi này dĩ nhiên là có cạnh tranh lành mạnh và có dư luận. Tập "*Phía sau trận chiến*" được coi là một ứng viên có chất lượng.

Tiểu thuyết có hai mảng song cùng như hai bức tranh liên hoàn. Một mảng viết về bản Mẫn với bà mẹ Hón, Lềng và những người khác ở hậu phương miền Bắc, một mảng về đời sống chiến đấu của ba anh lính có tên Hón, Thuận và Phiến ở Trường Sơn. Những ngày đầu họ là lính của Trung đoàn Núi Thành đi trinh sát đánh căn cứ ngoại biên Hiệp Đức, mở đầu cho trận chiến Núi Cẩm. Đó là những tháng ngày ác liệt, khó

khăn nhưng đầy vinh quang của người lính chiến, đối mặt trực tiếp với kẻ thù. Rồi Hón, Thuận, Phiến được điều về Tỉnh đội Quảng Nam để làm lính gửi thuộc đại đội Hậu cần của tỉnh đội, hòa vào mặt trận *Phía sau trận chiến* lo cơm ăn, áo mặc, thuốc men cho bộ đội ta đánh giặc.

Ở mặt trận "*Phía sau trận chiến*" này Hón đã gặp Bấy Tiên, một nữ đại đội trưởng quả cảm, xốc vác và kiên trung. Bấy Tiên đã đơn phương yêu Hón do không biết Hón đã có người yêu ở bản Mẫn. Còn Hón luôn dành tình yêu thương cho người mẹ già và Mậu, người con gái anh yêu ở hậu phương miền Bắc. Vì cứu Liên khi bị bọn thám báo bắt cóc cưỡng hiếp mà Hón đã bị cơn lũ ống cuốn đi. May mà khi trôi xuống Hà Tam, vùng đất hạ lưu sông Thu, anh được Miên và bà Hai cứu sống. Nhờ đó mà Hón đã gây dựng được cơ sở cung cấp quân lương cho bộ đội ta ở địa phương này.

Cũng ở đại đội này, Thuận không chịu được cuộc sống gian khổ, đói ăn, vất vả của người lính gửi đã nông nổi bỏ đi. Thuận không phải đào ngũ mà chỉ muốn tìm về đơn vị chiến đấu, một sống một chết với quân thù, khỏi phải suốt ngày, suốt tháng gửi hàng tạ trên lưng. Với nhiều chi tiết giằng xé này đã lột tả được sự gian truân, khổ ải của đời lính gửi ở "*Phía sau trận chiến*". Thế nhưng không may, anh đã bị tên thám báo ngục Hùng Cường bắt, áp giải về giam ở đồn Núi Vũ. Núi Vũ là một đồn lính ngục tại Hà Tam và là một căn cứ Mỹ kếp được trang bị rất mạnh do trung úy Thái Bình chỉ huy, án ngữ phía Bắc Núi Cẩm. Trung úy Thái Bình là con trai của bà Hai, một người phụ nữ quê ở Thái Bình theo chồng vào Hà Tam, khai phá vùng đồng bãi sông Thu, sinh cơ lập nghiệp từ trước cách mạng tháng Tám. Thái Bình vì tin chính quyền ngục nói cha anh bị Cách mạng giết nên căm thù cộng sản, quyết xây dựng đồn Núi Vũ để chặn đà ảnh hưởng của cách mạng từ chiến

khu Trà My xuống Hà Tam.

Ở bản Mẫn, Lềng - bạn của Hón trở thành xã đội trưởng. Công việc ở hậu phương bận bịu; nào là lo cấy cấy ruộng đồng, nương bãi; nào là lo thuế má nuôi quân; nào là lo cho con trẻ đến trường, nào là lo trạm xá, thuốc men chữa bệnh cho dân; nào là lo cho các bủ già không nơi nương tựa; gánh vác việc chăm sóc trận địa phòng không; xây dựng lực lượng dân quân du kích; lo khắc phục hậu quả bom Mỹ đánh phá; lo chống chiến tranh tâm lý của địch; nhưng Lềng vẫn cùng Đảng bộ xã gánh vác chu tất. Không những thế Lềng còn phải đối mặt với Nguyên, một cá tính xấu xa, trốn đi bộ đội, mua chuộc, hòng giành giật tình yêu của chị đối với Khang đang ở ngoài mặt trận. Trước những bận bịu gian truân, vất vả không tên, những người ở hậu phương vẫn kiên trung làm tròn nhiệm vụ của người ở "*Phía sau trận chiến*".

Còn Thuận bị bắt về đồn Núi Vũ bị hành hạ đã không phản lại đồng đội mà còn đánh lừa được Hùng Cường ngồi trên trực thăng báo cho đồng đội biết được hoàn cảnh, ý chí của mình, nên bị địch đẩy ra nhà tù Phú Quốc. Tại đây, Thuận đã vượt qua bao cơ cực của kẻ thù tàn bạo, từ giam cầm tra tấn trong chuồng cọp đến chiêu bài mỹ nhân kế. Anh kiên quyết không chiêu hồi địch. Cuối cùng, không mua chuộc được anh, địch tống anh vào trại tù T5. Ở đây, Thuận được anh Bằng bí thư chi bộ nhà tù giáo dục, hướng dẫn tham gia tích cực vào việc đào hầm vượt ngục. Từ đó, Thuận được chi bộ nhà tù kết nạp vào Đảng. Do thời gian vượt đường hầm để vượt ngục trong đêm có hạn, Thuận đã nhường suất vượt ngục của mình cho đồng chí. Anh đã bị cai ngục Sầm tra tấn dã man đến tàn tạ, chỉ được tự do khi hiệp định Pari ký kết.

Tại Hà Tam, Hón đã tìm ra mô hình *tổng kho thứ hai* cho tỉnh

đội. Đây là *mô hình dự trữ tổng hợp quân lương cho bộ đội ta ngay trong nhân dân*. Hón còn cùng Bảy Tiễn lãnh đạo nhân dân và du kích bẻ gãy hai gọng kìm tấn công có đầy đủ pháo binh, máy bay của bọn cố vấn Mỹ và tên đồn phó Hùng Cường vào ấp Hà Tam. Không những thế Hón còn nhân đà thắng lợi này, sáng tạo ra phương án đánh địch khi anh cùng bà Hai tay không vào sào huyệt Phú Tam uy hiếp, binh vận thành công, khiến căn cứ này bên ngoài là của địch nhưng bên trong lại là của ta, giúp cho việc vận chuyển quân lương lên vùng giải phóng được thông suốt.

Khi sư đoàn Chu Lai của sư trưởng Nguyễn chuẩn bị tổng công kích vào căn cứ Núi Cấm, Hón và Bảy Tiễn được lệnh của tỉnh đội trưởng Sáu Ngạn trong 5 ngày phải vận động nhân dân Hà Tam vượt qua mưa bão ủng hộ, thu gom và vận chuyển 200 tấn gạo làm lương ăn cho sư đoàn chiến đấu. Dù hoàn cảnh cấp bách, Hón vẫn nhanh chóng tìm ra cách vượt qua, khiến sư đoàn trưởng và tỉnh đội trưởng tin tưởng. Xúc động vì đó, tình yêu đơn phương của Bảy Tiễn với Hón trở nên mãnh liệt hơn bao giờ hết. Tại đây, Hón gặp lại người yêu là Mậu khi cô là văn công quân khu ở hậu phương miền Bắc vào phục vụ bộ đội. Cuộc gặp gỡ bất ngờ này khiến Bảy Tiễn choáng váng. Trong lúc trú mưa ở chòi canh nương của đồng bào giữa rừng khi trên đường trở về Hà Tam, Bảy Tiễn đã không kìm được lòng mình, cô quyết liệt xin Hón một lần "yêu" để chấm dứt mối tình đơn phương của Bảy.

Bảy Tiễn và Hón đã cùng nhân dân Hà Tam gom đủ 200 tấn gạo cho bộ đội đúng kỳ hạn. Để thông đường vận chuyển gạo lên tổng kho sư đoàn họ đã vận động Trung úy đồn trưởng Thái Bình quay súng về với cách mạng. Đến lúc này Thái Bình và Hón mới biết họ là đôi anh em con dì, con già, mà bà Hai chính là dì ruột của Hón. Cuộc binh biến của binh lính đồn

Núi Vũ thành công khiến sự chống cự của bọn Mỹ và viên đồn phó Hùng Cường thất bại. Con đường lên tổng kho Sư đoàn Chu Lai được thông suốt, Bảy Tiễn chỉ huy bốn chục xe quân lương lên đường. Chính lúc đó vì cứu Thái Bình khỏi bị Hùng Cường bắn lén mà Hón bị thương nặng. Hùng Cường được y tá Liên băng bó vết thương. Liên cảm phần khi nhận ra chính y là tên thám báo đã bắt cóc và cưỡng hiếp cô. Hón đã nhắm mắt xuôi tay trong tình thương yêu vô bờ của Bảy Tiễn và nhân dân Hà Tam trước giờ cuộc tấn công của sư đoàn Chu Lai vào căn cứ Núi Cấm.

Khi đất nước thống nhất, bà Hai và Thái Bình gặp lại bủ Hón; Bảy Tiễn cùng con trai Trường Sơn ra bản Mẩn để con dâu gặp mẹ chồng, cháu đích tôn gặp bà nội. Bảy Tiễn đưa hài cốt của Hón được quy tập về nghĩa trang liệt sỹ nơi quê hương anh. Trước bàn thờ tổ tiên, giọt nước mắt già nua của bủ Hón rơi trên đầu Trường Sơn là hình ảnh đẹp đẽ, xúc động của bà nội với đứa cháu mang vóc dáng của Hón.

Tiểu thuyết là những câu chuyện đan xen khá hấp dẫn, sinh động, lôi cuốn người đọc. Lợi thế của tiểu thuyết này là ở chỗ tác giả có một giọng văn trữ tình, một vốn chiến trường giàu có, đầy trải nghiệm. Các mảng ở chiến trường hầu hết các nhân vật, các chi tiết anh đều lựa chọn và nâng lên thành chi tiết văn chương từ những ngày tháng có thật của đời mình tại Quảng Nam. Mảng hậu phương cũng được viết từ nỗi nhớ có thật của người lính về xóm làng, về mẹ, về người yêu và những người khác.

Trước đây, Vũ Quốc Khánh đã có nhiều truyện ngắn hay được giải, lại có tiểu thuyết *"Seo Sơn"* đã được xuất bản với bọn bề sự kiện, nhiều tuyến nhân vật. Giờ Vũ Quốc Khánh có thêm sự ra mắt của tiểu thuyết *"Phía sau trận chiến"* dài hơi, khắc họa

chân thực cuộc chiến đấu thâm lặng của những người lính gửi trên miền đất ác liệt nhất, khiến tác phẩm của anh vừa ra mắt chưa lâu đã có nhiều độc giả trong và ngoài quân đội tìm đọc. Anh thành thạo trong việc diễn hình hóa tính cách nhân vật, biết dựng nên những tình huống điển hình. Văn anh viết không lên gân mà gần gũi đời thường, phản ánh muôn mặt đời thường nhưng không sa đà vào những vụn vặt của đời thường. Các trang viết thể hiện hơi thở đậm mùi chiến tranh cả về ta, cả về địch ở rừng núi Trường Sơn; sự vật vã đấu tranh để vươn lên, vượt qua những gian khổ trong đời lính chiến; giấu lòng nhân ái, vị tha trước sai lầm của đồng đội, độ lượng trước sự phục thiện của đối phương; am hiểu cuộc sống sản xuất, tập quán văn hóa của người dân lao động nói chung và miền núi nói riêng đã giúp Vũ Quốc Khánh chinh phục được thiện cảm của người đọc.

Những cái có được đã trở thành vốn sống, vốn văn chương, tạo đà cho tác giả trong hành trình sáng tác đầy gian truân ở phía trước. Đọc và thấy những thành công của *"Phía sau trận chiến"*, để biết thêm một đề tài không dễ viết chút nào. Chúng ta hy vọng vào Vũ Quốc Khánh và chờ đợi những sáng tác mới của anh.

PH

KHỞI TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

LÊ VIỄN PHƯƠNG

(Nhân đọc Thơ Việt Nam hiện đại, tiến trình & hiện tượng của Nguyễn Đăng Điệp, Nxb. Văn học, 2014)

Cuối thế kỷ XX, người ta hân hoan chờ đón một thế kỷ sẽ kết thúc trong sự ổn định và thịnh vượng nhưng tiếc thay điều đó đã không xảy ra. Ngược lại, ngày nay, thế giới đang trượt trôi theo nhiều ngã rẽ mà chính con người không thể tri nhận hết được chứ chưa nói gì đến việc kiểm soát sự trôi trượt đó. Sự thật là chúng ta đang lưu trú trong một xã hội hoàn toàn bất định và đầy rẫy những hoài nghi.

Đi cùng với sự biến đổi không ngừng của thế giới khách quan là sự thay đổi trong quá trình con người nhận thức về thực tại. Trước một thực tại bùng nổ và gây vụn thì nghệ thuật cũng trở nên đa diện mạo, khó nắm bắt. Ước mơ một sự nhận biết toàn diện về nghệ thuật hôm nay là điều không thể. Nghệ thuật đang trở lại phản tư chính nó. Nhà thơ dường như đang cố gây hấn với người đọc bằng những thử nghiệm của họ và ngược lại, người đọc cũng đang đặt ra những hoài nghi đối với cái được gọi là nghệ thuật của chính người làm thơ. Những câu hỏi mà ngày nay người đọc thường đặt ra đối với thơ ca đương đại là: Thế này cũng được gọi là nghệ thuật ư? Rốt cuộc

cái đẹp nằm ở đâu? Nếu nghệ thuật mà như thế thì bất cứ ai cũng có thể làm được nghệ thuật? Nếu không khéo giải quyết những vướng mắc đó thì có thể thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung sẽ trở nên lâm nguy.

Sự xuất hiện của những công trình định hướng cho sự nhận biết những vận hành, biến đổi về tâm thức cũng như kỹ thuật của thơ ca hiện đại để người đọc tránh được những ngộ nhận cũng như loại bỏ đi những nghi ngờ về các giá trị có thực của thơ hiện đại là một điều hết sức cần thiết. Và công trình *Thơ Việt Nam hiện đại, tiến trình & hiện tượng* của Nguyễn Đăng Điệp là một trong số những công trình như thế. Công trình này được chia làm hai phần. Phần một là *Hiện đại hóa và những khúc quanh lịch sử*, Phần hai là *Những sinh thể thi ca*. Nhìn một cách tổng quát thì đây là một công trình đưa ra những góc nhìn mới về tiến trình, sự vận hành, biến đổi của thơ ca hiện đại và đưa ra những lý giải xác đáng về các hiện tượng thơ tiểu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam.

Qua những tiểu luận của Nguyễn Đăng Điệp có trong công trình này, người đọc thấy rằng trong quá trình nỗ lực hướng tới “mỹ học của cái khác”, các nhà thơ đã đưa ra được những cái nhìn khác để lý giải cuộc sống và tìm đến cách thực hành nghệ thuật mới lạ để chạm tới những cấp độ sáng tạo thực sự của nghệ thuật hiện đại.

Sự thay đổi của một nền nghệ thuật được bắt đầu bằng những nỗ lực của các cá nhân đơn lẻ, những nỗ lực đó khi được hợp nhất rồi cộng thông với những thay đổi của văn hóa, xã hội, chính trị... sẽ đưa đến những bước chuyển đổi về hệ hình. Sự chuyển đổi về hệ hình không phải là sự thay đổi một cách nhanh chóng, sự chuyển đổi đó là cả một quá trình dài lâu, trong đó có sự kế thừa và sự bội ước của hệ hình mới với

những khuôn mẫu, lễ thói của hệ hình cũ. Nguyễn Đăng Điệp cho rằng: *Những đổi mới thực thụ trong lĩnh vực nghệ thuật bao giờ cũng gắn liền với sự đổi mới về hệ hình tư duy (paradigm), về cách nhà thơ khám phá, thụ hưởng và biểu đạt thế giới...(*)* Hệ hình tư duy mới luôn chứa đựng trong nó những cái nhìn mới và cách suy tư khác về sự hiện hữu. Và hơn hết, trong cái nhìn của Nguyễn Đăng Điệp thì hệ hình mới sẽ có một hình thức tổ chức diễn ngôn mới. Đó là sự hợp thành của ngôn ngữ, cấu tứ, bút pháp, giọng điệu với nội dung tư tưởng của người làm thơ. Thiếu sự kết hợp này thơ sẽ tự nó đi tới những giới hạn như: thơ sẽ thiếu sự khai phá về hình thức thể hiện; không đưa ra được những kiểu thực hành thơ khác biệt so với hệ hình trước và nếu chỉ chăm chú quá mức về hình thức thì tất yếu thơ sẽ trở nên vô cảm xúc, thiếu giá trị biểu nghĩa thực sự.

Dựa trên những căn bản về lý thuyết hệ hình, Nguyễn Đăng Điệp đưa ra những lý giải về sự biến đổi của thơ ca hiện đại Việt Nam từ Thơ mới cho đến hậu hiện đại. Theo nhà nghiên cứu này, thì dường như sự thay đổi của thơ ca trong tiến trình biến đổi lịch sử của chính nó được thể hiện rõ nhất qua các phương diện: *Từ mô hình phản ánh hiện thực đến mô hình suy tư về hiện thực, từ hiện thực biết trước đến “hiện thực của giấc mơ” nhờ mờ bất định; từ cái tôi cá nhân đến cái tôi trữ tình công dân thời kháng chiến và cái tôi bản thể đa tầng trong thơ đương đại; từ ngôn ngữ “trong suốt” đến ngôn ngữ “mờ đục”; từ sự đan cài giữa phong cách cao sang và phong cách suồng sã bình dân; từ độc thoại đến đối thoại; từ xác tín đến hoài nghi...* Những thay đổi này luôn nằm trong sự va đập về văn hóa, giáo dục, lịch sử, xã hội cùng với sự va đập trong chính nội giới của người nghệ sĩ khi họ bị quăng ném vào thế giới và bị/được trở thành những kẻ liên can và nhập cuộc với thế giới, họ không có khả năng và quyền hạn để vượt ra được sự liên can này.

Qua *Thơ Việt Nam hiện đại, tiến trình & hiện tượng*, chúng ta có được một cái nhìn mang tính tổng quan về những bước đi của thơ ca hiện đại nhưng bên cạnh đó, người đọc cũng nhìn thấy những lý giải sâu sắc và nghiêm xác về các hiện tượng thơ, khuynh hướng thơ tiêu biểu của mỗi giai đoạn lịch sử. Việc nhìn nhận của tác giả không theo lối cũ mòn mà luôn dựa trên những hệ thống lý thuyết mới để nhìn nhận, khai phá những bề khuất lấp trong các hiện tượng, tránh lối viết cảm tính thường thấy trong phê bình văn học trước đây. Ví dụ, ngày nay nếu nhìn Thơ mới về phương diện tư tưởng, bút pháp thì có lẽ khó đưa ra được những cái nhìn mới mẻ và mang tính phát hiện. Vì thế Nguyễn Đăng Điệp đã đứng trên lý thuyết *Sinh thái học* (Ecology), một học thuyết nghiên cứu về nơi sinh sống của sinh vật, và đối tượng nghiên cứu của bộ môn này là tất cả các mối tương tác giữa cơ thể sinh vật và môi trường. Đây là một hướng đi mới mẻ và đầy hứa hẹn cho nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Bằng sự rọi chiếu của lý thuyết Sinh thái học, Nguyễn Đăng Điệp đã làm rõ những vấn đề mang tính phát hiện của cá nhân tác giả trong sự truy tìm những khía cạnh mới của Thơ mới như: Tầm mạng sinh thái trong Thơ mới Việt Nam; Vạn vật hữu linh trong Thơ mới... Theo nhà nghiên cứu này thì, *những vần thơ viết về thiên trong Thơ mới cũng có ý nghĩa đánh thức sự gắn kết giữa con người với môi trường nhân tính của tự nhiên bằng chính ngôn ngữ của tự nhiên, bằng thứ ngôn ngữ trong trẻo và nhiều khi tràn đầy dục tính, vì bản chất của dục tính là “sức sống.” Đó là một lộ trình thanh tẩy, một phương thức tái cấu trúc nhân cách, ngăn cho con người không trượt vào con đường tha hóa...*

hơ Việt Nam hiện đại, tiến trình & hiện tượng cũng là một bức tranh phục dựng lại những giá trị thơ mà vì những lý do nằm ngoài văn chương nên người ta đã nhìn không được đủ đầy và công tâm. Một trong những giá trị ấy nay được Nguyễn Đăng

Điệp nhắc tới chính là thơ của Trần Dần, *người đã vắt kiệt mình vì muốn tạo ra một thứ quả lạ trong thơ và phải chịu nhiều cay đắng từ thứ quả “trái mùa” ấy*. Nói về Trần Dần, Nguyễn Đăng Điệp cho rằng đây là một nhà thơ có ý thức lao động thơ trước hết là lao động chữ. Cho đến nay, ý thức về lao động thơ trước hết là lao động chữ không nhiều ở người làm thơ nước ta. Có vẻ như người làm thơ hiện nay chưa thực sự ý thức được vai trò của ngôn ngữ trong việc sản sinh ra hữu thể, chứa đựng hữu thể. Nhà thơ muôn đời là những kẻ canh giữ ngôi nhà của hữu thể bằng chính ngôn ngữ của mình theo như tư tưởng của triết gia Martin Heidegger. Ngày nay, trước sự lên ngôi của triết học ngôn ngữ, người ta ý thức rằng ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở chức năng là phương tiện của nhà thơ mà chính ngôn ngữ có vai trò sản sinh ra những vật thể giả tạo, những bản thể vi, nó chính là ngôi nhà của sự tồn tại và là đôi cánh để khai sinh ra những kiểu dạng hiện thực khác, hiện thực nằm ở phía bên kia của lý tính. Vì ý thức được điều này nên thơ của Trần Dần, Lê Đạt, Bùi Giáng... thoát ra khỏi sự trơ nghĩa, nghèo nàn. Thơ của họ là những thử nghiệm táo bạo về hình thức nhưng đồng thời cũng là những quảng diễn về tư tưởng của thi sĩ, của những kẻ mang khát vọng kiến thiết lại ngôi nhà của hữu thể. Sự thiếu giá trị biểu đạt, sự trống rỗng của thơ ca mang lối cách tân hiện nay cũng đến từ sự chưa ý thức được những điều nói trên. Có thể sẽ có một tương lai què quặt của thi ca đương đại nếu người làm thơ ngày nay cứ trượt trôi đi trong những kiểu bắt chước phương Tây nhưng thiếu căn nền trầm trọng.

Khi thế giới trở nên bùng nổ, hỗn loạn, khi con người nhận ra rằng sự tri nhận toàn diện về thực tại và điều bất khả thì ngay lập tức người ta quay lại hoài nghi mọi thứ. Cảm thức hoài nghi chi phối sự nhận thức của con người trước thế giới. Không có gì là ổn định, bất biến hay vĩnh cửu. Sự vật luôn

được soi xét từ nhiều chiều hướng khác nhau. Thơ Việt Nam sau 1975 cũng dần trôi vào cảm thức hoài nghi khi nhà thơ biết rằng cảm hứng sử thi chỉ là những gam màu của quá vãng. Điều này được Nguyễn Đăng Điệp làm rõ trong tiểu luận *Thơ Việt Nam sau 1975 - Một cái nhìn toàn cảnh*. Trong cái nhìn của nhà nghiên cứu này thì thơ ca giai đoạn này có sự chuyển đổi rất lớn về tư duy nghệ thuật. *Các nhà thơ chuyển từ “bè cao” sang “bè trầm*. Cái nhìn sử thi đã phai nhạt và thay vào đó là cái nhìn phi sử thi... Đặc biệt, từ sau 1986 ý thức cõi trời trong thơ được xác quyết một cách mạnh mẽ, từ đó sản sinh ra nhiều quan niệm mới về thơ, về cả tư tưởng cũng như cách thực hành thơ. Từ đây ý thức nhìn cuộc đời bằng cái nhìn tỉnh táo và thơ ca hiện ra như một hình thức tra vấn không ngừng về lịch sử. Tiếp đó là nỗ lực khám phá sự phong phú của cái tôi ẩn dấu dám phơi bày những bi kịch nhân sinh hoài nghi những giá trị vốn đã ổn định để đi tìm những giá trị mới... Giờ đây, nhà thơ hoan hỉ lao vào khám phá nội giới của mình, trình ra những bề khuất lấp của cảm thức cá nhân bị đè nén bấy lâu. Và có lẽ “giải thiêng” là trò chơi được nhiều nhà thơ tham dự. Một trong những thành tựu lớn về mặt nghệ thuật của giai đoạn này chính là nhà thơ đã ý thức được sức mạnh của ngôn ngữ khi họ *xem thơ như một ngôn ngữ*. Sự thay đổi lớn trong cách thi sĩ nhìn về thế giới đã làm nở rộ các khuynh hướng thơ khác nhau. Trước hết đó là xu hướng viết về chiến tranh qua những khúc ca bi tráng về số phận của dân tộc. Tiếp đó là xu hướng trở về với cái tôi cá nhân, những âu lo của đời sống thường nhật. Tác giả cho rằng đây là xu hướng nổi bật nhất của thơ ca sau 1975. Khi nhà thơ tự do đi vào thế giới bên trong và choáng ngợp bởi sự vô tận của thế giới ấy thì họ tự nhận thấy giới hạn của lý tính trong việc lý giải và nhận thức ngay chính bản thân con người. Nhà thơ cùng với sự mơ mộng trôi vào vùng mờ của lý tính để theo đuổi những giấc

mơ không biên giới. Nguyễn Đăng Điệp gọi đó là xu hướng đi sâu vào những vùng mờ tâm linh đậm chất siêu thực. Xu hướng thơ cuối cùng mà tác giả chỉ ra đó là *xu hướng hiện đại/hậu hiện đại*. Trong xu hướng sau cùng này, tác giả cảnh tỉnh rằng *dù đổi mới thế nào đi chăng nữa, dù sáng tác theo chủ nghĩa nào đi chăng nữa thì thơ ca vẫn là tiếng nói hồn nhiên nhất, nguyên sơ nhất và giàu tính nhân bản nhất của con người về cuộc sống, vì sự cao đẹp của con người*.

Sứ mệnh của sáng tạo là làm ra cái mới. Điều này bất cứ một nhà thơ nào có trách nhiệm với con đường của mình cũng đều ý thức được. *Thơ Việt Nam hiện đại, tiến trình & hiện tượng* thông qua các tiểu luận và những bài viết đi vào thế giới của những *sinh thể thi ca* như Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Huy Cận, Trương Đăng Dung, Nguyễn Quang Thiều... và những điểm xuyết sơ qua về nhóm Ngựa Trời, nhóm Mở Miệng... đã trực tiếp bàn về vấn đề cái mới trong sáng tạo. Trước hết, theo tác giả thì *không phải cái mới nào cũng hay nhưng chắc chắn, cái hay nào cũng mới*. Nguyễn Đăng Điệp cho rằng *cái mới trong thơ trước hết nằm ở cách quan niệm mới của nhà thơ, ở khả năng đổi mới cảm xúc và chiều sâu lý giải thế giới*. Ở đây, cái mới luôn gắn liền với cái lạ và cái khác biệt cùng với những điều đó là sự biến thiên không ngừng của chính những cái lạ. Cái mới phải dựa trên những căn nền triết mỹ vững chắc để tránh cho thơ không trống rỗng. Qua đây, chúng ta biết rằng việc đội lốt cái mới để trưng ra những trò chơi lố bịch, những câu chữ vô hồn thiếu sự biểu nghĩa thực thụ đang làm cho thi ca đương đại trở nên hỗn loạn, tổn thương cho người làm thơ cũng nhiều và gây nên sự hoài nghi trong người đọc cũng không ít.

Một trong những điều đáng chú ý trong công trình này mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc chính là những âu lo về văn hóa đọc nói chung và văn hóa đọc thơ nói riêng. Suy cho cùng, dù thơ

có được sáng tạo theo hệ hình lý thuyết nào đi chăng nữa thì mối quan hệ giữa người tiếp nhận và văn bản tác phẩm luôn là một vấn đề được giới phê bình quan tâm. Dựa trên những kiến văn mang tính hàn lâm nhưng không ngừng gây hấn như lý thuyết *liên văn bản* (intertextuality) của Julia Kristeva, sự tuyên bố của Roland Barthes về *cái chết của tác giả*... Nguyễn Đăng Điệp đi vào phân tích những thay đổi trong mỹ học tiếp nhận của hiện đại và hậu hiện đại. Mối quan hệ giữa bạn đọc và tác phẩm thơ hiện nay theo nhà nghiên cứu này thì đang vấp phải những thách thức. Thậm chí trước những vấn nạn của sự thức nhận vai trò của nghệ thuật đối với con người như ở nước ta thì sẽ có nguy cơ dẫn tới *cái chết của người đọc*. Tác giả cho rằng: *Trong thời đại ngày nay, chẳng mấy ai dành thì giờ để đọc, mà nếu đọc thì cũng chẳng mấy ai bận tâm về ý nghĩa sâu xa của tác phẩm nghệ thuật*. Đây là một hiện trạng đầy “nhức nhối” đối với một đất nước chưa hình thành xã hội đọc như ở Việt Nam. Đây là một thực trạng có căn nguyên từ nhiều hướng, trong đó sự đánh mất ý thức về vai trò của văn hóa đọc đối với sự khai minh của xã hội ở nước ta hầu như không được xem trọng. Sự cô đơn của tri thức và những nỗ lực của những người mang khát vọng chấn hưng dân trí là có thật. Điều này sẽ tiên báo về một nền thơ ca đương đại Việt Nam không mấy khởi sắc và thậm chí sẽ mang màu sắc ảm đạm.

Thơ Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay vẫn tiếp tục nằm trong quá trình hiện đại hóa, chúng ta vẫn đang trên đà vượt đui theo sự chuyển mình không ngừng của thi ca nhân loại. Mà nói như Nguyễn Đăng Điệp *đó là quá trình khởi từ truyền thống đến hiện đại, từ khu vực ra thế giới, từ thế giới đơn tuyến đến thế giới đa tuyến, đa kênh....* Để thơ Việt thoát khỏi sự trì trệ trong tư duy thẩm mỹ, thiết nghĩ rằng người làm thơ cần ý thức được sự cần thiết thực sự của một cảm thức sáng tạo dựa

trên căn nền của lý thuyết mỹ học, triết học và hơn nữa là dựa trên những nỗ lực vượt thoát lối tư duy cũ kỹ, bảo thủ của hệ hình nghệ thuật đang tồn tại nhưng không còn tương hợp với sự chuyển mình của xã hội hôm nay.

L.V.P

() Những chữ in nghiêng trong bài đều được chúng tôi trích ra từ công trình này của Nguyễn Đăng Điệp.*

CHÙM BA TÁC GIẢ VĂN XUÔI MỚI

Nguyễn An

(NV&TP) Trung tâm Bồi dưỡng viết văn Nguyễn Du, Hội Nhà văn Việt Nam tiếp tục sự nghiệp các Khóa Bồi dưỡng những người Viết văn trẻ Quảng Bá thời chống Mỹ, nơi các nhà văn Đỗ Chu, Ngô Ngọc Bội, Vũ Thị Thường, Nguyễn Khắc Phục... từng qua đó mà trưởng thành. Với chức năng truyền thụ kỹ năng sang tác, hệ thống lý thuyết các trào lưu văn học và gợi mở, gợi hướng cho các nhà văn mới vào nghề trên cơ sở vốn sống, ý tưởng sáng tác và trường đoản của mỗi người; đọc các tác phẩm của học viên và góp ý sửa chữa nâng cao, Trung tâm dần khẳng định tính hiệu quả của lớp bồi dưỡng ngắn hạn trên cơ sở tri thức không ngừng được cung cấp qua các kênh truyền thông hiện đại - với nhiều người dễ bị choáng ngợp. Nhà văn, TS Nguyễn An, trong cương vị Phó giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng viết văn Nguyễn Du nhiều năm, đã gửi cho chúng tôi chùm bài như một sự mô tả rút gọn công việc ông vẫn làm với các học viên...

CẨM SƠN

Theo thông lệ, sau nửa buổi họp hay một buổi làm thủ tục nhập học gồm cả việc nhận nơi ở, thì học viên các khoá của Trung tâm Bồi dưỡng Viết văn Nguyễn Du được tập hợp lại để chính thức nghe giới thiệu và tự giới thiệu

làm quen với nhau, rồi nhận các thông báo về *Quy chế* và *Lịch học* tuần đầu tiên của khoá học. Phần thứ hai là bầu Khóa trưởng (Lớp trưởng). Ở khóa VI, anh Cẩm Sơn được anh em đồng ý ngay bởi một câu nói rất bột phát: "Ông bác này tóc bạc trắng mà vui vẻ hể hả rộn ràng như thanh niên, bác làm được đấy!", thế là hoan hô. Cẩm Sơn tự nhiên như bẻ lên, rồi mặt đỏ bừng lên, muốn anh bình thân, tôi liền nhắc khẽ: "Chuẩn tấu!", Cẩm Sơn thoát đứng dậy, cười vang: "Tôi xin liều chết vì anh em, vì kết quả văn chương khoá VI của chúng ta!". Thế là xong. Theo lệ thường, tôi sẽ nói thêm mấy câu thay mặt Trung tâm..., nhưng tự thấy không cần nữa, nên chuyển luôn bản *Quy chế* khoá học cho Cẩm Sơn, anh đọc và nhấn mạnh luôn một số ý ngon lành.

Tôi nhẹ nhàng đi ra ngoài, và nghĩ: Ông Cẩm Sơn này quả là rất biết tổ chức, điều hành... Không rõ khi viết thì sao? Có lẽ văn ông này không du dương mà chắc gọn, có bố cục hợp lý? Mà tiếng cười to vang thoải mái ấy đang báo hiệu những trang văn thế nào đây?

Bây giờ thì văn của Cẩm Sơn đang ở trong tay tôi và các bạn, những hai tập, là *Xuyên qua cánh rừng* (tiểu thuyết) và *Đổ quýt đỏ* (truyện và ký) cùng được xuất bản trong năm 2013. Có người bảo Cẩm Sơn ra luôn hai tập văn xuôi dày dặn này ngay trong một năm, là anh viết rất khoẻ, nếu biết là trước đó, anh đã in ba tập thơ *Tình rừng, Tình núi* và *Miền xanh*, thì có thể nói là đa tình nữa chăng?

Tự tuyển chọn từ vài ba chục truyện ngắn và bút kí đã đăng trên tuần báo *Văn nghệ* và các tạp chí văn nghệ địa phương như tạp chí *Đất Tổ*. Cẩm Sơn có tập *Đổ quýt đỏ*. Mười sáu truyện và kí trong khuôn khổ gần 250 trang in của nó đã bắt đầu cho thấy một số nét đáng chú ý của cây bút văn xuôi mới

đến với văn đàn mười năm đầu thế kỷ này.

Đó là một cái nhìn đầy thương mến, trân trọng đối với cuộc sống: từ một bãi sông nở đầy hoa diếp đại rào rạt gió, từ một Hang Na như dấu tích của một tình yêu thầm thiết, từ một *Dĩ vãng ngày xanh* thừa Việt Nam dân chủ cộng hoà mới ra đời... đến những người đồng chí, đồng đội của anh, của chúng ta ra đi từ "mái tranh nghèo" với đủ lí do cụ thể, nhưng tất cả, đều giống nhau ở một ý nguyện: để góp phần giải phóng miền Nam, để giúp cho quê hương thoát nghèo. Với cái nhìn ấy, hiện thực cuộc sống thật gian nan khốc liệt đầy máu và nước mắt của nhiều làng quê trung du Việt Bắc đã được nhà văn kể lại, dựng lên thật tự nhiên, dường như không có vẻ gì là "làm văn" mà vẫn gây xúc động, gợi nghĩ suy thêm. Đọc *Đổ quyền đỏ* được viết hào hứng và thật thà như thế, tự nhiên, lại dễ nhận thêm ra rằng: Cái khó khăn tai ương mà dân mình đã phải, còn phải vượt qua trong trường kỳ lao động và chiến đấu, quả thực, không chỉ do kẻ thù xâm lược, do ý thức hệ nhiều khi khuynh tả duy ý chí nóng vội, mà còn do chính cái phong tục tập quán cổ hủ, do thói tị hiềm... ở chính dân quê mình.

Nội dung và cách viết ấy của Cẩm Sơn trong các truyện và ký dễ làm ta liên tưởng đến cách viết hào hứng của dòng truyện và ký những năm chống Mỹ cứu nước, từng được đánh giá cao. Tuy nhiên, là người cầm bút của ngày hôm nay, Cẩm Sơn hiện đại hơn ở chỗ anh đã không rườm rà, anh biết tiết chế cảm xúc và ngòi bút nên đã dồn nén được cả những đời người (và lịch sử một vùng quê) trải qua gần ba chục năm trong vài chục trang. Trong sự dồn nén ấy mạch truyện vẫn được giữ và phát triển, trong sự tiết chế này đã hiện lên một số trang dựng và tả với những chi tiết thật đặc sắc, gây ám ảnh, tạo xúc động lâu bền (các truyện, kí: *Tiếng sáo*, *Đổ quyền đỏ*, *Rau diếp đại*,

Hang Na, *Hành trình sang Campost tìm cha...*)

Truyện và kí của Cẩm Sơn có chất thơ lúc thì bi thương bi tráng lúc lại mát lành tinh khôi, phần nhiều, cũng là nhờ anh đã khéo dựng cảnh với những chi tiết đắt giá này.

Có thể coi những truyện và kí mà Cẩm Sơn đã viết, đã in là một sự chuẩn bị và rà soát lại vốn liếng để anh viết tiếp. Sự chuẩn bị, thể nghiệm này rồi sẽ được thể hiện khá rõ ở tiểu thuyết *Xuyên qua cánh rừng*.

Trưởng thành từ công việc nuôi trồng rừng, phát triển kinh tế rừng giữa một vùng miền núi đa dân tộc suốt tuổi trẻ trai, qua những năm chiến tranh và bao cấp, đổi mới và cải cách hệ thống... Cẩm Sơn hoạt bát và lắm bạn là phải, không thể, thì anh khó mà đưa lâm trường thoát nghèo rồi có của ăn của để được. Tôi tình cờ biết anh như vậy, nên khi đọc anh, càng chịu cho cái sự quả quyết ở anh khi anh làm cuộc lựa chọn thật sự kĩ lưỡng từ hàng trăm hàng nghìn người đã quen biết chỉ để dựng thành mấy chục nhân vật trong truyện và trong tiểu thuyết. Có thể nói đây là một sự chọn lựa - tổng hợp - khái quát mà ngay từ đầu, đã bộc lộ một phẩm tính chỉ có ở những nhà văn đã thạo việc cầm bút nơi anh.

Nhờ thế mà cái nhóm người đang làm công việc tổ chức, quản lí, chỉ đạo sản xuất trong ngành kinh tế rừng do Cẩm Sơn dựng lên khá sắc nét, chưa mấy ai vượt qua anh được.

Mới đọc tiểu thuyết của Cẩm Sơn, ta dễ có ý nghĩ: Vốn liếng thâm hậu phong phú thế, sao không dừng lại chốc chốc mà kể, và đặc biệt, là tung bút tả cho dài dài gần ba trang, này là rừng ban mai, này là rừng hoàng hôn, đây là buổi trưa trong rừng vắng có suối róc rách...? Đọc kĩ, thì thấy là anh có tả, tả với vẻ thích thú nữa, nhất là các đoạn có nam nữ gặp gỡ giao

duyên trao gửi ái ân trong tiếng rừng thanh tao giữa màu rừng ngút ngát nữa ấy chứ. Nhưng làm một chút thống kê, đối chiếu, so sánh của lối phê bình văn bản học, ta sẽ thấy là Cẩm Sơn không dành nhiều cảm hứng cho các đoạn tả này. Hay nói cách khác, thì anh đã dành nhiều tâm trí hơn cho việc dựng lại các cảnh giao tiếp của đám đông, nhất là những cuộc họp và tranh luận nảy lửa giữa các luồng suy nghĩ của các lớp người - nhân vật như vừa lược kể ở trên. Khi dựng lại các cảnh này, thường có các trang đối thoại và độc thoại xen kẽ. Ở đây các giám đốc, phó tổng giám đốc, tổng giám đốc và các trợ lý, chuyên viên trong và ngoài ngành từ văn phòng Bộ hay văn phòng Chính phủ về đều dần dần bộc lộ năng lực, sở nguyện, và đặc biệt, là bộc lộ cả tâm tính và thủ đoạn...

Văn đối thoại như ta biết, là rất có lợi thế để bộc lộ cái tính cách, phẩm hạnh nhân vật; và mặt khác, dựng đối thoại thật không dễ tí nào, bởi ngôn ngữ người bộc trực ngay thẳng thường khác với ngôn ngữ người chân thực mà nóng nảy thiếu kinh nghiệm công tác, và cũng khác với người thâm hiểm đa mưu mà hay mượn vẻ dễ dàng thận trọng. Đối thoại mở đầu một hội nghị cũng khác đối thoại khi hội nghị đang bế tắc hay khi hội nghị đã đi vào đoạn có thể dừng mà kết luận sao cho còn có chuyện để bàn tiếp, làm tiếp... Cẩm Sơn do từng trải ngành nghề lâm nghiệp và cả một số hoạt động văn hoá - xã hội khác, nên đã tỏ ra khéo léo và vừa đủ khi viết - dựng các cảnh thế này.

Nhân vật chính của tiểu thuyết *Xuyên qua cánh rừng* là một số đông. Hoạt động của họ đan cài vào nhau và đều góp phần phản ánh hiện thực đổi mới trong làm ăn và cung cách sống ở vùng trung du - miền núi Tây Bắc, Việt Bắc: Người ta không chịu ngồi yên, đâu đâu cũng bàn và lo làm giàu... và vì thế, có bao nhiêu người giỏi và chân chính đã xuất hiện, rồi theo đà

đua chen ấy, cũng đã có cả những kẻ làm ăn bất chính nương tựa vào kẽ hở của luật pháp, vào sự biến chất của một số cán bộ mà tồn tại, thậm chí là cũng phát triển.

Phân tích kĩ, có thể thấy là các nhân vật như tổng giám đốc Chu Tài, rồi một loạt thành viên lãnh đạo khác cùng tuyến với ông như Hoàng, Hưng, Đức, Tuy, Lập... đều khá sinh động. Họ là sản phẩm của nhiều năm trưởng thành trong cơ chế xin-cho của nền kinh tế bao cấp, họ đang cố vươn vượt lên trong thời kì mới, nhưng xem ra, cuộc vật lộn cũ - mới này quả không suôn sẻ dễ dàng ai thắng ai thua ngay trong một con người được. Cẩm Sơn đã gợi ra cái thường tình và cái cần phải có trong cuộc đấu tranh giữa các cách nghĩ - là bộc lộ quan điểm nhân sinh, là tầm nhìn của cán bộ. Bên cạnh nhóm nhân vật này, có hai nhân vật là Trùng Khánh - đại diện Văn phòng Chính phủ và Nguyễn An - đại diện Văn phòng Bộ cũng rất đáng chú ý. Sự có mặt vừa đủ của họ trong tác phẩm đã cho thấy một sự liên kết tự nhiên của lợi ích nhóm trong cuộc sống hôm nay. Anh không theo mà được à? Anh làm theo thì có lợi cho anh và tập thể nhỏ ngay đấy, nhưng tương lai của một khu vực sản xuất với nguồn sống và tương lai hàng nghìn, vạn con người sẽ thế nào đây? Và cả mai sau của anh nữa?

Tuỳ là giám đốc mới thay Đức, hai người vẫn tâm niệm: "*Là người được Nhà nước cho ôm một đồng tiền nên mình phải đứng trên đồng tiền mà phân phối cho công bằng, mình bạch thì người đời mới nể phục, chứ còn nằm trong đồng tiền mà lũng nhùng, nhập nhèm mờ ám thì dù chức tước to đến mấy người đời vẫn khinh miệt*". Nhưng Lê là kế toán trưởng dưới quyền, thì lại "giảng" cho Tuy là:

"Bây giờ ở đâu cũng thế cả. Cái lão Đức ấy nó nhát xít thì nó thế"

chứ lo gì... Thử hỏi bây giờ có anh quốc doanh nào mà làm đúng trăm phần trăm theo hàng mớ các quy định có từ thời Xã hội chủ nghĩa? Phạt ý cấp trên, họ bới ra... Ngạn ngữ chẳng có câu "Bói ra ma, quét nhà ra rác" đấy sao. Bên trên có người đỡ rồi thì chẳng phải sợ gì cả, mà muốn cho bên trên đỡ mình thì ăn chia cho sòng phẳng, kiếm được cái gì thì cứ báo cáo thẳng thắn rõ ràng, phần nào cống nộp cấp trên, phần nào ban phát kẻ dưới... Đối với cánh thanh tra thanh bố thì cứ mềm mỏng, tùy từng vụ việc mà lựa phong bì nặng, nhẹ, chẳng có thằng nào chết đâu mà sợ".

Trong tiểu thuyết thì nhân vật Lê do nắm tiền của lâm trường mà táo tợn chẳng sợ ai, nhưng tôi biết là có ối anh đọc đến đoạn này của Cẩm Sơn, lại sợ bị lật tẩy chẳng? Vì lo cho tác giả chẳng? Hay lo sợ bản khoản cho cả một cơ đồ nữa?

Để dựng lại sự phức tạp có thật của ngày hôm nay, Cẩm Sơn còn có các nhân vật mẹ con Nhung - Trang Dung trong mối quan hệ với Trương Hoàng và Ngô Hoàng, trong quan hệ với chồng - cha là Bình. Làm ăn bất chính muốn phát lên, thế tất, phải liên kết ma quái. Cái vòng xoay của tiền-tình, của lễ-nghĩa đã cuốn những con người này vào vòng tội lỗi vừa đáng lên án vừa có chỗ đáng thương.

Tấn bi kịch của mỗi gia đình này, của những kẻ say tiền và mê chức tước mà chấp nhận để vợ bồ bịch với cấp trên hay kẻ có quyền lực là một vết nhơ có thực trong đời sống còn có phần láo nháo lệch chuẩn hiện nay. Dựng lại những cảnh này, tác giả *Xuyên qua cánh rừng* quả đã tỏ rõ một sự am tường sau bao nhiêu chiêm nghiệm.

Ngổn ngang thế thái nhân tình là cảm giác tạo nên ám ảnh, tạo nên ấn tượng của tiểu thuyết *Xuyên qua cánh rừng* này. Cái cách sống lâu nay của tác giả là dám chịu trách nhiệm và gắng

nâng niu vẻ đẹp còn có, vốn có ở mỗi bạn bè đã tự nhiên tạo ra cảm hứng sáng tạo ấy chẳng? Vậy nên tuy còn có chỗ có trang Cẩm Sơn viết hơi lan man, hoặc mô tả chưa tới mức bạo liệt như ai kia, song tựu trung, tiểu thuyết của anh vẫn có mạch suôn sẻ riêng, dễ đọc và dễ hoà đồng.

Lâu nay hình ảnh mấy ông công chức - quan chức ta trong sáng tác văn xuôi không mấy đẹp, nếu đọc *Xuyên qua cánh rừng*, ta thấy họ không đến nỗi tệ, hơn thế, ở một vài nhân vật như giám đốc Đức và giám đốc Tuy cũng có thể coi là hình tượng đáng nói theo.

LÊ THANH KỲ

Sang tuổi tri thiên mệnh, Lê Thanh Kỳ mới chính thức vượt ra khỏi "văn nghệ tỉnh lẻ" như ai đó quen gọi, mà đến với văn chương với truyện ngắn *Tình già* (in trong tạp chí *Văn hiến* của Liên hiệp VHNT Hà Nội). Gọi là vượt lên thế, nhưng hình như truyện này không có tiếng vang gì đáng kể. Cũng năm 2008 ấy, anh xuất bản luôn tiểu thuyết *Bão đất*. Không có cái hăm hở trẻ trung, chắc khó mà xuất hiện luôn ngay tắp lự như vậy.

Bão đất là một tiểu thuyết gọn ghẽ với độ dày hơn 170 trang. Cùng với sự gọn ghẽ này, là cái mạch lạc trong cấu trúc và sự phát triển của mâu thuẫn cùng tính cách các nhân vật chính. Là tiểu thuyết đầu tay mà như thế, Lê Thanh Kỳ đã gọi cho người đọc cái ý nghĩ: Tác giả cuốn tiểu thuyết này là ai mà đã sớm già dặn vậy rồi?

Sự già dặn của tay nghề tiểu thuyết ở *Bão đất* đang ở độ nào, là chuyện cần và có thể bàn thêm, còn cái trẻ trung chân thật trong *Bão đất* thì đã bộc lộ khá rõ.

Trẻ trung thường là do bản tính tự nhiên, còn già dặn thì vẫn

hay phải nhờ rèn luyện mới có. Tôi muốn nói đến hai phẩm chất, hai đặc sắc này ở Lê Thanh Kỳ qua truyện ngắn của anh nhiều hơn.

Nếu cần, cũng có thể tìm hiểu xem Lê Thanh Kỳ đã viết từ bao giờ, anh đã sáng tác được nhiều truyện ngắn chưa... Việc này không khó lắm, bởi sau cái vẻ bề ngoài dầu dãi, bận rộn của một người thợ cả, một ông chủ xưởng cơ khí có tay nghề vững nên đã luôn có hợp đồng, thì Lê Thanh Kỳ cũng là người dễ gần. Người ta hay nói và bàn đến sự đối lập và dung hoà như là một thuộc tính của các nhà sáng tạo, gặp Lê Thanh Kỳ, cái ý nghĩ bàn tiếp về thuộc tính này ở một người viết văn lại càng tự nhiên mà đến, chẳng cần ai gợi nhắc. Các câu hỏi đại loại như: tất bật giữa bụi bặm và tiếng ồn của búa đập, của máy cắt xẻ kim loại, của tiếng người hỏi đáp cứ như phải quát to lên mới nghe được nhau, thì nghĩ được gì và viết thế nào đây? như: truyện của anh thường được nảy ra từ đâu? có bối cảnh chung và riêng ra sao?... dường như chẳng cần bật ra nữa. Vả chăng, Lê Thanh Kỳ hình như cũng thuộc nhóm nhà văn không quen không biết nói nhiều. Chịu khó gợi gần xa từ việc nhà việc xưởng, chuyện thiết kế các mẫu hàng rồi thi công và vận chuyển lắp đặt, đoạn, lại như bất ngờ mà đập luôn: cái làng ấy có cái ông ấy giờ sao rồi nhỉ? Thế là tự nhiên, ta có thể hiểu dần những cơn có khiến anh tự có thì giờ mà viết. Còn hứng thú? Tôi biết Lê Thanh Kỳ vốn yêu thích môn Văn từ hồi học phổ thông, anh cũng là người đọc không nhiều lắm nhưng đã đọc cuốn gì, của ai, thì đọc khá kỹ, theo cái cách đầy mê say như ai đó, là đọc hết truyện rồi, ngẫm đi ngẫm lại, còn giơ trang giấy trên dưới ánh đèn mà xoay xoay tự hỏi tại sao cái câu cái chữ này của người ta lại làm mình khắc khoải đến thế?

Cái nghề kiếm ăn, nuôi sống mình và vợ con, rồi giúp đỡ các cháu của Lê Thanh Kỳ không thể nói là không cực nhọc vất vả,

cũng là cái nghề giúp anh tự nhiên mà quen biết, rồi thuộc dần tính nết, cung cách ứng xử, lối nói năng giao tiếp của nhiều dạng loại người. Ông lăm tiền làm nhà đóng cửa đã đành, người nghèo khó cũng phải vẩy ra cái mái rồi sửa lại cái bếp chú. Qua quy mô một công trình lớn hay bé, qua cái cách dùng tiền, trước hết là mua sắm vật liệu để làm nhà sửa cửa, nếu anh chịu khó quan sát và ngẫm ngợi, anh sẽ hiểu thêm được khá tường tận mỗi con người, phải không? Nghe nói thế, Lê Thanh Kỳ chỉ ửng tưng gương mặt lên một tí, vẻ như xác nhận, rồi nói sang chuyện khác. Tôi chợt nhớ đến các cụ Tô Hoài và Kim Lân, cả Nguyễn Tuân và Bùi Hiên... toàn những cao nhân trong làng văn, nhưng ít khi nghe được ở các cụ những câu "tổng kết" gì trong cái nghề gọi là "xây dựng hình tượng nhân vật", mà thường được nghe nhiều hơn là các mẫu chuyện kiểu như: dạo ấy, ở cái đoạn gần ngã ba chỗ có cái dốc đê, có cái quán... ông còn nhớ không? Mà cái gió ở triển đê ngày ấy sao lại cứ phe phất lạ thường vậy chứ?... Cái lão qua đường ấy tôi biết, là dân cạo giấy, mà sao cứ thập thững như cái anh đánh đập được bữa phở thế nhỉ?

Tôi định hỏi: Lê Thanh Kỳ là có đọc các cụ kia nhiều không, nhưng lại thôi. Tôi nhớ ở truyện ngắn có cái tên rất điệu đà thiếu nữ thị thành bây giờ là *Leo ơi, hàng gì mà rẻ thế!*, Lê Thanh Kỳ dựng lên hình ảnh một anh thợ xây ham viết truyện, luôn bị vợ hằm hè đe nẹt dằn dò đến nổi cáu lên, khi vợ vừa ra khỏi nhà, anh ta nghĩ: "Mẹ kiếp! Dận như dận trẻ con, ông mày đang trí chứ có phải mất trí đâu!" rồi tỏ mớ dằn mà nhớ lại lời vợ: "Em lấy thợ xây chứ không lấy nhà văn. Nếu biết một ngày anh như thế này, thà em làm bà cô", anh ta ức lắm: "*Văn cũng là nghề, nó phải cao hơn thợ xây một bậc, cao sang mà chẳng phải mua vốn. Nhà văn bảo viết khổ sở lắm, dằn vặt lắm. Hắn cứ nằm miên man suy nghĩ, rồi ông sẽ nổi tiếng cho mà biết, có lần hắn đã nói như thế, vợ cứ tưởng tượng: "Em chỉ cần anh*

xây nổi tiếng thôi, chứ cái nghề văn từ trước đến nay người ta bảo phải kiểng nó ra". Hấn phát câu lên.

Hai vợ chồng hấn cú cãi vã, chỉ vì bỗng chốc hấn muốn đổi nghề, muốn thành nhà văn!"

Tưởng thế là dừng được rồi, Lê Thanh Kỳ còn cho một đoạn đối thoại tiếp: "*Lành lặn không muốn lại muốn đỡ hơi! Cô bảo ai đỡ hơi? Thì mấy cái ông nhà văn đó, mà hơn cả đỡ hơi! Có cái lò nhà cô đỡ hơi thì có! Phải, cái lò nhà tôi có một người bị bệnh điên nhưng mà là điên "xịn", điên "xịn" mới sướng. Mẹ kiếp! Điên còn biết sướng. Không biết sướng, còn hơn nhà văn khổ vì biết. À, mà dám bảo văn sĩ là điên à?"*

Rồi đuổi đánh vợ rình rịch, vợ vừa chạy vừa cãi: "Thợ xây mà cũng đòi trí thức". Chả trách hấn càng điên hơn đuổi suýt bắt được, mụ hãi quá phải chạy sang hàng xóm nường nấu mấy hôm mới dám về."

Xin thông cảm, tôi trích dẫn hơi dài, vì thấy rằng đây là một đoạn cho biết khá rõ giọng văn của Lê Thanh Kỳ, giống giống ai như mấy văn sĩ tiền chiến, như Nguyễn Huy Thiệp mới đây à? Còn mấy câu mấy chữ "luận" về kiếp nghề văn nhân nữa, là của một hay vài đám người trong cộng đồng vừa quen vừa lạ quanh ta đây? "Luận" thế, hấn có nguyên do nguyên dạng nguyên mẫu rồi... Vậy văn nhân đích thị thì sao? Chẳng nhẽ "vứt đi cả", không làm nên trò trống gì? Trong người có ta, kể - dựng chuyện về ai mà như vận vào mình một lúc nào đó với cái giọng đa thanh có tí dỗi hơn bực bõ, có chút bị ai ngán ngẫm, lại cũng có cái tự trào không giấu được... Tôi đồ rằng phải là người đã ngẫm nghĩ lâu lâu, qua rất nhiều trải nghiệm phong phú thì mới viết ra thế được.

Đọc mười tám truyện ngắn trong tập *Nắng vỡ* của Lê Thanh

Kỳ, ta gặp lại các truyện đã nổi tiếng, được giải Nhất cuộc thi báo *Văn nghệ* như *Bạn khách* và *Mồng chín tháng Tám*, rồi các truyện có lối viết hóm hỉnh, hơi lạ như *Xanh và đỏ*, *Cái bếp*, *Ồ ăn quan*, *Leo ơi, hàng gì mà rẻ thế!* Các truyện khác như *Nắng vỡ*, *Tân Cato*, *Một cuộc đi chơi*, *Mẹ con nhà chuột* không tân kì về cấu trúc nhưng lại hấp dẫn trong lời kể và cách dựng nhân vật cách đưa dần dần các chi tiết. Có những chuyện đã khá quen thuộc, tưởng chỉ cần lướt qua, nhưng đọc một vài trang, là muốn đọc cho hết luôn (*Hai người lính*, *Riêu cua*, *Phải cả*, *Bỏ quê về phố*, *Hoạ mi không hót nữa*, *Ba người đàn bà...*) là nhờ tác giả đã đưa vào truyện những chi tiết như chưa thấy ở đâu, lại đặt đúng, hợp với tình huống phát triển của nội dung truyện.

Thơ có cấu tứ đã đành, mới thành thơ; truyện ngắn hay, đọc được, cũng có cái cấu tứ riêng của nó. Hiểu chưa rõ, biết chưa đủ, rồi qua va chạm, giao tiếp mà biết - ngộ ra thêm, rồi hiểu đúng nhau hơn, là một kiểu dạng lập tứ, tạo cấu trúc cho truyện ngắn mà nhiều tác giả đã từng. Với Lê Thanh Kỳ trong tập *Nắng vỡ*, thì anh dùng hơi nhiều, nhưng vẫn hấp dẫn, bởi nhiều lí do thuộc về tay nghề, nhất là trong đó có khả năng mở tình huống, đưa chi tiết như vừa nói ở trên. Khi viết - dựng truyện theo cách này, lại với cái kết truyện bất ngờ, các truyện *Đương mùa hoa cải*, *Hai người lính*, *Chuyến tàu cuối năm*, *Xanh và đỏ*, *Một cuộc đi chơi...* đã gây xúc động mạnh cho người đọc. Nhà văn là người giàu lòng yêu thương mến trọng cuộc đời, với những con người cụ thể, trong các cảnh tình trạng huống cụ thể... thì mới viết ra được như thế, chứ không chỉ do sự khéo tay. Truyện ngắn của Lê Thanh Kỳ ngắn gọn thật, dường như không có chi tiết thừa, và rất khó tóm tắt cũng là vì thế.

Phân biệt giữa cuộc sống tự lập với cuộc sống "trôi tự do" là một năng lực và phải có bối cảnh mới nhận ra được. "*Con thực*

sự không hiểu được bố. Cuộc sống có lúc cũng phải bừa phứa đi một tí - Không phải là con không hiểu bố mà là con không muốn sống có nguyên tắc. Công việc cũng là cuộc sống, không bừa phứa được", đó là một đối thoại giữa con gái và ông bố trên ô tô đi Sapa một đêm mưa rét. Cha lái xe, con trong xe, chỉ vài giờ mà con vỡ ra nhiều điều, tự thấy: "mình lớn hẳn lên, bằng một diện mạo khác hẳn, vượt lên chính mình, đứng hẳn trên vai mình" Nhìn đời đầy ưu ái, quan sát cuộc sống tỉ mỉ để viết thành truyện, mà gài vào đấy những chiêm nghiệm có giá trị đúc kết nhân sinh, đó là Lê Thanh Kỳ lúc này. Nhân đây cũng xin nói thêm: cái lối đúc kết của Kỳ thường được bật ra tự nhiên từ chính mạch truyện, rất hợp lí, thường khi, lại được gửi qua ý nghĩ hay lời nói của nhân vật, như ở truyện *Bạn nghề*, đoạn kết như sau:

"Tôi chợt nhớ đến cái hiệu thuốc Bắc nhà Khách Khên năm xưa. Chữa bệnh bằng thuốc Nam, lại phải mang ơn thuốc Bắc. Bạn bè thì bạn bè, nhưng không để cho nó áp đặt lối chơi. Tôi đáp:

- Mà muốn đầu tư để cùng hưởng lợi nhưng bao bì phải bằng gốm sứ Bát Tràng. Nhân hiệu dứt khoát "Made in Vietnam"

Thằng Khên đứng phắt dậy, lãnh đạm bảo tôi:

- Tao với mày không có duyên bạn bè - Rồi nó giục vợ con thu xếp hành lý đi ngay lập tức"

Đọc đến đây, thế tất, ai cũng nghĩ: đây là lời tự bạch thẳng thắn không thể nào giấu được của ông bạn Tàu tử thủ bé của "tôi" đấy nhé.

Trong cuộc thế nhân sinh tưởng chỉ có xô bồ tranh giành vô lối này, thực ra, vẫn có cái nền cái nếp của nó, thấm đượm hài hoà với cái tình của những người lam làm, cái tình đồng bào

Việt trong và sau chiến tranh... chẳng qua do ta "thế nào ấy", mới đâm ra hoang mang, chán nản hay bị phần quá thôi. Đọc tiểu thuyết và truyện ngắn của Lê Thanh Kỳ kể về bao nhiêu chuyện làng và phố trong cơn *bão đất* hay như chuyện có ba người đàn bà bỏ ruộng đi làm osin những mong thoát nghèo, chuyện mấy người kia đang trẻ, bị mất đất không biết làm gì, mở hàng riêu cua độ nhật mà ế ẩm, rồi chuyện đình công ở khu công nghiệp,... ta dễ nghĩ như vậy. Mà quý là ở vai người kể chuyện nào ở mỗi truyện, anh cũng lựa cho mình được một giọng riêng để miêu thuật, rất hợp. Đọc cả tập của anh không có cảm giác nhàm chán, phần lớn, là nhờ ở cái giọng của một tác giả mà có sự biến hoá tự nhiên này.

Lại nhớ cái truyện có anh thợ xây muốn bỏ nghề quen mà đi viết truyện (nhiều nhà văn "chuyên nghiệp" ở ta trước cũng là thợ, kĩ sư, giáo viên, bộ đội... đấy thôi) có đoạn: "*Viết những cái bạn đọc cần, đừng viết những cái nhà văn có. Phải viết những truyện kể cả đám thợ hồ chúng em cũng thích, viết những cái mà mọi người nghĩ trong đầu, đừng viết những gì người ta nói ra mồm, bần lắm!*".

Đây là tác giả "ghi lại" lời giảng của ai đó, hay là anh chắt ra từ chính ý nghĩ về nghiệp cầm bút của anh đấy? Té ra, viết văn lợi lộc chẳng đáng gì, lại khó, muôn vàn là khó. "không biết đâu mà lần" nữa, có nên theo tiếp nữa không?

Ai chứ với Lê Thanh Kỳ, tôi nghĩ là anh không nên bỏ gì cả.

TRẦN VĂN MIẾU

Trần Văn Miếu là một tác giả mới toanh của văn chương đương đại nước ta dăm bảy năm gần đây, với ba tập tiểu thuyết được xuất bản liên tiếp: *Bão tan* (547 trang, NXB Thanh niên, 2011), *Trai quê* (378 trang, NXB Hội Nhà văn, 2013), và

Giời Con (301 trang, NXB Hội Nhà văn, 2014), ấy là chưa kể ba tập truyện vừa và truyện ngắn đã ra trước đó, là *Suối tình* (NXB Thanh niên, 2007), *Vọng thế* (NXB Thanh niên, 2009), *Nhảy múa cùng Manócanh* (NXB Công an nhân dân, 2010).

Với số lượng này, nếu có bàn về sức viết của Trần Văn Miếu cũng là chuyện có thể.

Nhưng hôm nay, chúng tôi chỉ muốn trao đổi về hai chuyện đang được nổi lên khá rõ trong sáng tác của Trần Văn Miếu, mà theo thiện nghĩ ban đầu, chúng đang có khả năng tạo ra bản sắc trong tác phẩm của ông.

Hai chuyện ấy là: 1. Sự bùng nổ thông tin và 2. Những lát cắt văn hóa - giáo dục trong tiểu thuyết *Giời Con* mới xuất bản gần đây nhất của ông.

Trước hết, xin được nói ngay rằng hai câu chuyện trên không hoàn toàn tách rời nhau mà chúng đã đan cài vào nhau, có tác dụng tương hỗ trong toàn bộ tác phẩm: từ bày đặt - cấu trúc, sang lời thuật - lời kể và cách dựng nhân vật, đến cả những đoạn như là dẫn dụ và vĩ thanh. Trong sự tương hỗ này đang nổi dần lên xu hướng lấy văn hoá - giáo dục làm gốc để cắt nghĩa chuyện đời.

Tuy nhiên, cũng không phải vì thế, mà có thể nói ngay rằng tác giả tiểu thuyết *Giời Con* đã hoàn toàn làm chủ được ngòi bút của mình, "quản lí" được tất cả những đối thoại của nhân vật, dựng lên thật vừa đủ và thật đặc sắc các tình huống mà qua đó, nhân vật của tiểu thuyết có dấu ấn không thể trộn lẫn (làm được thế, thì sắp sửa là một tác giả cự phách rồi còn gì!).

Tiểu thuyết là sự trải rộng, phơi bày... tưởng như thật vô bờ "vô tư" và khách quan những gì nhà văn thấy, đặc biệt là

chiếm nghiệm, và tiểu thuyết, như tập *Giời Con* này, cũng là dịp nhà văn cất lên tiếng nói cảnh báo nguy cơ tha hóa, đồi bại đang là thực trạng của "một bộ phận không nhỏ" cán bộ, đảng viên mấy năm này nữa.

Tác giả tiểu thuyết *Giời Con* vốn là cán bộ Đoàn. Và rất tự nhiên, ông chuyển vào sách của ông sự thực cuộc đời được ông chọn lựa và tổng hợp rồi khái quát, chưng cất lên, mà tạo cho người đọc ấn tượng là trong *Giời Con* có sự bùng nổ ấy, có mấy lát cắt ấy thôi. Tôi trộm nghĩ: Người ít vốn thực tế, không thể nào tạo ra sự bùng nổ như vậy, mà chưa chừng, chỉ tạo ra sự lan man; người ít ưu thời mẫn thế và lịch duyệt, hẳn là không có cảm hứng, cũng như khả năng lý giải sự thành công - thăng hoa của vẻ đẹp thiên lương, hay sự đồi bại của con người từ góc nhìn văn hóa - giáo dục như tác giả *Giời Con* được.

Xin hãy chú ý nhiều hơn đến hai nhân vật chính của tiểu thuyết *Giời Con* là Yben Sơn và Thương - Minh Hiền.

Theo dõi từng chặng hành trình cuộc đời cho đến chung kết số phận của hai nhân vật chính, làm nên đóng góp của tiểu thuyết *Giời Con* cũng như một ít đặc sắc ngòi bút tác giả, chúng ta có thể thấy:

Yben Sơn là đứa trẻ được hoài thai từ một mối tình sáng trong của cặp thanh niên sống có lý tưởng giữa rừng Trường Sơn trong chiến tranh, cái đêm anh bộ đội Kháng (sau này là bí thư tỉnh ủy) gặp cô Mai, tự làm lễ cưới và hưởng đêm tân hôn với sự có mặt của Cha Trời Mẹ Đất, Thần Rừng Thần Suối Thần Cây thật đẹp như huyền thoại. Ở tuổi thiếu nhi dầu đất nước còn gian nan vì chiến tranh, Sơn vẫn được sống trong sự đùm bọc của buôn làng. Lẽ ra, từ cái nền tốt đẹp ấy, Sơn đã và sẽ lớn

dần lên, như những mầm măng non đất nước: xứng với cha mẹ, rồi thành những công dân lành mạnh, hạnh phúc, có đóng góp xứng đáng với những người đã nuôi nấng chăm bẵm mình. Việc dựng lại những cảnh Yben Sơn thuở nhỏ sống xa cha mẹ giữa núi rừng hùng vĩ mà hoang dã, với những già làng có tình cảm chân mộc, rồi lớn lên một chút, đi học mà ham chơi, khoái làm thủ lĩnh để nổi trội ganh đua với các trò nghịch tình quái, hơn là thích nghe lời phải trái của bạn bè và người lớn... nhà văn đã ngụ ý: Trẻ em thiếu sự dạy dỗ chu đáo của cha mẹ thì bất ổn ra sao.

Vào tuổi thanh niên, Sơn rất có ý thức về thân phận con nhà cán bộ to, Sơn tin là rồi ra, không cần phải cố gắng, mình vẫn sẽ có cuộc sống sung túc và quyền thế. Ý thức ấy đã dẫn Sơn dần đi vào con đường lêu lổng, lấy hưởng lạc làm mục đích sống, lại được bố vợ là chủ tịch tỉnh, một tay cơ mưu, có thủ đoạn thoán nghịch và nhãn tâm cùng tay chân bố trí, Sơn cũng làm cán bộ Đoàn "tráng men" mà lên chức như điều. Khi làm chủ tịch huyện, Sơn đã thạo việc mánh nung, ăn chơi, đã dám lấy đất của dân làm dự án này nọ mà như ăn cướp miếng cơm manh áo của chính bà con làng quê mình. Tác giả cho thấy: bọn thanh niên "Con Giời", "*Giời Con*" một khi được o bế trong cảnh nhà bố mẹ chưa dành thì giờ dạy cho con ngoan, có chút tố chất lãnh đạo, mà chỉ lo sắp xếp chức vị cho con..., cha thiếu văn hóa chính trị - công chức, con không được giáo dục tối thiểu, mà có chức có quyền thì xã hội điều linh như thế nào!

Cảnh Sơn bỏ bịch gái gú ăn chơi sa đọa không còn biết kiêng dè, e sợ, ngay ở chốn linh thiêng - Là nơi dân xã vẫn thờ phụng như báu vật trời ban, rồi bị đàn khỉ xua đuổi đến mức chạy trốn, ngã dập đầu máu chảy be bét... cũng là một dụng ý của tác giả. Trời nào dung, đất nào tha kẻ dối trạ phản bội quê

hương! Đây là văn hóa dân gian người Kinh người Mường, người bách tính Việt Nam ta nhập vào văn tác giả đầy thôi.

Còn Thương, vốn con gái nhà lành, nét na và xinh tươi, cô thích tìm hiểu phong tục tập quán của quê hương mà tôn thờ ngưỡng mộ. Những trang nhà văn kể về Thương đầy mến yêu trân trọng. Ông dựng lại cảnh Thương kể chuyện làng quê mình thuần hậu, có truyền thống lam làm quý trọng yêu thương cho bạn nghe mà ta ngỡ như chính tác giả đang tâm sự và nhắn gửi. Lời kể ấy phảng phất phong vị văn hóa cổ truyền và tín ngưỡng đẹp của dân gian.

Thương biết Yben Sơn là tay ngỗ ngược mà vẫn yêu Sơn chân thành vì với bản tính thuần hậu, cô có một niềm tin thơ ngây về người bạn từ thuở quãng khăn đỏ này, cô nghĩ là Sơn và mình sẽ không bao giờ lại xa nhau được.

Rồi Thương bị Yben Sơn phụ tình mà tủi hổ, uất ức tính đường quyền sinh, nhưng lại được cứu sống. Cô trải qua bao cơ cực oái ăm, cô phải thay tên đổi họ, nhiều năm tháng thương nhớ thất lòng mà không dám về quê gặp người thân... Những trang cuối sách nhà văn cho Thương ngày xưa, là cô giáo Minh Hiền ngày nay được xum vầy giữa các con và mẹ ở quê nhà.

Vậy là kẻ ác đã bị đời nguyên rửa, người hiền lương thì được chiêu tuyết, đoàn viên như nàng Kiều trắng trong trong tác phẩm *Truyện Kiều* bất hủ. Đây là văn hóa bình dân Việt được chuyển từ ngòi bút trác tuyệt thấm nhuần tinh thần nhân đạo cao cả Nguyễn Du sang cây bút tiểu thuyết mới Trần Văn Miếu đầy chăng?

Rất có thể là bạn đọc buổi a còn thời nay đã quen với những trớ trêu đầy rẫy, thì không tin cái kết cục "Trời có mắt" như

vậy. Nhưng tôi thì cho rằng tác giả mong muốn thế, văn tin là thế, thì hãy cứ để ông dựng - kể ra thôi.

Đọc nhiều lần tiểu thuyết *Giời Con*, chắc bạn sẽ thấy là cái tứ, cái tư tưởng chủ đề cha thiếu văn hóa, con thiếu giáo dục mà cứ để làm cán bộ lãnh đạo thì làng quê, phố thị đau đớn nhố nhăng, đất nước trầm kha như có giặc đã còn được thể hiện ở nhiều nhân vật khác nữa. Hướng viết này ở Trần Văn Miếu quả nhiên, dẫn gọi cho ta ý nghĩ: đây còn là một cuốn sách mang nỗi buồn vui thế sự, dung chứa cảm thức văn hóa dân gian và thấp thoáng những lời cảnh báo về nguy cơ tan nát của đội ngũ mà không thể xem thường.

Trong tiểu thuyết *Giời Con*, tác giả còn cho xuất hiện một loại nhân vật thiên nhiên nữa, đó là Ông Trời - Cha Trời, là Mẹ Đất, là các vị thần,... rồi những ngọn núi, những tảng đá thiêng, với cả đàn khỉ lạ... Các nhân vật này can dự vào tất cả cõi nhân sinh ở cả hai hướng phù trợ, sẻ chia và quở trách, trừng phạt. Tôi đồ rằng trong suy tư của tác giả đã luôn thường trực cái lẽ sống thuận Thiên nên ông mới dựng ra cả một dàn nhân vật như thế. Đôi khi, người đọc dễ nhận ra sự thích thú, say sưa của tác giả khi viết về loại nhân vật này, đây là một trích đoạn ví dụ:

"Hình như những lúc hoạn nạn Mẹ Đất và Cha Trời rất gần bó với nhau. Nhưng đến khi thanh bình, Cha Trời đã dần xa Mẹ Đất. Ngày nay, người dân xã Sơn Bình vẫn bảo:

Việc xa nhau là do Cha Trời thôi, chứ Mẹ Đất vẫn một lòng một dạ. Nghe đâu, Cha Trời đã phân chia lãnh thổ thành các cấp bậc khác nhau. Dưới Cha Trời có Đại Vương, dưới Đại Vương có Trung Vương, dưới Trung Vương có Tiểu Vương. Cha Trời cho đó là cách làm hay phân rõ trách nhiệm của từng người. Và cái cơ

bản là để Cha Trời bớt đi những việc cụ thể ở Trần Gian. Người ta bảo: "Người tính không bằng Trời tính". Nhưng thực tế lại khác hẳn: Trời cũng nhiều lúc tính không hết. Cái không hết của Trời chính là Trời không biết được cấp dưới làm gì. Trời không nghe được tiếng nói của con dân... Để được trên khen, các Tiểu Vương chỉ báo cáo những điều hay, còn điều xấu giấu nhem... nên Cha Trời chỉ nghe và biết những cái hay cái tốt.

Người dân xã Sơn Bình phản nản. Lúc đầu Cha Trời chỉ xa Mẹ Đất về khoảng cách. Sau đó xa về lòng. Mà trên đời này, người ta sợ nhất là xa lòng. Khi đó tình cảm dần dần phai nhạt, tính trách nhiệm với nhau cứ mai một dần".

Có thể thấy là nhân vật siêu nhân này không phải lúc nào cũng được ngưỡng mộ, tôn kính một bề. Người dân xã Sơn Bình, theo Trần Văn Miếu, là đang trách oán Cha Trời và mong Cha Trời sửa đổi đấy.

Viết - kể - dựng truyện như vậy, là do tác giả bị cái sức nặng của những tầng vĩa ý thức văn hóa cổ truyền, bình dân đè mạnh quá nên vọt chữ ra thế chẳng? Hay đây chỉ là thêm một biểu hiện của sự mạnh dạn thể nghiệm - dung nạp một số mảng miếng dựng tiểu thuyết có vẻ như phi triều thống, phi sử thi ở Trần Văn Miếu?

Đoạn trên, chúng tôi có nói là trong tiểu thuyết *Giời Con* của Trần Văn Miếu có sự bùng nổ của lượng thông tin, ấy cũng là một cách dựng nhân vật và kết cấu tiểu thuyết của tác giả vậy. Cái cách dựng chấp nhận sự bùng nổ này thường được thấy rõ nhất là ở các chương, đoạn nhà văn hồi tưởng, lược thuật các chặng đường đời của nhân vật. Ông đã đưa vào đó bao nhiêu là chi tiết về cuộc sống của vùng núi nọ với đất làng trung du kia, khi thì qua miêu tả khá tỉ mỉ về một buổi đi săn, một lễ bỏ

mả ở Tây Nguyên của người Gia Rai, lúc lại tóm tắt như báo chí thông tấn... Hành trình số phận nhân vật phải được dựng lên sao cho rõ nét, không đứt đoạn, đó là cố gắng, là dụng ý của tác giả. Bởi vậy mà nhà văn đã không ngại "bê" gần như nguyên xi một phần thực tế phũ phàng vào tiểu thuyết khiến người đọc khó mà quên được một số gương mặt tráo trở của bọn thoái hóa biến chất đang bị rửa xả mà vẫn sống như nhỡ ngoài đời. Sự lấn lướt của văn phong báo chí ở một số đoạn là nguyên nhân làm cho người đọc có cảm giác thông tin đời thường đã ùa vào tiểu thuyết, làm bùng nổ nội dung và cấu trúc tác phẩm, làm bùng thức tâm trí người đọc.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI ẤN ĐỘ

NGHÌN KHUÔN MẶT CỦA ĐÊM

Tiểu thuyết

Githa Hariharan

Githa Hariharan là một trong những nhà văn nữ của Ấn Độ có giọng văn độc đáo, giàu tính thể nghiệm. Sinh năm 1954 ở Coimbatore, lớn lên ở Bombay, bà là tác giả của các cuốn tiểu thuyết được đánh giá cao như *The Ghosts of Vasu Master (1994)* (Những bóng ma của ông chủ Vasu), *When Dreams Travel* (Khi những giấc mơ phiêu du), *In Times of Siege* (Trong vây hãm), *The Thousand Faces of Night* (Nghìn khuôn mặt của đêm). Bà cũng là tác giả của các tập truyện ngắn *The Art of Dying* (Nghệ thuật chết), *The Winning Team* (Đội hình chiến thắng).

Với tiểu thuyết *Nghìn khuôn mặt của đêm* bà được trao giải thưởng dành cho các nhà văn của Khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth Writers Prize) năm 1993.

Dành cho cha mẹ tôi

G. H

Giả dụ người cắt một cây tre cao

Thành hai đoạn;

Đoạn gốc làm thành một người đàn bà

Đoạn ngọn làm thành một người đàn ông;

Và chà hai đoạn vào nhau

Cho đến khi phát lửa:

Xin cho biết

Ngọn lửa sinh ra

Là nam hay nữ,

hỡi Ramanatha?

Thơ Devara Dasimayya,

A.K. Ramanujan dịch từ tiếng Kannada

PHẦN MỞ ĐẦU

Tôi luôn thích nghe những câu chuyện đầy đủ, trọn vẹn, liền mạch có chú giải hần hoi. Nhưng hầu như tôi toàn gặp phải những câu chuyện thuộc loại ‘tảng băng trôi’, lờ mờ, đứt đoạn, và tôi luôn đủ ngốc nghếch để đặt câu hỏi.

Đã hàng nghìn lần tôi hỏi bà tôi “tại sao?”. Bà tôi buộc phải trả lời; cũng có một số trường hợp bà nhin được, không trả lời.

Nhưng ấy là khi tôi còn bé, và giờ đây khi tôi dựng lại những câu trả lời, tôi biết có những câu trả lời không thực sự là của

bà tôi. Có lẽ tôi đã đặt những lời nghịch thường, phảng phất tính sấm truyền vào cái miệng có răng hô, tươi tắn của bà mỗi lần tôi nhớ lại những truyền thuyết tôi nghe kể trong thời thơ ấu.

Những gì tôi nhớ được, nhớ một cách chắc chắn, là lời của một người kể những chuyện có thực xảy ra cách đây không lâu.

Có lần khi tôi hỏi người quản gia của nhà chồng tôi, bà Mayamma, rằng tại sao bà ấy lại chịu đựng nổi cái cuộc sống mà bà ấy đã sống, bà ấy phá lên cười cho tới khi những giọt nước mắt bắt đầu lăn trên đôi gò má nhăn nheo.

-Tôi có thể thấy là cô vẫn còn trẻ con lắm,- bà ấy nói.

'Khi tôi mất đứa con đầu lòng, mất cái thai sau mười năm chờ đợi trong sợ hãi, tôi đã thét lên, thét lên một lần duy nhất trong đời "tại sao?"

Ông bác sĩ có cái mặt đỏ nhợt nhoáng mồ hôi, với bàn tay nhuộm máu của tôi, nhìn tôi bằng ánh mắt lạnh lùng. Một người đàn bà phải biết chịu đau một tí chứ, ông ta làu bàu. Tôi còn có thể làm gì được với những tội lỗi nhà chị gây ra từ kiếp trước?

Nhưng mẹ chồng tôi còn quả quyết hơn nhiều. Bà ta giơ thẳng tay tát tôi, tát má bên này, rồi bên này. Bà ấy đấm túi bụi vào ngực và vào cái bụng vẫn còn chưa xẹp xuống của tôi cho tới khi người ta xúm vào gỡ bà ấy khỏi thân thể tôi đang chảy máu, quần quai. Bà ấy gào lên, bằng cái giọng đầy căm hờn pha lẫn hoảng loạn: "Các người có cần thêm bằng chứng chứng tỏ con này không phải là đàn bà không? Cái con phù thủy vô phúc này nó đã giết cháu đích tôn của tôi, và giờ nó nằm đó hỏi chúng ta "tại sao!"

Mayamma nhìn tôi mỉm cười, như thể những ký ức của bà đã thất thoát đi đâu ít nhiều.

-Vậy đấy, cô Devi ạ,- bà ấy cười khe khẽ, miệng bà ấy ngớ ngớ giống như miệng của một con cá. - Lần sau có hỏi thì hãy cẩn thận nhé.

PHẦN 1

1

Đó vào tháng Mười một, tháng có hai tuần cho cô chuẩn bị quay trở về Ấn Độ. Về Madras, đi cách xa thật xa cái quang cảnh lạnh lẽo bị vây bủa bởi những đám mây trắng xám hằm hè như muốn bóp nghẹt những quyết định chắc chắn.

Chẳng bao lâu nữa, Devi nghĩ, mình sẽ đứng trên mặt đất khô xộp bị cái nắng mặt trời gay gắt nhuộm nâu. Mình sẽ nhắm mắt lại, cảm nhận quả cầu lửa ấy cháy trong màu hổ phách lung linh, tan chảy và lăn xuống lưng mình thành những giọt mồ hôi mát lạnh, dễ chịu.

Hai tuần để gói ghém, để nhét đầy những kỉ vật vào những chiếc va ly căng phồng chẳng bao giờ đủ chỗ của cô; hai tuần để dồn tất cả kỉ niệm vào đáy sâu ký ức. Cô nghĩ rất ít về những gì đang đợi cô ở phía trước. Thì giờ của cô được lấp đầy bằng những thủ tục cụ thể, những việc được lên danh sách, mỗi việc khi đã hoàn tất đều được gạch đi; mỗi việc cần thời gian dài hơn đều được bảo lưu, và sẽ được xét đến trong cái an toàn ấm áp và trong ánh mặt trời gay gắt của Ấn Độ.

Ngày cuối cùng Devi ở trên đất Mĩ là ngày dành cho Dan, và cô nhận thấy mình ở trong trạng thái phấn khởi và hớn hờ. Dan đang đợi cô tại một quán cà phê ngoài trời, chiếc máy ảnh

hiệu Hasselblad yên vị trên chiếc ghế bên cạnh như một con chó trung thành. Bất kể họ đi đâu, anh cũng đều chụp ảnh cô. Sau đó, trong phòng tối, anh nhìn hau háu bộ sưu tập ảnh quý hiếm của mình. Hôm nay, anh không chào đón cô qua kính ngắm. Hành trình sắp tới của cô dường như đã hoán đổi vị trí của họ: giờ cô nhìn anh như thể cô là người chụp ảnh, anh là đối tượng của ống kính.

Cô ngắm nhìn mái tóc anh xõa ra với những món tóc loăn xoăn chưa bao giờ làm cô hết ngạc nhiên. Lần đầu cô đưa tay chạm lên tóc anh, ngay tức khắc cô cảm nhận qua bàn tay cảm giác thô ráp, nguyên sơ thật dễ chịu. Thay vì thoát ra khỏi cảm giác bị cuốn hút, những ngón tay cô run rẩy giữa những món tóc xoăn đen óng và quăn rũ ấy; ngọt ngào như mật ong và cảm dỗ một cách kín đáo.

Họ cùng nhau ăn bữa nửa buổi thật nhẩn nha và uống rượu vang trắng ướp lạnh, thứ rượu chảy xuống họng Devi như một dòng suối kỳ diệu, thứ rượu làm cho tất cả trở nên lóng lánh và lung linh trong ánh mặt trời. Dan thật dịu dàng, hấp dẫn, quyết đoán khi tuyên bố rằng đó sẽ là ngày mà cô sẽ phải nhớ suốt đời.

Dan là giải pháp cho nỗi sợ bị giam lỏng trong khu đại học toàn người Mỹ của Devi. Thậm chí trước khi họ phát triển tình bạn, tiến đến chuyện tình cảm lãng mạn, đã có một sợi dây vô hình kết nối người này với người kia trong những giờ họ ngồi chung lớp, sợi dây đó trở nên vững chắc hơn qua những năm tháng họ sống trên đất Mỹ, đất nước của dân trung lưu, của những người dùng vitamin và uống sữa.

Từ đó, quan hệ của họ ngày một phát triển. Những lời hứa hẹn nhiều lần tưởng chừng sắp được thốt ra trong bóng tối của bãi

đổ xe bên ngoài quán ăn bình dân nơi họ thường gặp gỡ. Nhưng sau tất cả, Devi đã xếp quan hệ của họ vào vùng mờ ảo của những điều không tưởng. Màu da đen sẫm của anh; nụ cười để lộ hàm răng trắng bóng của anh; giọng nói êm ái đôi khi thể hiện lối nói mỉa mai như hát, phô trương bản sắc của người da đen: tất cả đều là những hình ảnh của cái ảo tưởng trên người ấy, trong đó có vài hình ảnh là giấc mơ của mê đắm thầm kín.

Giấc mơ ấy tan vỡ mỗi lần cô gặp Dan ở cùng bạn bè của anh. Chẳng thấy anh nói đến gia đình-gia đình đối với anh không đủ quan trọng để quan tâm. Với cô gia đình lại quá quan trọng, quá quý giá, nên không thể bị xỉ nhục bằng cách lai ghép vào cái mảnh đất này nơi mà bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Lần cuối cùng đi với Dan đến gặp những người bạn của anh ở một khu dân cư gần trường đại học, cô mang theo tâm trạng chờ đợi và đầy thiện ý. Cô cố giải tỏa những ức chế, cố xua đi cái cảm giác mình là người Ấn Độ, và cố hòa đồng với những người da đen, hòa đồng với vẻ tự nhiên làm bớt đi phần nào sự đơn điệu của một vùng ngoại ô.

Căn phòng đầy người là người, đàn ông, phụ nữ da đen, và còn có vài đứa trẻ. Khi nổi e dè trong cô biến thành sự nhút nhát, Devi tự nhủ rằng đây cũng giống như Ấn Độ thời người lớn cô nói chuyện trong tiếng nhạc âm ỉ, trong tiếng trẻ con hò hét đầy phấn khích.

Họ nói chuyện với nhau, cố nói sao cho tiếng họ được nghe thấy, nói theo lối giản lược lời cuốn Devi, nhưng cô không tài nào đóng kịch để nói năng giống như họ được.

Ở các góc phòng diễn ra những cuộc nói chuyện nghiêm túc hơn, chủ yếu là về chủ đề làm người da đen trên đất Mỹ của

người da trắng. Devi lắng tai nghe một người phụ nữ trẻ có mái tóc được tết thành cả trăm bím đuôi sam. Những bím tóc trông như những con rắn của chị ta được buộc bằng những dây kết hạt màu xanh da trời và xanh lá cây cách đều nhau.

-Đấy mù y tá đó –với tất cả vẻ lịch sự và lạnh lùng mà mù ta có- tôi trả tiền nằm viện hẳn hoi, thế mà mù ta nói: “Tôi sẽ đem con chị sang phòng trẻ sơ sinh, đêm nay chị có thể nằm nghỉ một mình.” Mù ta không muốn tôi bị con tôi làm vương bận. “Vương bận!” Tôi hét vào cái mặt lạnh lùng của mù ta. “Khi nào thì các người mới hiểu rằng tình yêu của người da đen chính là sự giàu có của người da đen hả?”

Devi hiểu được cốt lõi của câu chuyện, cô thẩm thán phục người phụ nữ đẹp, tính nóng như lửa thật tự tin vào các quyền của mình và vào sự đồng tình mà chị ta nhận được từ những người nghe. Nhưng Devi cũng nhận thấy cô chẳng có gì để mà nói, và cả buổi tối cô chỉ im lặng nhìn người khác. Tiếng nhạc dội vào đầu cô, và cô nghe người ta nói chuyện, nghe câu được câu chăng, nghe thấy mấy từ tiếng nước ngoài cô mới học nhưng không thể nào chấp nối chúng lại để mà hiểu nghĩa.

Ngồi giữa mọi người nhưng càng lúc Devi càng cảm thấy mình đơn độc, càng lúc càng cảm thấy sợ hãi vì phải chú ý đến bản thân mình, và đau khổ vì chẳng còn biết làm gì hơn.

Vài giờ trôi qua, mắt cô nhòa đi vì khói thuốc trong phòng, rồi cô chợt nhớ ra cô có mang theo một món quà Ấn Độ để tặng người tổ chức buổi gặp gỡ, một bức tranh treo tường làm bằng vải cotton được in bằng màu thực vật. Người nhận quà giờ bức tranh lên cho mọi người cùng xem, và tất cả họ cùng nhìn người đàn ông trong bức tranh, người có khuôn mặt màu xanh da trời tròn trĩnh như mặt trẻ con, ngực để trần, đầu cài

lông công, đang vừa thối sáo vừa nhảy múa. Lần đầu tiên nhìn thấy bức tranh này Devi cảm thấy nó gần như kỳ cục: một người đàn ông, ở trần, mang cái mặt nạ trẻ con.

-Đó là Krishna, vị thần da ngăm đen, thích sữa, bơ, và phụ nữ, - Devi nói.

-Người ta không chịu nổi việc có một vị thần da đen nên họ mới biến ông ta thành màu xanh như thế chứ gì? Người phụ nữ trẻ lúc trước Devi thẩm thán phục lên tiếng. Chị ta mỉm cười đầy nhưng giọng nói thì tỏ rõ sự khinh rẻ.

Devi cười cùng họ, nhưng cô biết cô đã mang tới một món quà không thích hợp. Một bức tượng nữ thần cầm cây đèn bằng đồng có lẽ ổn hơn. Hoặc, ổn hơn nữa là một chai rượu vang. Những thứ như vậy đâu không đậm đà bản sắc cho lắm, nhưng sẽ không ngăn cách cô với mọi người như thế này.

Có lẽ Dan cũng đã nhận thấy sự ngăn cách đáng buồn đó nên trên đường lái xe đưa cô về anh im lặng một cách bất thường. Nhưng anh hiểu vấn đề đó ở mức độ nào thì Devi chịu không đoán nổi, bởi một tháng sau, ngay gần thời điểm họ tốt nghiệp, anh ngỏ lời cầu hôn cô. Cô xem đó là một kết quả hợp logic của những tháng cuối cùng họ học chung, vậy nhưng khi anh ngỏ lời cô vẫn không khỏi sửng sốt.

Trong hai năm cô du học trên đất Mỹ, thỉnh thoảng lại có những lời cầu hôn được gửi tới cô từ Ấn Độ, những bức thư ngắn gọn của mẹ cô, xoay quanh triển vọng của một chàng rể tương lai, về danh tiếng theo chủ nghĩa tự do của cha mẹ anh ta, và rằng những điều đó hứa hẹn sự đón chào đối với một cô dâu trở về từ nước Mỹ mặc dầu việc cô dâu đó đi du học quả là kỳ cục và đầy rủi ro.

Dan thì khác. Sự quyến rũ của anh nằm ở một khoảng cách thật xa và từ hai đầu của khoảng cách ấy họ đã tiến về phía nhau. Devi ý thức được rằng, khoảng cách giữa họ không được bắc cầu một cách trọn vẹn. Ý thức này cứ lớn vồn quanh họ tựa như một kí ức được bảo vệ bởi nó không hề giảm bớt tầm quan trọng.

Devi thích những buổi tối họ ở bên nhau, và niềm thích thú ấy của cô nhất quyết phải phụ thuộc vào sự mất khả năng muông tượng về cuộc sống chung trong tương lai với anh. Dan là một người bạn, một thử nghiệm đối với một cô gái trẻ háo hức muốn trải nghiệm. n được in bằng màu thực vật. titheo một món quà Ấn Độ để tặng người tổ chức buổi gặp gỡ, một bứcKhả năng áp đặt một chuyện lâu dài như hôn nhân-tuy nhiên lại khá linh động trên đất Mĩ nơi cô chỉ dừng chân trong một thời gian ngắn ngủi-gần như là một việc đáng tởm.

Cô hầu như không để mắt tới những lời cầu hôn vô thưởng vô phạt từ Ấn Độ; thế giới của chúng thật xa vời, không tài nào dò được nên không thể thuyết phục nổi cô. Cô không tìm thấy ở chúng bóng dáng của một cô dâu, cúi đầu bẽn lễn, trán lấp lánh, hình ảnh đã khắc sâu vào tâm trí của cô trong những năm thơ ấu. Một cô dâu cao quý, đoan trang: hình ảnh này in sâu trong tâm trí cô đến nỗi cô không cần phải mở cái tủ đựng đồ chơi để ngấm lại những món đồ chơi thời thơ bé của mình.

Giống như hầu hết các sinh viên nước ngoài “thích ứng tốt” trong trường đại học này, cô đã học được cách chấp nhận hương vị lan tỏa của sự không hợp nhau luôn bám theo cuộc sống song hành của người Ấn Độ và người Mĩ. Sự hòa hợp ngoài mong đợi, sự dung hòa giữa những nét dị biệt đã diễn ra không đến nỗi phải chê trách.

Các bức thư chứa đựng những gợi ý về một cuộc sống khác, một cuộc sống được đan dệt bằng những màu sắc lòe loẹt che đầy đi những mâu thuẫn nội tại của nó. Nhưng những gợi ý ấy không đủ khả năng tái hiện cái thế giới huyền thoại đã thấm đẫm quá khứ của cô. Thay vì thế, chúng dụ dăng dắt cô đến với sự hiện thân của một Ấn Độ mới.

-Em sợ không dám mạo hiểm, -Dan nói, giọng không giấu nổi thất vọng.

-Trở về còn mạo hiểm hơn. Em nghĩ anh hiểu được điều đó,- Devi vịn lại trong khi không hoàn toàn chắc chắn cô muốn nói gì.

-Nhưng ở Mĩ người ta có thể ngẩng mặt mà biện hộ cho các quyền của mình với tư cách cá nhân.

-Những gì em muốn là trở về Ấn Độ, có lẽ là một năm, để suy nghĩ về tất cả mọi chuyện,- cô nói gần như không suy nghĩ.

-Một năm là mãi mãi, -anh cự lại, nhưng Devi không muốn nói về chuyện đó nữa.

Từ đó một trạng thái cân bằng, không vững chắc cho lắm nhưng an toàn, treo lơ lửng giữa họ, và Devi bắt đầu lên kế hoạch về nước. Mẹ cô rất vui, và bà thể hiện niềm vui đó bằng một lá thư dài trong đó bà hứa với cô một sự trở về tuyệt vời, cố thuyết phục cô đến London và Paris để học tiếp.

Devi bị kẹt giữa ham muốn được tận mắt nhìn thấy những thành phố nổi tiếng mà cô đã đọc rất nhiều qua sách báo, những nơi mà bao năm cô hằng mơ được đặt chân tới. Nhưng trên hết, cô khao khát được nhìn thấy mẹ cô, một nỗi khao khát cháy bỏng. Cùng với nỗi khao khát ấy là một nỗi khiếp sợ

không tên mà cô chỉ dám thừa nhận phần nào: nỗi khiếp sợ tình yêu gia đình, ngọt ngào và tràn trề; khiếp sợ cái thế giới bên ngoài lớp học và phòng thí nghiệm, một thế giới chông chênh, cay nghiệt.

Trong ngày cuối cùng họ ở bên nhau, Devi và Dan dự định đi xem phim vào buổi chiều, và cô đã chọn bộ phim *Casanova*, bởi vì cô chưa từng xem bộ phim nào của Fellini. Cô chẳng rõ cô mong đợi gì ở việc đi xem phim, nhưng rõ ràng cô không được chuẩn bị để tiếp nhận một bộ phim với sự bùng nổ của những cuộc truy hoan phóng đảng, với gã giang hồ Casanova trông kỳ dị như ma. Rượu vang lên men trong dạ dày cô và hành hạ cô bằng những cơn đau. Sự rung chuyển của chiếc giường trên màn ảnh đã làm rách tan những tấm khăn trải đẹp đẽ mà cô dành riêng để phủ lên hai tuần cuối cùng của cô trên đất Mỹ. Giờ chúng tiều tụy như những con ma hóa thạch nhăm nhe sống dậy trong cơn thịnh nộ không tài nào kiểm soát nổi. Cô nắm lấy tay Dan, bàn tay ấm áp và dịu dàng, nguồn an ủi vô tận, và cầu khẩn: “Ra khỏi đây đi anh. Hãy về chỗ anh đi.”

Căn hộ của Dan ở phía đông thành phố, trên tầng mười bốn, nhìn ra sông (thực ra là tầng mười ba, ngay cả người New York cũng mê tín kiêng không dùng con số mười ba nữa là). Ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế da cỡ lớn của Dan, Devi nhắm mắt cố xua đuổi hình ảnh Fellini và Casanova ra khỏi tâm trí cô, và tiêu hóa một cách từ từ thứ nhạc Jazz êm dịu mà Dan đã dẫn dắt cô thưởng thức.

Khi cô mở mắt ra, thấy Dan đang nhìn cô, bối rối, nhưng cả nể cô đáp lại cái nhìn đó. Rướn người về phía anh, cô hỏi bằng giọng thật tình cảm.

-Anh hút thuốc ư, hút Grass à?

-Hash. Anh đáp, rồi chìa điều thuốc ra. -Em muốn thử một hơi không? Loại tốt đấy, để kỉ niệm buổi chiều cuối cùng chúng ta ở bên nhau.

Cô không hút bất cứ thứ gì nặng hơn nicotine nhưng loại cần sa này sẽ giúp cô hoàn tất trải nghiệm về nước Mỹ, một ảo tưởng về điều không thể xảy ra đang ở trong tầm tay với của cô, những tia sáng láu lỉnh của nó trong chốc lát thuộc khả năng nắm bắt của cô.

Cô hút hai, có lẽ là ba hơi-cô không biết chắc là cô đã hút bao nhiêu-và người cô như tan ra, tựa một làn gió nhẹ, bay lang thang trên một con đường lờ mờ màu xám bạc không rõ sẽ kết thúc ở đâu. Mỗi lần cô nhắm mắt, cô lại cảm nhận được cái đẹp đốn đau của những chùm pháo hoa không âm thanh, lặng lẽ bung ra trong sắc vàng sáng.

Sau đó họ ở biển, mặc dầu cô không biết họ ra biển bằng cách nào. Cô chỉ nhớ cái thang máy xóc nảy lên, và cái tàu điện ngầm dường như chỉ chạy giạt lùi. Họ ở trên tàu điện ngầm cho tới khi tàu dừng lại, và họ nhảy xuống, cười rúc rích một hồi.

Bãi biển lạnh giá, và nó làm đầu óc cô tỉnh táo được một phút. “Em chưa bao giờ bơi ở biển”. Cô nói, nhưng Dan không nghe thấy. Anh mở túi đựng đồ bơi -chắc là anh đã chuẩn bị những thứ đó trong lúc cô ở căn hộ của anh, cô nghĩ trong ngạc nhiên-và anh nhìn cô bằng ánh mắt đầy ngưỡng mộ.

-Vẻ đẹp lạ lùng với đồ tắm, -anh nói, như thể anh đang chú thích cho hàng trăm bức ảnh anh đã chụp cô. -Anh cá là em bơi giỏi như cá.

Cô cười và lại chìm vào ảo tưởng, cái ảo tưởng giúp cô quên đi

bản thân mình. “Cứ đợi mà xem,” cô hét to, và chạy xuống biển.

Khi cô bơi từng sải từng sải, thách thức những con sóng nhỏ luồn qua các kẽ tay, cô cảm thấy mình bất khả chiến bại. Cô không còn là Devi yếu ớt với kiểu bơi chớ vụng về, không còn là một sinh vật non nớt, khờ khạo mà là một người đã phát hiện ra chân trời ở trước mặt và đang bơi về phía đó.

Rồi cô cảm thấy một cánh tay rắn như thép chộp lấy vai cô, lôi cô lại phía sau. Cô vùng vẫy một cách tuyệt vọng, nhưng cô cứ chìm xuống, chìm xuống sâu hơn, sâu hơn trong làn nước âm u mê mông. Cô không nhìn thấy mặt nước cũng không nhìn thấy đáy biển. Trong cảnh lơ mơ, cô nhận ra cô và Dan, hai cơ thể đang vật lộn, người này thì chơi với, còn người kia thì không muốn bị bám vào.

Anh ấy sắp chết đuối, cô chợt nghĩ, và nhận thức đó khiến cô tăng thêm sức mạnh. Cô dùng tay liên tục đẩy anh ra, cố làm anh phải buông tay khỏi vai cô và đá thật lực vào bàn tay cuối cùng đã tóm được chân cô.

Cô bơi như thể trước đó cô chưa từng bơi. Chỉ còn vài phút là cô vào tới bờ, nhưng cô cảm thấy dường như trước khi đặt chân tới mặt bùn cô đã sống qua cả một đời người.

Cô chạy lên bờ như một người chiến thắng, một kẻ sống sót quyết không thỏa hiệp, và vội vã hít lấy thứ không khí của sự sống. Nước biển chảy xuống từ tóc, mắt, mũi và tai cô, nhưng cô cảm thấy người nóng lên trong cái ý thức mình còn sống.

Cô nhớ đến Dan, và khi cô bắt đầu cất tiếng kêu cứu, cô lại cảm nhận trở lại cái lạnh lẽo của gió buổi tối. Gió tấn công cô như một cú ra đòn không thương tiếc-mùa đông đang tới, chuyển

bay ngày hôm sau, và Dan đang chơi với chìm xuống trong làn nước.

Cô nhìn thấy hai người đàn ông đang đi dọc bờ biển và cô vội chạy về phía họ. Thở phì phò, run rẩy không chỉ vì lạnh, cô nghe thấy tiếng kêu của mình: “Anh ấy sắp chết đuối! Anh ấy không biết bơi!”

Hai khuôn mặt lơ mơ cùng hướng về phía cô. Từ xa họ nhìn cô, xõa sượt và kỳ dị. Rồi họ nhún vai bỏ đi.

Cơn ác mộng lại bắt đầu. Cô kêu gào hét sau lưng họ cho đến khi cô không còn nhìn thấy họ nữa.

Cô quay trở lại bờ biển, và nhìn thấy Dan đang bò lên bờ. “Đừng kêu nữa, anh không sao,” anh nói rồi nôn thốc nôn tháo.

Devi thức dậy lúc nửa đêm, toàn thân run rẩy.

Cô đã quấn chặt chăn bông quanh người, nhưng vẫn cảm thấy không đủ ấm. Nằm trong chăn cô vẫn có cảm giác những đám mây mờ đục, u ám đang đè cô xuống.

Bằng cách nào đó cô cố gắng nhớ lại: nhưng cô không tài nào làm cho ký ức rõ nét lên được. Dan đã nói gì chẳng? Hay có ký ức mơ hồ nào đó về một cuộc hẹn gặp, một cuộc tìm kiếm? Cô chẳng rõ nữa, nhưng ký ức không rõ ràng cứ bồn chồn cô...làm cô phát lo vì không tìm được câu trả lời. Cô nhắc mình ra khỏi giường và đi tìm Dan.

Thay vì thấy anh, cô lại nhìn thấy lão chủ cho cô thuê nhà, cái lão người New Jersey hói đầu có cái bụng bia và những móng tay cẩu bẩn đó, đang nhắc cái thân nặng nhọc của lão lên

những bậc thang hẹp dẫn đến phòng cô. Cô vội vàng chốt cửa lại. Tay giữ chắc chốt cửa, cô lấy thân mình chèn cánh cửa.

-Mở cửa ra nào, mở ra nhanh lên, -lão đứng bên ngoài léo nhéo. -Ra mà xem tôi có gì cho cô này.

Lão đẩy cửa, và cô chạy vào trong phòng cuống cuống nhìn quanh. Rồi cô nhớ ra con dao nhỏ cô để dưới gối (Dan từng nói rằng, trong cái xã hội Mĩ da trắng bạn phải học cách tự bảo vệ mình) và cô chộp lấy con dao, đứng vững vàng, sẵn sàng tự vệ.

Cô sẽ không đâm dao thẳng vào tim lão. Không, không, như thế sẽ có nhiều máu chảy. Cô ghét nhất hai cánh tay của lão, hai cánh tay hầu như không có lông, cẩu bẩn và nhẵn ra như thể chẳng dính dáng gì tới cái cơ thể béo mập của lão. Hai cánh tay ấy rất xảo trá, chẳng chịu yên bao giờ giống như cái bụng phệ của lão phập phồng theo những tiếng gáy khi lão ngồi trên chiếc ghế kê trước vô tuyến vào mỗi buổi tối. Hai cánh tay ấy vươn ra vào những lúc kỳ cục, ở những chỗ kỳ cục, vuốt mái tóc dài của cô, dò dẫm trên ngực cô trước khi cô có thể vùng vẫy thoát ra và chạy lên gác, ba lần như thế rồi.

Cô có thể thấy lão đang cố tìm cách mở cửa. Lão vặn núm cửa và chốt cửa phát ra tiếng kót két. May sao khi tay cô đã xiết chặt trên cán dao một cách hết sức cương quyết, cô nghe thấy tiếng còi xe của vợ lão vọng lên từ phía cổng.

Những đám mây càng trở nên âm u hơn, chất chứa những mối hiểm nguy được nguy trang, và cô cảm thấy mình không còn nhìn thấy gì hết, không thấy bất cứ thứ gì, cánh tay cô giơ lên một cách yếu ớt, hòng cô khô bồng, tắc nghẹt, nhưng cô vẫn bật ra một tiếng thét. Tiếng thét ấy vọng trong bóng tối, rồi bỗng nhiên cô điều khiển được hai cánh tay mình và cô cố bám lấy bức tượng bán thân ở gần đó. Bức tượng mọc tay, ôm

lấy cô và đặt cái thân thể yếu ớt và mê man của cô lên giường.

Ngày hôm sau, trong tiết trời buổi sớm u ám lạnh lẽo, Devi đứng một mình ở sân bay, đợi chuyến bay sẽ đưa cô vượt qua mấy nghìn dặm trở về nhà. Đầu cô đau như búa bổ, và dạ dày cô dường như đang làm vón cục chỗ sữa cô đã uống. Cơn buồn nôn trào lên cái miệng vốn đã có sẵn vị chua lợm của cô. Trước giờ lên máy bay, cô chẳng có ai để mà ngoái lại nói lời tạm biệt. Khi cô bước lên máy bay, cô cảm thấy những năm tháng trên đất Mĩ đang luồn qua vai cô, toan ngoéo chân cô hòng làm cô ngã xuống những vũng nước bẩn. Giấc mơ ngắn ngủi đã kết thúc. Cô đang chạy về phía trước, chẳng chạy được bao xa để trốn khỏi cái hoàn cảnh khốn khổ của mình, và rồi trên đường chạy, trong tình trạng lơ mơ và yếu ớt, cô lại phải đối mặt với sự hồi hương.

2

Mặt trời tỏa nắng gay gắt và biển bên ngoài cửa sổ phòng tôi tựa như một chiếc gương chói ngời, vô cùng tận và đầy sức thôi miên. Hai mẹ con tôi sống với nhau trong căn nhà bên bờ biển. Phòng của chúng tôi ở cạnh nhau với những ô cửa sổ có chung khuôn mẫu, cùng hướng ra bãi biển. Qua bức tường ngăn tôi có thể nghe thấy tiếng mẹ tôi khe khẽ hát khi bà trở dậy bắt đầu một ngày mới. Trước đây tôi chưa từng nghe thấy mẹ tôi hát bao giờ.

Trong khi nghe, tôi hình dung ra mẹ cầm lược trong tay, tập trung vào một nghi thức mà hồi còn bé tôi luôn dõi theo với cảm giác say mê. Mẹ tôi thường chải mái tóc dài rất dày của bà với những đường lược dứt khoát cho tới khi mái tóc bà mượt óng, rung rinh như thứ gì đó tự biết cử động. Rồi đứng trước gương, không cười, và vẫn hoàn toàn tập trung, bà cuộn chiều

dài của mái tóc lại. Tay trái giữ đầu, bà dùng chỉ một tay quấn mớ tóc một cách cực kỳ khéo léo và lanh lẹ chẳng khác gì một nhà ảo thuật thực hiện tiết mục quen thuộc của mình, cho tới khi tóc bà được quấn thành hình tròn ốc, chắc gọn, như một con rắn con nằm cuộn mình trong bụng rắn mẹ.

Tôi không hiểu sao ở Madras chúng tôi rất ít qua lại những người họ hàng. Mẹ tôi, bố tôi, và tôi luôn là những hạt nhân bé nhỏ của một gia đình gần bó khăng khít trong thế giới của riêng mình-tôi ngờ rằng mẹ tôi muốn như vậy. Nhưng trong những tình huống bất thường như việc một đứa con gái đi chệch hướng giờ trở về với lòng hiếu thảo còn nguyên vẹn chưa hề sút mẻ, những cái mũi thính của đại gia đình thế nào mà chẳng giật giật một cách háo hức để truy tầm vài giờ thẩm định có tính chất giải trí. Cũng có sự quan tâm đấy: dù dựa vào khoản tiền gửi ngân hàng mẹ con tôi có thể sống ổn, và lo được chuyện hôn nhân cho tôi một cách tươm tất, nhưng tôi cũng vẫn thuộc trách nhiệm của họ. Cái trách nhiệm đó không thể để cho một tay người đàn bà góa gánh vác được.

Nhưng như một món quà mừng tôi trở về, mẹ tôi giữ không cho ai trong số họ đến gần tôi. Trong cái pháo đài đóng cửa với thế giới bên ngoài ấy, tôi mò mẫm tiến về phía mẹ mình, và bà dẹt nên một cái kén, một cái bọc hút tôi vào và giữ lấy tôi thật chặt bên trong những thành vách dày và ngọt ngào của nó.

Nhận thức ban đầu khi tôi nhìn thấy mẹ tôi là- bà không thay đổi, không thay đổi đến cả từng sợi tóc, vẫn điềm tĩnh và tự tin trong tấm sari lụa cho dù trời nóng chảy mỡ. Tuy vậy, bà cũng có khác trước; không thay đổi, nhưng bớt xa cách hơn, yếu ớt hơn hình ảnh người mẹ mà tôi thường tưởng tượng ra trong những ngày tôi sống trên đất Mỹ.

Ở New Jersey, tôi không khỏi ngạc nhiên khi chứng kiến mối quan hệ thật thoải mái giữa các bạn của tôi với mẹ của họ. Họ, mẹ và con, tán gẫu với nhau về bạn trai, họ cãi vã, họ hôn nhau. Tôi nhớ có một dịp cuối tuần tôi về nhà Julie, bạn của tôi. Chiều Chủ nhật chúng tôi lái xe trở lại trường, và trước khi chúng tôi lên đường, Julie ôm mẹ cô ấy và nói rất đỗi tự nhiên, “Mẹ, con yêu mẹ!” khiến tôi rất lúng túng, cứ như thể tôi đứng trước một đôi tình nhân đang ôm nhau vậy.

Mẹ tôi và tôi không chạm vào người nhau và dĩ nhiên chúng tôi không nói với nhau về tình yêu, bất kể là tình yêu mẹ con tôi dành cho nhau hay tình yêu dành cho người khác. Nhưng trong mấy tuần đầu sau khi tôi trở về Madras, chúng tôi đã có ý thức sâu sắc về nhau; chúng tôi được kéo lại gần nhau bởi một sự bảo vệ ân cần buộc vào cổ mỗi người bằng sợi dây mềm mại của nó. Khi mẹ con tôi được kéo lại gần nhau, những ký ức về người cha đã khuất của tôi tạm lui và chúng tôi trở thành đơn vị một-tế bào. Chúng tôi trở thành, không phải một gia đình, mà là mẹ và con gái.

Một tháng sau, tuần trăng mật kết thúc. Mẹ tôi đã đón nhận tôi trở về bằng sự dịu dàng, thậm chí bằng tình yêu. Vào một trong những phút dễ lầm tưởng của cuộc sum họp ấy, một buổi tối khi gió biển mát rượi cảm dỗ tôi như một ảo tưởng đẹp đẽ, tôi bắt đầu kể với mẹ tôi về nước Mỹ. Mẹ tôi mỉm cười thật hiền và nói: “Tất cả chuyện đó kết thúc rồi. Điều quan trọng là con đã trở về, giờ con ở Madras. Sao con cứ phải nói mãi chuyện cũ ấy thế?” Lúc ấy tôi không hề có cảm giác bị cự tuyệt; quả thực, tôi có hơi tự tăng bốc khi nghĩ rằng mẹ con tôi có thể trò chuyện như người lớn với nhau, và rằng tôi dù sao cũng có những điều thầm kín muốn tâm sự.

Tối nào chúng tôi cũng cùng đi dạo trên bãi biển trong sự im

lặng có đôi, và tôi sung sướng trước những khả năng về tình bạn mới được thiết lập giữa hai mẹ con.

Mẹ tôi thực hiện các nước đi của mình như một tay cờ kỳ cựu. Tôi quá phục cái cách chọn thời điểm của bà. Khi bà đã tính toán kỹ rồi, tính toán tất tật mọi chuyện, còn tôi thì đã trở nên dễ sai bảo trong tay bà, bà mới quàng ách lên vai tôi, để tôi phải phụ thuộc vào bà, và cú thế bà dắt tôi tới những kế hoạch đã được tính toán cẩn thận-một cuộc kén chồng cho tôi, *swayamvara*.

Nước đi đầu tiên là sự tái gia nhập đại gia đình, một sự trở về được mẹ tôi bố trí rất thành công.

-Devi này, -một sáng mẹ tôi bảo tôi, - con mặc tấm sari lụa mẹ đưa cho con hôm qua đi, được không? Con mặc quần bò trông gầy lắm, người ta lại tưởng con có gì không ổn.

Người ta là những ai, tôi băn khoăn tự hỏi, nhưng mẹ tôi đã bất ngờ trút bỏ vẻ mặt chờ đợi của bà. Bà mẹ mà tôi biết quá rõ, lúc nào cũng cương quyết, luôn biết mình phải làm gì, bảo tôi:

-Mọi người đều muốn gặp con, họ thắc mắc tại sao con lại trở nên ít giao du như thế. Nên để họ biết con chẳng có gì mà phải giấu mình.

Mọi người là các anh chị em họ, các cô dì chú bác của tôi. Ông anh chồng của mẹ tôi, mấy bà em chồng, người anh họ của bà tôi, điếc đặc và già yếu. Họ rủ nhau đến, vài người ở lại ăn trưa, có người chỉ uống cà phê xong rồi đi.

Mẹ tôi chiều lòng tất cả bọn họ, thể hiện bức chân dung của phẩm cách và sự lôi cuốn, chặn đứng những câu hỏi của họ

bằng những chiêu phản công lão luyện. Tôi, có vẻ như, chẳng được mong đợi phải làm gì nhiều. Sự có mặt của tôi, tấm sari lụa mới, thứ tiếng Tamil chưa bị quên, và sợi dây chuyền vàng đeo quanh cổ, được xem là đủ. Tôi ngồi với họ, nghe họ thông báo tin tức về sinh đẻ, sẩy thai, ốm, chết, và trả lời những câu hỏi có tính chất thăm dò bằng những từ đơn âm.

Lần thứ hai bao giờ cũng dễ dàng hơn. Họ không hỏi tôi này nọ nữa; tôi chỉ việc nghe. Bằng sự khôn ngoan của mình mẹ tôi chứng minh cho họ thấy rằng bà không hề sai lầm khi cho đứa con gái mới lớn chưa chồng của bà đến nước Mỹ. "Rồi chị sẽ mất con gái thôi, Sita ạ" đạo trước những người họ hàng của tôi đã lắc đầu mà tiên đoán như thế và dĩ nhiên họ dẫn ra những chuyện về những đứa con trai, con gái đi Mỹ rồi chẳng bao giờ trở về, lấy người Mỹ, và bỏ quên cha mẹ già của chúng ở quê nhà.

Cái nhìn của mẹ tôi như muốn nói: "Hãy xem tôi mạo hiểm đấy." Con bé khác những đứa các người biết, nó đặc biệt, nhưng nó cũng dễ bảo như những đứa con gái được các người nuôi dạy trên đất này..

Rồi người anh họ của tôi đến chơi, một người anh họ lớn tuổi hơn tôi nhiều và đã là cha của ba đứa con gái. Tôi vốn không ưa nụ cười ranh mãnh lớn vồn trên cái khuôn mặt tái tái với cái cằm chẻ của anh ta. Tôi phớt lờ anh ta và chơi với mấy đứa nhỏ, những đứa con gái nghịch như quỷ. Khi bọn chúng chạy lên, chạy xuống các bậc cầu thang, đập cửa thành thành và hò hét âm ỉ cả nhà, ông anh họ tôi nhìn tôi bằng con mắt đánh giá.

Làm ra vẻ quan trọng, anh ta tra cặp kính mắt vào và đưa ra một cuộn giấy đã nhàu.

-Những lá số tử vi cô muốn đây. Anh ta nói với mẹ tôi, và mẹ tôi mỉm cười như một người đao phủ tốt bụng rồi đưa tay đón lấy cuộn giấy.

Khi tôi bước sang tuổi mười tám, mẹ tôi lấy ra lá số tử vi của tôi từ một cái tráp được khóa kĩ. Nó có những vết ố lốm đốm màu vàng nghệ ở bốn góc, phẳng phất mùi long não và mùi gỗ đàn hương. Nó dường như đã dẹt nên thứ bùa ngải bí mật nào đó xung quanh chúng tôi, một mớ nghi thức mơ hồ có sức mê hoặc.

Cái lá số tử vi đó được giao cho một nhà chiêm tinh, người bảo trợ của bà cô tôi. Ít lâu sau tôi đến gặp ông ta. Đó là một người đàn ông có nước da ngăm đen với đôi mắt to trông dữ tợn và bộ ria mép rậm tưởng chừng như đã nuốt mất cái miệng của ông ta. Dẫu sao ông ta cũng chẳng sử dụng cái miệng mấy; ông ta câm, và được bao quanh bởi sự im lặng không thể phá vỡ. Tôi nhìn ông ta chăm chăm, có phần xác xược-tôi muốn tỏ ra khinh thường tất cả những ai làm cái việc như ông ta đang làm-và phần nào tôi cảm thấy sợ cái tuổi trưởng thành, sợ cái cuộc đời đàn bà đang trải ra phía trước tôi.

Tôi và ông ta ngồi ngây người ra nhìn nhau trong giây lát. Rồi mặt cùng hai bàn tay của ông ta bắt đầu cử động và bằng cử chỉ ông ta vạch lên khoảng không những mốc quan trọng trong đời tôi. Tôi sẽ không đi xa, tay phải ông ta chỉ ra như vậy, trong khi mắt ông ta biểu thị những giới hạn. Ông ta lật những trang sách, và người ta cảm thấy sợ cái tuổi trưởng thành, sợ cái cuộc đời đàn bà đang trải ra phía trước tôi.

-Ông ấy đang nói cho chúng ta biết về chồng của con đấy. Mẹ tôi nói và tôi nhìn bà trùng trùng. Tay của người câm đó giờ

chuyển sang lắc lắc như thể đang đưa một chiếc nôi tưởng tượng và mặt ông ta biểu lộ vẻ nhản nhỏ cũng có thể được hiểu là một nụ cười kỳ quái. Rồi đột nhiên ông ta chập hai tay vào nhau bằng một động tác dữ dội, và những ngón tay với móng tay cẩu bần của ông ta mô tả sự tan vỡ, sự kết thúc của một điều gì đó. Trong khi đó mắt ông ta nhìn tôi đầy nham hiểm. Khiếp sợ, tôi chạy ra khỏi phòng, lòng sôi sục căm ghét.

Những năm sau đó, khi tôi lên đường đi xa, tôi cứ nghĩ tôi đã bỏ lại phía sau tất cả những trò đáng tởm đó. Tôi giành được học bổng đi du học, và với sự khuyến khích của bố mẹ, tôi sang Mỹ học.

Tại sao tôi lại trở về? Tôi không biết nữa. Có lẽ vẫn còn quá sớm để tôi hiểu được tại sao. Nhưng những lá thư của mẹ tôi chứa đựng một thông điệp về sự cô đơn, sâu thẳm bên trong cái vỏ bọc đầy tự trọng. Mẹ tôi luôn là một người đàn bà mạnh mẽ, bước bình; trong những lúc tức giận tôi nghĩ bà là một người ích kỷ. Nhưng hình ảnh bà một mình trên bãi biển cứ vò xé tim tôi. Hết lần này đến lần khác hình ảnh bà hiện lên trong đầu tôi, dáng người nhỏ bé, thẳng một cách hùng hồn, khuôn mặt ngăm ngăm đen, mịn màng đã có thời được coi là đẹp của bà, khuôn mặt mà giờ đây không còn có cái chấm đỏ trên trán hoàn thiện hình ảnh của một người vợ, người mẹ. Tôi nghe thấy giọng nói chậm, ngân nga của bà sai khiến và dỗ dành. Tôi chưa bao giờ mơ về bà như tôi đã mơ về bố tôi, ao ước có phép màu nào đấy mang tôi đến gần ông. Nhưng mẹ tôi luôn là một điểm thả neo vững chắc, không bao giờ sai, không bao giờ phải nghi ngờ, một sự thật hiển nhiên về sự tồn tại của chúng tôi. Cái thực tế bà cần tôi, cần sự hiện diện đầy lưỡng lự, thiếu quyết đoán của tôi, khiến tôi say sưa.

Bàn tay mẹ tôi đã lái tôi ra khỏi tình trạng bối rối không dám

quyết của những tháng cuối cùng trên đất Mỹ; bà dường như đã nắm được cách ghép các mảnh trong trò chơi xếp hình đang bày ra đánh đổ tôi.

Và cũng với bàn tay lão luyện ấy, mẹ tôi chuẩn bị kén chồng cho tôi. Khi tôi đã thạo việc khoác lên mình những đồ trang sức thích hợp, tấm sari thích hợp, nụ cười thích hợp; khi tôi đã thực hiện xong cuộc nói chuyện ngây thơ và ngớ ngẩn thích hợp với một đứa con gái đến tuổi gả chồng với những người thuộc bệ bậc trên; khi mẹ tôi đã đối đãi hậu hĩnh với những ký ức ào ạt quay trở lại từ những câu chuyện bà tôi đã kể về những người chồng định mệnh và những cuộc hôn nhân thơ mộng, mẹ tôi mới đi nước cờ tiếp theo.

Mẹ tôi mời gia đình Srinivasan tới xem mặt tôi, trình tôi ra như một cô dâu tiềm năng. Chỉ có bố mẹ tới, con trai không tới, bởi vì đó là cuộc gặp gỡ mở đầu. Họ lịch sự, sành điệu-cứ tự nhiên, xin đừng khách sáo, họ nói vậy. Ông bố là một nhà kinh tế học, làm việc cho một tổ chức thuộc Liên hợp quốc. Bà mẹ đã nhiều năm giảng dạy môn khoa học chính trị tại một trường đại học dành cho nữ giới. Họ thường đi châu Âu và châu Phi thực hiện những nhiệm kỳ làm đại diện ba năm một. Con trai họ, một nhà khoa học ở Bombay, đã giành được mấy huy chương vàng trong lĩnh vực nghiên cứu của anh ta. Anh ta sống và thở bằng món vật lý thuần túy, họ nói như thế. Anh ta muốn có một người vợ thuộc tập cấp Bà-la-môn, họ tuyên bố với vẻ hãnh diện không che giấu.

-Gặp gỡ thế này chỉ là hình thức thôi mà,- bà mẹ nói với tôi, như thể chúng tôi đã biết nhau nhiều năm, rồi bà ấy giơ bàn tay với những móng tay được cắt sửa chỉ lên mái tóc nhuộm cắt ngắn của mình và nói. -Cứ cào lên da tôi mà xem, cô sẽ thấy tôi là một người miền nam chính cống. Một người Bà-la-

môn gốc miền nam tử tế.

Vậy là họ đang tìm một cô dâu được giáo dục kỹ lưỡng, một người phụ nữ biết đối đáp thông minh trước các bạn của người chồng làm khoa học, nhưng ai sẽ là cô dâu đó, một cô dâu như những mục quảng cáo hôn nhân trên những tờ báo Chủ nhật đòi hỏi, đẹp, thanh lịch, yêu gia đình và sẵn sàng “thích ứng”.

Khi họ ra về, tôi bực tức quay sang mẹ tôi. Ngay cả khi bà chìm cơn phẫn nộ của tôi đi bằng sự an ủi phỉnh phờ, tôi vẫn nhận thấy vẻ mệt mỏi lạ lùng mà trước kia tôi chưa từng thấy trên khuôn mặt của bà.

-Mẹ nghĩ là mai họ đến mẹ sẽ phải nói với họ. Trước kia ở bên châu Phi tiến sĩ Srinivasan đã rất tốt với bố mẹ. Nhưng tất cả đều muốn tốt thôi mà. Chúng ta không thể quá kỹ tính khi chọn chồng cho con được.

Mặt trời Madras hút mồ hôi ra qua mọi lỗ chân lông trên người tôi. Nhưng tôi hoan nghênh cái nóng này, cái nóng không suy chuyển, tấm chăn ấm chụm lên tất cả những câu hỏi trong đầu tôi. Vào những buổi chiều tôi ở cùng bà tôi, trong những mùa hè đã xa thật xa, cái nóng như thế này cũng đã từng là nguồn an ủi như thế đối với tôi.

Nhà bà tôi, ngôi nhà nhỏ ọp ẹp nằm trong khu của người Bà-la-môn, chứa đầy những bí mật, thậm chí những nguy hiểm, đối với một đứa bé gái sáu tuổi. Tôi vẫn còn nhớ cái hôm tôi đang ngồi nhìn bà tôi tụng kinh thì một con thạch thùng từ đầu nhảy lên chân tôi. Tôi thét lên kinh hãi khi tôi cảm thấy cái cơ thể lạnh lẽo và dính dính của con rắn lần chạm vào da thịt tôi. Bằng cách nào đó tôi biết rằng đó tựa như cái chết; giống như cái lạnh lẽo mờ mịt của con bò già sùi bọt mép, mắt

nhòa sau một đêm rên rỉ và cố gắng từ chuồng bò ở sân sau bằng chút sức lực cuối cùng gửi những tiếng rống thể lương tới nhà chính.

Ngồi trong lòng bà tôi, tôi cảm thấy thật êm, và bà tôi rì rầm kể chuyện cho tôi nghe như một con chim nhỏ, nhưng qua lớp sari tôi cảm thấy đùi bà âm ẩm và rắn như đất bị nắng chiếu nung nóng. *Pallu*^[1] của bà trùm lên mặt tôi, tạo ra một chỗ ẩn sau lớp lụa mềm mượt.

Suốt những mùa hè dài thật dài, dài tới hết tuổi thơ của tôi, bà tôi đã bày ra cho tôi cả một bữa tiệc say sưa là những câu chuyện về sự lựa chọn của một cô dâu, về lễ kén chồng long trọng và huy hoàng.

-Để bà kể cho cháu nghe nàng công chúa xinh đẹp Damayanti cưới chồng như thế nào nhé. Một chiều nọ bà vừa ngồi bóc những múi mít dứt vào miệng tôi vừa nói. Mùi mít khiến tôi muốn buồn nôn, nhưng bà tôi đã dạy tôi cái thú ngồi mà nhai nhẩn nha từng múi mít dày, mọng nước, ngọt lừ.

-Nghe nhé,- bà tôi nói. -Buổi sáng của ngày lễ kén chồng, mặt trời chiếu sáng rực rỡ hơn thường lệ.

(‘Tại sao?’ Tôi hỏi.

‘Bởi vì mặt trời biết mình lấy ánh sáng từ đâu,’ bà tôi trả lời.)

Những tia nắng mặt trời rực rỡ được phản chiếu qua những cây cột bằng đồng ở bên ngoài cung điện. Một đoàn dài gồm các vị vua, các hoàng tử và các vị thần tiến vào cổng chính cao ngất của cung điện, và mỗi vị với cây vương trượng và mũ miện đại diện cho xứ sở vị đó cai trị được một tiên nữ đón và dẫn tới một ngai vàng.

(‘Tiên nữ là gì hả bà? Tôi hỏi.’

‘Là một người phụ nữ rất đẹp, không bao giờ có con,’ bà tôi nói. ‘Vì thế mà tiên nữ mãi vẫn là con gái.’)

Tất cả các vị vua đều mặc áo choàng và đeo các trang sức lộng lẫy đến lóa cả mắt. Còn các vị thần-ổ, ai nhìn cũng phải ngây người vì kinh ngạc! Họ không đổ mồ hôi cho dù họ khoác áo choàng dày bằng lụa thêu kim tuyến, và chân họ thì chẳng chạm mặt đất tí nào.

(‘Vậy thì họ đi bằng gì hả bà?’ Tôi hỏi.

‘Họ không cần phải đi. Họ được mang đi; họ cứ lướt trên không khí thôi.’

‘Nhưng tại sao họ không chạm mặt đất?’

‘Bởi vì họ chỉ có mặt ở đó vì nàng công chúa thôi. Họ không muốn chân họ bị dính bụi bẩn và cáu ghét. Nghe nhé. Damayanti sắp xuất hiện đấy.’)

Damayanti cùng đoàn người hầu bước vào đại điện trong tiếng nhạc tưng bừng, và ánh sáng của sự hứa hẹn bí mật tỏa quanh khuôn mặt, đôi tay của nàng, quanh bó hoa nhài và hoa hồng thơm ngát nàng cầm.

(‘Tại sao lại là sự hứa hẹn bí mật hả bà?’ Tôi hỏi, quên rằng mình phải giữ im lặng.

‘Mọi thứ về một cô dâu đều là một bí mật,’ bà tôi nói, quên không rày la tôi vì đã làm gián đoạn câu chuyện.)

Trước đó Damayanti đã được những người hầu xúc dầu thơm và thoa thứ bột trộn từ bột gạo, nghệ và gỗ đàn hương. Những

chiếc bình xinh xắn nạm đá quý được nhắc lên qua đầu nàng. Thứ nước mùa xuân tinh khiết chảy xuống thân hình kiều diễm của nàng, rồi nàng được lau khô bằng khăn lụa. Những người hầu tết tóc cho nàng, cài lên tóc nàng những hạt trân châu và ngọc lục bảo, mi mắt nàng được tô bằng phấn côn, một chấm đỏ lấp lánh được điểm chính giữa trán nàng, nàng trông tựa như một bông hoa sen tươi làm lu mờ những tấm thảm rực rỡ trong đại điện.

(‘Lớn lên cháu sẽ đẹp như Damayanti chứ bà?’

‘Tất nhiên rồi. Bà sẽ xoa dầu dừa và bột nghệ khắp người cháu cho đến khi cháu thành một nàng công chúa thì thôi.’)

Cả đại điện im phăng phắc, khi tất cả các vị vua đều nín thở dõi mắt nhìn Damayanti chậm rãi và tự tin bước về phía những người đang hy vọng sẽ được nàng chọn làm vị hôn phu. Thỉnh thoảng nàng dừng lại trước một ngai vàng, và sự im lặng tạm lui nhường chỗ cho một bài hát ca ngợi vị vua được nàng chú ý, bài hát do chính đoàn du ca mà vị vua đó mang theo thể hiện. Các sứ giả của công chúa đưa ra một số câu đố có vần, hóm hỉnh, ngắn gọn; và các sứ giả của vị vua được nàng chú ý phải đối đáp sao cho thể hiện được tài năng và phẩm hạnh của vị vua mà họ phụng sự. Nhưng Damayanti chỉ nghe một tai. Trái tim nàng, trung thành và kiên định, không hề dao động suốt dọc lối đi dẫn tới chỗ chàng Nala, vị vua của xứ Nishadas, và đôi chân nàng, đôi chân được trang điểm bằng những chiếc vòng vàng lóng lánh, biết rõ chúng sẽ dừng lại đâu. Những lời ngọt ngào của người đưa tin cho chàng Nala, con thiên nga của chàng đã rót vào tai nàng khi nàng đi tìm số mệnh của mình, và giúp chàng chiếm được trái tim nàng.

(‘Nhưng tại sao nàng lại giả vờ nghe những vị vua khác?’

‘Bởi vì người đàn bà đạt được điều trái tim mình ao ước bằng sự khéo léo.’)

Những câu chuyện của bà tôi chỉ có chỗ cho những nam anh hùng và những nữ anh hùng mà thôi. Những nàng công chúa lớn lên an tâm trong nhận thức về những gì đang chờ đợi họ: tình yêu, một chàng hoàng tử chẳng thiếu gì những phẩm chất cao quý, và một kết thúc có hậu. Không một câu hỏi nào, dù khôn ngoan hay vật vãnh, có thể làm bà tôi ngạc nhiên. Với bất cứ câu hỏi nào bà tôi cũng có thể nhào lặn, xoắn vặn, và bà tự bịa ra những tiêu chuẩn so sánh cho cuộc sống.

-Cháu cũng sẽ giống như một nàng công chúa, -bà tôi hôn tôi và nói bằng giọng trêu mếu còn tôi thì nghe bà nói, sướng mê đi, tâm hồn bảy tuổi của tôi hồi hộp khi nghĩ tới cảnh huy hoàng đang đợi mình ở phía trước.

Tôi mừng là bà tôi không còn sống đến giờ. Tôi mừng là bà tôi không có mặt ở đây để thấy tôi trong *lễ kén chồng*, bộ váy của nàng công chúa mà bà đã âu yếm dệt nên cho tôi giờ đã sờn cũ rồi, mà cổ cũng chẳng vừa nữa, quá to.

Tôi mừng là bà tôi không thể thấy món quà mà Dan gửi từ bên kia bờ đại dương sang cho tôi. Một chiếc áo thay vì có ống tay lại có hai dây đeo qua vai với hình cây cọ vàng chói ở thân trước. Cùng với mặt trời và cát, cây cọ trên chiếc áo đó phô ra cái màu vàng trắng tráo, mừng cái sôi nổi của mùa đông ấm áp ở Madras.

Giữa các buổi gặp gỡ những chú rể tương lai, với cơ thể đàn bà khiêm tốn được bảo vệ bởi sáu tắc lụa, tôi lẩn vào phòng riêng cùng gói quà của Dan. Tôi trải chiếc áo màu xanh lá cây và bộ

đồ bơi có cổ được khoét rất sâu lên giường, nhìn chăm chăm vào chúng và tự hỏi liệu chúng có phải là những phế tích mà tôi không thể xếp cho khớp với các mốc thời gian hay không. Tôi cuộn chiếc áo được làm bằng sợi tổng hợp mềm mịn trong tay và gí mũi vào nó, như thể làm như vậy tôi có thể lần ra một đầu mối nào đó, một mối quan hệ nào đó liên kết hai chương khác hẳn nhau một cách ngoạn cổ của cuộc đời tôi.

Trong ba tháng tôi gặp tận năm, không, sáu chú rể tương lai. Một anh chàng mạnh dạn hơn những anh chàng khác khác, một tối nọ cứ khăng khăng mời tôi đi ăn tại khách sạn năm sao. Anh ta khá thạo cái trò chọn cô dâu. Trong bữa ăn (trước bữa ăn anh ta kiên quyết bắt người phục vụ mang món sũa trứng sô-cô-la đi vì sũa đã chua) anh ta thu hút tôi một cách đầy kinh nghiệm, hỏi tôi những câu hỏi sâu sắc nhất trong lúc chúng tôi nói chuyện phiếm. Tôi có phần đã nghiêng ngả-suy cho cùng như thế cũng không tệ lắm-và dần dà tôi kể cho anh ta nghe về Dan. Thực ra Dan đã đi vào dĩ vãng một cách êm xuôi; anh đã trượt qua kẽ tay tôi mà không để lại vết sẹo nào. Tôi nhận thấy mình có thể nói về anh khá thoải mái bằng tình cảm yêu mến bắt nguồn từ nỗi luyến tiếc dành cho một chương đời đã khép lại một cách an toàn của tôi. Con người phong nhã –chú rể tiềm năng đó lắng nghe rất lịch sự, và giúp tôi đi đến cuối câu chuyện với sự cảm thông không gợn chút quan tâm thiếu lành mạnh nào. Anh ta mời tôi nhảy, và trong vòng tay trang trọng của anh ta tôi nhảy một điệu van mà tôi không biết, nhắm mắt, tự nguyện trượt vào giấc mơ giữa ban ngày về cuộc sống làm người yêu, làm vợ người đàn ông ấy. Khi anh ta lái xe đưa tôi về nhà, vào lúc mười giờ khuya, một giờ nhạy cảm, tôi nhìn anh ta mỉm cười với tình cảm yêu mến chân thật.

Sáng hôm sau tôi thức dậy muộn, hơi run trong cảm giác để

phòng. Mẹ tôi không hề mỉm cười với tôi. Nhìn ánh mắt bí hiểm của bà, tôi nhớ ra rằng bà không bao giờ cần đến mặt tốt của những lời nói dối vô hại hay sự chần chừ. Bà thông báo, như thể tôi đã yêu cầu bà làm thế, rằng tôi hoàn toàn không phải là người con gái mà anh chàng đó để tâm tới. Tôi không thất vọng, nhưng tôi ngạc nhiên; và tôi nhìn bà, cảm thấy có lỗi ít nhiều. Tôi có thể thấy mẹ tôi nở nụ cười, bà chẳng chịu đầu hàng trước bất cứ điều gì bởi vì bà vừa tránh được chuyển ghé chơi tiếp theo của mấy bà cô già hay thọc mạch.

Ngày hôm sau là một ngày của những ảo ảnh; những bóng ma. Trời âm u, rồi đổ mưa, và những đám mây lớn ảm đạm bay lơ lửng phía trên biển tạo thành những hình thù đáng sợ. Người cầm mà tôi nghĩ đã chết lâu rồi (nhưng ông ta hóa ra là một người đàn ông trẻ, tôi hiểu ra điều ấy trong nỗi sửng sốt), ngồi cạnh mẹ tôi đợi tôi.

Tôi do dự, nhưng tôi không còn là một đứa con nít dễ bị ảnh hưởng bởi sức mạnh của yêu thuật; và tôi quay sang mẹ tôi hỏi: “Việc này có cần thiết không?”

Mẹ tôi không đáp, và tôi quay mặt về phía người cầm, tự cổ vũ mình đối mặt với trò biểu diễn mà kịch cầm, một trò nhại lại trò của người chuyên bói chuyện tình duyên qua quả cầu pha lê. Nhưng ông ta cũng đã hiểu được tình thế. Tay ông ta để yên trên tập lá số tử vi và ông ta ngồi đó nhìn chăm chăm vào tôi, cái nhìn xuyên thấu đã mất đi ít nhiều sức thôi miên mà trước kia ông ta có, nhưng là cái nhìn giờ đây đã được bổ sung thêm một thông điệp hòa giải và có lẽ là cả nhẫn nhục.

Buổi tối hôm đó, bầu trời trở lại quang đãng đến không ngờ, và bãi biển tràn ngập không khí tươi mát. Gió vài giờ trước liên tục gấm rít giờ đã tiêu hao, và những làn gió êm êm mời gọi

những đứa trẻ ra chơi đùa trên bãi biển, in những dấu chân trần của chúng trên mặt cát nâu.

Một tuần sau, trong tiếng nhạc ngân trong không trung và những lời hứa rì rào của biển, tôi gặp và chấp nhận lời cầu hôn của Mahesh. Tôi được thấy niềm hạnh phúc ngời lên trong mắt mẹ tôi, và tôi không bao giờ phải gặp lại người cầm kia nữa.

Mahesh, người đàn ông xa lạ sẽ trở thành chồng tôi, tối nào cũng ghé thăm chúng tôi một tiếng đồng hồ. Anh không phải là một hoàng tử, mà là quản lý cấp vùng của một công ty đa quốc gia chuyên sản xuất chất tẩy rửa và kem đánh răng.

-Anh luôn phải đi công tác. Anh nói với tôi trong một lần chúng tôi ngồi trên cát, giống như những đôi nam nữ khác ngồi rải rác trên bờ biển. Nhưng không giống như những đôi khác chúng tôi không nhìn trộm nhau, không luồn tay trong cát như những con cá và không tình cờ chạm vào người nhau một cách ngây thơ vô tội.

-Mỗi tháng anh chỉ ở Bangalore chừng mười ngày,- Mahesh nói. -Em sẵn sàng chấp nhận điều đó chứ? Bố anh ở nhà, tất nhiên rồi, và còn có bà quản gia nữa, nhưng đôi lúc em cũng sẽ cảm thấy cô đơn đấy. Em đã nghĩ đến điều đó chưa?

Tôi nghĩ đến rồi. Tôi nghĩ nếu thỉnh thoảng tôi ở một mình, thì rồi tôi cũng quen đi thôi. Rồi thì tôi sẽ không phải như ngày đầu tiên, lúc nào cũng mang cái mác làm vợ, làm con dâu, một việc kéo dài hai mươi tư giờ mỗi ngày và ba mươi ngày mỗi tháng.

Và tôi thích tính trung thực của Mahesh, tinh thần sẵn sàng nói thẳng của anh, cho dù anh dường như không phải là sự

hiện thân vững chãi của chuẩn mực và lương tri. Chỉ ít anh cũng đã nói trắng ra, tôi nghĩ, anh thừa nhận rằng anh muốn một người phụ nữ ở nhà, làm vợ và làm mẹ. Một số người đàn ông tôi đã gặp khiến tôi ngạc nhiên bởi họ cứ làm ra vẻ họ chẳng thực dụng tí nào khi tìm vợ. Họ tán chuyện và mồi chài, tra hỏi tôi về nước Mỹ. Trong khi họ nhìn tôi đắm đuối như thể chúng tôi gặp nhau chỉ vì mỗi một mục đích yêu đương, họ lại láu cá hỏi tôi thích nấu những món gì và muốn có bao nhiêu con.

Tôi nghĩ nếu tôi định bắt chước những chuyện cổ tích được nạp đầy vào tuổi thơ tôi, thì tôi sẽ phải gạt sự vờ vịt đó sang một bên, tôi sẽ phải thực tế như Mahesh.

Mahesh về Bagalore, còn mẹ tôi thì mời họ hàng tới bắt đầu sự chuẩn bị kéo dài và ầm ĩ cho đám cưới của tôi. Bà thuê hai người đầu bếp và thuê hẳn một ngôi nhà lớn trong một tháng để đảm bảo tất cả khách khứa của chúng tôi đều được chăm sóc bằng thức ăn nhà nấu. Mẹ không muốn nhà và vườn bị đảo tung lên, mẹ tôi nói vậy, và thế là chúng tôi chuyển tới ngôi nhà đã từng chúng kiến không biết bao nhiêu đám cưới, rồi chất đầy dừa, gạo, đường vào gian buồng kho của nó.

Họ hàng của chúng tôi bắt đầu kéo tới, bốn hoặc năm người một ngày, và ngôi nhà chẳng mấy bữa đã đầy những người là người. Trẻ con chạy giữa những tấm nệm trải trên sàn, lẩn tránh những bà mẹ gắt gỏng. Đám đàn bà ngồi tùm tùm bàn về sari, hoa cưới, thiệp mời và họ còn ở lại những mấy tuần liền. Mẹ tôi để tất cả họ được nói. Bà không ngăn cản một ai lên tiếng, lắng nghe mọi lời khuyên họ đưa ra như thể bà chưa từng được nghe những lời khuyên ấy bao giờ, để rồi sau đó chỉ làm theo ý mình. Cánh đàn ông tự miễn cho mình việc chạy lăng xăng, và họ ngồi trong phòng lớn dưới những cánh quạt

quay không ngừng tán chuyện với nhau cho tới khi người này hoặc người kia bị gọi đi làm nhiệm vụ hộ tống một bà nào đó đi đưa thiệp mời cho một bà khác hoặc đi mua sắm.

Thật may cho tôi, tất cả họ đều bận đến nỗi họ để cho cô dâu được yên. Mỗi khi tôi thò mặt ra khỏi phòng riêng là y như rằng thế nào cũng có người vỗ vỗ vai tôi, nói: “Đừng lo, đừng lo. Rồi cháu sẽ sớm có cuộc sống ổn định thôi. Cháu đúng là một đứa con gái may mắn!”

Giữa những bữa ăn ồn ã kéo dài và những buổi duyệt áo sari và đồ trang sức, tôi trốn vào phòng riêng, ngồi một mình. Tôi ngồi ở bàn, cố viết cho các bạn tôi thông báo về đám cưới, đám cưới của chính tôi. Những lá thư giải thích bước ngoặt của cuộc đời tôi, những lời giải thích tôi cố gắng đưa ra một cách miễn cưỡng dù ngòi bút của tôi chạm lên mặt giấy viết thư đẹp để dành riêng cho những dịp đặc biệt.

3

Hồi còn bé năm nào tôi cũng về nhà bà tôi ở suốt mùa hè.

Bà tôi là một bà già héo hon, mù chữ, góa chồng từ khi mới ngoài ba mươi tuổi. Bà tôi gầy như que củi. Mái tóc màu xám của bà lúc nào cũng được búi thành một búi cỡ bằng quả lý gai. Đặc điểm nổi bật nhất trên khuôn mặt dài xương xẩu của bà là hàm răng trắng bóng; còn nguyên cả hàm răng cho tới khi bà qua đời. Nhưng khuôn mặt bà tươi tắn còn nhờ vào đôi mắt nâu thon thon. Tôi cho là hồi trẻ mắt bà có thể được coi là đẹp, nhưng điều làm cho đôi mắt ấy luôn đầy vẻ sống động chính là thủ thuật đảo con ngươi rất nhanh từ bên này sang bên kia, giống như một vũ công múa điệu Bharata Natyam. Khi còn bé tôi thường cố bắt chước kiểu đảo mắt ấy của bà tôi, kiểu đảo mắt gần như điên cuồng mỗi khi bà kể những câu

chuyện ma cho tôi nghe. Nhưng tôi không thể nào làm giống như bà tôi được, mặc dầu tôi đã tập nhiều giờ trước gương.

Tôi không nghĩ bà tôi đã từng soi gương. Bà tôi tuyệt nhiên không dùng đến bất cứ cách trang điểm nào. Thứ duy nhất tôi thấy bà tôi mang trên người là một tấm sari chín tắc đã bạc màu xếp nếp giữa hai chân bà để bà khỏi phải mặc đồ lót. Bà tôi không bao giờ mặc áo sơ mi-một thứ hiện đại ngớ ngẩn, bà tôi gọi loại áo ấy như thế-và thách thức sự phản đối của mẹ tôi về cách ăn mặc của bà trong một lần hai người bỗng nhiên xung đột bằng câu hỏi: Có gì mà tôi lại phải giấu chứ?

Đôi vú chảy dài với hai núm vú màu nho khô cách không xa rốn là mấy của bà được che đi bằng nửa trên của tấm sari. Chúng cũng quen thuộc với tôi như khuôn mặt bà vậy.

Mùa hè nào tôi cũng thấy bà tôi đứng đợi chúng tôi bên cái cổng đá cũ kỹ của nhà bà, neho mắt nhìn chiếc xe chở chúng tôi chạy về phía bà trên con đường đất bụi mù.

Bà tôi khóc không hề xấu hổ khi bà nhìn thấy tôi và đưa tay nhắc tôi ra khỏi xe như thể tôi là một đứa trẻ chưa biết đi. Bà chẳng bao giờ để chúng tôi vào nhà khi bà chưa làm thủ tục yểm trừ ma quỷ bám theo chúng tôi từ thành phố. Bà lấy ra một bát nước hòa bột nghệ, còn chúng tôi phải đứng trước bậc cửa trong khi bà cầm bát nước đó trên tay, vẽ những vòng tròn lớn lên khoảng không. Sau đó bà đổ thứ nước màu vàng đó ra đường, rồi dẫn chúng tôi vào nhà. Mùa hè của chúng tôi bắt đầu bằng sự đón chào đầy hứa hẹn đó, ba chúng tôi được tẩy trừ khỏi những dơ bẩn.

Hầu như trong suốt cả năm chúng tôi sống cuộc sống bình thường trong một căn nhà nơi mẹ tôi chất đầy những quy tắc xử thế, những lời mà sau này khi lớn lên tôi thường nghe mẹ

tôi nói quá thường xuyên: trật tự, lý trí, tiến bộ. Nhưng mỗi mùa hè, chúng tôi lại được sống một cuộc sống khác với bà của tôi.

Thế giới của bà tôi, cái nghi thức bà tôi thực hiện để bảo vệ những lần đến và đi của chúng tôi, những chuyến thăm của những người họ hàng, ngôi đền ở làng quả là huyền bí. Thế giới ấy cũng đẹp đẽ hơn, hấp dẫn hơn, và qua bà mình, tôi đem lòng yêu mến những nam anh hùng và nữ anh hùng giống như các vị thần trong các câu chuyện bà kể, những người có những chuyện đời đời với bà còn thật hơn cả chuyện của chính chúng tôi.

Giờ đây tôi mới chợt nhớ ra rằng không thể có quá năm hay sáu người tá túc ở nhà bà tôi trong những lần chúng tôi về thăm bà. Nhưng so với ngôi nhà lớn im ắng của chúng tôi ở Madras, nơi không ai đoán được rằng có một đứa trẻ đang sống trong đó, thì ngôi nhà nhỏ của bà tôi, lẫn trong những ngôi nhà giống như nó ở hai bên đường, dường như rộn ràng nhịp đập của cuộc sống.

Chuyện của cô Gauri, cô giúp việc của bà tôi, được bàn bạc như thể đó là chuyện của chính chúng tôi. Những người họ hàng xa, mồ côi hay bị chồng phụ bạc bỏ rơi, coi nhà bà tôi là nơi trú ngụ ấm áp. Họ đến rồi đi, và bà tôi chẳng bao giờ để họ đi tay không. Bà tôi là một trong những người nội trợ vùng nhất mà tôi từng biết, nhưng bà luôn chia những món hổi lớn bà nấu cho những người đói khát. Khi một người đàn bà góa nghèo túng, một người cô họ đến nhà bà tôi ở một thời gian rồi đi, bà tôi nhét đầy thức ăn chín vào tay nải của họ, cho họ rau quả đủ ăn trong cả tháng trời và cho cả sari nữa. Một người khác, một phụ nữ trẻ bị chồng và bố chồng thay nhau hành hạ tìm đến nhà bà tôi đã được an ủi phần nào nhờ lời

khuyến rút ra từ những thiên anh hùng ca. Trong ngôi nhà của bà tôi, tôi không cần một ô cửa sổ để nhìn ra thế giới bên ngoài với những điều bí ẩn, chưa được biết tới.

Và hầu như trong những kỷ niệm của tôi về những mùa hè ấy, ngôi nhà của bà tôi là nơi tụ tập của các chiến binh siêu phàm, những người đàn ông và đàn bà được định mệnh cho sống cuộc đời của những anh hùng. Qua những mùa hè, tôi lớn lên nhờ những món ăn mà những ngón tay xương xẩu của bà chế biến ra và nhờ những câu chuyện lấp lánh ánh sáng huyền diệu.

-Cháu gái bà, nghe nhé, -bà tôi bắt đầu kể trong khi bàn tay bà gỡ những đám tóc rối trên mái tóc vừa được gội của tôi. -Nghe những câu chuyện về những người đàn ông và những người đàn bà yêu nhau, đổ máu, và chết cũng hăng hái như sống nhé.

Những câu chuyện của bà tôi không phải là những câu chuyện kể trước giờ đi ngủ thông thường. Bà chọn mỗi câu chuyện cho một dịp đặc biệt, mỗi câu chuyện được kể để giải đáp một câu hỏi rất ngây ngô của tôi. Bà có câu trả lời cho mọi câu hỏi. Nhưng những câu trả lời của bà không hề đơn giản: chúng phải được giải mã. Sự so sánh phải được đưa ra, một thí dụ minh họa phải được phát hiện, và một bài học đạo đức phải được rút ra. Giống như những cái bánh ngọt bà làm cho tôi, thứ mật đặc sánh qua lửa biến thành những con voi tí hon, những con thiên nga có bộ cánh duyên dáng như thể chúng từ những câu chuyện của bà bước ra. Những hình mẫu lý tưởng đó, những tham vọng không tưởng đó, mời gọi người nghe bé nhỏ là tôi mở rộng giới hạn của mình ra cho hợp với những không gian bao la, sống theo tổ tiên anh hùng thời xa xưa.

Tôi vẫn nhớ cái lần tôi tìm thấy tấm ảnh cũ của mẹ tôi. Đó là tấm ảnh chụp mẹ tôi một mình, loại ảnh giờ vẫn được gia đình các cô gái gửi tới các chú rể tương lai, chỉ khác là giờ người ta dùng ảnh màu. Mẹ tôi trong ảnh trông không giống mẹ tôi ở ngoài. Mắt mẹ lơ đãng, mơ màng, làm nhẹ bớt cái cảm hơi nhô ra như một điểm báo về sự cương quyết của mẹ sau này. Điều khiến tôi ngạc nhiên hơn là mẹ tôi ôm cây đàn veena, những ngón tay mẹ mơn trớn dây đàn.

Giờ tôi tự hỏi mẹ tôi sẽ nói gì nếu tôi mang tấm ảnh ấy đến chỗ mẹ. Tôi đã không làm vậy, thay vì thế tôi tìm đến bà tôi.

-Bà, -tôi gọi và sà vào lòng bà nơi tôi luôn được chào đón. -Hồi trẻ mẹ cháu chơi đàn veena hả bà?

-Cháu tìm được cái ảnh đó ở đâu hả? bà tôi nói. -Bà tưởng mẹ cháu đã xé tất cả ảnh đi rồi. Và trên khuôn mặt bà ngồi lên vẻ hứng khởi đã quá quen thuộc đối với tôi, vẻ hứng khởi dành cho những câu chuyện, rồi bà hỏi: -Cháu đã biết câu chuyện về Gandhari chưa, cháu gái? Nghe nhé; cứ nghe rồi cháu sẽ biết làm một người đàn bà thực sự là như thế nào.

Gandhari bước chân về nhà chồng trong bộ váy cưới tuyệt đẹp, và trái tim nàng đập như trống khi nàng được dẫn vào phòng hoàng tử-chú rể trong một cung điện bằng cẩm thạch.

('Tại sao hoàng tử không ra đón nàng?'

'Chỉ trong những mẩu chuyện ngớ ngẩn cháu đọc trong sách các hoàng tử mới đi tìm các công chúa. Chuyện này khác.')

Cung điện mà ở đó Gandhari sẽ trở thành hoàng hậu lớn gấp hai lần và nguy nga tráng lệ gấp hai lần cung điện của cha mẹ nàng. Những viên ngọc vô giá, to cỡ bằng những quả bí ngô

chín, trang điểm cho những bộ đèn chùm; những cây cột bằng cẩm thạch lấp lánh như những tấm gương. Bốn lính gác bên ngoài nơi nghỉ ngơi của hoàng tử cúi chào nàng rất mực cung kính, và bàn tay nàng khẽ động giữa những ngón tay ấm áp của người hầu.

Cánh cửa gỗ lớn từ từ mở ra, và vẻ e lệ trong đôi mắt của Gandhari biến mất khi nàng tìm thấy ánh mắt của chồng nàng. Những lính gác của chàng, những người hầu của chàng, đứng quanh chàng nghiêm trang như những cây cột nhưng trên khuôn mặt họ đầy vẻ đề phòng. Nhiều năm sau, khi nàng đã học được bài học rằng cung điện nguy nga ấy chỉ thiếu mỗi một điều-sự riêng tư-nàng mới hiểu được ý nghĩa của những cái mím môi, những ánh mắt soi mói của những người làm chúng của nàng.

('Nhưng tại sao họ không nói cho nàng biết?'

'Bởi vì, người đàn bà phải chấp nhận số phận một mình thôi, cháu gái ạ.')

Gandhari gạt người hầu gái ra và bước nhanh tới chỗ chồng nàng. Chàng đứng bên cửa sổ, mái đầu cao quý của chàng hướng lên bầu trời. Nhưng khi chàng quay đầu lại, nàng nhìn thấy đôi mắt trắng, đôi con ngươi đờ đẫn, vô dụng.

('Nếu chàng cao quý như vậy, thì tại sao chàng lại đồng ý lấy nàng?'

'Tất cả những người chồng đều cao quý hết, Devi ạ. Ngay cả những người chồng mù và những người chồng điếc cũng đều cao quý.')

Trong niềm kiêu hãnh và nỗi phẫn uất, Gandhari không nói

một lời nào. Nàng xé một mảnh vải từ chiếc váy đỏ của nàng và dùng nó bịt hai mắt mình lại. Nàng mò mẫm tìm đến phía người chồng mù của nàng, đôi môi nàng run lên vì phần uất.

Gandhari không phải chỉ là một người đàn bà buồn bã và kiêu hãnh khác. Bà tôi kết luận. –Nàng ôm lấy định mệnh của mình-một người chồng mù-với đức hy sinh xứng đáng với dòng máu cao quý của nàng.

Tôi không nói gì, và tôi không đủ thông minh để hỏi bà tôi chuyện của nàng Gandhari và chuyện của mẹ tôi có liên quan gì đến nhau. Hoặc có lẽ tôi đã biết. Chắc là tôi phải biết, thậm chí ngay hỏi đó tôi đã biết rằng, niềm kiêu hãnh, nỗi phần uất biến thành động lực sống, biến thành động cơ chủ yếu cho sự chịu đựng những năm mù lòa, không phải là một điều hư cấu. Sự tức giận của nàng Gandhari, như nàng đã cho thấy qua hành động lấy vải bịt mắt mình lại để suốt cuộc đời không nhìn thấy gì nữa, đã ăn sâu trong một trái tim rất gần, rất gần gũi với trái tim tôi.

Tôi đã học được rằng, sự tức giận của các vị thần là không thể nào đoán trước được: nó cũng là điều không thể tránh khỏi. Sự tức giận của những vị thần tạo ra các khúc quanh và các bước ngoặt trong những số phận siêu phàm làm sản sinh những anh hùng. Chính sự tức giận của con người mới là bài học khó tiêu hóa: sự tức giận có thể ngấm vào từng lỗ chân lông của một người đàn bà và trở thành dòng máu trong người cô ta.

Tôi nghe bà tôi giảng giải về sự lựa chọn của nàng Gandhari, nhưng bài học tôi học được lại khác. Bài học tôi học được đưa tôi tiến thêm năm bước tới gần sự khôn lớn. Lần đầu tiên, tôi hiểu ra rằng bố mẹ tôi cũng đau khổ vì một dạng mù lòa. Trong thế giới mù mịt của họ, họ luôn là một, một người dắt

một người, một bàn tay luôn níu chặt lấy một bàn tay khác.

Sau khi đã viếng đến tất cả các đường vòng quanh co, cuối cùng thì bà tôi cũng quay trở lại với bức ảnh của mẹ tôi.

-Khi mẹ cháu về làm dâu nhà bà, -bà tôi nói với tôi, -mẹ cháu mang đến một cây đàn veena như một phần của hồi môn. Ông bà ngoại của cháu đã phát hiện ra tài của mẹ cháu từ khi mẹ cháu còn bé và họ đã cho mẹ cháu theo học những người thầy giỏi nhất mà họ có thể tìm được.

Mẹ cháu chơi đàn rất hay, cả nhà ai cũng lặng đi khi nghe mẹ cháu chơi đàn, thậm chí chúng ta rơi lệ khi nghe tiếng đàn của mẹ cháu. Đôi mắt ngấn lệ của cha cháu ngồi lên niềm tự hào khi đôi mắt ấy cứ đắm đắm nhìn cái mái đầu đang say sưa cúi xuống cây đàn. Tất nhiên mẹ cháu cũng được dạy dỗ để đi làm dâu, và ngày nào mẹ cháu cũng chơi đàn sau khi đã làm xong các việc nhà.

Rồi một hôm, ông nội cháu ngồi trước bàn thờ chuẩn bị đọc những lời cầu nguyện buổi sáng. Ông ấy không thấy thứ ông ấy cần. Hoa chưa có, sàn nhà chưa quét. ‘Sita,’ ông ấy gọi, giọng run lên vì tức giận. Mẹ cháu không nghe thấy ông ấy gọi, nhưng bọn ta nghe thấy tiếng đàn veena mê ly vọng tới từ phòng mẹ cháu.

Bà đang ở trong bếp vội bỏ con dao trên tay xuống và chạy đến phòng của mẹ cháu. Nhưng ông của cháu đã đến đó trước, và bà nghe thấy ông ấy gầm lên:

-Bỏ cái đàn đó xuống. Chị có phải là một người vợ, một người con dâu hay không hả?

Mẹ cháu ngẩng đầu lên một phút, cái phút đó dường như dài

bằng cả mấy đời người, và trong cái phút đó mẹ cháu phủ lên bọn ta sự im lặng không tài nào chịu nổi. Rồi mẹ cháu đưa tay xuống những sợi dây đàn và giật chúng ra khỏi chiếc đàn quý giá của mình. Những dây đàn bật tung ra nghe chói tai.

Mẹ cháu nhìn ông nội cháu, mắt mẹ cháu không hề rớm lệ, rồi mẹ cháu nói bằng giọng nói nhỏ, rành rọt và đau đớn:

-Vâng. Con là một người vợ, một người con dâu.

Từ đó không bao giờ bọn ta nhìn thấy mẹ cháu chạm vào cây đàn veena nữa. Mẹ cháu trở thành một người con dâu tận tụy khiến hàng xóm ai cũng phải khen, và nhà của chúng ta không bao giờ còn nghe thấy tiếng đàn làm thổn thức con tim của mẹ cháu nữa.

Trong óc suy nghĩ của bà tôi, mối liên quan giữa những câu chuyện của bà và cuộc đời của chúng tôi là một mối liên quan sinh động. Nhưng bà tôi không thể lúc nào cũng tìm được trong thần thoại sự tương đương chuẩn xác cho những trải nghiệm rối rắm mà những người chúng tôi biết đã trải qua. Những cuộc đời kém cỏi hơn mà chúng tôi biết không phải lúc nào cũng vươn tới được tầm vóc anh hùng như kiểu hy sinh của mẹ tôi tương đương với kiểu hy sinh của nàng Gandhari.

Khi tôi lớn hơn, chắc hẳn tôi đã bắt đầu nhận thấy những vết nứt nhỏ trên cây cầu bà tôi xây nên để nối những câu chuyện tôi mê nghe và những chuyện tầm thường, không toàn thiện bày ra quanh tôi. Giờ những vết nứt tôi thấy không còn là những vết nứt nhỏ, chúng há hoác ra như thể chất keo gắn chúng ngay từ đầu đã là thứ keo giả. Nhưng lỗ hổng ấy giờ đây cũng là một món nợ: tôi phải vá vúi, sửa chữa nó để biện minh cho người kể chuyện tôi yêu quý.

Ở nhà của bà tôi, mỗi tuần một lần, tôi ngồi bên giếng phía sau tấm sari vắt trên dây phơi như một tấm rèm che, để cô giúp việc Gauri thoa dầu dừa lên người tôi hàng giờ liền. Người cô ấy có một thứ mùi thơm tự nhiên, tựa như mùi trái chín chảy nước giữa trưa nắng.

-Cô có ăn thịt lợn và thịt dê không, cô Gauri? Một hôm tôi hỏi cô ấy và cô ấy cười khúc khích.

-Lấy tiền đâu ra mà ăn hả cô bé? Bao giờ cô cưới chồng, tôi sẽ giết một con dê thật béo, thật đẹp để tế thần.

Cô ấy là một cô gái trẻ, da vàng như tên cô ấy nói lên, và trông cô ấy đi tắm về, sạch sẽ trong tấm sari màu trắng, tôi nghĩ cô ấy tựa như nữ thần sông.

Gauri đã phục vụ trong nhà của người Bà-la-môn từ bao giờ cô ấy cũng không nhớ nữa. Từ lâu lắm, lâu lắm rồi cô ấy đã làm việc để tích góp một đồng vàng nho nhỏ làm của hồi môn, tích góp từng tí, từng tí một.

-Người ta đòi những năm mươi đồng vàng cơ, mẹ ạ. Cô ấy nói với bà tôi. -Và sau mười năm làm quần quật con mới chỉ tiết kiệm được có mười lăm đồng. Lại còn phải sắm khoen đeo mũi, nhẫn đeo ngón chân, hoa tai có mặt đá, và vòng *thali* nữa.

-Nhưng cô Gauri đẹp thế, cô ấy có thể mở hội kén chồng mà bà. Tối đó tôi nói với bà tôi.

-Cô ấy sẽ sớm lấy chồng thôi, Devi ạ. Cháu cứ đợi mà xem, -bà tôi an ủi. Và năm sau, khi tôi về nhà bà tôi nghỉ hè, Gauri chạy đến báo với chúng tôi tin mừng. Một tuần nữa cô ấy sẽ làm đám cưới. Người chồng thuộc một gia đình lớn, nhưng Gauri

thì được cưới về chỉ để làm việc nhà mà thôi.

-Được bao nhiêu đồng vàng rồi? Bà tôi ngắt lời cô ấy. Guari nín thinh nhìn xuống chân.

-Hai mươi đồng, mẹ ạ. Nhưng con có mười tám đồng rồi. Chỗ còn lại thế nào con cũng xoay xở được.

Tôi nhảy múa quanh cô Gauri và đòi người lớn đồng ý cho tôi đi dự đám cưới. Cả bà tôi lẫn cô Gauri đều không nhận được cưới, và trong chốc lát họ quên đi những chuyện khiến họ đau đầu.

-Chỉ một lần này thôi mà, bà, -tôi năn nỉ, ngón tay bé xíu của tôi uốn éo quanh mái đầu hoa râm của bà.

Tôi ăn vận cẩn thận chẳng kém gì cô dâu, và với sự hộ tống của một người giúp việc, tôi đi dự đám cưới của cô Gauri. Trên lối đi dẫn vào ngôi nhà tranh, tiếng trống và tiếng sáo *nadaswaram* hào hứng vang lên trong sự không ăn nhập vui nhộn, nhưng chẳng ai để ý đến sự ồn ã quá mức của chúng. Người ta hét vào tai nhau trong tiếng nhạc, và khi cô Gauri xuất hiện, rạng rỡ với những đồ trang sức cô kiếm bằng mồ hôi nước mắt, những cái trống với sự náo động nganh ngạnh của chúng tưởng chừng muốn làm chúng tôi vỡ tai.

Tôi trao cho cô Gauri quà cưới của bà tôi trong khi môi tôi run rẩy vì phấn khích. Rất lâu sau, khi người giúp việc đưa tôi về nhà, chúng tôi vẫn còn nghe thấy những âm thanh của cuộc chè chén say sưa từ đám cưới của cô Gauri vọng tới, nghe thấy tiếng hát, và tiếng trống vang mãi, vang mãi.

Vài năm sau cô Gauri tìm đến gặp bà tôi, hỏi bà xem liệu bà có thể nhận cô trở lại làm việc như trước hay không. Cô ấy nói

chồng của cô ấy là một con thú. Nhà chồng đối xử với cô ấy như miếng dẻ rách, cô ấy bảo thế. Nhưng bà tôi đã nghe những người giúp việc kể một số chuyện. Bà tôi nghe người ta kể rằng Gauri đã phải lòng người em chồng trẻ tuổi. Anh chàng đó không đi làm suốt ngày chỉ ở nhà quanh quần bên đám đàn bà. Anh ta sợ những cái nhìn sừng sốt ném vào anh ta mỗi khi anh ta bước ra khỏi nhà. Anh ta cao, mảnh khảnh, có thể gọi là đẹp trai. Nhưng người anh ta, cánh tay, mặt, cổ, và bất cứ chỗ nào bên trên chiếc áo sơ mi luôn được cài cúc mà con mắt có thể nhìn thấy được, đều có những khoang màu trắng hồng. Giống như một dòng sông axit, bệnh bạch biến lan khắp người anh ta, khiến anh ta trở thành một kẻ bị tẩy chay. Và cô Gauri đã đem lòng yêu cái con người mang căn bệnh kỳ quái đó, kẻ mà bản tính vui vẻ của cô đã làm cho biến thành một người tình dịu dàng, trước sau như một. Họ cùng nhau bàn mưu tính kế sau lưng những người lớn tuổi trong nhà để rồi vào một đêm họ cùng nhau bỏ trốn. Cô Gauri thậm chí còn mang theo người mười đồng vàng, những đồng vàng giờ vẫn được đeo thành chuỗi trên cổ, trên cánh tay của cô, người đàn bà bướng bỉnh và kiêu hãnh.

Bà tôi không nhận cô Gauri trở lại làm việc cho bà mà đưa cho cô tờ bạc mười rupi và bảo cô đi. Đêm đó, bà tôi ngồi bên giường tôi, im lặng một cách bất thường với vẻ bứt rứt không yên.

-Kể cho cháu nghe chuyện Mahabharatam đi bà, -tôi nói.

-Không, không phải tối nay. Nhưng bà sẽ kể cho cháu nghe chuyện một cô gái đẹp lấy một con rắn làm chồng.

Một người đàn bà giản dị, tốt bụng và người chồng của bà ấy rất mong có một mụn con. Nếu họ không có con thì họ không

làm hài lòng các vị thần; nếu các vị thần mà nổi giận, thì các vị thần sẽ làm cho họ không có con.

(‘Các vị thần luôn tức giận. Vợ chồng đó không có con là do lỗi của các vị thần!’

‘Giờ cháu đã là cô bé mười tuổi khôn ngoan rồi đấy, Devi ạ, hãy nhớ lấy điều này nhé: họ không bao giờ có lỗi. Lỗi luôn ở phía chúng ta.’)

Vậy là cặp vợ chồng hiếm muộn đó cúng các vị thần những đồ cúng đơn giản mà họ có. Những lời kêu cầu của họ đã được đáp lại, và người vợ sinh ra một con rắn đen. Hàng xóm của họ thét lên kinh hãi khi họ nhìn thấy đứa con có mào của cặp vợ chồng ấy ở trong nôi, nhưng người mẹ chỉ bảo họ ra khỏi nhà, và lặng lẽ cho con rắn bú.

(‘Khiếp quá! Thế con rắn có cắn người mẹ không bà?’

‘Rắn không có răng; chúng có nọc. Và khi nào cháu làm mẹ cháu sẽ thấy: con cháu cắn cháu cũng giống như hôn cháu thôi.’)

Khi con rắn lớn lên, dài mười lăm phút, người mẹ dùng thân sa và nghề vạch lên mào của nó những đường sọc, và bảo chồng mình đi tìm một người con dâu ngoan ngoãn. Người chồng mắng vợ là đồ ngốc, nhưng người vợ đứng chống nạnh trước mặt chồng, mắt nảy lửa trong cơn phẫn nộ của một người mẹ công bằng.

Người chồng gói gém đồ đạc lên đường đi đến những miền đất xa lắc xa lơ. Anh ta nói với những người chủ trọ: -Tôi đi tìm một người vợ hợp với con trai tôi. Một người chủ trọ có một cô con gái rất đẹp, nói: -Tôi gả con gái tôi cho con anh đấy.

Khi hàng xóm nhìn thấy người chồng trở về cùng một cô gái đẹp và mấy người hầu của nàng, họ kêu lên:

-Cô gái đẹp như ngọc thế kia mà lại cưới con rắn gớm ghiếc ấy á?

Nhưng cô dâu trẻ vén mạng che mặt lên và nói:

-Một người con gái chỉ được gả chồng một lần thôi. Vậy xin đừng giễu cợt bằng những lời cay đắng như thế nữa. Hãy để tôi đến với người chồng đang đợi tôi.

Rồi cô gái cưới con rắn, và làm người vợ tận tâm, hết lòng chăm sóc chồng mình.

(‘Cô ấy thích rắn hả bà?’

‘Cô ấy thích con rắn đó. Chẳng phải là cô ấy đã cưới nó hay sao?’)

Một đêm nọ, con rắn trườn ra khỏi ngăn tủ và bò lên giường cô gái. Khi cô vòng tay ôm lấy con rắn cô thấy tay mình có cảm giác đang chạm vào da thịt con người. Cô ôm lấy vận may vừa xảy đến với cô trong vòng tay âu yếm, và họ có một đêm ân ái. Sáng sớm hôm sau, người đàn bà trẻ tỉnh dậy, khẽ gỡ mình khỏi vòng tay của người chồng và ra khỏi giường. Cô nhìn thấy trên sàn bộ da rắn. Cô vội mang bộ da rắn đó ra ngoài và đốt đi. Sau đó cô trở lại bên giường nơi người chồng trẻ đang ngủ ngon lành, không hề biết mình đã biến thành người.

Tôi nhớ tôi đã mất nhiều ngày để khám phá thông điệp từ câu chuyện này. Liệu có phải cô Gauri, cô Gauri viễn vông và vui vẻ của tôi, đã cưới một con rắn hay không? Và ai là con rắn trong câu chuyện bà tôi kể- người chồng trông gớm ghiếc, kỳ

dị của cô ư?

Sau đó mỗi lần nhìn thấy cô Gauri –cô rất có tình nghĩa và không bao giờ quên chúng tôi, thường đến thăm tôi mỗi khi tôi về nghỉ hè-tôi lại có linh tính về một điều gì đó sẽ xảy ra. Cô Gauri dường như vẫn là một con người vui vẻ; tôi không nhận thấy ở nơi cô bất cứ sự tổn thương nào, cũng không phát hiện thấy sự bất an. Nhưng tôi vẫn nóng lòng muốn cho cô biết một đầu mối, một sự mách nước giúp cô có thể nhìn xuyên thấu qua bộ da rắn trải ra giữa cô và sự viên mãn của người đàn bà.

Khi bà tôi mỗi ngày một già đi, đôi vai bà vốn dĩ đã gầy, bắt đầu khom xuống. Bà tôi còng rồi, trông như thể bà phải mang một gánh nặng trên lưng vậy. Cái lưng còng của bà mỏng manh quá, và bà giờ trông cũng giống như những bà già khác trong làng, bỏ gia đình lại phía sau để mà chờ đợi giữa những gì đã quá quen thuộc đối với họ trong cả cuộc đời. Bà tôi, giống như họ, đang đợi cái chết.

Tôi không rõ có phải sự già nua mới mẻ này, sự mong manh ảm đạm không hợp với những màu sắc sống động của những câu chuyện bà tôi vẫn kể hay không, hay vì bà tôi nghĩ rằng tôi đã đủ lớn. Nhưng những câu chuyện của bà tôi trong thời gian này bắt đầu mang sắc thái gay gắt và chông chênh của những tình thế hiểm nghèo có thể xảy ra. Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi nghe câu chuyện về Amba, nàng công chúa vút bỏ người đàn bà trong nàng qua giấc mơ báo thù và trở thành một người đàn ông; tôi nhớ rằng chính chuyện của Uma đã khiến bà tôi kể cho tôi nghe chuyện về nàng công chúa Amba.

Ngày chị họ Uma của tôi kết hôn mọi chỗ trong nhà đều được lau chùi cho đến mức bóng loáng như mới, và ban công rộng

nơi tôi thường chơi trò ô lô còn được trang trí bằng những bức *kolam*^[2] phức tạp với hai màu chủ đạo trắng và vàng. Tôi mặc một chiếc váy dài duyên dáng mới tinh có những họa tiết hình cánh hoa màu vàng quanh gấu, đeo vòng tay và cài hoa trên mái tóc tết đuôi sam.

Buổi chiều tôi lên đến phòng riêng của chị Uma và tôi không nhớ tại sao tôi lại làm vậy. Uma và chồng chị ấy ở trong đó với nhau, và xung quanh họ là những chiếc va ly chị ấy dùng để đựng đồ mang theo về nhà chồng. Tôi mon men quanh cửa, không bị ai nhìn thấy, và khi tôi chưa biết sẽ làm gì tiếp theo thì tôi thấy người chồng chộp lấy tay chị ấy, và họ nhìn nhau bằng cái nhìn mà tôi không hiểu được, và thế là tôi chạy xuống cầu thang, nín thở, xấu hổ, lòng dâng lên cảm giác rạo rực.

Một năm sau, khi tôi chừng mười bốn hay mười lăm tuổi gì đó, chị Uma trở về sống với bà tôi cho đến khi bà tôi qua đời. Khi chị Uma trở về, mùa mưa vừa mới bắt đầu, và trong những tháng tiếp theo đó người ta đến rồi đi trong mưa, và tất cả mọi thứ đều ẩm ướt, ủ rũ, và chất chứa những bí mật náo nức. Vài tháng sau, tôi nghe được chuyện của chị Uma: một người con gái mồ côi mẹ như chị ấy phải may mắn lắm mới được làm dâu một gia đình giàu có, mọi người đã từng nghĩ vậy. Chồng chị ấy và bố của anh ta uống rượu say cho tới khi chị ấy đòi người ra vì sợ; thậm chí những tháng ngày sống với người bố thờ ơ và người mẹ kế đầy thù địch cũng không chuẩn bị cho chị ấy đối mặt với thử thách này. Linh cảm trong chị ấy biến thành nỗi khiếp sợ khi chị ấy bị ông bố chồng say mềm hôn ngẫu nhiên.

Chắc hẳn khi đó tôi đã quấy rầy bà tôi bằng những câu hỏi về chị Uma và cuộc hôn nhân ngắn ngủi của chị, bởi vì từ đó bà

tôi thường nói với tôi rằng tôi là nữ thần Devi của nhà chúng tôi, và rằng dù ở đâu tôi cũng sẽ được đối xử như một vị thần của may mắn. Tôi nhớ rằng khi nói những lời ấy gương mặt bà tôi phảng phất một nỗi buồn, một nỗi buồn và có lẽ là cả điểm báo về sự bất bênh.

-Ồ, Devi. Bà tôi nói. – Sao lại khóc vì chuyện của Uma chứ? Một chàng hoàng tử cao sang, thậm chí một nữ thần, cũng còn là nạn nhân của bất hạnh nữa là. Nhưng một người đàn bà như Amba, một người đàn bà thực sự dũng cảm, tìm ra cách thay đổi số phận nghiệt ngã muốn đánh gục nàng, để đi tới niềm vui chiến thắng.

Nghe nhé. Khi chàng Bheeshma, con trai của một nữ thần, đến Kashi, chàng nghe người ta kể về lễ kén chồng đang được tiến hành trong cung điện. Ba nàng công chúa xinh đẹp, Amba, Ambika và Ambalika, sẽ chọn người bạn đời của họ trong số những vị hoàng tử và quốc vương có mặt tại lễ kén chồng vào buổi sáng định mệnh đó.

Lời thề không bao giờ lấy vợ chích vào lòng chàng Bheeshma như một vết thương cũ bị ngọn lửa thiêu đốt. Nhưng lý trí cao quý của chàng điều khiển tất cả mọi sự. Chàng nhớ tới người em cùng cha khác mẹ của chàng, và thế là chàng bước vào cung điện nơi diễn ra lễ kén chồng với vẻ đàng hoàng tự tin của một người chiến thắng. Chàng thấy ba nàng công chúa đang nhẹ bước dạo qua trước mặt các vị vua tựa như một dải ruy-băng màu sáng bạc tinh khiết không một vết nhàu. Amba, nàng công chúa lớn tuổi nhất, đi đầu, và nàng trao tràng hoa của nàng cho vị vua trẻ của xứ Salwa. Những bông hoa nhài chưa kịp chạm vào cổ của vị vua trẻ thì bỗng đâu xung quanh nổi lên những tiếng thét inh tai, tiếng dậm chân và những đám bụi mù mịt. Một bàn tay mạnh mẽ túm lấy

Amba. Trước khi nàng kịp quay đầu nhìn xem kẻ nào đã ngăn cản định mệnh của trái tim nàng, nàng nghe thấy tiếng kêu của các em nàng, và nghe thấy tiếng bánh xe ngựa gấp gấp vang lên phía bên dưới.

(‘Tại sao cha của Amba không ngăn chàng lại? Hay vua xứ Salwa? Hay một ai khác?’)

‘Một khi chàng đã đặt bàn tay đàn ông của chàng lên vai nàng, Devi ạ, thì nàng không còn là một người con gái nữa. Người đàn bà phải đấu tranh một mình thôi.’)

Gương mặt của Bheeshma ngời lên niềm kiêu hãnh khi chàng dâng chiến lợi phẩm lên người mẹ kế, nữ hoàng xứ Kurus. Mẹ kế của chàng ôm lấy các nàng công chúa, gọi họ là con dâu. Amba nắm chặt bàn tay nữ hoàng trong tay nàng và bằng giọng nói hiền dịu và van vỉ nàng tiết lộ bí mật của mình. Trái tim nàng đã có nơi có chốn, vòng hoa của nàng gần như đã đeo vào cổ người đàn ông nàng chọn.

Liệu một nàng công chúa đoan trang có thể trao trái tim mình cho hai người đàn ông mà không cảm thấy hổ thẹn với những đứa con trai chưa chào đời của mình hay không?

(‘Nhưng nàng đã bị bắt cóc! Không phải nàng đã trao trái tim nàng cho chàng.’)

‘Devi ạ, khi nào cháu lấy chồng, trái tim cháu sẽ chuyển lên vai và chuyển qua cánh tay để xuống lòng bàn tay cháu. Cái bàn tay nắm chặt bàn tay của cháu khi cháu đi quanh ngọn lửa thiêng nhận được trái tim ấy như một món quà. Cháu không thể làm gì được đâu: khi cháu lấy chồng, trái tim cháu sẽ thuộc về chồng cháu và cháu chẳng bao giờ được nhận nó trở lại nữa đâu.’)

Bheeshma và mẹ kế của chàng ngậy người vì kinh ngạc. Nhưng rồi họ mau chóng lấy lại bình tĩnh. Điều gì sẽ xảy ra nếu họ mất đi một phần ba số chiến lợi phẩm? Hai nàng công chúa kia rất trẻ, họ sẽ sinh cho hoàng tộc những người nối dõi khỏe mạnh.

-Đi đi, Amba. Bheeshma nói. -Hãy đi tới nơi nàng muốn. Hãy làm một người vợ chung thủy của người đàn ông nàng đã chọn.

Amba chào hai người em của mình và lên đường tới cung điện của người nàng yêu ở Salwa. Trên đường đi nàng kết một tràng hoa nhài, hai bông thay cho mỗi bông hoa trước đó đã bị giật khỏi tay nàng.

Với vẻ duyên dáng của một cô dâu, nàng bước tới ngai vàng của vua xứ Salwa.

-Thiếp đây, thưa quốc vương, -nàng nói cho tất cả các quần thần của vua đều nghe thấy. -Thiếp có mặt ở đây để thực hiện lời hứa mà lúc trước thiếp chưa kịp hoàn thành. Quốc vương là người chồng mà thiếp đã lựa chọn. Hãy nhìn người vợ đứng trước mặt quốc vương, trong trắng, đoan trang như những bông hoa nhài này.

Vua Salwa ném về phía nàng tiếng cười thô bỉ. Khuôn mặt ngài biến dạng vì tức giận:

-Nàng nghĩ ta sẽ dùng đồ thừa sao? Ta đường đường là một quốc vương. Ta không thềm động vào thứ mà người đàn ông khác đã tranh giành được. Hãy đi đến với Bheeshma. Anh ta đã chiếm được nàng khi mũi tên của anh ta đã nhằm trúng bàn tay ta đặt trên vòng hoa xui xẻo của nàng. Anh ta là chồng nàng. Ta biết làm gì với nàng cơ chứ?

Ngay cả khi bị bắt cóc khỏi cung điện của cha nàng, Amba cũng không cảm thấy mình bơ vơ như lúc này. Co rúm người lại trong bộ váy cô dâu, nàng cúi đầu quay trở lại cung điện của Bheeshma. Nàng đợi ở cửa phòng ngủ của chàng, khuôn mặt nàng nhòa đi trong bóng đêm.

('Tại sao nàng không trở về nhà?'

'Một người đàn bà không có chồng làm gì có nhà.')

Bheeshma vừa cởi bộ áo giáp chàng mặc trên người thì nàng chạy vào và đóng cánh cửa sau lưng nàng lại.

-Hãy lấy em làm vợ, Bheeshma, -nàng khóc. Nàng giật tấm mạng của nàng ra. -Hãy nhìn em đi, Bheeshma. Hãy nhìn khuôn mặt em run rẩy vì háo hức. Hãy nhìn ngực em đầy đặn và chờ đợi. Hãy nhìn đôi tay em, đôi chân em mềm mại và dịu dàng như những cây leo mềm mại nhất. Hãy nhìn người đàn bà trong em đang khao khát được yêu thương. Chàng ngoảnh mặt đi ư? Chàng không thể vì sự dâng hiến tuyệt vọng của em mà trút bỏ lời thề ịch kỷ của tuổi trẻ bỗng bột ấy đi sao?

Bheeshma run lên vì khao khát, nhưng chàng đã đem tất cả tuổi trẻ của chàng xây những bức tường dày quanh mình để người đàn ông trong chàng không còn nghe thấy gì hết. Lời cầu xin dục tới xương sống chàng, khiến chàng rung mình, nhưng rồi nó đã bị bóp nghẹt. Không quay mặt lại, chàng bảo Amba lui ra.

('Nhưng tại sao chứ? Cháu biết là chàng thích nàng mà. Chẳng phải chàng đã mang nàng đi bằng xe ngựa đó sao?'

'Chàng là một người đàn ông dửng dưng, vì vậy chàng không thể chấp nhận làm một người thua cuộc tại lễ kén chồng. Sau

đó, chàng nhớ ra lời thề, cái lời thề đã biến chàng thành một vị thần hơn là một người đàn ông. Và dù sao đi nữa: Amba đã trừng phạt chàng vì sự sắt đá ấy.)

Mới có một hai tuần trôi qua mà nàng công chúa đó như đã sống qua cả mấy kiếp người. Nàng vứt bỏ những đồ trang sức, vứt bỏ xiêm y lộng lẫy của cái cuộc sống đã từ chối nàng và đi vào rừng với trái tim đã trở nên cứng rắn. Nàng không còn nghĩ đến lụa là, ngai vàng, hoa, và con cái nữa; khi Bheeshma khinh thường sự dâng hiến của nàng, nàng đã quẳng cái số phận đàn bà của nàng đi rồi. Giờ nàng chỉ còn là đàn bà trên danh nghĩa mà thôi.

Sự cứng rắn kết thành thù hận chính là đứa con của những người đàn ông đã từ chối nàng. Nàng nuôi dưỡng cái thứ độc hại ngọt ngào đó để sau này nó phục vụ nàng, thỏa mãn khao khát của nàng, và bao bọc cho cái thứ thích thú với mọi dạng thối rửa ấy.

Chìm trong khao khát trả thù vô độ, Amba ở biệt trong rừng suốt nhiều năm, coi hận thù là người bạn trung thành. Nó soi đường cho nàng trong những đêm tối tăm nhất, lạnh lẽo nhất, quẩn quýt bên nàng, đáng sợ hơn cả con rắn đáng sợ nhất.

Khi nàng, với nghị lực phi thường, đã chống chọi sự hành xác sám hối lên ngày tháng của mình; rút cái chất đắng từ vú nàng dâng cho ngọn lửa; làm cho ngọn lửa trong con người nàng bùng lên dữ dội đến nỗi rừng đêm cũng phải rên rỉ vì những vết thương đang thối rửa, Amba cầm một tràng hoa kết bằng những bông hoa đầu lân tươi rồi đi gặp thần Shiva.

Thần Shiva nhìn thấy khao khát báo thù chất chứa trong đôi mắt nàng; thần biết mục tiêu của nàng là gì. Thần cầm lấy tràng hoa, bằng một động tác thật cẩn thận, thật cẩn thận, bởi

vì những ngón tay của thần chạm vào thứ gì là thứ đó bị thiêu thành tro, rồi thần hứa sẽ giúp Amba báo thù. Bất cứ ai đeo tràng hoa này người đó sẽ giết chết Bheeshma, thần nói.

Amba tìm đến những cung điện của những vị vua nổi tiếng vì lòng dũng cảm và thuyết phục họ nhận tràng hoa hủy diệt của nàng. Nhưng không một ai dám gây chiến với Bheeshma, cho dù có vũ khí của thần Shiva trợ giúp. Amba không bao giờ hiểu được chẳng? Nàng ném tràng hoa xuống chân cây cột trong cung điện của vua Drupada và dùng dùng bỏ đi tìm gặp cái chết mà người ta đã gán cho nàng từ lâu. Nàng chết trong rừng, trong đơn độc, trái tim nàng, những gì còn lại của nó, vỡ thành những viên đá nhỏ.

Những bông hoa nàng áp lên ngực, đứa con của sự hận thù chi phối tất cả, vẫn sống. Amba tái sinh thành con gái của Drupada, một người con gái được nuôi nấng như một đứa con trai.

(‘Tại sao?’

‘Liệu một đứa con gái được nuôi nấng như một đứa con gái có thể trở thành một người đàn ông được không chứ?’)

Thời gian trôi đi, nàng trở thành một người đàn ông, và với vòng hoa của Amba trên cổ, và người đàn bà trong thân thể của một người đàn ông ấy đi tới những miền đất của xứ Kurukshetra để ném vị ngọt của máu người yêu trong trận quyết đấu.

Bà của tôi có biết bà đang nói gì hay không? Trong những năm ở trên ngưỡng cửa của sự già yếu – bà tôi đã tập hợp thêm vào tuổi già của mình những người tị nạn bị tổn thương, bố thí cho họ thật nhiều-những câu chuyện của bà đạt đến độ cao

ngắt ngưỡng của sự tưởng tượng. Thời gian bà tôi sắp mất, bà tạo cho tôi một món quà của sự tưởng tượng cuối cùng: một người đàn bà khao khát báo thù trở thành đàn ông qua sám hối. Sự khác nhau giữa Amba và một người phụ nữ tầm thường ở ngoài đời như chị Uma, nằm ở sức ôm giữ nỗi đau, ôm giữ sự không chắc chắn, và tôi luyện cái thứ hỗn hợp đó qua việc hành xác. Bất cứ thứ gì thu được, dù khát máu hay hận thù, cũng là phần được chưng cất của vận may. Không nữ anh hùng nào chết mà không có sự phản kháng mang tính hủy diệt đầy sức mạnh để lại dấu ấn của nó, để lại một sự tưởng nhớ cho người sẽ tranh đấu sau mình.

Tôi sợ cái cuộc hôn nhân của Uma, nhưng tôi cũng khiếp nàng Amba đầy hận thù.

Câu chuyện về Amba, hay có lẽ là chuyện của Uma, đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi, giống như một bộ phim kinh dị hấp dẫn, và tôi càng ngày càng hay mơ màng nghĩ đến những người đàn bà báo thù.

Hè lại hè ở cùng bà mình, tôi đã biết được sức mạnh bao trùm tất cả của các vị nam thần và nữ thần.

Tôi nghe nói, vị thần này hoặc vị thần khác dõi theo bước đi của bạn. Có một vị thần chuyên làm công việc ghi chép tất cả những cái tên lên những tàu lá sen bằng một chiếc bút làm bằng thân cây sậy. Tuy nhiên, để được các vị thần chú ý, để được chọn làm người đấu tranh, bạn phải là một nữ anh hùng hoặc kẻ xấu xa. Hoặc là phải đẹp. Tôi thì không đẹp, cánh tay, và cẳng chân tôi chìa ra từ thân mình gầy gò chẳng khác gì những chiếc que đan. Bạn phải cực kỳ mong muốn, nhắm mắt lại và suy tưởng, gọi được một vị thần hiện ra bằng sức mạnh của sự thôi thúc không thể nén lại được.

Nếu bạn có đủ mong muốn, thì đó là một kiểu sám hối. Các vị thần ưa thích những người tu khổ hạnh tự giam mình trong hang sâu rừng thẳm để cho rắn và kiến xây tổ của chúng quanh thân thể rỉ máu vô dụng của mình. Sự thôi thúc trong tôi phát triển thật sâu, đến nỗi mắt tôi chìm trong những hang hốc của nó. Tóc tôi xỏa sượt, bóng dầu, không được gội, những sợi tóc thiếu sự sống. Tôi nhìn đắm đắm về phía chân trời chờ đợi một dấu hiệu. Khi dấu hiệu ấy xuất hiện, tôi nhận ra ngay lập tức, và tôi chạy về phía nó không cần suy tính một giây.

Tất nhiên, tôi phải đáp lại những năm nuôi dưỡng trọn vẹn và quá ư đầy đủ mà bà tôi dành cho tôi bằng câu chuyện của riêng tôi. Tôi không thể cứ nghe những câu chuyện của bà hết năm này sang năm khác, những câu chuyện về thế giới đàn bà mà tôi sắp bước vào, mà không lách mình vào thế giới tưởng tượng ấy.

Tôi sống cuộc đời bí mật của riêng tôi: tôi trở thành một nữ chiến binh, một nữ anh hùng. Tôi là Devi. Tôi cười hổ, chặt đầu những con quỷ xấu xa hiểm ác.

Với nhãn quan phi thường có được nhờ khát khao mãnh liệt, tôi nhìn thấy trong bụi cây bên cạnh mình một thứ quả lạ phát ra hào quang. Nó có sắc đỏ của máu và sờ vào nó tôi có cảm giác của da thịt tươi mát và ẩm ướt. Tôi cắn một miếng thật sâu, và khi cắn gần tới nhân của nó, tôi nghe thấy một giọng nói vang lên: “Con sẵn sàng chưa?” Tôi cuống quýt gạt đầu, và thứ nước của quả đó chảy xuống cằm tôi.

Sau đó tôi bị cuốn lên một chiếc xe ngựa trông giống như một con chim đại bàng và chiếc xe đó, nhanh hơn cả gió, bay vào những đám mây đầy cuộn cuộn. Tôi nghệt thở trước vẻ rực rỡ

của bầu trời và gió. Nhưng rồi tôi lấy lại được nhịp thở khi chiếc xe lao vào một đường hầm tối giữa những đám mây, và đến cuối đường hầm chiếc xe đó đột ngột dừng lại.

Một bàn tay ân cần đỡ tôi xuống xe. Tôi nhìn lên người giúp tôi. Đó là một người đàn bà có vóc người to lớn, đẹp, nhưng có tứ chi khỏe như tứ chi của một con bò đực. Bà ấy dẫn tôi đến nơi ở ẩn trên núi, một cái lều cỏ đơn sơ nằm kề bên một con suối quanh năm chảy róc rách trong gió nhẹ. Bà ấy bảo tôi hãy nghỉ ngơi sau một hành trình dài. Bà ấy rửa chân cho tôi bằng nước thơm, và đưa cho tôi một bát rượu trong vắt bảo tôi uống. Tôi cảm thấy thật khỏe, không mệt mỏi, hoàn toàn khỏe khoắn.

- Con không đẹp, nhưng trái tim con đập mạnh mẽ trong cơ thể bé nhỏ yếu ớt này, -bà ấy nói. -Con có muốn ta làm người hướng dẫn cho con không?

Tôi cúi mình chạm vào chân bà ấy thể hiện lòng tôn kính. Bà ấy đỡ tôi dậy và nói.

-Tốt, ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu. Nhưng hãy nhớ, con phải chịu đựng những cực khổ đau đớn mà con chưa từng tưởng tượng nổi.

Bà ấy chỉ cho tôi chỗ ngủ, một cái chiếu làm bằng sậy được trải cạnh ô cửa để ngủ. Tôi nằm xuống và ngắm cảnh đêm lung linh ở bên dưới. Tôi lắng nghe tiếng thì thầm của dòng suối, và ngủ thiếp đi trong giấc ngủ sâu không có bóng dáng của giấc mơ.

Sáng hôm sau bà ấy đưa cho tôi vũ khí đầu tiên, một cung tên với dây cung thật mảnh, căng tới độ chạm và nó người ta có cảm giác như chạm vào lưỡi dao cạo.

-Vũ khí này rất dễ gãy, con phải học cách sử dụng nó một cách thật khéo léo và mưu trí, -người đàn bà to lớn nói, và chỉ cho tôi cách bắn tên thật thẳng và chắc, thật khéo để con mắt người khác không thể nhìn thấy mũi tên cho tới khi nó cắm trúng đích.

Tay tôi rớm máu. Lưng tôi đau vì phải đứng thẳng với cái dạ dày trống rỗng. Vai tôi phồng rộp, bỏng rát.

-Tập trung. Nghĩ. Trù tính. Rồi nhắm đích, -bà ấy nói.

Sau nhiều tháng vất sức ra mà luyện tập, tôi đã học được thuật bắn cung lợi hại, nhanh hơn cả cái chớp mắt của một con quỳ. Sau đó bà ấy đưa cho tôi một chiếc dùi cui, một vòng xích sắt, một chiếc đĩa ném ra lửa. Tôi làm quen với từng thứ một và dần dần tôi sử dụng thành thạo tất cả những thứ vũ khí đó.

Theo tháng năm những vũ khí của tôi được chất cao thành đống, và cơ thể tôi cũng phát triển rất nhanh mặc dầu hàng ngày tôi chỉ ăn thứ thức ăn đạm bạc của người ẩn dật đó; người tôi giờ đầy đặn, rắn chắc và chai sạn. Da tôi dày thêm ba lớp, bảo vệ tôi khỏi cái nóng, cái lạnh cũng như con mắt của quỳ dữ.

Khi tôi đã có thể bắn chết một con hổ đang chạy trước mắt; khi tôi đã có thể vung dùi cui và vòng xích sắt đập vỡ sọ một con lợn nòi hung hăng; khi tôi đã có thể ném chiếc đĩa lửa thật xa, thật xa tới những ngọn núi nơi sinh sống của những con vật hoang dã, khi tôi đã làm được tất cả những việc đó, người đàn bà to lớn ấy tắm cho tôi như tắm cho một đứa trẻ và mặc cho tôi một bộ áo giáp óng ánh không gì có thể xuyên thủng. Bà ấy đưa cho tôi một chiếc áo chên có đính những chiếc gương nhỏ xíu và dặn: “Khi nào những vũ khí khác của con

không có tác dụng, con hãy mặc chiếc áo này vào.”

Tôi quỳ sụp xuống chân bà ấy mà chào từ biệt.

-Mau đi đi con, -bà ấy nói, và khi bà ấy nói những lời ấy, con suốt im bất thối không rách rách nữa, còn cái lều cỏ, nhà của tôi trong những năm tháng khó khăn và khổ hạnh bỗng biến mất.

Tôi gặp kẻ thù đầu tiên vào đúng cái ngày hôm ấy khi tôi vừa khoác lên mình bộ áo giáp óng ánh dài chấm đất. Tôi nhìn quanh những đồng cỏ khô, những cánh đồng mơn mớn xanh sau trận mưa, và tôi nghe thấy từ phía xa xa những âm thanh quen thuộc hứa hẹn chuyến hồi hương vui vẻ.

Rồi với con mắt tinh nhanh của người đi săn, tôi phát hiện ra kẻ thù ở phía trước. Hắn trông dễ tính và thô lậu đến nỗi tôi không nhận được cười. Hắn là một gã đàn ông béo ị, tham lam, thường bắt các cô gái làng trong trắng nhốt vào gian nhà bí mật của hắn. Hắn cười lên từng cô, từng cô, cái bụng phệ của hắn đè lên người họ. Tôi gặp hắn, mặt đối mặt, khi hắn vừa từ nơi giam giữ tù nhân của hắn bước ra với vẻ mặt đầy thỏa mãn. Chỉ cần một cú ra đòn với chiếc vòng xích sắt và chùm gai nhọn như lưỡi mác tôi đã làm cho đầu hắn rụng xuống, phọt máu trước mặt tôi.

Tôi, một người đàn bà được ngụy trang bởi tấm áo giáp, đi hết nơi này đến nơi khác và ở chỗ này tôi để lại dấu ấn trên thi thể của một kẻ độc ác, ở chỗ kia tôi phóng mũi tên trúng mắt một con quỷ. Sau một thời gian, những người đàn ông thì thầm với nhau về vết máu tôi để lại trên đường đi. Họ gọi tôi là hiện thân của thần Durga, xuống trần thế trừ bỏ những kẻ tham lam độc ác.

Tôi trở nên nổi tiếng, một người đàn bà được nhiều đàn ông theo đuổi hơn cả những tiên nữ dễ thương nhất có bộ ngực đầy đặn và cách ăn mặc gợi cảm. Những người đàn ông dám đưa những lời thì thầm này đến tai tôi.

-Đến đây với chúng tôi, -mấy người trong bọn họ nói. -Chúng tôi sẽ là những chiến binh trung thành của nàng, chúng tôi sẽ xúc dầu thánh cho nàng, nữ hoàng ạ.

Nhưng trái tim tôi, trái tim trong sáng như dòng suối chảy qua căn lều tranh của người đàn bà to lớn, hắt toẹt những lời mời mọc nịnh hót ấy đi. Tôi nhìn xa ra phía trước, nhìn thẳng tới những ngọn núi, và tôi nhìn thấy một chàng trai trẻ miến sơn cước với đôi cánh tay săn chắc và lạnh lẽo. Tôi tìm đến với chàng trong bộ áo giáp còn vương vết máu của những cuộc báo thù. Chàng còn trẻ nhưng đã có được sự khôn ngoan và từng trải nhờ những năm tu luyện nơi rừng sâu núi thẳm, và vừa nhìn thấy khuôn mặt dạn dày sương gió của tôi, chàng vội quỳ xuống và gọi tôi là nữ thần của chàng.

Chúng tôi sống với nhau mười năm một ngày. Tôi sinh cho chàng những đứa con trai mạnh mẽ và những đứa con gái còn mạnh mẽ hơn, những đứa con vừa được cắt rốn đã biết nhảy nhót trên đôi chân của mình. Bộ áo giáp của tôi được xếp lại, người đàn bà trong tôi phát triển đầy đủ với sự mềm dẻo, già dặn khiến cho tầm nhìn của tôi không chỉ tinh nhạy mà còn sắc bén.

Chồng tôi là một hiệp sĩ trung thành. Chúng tôi là một đôi hoàn hảo, cùng nhau đi lang thang quanh các khe núi cả ngày, vai người này là chỗ tựa cho người kia. Ban đêm, khi các con của chúng tôi ngủ say quanh đồng lửa, chàng lấy cây sáo trúc ra thổi và cây sáo ấy phát ra thứ âm thanh cao vút, vang xa

xuyên tới tận thung sâu và động thẳm nơi trú ngụ của những ác thú rừng hoang. Tôi may cho mỗi đứa con của tôi hai bộ áo giáp với những màu sắc lấp lánh dưới ánh trăng.

Khi đứa con gái út cầu xin tôi cho nó xuống thung lũng với các anh của nó, tôi đã bị khuất phục trước sự kỳ vọng khát khao mới của người đàn bà trong tôi, và tôi đã đồng ý. Con gái tôi lên đường như một con bướm non hăm hở, bộ áo giáp màu hồng của nó óng ánh tựa đôi cánh mang sắc cầu vồng. Nhưng nó còn quá trẻ; quá non nớt để thoát khỏi những hiểm nguy của thung lũng. Nó trở về với chúng tôi, tả tơi, suy sụp như một con búp bê làm bằng vải vụn ở trong tay của một kẻ cướp thả.

Chồng tôi cầm cây thương và cây roi sắt của chàng lên, nhưng tôi ngăn chàng lại. Tôi phải đền đáp công lao của người trước kia đã huấn luyện tôi; phải an ủi bà ấy bằng chính bàn tay nắm lại thành nắm đấm, bằng chính máu của mình.

Tôi lại lên đường, một mình, trong bộ áo giáp cũ giờ đã trở nên vừa khít với cơ thể đã phát triển đầy đủ của tôi. Tôi gặp kẻ thù của mình, lần này không phải là một bị thịt lưỡi nhác, mà là một kẻ hung hiểm có thân hình rắn như thép và hấn đứng đó trắng tráo gồng các cơ bắp, phô ra sự vững vàng, nhe hàm răng nhọn trong khi hấn ném về phía tôi tiếng cười man dại đầy thách thức.

Tôi và hấn giao chiến nhiều ngày trên bình nguyên khô cằn dưới núi, bên này quyết lấy máu của bên kia. Khi thì một mũi tên bay qua, bay thẳng và lợi hại như một mũi tên tẩm thuốc độc. Khi thì không gian rung chuyển bởi những tiếng kêu thét kinh hoàng, căm hờn, phẫn nộ. Khi thì máu chảy lai láng giữa những mảng thịt, những ngón chân bị cắt đứt.

Tôi quyết chiến với hấn như một con sư tử cái vừa xống chuồng sau nhiều năm bị nhốt. Bờm của tôi bay ngược về phía sau như lá quân kì, và khi gió giận dữ thổi qua, bờm của tôi phát ra âm thanh vang vọng như tiếng tù và thiêng liêng của một chiến binh chiến đấu vì lẽ phải.

Tôi bắn đi năm mũi tên với tốc độ mắt thường không thể nhìn theo được; tôi ném cái đĩa lửa trung thành; tôi vung chiếc dùi cui có thể làm tóa máu nhằm vào cái đầu tóc xoắn dày của hấn. Tôi vừa chớp chớp mắt để xua bụi, thì lập tức hấn mọc ra hai cái sừng và cái đuôi dài. Hấn tấn công tôi như một con bò đực điên cuồng, đuôi hấn quất qua quất lại như một ngọn roi.

Tôi quăng cái thòng lọng làm bằng đuôi của một con sư tử ăn thịt người về phía hấn. Tôi trông được thòng lọng quanh ngực hấn, nhưng hấn nhanh tay cắt đứt nó thành mấy đoạn. Chúng tôi tiếp tục quyết đấu, và khi vũ khí của tôi và vũ khí của hấn rơi xuống đất, hấn đánh nhau tay bo với tôi. Tôi và hấn vật nhau trong màn bụi, mồ hôi của chúng tôi trộn lẫn với máu và những tiếng gầm gừ. Rồi hấn giật được áo giáp của tôi đúng lúc tôi móc được mắt hấn. Bị mù càng khiến hấn thêm tức điên, và thế là hấn dùng bàn tay to khỏe vặn cổ tôi, nghiêng răng mà vặn. Tôi nghẹt thở, không gian toàn một màu xám mù mịt, và tôi biết đã đến lúc rồi. Tôi cười thành tiếng, nói líu nhíu trong niềm say mê tuyệt vọng. Với chút sức lực khiêm tốn còn lại trong tay, tôi rút con dao trông giống như cái đinh ba của Thần Biển được giấu trong áo chèn ra. Con dao nhỏ, sắc, nhọn: món quà chia tay từ người thầy của tôi, thứ vũ khí cuối cùng được giấu trong chiếc túi bí mật của áo chèn.

Khi sự sống đang từ từ rời bỏ tôi qua những cơn thổ hắt ra, mục tiêu của tôi là cổ hấn, và tôi cắt đầu hấn bằng một động tác nhanh như tên bắn. Sau đó tôi nằm vật ra, hoàn toàn kiệt

sức, hoàn toàn tự do, và tôi nhìn lên bầu trời lần cuối, nhìn lên ngôi sao lẻ loi sáng lấp lánh trước khi tôi nhắm mắt và chìm vào giấc ngủ sâu với nụ cười trên môi.

Mẹ tôi đã không bước vào cuộc sống cao quý của những vị thần. Bà khó chịu với đôi mắt tôi lúc nào cũng mơ màng tìm kiếm thứ gì đó bên ngoài cõi thế tục, bên ngoài thế giới thực mà bà đã sắp đặt cẩn chu, gọn gàng xung quanh tôi. Bà nói với bố tôi: “Thế là quá đủ rồi. Những cuốn truyện tranh của anh, những chuyện hoang đường ngớ ngẩn về thần tiên của con bé. Tôi không muốn có thêm những chuyện hoang đường ấy. Con bé sắp thành một người đàn bà rồi, giờ nó không được mơ mộng hão huyền nữa.”

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà tôi còn sống là khi tôi vừa bước sang tuổi mười sáu. Trước đó tôi đã không còn muốn ở quê với bà tôi suốt cả mùa hè nữa. Ở đó tôi không được để cho yên lấy một phút; mọi người không ngừng moi móc những bí mật mới, những bí mật thời thiếu nữ của tôi. Nhưng chúng tôi phải đến bởi vì bà tôi quá già, quá yếu và quá cô đơn. Đôi mắt bà dõi theo tôi trong khi bà nằm trên giường, im lìm, yếu ớt và tiểu tụy, và bà không còn là người bạn già tôi rất yêu nữa.

Tôi trốn khỏi bà, tôi ở cả ngày bên nhà hàng xóm, và trở về rón rón rén rén chỉ mong bà đã ngủ. Thường thì bà tôi đã ngủ, nhưng đôi khi bà thều thào gọi tên tôi, và thế là tôi bị tóm. Năm đó khi chúng tôi ở nhà bà ra đi, bà tôi choàng lên những bím tóc của tôi một chuỗi hoa nhài thật dài. Bà bảo đó là lời chúc phúc của bà, là tình yêu của người mẹ sẽ bảo vệ tôi mỗi khi linh hồn tôi gặp nguy. Hai tuần sau chúng tôi nhận được một bức điện mà chúng tôi biết thế nào rồi cũng tới, và bà tôi đã qua đời.

Sau đó, tất cả bắt đầu thay đổi. Tôi chuyển vào sống trong kí túc xá của trường đại học, rồi sang Mỹ, trong khi bố mẹ tôi đi châu Phi năm năm. Chúng tôi không bao giờ còn có một gia đình nữa. Bố tôi mất ngay trong cơn đau tim đầu tiên, và mẹ tôi trở về một mình sắp xếp căn nhà bên bờ biển ở Madras. Bà trở nên lãnh đạm, thậm chí không kể cho tôi biết bố tôi đã chết như thế nào, và tôi phải tự mình dựng lại những giờ lâm chung của bố tôi bằng những chi tiết kỳ cục hé lộ một cách bất ứng.

Gương mặt hiền từ nhưng xa cách của bố tôi, đôi tay rộng đã giữ tôi bằng sự cương quyết giả tạo, cái nhìn để lộ một cuộc sống vượt ra ngoài những nhu cầu dò dẫm tìm tình yêu của tôi-tất cả những thứ đó trở thành chất liệu cho những giấc mơ của tôi, những hình ảnh tiếp nhiên liệu cho những chuyện tưởng tượng của tôi bùng cháy hằng đêm.

Tôi thường mơ về một người anh hùng giống như thánh thần, một người anh hùng bay êm ru trong bầu trời đêm, ân cần hướng dẫn tôi khi chàng nhận thấy tôi khao khát được bay cùng chàng. Tôi cũng hay gặp những ác mộng, trong đó chúng tôi đang bay cùng nhau thì đột nhiên phải dừng lại. Chàng hoặc là tôi, chàng và tôi, bị thương và rơi xuống, rơi xuống, rồi tôi tỉnh giấc trong cơn hoảng sợ khiến tôi ớn lạnh.

PHẦN HAI

1

Hai tuần ở nhà mới của tôi trên đường Phụng Tím. Mahesh và tôi có một phòng trên gác, rộng và thoáng gió với những ô cửa kính thỉnh thoảng lại được những cây phượng tím xum xuê trong vườn chạm nhẹ vào. Căn nhà mang đậm nét riêng của nó. Không thứ gì ở đây đối xứng hay giống nhau; không

thứ gì được tạo ra vì vẻ đẹp đơn thuần. Một khu vườn rộng với những cây cổ thụ bao quanh ngôi nhà, được vây lại bằng một bức tường phủ đầy dây thường xuân. Những căn phòng ở tầng dưới giống như những hang sâu, tối tăm và lạnh lẽo có trần cao và sàn được trang trí bằng những tấm tranh khảm màu đỏ và xanh lá cây đã mòn vì bị nhiều thế hệ giẫm chân lên. Các phòng đó dẫn ra vu vơ, phòng này tiếp nối phòng khác, một số bị bỏ không. Tôi thấy khó mà tin được rằng tất cả các phòng ấy đã từng có người ở, rằng chúng đã từng chứng kiến sự ồn ã của một gia đình với nhiều thế hệ cùng chung sống.

Chỉ một phòng duy nhất ở tầng dưới là có vẻ thân thiện. Đó là nơi ẩn dật của ông bố chồng già của tôi. Những nơi còn lại trong ngôi nhà không được cần đến, không được trông nom, và đã nhiều năm rồi bà già Mayamm chịu trách nhiệm cai quản những góc ngách đó. Bà ấy tiếp nhận tôi trên bậc cửa, một bà già nhỏ thó, không cười, đứng lấp ló sau lưng ông bố chồng hồ hởi của tôi. Tôi gọi bố chồng là Baba. Tôi chưa nghĩ đến việc sẽ gọi bà già ấy là gì. Trước đó khi nghe người ta nói tôi không có mẹ chồng, tôi đã cảm thấy một cảm giác nhẹ nhõm không thể tha thứ được. Giờ nhìn khuôn mặt nhăn nhó của bà Mayamm, tôi không khỏi ngại.

Phải mất ít nhất một tuần tôi mới thuộc đường đi lối lại trong nhà và có thể đi từ phòng này sang phòng khác mà không phải xin lỗi những hàng dài tổ tiên được đóng khung trên các bức tường vì đã xâm phạm sự riêng tư của họ. Trông họ mạnh mẽ, dữ tợn như thể đã sẵn sàng cho cuộc sống cô đơn.

Đã có tối tôi và Mahesh ngồi uống trà trong sân vườn và nói chuyện rất lâu. Sau khi chúng tôi cưới nhau, trong suốt nhiều tuần anh là một người lạ lịch lãm. Tôi không thể không khâm phục sự tự kiểm chế, sự độc lập của anh, những điều cho thấy

anh quan niệm hôn nhân là một sự cần thiết, một mốc quan trọng như bất cứ người nào khác. Hôn nhân là một canh bạc, anh nói vậy. Bạn phải lường trước được những điều có thể xảy ra, càng lường trước được bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, và phải thích ứng với các hậu quả. Những lúc gần gũi thì anh nói thế. Những lúc khác anh không tin vào chuyện nói “nếu” và “nhưng”, chỉ ít là với vợ anh. Anh bảo tất cả những gì mà phát sinh quá nhiều cảm xúc thì đều là buông thả. Nó không hợp với tính cách Ấn Độ.

Tôi nhận thấy rằng càng ngày tôi càng khó có thể kìm nén nỗi mong muốn được nói với anh rằng: Vâng, chúng ta đã nói quá đủ về công việc của anh, về thành phố của anh, về công ty của anh. Một cuộc hôn nhân không thể bị thúc ép xảy ra một cách đột nhiên, nó phải được phát triển một cách dần dần, giống như một cây non mỏng manh nhưng đầy hứa hẹn. Chúng ta thì sao? Chúng ta sẽ tạo nên cuộc sống kiểu gì đây? Đường như là quá ngốc nghếch, quá rồ dại khi đặt ra những câu hỏi như thế với cái người lạ hữu lý này người đã kiểm tra cẩn thận rồi, đã trải nghiệm rồi, đã khảo sát tỉ mỉ rồi, và giờ đã sẵn sàng gây dựng một thứ mong manh và non nớt như cuộc hôn nhân của chúng tôi. Liệu với con mắt sắc sảo của một nhà kinh doanh, với tất cả khả năng tinh nhạy của mình, anh lại có thể thiếu óc phán đoán? Anh không nhận thấy rằng còn quá sớm để kê cao gối mà ngủ? Anh không nhận thấy còn quá sớm cho thói quen bầu bạn hay sao?

Vài ngày trước đám cưới, tôi bỗng cảm thấy hoảng sợ. Người đàn ông này, người sẽ ôm tôi trong tay đêm đêm, là ai? Những câu chuyện đáng sợ về thói dâm dục thú vật, mù quáng, trụy lạc và những câu chuyện về chứng liệt dương đều làm tôi sợ như nhau. Nhưng những giờ tôi tỉnh táo –tôi ngờ rằng đây là một phần kế hoạch của mẹ tôi – tôi đều bị những chi tiết lễ

lạt tưng bừng làm cho huyền não đến nỗi tôi tự giận những nỗi sợ ấy.

Một tháng sau, nhìn chồng tôi đung đưa cây gậy đánh gôn, nhíu mày trong sự tập trung cao độ, tôi bỗng thấy sững sốt vì sự cả gan của mình. Sự cả tin, ngốc nghếch, hay sự can đảm đến liều lĩnh đã khiến tôi chấp nhận mối quan hệ thân thiết này? Tôi cảm thấy tôi đã thoát hiểm trong gang tấc. Không, Mahesh không phải là một kẻ trụy lạc, cũng không phải là một người đàn ông bất lực. Đền tất là anh ngọt ngào, tự tin, không chút xấu hổ về những nhu cầu và ham muốn của cơ thể mình. Còn tôi-không hoàn toàn ngây thơ mà cũng chẳng thành thạo-lúng túng hưởng ứng, lúng túng chấp nhận những nghi thức ban đêm.

Do khuôn khổ có hạn của Tạp chí, BTT rất lấy làm tiếc phải lược bỏ một phần của chương 1 và chương 2, phần II. Dù đây là đoạn văn chương rất hay, những trang miêu tả cảnh người vợ Ấn Độ đặc trưng: Được chồng nuôi, chỉ có bốn phận là sinh con, nuôi con và chờ chồng từ nhiệm sở, từ các chuyến công cán dài ngày trở về để làm nốt bốn phận người vợ. Thậm chí, ngay cái việc đã từng du học Mỹ của Devi cũng khiến những bà vợ Ấn kỳ thị như một tội lỗi. Ông bố chồng, giáo viên tiếng Sanskrit đã sang Mỹ thăm cô con gái vừa sinh cháu ngoại. Devi rất cục, phải lòng Gopa gã hàng xóm có giọng hát say đắm. Những cảm giác tội lỗi của người đàn bà hiếm muộn Mayamma mất mười năm sấm hối cầu tự để rồi đứa con cầu tự khiến bà càng thêm bất hạnh. Những cuộc thăm khám bệnh phụ khoa quan liêu, những cái nhìn khinh rẻ và ngờ vực của chồng khiến Devi càng co rúm lại trong mặc cảm có tội. (Bạn sẽ đọc chúng trọn vẹn trên nhavanvatacpham.vn)

PHẦN BA

1

Sita đứng trong vườn, nhìn người làm vườn làm công việc của ông ta.

Cô quạnh, ngôi nhà đang chênh vênh trên bờ của sự trống rỗng. Sita cảm thấy sự bồn chồn, sự bồn chồn chộp lấy bà giữa những kế hoạch, đang phát triển lây lan như một mầm bệnh âm ỉ. Đôi tay nhàn rỗi của bà, tâm trí bà, lang thang đây đó không mục đích, và tạm dừng trước những cánh cửa mà đã từ lâu rồi bà chưa mở ra.

Rồi, giữa những lúc đi đi lại lại, đi đi lại lại trong căn phòng không một vết bẩn của mình, bà đã có lần nhìn ra ngoài cửa sổ. Với đôi mắt giàu kinh nghiệm, bà nhận ra những con ruồi bay vù vù quanh đồng phân compốt, thứ phân sẽ dùng để bón cho những khóm hoa huệ tây khô úa và ủ rữ.

Thất kinh, rồi yên tâm hơn, bà cuống cuống lên kế hoạch cho mấy tuần tới, và nhanh chóng sắp đặt công việc cho người làm vườn.

Trước hết, đồng phân compốt, chính xác rộng ba thước và cao ba thước, sẽ được vây lưới chắn ruồi. Sau đó, dưới sự hướng dẫn của Sita (người thậm chí ăn uống ngay tại vườn), một chiếc ghế xích đu và một hố cát dùng cho trẻ con chơi được khai sinh, và lại được vây và che, lần này là bằng một hàng rào mắt cáo được phủ những dây hoa hồng leo.

Một lối đi dẫn vào sân trong được mở-chỉ rộng vừa đủ cho một chiếc xe ba bánh của trẻ con. Cái lối đi ấy, cái lối đi đã được bày vài chiếc ghế được làm bằng thép không gỉ và những chiếc bàn sơn trắng, được viền bởi những chậu hồng môn, những chậu cọ và môn trường sinh.

Vườn rộng, trông đâu ra đấy. Lối cho xe vào được viền bởi những khóm loa kèn, được trồng cách nhau khoảng một thước và được xén tỉa gọn gàng. Bãi cỏ với đường viền bằng những cây khổ sâm (những chiếc lá quăn quăn và những chiếc lá có hình xoắn ốc màu da cam, vàng, nâu, xanh chấm vàng mọc sát bên những chiếc lá dài mọc xiên lên) tạo ra một nền trang trí tinh tế, đơn giản mà hiệu quả cho cây kim tước cao lớn, đơn độc đứng sừng sững ở một phía của bãi cỏ. Cây kim tước đó được Sita trồng từ lâu lắm rồi, giờ đã trở thành một cái cây phát triển đầy đủ, uy nghi với màn mưa hoa hình nón vàng rực rỡ làm lu mờ gần như tất cả mọi thứ quanh nó.

Những chậu thu hải đường, những chậu dứa cảnh và dương xỉ đẹp đến mức đáng được đưa đi triển lãm, có vị trí nổi bật trong khu vườn. Cứ vài tuần người làm vườn lại thay thế những cây này bằng những giống khỏe hơn được ươm riêng ở một khoảng đất phía sau nhà.

Sita cũng là người sở hữu đáng tự hào của sáu cây kiểng. Cây kiểng mà bà yêu thích, cây phượng vĩ, có những cái rễ buông trong không khí như những sợi tua, bám cheo leo vào một tảng đá nhỏ được đưa về từ một khu vườn ở Nhật. Sita thường nói với khách đến thăm vườn rằng cái cây này ít nhất cũng đã bốn mươi tuổi rồi, chỉ ra búp chứ không ra hoa. Giống như một người đàn bà không sinh con, nó mang dáng vẻ trẻ mãi không già, cùng vẻ thờ ơ vô cảm; những chiếc lá và búp của nó không bao giờ rụng, chúng chỉ bị chiếc xén của người làm vườn cướp đi.

Cuối sân hiên, gần tường nhà, là một bồn nước cảnh được vây quanh bởi những khóm cúc vạn thọ sum xuê. Sita để không bồn nước này trong một thời gian và cứ nửa tháng bà lại cọ

rửa nó một lần. Sau đó, khi đã có nước trong bồn đã trong veo và lặng như mặt gương, bà mới tự tay đổ lọ cá vàng vào bồn tám con cá cảnh cả thấy, mười hai con cá thợ màu xám xịt có nhiệm vụ làm sạch bể.

Bức tường sát bể cá được phủ một lớp dây thường xuân dày. Sita đã cho giật hết dây thường xuân xuống để một cây hoa nhài non có thể leo dễ dàng hơn theo những đường nằm ngang, dài, uốn lượn duyên dáng. Sáng nào cũng vậy, khi uống trà trong sân, bà kiểm tra cây nhài này rất kĩ. Được để mặc cho phát triển theo cách của chúng, nhiều cây leo chẳng mấy lúc đã trở thành những đám dây lá rối rắm, những nhánh non bám, hoặc quấn chặt lấy những nhánh già; lẽ ra những nhánh đó phải được can thiệp, phải được phân vào những không gian thích hợp. Sita bắt đầu bắt những nhánh mới vươn về những hướng thích hợp, ngay trước khi xảy ra khả năng chống đối. Sau đó ngày nào bà cũng kiểm tra xem nó có phát triển theo hướng nằm ngang hay không: một công việc tỉ mỉ và khó khăn, bởi hướng phát triển tự nhiên của cây đó là theo hướng thẳng lên trên chứ không phải theo hướng nằm ngang.

Cái cây non dại và yếu mềm đó, hăm hở để tay người dẫn dắt theo hướng thích hợp, làm thỏa mãn người huấn luyện nó, khiến Sita nhớ tới Devi. Tự tay bà phun thuốc cho cây; mỗi tuần một lần phun thuốc trừ sâu và diệt nấm, mỗi tháng một lần phun thuốc kích thích sinh trưởng. Kết quả thật mỹ mãn: chỉ trong một năm, bức tường đã được tô những nét điểm trang bằng những chiếc lá nhỏ, nhọn, những bông hoa màu ngà, màu sữa e ấp đầy hứa hẹn.

Khu vườn đã như ý muốn của bà. Thư giãn trong sự nghỉ ngơi xứng đáng dành cho mình, bị quyến rũ bởi mùi hương ngọt

ngào lan tỏa trong không khí sau buổi hoàng hôn, trong những lúc không phòng thủ càng ngày càng xảy ra thường xuyên hơn, Sita thấy mình sa vào những vùng cát lầy nguy hiểm. Bà nhận thấy mình không thể nào cưỡng nổi sự cám dỗ của việc hồi tưởng; lần đầu tiên trong đời mình bà chịu thua và hì hục đào bới cái cuộc sống đã trôi qua như thể bị ám ảnh.

Khi Sita trở về nhà trên một chiếc taxi, hàng xóm của bà đổ xô ra cửa sổ nhà họ để chứng kiến sự hồi hương thăm thương của một người đàn bà góa. Sita bước từ trong xe ra, nhỏ nhắn, duyên dáng, tóc ở hai bên thái dương đã ngả màu xám, nhưng vẫn đẹp với cách ăn mặc không chê vào đâu được, đặc biệt là tấm sari lụa màu xanh dương Kanchipuram phản chiếu ánh mặt trời lấp lánh.

Trước đó, tại sân bay, bà đã quan sát thấy cả một đoàn đưa đám đang đợi bà. Gia đình bên nhà chồng, tất nhiên, có mặt cùng với niềm tiếc thương âm ỉ và những lời hứa đầm nước mắt với đại ý rằng họ không đời nào lại để một góa phụ phải thui thủi một mình. Sita vén gọn những sợi tóc bị gió thổi lòa xòa, kéo vạt *pallu* sát quanh vai và bước về phía họ. Bà chào họ với nụ cười trải ra trên đôi môi mỏng sắc nét, rồi bà hỏi thăm từng người, hỏi về đứa cháu nội mới sinh của người này, về chuyện học hành ở trường y của thằng con út của người kia, về chuyện hôn nhân của đứa con gái thứ ba của một người khác.

Họ thấy mình bị dắt mũi; đối tượng mà họ định trút lòng thương hại, sự cảm thông dào dạt của họ vào, đứng đó, mắt tịnh không có dấu hiệu rơi lệ, mỉm cười và trò chuyện như thể đây là một bữa liên hoan dẫn đến một kết thúc êm đẹp không thể tránh khỏi. Kín đáo ra hiệu cho người xách đồ thuê, Sita quay đầu lại nói với mọi người rằng trong vài tuần tới bà sẽ

bận thu xếp chỗ ở. Nhà của cần phải sắp xếp tu sửa nhiều, thế nên còn lâu nữa mới có chỗ ở. Bà gạt sang bên những lời đề nghị hỗ trợ lấy lệ của họ. (Suy cho cùng, Sita là một người họ hàng giàu có kia mà). Họ biết sẽ là thiếu tế nhị nếu đứng ngay tại sân bay mà hỏi về cái chết của người chồng, nhưng Sita đã nói khéo với họ rằng đừng có kéo đến nhà bà thì họ còn biết làm gì kia chứ? Trước khi họ có thể moi được những thông tin cụ thể về cái chết đột ngột, bà đã chui vào taxi, đắc thắng và nhẹ nhõm, giơ tay lên trong một khắc như thể để vẫy chào họ.

Sita ngả lưng vào ghế xe và nhắm mắt lại, khoan khoái vì không bị quấy rầy, thử thách đầu tiên của bà đã trôi qua. May mắn thay, người lái xe thuộc tip người trẻ tuổi rầu rĩ, không thiết nói đến những chuyện vặt như thời tiết, giao thông, hay hỏi han hành trình của khách. Khi chiếc xe lăn bánh trên con đường ven biển tắm trong ánh mặt trời dẫn đến nhà mình, Sita ngồi thẳng lại, tỉnh táo, sẵn sàng cho công việc đang đợi bà ở phía trước.

Cánh cổng đã mở sẵn; bà quả quyết rằng sự trở về của bà, tránh mọi con mắt tò mò của hàng xóm, phải diễn ra thật nhanh. Bức thư bà gửi người trông nhà thuê chứa tất cả những chỉ dẫn đơn giản và rõ ràng. Mua một lít sữa, rau-nửa cân đỗ và nửa cân cà chua, một cân hành, một cân khoai tây. Gạo, đậu lăng, me, và những gia vị cần thiết. Tất cả những thứ đó đều phải được mua vào sáng hôm đó, được gói trong túi nhựa, và được đặt trên chiếc bàn quấy được lau chùi sạch bóng trước khi bà về đến nhà.

Sita chào ông lão bà thuê trông nhà, ông Shiva, trong khi ánh mắt bà phóng ra lối đi dẫn ra vườn, ra mái cổng, ra những cái cây của bà-niềm tự hào và niềm vui của bà-tất cả im lìm nhưng vui mừng, lặng lẽ chờ đợi bàn tay lão luyện của chủ

chúng.

Bà bắt tay ngay vào việc. Bà không tin vào sự mệt mỏi sau một chuyến bay dài cũng như bất cứ loại mệt mỏi nào khác tương tự như thế. Bà kiểm tra tất cả các phòng, trên gác, dưới nhà. Ông lão được thuê trông nhà luẩn quẩn bên cạnh bà, lăm bằm vâng dạ trước một loạt những chỉ dẫn rõ ràng liên quan đến việc tẩy uế dọn dẹp nhà cửa quy mô như thế để đón xuân. Rồi bà quay ra yêu cầu ông già nhắc lại những công việc bà đã giao theo đúng trật tự.

Bốn giờ sau, khi mặt trời bắt đầu trốn xuống biển, Sita vẫn bận rộn với công việc. Những bức rèm trong các phòng ngủ sẽ phải được giặt sạch sẽ và là phẳng phiu; người làm vườn sẽ phải thay chậu cho mấy cây cọ và những cây trong các hành lang dẫn đến các phòng ngủ; sari của bà, những tấm sari đã được là trước khi được đóng gói mang về, sẽ cần phải là lại trước khi được treo vào cái tủ treo áo được trải những chiếc lá xoan đào để ngừa sâu bướm và bọ bạc. Những danh sách dài, dài hết trang này đến trang khác của một cuốn sổ ghi chép, nằm trên mặt bàn bóng loáng vốn là bàn của chồng bà. Ngày mai bà sẽ dọn hết các ngăn kéo và bảo lão Shiva nhóm một đống lửa ở sân sau, tiện đốt luôn cả đám lá khô mà người làm vườn vun lại. Bà tin chắc rằng đám giấy tờ của chồng bà chẳng đáng giữ lại. Chồng bà từng là một người yêu văn học (hai chữ L's viết hoa, Sita lăm bằm, cánh mũi thính nhạy của bà phập phồng tỏ vẻ khinh bỉ), và ông là một độc giả khó tính, trong khi đọc thường ghi ra những điểm lưu ý vào những mẫu giấy nhỏ, hoặc nếu lười lấy giấy, thì ghi ngay ra lề trang sách.

Một tuần sau đó, nhà của đã đâu vào đấy như ý của Sita. Người làm bếp (nấu ngon, nhưng hề không được giám sát là làm ăn mất vệ sinh), đến hai lần một ngày nấu bữa trưa và bữa tối

cho Sita. Sita không bao giờ chịu ăn đồ thừa. Tôi đã ăn đủ đồ thừa cho cả đời rồi, bà nói một cách gay gắt về những năm đầu bà đi làm dâu.

Giỏi thu quên việc gia đình, có óc thẩm mỹ, chăm chỉ. Đó là những phương châm dẫn dắt hành động của Sita khi bà đảm nhận vai trò của một nàng dâu trẻ, một cách chậm rãi, tinh khôn, và kín đáo đến nỗi không một ai hoài nghi có sức mạnh nào đằng sau những nét ngây thơ, dịu dàng, và giọng nói nhỏ nhẹ như thẩm thì của bà.

Chỉ mình Sita biết thứ kỉ luật khắc khe làm nên một người cai quản gia đình hoàn hảo, làm nên một người vợ không chê vào đâu được. Trước khi bà lấy chồng (ở tuổi hai mươi, muộn so với tiêu chuẩn của gia đình), bà đã dốc tất cả năng lượng của mình vào những giờ tập đàn veena. Những người thầy giỏi nhất-những người thầy giỏi nhất mà cái thị trấn nhỏ của bà có thể thu hút được-đã dạy bà tất cả những gì họ biết, và Sita là một học trò thông minh, tiếp thu nhanh, khéo tay và kiên trì. Mỗi ngày Sita luyện đàn ít nhất sáu tiếng, và ban đêm bà ngủ với hai tay giang ra hai bên, những vết chai trên các ngón tay bà được xoa bằng dầu ô-liu ấm.

Vào thời điểm bà gặp người chồng tương lai, Mahadevan, và bố mẹ của ông, bà không chỉ có thể chơi ứng tác các điệu thức *kalpanaswara*, mà cả điệu *alapana*, những thể loại ứng tác được coi là sự khảo sát tỉ mỉ tính tình tế và những sắc thái của một điệu raga.

Cuộc gặp gỡ giữa bà và gia đình Mahadevan thực ra là một buổi biểu diễn âm nhạc mini. Bà bắt đầu bằng màn cầu thần Ganesha, tiếp đó là một khúc *alapana* dài và khoan thai theo điệu *kalyani*. Khi bà chơi một bản *ashtapadi* nói về nỗi cay

đắng ngọt ngào của tình yêu, *nindali chandana*, những người đến xem mặt bà lập tức quên nước da ngăm đen và khuôn mặt nghiêm trang nhìn thẳng vào mắt họ không hề nở nụ cười của bà; họ bị tài năng của bà và vận may của họ áp đảo.

Nhưng chất trữ tình của khúc *sahana*, sự huy hoàng của khúc *bhairavi* và *todi*, tính trọn vẹn của một điệu *raga sampurna* như *shankarabharanam*, không giúp ích được mấy trong việc biến một cô dâu tài năng thành một nàng dâu thực tế, được việc.

Nếu có bài học nào Sita đã thuộc lòng trong những năm luyện đàn, thì đó là bài học này: với sự nhiệt tình nửa vời bạn không thu được kết quả đâu. Run sợ trước những chỗ phồng, những vết chai hay vết rớm máu, thì bạn có thể quên nhạc *raga* nguyên chất và trọn vẹn đi, quên những dây nốt nối tiếp nhau một cách hoàn hảo của nó đi.

Trong mấy năm đầu đi làm dâu Sita tận dụng cái bài học đã thuộc lòng đó của mình. Những giờ đồng hồ mà trước kia bà dành cho cây đàn veena giờ được dùng cho nhà bếp; hay còn gọi là văn phòng nhỏ của bà, (thoạt đầu mọi người gọi đùa như thế), cái buồng kho không có cửa sổ nơi chiều nào bà cũng ngồi dưới ngọn đèn, chăm chú tính toán sổ sách. Với sự tận tụy và chuyên tâm, bà tính toán và lập ra các kế hoạch mà tận nhiều năm sau mới cho kết quả mỹ mãn.

Bà trở thành một chuyên gia điều hành mọi việc, và thậm chí quan trọng hơn, là một chuyên gia nhào nặn thứ đất sét dễ vỡ nứt và nhão nhoét nhất thành những hình thù gây ấn tượng nhất. Hình thù đầu tiên cứ nhằm nhủ bà, một cái đích xa, lơ lửng trên người, chính là kinh tế. Bà nặn thạo nó trước nhất. Mỗi tháng người chồng với những tham vọng văn chương đưa

về cho bà bốn trăm năm mươi rupi nhờ công việc bàn giấy của ông ở một văn phòng thuộc công ty đường sắt. Với số tiền đó, Sita tiết kiệm từng khoản; tiết kiệm một cái bắp cải ở đây, một thìa dầu ăn ở kia, và dành dụm những đồng xu lẻ bỏ vào một cái hộp đựng trà cũ cho đến khi những đồng lẻ ấy nhường chỗ cho những tờ bạc mới cứng, có mệnh giá thoạt đầu là năm, rồi sau đó tăng lên mười.

Tiếp đến là tham vọng. Đây là một điệu *raga* khó thuộc hơn; ở đây Sita chỉ có thể là một người đệm trong buổi biểu diễn đơn của chồng bà mà thôi. Buổi biểu diễn của chồng bà là một buổi hòa nhạc đường như bị định mệnh bắt phải thành ra lan man, khoác lác, để rồi kết thúc một cách thiếu chuyên nghiệp và hết sức tầm thường. Người nhạc trưởng tài giỏi mới nảy nở trong Sita biết giữ thể diện, còn người đệm kín đáo thì chuyển sang giữ vai trò của người chỉ huy dàn nhạc một cách dễ dàng, thuận lợi, chuyển sang làm quân sư đứng đằng sau sự tỏa sáng trên sân khấu của người đồ đệ bắt chước. Mahadevan vốn không phải là một người đàn ông nhu nhược. Ông là một người mơ mộng (ông thích nghĩ mình là một người mơ mộng), người bỗng nhiên choàng tỉnh và nhận thấy điều gây ngạc nhiên mà những người xung quanh ông do bị trói buộc bởi nhận thức thông thường và sự tỉnh táo không thể nắm bắt được.

Vài tháng sau khi họ cưới nhau, một lần đương lúc nửa đêm ông phát hiện thấy Sita vào bếp, ăn như sắp chết đói chỗ cơm thừa của bữa tối. Ông sức hiểu ra rằng vợ ông thèm cơm: Shita vốn luôn được ăn ngày ba bữa cơm nóng sốt. Lấy chồng có nghĩa là Sita phải tập ăn bánh chapati, cái thứ thức ăn bằng bột mì, vón cục chẳng chịu trôi xuống cổ. Chính chi tiết này đã áp đảo Mahadevan. Một người đàn bà không ca thán, một người đàn bà biết cách hy sinh mà không cần phô trương: Sita

là một người đàn bà như vậy, ông nghĩ, và người vợ như Sita đã chiếm được lòng trung thành không lay chuyển của ông. Ông hoàn toàn không hiểu, sau này ông hiểu ra thì đã quá muộn, rằng đó là dạng thức mới đầu của một mối quan hệ bị kẹt cứng trong một cái bẫy. Bạn không tài nào thoát ra khỏi nó mà không gây đau đớn hoặc cho bạn hoặc cho người kia. Sita trong khi đó đã phát hiện ra rằng Mahadevan không thể vỗ cánh mà không nhăn nhó.

Nhưng Sita cần tất cả sức mạnh mà bà huy động được để đối mặt với thử thách lớn lao đang chờ bà ở phía trước. Sau đây sẽ là một con đường thẳng tắp dẫn tới một đích đến duy nhất, làm vợ. Cây đàn veena là người yêu đố kị khác thường của bà.

Thế rồi vào một buổi sáng, sự lựa chọn làm thay đổi cuộc đời bà lên tới thật gần, đột ngột, không một dấu hiệu báo trước, Sita từ bỏ tình yêu của mình. Bà giật tung dây đàn khỏi mặt gỗ, để cho máu khô trên ngón tay nhắc nhở mình về con đường đã được lựa chọn trong những ngày kiêng khem đầy khó khăn đầu tiên.

Khi bà cắt sợi dây bí mật nối mình với quá khứ, cắt những giấc mơ ngớ ngẩn về thiên tài và danh tiếng của thời con gái, bà đã cắt thật gọn, cắt gần như triệt để. Cùng với cây đàn veena mất dây bị buộc phải câm nín, bà dường như quên cả mẹ đẻ, cha đẻ, và những người thầy dạy đàn của bà thuở xưa. Năm thì mười họa bà viết cho họ vài dòng theo tiếng gọi của bốn phận, nhưng bà không bao giờ có thể thu xếp được thời gian thích hợp để thăm lại cái thị trấn nơi họ hiện vẫn đang sống, hay tự cho phép mình được hưởng một hành trình thuần túy trở về cái ngôi nhà nhỏ khép kín với thế giới bên ngoài cũng là cái nơi thừa mứa những kí ức xưa cũ, lỗi thời.

Giờ đây tất cả mọi trò giải trí đều bị xếp xó. Sita tha hồ cầm tay chồng mà dắt đi tới hết sự thăng tiến này đến sự thăng tiến khác, cho tới khi ông chồng lọt hẳn vào trong cái vòng tròn đặc quyền đặc lợi của những nhà quản lý, những người mỗi tháng mang về nhà ba nghìn rupi. Với sự kiên nhẫn vô bờ, bà giải thích cho chồng hiểu rằng đây mới chỉ là nấc thang thấp nhất mà ông phải leo lên. Mahadevan đáng ra sẽ nói gì đó, nhưng ông nhận thấy đôi tay người nghệ sĩ, mềm và mịn vì không được sử dụng mấy. Ông càng ngày càng nói ít, và thay vì nói ông mơ mộng qua những cuộc họp cấp cao kéo dài và ông được tiếng là một người chịu lắng nghe, kín đáo.

Đó là vì cái tiếng thơm ấy-sự thay đổi thú vị từ số đông cứng đầu-hay những bữa tiệc trang nhã của Sita với những chiếc bánh peda tuyệt vời, xinh xinh và giống nhau như đúc, những bữa tiệc mà mọi lời mời đều được sẵn đón một cách nhiệt tình; hoặc có lẽ đó là vì sự may mắn, một ý thích nhất thời không thể giải thích nổi của các vị thần. Nhưng Mahadevan (mười lăm năm sau, rớt cuộc, cũng chỉ là một khúc nhỏ của một cuộc đời thành công), trở thành một người được gọi là ngài một cách chính thức, một người Bà-la-môn giữa những người Bà-la-môn (với dòng máu tinh khiết và một tài khoản ngân hàng đáng để yên tâm), một người có thể liệt kê ra trong danh sách thành tích của mình một chiếc xe hơi mới, một người lái xe riêng, ba người giúp việc trong nhà và một người làm vườn, trường học tốt nhất cho đứa con gái, một khoản trợ cấp dành cho nhà ngụ ngôn già yếu, bà mẹ thích kể chuyện của ông ở quê, một ngôi nhà cổ được nâng cấp, rộng rãi, ngôi nhà mà theo như Sita nói là được chọn mua bởi vì phong cách đặc sắc của nó.

Devi chào đời ở khoảng nào đó quanh nấc thang giữa của Mahadevan. Sita chuyển dạ không một biểu hiện nhăn nhó

trên khuôn mặt; bà vẫn bình thản, một tấm gương kiên nhẫn trong sinh nở khiến vị bác sĩ đỡ dễ cho bà tuyên bố rằng đó là ca dễ nhất mà vị ấy từng gặp. Từ lúc đứa bé được đặt vào tay bà sau khi đã được cắt rốn, Sita từ chối không cho bất cứ y tá nào chạm tay vào con mình. Bà đã tìm được một cây đàn veena mới để chơi, và lần này bà sẽ không chịu từ bỏ một cách dễ dàng.

Nhưng thực tế cho thấy việc nuôi nấng Devi, người được mong đợi sẽ trở thành kẻ đồng lõa, khó khăn hơn cả những giờ học nhạc kéo dài của Sita. Devi là một đứa nhỏ tằm ngấm tằm ngấm. Con bé hay chạy khỏi bàn tay của người mẹ, bàn tay cương quyết và hiểu biết, để trốn vào phòng cha. Con bé cũng hay lên ra sân sau chơi với đám con của mấy người giúp việc. Tệ hơn, nó có thể ngồi cả buổi chiều nói một mình.

Sita không bao giờ có thể trấn áp nổi cảm giác thất vọng khi bà nhìn Devi phát triển thành một đứa con gái mới lớn ăn nói lúng lúng búng búng, mặt đầy mụn trứng cá, mảnh khảnh, vụng về. Người bà cũng mảnh khảnh, nhưng cái mảnh khảnh ở bà là cái mảnh khảnh thanh thoát, lẳn, gọn gàng. Bà chỉ có vừa đủ cơ bắp để làm căng một tấm áo choàng mỏng khít choàng quanh cơ thể thanh mảnh, sắc nét không đâu có chỗ cho sự thừa quá. Cái đẹp của bà nằm ở vẻ nghiêm trang toát ra từ đôi gò má, từ những chỗ hõm vào của đôi vai hẹp, lộ ra từ những đường cong dứt khoát, sắc nét, gần giống như sự quyết định cuối cùng được lựa chọn kĩ càng mà bà quen đưa ra. Cơ thể mảnh khảnh của Devi lại khác. Trông cô xương xẩu, không có những gợi ý cần thiết về những điểm tinh tế mà mắt thường chỉ nhìn thấy phần nào. Cái dáng người cao, gầy của cô hơi lom khom, và, Sita rùng mình, trông gần giống như người mắc bệnh lao. Tóm lại Devi, mặc dầu ít nói và có vẻ có thể điều khiển được, cũng lại là một con một sách và một kẻ mơ mộng,

gần đến độ kì quặc giống như người bố hay lảng tránh của cô.

Sita ghét tất cả mọi ảo tưởng, bất kể ảo tưởng mang hình thức trên người nào. Bà biết ảo tưởng là gì: bà đã tóm nó tận gốc mà giật ra khỏi tâm hồn bà tới mức những cái cuống hấp dẫn của thang âm bảy nốt nhạc cũng phải đứt lìa, vỡ ra, thành một đúm những tiếng tung tung thảm bại. Ngay cả những nốt ù lì, kiên trung như nốt shadja và nốt panchama, cũng bị giật rời ra, bị giật một cách triệt để như những nhịp cầu bị cháy trụi. Giờ đây nữ thần mà bà thờ không còn là nữ thần Sarasvati đã sáng tạo ra cây đàn veena với tất cả nữ tính và sự huyền ảo nữa; vị thần mà bà tôn thờ cười nhạo những con ngựa chiến thực nhất, hữu hình nhất (tuy nhiên hung dữ).

Bằng một bàn tay sắt Sita có thể thống trị, và đã thống trị vương quốc của bà. Bà nghĩ cho tất cả ba người bọn họ; và khi bà có thể nghĩ mà không phạm đến phép tắc, bà hành động vì họ một cách nhanh gọn, quyết đoán, và trên hết, kín đáo. Sự thống trị của bà không phải lúc nào cũng xuôi chèo mát mái; có vô khối những thách thức nho nhỏ. Nhưng cả Devi và Mahadevan đều thành ra những kẻ đồng lõa tinh khôn, ranh mãnh của sự nổi loạn nhằm nhe lòi ra qua những cuốn sách, những giấc mơ giữa ban ngày, những nam thần và nữ thần, những góc bí mật, qua sự mê thích ngây thơ (và vì thế càng nguy hiểm hơn) đối với một người lạ như Annapurna.

Sita dập tắt những ảo tưởng nổi loạn đó bằng những cú ra đòn lão luyện: bà trục xuất tất cả các nam thần và nữ thần về nơi thích hợp của họ, một căn phòng nhỏ với dây bóng đèn sáng choang soi rõ tất tần tạt những bí mật và sự quyến rũ của họ. Bà đuổi khéo Annapurna đi, chu cấp đầy đủ cho cô ta, khiến cho sự quyến rũ của cô ta bị lòng biết ơn của chính cô ta làm cùn đi. Sau đó bà quét sạch mọi góc tối, những buổi chiều im

lìm, những cuốn sách bí mật. Rồi cùng chồng, bà gói gém sang châu Phi làm nhiệm vụ cao cả ở nước bạn, với hành trang gồm đầy đủ các liều vắc-xin phòng bệnh sốt vàng da, phòng bệnh tả và thương hàn, cùng một chiếc hộp bằng bạc chứa những viên thuốc màu xanh dương dùng cho những cơn hoảng loạn của một trái tim yếu ớt. Người còn lại-quá trẻ đối với việc quản lý công khai-được dẫn vào một con đường vòng quanh đến với một chiếc va ly đầy những bằng cấp chói lọi, một vé máy bay và một chuyến bay thẳng dẫn đến một lục địa đủ xa: nước Mỹ.

Ở đó con người trẻ tuổi ấy rồi thì sẽ lại trở thành một người Bà-la-môn thứ thiệt, dưới những tia sáng lành mạnh của mặt trời khoa học, tiết trùng, không hề gợi ý về những kích thước vượt ngoài giá trị danh nghĩa. Ở nơi đó những quái vật đen tối của thế giới Bà-la-môn-các vị thần, những huyền thoại mơ hồ sẽ lùi vào những cảnh dễ quan sát hơn, ít nguy hiểm hơn. Devi sẽ hiểu được rằng mình phải sử dụng những quái vật đó, chứ không phải cho phép chúng lấn át cô bằng những giấc mơ đối trá về máu, những cung điện nguy nga như ở chốn thiên đường và những người đàn bà biến thành đàn ông.

Nhưng Mahedevan mệt mỏi hơn Sita nghĩ. Mới ở tuổi năm mươi ông đã thành ra một người đàn ông rệu rã, ốm yếu. Khi những bánh xe ngừng quay và bàn tay run rẩy chói với của ông trở nên bất động nếu không có những viên thuốc màu xanh dương, ông hầu như không còn thiết tha gì với địa vị của ông, không còn thiết tha gì với người vợ được tôn lên một cách an toàn, chắc chắn bên cạnh ông. Sita tìm thấy chồng trong phòng, trên chiếc ghế quen thuộc của ông, gục đầu trên một tập giấy để trên bàn. Mắt ông nhắm, người ông lạnh. Ngay đến cả cuộc vật lộn cuối cùng với đau đớn ông cũng không cho vợ biết, lảng tránh, keo kiệt đến cùng. Bà khẽ nhấc

đầu ông lên và kéo tập giấy có những dòng lưu ý dành

cho một bài viết về âm nhạc dân gian của người Phi ra. Bà đốt chúng đi trước khi người ta hỏa thiêu thi thể ông một cách nhanh chóng và hiệu quả tại một lò hỏa thiêu hiện đại đảm bảo vệ sinh. Bà dốc cả hai túi tro vào một cái bình và tự mình đặt vé trên chuyến bay đầu tiên về Madras.

Giờ đây tất cả tài năng của bà, tất cả nghị lực được rèn luyện tốt của bà, hoàn toàn phục vụ Devi. Những bức thư của bà, không quá dài, không quá thường xuyên, bay qua đại dương giống như một bùa phép giúp đưa con gái bà trở về với bà.

Sita tin tưởng nhất vào sức mạnh bùa phép của riêng bà. Nhưng giống như tất cả những phù thủy giỏi, bà biết khi nào bà cần một vài kẻ đồng lõa được lựa chọn kỹ lưỡng. Bà tiến hành những cuộc dò la kín đáo, thu thập những lá số tử vi; quan trọng hơn, bà tiến hành một cuộc điều tra tỉ mỉ về tất cả những ứng cử viên mà bà tuyển vào vòng chung kết. Những lá số tử vi đều tốt cả, nhưng đối với Sita, chúng đều chỉ là những đồ dùng sân khấu có thể dùng được mà thôi. Quyết định thực sự, sự lựa chọn, chỉ thuộc về mình bà.

Sân khấu được dựng lên. Những đồ dùng và dàn đồng ca đã sẵn sàng, chỉ còn đợi sự ra hiệu của đạo diễn. Devi, một nữ anh hùng ngây thơ lạc vào kịch bản của Sita mà không hề hay biết, liệu có thể diễn một vở kịch được trải ra để tiết lộ một cuộc sống, một ước nguyện?

Sita tinh khôn đã cho đứa con gái của bà có đủ khoảng riêng để nuông chiều những cơn tức giận chiếu lệ, bé mọn. Sau đó, khi các thầy tu bắt đầu cất lên những câu thần chú du dương, quyến rũ của họ, và khi Mahesh đã ngồi chờ sẵn, bà mới dắt cô con gái khoác tấm lụa vàng lộng lẫy của mình đến bên ngọn lửa mà bà đã cẩn thận thắp lên và thổi thật lực cho tới khi nó

cháy rực trong ánh vàng mãnh liệt. Devi lại bị đóng gói và bị chuyển phát, lần này là tới một địa chỉ cố định.

Giờ đây Sita có thể coi như đời bà gần như đã toàn vẹn; chắc chắn giờ đã quá muộn cho một sự đảo ngược bất ngờ, cũng đã quá muộn cho một sự khởi đầu mới nằm ngoài cái giới hạn mà bà đã thiết lập hoặc cho phép được thiết lập xung quanh bà.

Nhưng Sita cũng cảm thấy buồn về một điều gì đó đã kết thúc, một cảm giác mất mát không ngờ đi kèm với một sứ mệnh đã hoàn tất. Với những năm rèn luyện tích hợp lại, phụng sự bà thật tận tụy, bà buộc mình nhìn về phía trước. Bà cấm tâm trí bà không được trao đổi những kí ức, những lời thú nhận, sự phán xét, và bất cứ gì na ná như thế.

Bằng sự tỉ mỉ chi li thường thấy ở bà, bà chế ngự nó, nén ép nó thành một cơ quan một-quan điểm, không phân đoạn, đơn giản. Bà xén tỉa và thay chậu cho nó một cách hợp lý, như bà thường làm với cây cối của bà, và bà làm việc đó với niềm tin rằng nó sẽ bám đất, cho dù đó là thứ đất cằn của một cuộc đời đã hy sinh quên mình để trở thành một người đàn bà lý tưởng.

Trong tâm trạng lúng lờ bên bờ của sự cam chịu, có lúc vọt lên tới mức điều hòa, Sita không hề chuẩn bị để đón nhận một sự phản bội bất ngờ.

Lời hứa người khác hứa với bà, lời hứa bà tự hứa với mình, đã không được thực hiện. Sau những tháng bật tin, Sita nhận được một bức điện cộc lốc từ Bangalore, không phải của Devi, mà của Mahesh. Devi đã bỏ trốn, chàng rể của bà thông báo. Tất cả những hành động cần thiết đang được tiến hành.

Bà ngồi trong sân cả ngày, nghiêng ngẫm bức điện, đặc biệt là mấy chữ “hành động cần thiết đang được tiến hành”. Liệu Mahesh, ứng cử viên mà bà đã đặt cược vào, có biết điều gì là cần thiết hay không?

Cơ thịnh nộ của Sita không sinh ra từ sự dốt nát hay sự thiếu nhạy cảm. Trong đời mình bà đã thấy rõ tính nhân quả không thể tránh khỏi, sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa hoàn cảnh và những lựa chọn. Bà đã quá quen với sự lựa chọn liều lĩnh của những năm tuổi trẻ, và với những sắc thái tinh lược của sự lựa chọn phải được xử lý, được kiểm soát, trong những năm sau đó.

Khi bà nhận được bức thư trình bày chi tiết sự phản bội của con gái bà, bà giận gần như phát điên. Vậy đây là những gì bà thu hoạch được sau những năm hy sinh, những năm điều khiển cứng rắn đây. Sau tất cả những cuộc cãi vã với chồng về kỉ luật áp dụng đối với đứa con đang lớn, những cuộc cãi vã giành thắng lợi trong sự im lặng, sau những cuộc tranh đấu, và những đêm thao thức nung nấu những kế hoạch chi tiết và thấu đáo, bà đã lựa chọn được cuộc sống tốt nhất cho con gái bà. Và Devi đã làm gì để đáp lại ? Đứa con gái đó đã tự xé vụn danh dự, tên tuổi của mình. Và nó làm thế thì được gì? Một hay hai năm mê đắm trong vòng tay của người tình viễn vông, trong hang ổ của bọn hạ lưu; rồi sau đó là sự mất danh giá khốn khổ khốn nạn, sự tàn tạ nhợt nhúa và bẩn thỉu của một người đàn bà không gốc rễ.

Sita xoa dịu cơn giận, nổi cay đắng của bà, bằng công việc tỉa cây vốn đã được làm quá tỉ mỉ, bằng công việc bếp núc bẩn thỉu và nhếch nhác, bằng sự giao thiệp của bà với những người hàng xóm lắm lời và những ông già dựa vào bà để kiếm miếng ăn qua ngày. Như thế để cảm thông với nỗi giận dữ của

Sita, trời mưa liên cho ba ngày ba đêm. Biển gầm gào trong mưa, và những cơn sóng há miệng, sùi bọt giận dữ, dâng cao tưởng như có thể liếm vào cánh cổng của ngôi nhà mới sơn giờ đây ướt át và lấm tấm những vết bùn bắn lên. Lá dừa rụng bừa bãi khắp lối đi dẫn vào nhà. Những khóm huệ tây viền quanh lối đi bị đất nhão làm nghẹn, những bông hoa yếu ớt cố vươn thẳng lên sau mấy ngày bị mưa quăng quật. Ngay cả những chậu cây cảnh trong sân, thường ngày được xén tỉa tỉ mỉ, được tưới nước cẩn thận, được phun thuốc diệt sâu và thuốc kích thích sinh trưởng, cũng như thể đang mắc chứng khó tiêu-nhiều nước quá, tươi tốt quá nên thành ra có nguy cơ bị thối rữa: khu vườn giờ đây nực mùi của sự chín nẫu, của những thứ bị bỏ thừa, ngọt ngào một cách giả tạo. Những bông hoa với những cái cuống thiếu sức sống giờ là những kẻ sống sót sau vụ đắm tàu của đêm trước.

Nhưng tính kiên cường của Sita là một cây xương rồng trưởng thành có sức phát triển tốt, trơ trơ trước những thay đổi bất thường của thời tiết. Bà đợi mưa tạnh, rồi bà cho người làm bếp và người lái xe nghỉ việc. Bà tự nấu ăn và tự lái xe lấy. Bà viết cho Mahesh-đừng làm ầm ĩ lên-bà cầu xin.

Rồi, sau vòng lau dọn triệt để thứ hai, một mình trong ngôi nhà sạch mùi nước tẩy rửa Dettol, Phenyle, mùi chất đánh bóng, mùi hương trầm và mùi hoa hồng, bà ngồi xuống, vũ trang cho bài rèn tập đau đớn tự xem xét nội tâm. Sẵn sàng cho sự tự kiểm, bà ngồi trước phế tích của mình, cây đàn veena que quặt, bụi bặm, và đợi Devi quay về với bà.

2

Còn chừng một tiếng nữa trời mới sáng và Mayamma cựa mình, rên rĩ, giơ tay đập con muỗi bám gan lì trên mặt bà. Bà

nhìn cái xác muối bé tí, gần như không thể nhìn thấy trên lòng bàn tay. Một vệt máu màu nâu đỏ khiến con muối dính vào lớp da tay vàng vọt của bà.

Bà chậm chạp ngồi dậy, sờ soạng tìm bao diêm trên chiếc kệ liễn tường. Bà thắp đèn lên và thu nhặt những đồ dùng dành cho những công việc của buổi sáng. Một cành neem, một cái xoong nhỏ bằng đồng, một ít đậu lăng, tấm sari mà bà đã giặt và phơi từ đêm trước. Bà bước đi chậm chạp ra giếng ở sân sau, cẩn thận để không đánh rơi những thứ bà đang cầm. Một giờ sau, khi mặt trời, vẫn chưa lộ diện, biến bầu trời thành một màu hồng phơn phớt xanh, bà vẫn đứng bên giếng, mức hết gầu nước này đến gầu nước khác. Mọi thứ đều im lìm; chỉ có sợi dây thừng dày bà kéo qua cái ròng rọc cũ là tạo ra những tiếng cọt kẹt; nước bà mức lên chảy nhỏ giọt xuống giếng phát ra những tiếng tòm nho nhỏ.

Cô có thấy ngày trước người ta đã khâu bao nhiêu lỗ trên mũi, trên tai chúng tôi không? Đây, nhìn này. Một, hai, ba, bốn. Khi tôi lấy chồng, cái khoen đính hồng ngọc và chân trâu lưng láng bên trên môi tôi. Chồng tôi bắt tôi tháo nó ra, bảo rằng nó gây vướng bận cho những cái hôn của hắn.

Mayamma xách nước đổ đầy chiếc phi lớn bằng đồng trong gian phòng tắm ốp đá. Sau đó bà cầm chiếc chổi mỏng quét các bậc cửa. Thứ bột trắng chảy qua kẽ tay bà trong khi bà ngồi tô điểm lại một bức tranh vẽ trên sân với những đường nét phức tạp. Một bông hoa ở giữa, bao quanh là những hình thoi, hình nọ bao quanh hình kia. Tiếp đó là những hình sóng nhỏ viền quanh mỗi khoảng cách chừng một bước chân.

Sau một đêm mưa, buổi sáng thật tươi mát. Tôi cúi xuống tô màu cho bức kolam có hình bông hoa trước cửa nhà và gió

nhẹ đùa trên mái tóc dài, ướt, xoa quanh vai tôi. Sương trong mát và gió nhẹ khiến tôi nhớ đến một bài hát mà mẹ tôi thường hát. Tôi hát khe khẽ, giai điệu của bài hát bay nhẹ nhàng trong gió, lượn theo những đường uốn cong xoáy tít trên mép của từng cánh hoa màu vàng. Vậy là cô đã học được cái thói hát rong rồi đấy nhỉ, ôi chao, cái giọng trơ tráo của cô, một giọng nói khô khốc vang lên sau lưng tôi. Tiếp sau đó tôi bị đá vào hông một cái đau điếng. Đó là chồng tôi, sau một đêm chơi bời đàng điếm trong mưa.

Mayamma cất cái hộp đựng bột trắng vào tủ trong bếp và đi tới phòng cầu nguyện. *Nandadeepa*, ngọn lửa thiêng bắt diệt, cháy một cách từ từ, cái lưỡi của ngọn bắc nhả lửa liếm từng giọt dầu cuối cùng dưới đáy cốc chứa dầu. Bà đổ thêm dầu vào và khum tay che cho ngọn lửa cháy ổn định.

Cái chết là một người bạn cũ. Tôi đã từng nhìn thấy đôi mắt lửa của thần Yama(thần chết). Thần vờn về bộ ria mép rậm của thần với vẻ kiêu ngạo. Người ta nói cô, người đàn bà, có thể đánh lừa bọn đàn ông. Cô cũng có thể đánh lừa cả thần Yama nếu lưỡi của cô biết nhỏ ra những giọt mật ngọt như lưỡi của nữ thần Savitri.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy thần chết là năm tôi vào khoảng bốn hay năm tuổi gì đó. Cái ao làng rất rộng, và một góc ao phủ đầy những bông hoa dạ hương màu xanh tím. Người ta nói nếu cô nhỏ được một bông dạ hương, nguyên vẹn và tươi, thì cô sẽ có một năm toàn gặp may. Nếu cô để chân trần bước vào một bãi phân bò còn mới, thì tóc cô sẽ dài và óng mượt. Nếu cô nghe thấy một con thần lùn gọi bạn tình, thì đó là khoảnh khắc vô giá. Ở cái tuổi đó cô có thể tin bất cứ điều gì cô nghe. Nếu cô nhìn thấy một tổ ong hay một tổ chim sẻ mà không chạm tay vào chúng, thì nhà cô sẽ có sẽ được thánh thần ban

cho nhiều con. Họ nói vậy đấy.

Tôi luôn khao khát có một tương lai tốt đẹp. Đúng là một con bé ngốc nghếch. Vào một buổi chiều tối khi tất cả những người đi tắm đã về nhà hết cả, tôi nhảy lao đầu xuống nước. Tôi tìm thấy một bông hoa dạ hương tuyệt đẹp. Nhưng khi tôi dùng tất cả sức lực để với nó, nó kéo tôi xuống bãi lầy rậm rạp màu xanh tía của nó.

Sau đó bố tôi nhìn thấy tóc tôi nổi phất phơ như một con rắn nước bên trên đám hoa cuống dày. Ôi, thần Yama là một vị thần khôn ngoan, không dễ gặp chút nào!

Mayamma đi vào trong căn bếp tối tăm tựa như một cái hang, những cái bóng đen đen gợi ra hình ảnh của những con chuột và những con gián lén lút. Cách mấy phòng nữa có một căn bếp hiện đại hơn, nhưng nó được trang bị để đón nàng dâu. Không ai, ngay cả nàng dâu, nghĩ đến việc sử dụng căn bếp đó. Mayamma thổi lửa qua cái ống thổi phát ra những tiếng phù phù cho tới khi ngọn lửa cháy to hẳn lên. Khói làm bà ứa nước mắt, bà đun sữa và tự pha cho mình một cốc cà phê đặc, ngọt. Hương vị cà phê thơm nồng làm mặt bà ấm hơn và khi bà cầm cốc cà phê lên, từ từ để môi bà chạm vào nó, cà phê trôi êm êm xuống cái cổ họng khô, đầy hàm ƠN của bà.

Tôi chờ đợi một mụn con trai suốt mười năm đằng đẳng. Năm tháng đến rồi đi, và các nhà chiêm tinh cũng chờ đợi. Họ nói số tôi có con trai. Một đứa con trai để tôi dựa lúc tuổi già. Tôi thúc giục số phận bằng những lời cầu xin nhiệt tình thái quá, bằng những bữa ăn chay, bằng những lời xin lỗi khúm núm và nhần nhục trước bà mẹ chồng sốt ruột. Bà ta xé tấm sari mới của tôi và bắt tôi ăn cơm thừa của ngày hôm trước. Ích gì mà nuôi ăn một mụn đàn bà không sinh nở kia chứ?

Mayamma rửa cốc và cất nó vào chạn. Sau đó bà cầm con dao và cái giỏ đi ra sân sau. Bà đã chăm sóc khoảnh đất trồng rau nho nhỏ này trong nhiều năm. Không nhiều, chỉ có vài cây cà rốt, cà tím, bắp cải và một khóm mướp đắng, nhưng chúng non, tươi, và ngon. Khi nhà có nhiều người thì chẳng có thứ rau nào trong những thứ rau đó đủ để dùng. Nhưng hôm nay, sau sáu mươi năm(hay sáu mươi lăm năm?-bà không biết nữa), Mayamma chỉ nấu cho một mình mình ăn. Bà cẩn thận nhổ bốn củ cà rốt và sáu quả mướp đắng nhỏ trông giống như những con sâu bướm nằm ườn dưới ánh mặt trời.

Vào mùa hè, chiều nào tôi cũng chơi đàn harmonium. Ba mươi hay bốn mươi năm trước nhỉ? Ánh chiều chiếu lấp lánh qua khung cửa sổ, những tia nắng ấm áp thấm năng lượng của chúng vào từng mạch máu tôi trong khi những ngón tay tôi lướt lên lướt xuống trên phím đàn.

Mayamma thái rau, thông thả và nhẩn nha, bà ngồi trên tấm gỗ, con dao trên tay bà bằm từng nhát xuống đầu kia của tấm gỗ. Rồi bà cúi lom khom bên bếp lửa nấu một xoong cơm nhỏ.

Devi, cô bé mau nước mắt này, có biết thế nào là sám hối hay không? Ngày xưa người ta dạy chúng tôi các cách sám hối kĩ càng lắm. Sám hối là ông thầy dạy học tóc hoa râm ở trường tôi ngày xưa. Tôi đem phơi tấm sari mới. Tấm sari màu đỏ vàng hút những tia nắng mặt trời vào những nếp gấp mềm mại của nó làm cho mảnh sân nhỏ tươi tắn hẳn lên. Maya, bà chủ của tôi réo gọi. Mà làm gì thế hả? Cơm lúc sớm tao bảo mà nấu đâu? Gia vị đâu?

Tôi chạy vào trong căn bếp đầy khói lấy bát ớt bột đưa cho bà ta. Con sẽ nấu cơm ngay, Mẹ ạ, tôi ngoan ngoãn nói.

Mày mãi ngắm nghía cái sari mới của mày, phải không, bà ta

nói giọng giễu cợt. Cái đẹp của mày thì giúp gì được mày nào, đồ đàn bà vô dụng?

Bà ta giật ngược tấm sari tôi đang mặc trên người một cách thô bạo, hết như con trai bà ta vẫn làm hằng đêm, và lấy thứ bột ớt tươi vừa được xay còn đỏ rói xát vào cái chỗ không biết sinh đẻ của tôi. Tôi phát bồng, tôi cố kẹp hai đùi vào nhau nhưng tôi vẫn cảm thấy ngọn lửa hung ác cháy lem lém trong ruột gan tôi.

Lần tiếp theo đến lượt vú tôi. Chích vú bên phải đi, đây, cầm con dao này mà chích. Húng máu vào cái cốc bạc này để tắm cho linh vật linga.

Không, không, Maya. Hôm nay mày không được ăn cơm. Hôm nay là thứ Sáu kia mà. Hôm nay không được ăn cơm, mai không được ăn rau, ngày kia đừng có đụng vào me. Đừng có nghĩ đến ăn uống, con dâu ạ, nghĩ đến cái bụng của mày đi. Hãy nghĩ đến cái bụng cần cỗi, vô tích sự của mày và cầu nguyện đi.

Mayamma lại cầm giỏ lên, lần này là một cái giỏ bằng đồng được trang trí hoa văn, và đi ra vườn. Bà cắt những bông hoa tươi, ướm sương, thơm ngào ngạt, bỏ vào đáy giỏ. Những bông hoa đỏ, xanh dương, vàng với những cánh hoa tựa như những chiếc lông vịt óng; những bông hoa đại, màu xanh xám với những cái lưỡi màu vàng chanh; những bông hồng đỏ thắm trông giống như những cụm lông thú được xức nước hoa; và còn ba loại hoa nhài, một loại nhỏ mang vẻ đẹp tinh tế, một loại cánh to, một loại có những chấm màu vàng óng ở tâm hoa.

Mỗi khi mũi bà gần chạm một bông hoa là bà lại phải nín thở. Các vị thần muốn ngửi chúng đầu tiên; hương thơm chỉ dành

riêng cho mũi thánh thần ngủ thôi. Hoa hồng đỏ dành cho thần Shiva, hoa nhài trắng cho thần Vishnu; hoa sen cho thần Lakshmi, hoa đại vàng dành cho thần Sarasvati; hoa xoài dành cho thần Kama, hoa sen hồng dành cho mặt trời, còn hoa râm bụt thì dành để làm dịu con mắt của Thổ tinh.

Cái xác thẳng con tôi vẫn nằm đó, trơ trơ. Cái mặt nó, đã được rửa sạch bằng khăn ướt, giờ không còn vẻ hầm hè đe dọa nữa. Tất cả mọi tức giận và cuồng nộ đã được xoa dịu, và cái mặt đã trở về với những nét vô cảm, thanh tú, và bình thản, trở lại là cái khuôn mặt dịu dàng ngây thơ, non nớt mà xưa kia tôi âu yếm áp vào ngực mình. Tôi thắp một ngọn đèn dầu leo loét để có thể nhìn rõ hơn chút ít, để tôi bớt đơn độc trong cái đêm thức trắng trông người ốm cuối cùng này. Qua ánh đèn lơ mờ, rung rinh, tôi nhìn quanh căn phòng tối tàn, các góc phòng là những đồng giấy thấm nước giải và dịch người ốm nôn ra. Tôi mở ô cửa sổ nhỏ, nhưng thậm chí không khí ban đêm dịu mát cũng không thể xua đi tử khí lơ lửng trong phòng như một làn hơi nước dày.

Mang giỏ hoa từ vườn vào, Mayamma đi tới phòng thờ các vị thần. Trước tiên bà quét sàn thật sạch và bỏ những đồ cúng ngày hôm qua đi. Sau đó bà thận trọng di chuyển các bức tranh trên tường để đuổi những con thạch thùng ẩn đằng sau các bức tranh đó.

Bà ngồi khoanh chân lại, bắt đầu lau các bức tượng thần.

Tội lỗi phát triển trong bụng tôi từ lâu thật lâu đến nỗi tôi thấy khó mà nhớ được. Không biết có phải đó là từ trước khi tôi bắt đầu có kinh, sẵn sàng cho một sinh linh mới hay không? Máu, ôi, thần Devi, trong đời mình tôi đã thấy đủ máu rồi.

Buổi chiều hôm ấy khi tôi đang chơi trong sân đền, máu chảy xuống bàn chân trần của tôi, nóng và dính dính. Người thầy tu có cái bụng phệ gọi tôi ra một chỗ. Tôi nhìn xuống vết máu dưới chân mình, tim tôi tràn ngập một cảm giác như thể hãnh diện.

Cút về nhà, người thầy tu rít lên, và khi tôi còn chưa kịp quay người, bàn tay to tướng của ông ta đã ghi dấu ấn trên má tôi bằng một cái tát. Tôi là đồ mất nết, tôi đã làm ô uế sự thanh tịnh của ngôi đền bằng cái thứ ấy của đàn bà.

Mayamma cầm từng bức tượng thần lên; và với bàn tay quen thuộc của người sùng mộ, bà cọ sạch từng bức tượng bằng nước vôi ngâm với tro. Các bức tượng ánh lên một màu vàng mờ đục, đại đại, rồi bà xếp các bức tượng vào vị trí cũ. Sau đó bà dùng bột hồ trắng và nhào tô lại những bức kolam trên sàn.

Máu của tôi mặc sức mà chảy, tôi trở thành đàn bà sớm hơn tất cả những đứa con gái cùng lứa. Tôi phải ngồi trong sân sau một mình suốt ba ngày trong tháng.

Rồi nhà chiêm tinh của làng, nhà chiêm tinh mà chỉ cần một đĩa bánh cuộn *jilebi* là có thể mời được, tới nhà chúng tôi. Những chiếc *jilebi* chắc phải ngậy và ngon lắm. Nhà chiêm tinh chép chép miệng trong khi nhìn lá số tử vi của tôi và nói, không có gì xấu, không có gì xấu cả. Tất cả các dấu hiệu may mắn đều hiện ra ở đây, cô này sẽ được đón chào ở một gia đình có người con trai giống như một vị thần trẻ tuổi. Sau đó, ông ta nhìn những gương mặt đang mỉm cười quanh mình, nở nụ cười tự mãn như thể công việc đã hoàn tất và ông ta vươn cái ngực bên trên cái bụng phệ nhẽ nhèo, cất giọng ngọt ngào trơn tru như hát: “Mặt trắng cười một cô gái khi sắc đẹp của cô gái lan truyền; tiếng ca trên thiên đường cất lên, khi bộ ngực

của cô nhô lên; ngọn lửa thán thán bùng lên. Vậy thì, một thiếu nữ, phải lấy chồng, trước khi người đàn bà trong cô phát triển; không cha mẹ thương con nào cần phải đợi, qua tuổi lên tám.

Mẹ tôi tự tay làm một bữa cỗ cho tôi. Hai loại chè *payasam*, một loại dùng hương liệu nghệ tây, được trang trí bằng lá chuối mề. Cầu chúc cho con đến nhà mới luôn được ăn uống no đủ, con bé bỏng của mẹ, mẹ tôi lắm rắm. Tôi vượt vượt tắm sari lụa mới và mỉm cười về sốt ruột.

Giờ một mình ở đây trông coi các tượng thần, Mayamma tự khuấy động mình để thực hiện một lễ cầu nguyện theo đúng nghi thức. Bà thắp lên rất nhiều, rất nhiều những đèn thờ bằng đồng và bằng bạc. Bà đặt những cốc gạo và những cốc hạt vừng, cùng một đĩa quả cạnh những ngọn đèn thờ ở bên trái các bức tượng thần; gạo trộn sữa và đường được bà đặt ở bên phải. Bà dùng những sợi tơ chuối đã ngâm nước kết những tràng hoa nhài và hoa hồng. Bà thắp sáu nén hương và cắm chúng lên cái đế cắm hương bằng đồng có những lỗ nhỏ tí ti.

Ôi chao, khi tôi về nhà chồng trông tôi chắc phải giống như thần Lakshmi chứ chẳng thường. Tôi là một cô gái khỏe mạnh, cao và nở nang. Tôi bôi nghệ lên hai má. Tôi chấm nghệ màu đỏ son lên trán, lên đường ngôi tóc, và bắt tay vào làm việc. Tôi từ bỏ những chiếc vỏ ốc, những viên cuội tròn, nhẫn mà tôi thường chơi ở nhà cha mẹ đẻ. Tay tôi giờ dùng để cầm xoong chảo, và sáng sáng khi mẹ chồng tôi còn ngủ say tôi đã lụi cụi nhóm lò thối lửa. Tôi nấu nướng cho nhiều cái miệng háu đói. Hai mươi, hay ba mươi miệng ăn nhỉ? Nhà lúc nào cũng đầy những anh em, cháu trai, cháu gái. Tôi múc nước dưới giếng lên. Tôi dùng tay hót phân bò và vổ vổ thành

những đồng tròn như những cái bánh giống nhau y đúc. Hót hết phân bò, tôi lại quét sàn. Nhìn này, nhìn mà xem, nhìn cái bản sống bám trên những ngón tay tôi đây này.

Đêm nào tôi cũng ngồi hầu mẹ chồng tôi, xoa bóp chân cho bà ta. Gần nửa đêm bà ta mới tỉnh giấc và nói, giờ mày có thể lên gác được rồi, Maya ạ. Mày còn trẻ, mày muốn ở bên chồng mà.

Mayamma khê tung những bông hoa tới các bức tượng thần lớn. Bà treo những tràng hoa nhài quanh những tượng thần nhỏ. Bằng giọng dứt quãng, thành kính như bị thôi miên, bà lẩm rẩm khấn đi khấn lại, Rama, thần của các vị thần, xin hãy tha thứ cho chúng con. Sita, người vợ tiết hạnh của thần Rama, xin hãy chỉ giáo cho chúng con. Devi, thần mẹ, xin hãy cứu vớt chúng con. Bà quì xuống chân các vị thần, nhắm mắt lại đầy vẻ cung kính.

Cả buổi chiều Devi ngồi bên tôi, im lặng nghe tôi kể chuyện. Có lúc bàn tay cô ấy đưa lên như thể cô ấy muốn đặt nó lên má tôi. Nhưng rồi cô ấy lại rút tay về và để nó ẻo lả trong khoảng không một lát.

Tôi đã thấy ngực cô ấy phập phồng run rẩy, thấy bím tóc cô ấy lỏng ra. Tôi biết, tôi nghe thấy tiếng hát bay sang qua vườn làm đôi môi cô ấy ước ướm. Không hiểu thế nào, nói Thượng Đế xá tội, lúc đó cô ấy làm tôi nhớ tới Parvatiamma.

Tôi cũng biết rằng cái ngày đó sẽ đến và cô ấy sẽ tống áo sống vào các cái hộp, mặt cô ấy đầm nước mắt, tay cô ấy run rẩy vì hồi hộp. Tôi thấy cô ấy rón rén vào phòng tôi và để lại cho tôi một chiếc túi lụa nhỏ bằng lụa. Cô ấy để lại nó cho tôi, cho bà già móm này, một món đồ gia truyền của mẹ cô ấy cho, một chiếc khoen đeo mũi đính hồng ngọc và trân châu. Những lỗ sâu trên cánh mũi tôi gần như đã bị vít rồi. Nhưng tai tôi, đôi

tai căng ra mà nghe trong im lặng suốt bao năm tháng, giờ đã chảy xuống gần chạm vai rồi; đôi bông tai bằng vàng tôi đeo mấy chục năm nay đã kéo tai tôi giãn ra vĩnh viễn. Ôi! Con gái ngốc nghếch ơi, con sẽ đi được đến đâu với cái bộ ngực căng đầy và đôi mắt ướt át, mơ mộng ấy?

Nhưng tôi không ngăn cản cô ấy. Tôi không thể. Tôi nghe thấy những tiếng thầm thì trong mưa, một giọng thì nài xin, giọng kia thì sốt ruột. Rồi tôi nghe thấy một giọng nói mà trước đó tôi chưa từng nghe, giọng nói dịu dàng, ngọt ngào, nhưng dứt khoát như cú nhảy trong chớp mắt từ một vách đá dựng đứng, cô ấy nói rõ ràng, Em đến đây rồi. Hãy đi thôi. Mau lên.

Chồng tôi khụt khịt như một con bò đực tức giận. Tôi còn chưa kịp đặt đầu xuống gối hắt ta giặt sari của tôi ra. Khi đó tôi vẫn còn là một cô bé khờ dại, ngay cả tiếng rên rỉ của hân cũng khiến tôi sợ. Nếu tôi quay sang một bên ngủ, thì hân túm tóc tôi bằng một tay và dùng tay kia đánh tôi.

Mẹ chồng tôi càng ngày càng bắt tôi ở dưới nhà khuya hơn, và khi tôi được phép lên gác, tôi lên với cái im lặng chết người ở trên đó. Thường thì mãi gần sáng chồng tôi mới lên về, lên về sau một đêm chơi gái trên cánh đồng, và hân kéo tôi lại với hân bằng sự âu yếm lỗ măng của hân.

Tôi nhớ là tôi đi vào phòng tối, nằm xuống chiếu. Tôi quay mặt vào tường. Cứ để mặc họ tự nấu lấy mà ăn. Cứ để họ tự xay dừa và gia vị, tôi chẳng thiết ăn gì hết.

Mayamma dùng thời gian còn lại của buổi sáng quét và khua bụi trong nhà. Bà không mở những cánh cửa đã khép chặt.

Thật nhiều phòng đã đóng kín vĩnh viễn. Càng khó hơn cho việc dọn những căn phòng đầy ma vốn không được sử dụng từ

lâu. Phòng của Parvatiamma nghe như có tiếng chũm chọe và tiếng tụng kinh khe khẽ. Và còn căn phòng đầy những sách là sách. Ông ấy đã đi xa rồi, cái con người thông thái, trầm lặng ấy, cái người đàn ông đủ ngốc nghếch để vợ mình bỏ đi. Giờ lại đến vợ của con trai. Cô gái ấy chỉ mới ở đây có một thời gian ngắn thôi, nhưng tất cả các góc phòng cô ấy sục mùi nước mắt. Cô ấy ám ảnh ngôi nhà này, hết ngày này đến ngày khác, hết phòng này đến phòng khác, khuôn mặt nhợt nhạt, u sầu của cô ấy căng thẳng và mãnh liệt thế. Ôi, cái con người trẻ dại ngốc nghếch ấy, cái con người luôn hỏi tại sao, tại sao. Luôn ở bên bờ của nước mắt, ngây ngất. Mayamma, Mayamma, cô ấy khóc như một con chim non run rẩy bên vai tôi. Người cô ấy phảng phất mùi đàn hương và mùi mưa tinh khiết. Mùi của tuổi trẻ. Một bà già thì có thể nói gì kia chứ? Ra đi ư? Hãy ra đi cho tôi, cho Parvatiamma người đã đợi cho đến khi chỉ thánh địa Kashi mới là lối thoát của bà?

(...)

Sau năm năm dài tôi về làm dâu nhà ấy, một hôm người anh họ của tôi đến thăm. Anh ấy luôn là người bảo vệ tôi trong các trò chơi ngày bé chúng tôi chơi ở làng. Khi tôi lấy chồng, anh ấy trao cho tôi món quà đầu tiên mà tôi nhận được từ một người con trai. Một cái quạt nhỏ được làm bằng gỗ đàn hương mang mùi thơm thật ngọt ngào với những thanh gỗ được ghép vào nhau bằng những sợi lụa màu đỏ và vàng. Chà, không người nào ở nhà chồng tôi biết được những khoảnh khắc nghỉ ngơi trong hạnh phúc mà tôi đã trộm được, những giây phút tôi cầm chiếc quạt xúng với một nàng công chúa trong tay, áp nó lên má.

Anh ấy đến, cao lớn như một vị thần, đến để chào tôi trước khi lên thành phố. Anh ấy đã đăng lính và sẵn sàng cho những

cuộc hành quân. Giữ gìn sức khỏe nhé, Maya, anh ấy nói, đưa tay ra để cầm tay tôi, nhưng rồi anh ấy nhớ ra; và anh ấy rút tay lại trong bối rối.

Nếu em có thể, nếu em cần gì, hãy viết thư cho anh, anh ấy nói, giọng chan chứa dịu dàng. Tôi cắt chiếc quạt và mảnh giấy ghi địa chỉ của anh ấy vào chiếc hộp nhỏ đựng đồ trang sức đã trống không của mình. Không một ai biết, anh ấy đã nằm lại nơi đâu trên chiến trường, không ai biết dòng máu cao quý nào đã chảy trong thân thể của người bạn thời thơ ấu ấy của tôi.

Khi Raja lên tám, tôi tìm cho nó người đàn ông sùng đạo nhất làng làm thầy dạy. Raja đứng trước ông thầy với cái đầu được cạo nhẵn và gội sạch, đôi chân khăng khiu của nó được quấn trong tấm vải mới nhuộm bằng phẩm đỏ, nó mang chiếc dây lưng làm từ một loại cỏ thiêng và một cái đai làm bằng da thuộc. Tay nó cầm cây quyền trượng của cha nó. Người thầy dạy đưa cho nó một cốc nước và bảo nó nhìn mặt trời trong khi nhắc lại những câu thần chú ông ấy đọc lên. Raja được học cầu sức mạnh và chí bền bỉ, học cúng thần lửa, học niệm Gayatri và học nói những lời thề của một đồ đệ. Sau đó nó đứng trước tôi, chắp tay lại thực hiện động tác xin bố thí đầu tiên. Tôi đặt vào tay nó những nhúm gạo và đường.

Làm tất cả những gì mình có thể làm cho con cái, nhưng rồi chúng sẽ xoắn vặn thành những hình dạng méo mó mà định mệnh gán cho chúng. Tôi nuôi Raja hai năm bằng bầu sữa của mình. Khi nó được sáu ngày tuổi, tôi dâng sáu bông râm bụt rực rỡ lên thần Shashti, vị thần che chở cho trẻ con. Khi nó được mười ngày tuổi, tôi mặc cho nó tấm áo choàng lụa màu cúc vạn thọ tươi rói và đeo quanh cái bụng căng sữa của nó chiếc dây chuyền vàng có hình những trái xoài nhỏ móc vào

nhau. Tôi bôi lên hai má nó hai cái chấm đen để ngăn không cho con mắt của quỷ dữ dòm ngó vận may mà khó khăn lắm tôi mới có được. Mỗi khi nhà có khách lạ, tôi giấu nó trong những nếp sari của mình, và tôi mời một bà già đến tụng cầu để các vị thần phù hộ độ trì cho nó. Trong nôi của nó tôi để một vòng hoa, một sợi dây chuyền, một viên đá nhẫn, tròn trịa, tỏa sáng, thể hiện sự khỏe mạnh và sự chăm sóc ân cần của người mẹ. Các vị thần đã nhìn, đã ban phước, và có lẽ một trong số hàng trăm con mắt đó đã phóng mũi tên xấu xa của lòng ghen tỵ xuống. Cái độc như một chiếc khăn choàng phủ quanh hòn đá, và chúng tôi đã tránh được họa. Con trai tôi nằm yên lành, nép mình trong lớp sari của tôi, để rồi sau đó tôi mở vạt sari ra, ném cái hòn đá hút độc đã giúp con tôi thoát chết đi. Chồng tôi lấy sữa trâu lỏng, mật ong, và một ít vàng ta mài ra cạo lưỡi cho thằng bé. Giờ nó đã sẵn sàng cho thế giới của nó, chỗ thích hợp dành cho nó, tựa như các vị thần quay lưng bỏ đi.

Có lẽ kẻ bỏ đi đã quay đầu lại nhìn lần cuối; một thoáng nhìn chia tay. Raja đã giầy vò tôi đến xác xơ. Sữa sẽ không bao giờ còn chảy nữa. Mahesh cũng chẳng khá hơn. Cậu ta thẳng thắn lắm đấy, nhưng cô cứ thử nói với cậu ta về Parvatiamma mà xem. Cậu ta bảo, bà Mayamma, tôi không muốn nghe ai nhắc đến tên bà ấy trước mặt tôi. Vô trách nhiệm. Phản bội.

Quên tên bà ấy, quên tất cả những đêm mẹ mình ôm mình, ôm đứa con thơ trong vòng tay âu yếm. Thôi tôi xin! đừng có nói với tôi về những đứa con trai dũng mãnh trong lá số tử vi của tôi.

Tôi nhận là tôi dốt nát, điếc lác, già lão và Mahesh buột miệng chửi thề. Tất nhiên, tất nhiên, cậu ta nói giọng nóng nảy, trong khi đi đi lại lại quanh phòng, bà thì biết gì về những

người đàn bà trẻ hiện đại thời nay cơ chứ? Trông cậu ta khổ sở và hoang mang đến nỗi tôi đặt tay lên đôi vai chùng xuống của cậu ta. Cậu ta thôi không đi đi lại lại nữa, và chúng tôi cùng ngồi xuống, im lặng. Rồi cậu ta giật tay tôi ra khỏi vai mình và tôi nhìn lên gương mặt của cậu ta. Miệng cậu ta bạnh ra, mỏng và căng vì giận dữ. Mắt cậu ta nung nấu nỗi căm giận đang tan chảy thành nỗi nhục nhã.

Tối nào các bạn cậu ta cũng tới, và họ bàn mưu tính kế bằng những tiếng thì thầm lẫn trong tiếng rót rượu. Rồi họ giúp cậu ta gói gém hành lý, mang vé đến cho cậu ta và thế là cậu ta đi. Đi nghỉ dài, Mayamma ạ, cậu ta nói. Bà trông nom nhà của như mọi khi được chứ?

Tám sari màu nâu, đơn sơ, mỏng manh, trang phục của một bà góa, biến bà thành một con tắc kè hoa. Trong con mắt của người đời, bà là một phần của chiếc lá màu nâu, sạm nắng, quắt queo. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu bà xé toang tấm vải liệm bọc cái thân thể đã khô héo của bà đi?

Ôi, sáng hôm ấy trong làng tịnh không có lấy một tiếng cười khúc khích, thậm chí cả tiếng khúc khích từ những đứa trẻ bị những bà mẹ ngoảnh mặt lồi đi cũng không. Bà cô tôi, bà Lakshmiamma, khi ấy đã gần bảy mươi tuổi rồi. Bà ấy sống một mình trong ngôi nhà nhỏ xiêu vẹo của gia đình trong khu sinh sống của người Bà-la-môn.

Tôi đã nói đến gia đình đúng không nhỉ? Đúng, bà ấy có gia đình, một gia đình trâng tráo. Những con chuột chạy qua chạy lại trước mặt bà ấy ngay giữa ban ngày ban mặt. Một con cầy mangút sục sạo trong sân sau. Những con chim bồ câu vỗ cánh trên mái nhà trong bóng tối và vài phen xuống. Bà ấy mắt kém không nhìn rõ các thứ, nhưng thỉnh thoảng bà ấy

cảm thấy chất nhờn nhớt của thạch thùng trong bát cháo suông.

Người nối dõi duy nhất của gia đình đó, con trai bà ấy, sống ở một thành phố nhỏ cách đó chừng sáu chục cây số. Tháng nào anh con trai cũng gửi cho bà ấy một cái phiếu lĩnh hai mươi ru-pi và một mảnh giấy chỉ có duy nhất một dòng nhấn nhủ rằng anh ta bận, sang năm anh ta sẽ về thăm bà ấy. Rồi bà ấy không nhận được phiếu lĩnh tiền nữa. Tối nào Lakshmiamma cũng ra đến phen nản. Bà ấy than vãn với những người hàng xóm.

Bà Lakshmiamma, chịu khó đợi đi mà, họ nói về thào đời. Thời buổi này kiếm được đồng tiền đâu phải dễ. Mấy người còn rĩ rả nói về những đứa con trai đánh mất linh hồn ở nơi thành thị, và những bà già sống dai quá.

Sau đó, suốt ba ngày, không một ai nhìn thấy Lakshmiamma. Cửa trước nhà bà đóng im ỉm cả ngày và những con kiến nhanh chóng đùn đất lên thành những mô nhỏ bên ngoài cửa. Người làng tính chuyện báo tin cho con trai bà ấy, và họ lại rĩ rả bàn tán.

Buổi sáng ngày thứ tư bà mở cửa ra và quét sạch đám đất kiến đùn lên. Sau đó bà ngồi ở hiên trước điềm nhiên nhìn người qua lại. Chừng nửa giờ sau cả làng nhốn nháo.

Lakshmiamma mất trí rồi, họ nói. Ôi chao, một bà già sống dai quá thành ra thế đấy. Bà ấy còn biết xấu hổ gì nữa đâu, ai lại trần truồng ra thế.

Lakshmiamma có lẽ đã nghe thấy những tiếng rĩ rả, nhốn nháo. Bà có lẽ cũng đã nhìn thấy những cái miệng há hốc, những con mắt sưng sờ, và những cái mặt vội ngoảnh đi.

Nhưng bà cứ ngồi nguyên đó, không thềm bận tâm, im lặng, trần truồng.

Một giờ sau, bốn bà già xua bà vào trong nhà. Họ niệm thần chú, yểm trừ quỷ dữ, và mặc đồ cho bà.

Vài tuần sau, con trai bà trở về, trông có vẻ không được ổn lắm. Lishmiamma theo con trai ra bến xe buýt, im lặng, để bảo. Nhưng người làng thể là đã nhìn thấy nụ cười chiến thắng phảng phất trên khuôn mặt của bà ấy.

Vậy là, các con gái ạ, câu chuyện của già này sắp kết thúc rồi. Tôi đã đùa giỡn, ve vãn, và cãi vã với thần chết. Thần chết đã ở ngay sau lưng tôi, chỉ cách hai bước thôi, và trong khi tôi bước trên con đường dẫn tới bóng tối mệnh mông của thần, thần sẽ không để lỡ một cú ra đòn nào đối với cái cơ thể chỉ còn một rúm này của tôi đâu.

Tôi đã học cách chờ đợi, tôi đã biết khi nào thì phải cúi mình, khi nào thì phải lau khô những giọt nước mắt phần uất. Vậy nên, với cái số mệnh xoàng xĩnh của mình, tôi muốn nói rằng, Devi, hãy đi đi, hãy đi tìm khu rừng mà cô khao khát trong những năm tháng tuổi trẻ điên cuồng. Hãy đi thật sâu, đi thật sâu tới những hang hốc của nó, tới những góc hoang dại mà bóng tối của nó trải ra. Lời của tôi sẽ bay về hướng khác và sẽ xây tổ cho đêm về trú ngụ. Lời của cô, khát khao, sẽ tìm đến dòng sông ở rất xa, rất xa, nơi khu rừng mờ tối phải nhường chỗ cho ánh sáng ngập tràn, lung linh.

3

Màn sân khấu được kéo lên, những ngọn đèn hình mặt trăng tỏa ra thứ ánh sáng mờ dịu nhẹ, độ lượng nhường không gian cho một ngôi sao sáng hơn. Các nhạc công cầm đàn lên và bắt

đầu so dây, như thế họ không quan tâm đến tràng pháo tay khích lệ của khán giả.

Gopal ngồi ở chính giữa sân khấu, mái đầu bóng lộn của anh áp vào cây đàn tanpura, mắt anh nhắm để anh có thể đạt đến cao độ chuẩn. Sau đó anh trao cây đàn cho một trong những học trò ngồi bên cạnh. Gopal dùng một ngón tay dài khẽ gõ gõ lên chiếc micro ở trước mặt. Anh nhìn quanh hội trường, nhìn những khuôn mặt đang hướng về anh chờ đợi, và sự im lặng trong hội trường khuếch tán những tiếng gõ micro của anh lên. Chùng như đã hài lòng, anh gặt đầu cộc lốc với những người đệm đàn và nhạc cụ của họ.

Devi ngồi trong bóng tối như mọi khán giả khác, mắt đắm đắm dõi lên sân khấu. Giờ đây, sau nhiều tháng là một phần trong đoàn tùy tùng của Gopal, cô biết điều gì sẽ diễn ra. Âm nhạc của anh không còn là một tiếng gọi từ xa vọng tới nữa, nó lãng mạn bởi sự bí ẩn, cuốn hút bởi trải nghiệm của cô thật riêng biệt và thật tầm thường.

Giờ đây cô cảm thấy thật nặng nề, nặng nề với hiểu biết mà trước đó cô khao khát cháy bỏng. Giữa những điệu raga, cô đã nhìn, đã chạm vào, nắm bắt được bức chân dung một Gopal tự nguyện và hoàn toàn tự do. Giờ cô đã biết người đàn ông này, nhưng cô vẫn không hiểu được âm nhạc của anh. Giống như cô biết nỗi cay đắng không được làm cha của Mahesh, nhưng cô không hiểu được nguồn gốc của nỗi khao khát có được một người nối dõi của anh.

Cô ám ảnh mình như một đứa trẻ không biết gì bị cầm tù trong cơ thể của một người đàn bà, giống như một vật tượng trưng, biểu lộ tinh thần độc lập và bất trị của cô. Nhưng cô ngồi co rúm lại ở bên trong, lên kế hoạch trong nỗi khiếp sợ

ngấm ngấm, trong khi một cái tôi khác, ngang ngạnh hơn ra sức tóm, và vơ vào mình những mẫu trải nghiệm vụn vặt, lạ và kì quặc. Nhưng trong chuyến phưu lưu liêu lĩnh này cô đã sớm chao đảo, loạn choạng; và cô mò mẫm đấu tranh trong bóng tối để dừng lại.

Thế nhưng khi cô nghe thấy tiếng nhạc, nghe thấy giọng hát ấy như mật ngọt nhỏ từng giọt từng giọt như thể thăm dò vào cái hội trường im phăng phắc ấy, Devi lại cảm thấy tất cả cơ trên cái cổ ẻo lả của cô như căng lên. Cô cảm thấy cảm giác tươi mát lan khắp sống lưng giống như cơn mưa bụi đầu tiên cuối mùa hè. Cô ngả người ra sau và nhắm mắt lại. Cô không cần quan sát, không cần nhìn những ngọn đèn, không cần nhìn những tràng hoa lòn loẹt, không cần nhìn những mái đầu của những người học trò của anh lắc qua lắc lại biểu lộ sự tán phục hùng hồn, cũng không cần nhìn khuôn mặt phấn khích của Gopal. Nhắm mắt cô cũng có thể thấy, như thể âm nhạc của Gopal tuôn chảy qua những biển chỉ đường mà cô đã học đọc, khi nào anh giơ tay lên trời như khấn nài, hoặc khi nào anh nhún vai vẻ kiêu ngạo trước khán giả và nháy mắt đầy ẩn ý và thân mật với người chơi nhạc cụ gõ.

Khi điệu raga lên đến cao trào, cô bị thôi miên vào sự lãng quên, cô quên hết những giờ cô thức tỉnh trong những tháng vừa qua. Cô không nghĩ đến những chuyện khó chịu nhỏ nhặt xung quanh thắc mắc những người trong nhà Gopal đặt ra về vị trí của cô. Thậm chí cái liếc mắt đố cáng công khai của thằng bé giúp việc cho anh cũng tạm thời bị quên đi, và cả những khúc dạo đầu lén lút của tình bạn mà các học trò của anh tấu lên sau lưng anh cũng bị quên tuốt.

Âm nhạc còn làm được hơn thế; nó đẩy vào góc xa trong tâm trí cô hình ảnh Gopal, kẻ bạo chúa đẹp đẽ, cơ thể khỏe khoắn,

được mát-xa, sạch sẽ, thơm tho quyến rũ tất cả những người đàn bà hâm mộ vây quanh anh.

Giống như một người bán hàng rong dẻo mồm, một sứ giả lắm mưu nhiều kế, âm nhạc của anh chìm chết mọi nỗ lực kháng cự. Devi bị cuốn vào vòng tay êm ái như vòng tay người mẹ của nó, với tâm trí trống rỗng của một đứa trẻ mới sinh, với giấc mơ về một sự khởi đầu mới được nhen lên.

Mình chẳng là ai cả, cô nghĩ, trong khi cô chìm trong những âm thanh ngọt ngào của giọng hát Gopal, mình không có chồng, không có người yêu, chỉ là sự nặc danh sung sướng trong bóng tối, choáng ngợp bởi một điệu raga ngân lên cao, lên cao mãi, vượt ra ngoài những đòi hỏi của đam mê bị ràng buộc trong những giới hạn của cuộc đời trần tục.

Nhưng cuối mỗi buổi biểu diễn, giọng hát trở nên yếu hơn, và Devi nghĩ đến một con diều thoát khỏi sợi dây cầm giữ nó. Nó bay vút lên, cô nghĩ, bay vượt khỏi những đám mây, quên cái cổ nghển lên ở bên dưới, nó háo hức tìm kiếm một cái nhìn khác.

Sức mạnh từ giọng hát của Gopal, những hứa hẹn mà âm nhạc của anh tạo ra, đã mất đi ít nhiều uy lực ban đầu của chúng.

Và rồi sau nhiều tháng, khi mà Devi đã có mặt ở hết khán phòng này đến khán phòng khác, đã ngồi trên những chiếc ghế êm ở những thành phố khác nhau, những hình ảnh mà âm nhạc của anh gợi ra trong cô không còn bay bổng, thậm chí không còn rõ rệt nữa.

Giờ cô thấy mình hay nghĩ đến những con công trống đi loanh quanh trong công viên gần nhà Gopal mà cô từng nhìn thấy.

Vòi vĩnh sự chú ý, con công trống lúc nào cũng chọn một chỗ khô nhưng u ám để biểu diễn, sắp đặt một cái nền hoàn hảo tôn màn múa ngoạn mục của nó lên.

Nó vươn cái cổ màu xanh lá cây pha xanh dương, và chậm rãi, nhả nha, xòe những cái lông nghìn mắt của nó ra. Con công trống múa, cái đầu oai phong của nó giữ im, chăm chú, bộ lông của nó biểu diễn. Con trống múa, hình như múa vì một con công mái không ở trên sân khấu, một con công mái có vẻ ngoài xoành xĩnh, với bộ lông màu nâu xỉn lẫn với màu đất. Con công mái có vẻ hầu như không nhận thấy cái điều ắt sẽ trở thành nghi thức quen thuộc của nó. Nhưng hai con công trống khác đứng gần bên thì phản ứng, như thể phản ứng trước một dấu hiệu, và chúng đứng ngậy ra, sau đó xòe lông, bắt đầu khoe khoang.

Mỗi lần Devi nhìn hình ảnh của mình được phản chiếu qua những chiếc cúc khảm trong như gương trên chiếc áo kurta mà Gopal mặc cô lại nhớ đến con công mái ngoạn ngoạn, nhếch nhác. Cô chạy, như trong một giấc mơ bắt buộc phải có sự lựa chọn, từ hình ảnh này đến hình ảnh khác, qua hàng hàng lớp lớp những mặt nạ, những trang phục, những kí ức về những cuộc sống rời rạc, khác nhau của mình.

Giữa những buổi biểu diễn và những buổi tập diễn, Gopal gọi các học trò của anh đến chỉ giáo. Các học trò của anh không bao giờ biết chắc bao giờ thì họ lại có buổi học tiếp theo. Nhưng Gopal cũng phóng túng không kém trong chuyện học phí. Trong nhiều tháng, thỉnh thoảng anh lại khẳng khẳng rằng anh không muốn nhận chút tiền nào từ các học trò. Tôi có đủ tiền rồi, anh nói, buộc họ phải cầm miệng một cách ngạo mạn, và nếu ai trong số các học trò dám cả gan thốt ra lời cảm ơn, anh dập tắt ngay.

-Đừng có làm giảm danh giá của thần Devi mà chúng ta tôn thờ. Đó là tất cả những gì tôi đòi hỏi ở các cậu. Hãy hát bằng tâm hồn của mình. Hãy cảm nhận những đường cong độc đáo và những khúc uốn lượn của mỗi điệu raga. Các cậu là những nghệ sĩ, không phải là những cái máy ghi âm.

Trong mỗi bài giảng Gopal dành gần một giờ để chỉ giáo cho họ cách chuẩn bị hát. Đôi tai khó tính của anh không thể chịu đựng nổi thứ âm thanh nào kém hơn *shruti* (nhạc có hồn) êm ái, hoàn hảo.

Khi họ cuối cùng đã sẵn sàng, Gopal hát ứng tác một đoạn raga ngắn phù hợp với ngày hôm đó.

Anh nói với các học trò: Một điệu raga cũng giống như một người đàn bà.

Một hai nụ cười toe toét xuất hiện trên những gương mặt trẻ, nhưng Gopal dường như không để ý.

-Cậu, Saeed, -anh nói, gật đầu với cậu thanh niên mặt non choẹt, gầy gò ngồi gần anh nhất. -Không có tài biểu diễn ứng tác, cậu không thể là một ca sĩ được. Hãy nghĩ về những gì tôi nói, và hát năm phút raga alaap.

Nụ cười toe toét của Saeed biến mất ngay lập tức, và vết hằn của cậu ta chạy lên chạy xuống trên cái cổ dài. Cậu ta biết rằng sự khen ngợi và sự xử phạt của Gopal đều khó đoán trước như nhau. Khen ngợi có thể đồng nghĩa với việc được tháp tùng ông thầy trong chuyến lưu diễn tiếp theo, hoặc là một buổi tối xả láng với rượu Scotch và món cari mughlai. Xử phạt có thể đồng nghĩa với việc bị đuổi một tháng, hoặc đồng nghĩa với một cái tát vì làm ô uế sự thanh khiết của raga. Và ngoài việc bị bẽ mặt vì bị ông thầy tát ngay trước mặt các bạn học, có khả

năng ngón tay đeo nhẫn của Gopal sẽ gây chảy máu.

Vượt qua được cảm giác mình đã đến ngày tận số, Saeed bắt đầu hát bằng một nốt nhẹ nhàng như mùa xuân. Cậu ta nhắm mắt, hy vọng có thể quên đi mình đang ở đâu. Cậu ta hát và hát, hát trọn năm phút, để rồi nhận ra mình không thể thoát ra khỏi mê cung của sự lặp lại rứt rề và những câu tán tỉnh nhạt nhẽo. Cậu ta kết thúc bằng một nốt không rõ ràng, hy vọng một cách vô ích rằng kinh nghiệm về đàn bà của Gopal đồng nhất với hiểu biết hạn chế của anh về họ. Dường như đối với anh điều làm cho đàn bà trở thành đàn bà chính là tính không thể đoán trước được của họ. Tính hay thay đổi đầy sức quyến rũ của họ.

Các học trò ngồi im như bị đóng đinh, không dám thở, không dám cử động, đợi Gopal phán quyết. Gopal ngồi trước mặt họ, tay chống cằm, những ngón tay anh che đi một phần khuôn mặt.

Sau những phút mà đối với các học trò của anh dường như dài một cách bất thường, anh ngẩng đầu lên và bỏ tay xuống. Anh nhìn họ khắp lượt, mặt anh sưng xía vì tức giận. Anh chỉ ngón tay đeo nhẫn vào từng người.

-Đồ ngốc, -anh nói, -có ai trong các cậu biết một người đàn bà không hả?

Nếu anh hỏi họ câu hỏi này trong một bữa tiệc anh tổ chức thì họ có lẽ không nín thinh như vậy. Nhưng trong tình huống này, tất cả bọn họ, nhất là Saeed, trông hoàn toàn ngây dại, như thể họ vừa được hỏi đã đặt chân lên mặt trăng bao giờ chưa.

Gopal quay sang Saeed, người giờ đây vẫn cúi đầu như một tội

nhân đang chờ tòa tuyên án.

-Cậu đang lẫn lộn một người đàn bà với mấy câu tán tỉnh nhăng nhít đáng giá hai xu của cậu, -anh nói. -Hãy quên những bộ phim rẻ tiền và quên đứa con gái nhà hàng xóm ngấp nghé nhìn cậu qua tấm rèm cửa nhà cô ta đi. Tôi đang nói về một người đàn bà đích thực, một người đàn bà với cảm xúc mạnh mẽ.

Và để chứng minh rằng những lời mình vừa nói là chưa đủ để diễn tả một sinh vật được gọi là đàn bà, một nàng thơ gợi cảm hứng dạt dào, Gopal bắt đầu hát.

Anh bắt đầu với bốn câu nhạc và anh hát đi hát lại chúng như một tiết mục mở màn. Sau đó các câu nhạc này được tách ra, và các nốt nhạc được sắp xếp lại theo một mô thức phức tạp hơn được dồn lên, đẩy lên vũng vàng bởi những mô típ nhỏ không ngừng trở đi trở lại ở phần nền. Những thành phần phụ, vụn vặt, ít quan trọng hơn, trở nên sắc nét khi Gopal xây dựng chúng thành một giai điệu khỏe khoắn, toàn vẹn, và với cảm xúc mạnh mẽ và tình cảm bốc đồng từ chất giọng trầm ấm giai điệu ấy trở nên huy hoàng.

Anh cho mình có năm phút để thực hiện việc đó, đúng bằng thời gian anh cho Saeed.

-Các cậu thấy đấy, -anh tổng kết bài học ngày hôm đó, -tại sao raga này lại giống như một người đàn bà? Đó là một điệu raga ca ngợi sức mạnh. Nó là cảm xúc dạt dào tuôn chảy tới khắp tất cả các câu nhạc hạn hẹp, bé mọn. Các cậu sắp xếp chúng như những đồ dùng sân khấu, để nhân vật chính thú vị có thể xuất hiện.

Một Devi bốn chồn có mặt trong đoàn tùy tùng của Gopal

trong một đêm diễn tháng Mười. Chiếc xe hơi màu trắng đưa họ đi, lăn bánh bon bon qua các đại lộ vắng người có những hàng cây viền hai bên của thành phố Delhi uy nghi. Đùi Gopal bên dưới lớp lụa áp sát vào đùi cô. Cây đàn tanpura cứng và thẳng nằm trong lòng cô. Mùi nước hoa dịu dàng, kín đáo phảng phất trong không khí.

Trong ngôi nhà lớn sơn trắng được bao quanh bởi khu vườn rộng được chăm sóc công phu, Devi cảm thấy mình như người ngoại quốc. Đó là tư dinh của một nhà công nghiệp sinh trưởng trong một gia đình có mấy thế hệ sản sinh ra những nhà bảo trợ nghệ thuật.

Khi họ đi vào phòng khách, căn phòng dường như rộng hơn bởi đồ đạc đều bị chuyển đi cả, một người giúp việc mặc đồng phục ý tứ chỉ tay xuống chân họ. Họ cởi bỏ giày dép như thể sắp bước vào bên trong một ngôi đền, và Devi cảm thấy bàn chân trần của cô lún trong lớp thảm mềm, sang trọng phủ khắp mặt sàn.

Cô ngồi trên thảm, ngại ngần không dám dựa người vào những chiếc gối ôm màu trắng dường như chỉ muốn được tự do. Một người phục vụ đưa cho Devi một ly nước ngọt có ga màu hồng. Thử nước đó mát nhưng nó có dư vị ngọt chát khá lạ.

-Các bạn thân mến, -con trai của nhà công nghiệp, một thanh niên trẻ đang được chuẩn bị để tiếp quản sản nghiệp, nói, -hôm nay chúng tôi rất hân hạnh có được sự hiện diện của một nghệ sĩ lớn thực sự. Và bằng một cái gật đầu kính nể anh ta giới thiệu Gopal, người đã có được vị trí của mình trong giới nghệ sĩ. Những người phụ tá ngồi quanh Gopal chờ đợi; sự chờ đợi của họ nhuốm vẻ nhần nhục. Họ ngồi im, tay để trong

lòng, đàn của họ vẫn nằm trong hộp, chưa được so dây.

-Pandit Gopal Sharma sinh ở Lucknow trong một gia đình gồm các nghệ sĩ. Cha anh cho anh theo học âm nhạc từ khi anh năm tuổi, và mười tuổi anh đã nắm bắt được các quy tắc cơ bản của nhạc Hindustani. Ở tuổi mười bốn anh có buổi biểu diễn trước công chúng đầu tiên, và nghệ sĩ tên tuổi Ustad Sajjid Khan xem anh biểu diễn đã ấn tượng bởi tài năng của anh, hiểu biết sâu sắc của anh về *shruti*, đến nỗi ông đề nghị dạy anh. Người nghệ sĩ trẻ đó chuyển đến nhà thầy dạy và theo phép tắc của thời đó, anh phụng sự thầy dạy của mình như một tôi tớ trung thành. Một buổi luyện tập-riyaz-có khi kéo dài suốt sáu giờ liền.

Anh ta tiếp tục đọc những lời được viết sẵn trên giấy bằng giọng đều đều đơn điệu và Devi liếc nhanh về phía các nghệ sĩ ngồi quanh Gopal với vẻ mặt chẳng bộc lộ chút xúc cảm nào. Chẳng biết họ có đang nghe hay không, chẳng biết họ có hiểu tiếng Anh hay không, họ dường như đã quá biết những màn giới thiệu như thế, và dường như qua những năm kinh nghiệm họ biết trước được được khi nào thì bài diễn văn và những lời khen tặng hoa mỹ sẽ kết thúc. Khi người tổ chức kết thúc việc mô tả các kế hoạch tài trợ của gia đình anh ta dành cho âm nhạc, anh ta ngừng lên không nhìn giấy nữa, và sau một thoáng ngập ngừng, anh ta dọn giọng và nói. “Các bạn thân mến, tôi không muốn đứng chắn giữa các bạn và người nghệ sĩ của chúng ta hôm nay thêm nữa...” Và như thể tin lời anh ta, các nghệ sĩ cầm đàn lên và bắt đầu so dây.

Một thoáng kích động nhỏ xảy ra giữa đám khán thính giả khi một cô gái mặc sari lụa sáng màu cùng chiếc áo choli ngắn với phần để hở từ rốn lên gấu áo rộng đến lạ thường, cầm một tràng hoa tới chỗ các nghệ sĩ.

Devi để ý thấy cô ta đi tới chỗ Gopal với những bước đi uyển chuyển duyên dáng như thể đây là lễ kén chồng của cô ta. Cô ta mỉm cười với anh, trong ánh chói lóa của tấm lụa vàng cùng đôi lúm đồng tiền, và Gopal cúi đầu nhận tràng hoa của cô ta.

Tại buổi tụ họp qui mô nhỏ, giữa đám khán thính giả được người giới thiệu miêu tả là thân mật, Devi không có được sự ẩn mình trong bóng tối của phòng hòa nhạc. Với những ngọn đèn sáng choang, cô không thể nghe nhạc như thể cô không biết Gopal. Cô có thể cảm nhận được những cái nhìn đánh giá, lạnh và thô lỗ quét qua mặt mình. Cô biết cô đang được dán nhãn, và cô cũng biết nếu cô đứng dậy, bắt chuyện với họ và chối cái nhãn mác họ gán cho thì họ sẽ chẳng buồn tin cô. Có lẽ họ sẽ lấy làm ngạc nhiên là cô cũng có mong muốn được khẳng định của riêng cô. Nhưng cô nghĩ họ sẽ nhún mào nhượng bộ sự buông thả khôi hài, như thể cô là một đứa trẻ bối rối nổi cơn cáu giận không lấy gì làm to tát.

Nếu cô nói với Gopal thì thế nào anh cũng bảo: “Thì em cứ nhìn lại họ. Đừng run như thế. Em có đôi mắt to, giận dữ, tại sao em không sử dụng chúng cơ chứ?” Sau đó, dịu dàng hơn, anh sẽ cầm tay cô đưa lên môi anh. Anh là người tình ân cần nhất khi anh chơi trò thầy giáo. “Em hổ thẹn vì đam mê của em ư?” anh sẽ hỏi, thực sự hoài nghi. “Vì anh ư? Vì bản thân em bởi em là nguồn cảm hứng của anh ư?”

Rồi phần ca hát kết thúc và nhạc cụ được nghỉ ngơi. Những người phục vụ đồ giải khát giờ đẩy tới một xe ba bánh lớn chất đầy những chai và cốc. Gopal, với ly rượu rum trong tay, được những người hâm mộ vây xung quanh.

-Panditji, -một người phụ nữ trung niên có mái tóc được

nhuộm màu nâu vàng phun ra những lời tâng bốc, -tiếng hát của anh khiến tôi cảm thấy mình thật bé mọn. Devi nhìn kĩ người đàn bà đó, người đã kết luận một cách thật chính xác những gì bà ta cảm thấy. Tròn mắt nhìn người đàn bà, giờ đây hết như một bức tranh biếm họa mô tả trạng thái đê mê, nhìn đôi lông mày được tỉa mảnh, xếch lên vì xúc động, đôi vú hình trái táo rướn về phía trước một cách khiêu khích của bà ta, Devi tưởng như tiếng cười khúc khích đẩy kích động sắp bật ra khỏi họng cô đến nơi.

-Anh phải đến nhà tôi ăn tối mới được, -Devi nghe thấy bà ta nói. -Và tất nhiên hãy mang theo cả đoàn tùy tùng của anh nữa.

-Kalyaniji, chúng tôi sẽ đến. Những nghệ sĩ hèn mọn như chúng tôi làm được gì nếu không được bà để mắt tới?

Gopal quay đầu lại nhìn Devi, môi anh nở nụ cười mỉa mai. Nhưng Devi biết anh sẽ đi. Giống như anh, sau vài ly rượu rum, sẽ quên đi sự kiêu ngạo được chăm chút kỹ lưỡng, quên đi cách nói năng nghệ sĩ của mình, và tìm kiếm nhà bảo trợ nghệ thuật mới nảy nở, nhà công nghiệp trẻ.

Khi họ rời tư dinh của nhà công nghiệp đó, buổi tối vẫn chưa kết thúc. Sự kết giao mới dạt dào thiện ý đó chỉ là khúc dạo đầu của những cuộc chèn lấn ồn ào của một đám đông giảm cầu nệ, tăng náo nhiệt đổ về nhà Gopal.

-Uống nào, Devi, -Gopal nói, hơi thở đậm mùi rượu rum pha mùi trầu của anh cách mặt cô chỉ vài phân. -hãy uống mừng nào. Nếu mọi việc trôi chảy thì tháng tới panditji của em sẽ có mặt ở Mĩ. Tám thành phố trong ba tháng, và mọi chi phí đều được đài thọ.

Vậy là Gopal đã sử dụng các quân bài của anh rất hiệu quả, Devi nghĩ, anh đã hát cho những thánh giả thích hợp.

-Em sẽ đi cùng anh chứ? anh thăm thì, giọng anh buông xuống âm vực say đắm. Nhưng Devi chưa kịp trả lời anh thì một người đàn ông mặc áo kurta không cài cúc để lộ bộ ngực trần đầy lông đã vòng tay quanh vai Gopal kéo anh đi.

-Nhìn anh bạn này đây, Deviji, -anh làm bộ nhăn nhó. -Em có cả thời gian còn lại của đêm nay, với lại anh bạn này đang cố chạy trốn khỏi các bạn của mình. Về nhăn nhó biến thành một cái liếc đều cáng, và anh nhe hàm răng ám màu trầu cười với cô.

Cô ngồi một mình, giương mắt nhìn. Rượu ứt ky cô đã uống lẫn quanh cái dạ dày trống rỗng của cô như một quả bóng khô, đang cháy. Cô nhìn quanh mình, cảm giác như có lửa trong người khiến mắt cô trở nên sắc hơn.

Cô thấy những đồ dùng sân khấu của một diễn viên. Những người đàn ông xu nịnh gió chiều nào che chiều ấy, những học trò không biết chắc ý thích bốc đồng tiếp theo của thầy mình là gì, những người đàn bà bị hút vào một trò chơi quen thuộc. Căn phòng sặc mùi hăng của khói thuốc và mùi nước hoa chán ngóét. Cô nghe thấy đâu đó, giữa những tiếng cười và những lời thú tội do rượu xui khiến, một giọng nam trích dẫn đôi câu thơ tiếng Urdu.

“Trái tim tôi là một kẻ nô lệ,” -anh ta ngâm nga, giọng anh ta méo vì rượu rum, “ và tâm trí tôi là bạo chúa. Chỉ có em mới có thể ngăn máu chảy; chỉ có em mới có thể đập tan bức tường giam giữ tôi.” Người đàn bà mà kẻ ngâm thơ đưa tay ra ôm đẩy anh ta ra, và phá lên cười. Đâu đó trong phòng vang lên tiếng cốc vỡ.

Ngồi trong một góc tách biệt, làm một kẻ ngoài cuộc vĩnh viễn ở bên lề của một bản sắc ít mập mờ hơn, Devi nhớ lại ngày cuối cùng cô trên đất Mỹ. Cô thấy rõ, như thể những năm vừa qua chỉ là một giấc mơ, hình ảnh Casanova nhợt nhạt như ma trong phim của Fellini. Nhưng những gì hiện giờ cô nhìn thấy trước mắt, bằng xương bằng thịt không thể nhầm lẫn, không phải là ông ba bị trong những giấc mơ của một cô bé con. Giống như Casanova, những người đàn ông này cũng đang diễn; họ cũng đánh dấu những cuộc chinh phục của họ trên phiếu ghi điểm. Nhưng trong bộ phim cô đã xem, Casanova chỉ ít cũng đã mang khoái lạc đến cho những người đàn bà mà anh ta luôn chinh phục được.

Devi nghĩ Gopal thuộc loại đàn ông đó, người thích làm tình trong một căn phòng có gắn những tấm gương. Khi đó anh có thể lạc vào cao độ tuyệt đối của trạng thái mê ly thể hiện ngập tràn trên nét mặt anh.

Trong ngôi nhà rớt cuộc cũng trở lại im ắng, nơi mà những vị khách cuối cùng không về nổi đã nằm gục ngay trên sàn nhà, Devi nằm đó trong trạng thái thức tỉnh, mắt cô nhúc nhích, dạ dày cô vẫn không ngừng phản đối rượu whisky và món biryani ngâm sữa trâu. Tiếng ngáy của Gopal vọng khắp phòng như tiếng rít của một chiếc tàu hỏa.

Cô nghĩ về ba người bọn họ, Mayamma, Sita và cô. Ba người đàn bà đi trên dây, cố giữ thăng bằng; vì phải sống sót nên họ có thể thích nghi với hoàn cảnh.

Mayamma đã bị ném xuống dòng xoáy của đời đàn bà trước khi bà học bơi. Bà đã biết thế nào là thói dâm ô, là khả năng tiềm tàng của sự độc ác đầy thú tính ẩn náu bên trong một con người, biết một cách trực tiếp. Bà thực sự không có những

lựa chọn. Bà khao khát sinh nở, chịu đựng cuộc sống, ấp ủ cái chết. Và bà đã giành được thắng lợi nho nhỏ-nếu bạn có thể gọi nó bằng một cái tên hoành tráng như thế-nhờ niềm tin xác xơ mà bà mang theo trong mình. Bà hay cắn nhai và hờn dỗi, Devi nghĩ trong ngạc nhiên, nhưng bà không cay cú. Bà có thể sống lại qua Parvatiamma, thậm chí qua Devi. Hai người đó không phải là người xa lạ đối với bà, có chăng chỉ sự lựa chọn của họ là lạ lùng mà thôi.

Sita, sinh sau Mayamma mười năm lắm, thì khác. Bà luôn khác. Tài năng của bà khiến bà không giống những cô gái khác; sự quyết đoán rất không đàn bà của bà cũng vậy, và cả nước da ngăm đen mà tất cả các bà mẹ chồng tương lai đều không ưa cũng thế.

Bà lấy chồng muộn, ở cái tuổi hai mươi quá chín mười, khi mà các chị em họ của bà đã làm mẹ. Bà bước chân về nhà chồng với món của hồi môn hai mươi nghìn ru-pi và cây đàn veena, cùng với quyết tâm trở thành người vợ và nàng dâu hoàn hảo không gì lay chuyển nổi.

Bà đã phải trả giá, bà không trở thành nguồn sáng cho người nào đó biết đánh giá giá trị của bà một cách toàn diện bao gồm cả tài năng âm nhạc. Devi nghĩ ắt hẳn phải có những mơ ước khác, những tham vọng khác không dính dáng gì đến bất cứ ai trong bọn họ.

Trong nỗ lực bền bỉ giữ cho những mơ ước và tham vọng đó ở một khoảng cách an toàn, Sita đã dựng lên quanh mình một bức tường trầm lặng. Đó không phải là một bức tường ngăn cản những thứ trần tục, tầm thường hay xấu xa. Đó là bức tường chặn lại những gì mơ hồ, và ghìm chặt bà vào những danh mục thực dụng mà bà chấp nhận thay cho cây đàn

veena.

Devi nghĩ đến những năm hy sinh cho gia đình không tiếc công tiếc sức của mẹ cô. Bà chắc hẳn phải cô đơn biết nhường nào, và bà hẳn phải hoài nghi biết bao về những khúc dạo đầu ngập ngừng của Devi! Cuộc vật lộn để sống còn của bà, cách Mayamma một thế hệ, hiệu quả hơn nhiều, nhưng những đau đớn của nó, vì tính chất tinh tế của nó, cũng thật sâu, và có lẽ ít gọi lòng thương xót hơn, bởi vì giờ đây bà nhìn lại thấy cả một khoảng trống rộng mênh mông mà với Mayamma có lẽ khá lạ lẫm.

Còn mình, Devi nghĩ, chao đảo trong dòng suy nghĩ. Bà mình đã nuôi dưỡng mình bằng những câu chuyện tưởng tượng, còn bố mình, một nguồn yêu thầm kín. Mẹ mình trông đợi ở mình với niềm hy vọng, và khi thất vọng, bà đẩy mình về hướng bà lựa chọn. Người ngoài có thể nói mình may mắn, mình được lo cho chu tất. Mình chỉ diễn lại những bài học người ta dạy mình, một con rối ngoan ngoãn để cho người khác giật dây bằng tình yêu của họ.

Chỉ ít lần mình tự lựa chọn, một hay hai lần gì đó, khi bàn tay điều khiển mình do dự, khi sợi dây được lới lỏng, mình loạng choạng trên sân khấu một mình, với niềm khao khát được tự tạo câu chuyện của riêng mình.

Nhưng mình được chuẩn bị quá kỹ lưỡng, và ngược lại, chẳng được chuẩn bị gì. Nước Mĩ, đường Phụng Tím, Mahesh, Gopal. Mình đã bỏ chạy khỏi những con đường mình đã đi, bỏ chạy trong sợ hãi và tuyệt vọng, hết như đã nhắm mắt bỏ qua trước sự thất bại thảm hại của cha mình trong việc tìm kiếm một đồng minh, hay trước bàn tay lẻ loi của mẹ mình chìa về phía mình.

Devi nhớ lại những gì Gopal đã từng nói với cô khi họ ngồi trong sân vườn nhìn những con công trống múa. Anh giải thích cho cô biết làm thế nào một ca sĩ đơn thuần trở thành một nhạc sĩ, một nghệ sĩ hiểu rõ sứ mệnh của mình.

-Thầy của anh, -Gopal nói, -không chỉ là một nghệ sĩ lớn, ông ấy còn là một ông già rất khôn ngoan. Ông ấy hay đi đây đi đó, nhưng mỗi khi ông ấy cảm thấy ngột ngạt, mỗi khi ông ấy cảm thấy rằng mình có thể bắt đầu lại tất cả, để đạt tới sự thành công cao hơn, ông ấy quay trở về quê.

Ông ấy không tỏ ra sành điệu và ông ấy nói về thứ âm nhạc mà ông ấy thể hiện bằng lối nói đơn giản với ngôn ngữ dân dã của làng quê nơi ông ấy lớn lên. Nhưng ông ấy có trực giác rất chuẩn của một người thầy. Ông ấy biết chính xác khi nào một học trò của mình sẵn sàng cho con đường riêng.

-Còn anh, -Devi hỏi. -Làm thế nào anh biết được rằng anh không còn là người học nghề nữa?

-Ông ấy nói với anh về người thợ kim hoàn ở làng ông ấy, -Gopal nói. -Người thợ kim hoàn này thoạt đầu làm một số mảnh đồ bạc phức tạp, làm riêng từng mảnh một, với kiểu dáng riêng biệt. Sau đó đến phần khó hơn: ông ta phải gắn các mảnh đó lại với nhau để làm thành một sợi dây chuyền. Làm sao người thợ đó lại biết được khi nào thì lửa đủ nóng để các mảnh bạc dính lại với nhau tạo thành một chiếc dây chuyền? Ông ta thổi, với độ chuẩn xác cao, qua một một cái ống thổi mỏng, dài, cho đến khi lửa phát ra ánh ngũ sắc; cho đến khi nó có đời sống của riêng nó.

Khi một học trò của anh, - Gopal nói với Devi, - bắt đầu hát theo cách gần như có thể khiến anh nhắm mắt lại và bay bổng cùng cậu ta, thì đó chính là bước đầu tiên. Sau đó khi giọng

của cậu ta làm cho bóng tối lung linh sắc màu của cổ con công trống, anh biết cậu ta đã sẵn sàng.

Devi biết đã đến lúc rồi; nếu giờ cô không hành động, thì cô sẽ mãi mãi phải trôi dạt giữa những cuộc đời, một hòn đảo nổi tách rời lục địa.

Gopal khẽ rên trong giấc ngủ và trở mình, choàng một cánh tay quanh ngực cô. Cô nằm im, đợi anh cựa quậy, và khi anh không nhúc nhích, cô đẩy cánh tay anh ra.

Cô ra khỏi giường và nhìn anh trong ánh sáng mờ mờ lọt vào qua ô cửa sổ. Anh nằm giang chân giang tay trên giường, không ngáy, chìm trong giấc ngủ sâu như chết.

Cô nhặt tấm sari mà lúc trước cô đã cẩu thả quăng ra một chỗ. Thậm chí trong ánh sáng mờ, sắc lụa vẫn ánh lên những tia sáng xanh da trời pha xanh dương lấp lánh. Cô quần tấm sari quanh vai như thể cô đang thử một chiếc áo chòang. Cô đứng trước một chiếc gương có khung được chạm trổ tinh vi, một chiếc gương dài mà cô và Gopal từng soi chung, một vật gia truyền mà anh được thừa kế.

Cô nhìn vào gương, nhưng cứ như thể cô vẫn đang nhìn vào khuôn mặt của Gopal đang ngủ. Nó phản chiếu hàng nghìn hình ảnh của chính cô.

Devi gỡ sari ra và gấp nó lại thật cẩn thận bằng bàn tay nâng niu, cho đến khi nó giống như một tấm rèm dài nhiều lớp. Cô dùng nó phủ lên tấm gương để căn phòng bỗng nhiên trở nên tối hơn, và mọi thứ, giường, bàn, và Gopal đang ngủ, trở về là chính mình, không phải là những hình ảnh phản chiếu nữa.

Devi bỏ tấm sari lại, tấm sari màu cổ công, và bắt tàu hỏa về

Madras một mình. Khi bỏ nhà Mahesh đi cô cảm thấy mình thật can đảm, thật thanh thoi, và phần nào cảm thấy mình như một người anh hùng. Nhưng giờ cô cảm thấy mình như một kẻ đi lánh nạn, mặc dầu, đây là lần đầu tiên, cô không phải trốn chạy.

Tàu chạy băng băng qua vùng thôn quê, và quang cảnh bên ngoài trông thật khô cằn, tuyền một màu nâu, đơn điệu. Cô nghĩ cô đang nhìn những hành khách khác bằng ánh mắt lén lút. Nhưng sau cái nhìn tò mò đầu tiên, không ai nói chuyện với cô, thậm chí nhìn lại cũng không, cô vội ngả lưng xuống chiếc ghế nằm của mình, yên ổn.

Ngồi trên chiếc xe lam chạy về phía bờ biển, cô thấy thành phố thật náo nhiệt. Đã lại đến lễ Diwali rồi, như khi cô ở Mỹ về. Nhưng cô không còn co rúm người lại trước những chùm pháo hoa, cũng không còn sợ khi đi qua những thằng bé nhếch nhác nhón thích thú châm những quả pháo nổ ngay trên đường phố và chạy té ra xa, cười vang, trong khi người lái xe vừa chửi, quát tháo vừa cuống cuống bẻ lái.

Rồi, khi họ bỏ lại sau lưng cảnh ồn ào náo nhiệt của một thành phố đang hối hả chuẩn bị cho một lễ hội lớn, Devi nhìn thấy bờ cát dài và con đường dẫn tới ngôi nhà bên bờ biển.

Nhìn thấy ngôi nhà hiện ra trước mắt, cô ngồi thẳng người lại. Cô nghĩ trong đầu những lời cô sẽ nói, nghĩ đến cái nhìn không chút nao núng cô chuẩn bị để gặp Sita dâng bà tình yêu của cô. Để ở lại và tranh đấu, để hiểu được ý nghĩa của tất cả những điều đó, cô sẽ phải bắt đầu lại từ đầu.

Xách va li trong tay, Devi mở cánh cổng và tròn mắt nhìn khu vườn, hoang dại và rậm rạp, nhưng tươi tốt mặc dầu những rễ cây bị nghẹn cát. Cô rảo bước nhanh hơn khi cô nghe thấy

tiếng đàn veena khe khẽ, ngập ngừng và chân thật, mời cô vào nhà.

Nguyễn Bích Lan dịch

[1] Pallu là phần vải của tấm sari được vắt buông qua vai trái.

[2] Kolam hay ragoli là tranh dân gian của Ấn Độ, được vẽ trên sàn, trên bậc cửa, hoặc trên sân bằng bột ngũ cốc và phẩm màu. Theo phong tục của người Ấn, khi nhà có tang, trên bậc cửa nhà không có tranh kolam.

Dịch giả Nguyễn Bích Lan

Sinh năm 1976, tại Hưng Hà, Thái Bình.

Bắt đầu dịch sách từ năm 2002, cho đến nay Nguyễn Bích Lan đã xuất bản 30 cuốn sách dịch trong đó có các cuốn sách văn học được nhiều người tìm đọc như Triệu phú khu ổ chuột của Vikas Swarup (Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2010 về Dịch), Tuyển tập truyện ngắn Một đêm duy nhất của Rabindranath Tagore, tiểu thuyết Mảnh buồn của William Woodruff, tiểu thuyết Cọ hoang của William Faulkner. Nguyễn Bích Lan cũng là dịch giả của bộ tự truyện của diễn giả không chân không tay Nick Vujicic. Ngoài dịch thuật, Nguyễn Bích Lan đã xuất bản hai cuốn sách sáng tác. Đó là tự truyện Không gục ngã và tập truyện ngắn & thơ mang tên Sống trong chờ đợi. Đây là hai tác phẩm soi rọi rõ hơn tâm hồn và ý chí vượt qua mọi rủi ro số phận của dịch giả; đặc biệt nó cho thấy thiên bẩm ngôn ngữ tuyệt vời ở một người rất ít các cơ hội giao tiếp.

VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG

Gabriel Garcia Marquez

Cách nay bốn năm, khi làm tư liệu để chuẩn bị tái bản một số tiểu thuyết danh tiếng của Gabriel Garcia Marquez, Nobel Văn học 1982, tôi đọc được thông tin sau: "Nhà văn Gabriel Garcia Marquez cùng với vợ và hai người con trai đã đến thăm Việt Nam vào giữa tháng 7/1979. Trong gần một tháng ở Việt Nam, ông đã đi thăm nhiều nơi, gặp gỡ nhiều giới chức và người dân ở các địa phương tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Tại Hà Nội ông tiếp xúc với Hội Nhà văn Việt Nam, làm việc với Bộ Ngoại giao và được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp và nói chuyện thân tình. Sau chuyến đi ấy, trở về Mexico, nơi ông định cư từ đầu những năm 60 thế kỷ trước, Marquez đã viết thiên phóng sự dài "Việt Nam nhìn từ bên trong" (Vietnam por dentro) đăng trên báo Proceso. Bài phóng sự đó của Marquez viết về tình hình Việt Nam thời kỳ sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là thời gian mà Việt Nam gặp nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội, chuyện về người ra đi bằng thuyền đang là vấn đề nổi cộm trên truyền thông quốc tế lúc đó. Nhưng Marquez, vốn là một nhà báo bậc thầy giàu kinh nghiệm, nên ông có cách tiếp cận và xử lý thông tin một cách khách quan và cân bằng đối

với đề tài nhạy cảm ấy. Sau khi thăm miền Nam, trở về Hà Nội, ông đã có buổi gặp gỡ với đại diện Hội Nhà văn Việt Nam và báo Văn nghệ tại Nhà khách Chính phủ ở số 2, phố Lê Thạch. Nhà văn Đào Vũ, Tổng Biên tập báo Văn nghệ và nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú có mặt trong buổi nói chuyện ấy. Tôi đến đó với tư cách phóng viên của Ban biên tập tin Đối ngoại thuộc TTXVN để đưa tin về hoạt động của ông ở Việt Nam.

Vào thời điểm đó, Marquez đã là nhà văn có tên tuổi với những tác phẩm được thế giới nhưng ở Việt Nam lúc bấy giờ, hình như ngay cả các nhà văn cũng chưa ai đọc và hiểu được tầm vóc của người sẽ nhận giải Nobel văn chương ba năm sau đó (1982)". Đoạn trích trên đây là của nhà báo Phạm Đình Lợi, nguyên phóng viên đối ngoại của TTX Việt Nam.

Chuyến thăm Việt Nam năm 1979 của một nhà văn lớn, thế mà không lưu lại dấu vết nào trên các phương tiện truyền thông đại chúng của Việt Nam? Thậm chí, một nhà báo của TTXVN, thạo tiếng Spanish, được dự buổi làm việc tại Hội Nhà văn, cũng không có máy ảnh để ghi lại vài tấm ảnh lưu niệm. Thật tệ! Đúng là *chuyện buồn không thể tin được...* như tên một truyện ngắn của G. Marquez!

Tôi đã gửi email cho bạn bè đang sống, làm việc ở các nước như Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Tâybannha, Hàlan, Bỉ, Đức, Italia... ra sức tìm bài Vietnam por dentro: "Việt Nam nhìn từ bên trong", phóng sự của G. Marquez viết sau khi đi Việt Nam về. Nhưng... vô vọng! Tôi chỉ tìm được đoạn giới thiệu trên báo bằng tiếng Spanish: *Vietnam por dentro*. La Redacción. 1979-12-22 01:00:00· COMENTARIOS DESACTIVADOS. Edicion Mexico.

Mãi đến khi tôi thực hiện chuyến du khảo Anh Quốc và

Scotland tháng 6-2014, tôi mới được Trần Lê Quỳnh ở BBC London cung cấp cho bài báo nói trên in trên tờ *Rolling Stone* của Anh ngày 29-05-1980 dưới tựa đề: *The Vietnam Wars*. Bản tiếng Anh dịch từ tiếng Spanish của Gregory Rabassa. Về nước, tôi đã cho dịch ngay bài báo này. Dù chỉ là một phóng sự viết sau một tháng ở Việt Nam, G.Marquez đã chứng tỏ ông là một nhà văn lớn, tầm cỡ thế giới khi nhận ra bản chất của tình hình Việt Nam sau chiến tranh, đặc biệt là sau cuộc chiến tranh xâm lược của Trung Quốc tháng 2-1979. Đây là toàn văn phóng sự: *Việt Nam nhìn từ bên trong* của G.Marquez. Bản dịch của Phạm Mạnh Hào.

Nhà văn Triệu Xuân *sưu tầm, giới thiệu*

Đấu tranh để giành lại đất nước bị tàn phá, Việt Nam lại phải đối mặt với một Trung Quốc thù địch và sự đe dọa từ kẻ thù ở bên trong.

Loại thuốc đắt nhất ở Việt Nam hồi tháng 8 năm ngoái là thuốc chống say sóng. Các hiệu thuốc bình thường bán hơn 1 USD cho vỉ 12 viên đã hết sạch loại thuốc này và chúng bắt đầu xuất hiện trên thị trường chợ đen với giá 5 USD một vỉ. Mặc dù thế, chúng vẫn không phải là thứ thiết yếu đắt nhất hay khó tìm được nhất để bỏ trốn khỏi Việt Nam trên một chiếc tàu bất hợp pháp. Tại thành phố Hồ Chí Minh – hay Sài Gòn trước đây – bất cứ ai muốn đi vào bất cứ lúc nào chỉ cần có đủ tiền để mua suất và sẵn sàng đối mặt với rủi ro lớn.

Phần dễ nhất trong kế hoạch là liên hệ với những người tổ chức. Trong nhiều ngõ hẻm của khu Chợ Lớn, nơi mà bất cứ thứ gì trên thế giới đều có thể mua bán được bằng tiền, thứ duy nhất miễn phí là thông tin về các thuyền bí mật. Tiền

phải được thanh toán ngay, bằng vàng và tỷ lệ quy đổi dựa theo độ tuổi, thời gian và nơi đến. Trẻ em dưới 5 tuổi không phải trả gì cả. Đối với trẻ từ 6 đến 16 tuổi, để bắt đầu chuyến đi, giá là 3,5 ounce vàng. Đối với người từ 19 tuổi đến 99 tuổi, giá là 6 ounce vàng. Ngoài ra họ còn phải hối lộ 5 ounce vàng cho các quan chức cung cấp giấy thông hành giả di chuyển trong nước.

Tình hình ở thành phố Hồ Chí Minh lúc đó, cũng như trên toàn miền Nam sau thống nhất, là hỗn loạn. Số Hoa kiều, con số khoảng trên 1 triệu người, đều trong tâm trạng hoảng sợ bởi vì mối đe dọa về một chiến tranh với Trung Quốc. Những người thuộc chế độ cũ và giai cấp tư sản từng mất hết mọi đặc quyền vì thay đổi xã hội chẳng còn muốn gì hơn là trốn đi với bất cứ giá nào. Chỉ những ai có bản lĩnh chính trị vững vàng và số này là không nhiều trong một thành phố đã bị Mỹ chiếm đóng nhiều năm, là ở lại. Còn đa phần sẵn sàng trốn đi ngay cả khi không biết số phận của họ ra sao.

Dĩ nhiên thì một cuộc tháo chạy quy mô như vậy không thể diễn ra nếu không có một tổ chức lớn với những mối liên hệ từ bên ngoài. Và dĩ nhiên, không thiếu sự đồng lõa của nhiều quan chức. Cả hai điều này ở miền Nam là dễ dàng, nơi cánh tay quyền lực của nhân dân chưa thể ngăn chặn thành công những tàn dư từ chế độ cũ. Những người giỏi nhất thì đã bị giết hại trong Chiến dịch Phượng Hoàng và miền Bắc lúc đó chưa đủ điều kiện để bổ sung lượng nhân lực đang rất thiếu này.

Tuyến đường trong các cuộc di tản, càng xa càng tốt, ban đầu được 5 tổ chức chính tiến hành ở những cảng cá phía cực nam và Đồng bằng sông Cửu Long, nơi công an rất khó kiểm soát. Những tay môi giới liên hệ với khách đi trước đó đưa họ lên

những điểm tàu. Ngoài giấy thông hành giả, nhiều người không mang theo hành lý gì ngoài quần áo đang mặc và ít thuốc chống say sóng. Nhưng phần lớn họ đều đi theo gia đình và tài sản của họ là những thỏi vàng, viên đá quý.

Chuyến đi tới các cảng cá bí mật đều xa và nguy hiểm, đặc biệt cho trẻ em, và chẳng có gì là đảm bảo thành công nếu như họ bị quân đội bắt giữ hoặc tệ hơn cả là những tên cướp đường.

Nhìn chung, tàu di tản đều là những thuyền đánh cá chỉ dài khoảng 24m. Sức chứa tối đa của chúng là 100 người nhưng các thuyền đều có trên 300 người, giống như con cá sardine bị lèn trong hộp. Phần lớn là trẻ em em dưới 12 tuổi. Nhiều người may mắn tránh được lực lượng tuần tra, thời tiết xấu và thậm chí là bão, nhưng không một ai có thể thoát khỏi các vụ tấn công của cướp biển ở biển Đông.

Đó là một thực tế tàn khốc và cấp bách, và nó không chỉ nhận được sự quan tâm của các tổ chức nhân quyền mà còn cả thế giới. Nhưng những vấn đề chính trị do Mỹ tạo ra càng làm vấn đề thêm rối rắm và việc tìm giải pháp cho thuyền nhân Việt Nam lúc đó là không thể.

Làn sóng di tản bắt đầu vào tháng 4 năm 1975 khi Mỹ kết thúc sự hiện diện tại Việt Nam và bỏ mặc đồng minh không còn được che chở - bất chấp lời hứa sẽ đưa đi gần 250.000 người. Quân đội và lực lượng cảnh sát chế độ cũ, những điệp viên và đao phủ, cũng như những kẻ giết người trong chiến dịch Phượng Hoàng, đã chạy khỏi đất nước.

Tuy nhiên, vấn đề nghiêm trọng nhất mà Việt Nam đối mặt sau giải phóng không phải những tội phạm chiến tranh mà là lực lượng tư sản của miền Nam. Phần lớn lực lượng này là Hoa kiều. Trong số 1,5 triệu người Hoa sinh sống ở Việt Nam trong

chiến tranh, hơn 1 triệu người tập trung ở Chợ Lớn. Chợ Lớn có nghĩa là chợ to và vì thế, cái tên này không có gì là ngẫu nhiên cả. Đó là một vùng riêng của chủ nghĩa tư bản giàu có giữa một trong những đất nước nghèo khổ nhất thế giới, với mọi hoạt động tiêu pha chỉ diễn ra về đêm và ở mọi trò giải trí. Tại đây có những sòng bài, ổ thuốc phiện, các nhà thổ - sau giải phóng thì tất cả đều bị cấm.

Nhiều thương nhân giàu có cố thoát đi cùng với số tài sản của họ trong những ngày đầu giải phóng hỗn loạn nhưng đa phần vẫn ở lại Chợ Lớn, làm giàu bằng cách buôn bán những hàng thiết yếu. Tại khu vực này gần như độc quyền về vàng, kim cương và ngoại tệ, và hầu hết những mặt hàng nhập khẩu mà người Mỹ để lại đã biến mất khỏi Chợ Lớn. Từ đây, họ tỏa đi khắp nơi thu mua toàn bộ lúa thu hoạch. Lương thực về sau xuất hiện trên chợ đen, giá cao như kim cương. Trong khi những người Việt Nam còn lại trải qua tình trạng thiếu lương thực, ở khu vực của người Hoa, mọi người có thể kiếm bất cứ thứ gì cho cuộc sống dễ chịu và biến Sài Gòn giống như một thiên đường nhân tạo trong thời kỳ chiến tranh.

Đến tháng 3 năm 1978, gần như mọi trao đổi vàng và ngoại tệ ở Việt Nam đều nằm ở quận Babylonic của Chợ Lớn, và chính phủ cuối cùng quyết định chấm dứt sự vô lý này. Đầu năm 1978, quân đội và công an đã phá hủy một số lượng lớn mạng lưới đầu cơ tích trữ và nhà nước nắm giữ buôn bán lương thực. Không quyết định khởi tố nào được đưa ra nhằm chống lại những kẻ đầu cơ, thay vào đó chính quyền trả tiền cho số hàng của họ.

Mặc dù thế, nhiều người vẫn muốn trốn đi và việc người Hoa bị xem là tư sản, là Trung Quốc càng dễ tạo điều kiện thuận lợi cho những kẻ thù của Việt Nam xuyên tạc hiểm độc nguyên

nhân là vì vấn đề giai cấp và không cùng giống nòi. Cho đến thời điểm này, con số trung bình các chuyến vượt biên bất hợp pháp là 5000 người mỗi tháng, trong đó có nhiều người Việt Nam và Trung Quốc. Sau khi quốc hữu hóa công thương nghiệp tư doanh, số người di tản bắt đầu tăng. Cùng thời, số người Hoa trốn đi cũng tăng. Đến cuối năm 1978, 20.000 người đã di tản. Cuối cùng, chiến tranh với Trung Quốc vào tháng 2 năm 1979 nổ ra, sự cản trở và thôi thúc ra đi đã trở thành cơn hoảng sợ.

Trong mớ hỗn độn đó, số cuộc ra đi trái phép bằng thuyền từ Việt Nam đã đạt tới con số 13.400 người vào tháng 3, 26.600 trong tháng 4, 51.100 người trong tháng 5 và 54.900 người trong tháng 6. Đến tháng 7 thì thuốc chống say sóng hết sạch. Vào thời điểm đó, 164.550 người đã đến những nước láng giềng, chủ yếu Thái Lan, Hong Kong và Indonesia. Có bao nhiêu người chết trên biển không ai biết rõ, một phần vì cũng chẳng ai biết được đã có bao nhiêu người rời Việt Nam.

Trong khoảng thời gian này, chiến dịch truyền thông chống lại Việt Nam đã đạt tới tầm một scandal thế giới, dựa trên giả thuyết rằng chính phủ đã trục xuất kẻ thù của họ và buộc họ lên những chiếc thuyền đánh cá nguy hiểm. Thực ra, Việt Nam đã đạt được một thỏa thuận với Cao ủy Liên hiệp quốc về những cuộc ra đi có sắp xếp. Một trong những điều kiện của Liên hiệp quốc là yêu cầu visa cư trú ở nước nhập cảnh và đây là một giải pháp quan liêu trong tình thế cấp bách vào lúc đó. Bởi vậy, khi những yêu cầu này là vô vọng, cách tốt nhất để ra đi là ra đi bất hợp pháp.

Tôi đã qua Hong Kong vào cuối tháng 6. Tình hình Biển Đông lúc này đang sôi sục. Chính phủ Malaysia thông báo ý định của họ là sử dụng vũ lực ngăn cản tàu thuyền xâm phạm lãnh

hải của nước này. Vùng biển của Singapore cũng được tuần tra gắt gao. Một khách du lịch trên chiếc phà tới Macao chỉ để ngắm nhìn đường phố cho nguôi nỗi nhớ Bồ Đào Nha có đi ngang qua những con đường ở chỗ nước đọng của vịnh và đã nhìn thấy nhiều con tàu đầy người hấp hối mà hải quân Anh lại dắt về Hong Kong. Chính quyền Thái Lan thì tuyên bố nước này tràn ngập làn sóng người di tản từ khắp nơi vượt qua biên giới. Bangkok trở thành trung tâm tin tức của thế giới và hành lang của các khách sạn chật cứng phóng viên cùng máy ảnh và thiết bị truyền hình.

Theo thống kê của Liên hiệp quốc, có 140.297 người di tản ở đó: 116.422 từ Lào, 12.595 từ Campuchia và chỉ có 11.277 từ Việt Nam. Tuy nhiên, báo chí Thái Lan đã đưa tin không chính xác khi cho rằng số người di tản này đều từ Việt Nam và rằng, chính phủ Việt Nam nhận khoản phí chính thức vào khoảng 4.000 USD để người di tản được phép ra đi. Sau tháng 2, khi làn sóng di tản lên đến đỉnh điểm, báo giới đưa tin người Hoa kiều bị ngược đãi tồi tệ nhằm trả đũa cho sự xâm lược của Trung Quốc. Những bức ảnh kinh hoàng được công bố; những người bị đắm tàu trôi dạt vào bờ giống như những người di tản từ một trại tập trung. Chúng đều thật: sau nhiều tuần trôi dạt, đói khát, bị cướp biển cướp bóc, những triệu phú của Chợ Lớn đã trở nên nghèo đói như bất cứ người Trung Quốc nào.

Tôi đến Việt Nam chỉ với mục đích là mắt thấy tai nghe, ngay cả vậy thì bản thân tôi cũng thấy rằng, sự thật nằm giữa những thông tin trái ngược nhau. Tuy nhiên thì câu chuyện của người di tản, gần gũi đến thế và thương tâm đến thế, đã trở thành mối quan tâm thứ hai bởi mối quan tâm hàng đầu của tôi là thực tế đáng sợ của đất nước này.

Điều làm tôi ấn tượng nhất ngay từ đầu là sự tàn phá vẫn còn hiện hữu dù cuộc chiến tranh chống Mỹ đã kết thúc cách đó 4 năm. Người Việt Nam không có cả thời gian để quét nhà của họ. Những sân bay dân dụng ngập đầy xác máy ném bom và trực thăng. Tất cả những cỗ máy chết người đó đều bị bỏ lại trong cuộc tháo chạy cuối cùng. Từ những con đường cao tốc vắng lặng, người ta có thể nhìn thấy tro tàn của các thị trấn bị bom napalm tàn phá và vùng đất không một bóng người trước đây từng là một cánh rừng, giờ đã trở nên cằn cỗi vì chất độc hóa học. Những con kênh tưới tiêu đan xen tạo nên hình ảnh của một chiếc bàn cờ nhìn từ trên cao giờ không còn tác dụng nữa. Những con sông hiền hòa, bao la mà từ tháng 7 đã đón nhiều cơn mưa lớn giờ chỉ có thể băng qua bằng cầu phà hay những thân cây lớn ghép lại khi toàn bộ các cây cầu lịch sử từ thời Pháp bị phá hủy. Có lẽ, cầu Long Biên là chứng tích duy nhất còn sót lại. Nó đã hứng chịu một số trận bom và được tu sửa lại ngay vì là con đường duy nhất tới Hà Nội từ cửa ngõ phía bắc. Cầu làm bằng thép nên có thể phục hồi và sửa chữa, mang lại cho người ta cảm giác đây là tháp Eiffel nằm bắc ngang qua dòng sông Hồng.

Một cách nào đó thì chiến tranh chưa chấm dứt. Hàng tấn mìn và bom không nổ vẫn còn nằm rải rác khắp đất nước. Không lời cảnh báo, một quả mìn sau bốn năm nằm lại sẽ để lại nhiều hậu quả thương tâm cho những người phụ nữ đang làm đồng khi nước ngập đến hông họ. Trong một trường học, một quả bom dưới lòng đất có thể mang đến cái chết cho nhiều trẻ em ở giờ ra chơi. Một con trâu chạy lung tung và động vào bãi bom, bãi mìn có thể tạo ra những vụ nổ thổi bay cả một ngôi làng. Chỉ tính trong một tỉnh đã có hàng nghìn người thiệt mạng theo cách này sau khi chiến tranh kết thúc.

Người Việt Nam ước tính Mỹ đã thả xuống 14,5 triệu tấn bom

trên đất nước của họ, một con số cao gấp nhiều lần số bom thả xuống trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Đó là đòn trừng phạt tàn bạo nhất mà một đất nước phải chịu đựng trong lịch sử loài người. Để ngăn chặn quân du kích Việt Nam trốn trong rừng sâu, máy bay Mỹ đã thả xuống hàng nghìn tấn chất độc da cam và bom cháy khiến 3,33 triệu ha đất cằn cỗi, có lẽ là mãi mãi, và phá hủy hoặc làm hỏng hàng nghìn ngôi làng. Mạng lưới đường sắt quốc gia bị phá hủy, hệ thống tưới tiêu và thoát nước vô hiệu, 1,5 triệu con bò và trâu bị giết, hàng trăm nghìn ha đất nông nghiệp bị tàn phá. Không ngôi trường và bệnh viện nào còn nguyên vẹn.

Không bao lâu sau khi chiến tranh kết thúc, Việt Nam còn phải nhận thêm hai tai họa khác: nạn hạn hán năm 1977 khiến mùa màng mất mùa, sau đó là lũ lụt và bão. Nói một cách văn chương thì Chúa đã hoàn tất cơn hủy diệt mà người Mỹ chưa hoàn thành. Hậu quả khiến đất nước kiệt quệ và 53 triệu người sống trong cảnh nghèo khổ.

Nhìn bề ngoài thì ai cũng có thể thấy được biến động lớn đó. Tuy vậy thì những thiệt hại về vật chất không lớn hay không thể khắc phục được lại là sự rối loạn về tinh thần. Có lẽ đây là khác biệt lớn nhất giữa các tỉnh thành phía bắc, theo chủ nghĩa xã hội hơn 20 năm và miền nam mới được giải phóng được một vài năm. Mặc dù thống nhất nhưng thực tế miền bắc và miền nam giống như hai quốc gia hoàn toàn khác nhau.

Hà Nội dường như chẳng thay đổi gì nhiều kể từ thời Pháp thuộc. Trong tháng 7 oi bức khi tôi còn ở đây, thủ đô của Việt Nam là một thành phố hòa bình và khiến tất cả có cảm giác thời gian luôn dừng ở con số bốn giờ chiều. Mặc dù độ ẩm và không khí ngột ngạt, người ta không cảm thấy họ ở một đất

nước nhiệt đới. Ngồi bên những hồ nước thơ mộng, dưới những hàng cây cổ thụ, cuộc sống tại Hà Nội trôi qua lặng lẽ như cuộc sống ở một vùng nông thôn của Pháp. Từ sáng sớm, một nửa trong số gần 2 triệu người dân ra đường bằng xe đạp, vội vã theo một trật tự tự nhiên và không gian chỉ bị khuấy động bởi những chiếc ô tô khiến tất cả phải chú ý mang biển ngoại giao. Xe công vụ có rất ít và quan chức chính phủ, thậm chí một số bộ trưởng, cũng phải đi trên những chiếc xe đạp với một sự khiêm tốn và cảm giác về bình đẳng xã hội khó mà tưởng tượng được.

Sau 6 giờ chiều, thành phố sẽ chìm vào một không gian yên tĩnh. Các gia đình đi ngủ sau những ô cửa tối tăm, một số bởi vì họ đã chạy trốn khỏi đất nước vì lo sợ một cuộc chiến tranh với Trung Quốc và không có nhà, số khác bởi vì họ không thể chịu được cái nóng bên trong những ngôi nhà chật ních người. Truyền hình bắt đầu vào lúc 7 giờ: 4 giờ cho các chương trình chính thức, phim tài liệu yêu nước và phim truyện từ các nước xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy thì chỉ có những trận đấu bóng đá mới thay đổi được tính thần nhiên của người Việt Nam và khuấy động đam mê ở họ.

Vào lúc 8 giờ, trong sự im lặng hoàn toàn, người ta có thể nghe thấy tiếng đàn tranh xa xôi đầy bồi hồi. Chỉ có những địa điểm còn mở cửa là các khách sạn cũ từ thời Pháp và một số cửa hàng ăn uống kê được bốn cái bàn nhỏ xíu, nơi chủ quán ngồi chồm chồm chuẩn bị một ly café lạ với muối và vài quả trứng luộc.

Cách 1126km về phía nam, thành phố Hồ Chí Minh không ngủ cả đêm, giống như sấm rền liên tục. Đó là một thành phố lớn, năng động và nguy hiểm, với gần 4 triệu dân, những người lang thang trên phố nhiều giờ liền bởi vì họ chẳng có gì

để làm. Trái với Hà Nội, đây là một cảng miền nam, nơi cuộc sống luôn trong tình trạng hốt hoảng vì người đi xe đạp vô ý trên phố, tiếng động cơ xe máy không thể chịu nổi và tiếng còi ô tô đang cố len lỏi trên con đường đầy người. Chính cảm giác này đã khiến nhà văn Graham Greene tự hỏi Chúa ở đâu trong thành phố quỷ quái này, còn tôi tự hỏi chính phủ có vai trò gì. Thị trường chợ đen bùng phát khắp mọi nơi. Thuốc lá Mỹ, sô cô la Anh và nước hoa Pháp được bày bán đầy trên những chiếc bàn nhỏ khắp khiêng bày ven đường.

Vào chiều tối, thanh niên Sài Gòn tập trung ở quảng trường, ăn mặc theo phong cách Mỹ, nghe nhạc rock và mơ về một thời quá khứ đã trôi qua mãi mãi. Không như các cô gái miền bắc giản dị, nhiều cô gái miền nam biết làm đẹp cho mình bằng phong cách châu Âu. Họ thích nước da sáng, ngay cả khi ăn vận theo phương Đông, và họ biết tán tỉnh là như thế nào. Dưới thời Mỹ chiếm đóng, thành phố không còn giữ được bản sắc văn hóa của mình, trở thành một thiên đường nhân tạo được bao bọc bởi quân đội và sự trợ giúp của Mỹ, của hàng tấn đồ tiếp tế. Người dân cuối cùng tin rằng đây là cuộc sống. Vì thế, chiến tranh kết thúc khiến họ trở nên lạc lõng và xa rời thực tế, để rồi 4 năm sau khi người Mỹ cuối cùng rút đi, họ không thể gượng dậy được.

Cái giá cho sự cuồng nhiệt này là hết sức kinh ngạc: 360.000 người tàn tật, 1 triệu quả phụ, 500.000 gái điếm, 500.000 con nghiện ma túy, 1 triệu người mắc bệnh lao và hơn 1 triệu lính thuộc chế độ cũ, tất cả đều không thể phục hồi trong xã hội mới. Khoảng 10% dân số thành phố Hồ Chí Minh bị mắc bệnh hoa liễu nặng khi chiến tranh kết thúc và có 4 triệu người mù chữ khắp miền nam.

Vì thế, không có gì lạ nếu tìm thấy trên những con phố nhiều

trẻ em lang thang phạm tội. Chúng tự gọi chúng là Hạt bụi cuộc đời và xăm những biểu tượng khó hiểu trên cánh tay, ngực và bàn tay: MAMA IS SUFFERING A LOT FOR ME, PAPA COME HOME, THE ONES WHO LOVE ME CAN'T FIND ME (Mẹ đang chịu nhiều khổ đau vì con, bố về nhà, những người yêu con không thể tìm thấy con).

Và cũng không lạ nếu thấy giữa một nhóm người phương Đông xuất hiện những trẻ em với mái tóc nâu vàng, mắt xanh, mũi lõ, da đen, những đứa trẻ sinh ra từ chiến tranh.

Những nỗ lực hàn gắn vết thương chiến tranh của Việt Nam bắt đầu ngay sau ngày giải phóng. Ngay khi đất nước thống nhất, việc cải cách hành chính, chính trị và xã hội miền nam bắt đầu được tiến hành. Hệ thống nông nghiệp và giao thông được xây dựng lại nhanh nhất có thể, và nỗ lực cao nhất nhằm đưa miền nam ổn định trật tự.

Một hệ thống trường cấp tốc được thành lập. Y tế xã hội hóa phòng bệnh được tổ chức và quá trình phục hồi gái mại dâm, trẻ mồ côi và người nghiện bắt đầu diễn ra. Những tội phạm chiến tranh được thử thách và nhiều người đã bị tử hình. Số khác được đưa vào trại cải tạo hoặc ngồi tù. Không có cuộc tắm máu nào cả như phía Mỹ dự đoán. Trái lại, Việt Nam đã nỗ lực giúp quân nhân chế độ cũ và giới tư sản không kinh doanh hòa nhập với xã hội mới. Nhiều việc làm mới được tạo ra để giải quyết công việc cho hơn 3 triệu người thất nghiệp.

Mặc dù thế, nhiều khó khăn lớn và cấp bách vẫn tồn tại với người Việt Nam, bất chấp mọi nỗ lực, sự kiên nhẫn và hy sinh của họ. Sự thật là đất nước thiếu nguồn lực để có thể giải quyết một thảm họa lớn và nhiều vấn đề như vậy. Chiến dịch Phụng Hoàng đã lấy đi của miền nam nhiều nhân tài và thay

thế bằng một bộ máy tham nhũng của chế độ cũ. Hơn nữa, tổng thống lúc đó Gerald Ford đã không thực hiện lời hứa của nước Mỹ đưa ra trong các thỏa thuận Paris năm 1973 là bồi thường chiến tranh cho Việt Nam hơn 3 triệu USD trong vòng hơn 5 năm. Chưa kể chính quyền Carter cản trở những nỗ lực của Việt Nam nhằm nhận được cứu trợ của quốc tế.

Đó là thực tế thường ngày mà Việt Nam phải đối mặt vào tháng 8 năm 1979, trong khi báo chí phương Tây kêu ca về số phận của người di tản. Mặc dù thế, ấn tượng tôi có được sau một chuyến đi chu đáo và cẩn thận trong gần một tháng trong nước về nỗi lo lớn nhất của người Việt Nam không phải là các vấn đề về kinh tế và xã hội mà là nguy cơ một cuộc chiến tranh mới với Trung Quốc. Đó là nỗi ám ảnh quốc gia, đến mức thấm nhiễm vào cuộc sống hằng ngày của người dân. Tại sân bay ở Hà Nội, nhiều chuyến bay thương lệ đã bị hoãn lại vài giờ vì bầu trời tràn ngập máy bay MIG diễn tập. Xe đạp và trâu phải nhường đường cho xe tăng. Ở những khu vui chơi vào ngày chủ nhật, giữa đám trẻ con, chim sơn ca và mùi hương hoa, một thế hệ thanh niên đã cảm nhận được tình trạng báo động chiến tranh khẩn cấp. Còn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, nông dân đi ngủ với vũ khí để bên cạnh người.

Ở biên giới, tình hình còn căng thẳng hơn. Người Việt Nam cho rằng 160.000 người Trung Quốc sống tại đây đã băng qua biên giới trước cuộc xâm lăng và rằng nhiều người đã xâm nhập trở lại Việt Nam nhằm lấy tin tức. Lo sợ mỗi người Hoa là một gián điệp, người Việt Nam đẩy họ ra xa mình. Khi cuộc chiến kết thúc, họ buộc họ phải quyết định giữa việc chọn Việt Nam, sống xa biên giới hoặc rời đất nước.

Nguy cơ về một cuộc chiến tranh với Trung Quốc đã ăn sâu vào nhận thức xã hội của người Việt Nam đến mức như thế

những năm kháng chiến đã tạo nên cho họ một thứ văn hóa chiến tranh. Nó có thể được thấy ở mọi khía cạnh của cuộc sống thường ngày, thậm chí trong nghệ thuật và tình yêu. Ở những trại trẻ mồ côi tại miền nam, trẻ em chào đón khách đến thăm bằng những kiểu chào quân đội, hát những bài ca yêu nước.... Trong các viện bảo tàng, nhiều tác phẩm ra đời từ nguồn cảm hứng chiến tranh, ca ngợi sự dũng cảm và hy sinh. Trong những lễ hội văn hóa, các cô gái xinh đẹp chơi đàn tranh hát những bài hát nói về người lính hy sinh cho tự do. Tiểu thuyết và thơ cũng được viết ra từ những người đã từng đi qua chiến tranh.

Mặc dù vậy, điều làm tôi ngạc nhiên nhất ở người Việt Nam là sự bình thản. Họ luôn có vẻ hạnh phúc, lạc quan và hài hước. "Chúng tôi là những người Latin của châu Á," một quan chức đã nói như vậy với tôi. Có một lần, một người phiên dịch dịch một câu chuyện kinh sợ cho tôi, trong khi khuôn mặt người đàn ông kể chuyện luôn hiện lên một nụ cười. Tôi phản đối người phiên dịch: "Không thể có chuyện anh ấy nói ra những điều kinh khủng như thế với một khuôn mặt hạnh phúc được." Thực tế là như vậy và thực tế đã xảy ra như thế. Thậm chí mối quan hệ với Trung Quốc cũng không làm thay đổi được sự bình thản của người Việt Nam. Nhưng sự thực thì họ cũng chẳng nghĩ về một điều gì khác.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho rằng căng thẳng xã hội có một lý lẽ lịch sử. Nhà lãnh đạo già, thật khó tin là ở tuổi 74 ông vẫn mạnh khỏe và minh mẫn như vậy, tiếp đón tôi và gia đình tôi vào lúc 6 giờ sáng, một cái giờ mà phần lớn các nguyên thủ đều chưa dậy. Đó là một cuộc trò chuyện dài, theo phong cách Việt Nam, vừa khiêm tốn, vừa trang trọng và rồi cuối cùng chúng tôi bàn về chủ đề một cuộc chiến tranh mới với Trung Quốc. Tôi hỏi thủ tướng một cách thành thật liệu căng thẳng

khó cưỡng lại về một cuộc chiến sắp xảy ra đã được chính phủ phát động nhằm giữ vững tinh thần dân tộc ở trong trạng thái đề cao lâu dài hay liệu nguy cơ về một cuộc xâm lược khác của Trung Quốc thực sự đã tồn tại. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã trả lời tôi: "Đấy là một mối lo đã tồn tại từ hàng nghìn năm." Và ông kết thúc bằng một câu tiếng Pháp uy nghiêm: "*C'est un rêve imperial fou.*" ("Đó là một giấc mơ đế quốc điên rồ.")

Xuân Thủy, chủ tịch ủy ban các vấn đề đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam nói rõ hơn về khía cạnh lịch sử. Trong căn nhà của ông ở Hà Nội vào một buổi chiều mưa gió, ông giải thích cho tôi rằng, Trung Quốc đã xâm chiếm Việt Nam từ nhiều thế kỷ trước và mâu thuẫn mới nảy sinh trong thập niên 60. Trong giai đoạn đó, Xuân Thủy nói với tôi, "Trung Quốc có đề nghị Việt Nam về một cuộc họp với các đảng Cộng sản khác nhằm tạo ra một liên minh chống Liên Xô." Xuân Thủy cho rằng, lời từ chối khi đấy của Việt Nam là mâu thuẫn nghiêm trọng đầu tiên trong mối quan hệ hiện tại giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tôi hỏi Xuân Thủy giải thích tại sao Trung Quốc lại giúp Việt Nam chống Mỹ. "Trung Quốc đã giúp đỡ chúng tôi," ông nói, "bởi vì đó là cách bảo vệ biên giới của họ cũng đang bị Mỹ đe dọa. Nhưng ngay khi hai nước này đạt được một thỏa thuận, thái độ của Trung Quốc với Việt Nam đã thay đổi hoàn toàn."

Sau chuyến thăm của Nixon tới Bắc Kinh vào tháng 2 năm 1972, Hà Nội trở thành mục tiêu của những đợt ném bom tàn khốc. Xuân Thủy tin rằng chiến dịch ném bom này là kết quả của một thỏa thuận giữa Mỹ và Trung Quốc.

Thậm chí hành động quân sự của Việt Nam tại Campuchia chỉ là một phần trong chiến tranh ngàn xưa. Xuân Thủy cho là

quân đội Trung Quốc đã chiếm giữ một số tỉnh của Campuchia với sự cho phép của chính quyền Pol Pot nhằm tấn công Việt Nam ở bên sườn. "Họ sẽ không từ bỏ tham vọng cho đến khi họ đánh được chúng tôi," ông nói. "Nếu ông không tin, hãy ra biên giới và ông sẽ thấy họ có thể làm được gì."

Một ngày trước, tôi lên Lạng Sơn, cách biên giới Trung Quốc vài km. Thành phố bị phá hủy hoàn toàn, không phải từ các cuộc giao tranh mà bằng thuốc nổ. Người Trung Quốc được thành phố trong một ngày và phá hủy tất cả một cách có hệ thống. Họ cho nổ tung các trụ sở, thư viện, trạm y tế, các trung tâm công nghiệp. Quanh chợ, nơi người dân tập trung buôn bán, tất cả đã bị san phẳng.

Tất cả những người Việt Nam mà tôi nói chuyện đều đồng ý rằng, một cuộc tấn công khác là không thể tránh khỏi. "Chúng tôi chờ họ," Phạm Văn Đồng nói với tôi. "Lần này họ sẽ thấy chúng tôi chuẩn bị tốt hơn," Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch nói với tôi. "Họ sẽ tấn công chúng tôi thêm hai lần nữa," Xuân Thủy nói, như thể một nhà tiên tri dự báo. Và ông kết luận cùng với nụ cười không thể bị khuất phục: "Chỉ khi chúng tôi đánh bại họ ba lần, họ sẽ hiểu được họ không thể đánh thắng chúng tôi và có thể họ sẽ quyết định đi tới một hiệp ước hòa bình lâu dài."

Chuyến thăm Việt Nam của tôi kết thúc vào buổi chiều hôm đó, mặc dù tôi đã phải chờ 3 ngày cho cơn bão đi qua.

Một ủy ban từ Thượng nghị viện Mỹ xuất hiện ở khách sạn của chúng tôi. Sứ mệnh của họ là gặp gỡ các quan chức chính phủ để bàn về vấn đề người di tản và họ đã được đón tiếp trang trọng. Nhưng họ cũng đến để chuẩn bị cho một hành trình tìm kiếm Tarzan. Họ mang theo những thùng nhựa

đựng đầy nước uống, soda và bia với đủ loại nhãn hiệu, đồ hộp, rau quả, một tủ rượu có thể di chuyển và một bệnh viện dã chiến với một đơn vị đặc biệt dành cho điều trị rắn cắn. Họ mang theo tất cả các loại thuốc trừ sâu bọ và chất diệt trùng cùng một bộ thiết bị dập lửa. Tất cả được cất trong những hòm thép có đóng dấu của Mỹ, và cùng với thiết bị truyền hình, tất cả chất đầy hành lang của khách sạn.

Một trong những thành viên của đoàn tỏ ra bất ngờ khi thấy một nhà văn phương tây ở Việt Nam. "Giờ thì mọi người đều chống lại họ," ông ta nói. Thực tế, những nghệ sĩ và giới trí thức ở Mỹ và châu Âu từng ủng hộ Việt Nam trong chiến tranh giờ quay sang ủng hộ cho những người di tản. Vì thế, kết luận của cá nhân tôi là họ dường như không hiểu rõ thực chất vấn đề.

Việt Nam đã hơn một lần là nạn nhân của những mưu đồ quốc tế thâm độc. Chính phủ Việt Nam không trục xuất ai cả, mặc dù có thể ở thời điểm đó, người ta hiểu khác đi. Nhưng tôi biết rằng trong cuộc tháo chạy hỗn loạn, nhiều kỹ sư, giáo sư giỏi mà đất nước rất cần cho công cuộc xây dựng đã ra đi.

Chính phủ Việt Nam đã phạm phải những sai lầm không thể sửa chữa được. Trước tiên là việc đánh giá sai hoặc không thấy trước được sự ủng hộ của quốc tế với người di tản. Thứ hai là việc họ tin tưởng mù quáng sự đoàn kết của thế giới và rồi nhận ra thực tế đã bị bóp méo.

Họ không được giúp gì. Sau rất nhiều thế kỷ chiến tranh, Việt Nam đã thất bại trong một trận chiến lớn của một cuộc chiến ít được biết đến nhưng có sức tàn phá như những gì họ phải chịu. Chiến tranh thông tin.

Phạm Mạnh Hào dịch

TƯ LIỆU

THI VÔ ĐẠT HỔ!

(Thơ không thể giải thích thấu đạt được)

Phương Lưu

Mệnh đề này của Đồng Trọng Thư đời Tây Hán nằm trong toàn câu văn là: “*Thi vô đạt hổ, Dịch vô đạt chiêm, Xuân thu vô đạt từ*” (*Kinh Thi* không thể giải thích thấu đạt, *Kinh Dịch* không đoán hết được, *Kinh Xuân thu* cũng không thể thấu hiểu qua từ ngữ-- *Xuân thu phần lộ*: Tinh hoa). Nói chung các bộ kinh đều là những thư tịch cổ đại lưu lại, nhưng đều khó hiểu hết ý nghĩa. *Kinh Xuân thu*, do bút pháp lời lẽ tế vi mà ý nghĩa to lớn, “lời gần mà ý xa”, cho nên ngôn từ khó thấu đạt. Còn *Kinh Dịch* thì do “Xung danh thì nhỏ, mà khái quát được loại lớn, ý nghĩa sâu xa mà văn vẻ, lời lẽ quanh co mà trúng vào sự việc, sự việc hay mà kín” (*Hệ từ hạ*), cho nên cũng khó giải thích rõ ràng thấu triệt. Song ở đây chỉ đi sâu vào vấn đề vì sao *Kinh Thi* nói riêng, hoặc cả Thơ nói chung không thể giải thích thấu triệt?

Như đã thấy *Thi vô đạt hổ* chẳng qua là một vế trong lời nhận xét chung của một ông trùm Kinh học (môn học chuyên nghiên cứu các kinh) về các bộ kinh cổ đại Trung quốc, nhưng trong đó có *Kinh Thi* là một tác phẩm văn học, cho nên đã trở thành một mệnh đề trong phê bình văn học mà tinh thần của

nó được tiếp nối mãi về sau. Quả vậy đến đời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, Lưu Hiệp nói: “Tri âm khó vậy thay! Cái âm thật là khó biết, người biết thực là khó gặp. Gặp được người tri âm nghìn năm mới có một lần” (*Văn tâm điều long*: Tri âm). Đời Đường, Tư Không Đồ trong *Thư gửi cho Cúc Phốc bàn về thơ* cũng cho rằng ý nghĩa của văn thơ rất khó tìm, không phải chỉ bám vào hình tượng, mà phải “siêu dĩ tượng ngoại” (thoát ra bên ngoài hình tượng). Hay như Tạ Trăn đời Minh cho rằng: “Thi hữu khả giải, bất khả giải, bất tất giải, nhược thủy nguyệt kính hoa, vật nệ kỳ tích khả dã” (Thơ có thể giải thích, lại không thể giải thích, mà hà tất phải giải thích, như ánh trăng đáy nước, bông hoa trong gương, không thể bám vào dấu vết của nó” (*Tứ minh thi thoại*).v.v... Nhưng vì sao như vậy?

Trước hết là vì sự “bất lực” của ngôn ngữ. Thơ văn là bộ môn nghệ thuật duy nhất lấy ngôn từ làm chất liệu, chủ yếu là qua ngôn từ để biểu hiện ý nghĩa. Nhưng không phải đợi đến chủ nghĩa giải cấu trúc của J. Derrida ở phương Tây, mà thời cổ đại ở Trung Quốc đã có biểu hiện hoài nghi bất tín ngôn ngữ. Hàng loạt phát biểu không tin vào ngôn ngữ của Lão Tử rất quen thuộc như những thành ngữ: “Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri” (Người biết không hay nói, người hay nói không biết gì); “Mỹ ngôn bất tín, tín ngôn bất mỹ” (Lời nói đẹp không đáng tin, lời nói đáng tin không đẹp); “Chính ngôn nhược phản” (Nói phải, nói trái như nhau); “Bất ngôn chi giáo” (Dạy dỗ không cần nói).v.v... Kế thừa Lão Tử, Trang Tử khẳng định dứt khoát: “Ý chi sở tùy giả, bất khả dĩ ngôn truyền dã” (Cái chỗ mà ý theo đến không thể truyền lại bằng ngôn ngữ). Thơ lại là một loại nghệ thuật, nghĩa là liên quan đến cái hay đẹp, cái sâu sắc tinh tế, nhưng những điều này không cần đến ngôn ngữ. Trang Tử nói: “Thiên hạ hữu đại mỹ nhi bất ngôn, tứ thời hữu thường pháp nhi bất nghị, vạn vật hữu thành lý nhi bất thuyết” (Thiên hạ có cái đẹp lớn nhưng không cần nói, bốn

mùa có phép tắc nhưng không cần bàn, vạn vật có cái lý kết thành nhưng không cần giảng giải—*Tri bất du*).Nghị (bàn bạc),thuyết(giảng giải) đều bằng ngôn ngữ, cho nên đều không cần thiết ,mà cũng không có khả năng,vì ngôn ngữ chỉ nói được những điều thô thiển mà thôi: “Khả dĩ ngôn luận giả,vật chi thô dã . Khả dĩ ý trí giả,vật chi tinh dã”(Cái có thể lấy ngôn ngữ ra luận bàn là cái thô của sự vật.Còn cái tinh của sự vật thì chỉ có thể dùng ý lĩnh hội mà thôi---*Thu thủy*).Khổng Tử đã từng nói :“ Tam quân khả đoạt soái dã.Thất phu bất khả đoạt chí dã”(Có thể bắt được tướng soái giữa ba quân, Nhưng không thể nào lấy được cái chí dù là của kẻ thất phu—*Luận ngữ*)(1).Như thế cái chí của con người ,nhất là của nhà thơ chắc chắn là cái gì rất tinh tú,tinh hoa thì càng không thể truyền đạt bằng ngôn ngữ được. Cho nên mệnh đề *Thi dĩ ngôn chí* vị tất đã đúng!Tất nhiên,đây mới chỉ là ý kiến của các triết gia, nhưng nhà thi học đích thực như Lưu Hiệp thì lại nói càng sát sườn hơn:”Khi mới cầm bút,cái khí văn còn vượt xa trước lời văn.Đến lúc bài văn làm xong,thì đã bẻ gãy nát một nửa những điều tượng tượng ra khi bắt đầu viết. Sao vậy?Đó là vì khi ý còn ở trong không,thì nó dễ kỳ lạ,nhưng ngôn ngữ thì lại là cái gì rất thực tế nên khó khéo” (*Văn tâm điều long*:Thần tú).Còn chính nhà văn nhà thơ thứ thiệt như Lưu Vũ Tích thì lại càng nhấn mạnh: “Thường hận ngôn ngữ thô thiển.Bất như nhân ý thâm”(Thường bực ngôn ngữ thô thiển,không sâu sắc như ý của con người—*Thị đao hoàn ca*).Như thế là có mâu thuẫn giữa “ngôn” với “ý”.Để giải quyết mâu thuẫn này, *Kinh Dịch* đã có giải pháp “Lập tượng dĩ tận ý” (Dựng nên hình tượng để nói hết được ý),nhưng hằng cú tạm gác vấn đề hình tượng thuộc một khía cạnh khác ,vì đã từng và sẽ còn dịp để cập đến.Nhưng cho dù có đề cập đến, thì chính trong *Kinh Dịch* cũng có nói “Tượng dĩ ngôn trước” có nghĩa là hình tượng trong lĩnh vực thơ văn phải xây dựng

bằng ngôn ngữ,cho nên ở đây có thể chỉ bàn riêng vấn đề mâu thuẫn giữa “ngôn” và “ý” mà thôi.Để giải quyết mâu thuẫn này,các nhà văn nhà thơ đã phải sử dụng các biện pháp mà ngôn ngữ học hiện đại gọi là các phép tu từ chuyển nghĩa như ẩn dụ,hoán dụ.v.v...Nhưng xưa kia người Trung quốc thường nói đến “tình tại từ ngoại,nghĩa sinh văn ngoại” (tình ngoài từ ngữ,nghĩa ngoài lời văn),tức không phải chỉ có nghĩa đen trực diện mà còn có nghĩa bóng được gợi ra và như nhà thi học Lý Ngư đã tổng kết : “ Túc bất nhược ly,cận bất nhược viễn,hòa bàn thác xuất bất nhược sử nhân tượng tượng vu vô cùng” (Bám sát không bằng rời ra,gần không bằng xa,nói toạc ra hết không bằng làm cho người ta tưởng tượng đến vô cùng---*Đáp đồng tịch chư tử*).Như thế, được ngôn từ đan dệt nên,văn bản tác phẩm văn thơ bao giờ cũng có thể mang tính đa nghĩa, mà như Nghiêm Vũ có nói“ngôn hữu tận nhi ý vô cùng” (lời nói có hạn, nhưng ý thì vô cùng).Và Vương Phu Chi khi bình bài thơ *Trường an xuân du* của Dương Cự Nguyên đã đi đến kết luận cực kỳ quan trọng: “ Chỉ bình tự khứ,khả dĩ quảng thông chư tình,Cổ viết **Thi vô đạt chí**” (Cũng chỉ kể bình thường ,mà thông lưu rộng rãi với đủ loại tình cảm,Cho nên có thể nói Thơ không chỉ cốt nói thấu đạt riêng cho chí hướng-- *Đường thi bình tuyển*).Mệnh đề *Thơ vô đạt chí* này của Vương Phu Chi ,trước hết là sự giải đáp đích đáng cho riêng thắc mắc của Đồng Trọng Thư.Sở dĩ không thể giải thích thấu triệt chí hướng trong*Kinh Thi*,vì thật tập thơ vốn không phải chỉ cốt nói thấu triệt chí hướng của các chủ thể sáng tác.Còn đối với mối quan tâm chung của cả giới thi học ,thì quan niệm của Vương Phu Chi cũng gián tiếp nói lên rằng thế giới tình cảm thẩm mỹ trong thơ là vô cùng rộng mở, không bị hạn chế bởi bất kỳ khuynh hướng tâm lý xã hội nào.

Trở lên chỉ mới là xét vấn đề trên bình diện ngôn ngữ của văn bản. Nhưng đúng như Mác nói: “Những sự vật tồn tại mà

không mang tính đối tượng thật ra là những sự vật không tồn tại”(*Bản thảo triết học- kinh tế học 1844*). Sự vật tồn tại đích thực không phải chỉ mang tính bản thể, mà còn mang tính chức năng. Thơ tồn tại vì ai, tất nhiên là cho người đọc. Thơ mà không đến được với bạn đọc, thì như một bức thư không có địa chỉ, vẫn tồn tại đấy nhưng chẳng biết để làm gì, không mấy may có ý nghĩa và tác động nào cả, thì có cũng như không. Phải xét trên bình diện tác động của văn thơ, mới càng thấy rõ thêm tình trạng *Thi vô đạt hĩ*. Bởi vì người đọc tiếp nhận thơ rất khác nhau, vô cùng đa dạng về tầm đón, động cơ và tâm thế. Những điều này rất quen thuộc với phương Tây qua các trường phái Giải thích học, nhất là Mỹ học tiếp nhận. Nhưng vấn đề ở đây là thi học cổ điển Trung hoa đã luận chứng về việc này ra sao?

Ngay trong *Kinh Dịch* đã nói đến tính chủ quan, và từ đó cả tính tương đối trong nhận thức của con người: “Nhân giả kiến chi vị chi nhân. Trí giả kiến chi vị chi trí” (Người có lòng nhân thấy ngay những điều nhân, người có trí thấy ngay được những điều của trí óc—*Hệ từ thượng*). Tiếp lời, Khổng Tử lại phát triển thêm: “Trí giả lạc thủy, nhân giả lạc sơn, trí giả động, nhân giả tĩnh, trí giả lạc, nhân giả thọ” (Người có trí vui với nước, người có lòng nhân vui với núi, người có trí thích động, người có nhân thích tĩnh, người có trí luôn vui vẻ, người có nhân lại sống lâu” (*Luận ngữ*: Ung dã). Vương Sung cũng khái quát: “Không cùng bố mẹ, khác giống sinh ra, tất yếu không giống nhau, mỗi người có điều hay riêng, tự cho đều tốt cả” (*Luận hoành*: Tự kỷ). Cho nên trước một hiện tượng sự vật, con người nhận thức, tỏ thái độ, bộc lộ tình cảm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, là chuyện bình thường, Sách *Hoài Nam Tử* có viết: “Phu tải ai giả văn ca thanh nhi khắp, tải lạc giả kiến khắp giả nhi tiểu. Ai khả lạc giả, tiểu khả ai giả, tải sử nhiên chi” (Người đang buồn, nghe tiếng hát vẫn

khóc, người đang vui thấy kẻ khóc vẫn cứ cười. Buồn trước việc đáng vui, cười trước điều đáng buồn, cũng là tự nhiên vậy—*Tế tục huấn*). Tất cả những ý nói trên đã được nhà thi học Lưu Hiệp vận dụng vào việc thưởng thức phê bình văn thơ: “Tác phẩm văn thơ sở dĩ phức tạp là vì nội dung và hình thức đều đa dạng, người hiểu biết văn thơ thường có cái thích riêng của mình, cho nên không một ai nắm được toàn diện. Những người khảng khái nghe âm thanh hùng tráng thì liền vỗ tay. Những người hàm súc đọc đến những lời chặt chẽ tinh tế thì khoái trá. Những người trí tuệ nông cạn thấy câu văn đẹp thì sững mê. Những người thích cái mới lạ, thì đối với những sự việc quái kỳ lại lắng nghe rất sốt sắng, Cái gì hợp với ý mình thì khen nức nở, cái gì trái ý thì coi thường vứt bỏ ngay. Mỗi người đều chỉ giải thích một khía cạnh mà lại lấy nó để tìm hiểu văn chương là cái biến đổi vạn nơi. Bởi vậy mà đúng như người ta thường nói là quay mặt nhìn về hướng đông thì làm sao mà thấy được bức tường phía tây?” (*Văn tâm điều long*: Tri âm). Vương Phu Chi thì khái quát ngắn gọn: “Tác giả dụng nhất trí chi tứ, độc giả các dĩ ký tình nhi tự đắc” (Tác giả dùng tứ thống nhất, người đọc thì mỗi người tự chọn lấy theo cái tình của mình—*Khuông Trai thi thoại*). Nhưng Đàm Hiến lại khẳng định: “Tác giả dụng tâm vị tất nhiên, nhi độc giả chi dụng tâm hà tất bất nhiên” (Tác giả chưa chắc đã dụng tâm như vậy, nhưng tại sao người đọc lại không thể dụng tâm như vậy

—Tựa *Phục Đường từ lục*)

Sự khác nhau trong tiếp nhận mang màu sắc cá nhân này còn tăng lên bởi sự khác nhau về thời đại giữa tác phẩm và độc giả, bởi vì như Viên Hoảng Đạo có nói; “Duy phu đại hữu thăng giáng, nhi pháp bất tương diên, các cực kỳ biến, các cùng kỳ thú” (Thời thế thăng trầm, phép tắc khác nhau, mỗi loại thay đổi

hết mức,theo những niềm hứng thú rất khác nhau---*Viên Trung Lang toàn tập*).Thẩm Đức Tiềm cũng nói: “Cổ nhân chi ngôn,bao hàm vô tận,hậu nhân độc chi,tùy kỳ tính tình cao hạ,các hữu hội tâm”(Lời nói của người xưa,hàm súc vô cùng, kẻ hậu sinh độc đến, mỗi người sẽ lĩnh hội theo tâm tình cao thấp của mình-*Đường thi biệt tài phạm liệt*) Cảm nhận này hẳn là chân lý,cho nên vẫn được tiếp nối mãi về sau.Đầu thế kỷ XX Lỗ Tấn có nêu ra một thí dụ:“ Người đọc *Hồng lâu mộng* ngày nay,e rằng sẽ tưởng tượng Lâm Đại Ngọc thành một bậc nữ lang rất tân thời,tóc cắt ngắn,an mặc lụa là Ấn độ.thanh mảnh, đơn độc...Nhưng cú thử đem so sánh với các bức tranh trong *Hồng lâu mộng đồ vịnh* xuất bản ba bốn mươi năm về trước sẽ thấy rất khác. Bởi vì những bức tranh đó vẽ Lâm Đại Ngọc trong lòng độc giả thời ấy” (*Toàn tập,t.V*)

Tóm lại,*Thi vô đạt hồ* của Đồng Trọng Thư thật ra vốn có nghĩa cụ thể là *Kinh Thi* rất khó giải thích thấu đạt cái chí hướng của nó,nhưng cũng có thể vận dụng cho Thơ nói chung.Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, thi học cổ điển Trung hoa dần dần đã giải đáp được bằng quan niệm *Thi vô đạt chí*.Có nghĩa là Thơ nói chung,trong đó có *Kinh Thi*,không chỉ biểu đạt chí hướng.Mà cho dù vốn chỉ muốn biểu đạt chí hướng mà thôi,thì vẫn bản được đan dệt bằng ngôn từ của nó cũng khó mà đơn nghĩa,rồi từ đó mỗi người đọc, nhất là ở những thời đại khác nhau,dứt khoát cũng sẽ cảm nhận và lý giải khác nhau.không thể nào nhất trí tận cùng gốc gác được.*Thi vô đạt hồ*,do đó là một hoài nghi sâu sắc, một cảnh báo nghiêm túc trong thi học vậy./.

(1) Chúng tôi ngờ rằng cắt nghĩa câu trong sách *Luận ngữ* như thế chưa thấu đáo. Nhưng khi trao đổi cùng tác giả, GS Phương

Lưu yêu cầu giữ nguyên cách hiểu, cách diễn đạt. Vì vậy, chúng tôi thấy cần ghi chú như sau: Nguyên văn trong Luận ngữ 子曰: 三軍可奪帥也, 匹夫不可奪志也, (phiên âm Khổng tử viết (nói): tam quân khả đoạt soái dã, thất phu bất khả đoạt chí dã) dịch sát nghĩa phải là: (Kể có) một đạo quân (gồm tiền quân, trung quân, hậu quân) có thể đoạt được cờ soái (từ tướng lên soái) nhưng kẻ thất phu (không học, vô học; chữ 匹夫 không bao giờ có nghĩa là “thất thế” cả, chữ thất thế phải là 失勢) thì không bao giờ đoạt được chí. Chữ 奪 (đoạt) có nhiều nghĩa: chiếm đoạt, bắt được; Đoạt sáo Chương Dương độ; đoạt ngai vàng: giành lấy ngôi vua; đoạt khí: làm cho mất vía nhưng trong ngữ cảnh trên đều có nghĩa là đạt được, đạt đến. Vậy ghi chú lại để rộng đường dư luận. BTV